

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chủ nhiệm & biên tập: Thích Nhật Từ

Phó chủ nhiệm: Thích Quảng Tâm

Tủ Sách Đạo Phật Ngày Nay do Thầy Nhật Từ chủ biên bao gồm các Nghi thức tụng niệm thuần Việt và trên 200 đầu sách nghiên cứu và ứng dụng về Phật học, thuộc loại sách gối đầu giường cần thiết cho mọi đối tượng độc giả.

Tủ sách Đạo Phật Ngày Nay đã xuất bản trên 100 CD về Đại tạng kinh Việt Nam và nhiều tác phẩm Phật học dưới dạng MP3. Đây là ấn bản đầu tiên trên thế giới về thể loại này. Tủ Sách đã xuất bản hàng trăm sách nói Phật giáo, CD và VCD tân nhạc, cải lương và tiếng thơ Phật giáo. Ngoài ra còn có hàng ngàn VCD pháp thoại của Thầy Nhật Từ và các vị pháp sư khác về nhiều chủ đề từ gia đình, xã hội đến đạo đức và tâm linh.

Quý tác giả, dịch giả muốn xuất bản sách nghiên cứu và ứng dụng Phật học, quý Phật tử muốn ấn tống kinh sách Phật giáo, các đại lý cần nhận sách phát hành, xin vui lòng liên hệ:

NHÀ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Chùa Giác Ngộ, 92 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP. HCM

ĐT: 0958-430-222; (08) 3839-4121; (08) 3833-5914

www.daophatngaynay.com

www.tusachphathoc.com

TỦ SÁCH ĐẠO PHẬT NGÀY NAY

Tạo luận: BỒ TÁT LONG THỌ

Hán dịch: TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP

Việt dịch: THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Hiệu đính:

Hòa thượng Pháp sư THÍCH THIỆN TRÍ
CƯ SĨ TÂM VIÊN LÊ VĂN LÂM

(Tập 4)

(Từ quyển 61 đến quyển 80)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

MỤC LỤC

Lời tựa	ix
Lời nói đầu	xiii
Quyển 61	1
Phẩm thứ ba mươi chín	3
<i>Tùy Hý</i>	3
Quyển 62	49
Phẩm thứ bốn mươi	51
<i>Chiếu Minh</i>	51
Phẩm thứ bốn mươi một	72
<i>Tín Hủy</i>	72
Quyển 63	85
Phẩm thứ bốn mươi một (tiếp theo)	87
<i>Tín Hủy</i> (tiếp theo)	87
Phẩm thứ bốn mươi hai	102
<i>Thán Tịnh</i>	102
Quyển 64	119
Phẩm thứ bốn mươi hai (tiếp theo)	121
<i>Thán Tịnh</i> (tiếp theo)	121
Phẩm thứ bốn mươi ba	129
<i>Vô Tác</i>	129

Quyển 65	153
Phẩm thứ bốn mươi ba (tiếp theo)	155
<i>Vô Tác</i> (tiếp theo).....	155
Phẩm thứ bốn mươi bốn.....	171
<i>Bách Ba-la-mật</i>	171
Quyển 66	203
Phẩm thứ bốn mươi lăm.....	205
<i>Vấn Trì</i>	205
Quyển 67	231
Phẩm thứ bốn mươi lăm (tiếp theo).....	233
<i>Vấn Trì</i> (tiếp theo).....	233
Quyển 68	261
Phẩm thứ bốn mươi sáu	263
<i>Ma Sư</i>	263
Phẩm thứ bốn mươi bảy.....	282
<i>Lưỡng Bát Hòa Hợp</i>	282
Quyển 69	289
Phẩm thứ bốn mươi bảy (tiếp theo)	291
<i>Lưỡng Bát Hòa Hợp</i> (tiếp theo).....	291
Phẩm thứ bốn mươi tám.....	307
<i>Phật Mẫu</i>	307
Quyển 70	319
Phẩm thứ bốn mươi tám (tiếp theo)	321
<i>Phật Mẫu</i> (tiếp theo).....	321
Phẩm thứ bốn mươi chín.....	333
<i>Vấn Tướng</i>	333
Quyển 71	363
Phẩm thứ năm mươi.....	365
<i>Thành Biện</i>	365
Phẩm thứ năm mươi một.....	376

<i>Thí Dụ</i>	376
Phẩm thứ năm mươi hai	387
<i>Thiện Tri Thức</i>	387
Phẩm thứ năm mươi ba	403
<i>Thú Nhất Thiết Trí</i>	403
Quyển 72	411
Phẩm thứ năm mươi tư	413
<i>Đại Như</i>	413
Quyển 73	453
Phẩm thứ năm mươi lăm.....	455
<i>A Bệ Bạt Trí</i>	455
Phẩm thứ năm mươi sáu	476
<i>Chuyển, Bất chuyển</i>	476
Quyển 74	487
Phẩm thứ năm mươi sáu (tiếp theo)	489
<i>Chuyển, Bất chuyển</i> (tiếp theo).....	489
Phẩm thứ năm mươi bảy	500
<i>Thâm Áo</i>	500
Quyển 75	521
Phẩm thứ năm mươi bảy (tiếp theo)	523
<i>Thâm Áo</i> (tiếp theo)	523
Phẩm thứ năm mươi tám.....	539
<i>Mộng Hành</i>	539
Phẩm thứ năm mươi chín.....	558
<i>Hằng Già Đề Bà</i>	558
Quyển 76	565
Phẩm thứ sáu mươi	567
<i>Học Không, Bất Chứng</i>	567
Phẩm thứ sáu mươi một	580
<i>Mộng Trung Bất Chứng</i>	580

Quyển 77	597
Phẩm thứ sáu mươi một (tiếp theo).....	599
<i>Mộng Trung Bất Chứng</i> (tiếp theo).....	599
Phẩm thứ sáu mươi hai	620
<i>Đồng Học</i>	620
Phẩm thứ sáu mươi ba.....	631
<i>Đẳng Học</i>	631
Quyển 78	649
Phẩm thứ sáu mươi bốn	651
<i>Tịnh Nguyên</i>	651
Phẩm thứ sáu mươi lăm	670
<i>Độ Hư Không</i>	670
Quyển 79	677
Phẩm thứ sáu mươi lăm (tiếp theo)	679
<i>Độ Hư Không</i> (tiếp theo)	679
Phẩm thứ sáu mươi sáu	692
<i>Chúc Luy</i>	692
Quyển 80	711
Phẩm thứ sáu mươi bảy.....	713
<i>Bất Khả Tận</i>	713
Phẩm thứ sáu mươi tám	724
<i>Lục Độ Tương Nhiếp</i>	724



LỜI TỰA

Muôn sự muôn vật đều do sanh sanh mà được hình thành. Thế nhưng cội gốc của sanh sanh lại là vô sanh. Từ vô thi đến nay và mãi mãi về sau, tánh vô sanh ấy vẫn thường bất động. Do duyên khởi biến hóa mà giả danh có các sự các vật. Thật ra, tất cả các sự các vật đều là hư vọng, là không thật có, là vô tự tánh. Phàm phu do chìm đắm trong mê muội, mà khởi vọng chấp cho rằng các sự vật là thật có.

Trong kinh *A Hàm*, Phật dạy rằng: “Các sự thấy nghe hay biết của chúng sanh đều do nhiễm trước nơi cảnh sở duyên mà có”. Chúng sanh do bị Vô minh ngăn che tâm trí, nên khởi sanh các tà kiến chấp, vì vậy mà bị các pháp sai sử.

Chỉ có trí huệ Bát Nhã mới làm tan biến được màn vô minh u ám, mới hiển bày được Thật Tướng của các pháp. Dùng trí huệ Bát Nhã soi chiếu đến tận gốc sẽ liễu ngộ được lý siêu việt chân thường, dẫn đến chỗ tuyệt tư cảnh giới. Trái lại, nếu dùng danh tự ngôn ngữ mà diễn đạt thì sẽ trái với chỗ thâm thâm vi diệu; còn nếu dùng lý trí mà tư duy thì sẽ mất đi chỗ y chỉ.

Ở nơi tam tạng Pháp bảo, hàng Thanh Văn cũng không liễu tri đến chỗ thâm diệu; còn người tạp học thì phải chịu

x • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

thúc thủ chẳng sao bước vào được cửa Không, chỉ ví như cá muốn hóa rồng, phí công mà chẳng sao được như nguyện, đành phơi mang trước cửa Long cung.

Thật may mắn thay! Vào cuối đời chánh pháp có ngài Mã Minh, và vào đời tượng pháp có ngài Long Thọ ra đời hồng dương chánh pháp, chấn chỉnh di phong của Phật, làm sáng tỏ nghĩa kinh, quét sạch đám mây mù đen tối.

Ngài Long Thọ thương xót chúng sanh ở thời tượng pháp và mạt pháp, chẳng có thiện duyên thấu rõ đạo mầu, nên đã thị hiện thân phàm phu, nhằm khai ngộ và dẫn dắt chúng sanh dần dần vào Chánh đạo. Ngài không ngại khó khăn tìm đến tận chốn Long cung sưu tầm huyền chi thậm thâm của đức Thế Tôn. Do có trí huệ thuần thực, nên ngài thấu suốt cùng tột đến chỗ bí ẩn u huyền của những lời thâm diệu. Ngài làm ra bộ Thích luận này để khai ngộ vào Đại thừa Phật pháp, làm quy củ dẫn thẳng vào Thật Tướng các pháp. Nhờ vậy mà các tà hoặc, các vọng kiến đều bị quét sạch.

Ở đầu bộ luận, ngài thành lập các câu hỏi khác nhau, rồi dùng lời lẽ mỹ diệu giải thích rõ ràng. Sau cùng dẫn đến chỗ vô chấp, là chỗ thâm diệu, tận thiện, tận mỹ.

Nếu lời kinh quá súc tích, khó giải, khó hiểu, thì phần luận giải của ngài với lời lẽ khúc chiết, với lối trình bày rõ ràng cặn kẽ, khiến cho người tu học thấu triệt được lý nghĩa thâm sâu vi diệu chứa đựng trong lời dạy của đức Bổn sư, chẳng ai có thể vẩn nạn được nữa.

Những câu hỏi nêu lên, những thí dụ đa dạng và phong phú đã khiến người tu học, muôn đời về sau ngộ được ý chỉ của ngài.

Bộ Thích luận này được ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch ra Hán văn.

Ngài La Thập thông minh xuất chúng, trí huệ tuyệt vời. Ngay từ nhỏ, ngài đã thông suốt kinh điển, thuyết pháp vô ngại. Ngài đọc trường tập này xong, hết lòng tán thán rằng: “Nếu sau này có được những tài năng lỗi lạc, có những luận biện ngôn từ mỹ diệu thì đó chính là nhờ nơi bộ luận này cả. Phải lấy bộ luận này làm gương mẫu, phải bằng vào những lý luận cao siêu ở nơi bộ luận này, mới mong thấy rõ được tâm tôn của đức Thế Tôn.”

Đến đời nhà Tần, niên hiệu Hoảng Thi thứ ba, tháng 12 ngày 20, bộ luận này mới được đem đến đất Trường An.

Mặc dù vua nhà Tần đã hư cấm từ lâu, nhưng ngài La Thập nhờ ngày trước đã được xem tâm tôn của Phật, nên trọn ngày nghiên cứu, không hề mệt mỏi, các lời đối đáp trong toàn bộ luận này. Ngài tự nghĩ rằng: “Lời lẽ trong bộ luận quá thậm thâm, quá vi diệu. Hận mình tâm chẳng thấy rõ được ý chỉ của đấng Luận chủ. Lại tiếc cho Pháp mâu minh mông chưa được trải khắp nơi, ta nguyện quên đi ngu huệ của mình để mạnh dạn làm nghĩa hiệp của Sa môn”. Nghĩ như vậy rồi, ngài mời các bậc công khanh, sĩ khí, khoảng 500 người, nhóm họp ở Vị Tân, cấm túc tại Tiêu Diêu Viên đường ở đất Lâm Giang, cùng xem huyền chương, khảo chính, xét trong bộ luận gốc chữ Phạn có 10 vạn bài kệ, mỗi bài có 32 chữ, cộng thành 320 vạn lời. Nhờ vậy mà Ngài rõ được ý chỉ của bộ luận, thấy chỗ quy về đường thẳng, chẳng còn chướng ngại, vướng mắc gì nữa cả.

Bên Thiên Trúc có chép rằng: “Rót sau thời Chánh pháp có ngài Mã Minh, đầu thời Tượng Pháp có ngài Long Thọ, là những vị luận chủ tuyệt luân trong môn Đạo học. Hai ngài phá sạch hết các tà kiến, hư ngôn, thẳng đường vào thật giáo, chẳng còn bị các tà luận làm trở ngại nữa. Bởi vậy nên ở bên

xii • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Thiên Trúc cũng như ở nhiều nước khác, đã lập miếu tôn thờ hai ngài, lại cho rằng: “Mặt trời trí huệ của Phật đã được hai ngài làm thêm rực rỡ, phá tan hết màn tối tăm u ám, khiến người tu học ngộ được chân thật lý.

Sự đóng góp vào Pháp bảo tạng của hai ngài là công quả của hàng Thập Địa Bồ tát. Hai ngài thật xứng đáng là những vị Bồ tát Bồ xứ vậy.

Bộ luận này được truyền tụng đến Trung Quốc thật quả là điều may mắn. Ngài Pháp sư Cưu Ma La Thập thấy rõ lời văn chữ Phạn quá uẩn khúc, mà người Tần lại thích lối văn giản dị, nếu dịch cho đầy đủ thì phải đến cả 1.000 quyển, nên ngài chỉ lược dịch cô đọng vào 100 quyển mà thôi. Tuy chỉ lược dịch có phần ít, mà đã hiển bày được chỗ thâm thâm vi diệu cao siêu của diệu lý chân thừa.

Nếu dùng bút mà tranh luận, thì trọn đời chẳng sao hết được. Ước mong các bậc cao minh liễu đạt được huyền chi trong bản văn lược dịch này.

Trích bài tựa

Do ngài Trường An Thích Tăng Duệ

Phụng soạn



LỜI NÓI ĐẦU

Bộ *Luận Đại Trí Độ* do ngài Bồ tát Long Thọ tạo tác, nhằm tuyên bày giáo nghĩa thậm thâm vi diệu của Pháp Đại thừa Bát nhã Ba la mật.

Bộ *Luận Đại Trí Độ* này được ngài Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán. Trong thời gian phiên dịch, ngài đã nhóm họp 500 vị thiện hữu tri thức, cắm túc tại Tiêu Diêu Viên Đường, ở Lâm Giang nghiên cứu huyền chương, khảo chánh và lược dịch từ 1.000 quyển, cô đọng lại thành 100 quyển.

Tôi nhận thấy công tác phiên dịch các tạng Pali, Sanskrit, Hán v.v... ra Việt văn, đã được nhiều bậc tôn túc cao minh thực hiện. Thế nhưng cho đến nay bộ *Luận Đại Trí Độ* này chưa được phiên dịch ra Việt văn.

Bởi nhân duyên ấy, cho nên dù tuổi già sức yếu, tôi cũng xin nguyện đóng góp vào công tác phiên dịch, và mạnh dạn dịch bộ luận này từ Hán văn ra Việt văn, nhằm đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu và học hỏi của hàng Tăng Ni và Phật tử.

Bát nhã Ba la mật nghĩa quá thậm thâm vi diệu, chẳng có thể dùng văn tự ngôn ngữ mà diễn đạt được. Do vậy nên công tác phiên dịch vô cùng khó khăn, chẳng sao tránh khỏi

xiv • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

những điều sai sót. Kính mong các bậc Tôn Túc cao minh hoan hỷ chỉ giáo cho.

Vì muốn cho lời văn trong bản dịch được phù hợp với lời hành văn hiện đại, nên tôi đã nhờ Thượng tọa Thích Thiện Trí và cư sĩ Tâm Viên Lê Văn Lâm giúp tôi trong việc nhuận bút và biên tập.

Sau gần trọn 5 năm làm việc liên tục, bộ *Luận Đại Trí Độ* này mới được hoàn tất.

Bằng tinh tín tâm lực, tôi xin nguyện đem công đức phiên dịch này hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật Đạo.

Nam mô Viên Mãn Tạng Bồ tát Ma ha tát

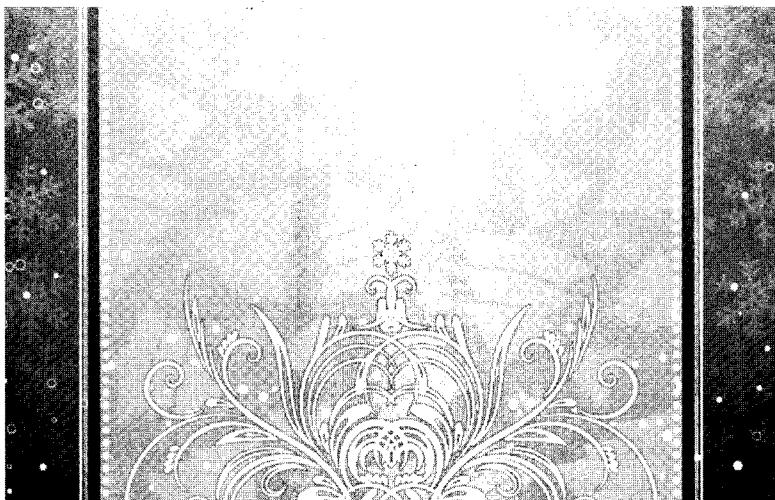
Mùa an cư Đỉnh Mão (PL. 2531)

Tỷ kheo ni THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG

Chùa Hồng Ân - Huế



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 61



Phẩm Thứ Ba Mười Chín



Tùy Hỷ

KINH:

Lúc bảy giờ, ngài Bồ tát Di Lạc nói với ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Bồ tát dụng vô sở đắc mà tùy hỷ phước đức, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu đem so sánh với sự tùy hỷ phước đức của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thì sự tùy hỷ và phước đức của Bồ tát là tối thắng, là tối diệu, là vô đẳng đẳng.

Vì sao?

Vì hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, cùng các chúng sanh cũng có tùy hỷ phước đức bố thí, trì giới, thiền định v.v..., nhưng sự tùy hỷ đó chỉ nhằm để tự điều, tự tịnh, tự độ. Do vậy mà hành trì 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, hành trì các tam muội “không, vô tướng và vô tác”.

Còn Bồ Tát tùy hỷ công đức là vì Vô Thượng Bồ Đề; đem công đức này để điều phục hết thảy chúng sanh, thanh tịnh hết thảy chúng sanh, cứu độ hết thảy chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bạch Đại Sĩ! Chư vị đại Bồ tát thường niệm chư Phật khắp 10 phương, trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thế giới, trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ Phật quốc, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Du Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận. Trong khoảng giữa đó có vô lượng vô biên người tu thiện hạnh; có hàng Thanh

Văn tu 6 pháp Ba-la-mật; có hàng Hữu học và hàng vô học tu các vô lậu thiện căn; lại có chư Phật thuyết giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng, Nhất thiết chủng trí, đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Từ các Phật pháp này, có vô lượng chúng sanh được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, nhập Bồ Tát vị; lại có vô lượng chúng sanh khác gieo trồng được các thiện căn.

Nếu hòa hợp được hết thấy các công đức đó, rồi tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì mới thật là tùy hỷ tối thượng, tùy hỷ tối diệu, tùy hỷ vô đẳng đẳng vậy.

Bạch Đại Sĩ! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào hành Bồ tát đạo, hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà còn nghĩ rằng ta có tâm hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, còn chấp tướng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Ý Ngài nghĩ sao? Tưởng niệm như vậy có được chăng?

Ngài Di Lặc đáp: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo, hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà còn chấp tâm hồi hướng là còn có tâm duyên sự, nên chẳng đạt đến chỗ “như niệm” được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bạch Đại Sĩ! Các duyên, các sự đều là vô sở hữu. Nếu hành Bồ tát đạo, mà còn chấp tâm, chấp tướng thì chẳng sao đạt đến chỗ “như niệm” được.

Người hành Bồ tát đạo phải hòa hợp hết thấy các thiện căn của 10 phương chư Phật, từ sơ phát tâm... dẫn đến thời kỳ pháp tận, các thiện căn của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, các thiện căn của hàng hữu học và vô học. Bồ tát hòa hợp như vậy rồi, lại đem hết thấy các thiện căn công đức đó để tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Tùy hỷ hồi hướng như vậy mà chẳng có chấp tâm

hồi hướng, chẳng có chấp tướng hồi hướng, thì mới thật là chẳng có điên đảo.

Vì sao? Vì nếu vô thường mà tướng là thường, khổ mà tướng là lạc, vô ngã mà tướng là ngã, bất tịnh mà tướng là tịnh..., thì gọi là tướng điên đảo. Tướng điên đảo sẽ dẫn đến tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Với tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo như vậy, thì duyên hồi hướng, sự hồi hướng... dẫn đến tâm hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là điên đảo. Tất cả 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Nếu đã như vậy, thì có gì đâu để gọi là “duyên”, để gọi là “sự”, để gọi là “thiện căn”... dẫn đến có gì đâu để gọi là “tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề” nữa.

LUẬN:

Trước đây, Phật đã dạy ngài Tu Bồ Đề thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, và ngài Thích Đề Hoàn Nhơn cũng đã có hỏi nhiều, nói nhiều về các công đức sự.

Nay ở phần này, ngài Di Lạc muốn tùy thuận bổ sung thêm, nên đã nhờ ngài Tu Bồ Đề giải rộng thêm về sự tùy hỷ công đức đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, vị Đế Thích cũng như chư Thiên, sau khi nghe tán thán công đức cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, liền đem hương hoa, tràng phan, bảo cái... để cúng dường, tự lấy làm hoan hỷ là đã cúng dường Bát nhã Ba-la-mật bằng những vật quý ở cõi Trời, mà hàng xuất gia chẳng sao có thể có được. Ngài Di Lạc biết rõ tâm niệm của vị Đế Thích và của chư thiên như vậy, lại muốn phá sự chấp tướng bỏ thí đó, nên ngài đã nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Bồ tát chỉ dụng tâm

6 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

tùy hỷ là đã thù thắng hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật và hết thấy chúng sanh rồi. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật dù bố thí vô lậu công đức cũng chẳng sao sánh kịp, huống nữa chư thiên đem hương hoa, tràng phan, bảo cái... cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bồ tát tùy hỷ công đức chỉ dùng các lực phương tiện trí huệ làm công đức, mà chẳng dùng thân nghiệp và khẩu nghiệp làm công đức vậy.

Bồ tát, khi thấy người tu phước, liền tùy thuận hoan hỷ, và tự niệm rằng: Tu phước đối với chúng sanh là phương tiện hành đạo rất thù thắng. Nếu chẳng có tu các phước đức sự, thì người và các loài súc sanh đều đồng nhau ở nơi dâm dục, ăn uống và đấu tranh. Ở thế gian, những người hành chánh đạo và những người tu phước được mọi người thương mến, tôn trọng.

Ví như vào những đêm trăng sáng, mát mẻ, mọi người đều cảm thấy dễ chịu, khoái khoái. Cũng như vậy, người tu phước tự cảm thấy hoan hỷ, khinh an.

-o0o-

Nên biết có 2 loại phước đức. Đó là:

-Phước đức thế gian.

-Phước đức xuất thế gian

Các pháp vô lậu xuất thế gian, tuy chẳng hiện “phước tướng”, nhưng lại thường dẫn sanh các phước đức. Do vậy mà trong kinh nói đến phước đức hữu lậu và phước đức vô lậu.

Lại cũng nên biết thật hành đầy đủ phước đức, cũng là bản nguyện của Bồ tát. Hết thấy các bậc Thánh đều tán thán

và kính ngưỡng người hành đầy đủ các phước đức, chỉ có kẻ vô trí mới chê bai, khinh dễ mà thôi.

Các bậc đại trí đã viễn ly các hành xứ, nên được phước đức thù thắng, vô lượng. Do vậy mà các ngài mới tùy duyên ứng hiện, hoặc làm Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Thiên Vương, hoặc làm A-la-hán, Bích Chi Phật... để hóa độ chúng sanh.

Lại nữa, chư Phật đã đầy đủ đại từ, đại bi, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, Nhất thiết chủng trí, đã được tự tại, vô ngại... Tất cả đều từ phước đức sanh ra cả.

Như vậy, nếu có được đầy đủ phước đức là có đầy đủ chính kiến; và có đầy đủ chánh kiến rồi, mới sanh tâm tùy hỷ.

Bồ tát tùy hỷ phước đức, tự niệm rằng: Ta phải ban vui cho hết thấy chúng sanh; khi thấy chúng sanh hành phước đức, ta phải sanh tâm tùy hỷ, khi thấy chúng sanh hành các thiện pháp, ta phải xem chúng sanh đó đồng sự với ta, tương tợ như ta, là pháp hữu của ta. Do vậy mà ta phải sanh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, cũng nên biết chư Phật, chư Bồ tát, chư Văn Thanh cùng các chúng sanh hành các thiện pháp như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định... đều dẫn xuất từ phước đức cả.

Bồ tát tùy hỷ các phước đức như vậy, rồi đem công đức tùy hỷ đó, để cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng trú, chẳng đắc.

Lại nữa, Bồ tát, vì hết thấy chúng sanh, bố thí hết thấy các quả phước báo, nên được vô lượng phước đức, được cúng dường đầy đủ. Tuy được cúng dường đầy đủ như vậy, mà Bồ tát lại chẳng sanh tâm chấp đắm. Bồ tát dùng các tài vật cúng dường để làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

8 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Bồ tát, vì chúng sanh, thuyết pháp, khiến họ tu tập được 10 thiện căn, 4 thiền, 4 vô lượng tâm v.v..., khiến họ được lợi ích ở đời này và cả ở đời sau, và dần dần vào được Phật đạo. Bồ tát dùng các phước đức để thanh tịnh các nghiệp “thân, khẩu”, nên được đầu đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, vô lượng quang minh, khiến chúng sanh nhìn thấy chẳng có nhầm chán.

Lại nữa, Bồ tát có vô lượng “phạm âm” hoà nhã, thanh tịnh, và ở trong Phật pháp thường được vô ngại giải thoát.

Bồ tát thị hiện 3 pháp sự. Đó là:

- Độ vô lượng chúng sanh.
- Thị hiện nhập Niết bàn.
- Lưu bố xá lợi lại ở thế gian, sau khi nhập Niết bàn.

Bồ tát đem tất cả các phước đức, để cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nhằm gieo trồng căn lành nơi chúng sanh, dẫn dắt họ vào Phật đạo.

Bởi nhân duyên vậy, nên từ sơ phát tâm... dẫn đến khi thành đạo, Phật đã thành tựu vô lượng phước đức, và đã cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Phật tùy hỷ hồi hướng như vậy với tâm bất động, vô sở sắc. Thế nhưng, Phật vẫn thường tùy thuận tâm chúng sanh, dùng các lực phương tiện hành các thiện pháp, làm lợi ích cho chúng sanh.

-o0o-

Như trước đây đã nói: Nếu đem so sánh các phước đức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định v.v... của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì sự tùy hỷ phước đức của

Bồ tát thù thắng hơn rất nhiều. Vì sao? Vì hàng Nhị thừa hành các phước đức sự, chỉ nhằm để tự điều, tự tịnh và tự độ.

Ví như:

- Trì giới là tự điều; tu thiền định là tự tịnh; tu trí huệ là tự độ.

- Hành chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là tự điều, hành chánh nghiệp, chánh định là tự tịnh.

- Do nhân duyên bố thí, mà tự điều, do nhân duyên trì giới, mà tự tịnh, do nhân duyên tu thiền định, mà tự độ.

Nên biết rằng tu 37 Phẩm Trợ Đạo, 3 giải thoát môn, tu bố thí, trì giới... dẫn đến thiền định dẫn đường vào vô lậu pháp, nhưng các pháp môn tu đó vẫn còn xa vô lậu pháp.

Vì còn xa vô lậu pháp, nên hành giả chưa có thể liễu thông được sự tùy hỷ phước đức của Bồ tát.

Bồ tát dù chẳng hao công, phí sức trong việc tự điều, tự tịnh, tự độ, nhưng do nguyện lực muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, mà sự tùy hỷ phước đức của Bồ tát thù thắng hơn cả.

Hỏi: *Nếu thật chẳng độ chúng sanh, thì vì sao lại nói do muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, mà sự tùy hỷ phước đức của Bồ tát là thù thắng hơn cả.*

Đáp: Chư Phật và chư đại Bồ tát đều có các công đức lực, độ thoát hết thảy chúng sanh. Sở dĩ có chúng sanh chưa được độ, vì họ chưa hội đủ nhân duyên để được độ vậy.

Ví như lửa có công năng thiêu đốt củi. Thế nhưng nếu chẳng tác duyên cho lửa ở gần bên củi, thì lửa chẳng sao thiêu đốt được củi. Trái lại, nếu để củi cạnh lửa, thì củi liền bén lửa và bốc cháy.

10 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

Ngài Tu Bồ Đề dùng “cứu cánh không trí huệ” hỏi ngài Di Lặc rằng: Niệm phước đức của chư Phật và tùy hỷ hồi hướng các phước đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề đều là niệm các sự việc quá khứ. Chỗ niệm như vậy có được chăng?

Ngài Di Lặc, y vào 2 duyên pháp, đáp “chẳng phải vậy”. Đó là:

- Vì các đức Phật quá khứ đã diệt độ trải qua vô lượng kiếp. Nếu Bồ tát chưa có “túc mạng thông trí”, hay chưa có đầy đủ “túc mạng thông trí”, thì chẳng thể nào thấu suốt được. Vì sao? Vì nếu chỉ nương vào chỗ được nghe, nhớ tưởng chỗ phân biệt trong kinh, thì chẳng sao đạt đến chỗ “như niệm” được.

- Vì công đức của chư Phật chẳng thể suy lường được. Công đức của chư Phật vượt ra khỏi 3 cõi, vượt ra khỏi 3 đời, là rốt ráo không, là tịch diệt tướng Niết bàn vậy.

- Bởi vậy nên phân biệt công đức của chư Phật và chư đại đệ tử của chư Phật, rồi dùng tâm tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề là chẳng thật có vậy. Cho nên nói sự tùy hỷ hồi hướng như vậy là rốt ráo không, là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu chẳng có pháp sự hiện hành, mà chỉ có ức niệm phân biệt, thì là điên đảo tướng. Nếu có pháp sự, thì pháp sự đó cũng là rốt ráo không. Bởi vậy nên thanh tịnh ức niệm cũng như công đức của chư Phật quá khứ đều là rốt ráo không, đều là vô phân biệt. Đã là rốt ráo không, là vô phân biệt, thì làm sao mà tùy hỷ được?

Ngài Di Lặc đáp: Chư Bồ tát dụng duyên như vậy, sự như vậy, để tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thủ chấp sự hồi hướng. Đây mới thật là chân hồi hướng.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Bồ tát ức niệm chư Phật quá khứ đã diệt độ trải qua vô lượng kiếp. Như vậy là Bồ tát đã phát khởi từ hỷ phước đức nơi phước điền vô thượng của chư Phật.

Bởi vậy nên, khi niệm Phật, khi nghe một danh hiệu của một vị Phật quá khứ nào, là phải y nơi đó mà rộng niệm hết thấy chư Phật quá khứ. Vì sao? Vì từ khi sơ phát tâm, chư Phật đã phát thệ nguyện rộng độ hết thấy chúng sanh. Khi niệm như vậy, thì tâm sẽ tương ứng với 3 thiện căn “vô tham, vô sân và vô si”. Nhờ vậy mà tinh tấn hành các thiện pháp, dẫn đến được các nghiệp “thân và khẩu” thanh tịnh, hoà hợp với các thiện pháp. Đây mới là thanh tịnh phước đức.

Lại nữa, Bồ tát từ sơ phát đã hành 6 pháp Ba-la-mật, nên khi vào Bồ tát vị, khi được đầy đủ 10 địa, khi tọa đạo tràng, và mãi cho đến khi nhập Vô Dư Niết bàn, vẫn thường tu phước đức hoà hợp với Phật đạo. Sau khi nhập Niết bàn, lại còn lưu bố xá lợi cho các hàng trời, người cung kính, cúng dường.

Phước đức này, ở nơi tự thân của Bồ tát, tương ứng với 6 Ba-la-mật, nên các thiện pháp mà Bồ tát hành đều tương ứng với 6 Ba-la-mật cả.

-oOo-

Các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật tu bố thí, trì giới... dẫn đến tu thiền định chỉ được các công đức sau đây:

- Hoặc được lậu tận, trở thành bậc “vô học”.
- Hoặc được đạo mà chưa được lậu tận, trở thành bậc “hữu học”.

Hàng “vô học” có phước đức thù thắng hơn hàng “hữu học”. Vì sao? Vì hàng “vô học” có đầy đủ tướng tốt trang

nghiêm và đầy đủ thiện căn công đức; còn hàng “hữu học” có đầy đủ tướng tốt trang nghiêm, mà chưa có được đầy đủ thiện căn công đức. Lại nữa, hàng “vô học” có đại từ, đại bi theo như nghĩa trong Đại thừa pháp.

--oOo--

Như trước đây đã nói: Chư Phật thuyết pháp, khiến những ai y theo đó mà tu hành, thì sẽ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến vào Bồ tát vị. Lại nữa, sau khi Phật diệt độ, thì giáo pháp của Phật vẫn còn lưu truyền lại đời sau, dạy cho chúng sanh trông được căn lành Đại thừa nhằm dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

Lại nữa, khi Phật còn trụ thế, thì giáo pháp của Phật được truyền dạy cho các hàng trời, người... dẫn đến cho các loài súc sanh, tạo nhân duyên để họ gieo trồng phước đức. Bởi vậy nên tu phước đức mà phát tâm khắp duyên hết thảy chúng sanh chánh ức niệm, nhất tâm cầu Phật đạo, và tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, thì sự tùy hỷ đó mới thật là tối thượng, là tối diệu, là vô đẳng đẳng.

Hỏi: Vì sao người cầu Phật đạo chẳng đem công đức của mình để hồi hướng, mà chỉ đem tâm tùy hỷ phước đức để hồi hướng?

Đáp: Chư Bồ tát dùng các lực phương tiện dạy chúng sanh tinh tấn tu phước đức, và cũng dạy chúng sanh phát tâm tùy hỷ phước đức. Vì sao? Vì tùy hỷ phước đức thù thắng hơn tự mình tu phước đức. Ví như niệm Phật quá khứ cũng tức là niệm “Phật tam muội”, nhiếp cả 6 niệm, gồm “niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm xả, niệm giới và niệm Thiên”.

Do thanh tịnh hạnh như vậy mà vào được các thiện định, khởi sanh trí huệ, được “chánh tùy hỷ”... dẫn đến thật hành

được chánh pháp. Vì sao? Vì dụng tâm tùy hỷ hồi hướng tức là dụng tâm duyên hết thấy chúng sanh, duyên hết thấy chư Hiền Thánh, chư Bồ tát cùng chư Phật vậy.

Người tu hành phải dụng tâm duyên như vậy để làm căn bản cho sự tu phước đức. Chẳng những dụng tâm duyên vậy, mà tự thân cũng phải hành các công đức sự.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Bồ tát Di Lặc rằng: Nếu có thiện nam, thiện nữ hành Bồ tát đạo, mà còn nghĩ là mình có tâm hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, còn chấp có tướng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì chỗ niệm như vậy có được chăng?

Ngài Bồ tát Di Lặc đáp: Niệm như vậy chẳng thể nào đạt đến chỗ “như niệm” được.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu chấp có “duyên”, có “sự”, thì liền bị rơi vào 4 điên đảo.

4 tướng điên đảo đó là: Vô Thường mà tướng là thường; khổ mà tướng là lạc; vô ngã mà tướng là ngã; bất tịnh mà tướng là tịnh.

Hỏi: *Người mới nhập đạo, tuy tâm chẳng phải là điên đảo, nhưng thường khởi tướng điên đảo, nên thấy các tướng điên đảo. Như vậy, khi người này đã rõ được các Đế rồi, thì có đoạn được các tướng điên đảo chăng?*

Đáp: Tướng điên đảo khi sanh khởi khác với khi đoạn diệt. Vì sao? Vì khi sanh tướng điên đảo, thì các pháp tướng cũng điên đảo. Thế nhưng, khi đã liễu ngộ được các Đế rồi, thì chẳng còn tướng điên đảo. Vì vậy, chẳng còn thấy các pháp tướng điên đảo nữa. Đây gọi là “kiến đế sở đoạn”.

Hàng “hữu học”, do chưa ly dục, nên còn khởi các kiết sử; lại do chưa đầy đủ chánh ức niệm, nên còn ức niệm, suy nghĩ phải thủ lấy tịnh tướng. Thế nhưng khi đầy đủ chánh ức niệm rồi, thì các ức niệm điên đảo cùng các kiết sử liền bị tiêu diệt.

Trong kinh có nêu dụ về một giọt nước rơi vào đám lửa lớn tức thì bị huỷ diệt, Cũng như vậy, khi đã có được chánh ức niệm, đã vào được thật tướng pháp rồi, thì biết rõ các pháp đều là giả danh, đều chẳng thật có khiến các tướng điên đảo liền bị huỷ diệt.

Lại nữa, vì các “duyên”, các “sự” đều là rốt ráo không, nên “niệm khởi” cũng là rốt ráo không, Đản Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là rốt ráo không, đều chỉ là 1 tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng).

Bởi vậy nên nói chẳng có gì để gọi là “duyên”, chẳng có gì để gọi là “sự”... dẫn đến chẳng có gì để gọi là “hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề” cả.

-o0o-

KINH:

Ngài Di Lặc nói: Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Nếu có vị Bồ tát nào đã từ lâu tu tập 6 pháp Ba-la-mật, cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, gần gũi thiện tri thức, khéo tu học pháp tướng không, thì phải biết vị Bồ tát đó đã ở nơi các duyên, nơi các sự, nơi các thiện căn như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật về Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng chấp tướng hồi hướng. Vì sao? Vì tùy hỷ hồi hướng chẳng phải là “nhị pháp” cũng chẳng phải là “bất nhị pháp”, chẳng phải có tướng cũng

phải chẳng chẳng có tướng, chẳng phải “khả đắc” cũng chẳng phải “bất khả đắc”, chẳng phải cấu cũng chẳng phải tịnh, chẳng có sanh cũng chẳng có diệt.

Đây mới thật là chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu có vị Bồ tát nào tu tập 6 pháp Ba-la-mật chẳng được bao lâu, chẳng thường cúng dường chư Phật, chẳng thường gieo trồng thiện căn, chẳng thường gần gũi thiện tri thức, chẳng khéo tu học pháp tướng không, thì phải biết Bồ tát đó đã ở nơi các duyên, nơi các sự, nơi các thiện căn như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng phước đức của chư Phật về Vô Thượng Bồ Đề, rồi lại chấp lấy tướng hồi hướng.

Đây chẳng phải là chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến nghĩa của Nhất thiết chủng trí, nghĩa của nội không... dẫn đến nghĩa của vô pháp hữu pháp không là như vậy đó. Chớ nên vì hàng tân học Bồ tát, giải nói cho họ nghe. Vì sao? Vì các Bồ tát sơ phát tâm chưa có nhiều trí huệ. Nếu giải nói cho họ nghe như vậy, họ sẽ mất lòng tôn kính diệu pháp, và đồng thời tín tâm thanh tịnh vừa mới phát khởi nơi họ sẽ bị sút giảm.

Còn đối với các Bồ tát bất thối chuyển, các Bồ tát thường được các bậc thiện tri thức hộ trì, các Bồ tát đã từ lâu cúng dường chư Phật, thì phải nên vì họ giải nói nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nghĩa của Nhất thiết chủng trí như vậy, nghĩa của nội không... dẫn đến của vô pháp hữu pháp không như vậy. Vì sao? Vì các Bồ tát này nghe nghĩa như vậy, mà vẫn giữ được tâm an định, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào nghe nghĩa như vậy, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ phước đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát dụng tâm tùy hỷ, mà tâm đó chính là tâm tận diệt, tận biến tận ly. Dẫn đến các duyên, các sự, các thiện căn, cũng như vậy. Cho nên là chẳng có gì để gọi là “duyên”, chẳng có gì để gọi là “sự”, chẳng có gì để gọi là “thiện căn”, chẳng có gì để gọi là “tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề” nữa.

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng chẳng phải là hai tâm chung khởi, thì tâm tánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề là bất khả đắc vậy. Như vậy làm sao Bồ tát có thể dùng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề được?

Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu; biết rõ Đàn Ba-la-mật dẫn đến thiền Ba-la-mật là vô sở hữu; biết rõ 5 ấm... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là vô sở hữu, thì mới có được “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

LUẬN:

Hành trì đúng theo chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hoại các pháp tướng, rồi tùy hỷ phước đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, là việc khó làm, khiến hàng phàm phu chẳng sao kham nhận được. Bởi vậy nên ngài Di Lặc nói rằng: Phải là người đã từ lâu tu tập 6 pháp Ba-la-mật, đã được công đức sâu dày, mới có được tâm an định hành trì như vậy. Thiện nam, thiện nữ hành trì được như vậy phải là người đã nhiều đời cúng dường chư Phật, đã huân tập các thiện căn, đã chứa nhóm vô lượng vô biên công đức, đã dẹp sạch kiết sử, đã được tâm nhu nhuyễn, đã thân cận gần gũi

thiện tri thức, đã có đầy đủ phương tiện lực, đã tu tập các pháp không, mà chẳng chấp không. Do được vô lượng vô biên công đức như vậy, nên ở nơi “vô tướng pháp”, mà phát tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như sắt cứng rắn, nhưng nếu bỏ vào lò nung, thì cũng trở thành mềm, khiến người thợ rèn có thể làm ra đủ thứ dao, kéo, cùng các dụng cụ khác, tùy theo ý muốn.

Cũng như vậy, do từ lâu tu tập 6 pháp Ba-la-mật, lại nhờ được sự hộ trì của các bậc thiện tri thức, nên Bồ tát được tâm nhu nhuyễn, khiến ở nơi các duyên, các sự, các thiện căn, cũng như ở nơi phước đức của chư Phật quá khứ, đều chẳng chấp thủ. Do vậy mà Bồ tát vẫn thường khởi tâm tùy hỷ, dụng vô tướng pháp, hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Dụng “vô tướng pháp” có nghĩa là chẳng dùng “nhị pháp” cũng chẳng dùng “bất nhị pháp”... dẫn đến chẳng dùng “sanh pháp” cũng chẳng dùng “diệt pháp”.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Nếu trái lại, thì chẳng phải là chánh tùy hỷ hồi hướng.

Ngài Di Lặc biết rõ ngài Tu Bồ Đề thường thuyết pháp không, nên mới nói nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Thế nhưng, đối với hàng tân học Bồ tát, chớ nên vội nói như vậy. Vì sao? Vì hàng tân học Bồ tát, do chưa có được đầy đủ phước đức, chưa có thiện căn sâu dày, nếu nghe nói các pháp rốt ráo không, thì liền khởi chấp “không”, và tự nghĩ rằng: Nếu các pháp là rốt ráo không, là vô sở hữu, thì chẳng có pháp gì để huân tu cả.

Do nghĩ như vậy, mà các tân phát tâm Bồ tát mất dần chùng thiện căn, giải đãi trong việc tu tập.

Bởi vậy nên đối với những người tu tập Bồ tát đạo, thì

18 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

phải dạy họ thực tập dần dần sự tùy hỷ hồi hướng các phước đức thiện căn. Khi họ được đầy đủ tâm tận diệt, tận biên, tận ly rồi, thì mới dạy họ dụng “vô tướng tâm pháp” mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như con chim chưa có đầy đủ lông cánh, chẳng nên tung nó lên cao. Khi nó có đầy đủ lông cánh rồi, thì mới có thể bay xa được.

-o0o-

Đối với hạng Bồ tát bất thối chuyển, mới nên nói nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến nghĩa của Nhất thiết chủng trí, nghĩa của nội không... dẫn đến nghĩa của vô pháp hữu pháp không như vậy.

Ngoài ra, đối với 2 hạng người sau đây, cũng nên vì họ nói các nghĩa như trên. Đó là:

- Hạng người thường được các thiện tri thức giáo thọ và hộ trì.

- Hạng người đã từ lâu cúng dường chư Phật, đã có nội phước đức ngoại nhân duyên đầy đủ, nên dù chưa được bất thối chuyển, cũng đã thường tín, thường hành.

Ví như người đang khát được uống, đang đói được ăn, đang đi ngoài nắng gặp cơn gió mát mẻ, đang lạnh được nắng sưởi ấm... liền sanh tâm hoan hỷ. Cũng như vậy, các hạng người nêu trên đây, khi được nghe pháp nghĩa vậy, liền sanh tín tâm thanh tịnh.

Lại nữa, khi đã rõ được pháp nghĩa như trên là vào được “vô tướng trí huệ”, nên chư vị ấy tự niệm rằng: Được “vô tướng trí huệ” ta sẽ có đầy đủ các lực phương tiện để cứu độ vô lượng chúng sanh. Do nghĩ như vậy, mà chư vị ấy chẳng

có kinh, chẳng có hãi, chẳng có sợ. Vì sao? Vì do nơi tâm thức chấp ngã mà khởi sanh có tướng sợ hãi; nay biết rõ các pháp đều chẳng thật có, đều là vô tướng, thì chẳng còn chấp ngã và ngã sở, nên chẳng còn sợ hãi nữa.

Trái lại, phàm phu, do chấp tâm, chấp tướng, nên vừa nghe nói các pháp là “vô tướng”, thì liền sanh tâm sợ hãi.

--oOo--

Sau khi đã nói rõ về nghĩa tùy hỷ hồi hướng, ngài Di Lặc nói rộng thêm rằng: Bồ tát dụng tâm tùy hỷ hồi hướng, mà tâm đó chính là tâm tận diệt, tận biến, tận ly; tâm đó chẳng có trú xứ, chẳng có trú thời. Các duyên, các sự, các thiện căn, các phước đức của chư Phật quá khứ... dẫn đến tâm tùy hỷ hồi hướng cũng là như vậy.

Thế nên “tâm tùy hỷ hồi hướng” đã diệt từ lâu, vừa mới diệt hay sắp diệt cũng chẳng có gì sai khác nhau cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên kinh dạy: Tâm tùy hỷ hồi hướng, tận diệt, tận biến, tận ly. Các duyên, các sự, các thiện căn... cũng đều là như vậy cả.

Liễu thông được nghĩa ấy là và được thật tướng pháp, chẳng còn có vọng khởi phân biệt giữa duyên và sự, giữa tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng nữa. Đây mới là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, ở 1 thời (nhất thời) chẳng có 2 tâm chung khởi, chẳng có 2 tâm hoà hợp; có tâm tùy hỷ, thì chẳng có tâm hồi hướng, và ngược lại, Cho nên phải biết rõ rằng hết thảy các tâm tướng đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc cả.

Bồ tát dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng chấp tâm hồi hướng, chẳng chấp tướng hồi hướng. Vì

sao? Vì Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là định pháp. Bát nhã Ba-la-mật đã chẳng phải là định pháp, thì hết thấy các pháp, từ 5 âm... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là như vậy cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát mới đoạn được các pháp ái, xả được các chấp, vào được nơi thật tướng pháp; ở nơi “vô tướng pháp”, mà dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Đây mới là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa đại đức! Vì sao cũng có Bồ tát sơ phát tâm, nghe theo nghĩa này, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ? Vì sao cũng có Bồ tát phát tâm tùy hỷ phước đức hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu có Bồ tát sơ phát tâm nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thọ Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết vị Bồ tát này đã thâm tín, đã liễu nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; đã thâm tín, đã liễu giải 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Vị Bồ tát này đã thường thân cận các thiện tri thức; đã được các thiện tri thức giáo thọ, khai thị và phân biệt rõ nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật, khiến trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, dần dần vào được pháp vị; lại được các thiện tri thức giáo thọ, khai thị và phân biệt rõ về các ma sự, khiến đối trước các ma sự, tâm chẳng hề lay động. Vì sao? Vì Bồ tát này chẳng thọ hết thấy pháp.

Bồ tát này cũng thường chẳng ly các đức Phật... dẫn đến vào được Bồ tát vị; ở nơi đây mà gieo trồng các thiện căn. Do có được các thiện căn như vậy, mà được sanh vào “nhà Bồ tát”... dẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng bao giờ bỏ gieo trồng thiện căn.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Dù là sơ phát tâm, nhưng trong quá khứ, vị Bồ tát này đã thường thân cận, cúng dường chư Phật khắp 10 phương, đã dứt đường sanh tử đã đoạn các hý luận, đã bỏ hẳn gánh nặng thế gian, đã dứt trừ các kiết sử hữu lậu, đã được chánh tri giải thoát. Vị Bồ tát này cùng các đệ tử cũng đã tu tập công đức hoặc đã ở trong các đại gia, đại tộc, hoặc đã ở các cõi Trời, từ cõi Trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi Trời Tịnh Cư Thiên. Như vậy là ở trong quá khứ, vị Bồ tát này đã hòa hợp các công đức xứng với Bồ tát hạnh, đã dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng đẳng, mà hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề rồi vậy.

Ngài Di Lặc nêu câu hỏi: Thưa Ngài Tu Bồ Đề! Nếu chỉ mới là sơ phát tâm, mà niệm chư Phật, niệm chư đệ tử Phật, niệm các thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng đẳng, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao tránh khỏi đọa về điên tướng đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đại Sĩ! Nếu Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, mà chẳng có khởi tướng về Phật, về Pháp, về Tăng... đến đến chẳng có khởi tướng về các thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, mà trong tâm đó chẳng có khởi tướng về tâm, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm các thiện căn, mà tâm chấp tướng, rồi dụng tâm ấy để hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát dụng tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm các thiện căn, mà biết rõ tâm niệm là tận diệt ... dẫn đến tâm tùy hỷ hồi hướng, chỗ tùy hỷ hồi hướng, pháp tùy hỷ hồi hướng cũng đều là tận diệt; lại biết rõ vì tận diệt, nên các pháp đó đều bất khả đắc, thì phải biết sự dụng tâm tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, nếu Bồ tát niệm thiện căn của chư Phật quá khứ và của chư đệ tử Phật; niệm thiện căn của hàng phàm phu, của các hàng Thiên Long Bát Bộ, do nghe pháp mà phát tâm Bồ Đề; rồi hòa hợp hết thấy các phước đức đó, dụng tâm tùy hỷ tối thượng, tối diệu, vô đẳng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề mà biết rõ tâm tùy hỷ hồi hướng là tận diệt, chỗ tùy hỷ hồi hướng và pháp tùy hỷ hồi hướng là tự tánh không, thì phải biết sự tùy hỷ hồi hướng này chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Bồ tát phải dụng tâm như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật, hành Đàn Ba-la-mật ... dẫn đến hành Thiền Ba-la-mật, thì mới chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Bồ tát dụng tâm như vậy, nên chẳng thấy có pháp nào hồi hướng cho pháp nào cả, chẳng thấy có tâm tùy hỷ hồi

hương, chẳng thấy có chỗ dụng tâm tùy hỷ hồi hướng, chẳng thấy có thiện căn để tùy hỷ hồi hướng, vì biết rõ hết thấy pháp đều là vô sở hữu, đều là tự tướng không.

Đây là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hỏi: *Do nguyên nhân gì mà vị Đế Thích nêu lên 2 câu hỏi:*

- *Vì sao cũng có Bồ tát sơ phát tâm, nghe nghĩa này, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ?*

- *Vì sao cũng có Bồ tát sơ phát tâm tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề?*

Đáp: Trước đây, ngài Di Lặc đã nói rằng: Chẳng nên vì các Bồ tát sơ phát tâm mà nói chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà chỉ nên nói với các Bồ tát bất thối chuyển, với các người thường được các bậc thiện tri thức giáo thọ và hộ trì, với hạng người đã từ lâu cúng dường chư Phật, đã có đầy đủ các phước đức nhân duyên. Chư vị này từ vô lượng kiếp đã huân tu vô lậu pháp, vẫn thường tín, thường hành, mới có thể nghe được rằng: “Chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề” là “vô pháp”.

Do nhân duyên vậy mà vị Đế Thích mới khởi tâm nghi, mà nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Trong chúng hội này cũng có các vị Bồ tát sơ phát tâm nghe chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ; lại cũng có các vị Bồ tát sơ phát tâm tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Do vì muốn thành tựu duyên pháp mà ngài Di Lặc đã nêu lên, nên ngài Tu Bồ Đề đã vì hàng sơ phát tâm Bồ tát, nói rõ về nghĩa “Chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Ngài trả lời vị Đế Thích rằng: Bồ tát dù mới sơ phát tâm,

chưa huân tu trong nhiều kiếp, chưa hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, chưa cúng dường đầy đủ chư Phật trong 10 phương, nhưng nếu có được lợi căn, nếu gặp được thiện tri thức giáo thọ và hộ trì, thì với 2 duyên pháp này cũng có thể kham nhận việc tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên kinh dạy: Nếu có vị sơ phát tâm Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thọ Bát nhã Ba-la-mật, thì vị Bồ tát đó đã biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là bất khả đắc; biết rõ 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy, Bồ tát đó cũng đã thâm tín, liễu giải nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, đã thâm tín, liễu giải 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp. Bồ tát đó đã thường thân cận các bậc thiện tri thức, được các vị này dạy rõ về chánh nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; nghe nghĩa như vậy rồi, thường chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến vào Bồ tát vị. Cho nên, dù mới sơ phát tâm, Bồ tát đó cũng có thể sớm vào Bồ tát vị, trong lúc rất nhiều người khác phải tu lâu mới vào được. Lại nữa, Bồ tát đó cũng đã được nghe các bậc thiện tri thức khai thị, phân biệt rõ về các ma sự, nên dù có bị các ác ma quấy nhiễu cũng vẫn giữ được tâm an định, chẳng hề bị lay chuyển. Vì sao? Vì vị Bồ tát đó đã thể nhập vào pháp “không”, nên ma chẳng tìm được chỗ tiện để quấy nhiễu. Nếu ma muốn phá, thì đó chính là phá pháp “không”, mà ở nơi pháp không, thì chẳng có gì để phá cả.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát thường chẳng ly chư Phật, thường sanh trong nhà Bồ tát, đời đời chẳng ly niệm các thiện căn, mãi cho đến khi vào được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu vị Bồ tát sơ phát tâm mà hội đầy đủ các duyên pháp vậy, thì so với các vị Bồ tát đã huân tu từ lâu cũng chẳng có gì sai khác.

Lại nữa, nếu Bồ tát nào đã có tâm tùy hỷ hồi hướng, thì phải biết vị Bồ tát đó ở trong quá khứ đã thường cúng dường chư Phật trong 10 phương, đã đoạn dứt sanh tử, đã đoạn dứt các hý luận, đã vào được “không tam muội”, đã vào được Vô Dư Niết bàn, đã xả bỏ Thánh đạo, nên nói là đã đạt đến chỗ “đạo tận”; lại cũng đã xả bỏ 5 âm, đầu mỗi của khổ đau, nên nói là đã xả bỏ gánh nặng thế gian.

Cũng nên biết, người tu hành, khi đã vào được Vô Dư Niết bàn, đã thành tựu được 2 hạnh xả. Đó là:

- Xả 5 âm phiền não.
- Xả 5 âm quả báo.

Người xuất gia chẳng nên thường lui tới nhà các người “bạch y”. Vì sao? Vì ở đây thường có 5 dục. Nếu người xuất gia để cho 5 dục kích thích, thì 5 dục sẽ phá hoại thiên định, trí huệ.

Nếu đoạn được sự kích thích của 5 dục, là đoạn được 5 “hạ phần kiết sử”. Còn muốn đoạn 5 “thượng phần kiết sử”, thì phải vào “kim cang tam muội”, phải tương ưng với “trí huệ Bát Nhã”, mới có thể tận đoạn được hết thảy các tập khí, phiền não.

Được như vậy, gọi là được “chánh trí giải thoát”.

-o0o-

Cũng nên biết Phật, Pháp, Tăng và các thiện căn là 4 phước điền lớn. Các phước điền này là nhân để chúng sanh gieo trồng phước đức.

Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, rồi dụng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Đây là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Vấn đề này được lý giải trong phần vấn đáp giữa Bồ tát Di Lặc và ngài Tu Bồ Đề, như sau:

- Bồ tát Di Lặc hỏi: Nếu Bồ tát mới sơ phát tâm mà niệm các công đức của chư Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao có thể tránh khỏi đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, và kiến điên đảo?

- Ngài Tu Bồ Đề đáp: Nếu Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, mà chẳng khởi tướng về Phật, về Pháp, về Tăng... dẫn đến chẳng khởi tướng về các thiện căn, vì biết rõ hết thảy pháp đều là tự tánh không, biết rõ chẳng có định pháp nào gọi là Phật, là Pháp, là Tăng, là thiện căn... dẫn đến chẳng có định pháp nào gọi là tùy hỷ hồi hướng cả, thì Bồ tát đó chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Nếu trái lại, thì gọi là điên đảo.

-o0o-

Lại nữa, cũng nên biết Bồ tát dụng tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng... dẫn đến niệm thiện căn, mà khi tâm tận diệt biết rõ là tâm tận diệt; và tâm tận diệt thì sự tùy hỷ hồi hướng là bất khả đắc. Vì sao? Vì tâm có tận diệt, có tán hoại, thì tâm là vô thường vậy. Thế nhưng, khi vào được nơi “pháp tánh”, thì dứt trừ được mọi sự phân biệt, chẳng còn phân biệt là tâm (thị tâm), hay là chẳng phải tâm (phi tâm) nữa.

Bồ tát niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thiện căn, rồi hồi hướng tất cả về chỗ “tận tướng”, nên là bất khả đắc hồi hướng. Bởi vậy nên nói: Khi sơ phát tâm, thì còn có ức niệm, còn có tùy hỷ hồi hướng; còn khi đã thuần thực hay nói cách khác, đã ở nơi “hậu tâm” rồi, thì tùy hỷ hồi hướng về

chỗ “tận tướng”, nên là “bất khả đắc hồi hướng”, là “chánh hồi hướng” vậy.

Hỏi: Nếu nói có “sơ tâm”, có “hậu tâm”, thì là có tướng sanh diệt, là có tướng vô thường. Còn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề là hồi hướng về Vô Thượng đạo ở đời vị lai. Như vậy sao lại nói là hồi hướng về chỗ tận tướng?

Đáp: Trên đây nói đến tận diệt và vô thường; đó là nói về pháp tướng. Vì sao? Vì chỉ có pháp tướng mới có tận diệt. Còn vào được nơi pháp tánh rồi, thì chẳng còn nói đến sanh hay diệt, chẳng còn nói đến thường hay vô thường nữa.

Trước đây, trong kinh có nói rằng Vô Thượng Bồ Đề vượt ra khỏi 3 cõi, 3 đời, và chẳng thọ pháp tướng. Liều đạt được như vậy mà hồi hướng, thì mới gọi là chánh hồi hướng.

-o0o-

Lại nữa, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề là chẳng phải chánh (phi chánh), cũng chẳng phải tà (phi tà). Vì sao? Vì Bồ tát biết rằng niệm chư Phật quá khứ cùng hàng đệ tử Phật, niệm các thiện căn... dẫn đến niệm Vô Thượng Bồ Đề, mà còn dụng tâm chấp tướng, thì có chỗ tận diệt. Bồ tát cũng biết rõ hồi hướng là tự tánh không. Dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ các pháp quá khứ là vô thường, mà đã là vô thường, thì chẳng thể hồi hướng về tự tánh không được; lại biết rõ các pháp quá khứ là tự tánh không, mà đã là tự tánh không, thì chẳng thể hồi hướng về tự tánh không được, Dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

Lại nữa, Bồ tát cũng biết rõ các pháp đều do các duyên

hòa hợp sanh, chẳng có chủ tác, chẳng phải thường trú; biết rõ tự tánh của các pháp là bất động, chẳng phải được làm ra (hữu sở tác), chẳng phải chẳng được làm ra (vô sở tác), nên biết rõ chẳng có pháp gì để hồi hướng cả, dụng tâm như vậy mà hồi hướng mới gọi là chánh hồi hướng.

-o0o-

Do hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà Bồ tát giữ được tâm bình đẳng ở nơi hết thấy các pháp, chẳng đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo, lại cũng chẳng chấp hết thấy các pháp vậy.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, nếu Bồ tát biết sự gieo trồng thiện căn phước đức, ly hẳn 5 ám, 12 nhập và 18 giới; biết Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là ly tướng; biết nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là ly tướng; biết 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là ly tướng, mà dụng công tùy hỷ phước đức, thì như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, nếu Bồ tát tùy hỷ phước đức, mà biết rõ sự tùy hỷ phước đức là tự tánh ly; cũng biết rõ Phật là tự tánh ly, thiện căn là tự tánh ly, Bồ Đề tâm là tự tánh ly, hồi hướng là tự tánh ly, Bồ tát là tự tánh ly, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh ly, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là tự tánh ly, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là tự tánh ly, thì phải biết đó là Bồ tát Ma-ha-tát ly tướng mà hành

Bát nhã Ba-la-mật, trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà khởi sanh tùy hỷ phước đức.

Lại nữa, nếu ở nơi chư Phật đã diệt độ, ở nơi các thiện căn công đức đã diệt độ, mà hồi hướng, thì Bồ tát phải tự niệm rằng Tướng của chư Phật quá khứ đã diệt độ, tướng của các thiện căn công đức đã diệt độ, thì tướng của tâm hồi hướng cũng diệt độ. Bồ tát tự niệm như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng bị đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn thủ chấp tướng của chư Phật, tướng của các thiện căn công đức, tướng của sự hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng thể được “chánh tùy hỷ hồi hướng”. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, các thiện căn công đức... là chẳng có tướng duyên (phi tướng duyên), cũng chẳng phải vô tướng duyên (phi vô tướng duyên) Cho nên, nếu Bồ tát thủ tướng như vậy, thì chẳng thể gọi là đem thiện căn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề được. Bồ tát này sẽ bị đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Lúc bấy giờ, Bồ tát Di Lặc hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu chẳng thủ tướng thiện căn, thì Bồ tát lấy gì để tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Đại Sĩ! Do vậy mà chư Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải có các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Nếu phước đức mà ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng sao có thể hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề được. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật, chư Phật là bất khả đắc, các thiện căn là bất khả đắc, tâm hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề cũng là bất khả đắc. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải tự niệm rằng: Chư Phật

quá khứ đã diệt độ, các thiện căn đã diệt độ. Nay, nếu ta thủ tướng phân biệt chư Phật, các thiện căn và tâm hồi hướng, thì chư Phật chẳng ấn chứng. Vì sao? Vì thủ tướng là có dụng tâm “hữu sở đắc” rồi vậy. Phật dạy phải chẳng có thủ tướng mà hồi hướng mới được lợi ích, vì hồi hướng mà có thủ tướng là có tạp độc. Ví như món ăn ngon mà có trộn chất độc; dù có hương vị thơm ngon, mà ăn vào cơ thể bị mang bệnh, dẫn đến có thể bị chết. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chẳng thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thông suốt, liễu nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà lại dạy cho người khác rằng: Nên biết ở trong 3 đời và khắp 10 phương, có vô lượng các đức Phật, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật; gieo trồng các thiện căn công đức; tu 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; tu 4 niệm xứ ... dẫn đến 18 bất cộng pháp; thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, thành tựu các thiện căn, thành tựu giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng, dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí; thành tựu các pháp như vậy mà chẳng có làm lạc pháp, và thường tu hành xả. Lại cũng có hàng đệ tử gieo trồng thiện căn và được chư Phật thọ ký; có hàng Thiên Long Bát Bộ gieo trồng thiện căn. Tất cả các phước đức như vậy phải được hoà hợp, tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Do vì còn tâm thủ pháp, còn tâm đắc pháp, nên sự hồi hướng như vậy cũng giống như món ăn có trộn chất độc, chẳng phải là chánh hồi hướng. Vì sao? Vì hồi hướng với tâm chấp tướng như vậy, là hủy báng Phật, là hý luận, là chẳng y theo lời Phật dạy, chẳng y theo chánh pháp.

Bạch Đại Sĩ! Thiện nam, thiện nữ muốn cầu Phật đạo

phải niệm chú Phật ở trong 3 đời và khắp 10 phương, từ sơ phát tâm đến khi nhập Vô Dư Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận, cùng với hàng đệ tử, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu các thiện căn... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí; rồi lại phải biết rõ tất cả các thiện căn đó, y như chú Phật dùng “trí huệ vô thượng” để biết, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì chú Phật đã dùng trí huệ vô thượng, biết rõ “thiện căn tướng” cũng tức là “thiện căn tánh” vậy.

Nếu thiện nam, thiện nữ y theo như vậy mà tùy hỷ hồi hướng, thì gọi là chẳng hủy báng Phật, là đúng theo lời Phật dạy, là đúng theo chánh pháp.

Hồi hướng như vậy mới là hồi hướng chẳng có tạp độc.

LUẬN:

Hỏi: Theo ý nêu trên đây, thì khi gieo trồng phước hành giả phải biết ly 5 ám, 12 nhập, 18 giới; lại cũng phải biết Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều ly tướng. Như vậy, Bồ tát phải tùy hỷ hồi hướng phước đức như thế nào, mới có thể được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”?

Đáp: Nếu Bồ tát biết rõ ở trong phước đức chẳng có 5 ám, 12 nhập, 18 giới; biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, là vô tướng, là ly tướng, rồi dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, thì mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, Bồ tát cũng biết rõ tùy hỷ phước đức phải là tùy hỷ phước đức tánh, mà muốn vào được “phước đức tánh”, thì phải ly hết thảy các pháp tướng, ly Phật tướng, ly thiện căn tướng v.v..., Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, hành các thiện

căn, tùy hỷ hồi hướng các phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà biết rõ tất cả đều là tự tánh không. Bồ tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Lại nữa, Bồ tát đem hết thảy các phước đức tướng, các thiện căn tướng, tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thủ chấp các tướng đó, Bồ tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Trước đây đã nói rằng 5 ấm thân, Bồ tát cùng hết thảy các pháp đều chỉ là danh tự, nên nói muốn tu tập phước đức phải ly 5 ấm.

Nay nói các phước đức đều là tự tướng không. Đây là nói Bồ tát niệm chư Phật quá khứ, niệm các duyên sanh phước đức trong quá khứ đều đã tận diệt; niệm chư Phật quá khứ đã nhập Niết bàn, niệm tất cả phước đức đều là rốt ráo không, đều là vô tướng, là thường tịch diệt. Bồ tát dụng tâm như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề mới được gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”, nên chẳng có đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Lại nữa, nếu Bồ tát niệm thiện căn công đức của chư Phật quá khứ, mà còn phân biệt chấp tướng hồi hướng, thì sự hồi hướng đó chẳng phải là chánh hồi hướng. Vì sao? Vì chấp “hữu tướng” là chấp 1 bên, chấp “vô tướng” cũng là chấp 1 bên. Phải ly cả 2 bên mà hành đạo, mới được “trí huệ Phật”.

Nếu trái lại với trên đây, thì chẳng phải là “chánh hồi hướng”, nên bị đọa về tướng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Ngài Bồ tát Di Lặc hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu chẳng thủ tướng thiện căn, thì Bồ tát lấy gì để tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề đã trả lời ngài Di Lặc rằng: Muốn được như vậy, thì Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải có các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu phước đức mà ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề được. Nếu tùy hỷ hồi hướng mà tâm chẳng chấp hết thảy các pháp, thì mới gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Bồ tát phải như vậy mà tu tập, thì mới chẳng bị lầm pháp, chẳng bị lỗi đạo, mới thật là tu tập Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói “Ly Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng thể có được chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Hành đạo mà ly Bát nhã Ba-la-mật là trái với thật tướng pháp, là còn dụng tâm hữu sở đắc, nên dù có thọ được quả báo tốt, thì phước báo đó rồi cũng sẽ bị tán hoại, khiến chẳng thể nào mau thành Phật đạo được.

-oOo-

Lại nữa, ở nơi chư Phật quá khứ mà ức tướng phận biệt là có lỗi lớn. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ đã diệt độ, mà còn ức tướng, còn có tùy hỷ phước đức, là còn ái kiến, nên sự tùy hỷ đó cũng chỉ ví như món ăn có tạp độc. Người chấp tướng tùy hỷ như vậy, dù hưởng các phước đức, nhưng chỉ làm được Chuyển Luân Thánh Vương, làm Thiên Vương, hoặc được hưởng phước lạc, phú quý, danh vọng trong hàng phàm phu mà thôi.

Người vô trí tham ái, người ngu si chấp đắm các pháp, người mới sơ phát tâm cũng còn chấp tướng, chấp có chỗ sở đắc, đều ví như các món ăn có trộn lẫn tạp độc. Thức ăn

ngon có trộn tạp độc dụ cho các phước đức nhân duyên giàu sang, phú quý trong hàng trời, người. Ăn thức ăn này phải mang hoạ và thân, dụ cho hưởng hết phước lạc rồi sẽ lại phải thọ các ưu bi, khổ não. Như vậy là các phước lạc đều là vô thường, là tán hoại.

-o0o-

Trong đoạn kinh nêu trên đây, ngài Tu Bồ Đề nói: Người vô trí chẳng có tư duy sâu, chẳng tin thọ Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nhận được nghĩa thâm thâm của Bát nhã Ba-la-mật, mà chỉ chấp vào danh tự, ngữ ngôn, chấp vào các pháp tướng, mà vọng khởi phân biệt, chẳng hành theo lời Phật dạy.

Nếu chẳng có tư duy sâu, thì khi đọc tụng kinh điển chẳng rõ được nghĩa kinh, mà chỉ chấp vào văn tự, khiến chẳng có được lợi ích. Nếu chẳng rõ nghĩa kinh mà dạy cho người khác rằng: Nên biết ở 3 đời và khắp 10 phương, có vô lượng chư Phật gieo trồng thiện căn, từ sơ phát tâm dẫn đến khi nhập Vô Dur Niết bàn... dẫn đến thời kỳ pháp tận v.v... ; phải hoà hợp tất cả phước đức như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Người chẳng tư duy sâu, chẳng hiểu rõ nghĩa kinh, còn chấp các pháp tướng, mà nói như vậy là huỷ báng Phật, là chẳng hành theo lời Phật dạy, nên chẳng có được “chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”.

Trái lại, người cầu Phật đạo phải tự niệm rằng: Chư Phật ở cả 3 đời, trong khắp 10 phương dùng vô thượng trí huệ mà biết rõ thật tướng của các thiện căn. Ta nay cũng phải y theo chỗ chư Phật như thật biết, mà tùy hỷ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề.

Tùy hỷ hồi hướng như vậy mới thật là “chánh tùy hỷ hồi hướng”. Sự tùy hỷ hồi hướng này ví như tên bắn xuống đất, chẳng nơi nào mà chẳng trúng.

Bởi vậy nên người cầu Phật đạo phải như thật biết như chư Phật mới là chẳng huỷ báng Phật vậy.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, muốn hồi hướng thiện căn, phải biết:

Sắc... dẫn đến thức chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới hay Vô Sắc giới; chẳng thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai. 12 nhập và 18 giới cũng là như vậy. Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật chẳng thuộc Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới; chẳng thuộc quá khứ, hiện tại hay vị lai. Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy, như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, pháp trí, thật tế, bất khả tư nghì tánh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, cũng đều là như vậy. Tâm hồi hướng, chỗ hồi hướng, pháp hồi hướng, chư Phật, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, các thiện căn của chư Phật, của chư Thanh Văn, của chư Bích Chi Phật cũng đều là như vậy.

Lại phải biết:

Sắc cùng hết thấy pháp chẳng thuộc 3 cõi, 3 đời. Cho nên, chẳng có thể dụng tâm hữu sở đắc, chấp thủ các pháp tướng, để mà hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề được. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là vô sanh. Đã là vô sanh, thì là vô pháp, mà đã là vô pháp, thì chẳng

thể trú nơi đó để hồi hướng được.

Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo phải thường tu hạnh xả, chẳng nên dụng tâm hữu sở đắc, chấp thủ các pháp tướng, mà hồi hướng, thì mới được “chánh hồi hướng”. Hồi hướng như vậy ví như món ăn ngon chẳng có tạp độc.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà còn tâm hữu sở đắc; đem thiện căn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, mà còn thủ tướng, thì gọi là “tà hồi hướng”.

“Tà hồi hướng” như vậy chẳng được chư Phật tán thán. Vì sao? Vì dụng tâm tà hồi hướng, thì chẳng thể được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; chẳng được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Hồi hướng như vậy ví như món ăn có xen tạp độc.

Lại nữa, khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải tự niệm rằng: Hồi hướng thiện căn, mà như thật biết như chư Phật, mới gọi là “chánh hồi hướng”. Ta phải y như vậy mà hồi hướng.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Vì Phật sự, vì hành Bồ tát, mà ông đã khéo thuyết về pháp hồi hướng chân chánh vậy. Pháp ấy chẳng có tướng chẳng được, chẳng mất, chẳng xuất, chẳng nhập, chẳng cấu, chẳng tịnh; pháp ấy là pháp tánh không, là tự tánh không, là tự tướng không, là như pháp tánh thật tế vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều hành 10 thiện đạo, 4 thiện, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông. Ý ông nghĩ sao? Các chúng sanh ấy có được nhiều phước đức chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng có thủ tướng. Phước đức này là đệ nhất tối thượng, là đệ nhất vi diệu, chẳng có gì sánh kịp.

Lại nữa, nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả A-la-hán, Bích Chi Phật, và có thiện nam, thiện nữ đem tứ sự cúng dường, cung kính, tán thán chư vị ấy. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam, thiện nữ ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng có thủ tướng. Phước đức này là đệ nhất tối thượng, là đệ nhất vi diệu, chẳng có gì sánh kịp.

Lại nữa, nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều phát Bồ Đề tâm, và mỗi mỗi chúng sanh, trải qua hàng sa kiếp, đều nhất tâm cung kính, cúng dường chư Phật. Ý ông nghĩ sao? Phước đức ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Phước đức ấy vô lượng vô biên, chẳng có gì sánh kịp. Nếu phước đức ấy mà có hình có tướng, thì hàng sa thế giới cũng chẳng dung thọ được.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Như lời ông nói, phước đức ấy vô lượng vô biên; nhưng chẳng sao bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng có thủ tướng.

Công đức hồi hướng thiện căn mà tâm chẳng thủ tướng so với phước đức nêu trước đây, hơn cả trăm, ngàn, vạn ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể tính được. Vì sao? Vì các chúng sanh, nêu trước đây, đã thủ chấp pháp tướng của 10 thiện đạo, của 4 thiên, của 4 vô lượng tâm, của 4 vô sắc định, của 5 thần thông; lại cũng thủ chấp tướng của sự cung kính, cúng dường các bậc Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật vậy.

Lúc bấy giờ, chư vị Tứ Thiên Vương cùng 2 vạn chư vị thiên tử chấp tay lễ Phật và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Hồi hướng của Bồ tát thật là quảng đại. Vì sao? Vì Bồ tát có các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, dụng tâm vô sở đắc, dụng vô tướng pháp, vô giác pháp, mà hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề. Hồi hướng như vậy là chẳng đọa về “nhị pháp”. Cùng lúc đó, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn và vô số chư thiên ở các cõi trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hoá Lạc, Tha Hóa Tự Tại... đều đem hoa trời, hương trời, anh lạc, trần phan, bảo cái cúng dường Phật, và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Bồ tát Ma-ha-tát được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên sự hồi hướng của các ngài thật là quảng đại. Vì dụng tâm vô sở đắc, dụng vô tướng pháp, vô giác pháp mà hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề, nên sự hồi hướng như vậy chẳng đọa về “nhị pháp” vậy.

Chư thiên ở các cõi trời Quang Âm... dẫn đến cõi trời Sắc Cứu Cánh cũng đến cung kính, cúng dường Phật, và bạch Phật những lời tương tự như trên.

Phật dạy Này chư thiên tử! Nếu chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều phát Vô Thượng Bồ Đề tâm; niệm thiện căn của chư Phật và chư Bồ tát ở cả 3 đời; niệm

thiện căn của chư Thanh Văn và chư Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm cho đến thời kỳ pháp trụ; niệm thiện căn của hết thấy chúng sanh tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, giới chúng, định chúng, huệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát trí kiến chúng, cùng vô lượng Phật pháp khác; rồi hoà hợp hết thấy các công đức ấy hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nhưng vẫn còn thủ chấp tướng “đắc hồi hướng”. Lại nếu có thiện nam, thiện nữ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm; niệm thiện căn của chư Phật và chư Bồ tát ở cả 3 đời; niệm thiện căn của chư Thanh Văn và chư Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm cho đến thời kỳ pháp trụ; niệm thiện căn của hết thấy chúng sanh tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... cùng vô lượng Phật pháp khác; rồi hòa hợp hết thấy các công đức ấy hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng thủ chấp tướng “đắc hồi hướng”. Thiện nam, thiện nữ này dụng tâm vô sở đắc mà hồi hướng, nên sự hồi hướng như vậy chẳng đọa về “nhị pháp”, vì đây là pháp vô tướng, vô tác, vô chấp, là pháp đệ nhất tối thượng, đệ nhất vi diệu.

Cho nên công đức của thiện nam, thiện nữ này thù thắng hơn công đức của hết thấy các người trước cả trăm ngàn, vạn ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để tính được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tùy hỷ tối thượng tối diệu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu ở nơi quá khứ, hiện tại và vị lai mà thiện nam, thiện nữ chẳng thủ cũng chẳng xả, chẳng niệm cũng chẳng phải chẳng niệm, chẳng đắc cũng chẳng phải chẳng đắc; biết rõ hết thấy pháp đều là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng

tăng, chẳng giảm, chẳng khứ, chẳng lai, chẳng tập, chẳng tán, chẳng xuất, chẳng nhập; lại biết rõ hết thấy các pháp tướng ở trong cả 3 đời đều là pháp như, pháp tánh, pháp vị, pháp trí, thật tế; biết rõ như vậy mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết đây chính là tùy hỷ hồi hướng tối thượng tối diệu vậy.

Này Tu Bồ Đề! Pháp tùy hỷ này thù thắng hơn những pháp tùy hỷ khác cả trăm, ngàn, vạn ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được.

Lại nữa, thiện nam thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà muốn tùy hỷ thiện căn của chư Phật, chư Bồ tát ở cả 3 đời; tùy hỷ thiện căn của chư Thanh Văn, Bích Chi Phật, từ sơ phát tâm dẫn đến thời kỳ pháp trụ; tùy hỷ thiện căn của hết thấy chúng sanh cùng tùy hỷ vô lượng Phật pháp khác phải tự niệm rằng: Bồ thì, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, và trí huệ đều bình đẳng với giải thoát; sắc... dẫn đến thức đều bình đẳng với giải thoát, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều bình đẳng với giải thoát, 4 Niệm Xứ... dẫn đến 8 Thánh đạo đều bình đẳng với giải thoát; 10 lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều bình đẳng với giải thoát; giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đều bình đẳng với giải thoát; các pháp ở cả 3 đời đều bình đẳng với giải thoát; 10 phương chư Phật, chư Phật diệt độ, chư đệ tử Phật trong cả 3 thừa, tất cả các pháp tướng; thiện căn công đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề v.v... đều bình đẳng với giải thoát. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là bất sanh, bất diệt.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ công đức tối thượng, tối diệu, chẳng có gì sánh bằng được. Bồ tát thành tựu tùy hỷ công đức như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có thiện nam, thiện nữ, vì cầu Phật đạo, trọn đời tinh tấn cung kính, cúng dường, tán thán 10 phương chư Phật cùng chư vị đệ tử Phật còn tại thế cũng như đã diệt độ, mà còn chấp có tướng “sở đắc”; dẫn đến tinh tấn tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, mà còn chấp có tướng “sở đắc”. Lại có thiện nam, thiện nữ, vì cầu Phật đạo, mà dụng tâm “vô sở đắc” tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến dụng tâm “vô sở đắc” tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức về Vô Thượng Bồ Đề. Phải biết công đức của thiện nam, thiện nữ vừa nêu sau, thù thắng hơn công đức của thiện nam, thiện nữ trước, cả trăm, ngàn, vạn, ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào để so sánh được.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, muốn được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, phải dụng tâm “vô sở đắc” như vậy, mà tùy hỷ các thiện căn công đức, hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Bồ tát phải tự niệm rằng: Sắc... dẫn đến thức đều chẳng thuộc 3 cõi, chẳng thuộc 3 đời, chẳng thuộc chư Phật cùng chư đệ tử Phật, chẳng thuộc tâm hồi hướng, pháp hồi hướng, dụng hồi hướng. Do tự niệm như vậy, mà Bồ tát thường tu hạnh xả. Đây là “chánh hồi hướng”. Bồ tát lại phải tự niệm rằng: Nếu sắc ra ngoài 3 cõi, thì chẳng có thể nhiếp thủ sắc được; nếu chẳng nhiếp thủ sắc được, thì cũng chẳng có thể chấp có tướng “sở đắc” mà hồi hướng được. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là vô sanh, vô diệt. Đã là vô sanh, vô diệt, thì chẳng thể trú nơi đó để hồi hướng được.

Bồ tát thường tu hạnh xả, chẳng chấp các pháp tướng, chẳng chấp tâm hồi hướng, pháp hồi hướng, dụng hồi hướng,

vì biết rõ hết thảy pháp đều là bất khả đắc, là vô sở hữu. Đây là “chánh hồi hướng”.

Hồi hướng như vậy được ví như món ăn ngon chẳng có xen tạp độc.

Hồi hướng như vậy mới được chư Phật tán thán, mới được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mới mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, Bồ tát phải tự niệm rằng: Phải như thật biết như chư Phật mà sanh tâm, mà khởi niệm, mà quán tưởng; lại phải như thật biết như chư Phật, mà tùy hỷ các thiện căn công đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là Bồ tát Ma-ha-tát như thật tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Sau khi nghe ngài Tu Bồ Đề dẫn giải như trên, Phật đã tán thán rằng: Lành thay, lành thay, này Tu Bồ Đề! Vì Phật sự, mà ông đã nói về “vô tướng pháp hồi hướng” cho hàng Bồ tát nghe; dạy cho hàng Bồ tát phải dùng “vô tướng trí huệ” hoà hợp các thiện căn công đức, hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

“Vô tướng” có 3 nghĩa. Đó là:

1- Giả danh tướng: Do các duyên hòa hợp mà giả lập có các pháp, có giả danh tướng phân biệt pháp này với pháp khác. Ví như nhà cửa, ruộng, vườn, sông, núi v.v...

Cũng có thể nói chúng sanh, do vô minh che tâm, mà khởi chấp giả danh tướng của các pháp, dẫn đến khởi sanh các phiền não nghiệp.

2- Pháp tướng: Đây là dạng tướng của các pháp. Nếu dùng nhục nhãn mà quán sát các pháp, thì sẽ bị các kiến chấp trôi buộc, ái chấp các pháp tướng, dẫn đến khởi sanh các phiền não nghiệp.

3- Ly pháp tướng: Nếu dùng huệ nhãn mà quán sát các pháp, thì biết rõ các pháp đều là rỗng ráo không, là hư vọng, là chẳng thật có, nên phải xả ly các pháp tướng.

Hành giả phải biết rõ “thật tướng pháp” là vô tướng. Biết như vậy mà chẳng nên chấp tướng “vô tướng” ấy, vì nếu có khởi chấp là có khởi sanh phiền não kiết sử.

Lại nữa, vì “thật tướng pháp” là vô tướng nên là chẳng được, chẳng mất, chẳng xuất, chẳng nhập, chẳng cấu, chẳng tịnh, là tự tướng không, là như pháp tánh thật tế.

Hành giả phải nên dụng pháp như vậy, mà tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì tùy hỷ phước đức như vậy có đại lợi ích cho chúng sanh, dẫn đến có được đại quả báo.

Hỏi: *Thế nào gọi là đại lợi ích?*

Đáp: Ví như khiến chúng sanh trong cả đại thiên thế giới đều hành 10 thiện đạo... dẫn đến đều được 5 thân thông, là đại lợi ích.

Hỏi: *Trước đây thường chỉ nói đến chư thiên ở 2 cõi trời Dục giới, và Phạm Thiên Vương ở cõi Sắc giới đến nghe pháp. Nay vì sao nói chư thiên ở các cõi trời khác cũng đến nghe pháp?*

Đáp: Hai cõi trời Dục giới y chỉ nơi quả đất, nên chư thiên ở các cõi trời này có thiện duyên được gần Phật hơn chư thiên ở các cõi trời khác. Do vậy mà khi Phật đản sanh, tu khổ hạnh, hàng phục chúng ma, thành đạo, chuyển pháp luân v.v... đều có chư thiên ở hai cõi trời này, nhiều phen, đến cung kính, cúng dường, Còn chư thiên ở các cõi trời khác thường hay đăm chấp dục lạc, nên chẳng thường đến với Phật.

-o0o-

Trong kinh nói chư thiên ở cõi trời Đâu Suất có lợi căn, thường ưa nghe pháp, Nhưng vì thường được các vị Bồ Xứ Bồ tát đến nơi đây thuyết pháp, nên chư thiên ở cõi trời này cũng ít đến nghe Phật thuyết pháp.

Trong kinh cũng nói đến Phạm Thiên Vương, tuy ở cõi trời Sắc giới rất xa quả đất, nhưng vì đã ly dục, nên ưa nghe pháp, thường vẫn đến nghe Phật thuyết pháp. Vì Phạm Thiên Vương là Thiên chủ cõi Sắc giới, lại cũng thường thỉnh Phật thuyết pháp, nên khi thấy Phạm Thiên Vương đến nghe Phật thuyết pháp, thì chư thiên ở các cõi trời khác cũng đến theo.

Hỏi: Trước đây đã nói nhiều về “chánh hồi hướng” rồi. Nay vì sao còn nói thêm nữa?

Đáp: Trước đây nói tổng quát. Nay nói riêng về trường hợp Bồ tát Ma-ha-tát tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, vì đã như thật biết hết thấy trong 3 đời và khắp 10 phương đều là chẳng sanh, chẳng diệt, nên đều là chẳng thể được (bất khả đắc). Chẳng thể niệm (bất khả niệm).

Do vì biết rõ các pháp đều chẳng thể đắc, chẳng thể niệm, chẳng thể thủ, chẳng thể xả, mà Bồ tát Ma-ha-tát vào được nơi thật tướng pháp, niệm thật tướng pháp. Do niệm như vậy

mà khi tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát Ma-ha-tát chẳng có vọng khởi phân biệt các pháp, chẳng có hoại các pháp.

Tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng”, mới thật là tối thượng, tối diệu, mới mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: *Vì sao nói 6 pháp Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều bình đẳng? Vì sao nói sắc tướng và vô sắc tướng bình đẳng với giải thoát? Đã nói có “hữu vi giải thoát” và “vô vi giải thoát”, thì làm sao nói đến “bình đẳng giải thoát” được?*

Đáp: Trước đây nói đến phàm phu dùng nhục nhãn, y theo 6 thức điên đảo, mà quán các pháp, nên thấy có pháp tướng. Bồ tát dùng huệ nhãn quán các pháp, nên thấy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật có. Do vậy mà vào được nơi thật tướng pháp.

Thật tướng pháp là vô tướng, là Niết bàn tướng.

Người tu, khi vào được “như thật đạo” rồi là vào được Vô Du Niết bàn, là minh liễu được các pháp đều là chẳng sanh cũng chẳng diệt, chẳng xuất cũng chẳng nhập, chẳng cấu cũng chẳng tịnh, chẳng phải có cũng chẳng phải không, chẳng thường cũng chẳng phải vô thường, Vì sao? Vì hết thảy các pháp tướng đều thường tịch diệt, nên chẳng có thể dùng tâm thức để suy lường, chẳng có thể dùng ngôn ngữ để diễn bày được, Bởi vậy nên nói pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), mà cũng chẳng phải chẳng phải pháp (phi phi pháp).

Hết thảy pháp đều là vô sở hữu, đều bình đẳng ở nơi tướng dụng, nên nói “sắc tướng” cùng “vô sắc tướng” bình đẳng với giải thoát; nói 6 pháp Ba-la-mật cùng hết thảy pháp bình đẳng với giải thoát. Đây là dùng huệ nhãn mà thấy được như vậy.

Nên biết “giải thoát” là huệ đức cao quý bậc nhất trong Phật pháp.

-o0o-

Nói về tùy hỷ hồi hướng công đức, ở đoạn kinh trên đây có nêu lên hai trường hợp. Đó là

- Người đã hành 6 pháp Ba-la-mật, đã tu tập các thiện căn trong vô lượng kiếp, mà còn dụng tâm “hữu sở đắc” tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề.

- Người chỉ niệm công đức của người khác, rồi dụng tâm “vô sở đắc” tùy hỷ hồi hướng công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu đem so sánh, thì người sau có công đức thù thắng hơn người trước rất nhiều. Vì sao? Vì công đức có đắc (hữu đắc) là công đức có hạn lượng (hữu lượng); mà đã là có hạn lượng (hữu lượng), thì cũng là có tận diệt (hữu tận). Trái lại, công đức chẳng có đắc (vô đắc), là công đức chẳng có hạn lượng (vô lượng); mà đã là chẳng có hạn lượng, thì chẳng có tận diệt (vô tận).

Tùy hỷ hồi hướng như trường hợp một ví như món ăn có xen tạp độc. Còn tùy hỷ hồi hướng như trường hợp hai ví như món ăn chẳng có tạp độc.

Người tu theo trường hợp một còn tùy thuộc sanh tử, chưa phận định sẽ thành Phật đạo, hoặc thối chuyển. Còn người tu theo trường hợp hai là tùy Niết bàn, quyết định sẽ thành Phật đạo.

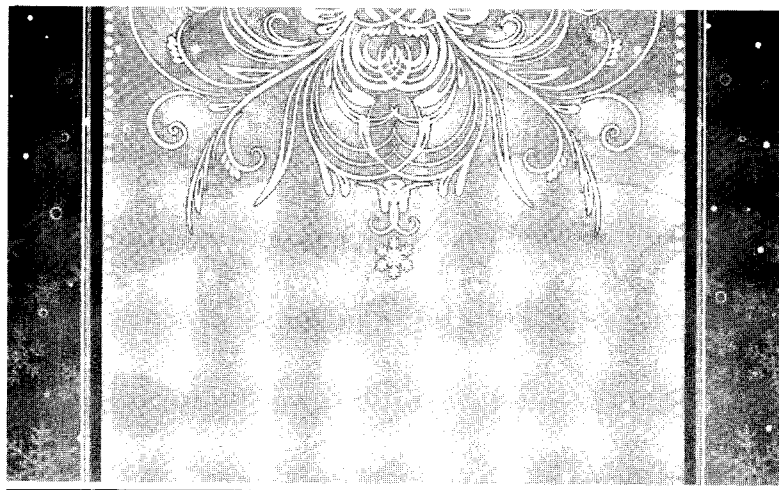
Sở dĩ có sự sai khác như vậy vì có những hạng người tu mà còn dụng tâm hữu sở đắc. Đó là:

- Trong hàng trời, người, đa số còn cầu dục lạc.
- Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật còn cầu Niết bàn lạc.

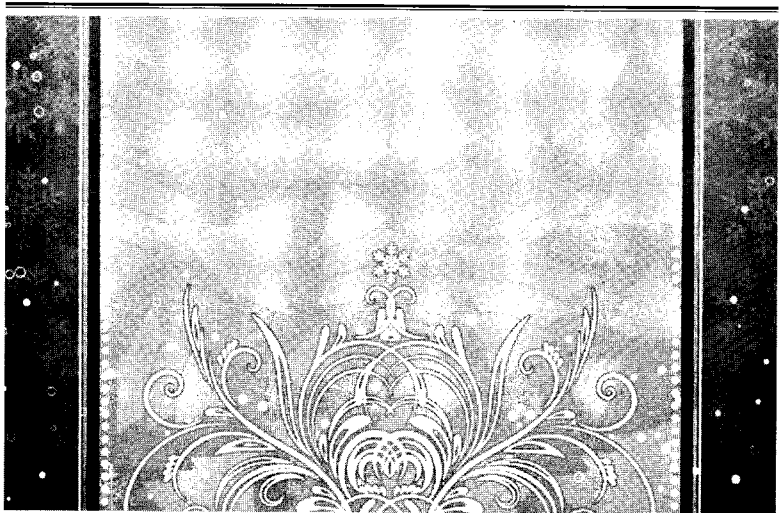
Trái lại, hàng Bồ tát chỉ cầu giải thoát, nên khi tùy hỷ phước đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát chẳng trú nơi các pháp tướng.

Chỉ có tùy hỷ hồi hướng như vậy mới gọi là “chánh tùy hỷ hồi hướng”.

(Hết quyển 61)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 62



Phẩm Thứ Bốn Mười



Chiếu Minh
(Chiếu sáng)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Đây là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Đây chính là Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất tôn quý, rốt ráo thanh tịnh, thường chiếu minh hết thấy các pháp.

Bạch Thế Tôn! Nên cung kính, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật. Vì:

- Bát nhã Ba-la-mật chẳng dính mắc vào 3 cõi.
- Bát nhã Ba-la-mật tận trừ hết thấy các vô minh phiền não, cùng hết thấy các kiến chấp.
- Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng trong tất cả các pháp trợ đạo, tận đoạn hết thấy các sợ hãi, khổ não, và đem lại sự an lạc.
- Bát nhã Ba-la-mật thường chiếu diệu quang minh, và trang nghiêm 5 nhãn.
- Bát nhã Ba-la-mật dẫn dắt chúng sanh ra khỏi tà kiến, xa lìa chấp “nhị biên”.

- Bát nhã Ba-la-mật là Nhất thiết chủng trí, đoạn trừ hết thấy các tập khí phiền não.

- Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật và chư đại Bồ tát.

- Từ trong Bát nhã Ba-la-mật, xuất sanh hết thấy pháp.

- Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh, chẳng diệt, vì là tự tướng không.

- Bát nhã Ba-la-mật xả ly sanh tử, nên là chẳng phải thường chẳng phải đoạn.

Bạch Thế Tôn! Người được Bát nhã Ba-la-mật rồi chẳng cần ai cứu độ, mà tự mình hộ niệm cho mình, hộ niệm cho chúng sanh; lại còn đem các cửa báu phân bố cho chúng sanh. Vì:

- Bát nhã Ba-la-mật có đầy đủ các lực phương tiện, chẳng có gì phá hoại được.

- Bát nhã Ba-la-mật thường chuyển 12 hạnh pháp luân, khiến nơi hết thấy pháp chẳng hoại, chẳng thối.

- Bát nhã Ba-la-mật khai thị pháp tánh; dù là hữu pháp hay là vô pháp đều là tự tánh không cả.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên phải cung kính, đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Phải nên cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật như cung kính, cúng dường chư Phật. Vì:

- Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Phật; Phật chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật. Bát nhã Ba-la-mật tức là Phật; Phật tức là Bát nhã Ba-la-mật.

- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật, chư Bồ tát, chư Bích Chi Phật, chư A-la-hán, chư A-na-hàm, chư Tu-đà-hàm, chư Tu-đà-hoàn.

- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông.

- Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

- Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, suy nghĩ về các lời trên, bèn nêu lên câu hỏi: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Vì sao ngài lại nêu ý kiến về vấn đề này?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Do vì chư đại Bồ tát, được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, đã dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để hoà hợp hết thảy các thiện căn của chư Phật trong 3 đời, từ sơ phát tâm... dẫn đến thời kỳ pháp trụ, rồi tùy hỷ hết thảy các thiện căn công đức đó mà hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Bởi nhân duyên vậy, nên tôi mới nói và thưa hỏi Phật về vấn đề nêu trên.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được công đức thù thắng hơn hành 5 Ba-la-mật kia.

Ví như người mới sanh ra đời đã bị mù loà, tự mình chẳng thể đi vào thành được, nếu chẳng có người sáng mắt dẫn đường.

Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, thì chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí.

Trái lại, nếu được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, thì 5

Ba-la-mật kia mới có được đầy đủ các lực công đức, mới xứng đáng được gọi là Ba-la-mật.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Như lời ngài vừa nói, thì 5 Ba-la-mật kia phải được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, mới xứng đáng được gọi là Ba-la-mật chăng?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu chẳng có 5 Ba-la-mật kia, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng được gọi là Ba-la-mật. Như vậy, vì sao chỉ riêng tán thán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Đúng như lời ngài nói, nếu chẳng có 5 Ba-la-mật kia, thì cũng chẳng có Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, có Bát nhã Ba-la-mật thì mới được đầy đủ 6 Ba-la-mật. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật là tối thượng vi diệu đệ nhất.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật sanh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Sắc... dẫn đến thức chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh. Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh. Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh. 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là sắc... dẫn đến hết thấy các pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Sắc chẳng sanh... dẫn đến hết thấy các pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Lại nữa, sắc chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất... dẫn đến hết thấy các pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật sanh sẽ hợp với pháp nào?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bát nhã Ba-la-mật chẳng cùng hợp với các pháp thiện, chẳng cùng hợp với các pháp bất thiện, chẳng cùng hợp với các pháp xuất thế gian, chẳng cùng hợp với các pháp thế gian, chẳng cùng hợp với các pháp hữu vi, chẳng cùng hợp với các pháp vô vi, chẳng cùng hợp với các pháp hữu lậu, chẳng cùng hợp với các pháp vô lậu. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật, do chẳng đắc hết thấy các pháp mà sanh.

Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng cùng hợp với các pháp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy thì Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có hợp với Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Đúng như vậy. Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với Nhất thiết chủng trí, và cũng chẳng đắc Nhất thiết chủng trí.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với Nhất thiết chủng trí, và chẳng đắc Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Bát nhã Ba-la-mật chẳng như danh tự, chẳng như tướng, chẳng như pháp, mà hợp.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy thì hợp như thế nào?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát y chỗ chẳng thủ, chẳng thọ, chẳng trú, chẳng dính mắc, chẳng đoạn mà hợp, thì như vậy là “vô sở hợp”, là chẳng có chỗ hợp vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có! Vì hết thấy các pháp chẳng sanh, chẳng khởi, chẳng được, chẳng mất, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật hợp với hết thấy các pháp, và cũng chẳng hợp với hết thấy các pháp, thì vị Bồ tát đó đã xả Bát nhã Ba-la-mật, đã viễn ly Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có nhân duyên khiến Bồ tát xả Bát nhã Ba-la-mật, viễn ly Bát nhã Ba-la-mật. Ví như Bồ tát khởi niệm rằng Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu, là như hư không, là chẳng kiên cố. Do vậy mà Bồ tát xả Bát nhã Ba-la-mật, viễn ly Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin pháp nào khác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin sắc ... dẫn đến thức; chẳng tin nhãn... dẫn đến ý; chẳng sắc... dẫn đến pháp; chẳng tin Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật; chẳng tin nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng tin 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; chẳng tin 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp; chẳng tin 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo... dẫn đến chẳng tin Vô Thượng Bồ Đề, Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao tin

Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin 5 ám... dẫn đến chẳng tin Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 5 ám... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc nên tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin 5 ám... dẫn đến chẳng tin Nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin 5 ám... dẫn đến chẳng tin Nhất thiết chủng trí.

LUẬN:

Trên đây, đức Phật cùng các ngài Di Lặc, Thích Đề Hoàn Nhơn và Tu Bồ Đề đồng nói lên nghĩa “tùy hỷ hồi hướng”. Ngài Xá Lợi Phất im lặng lắng nghe nghĩa thậm thâm, vi diệu của Bát nhã Ba-la-mật, làm lợi ích cho chúng sanh. Mặc dù ngài đã lậu tận, tâm thường tịch tịnh, nhưng ngài cũng phát sanh hoan hỷ, từ tòa đứng dậy, chấp tay và bạch Phật rằng: Tùy hỷ như vậy có công năng đoạn được các hỷ luận, làm lợi ích cho vô lượng vô biên chúng sanh, khiến họ vào được Phật đạo. Tùy hỷ như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy. Phật ân chứng lời nói của ngài Xá Lợi Phất, và dạy: “Bát nhã Ba-la-mật nghĩa” là thật tướng pháp, chẳng cầu nhiễm, chẳng hỷ luận, nên là rốt ráo thanh tịnh, khắp chiếu hết thấy các pháp tạng trong cả 3 đời, là vô vi, chẳng thể thuyết ra được (bất khả thuyết).

Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật thường chiếu minh hết thấy các pháp, là rốt ráo thanh tịnh, thường thủ hộ Bồ tát, thường cứu thoát chúng sanh ra khỏi khổ nạn, thường thỏa mãn đầy đủ các tâm nguyện của chúng sanh. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật được chúng sanh trong khắp cả 3 cõi thường cung kính, lễ bái.

Lại nữa, ở trong vũng bùn 3 độc, mà Bát nhã Ba-la-mật

chẳng bị ô nhiễm, chẳng dính mắc vào 3 cõi, phá sạch ái kiến, 108 phiền não cùng 62 tà kiến chấp.

Tóm lại, Bát nhã Ba-la-mật có công năng phá sạch vô minh, si ám; Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ tối thượng, vi diệu đệ nhất.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng trong tất cả các pháp trợ đạo, có thể lực đoạn dứt các khổ “sinh, già, bệnh, chết”, đoạn hết thấy các sợ hãi, khổ não, và đem lại sự an lạc cho chúng sanh. Vì sao? Vì trí huệ Bát nhã Ba-la-mật giúp hành giả phân biệt, liễu nghĩa được 37 Phẩm Trợ Đạo.

Bát nhã Ba-la-mật thường chiếu diệu quang minh, Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật nhiếp cả 5 nhãn.

Bát nhã Ba-la-mật khai thị Thánh đạo. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật đưa chúng sanh ra khỏi các tà kiến, xa lìa chấp “nhị biên”.

Bát nhã Ba-la-mật là Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật đoạn trừ hết thấy các tập khí phiền não. Bồ tát an trú trong “Kim cang Tam muội”, dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tận đoạn hết thấy các tập khí. Bồ tát an trú trong “Kim cang Tam muội”, dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tận đoạn hết thấy phiền não và tập khí, được vô ngại giải thoát, thành tựu Nhất thiết chủng trí. Lại nữa, Bồ tát do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà phân biệt rõ tổng tướng và biệt tướng của các pháp, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là nhân dẫn sanh Nhất thiết chủng trí.

Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương chư Phật. Vì sao? Vì chư Phật, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành

bậc Vô Thượng Chánh Giác. Cũng từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh vô lượng Phật pháp.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh, chẳng biết, vì là tự tướng không. Hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng, cũng đều là chẳng sanh, chẳng diệt, vì đều là tự tánh không cả.

Nếu chẳng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà khởi chấp đoạn hay chấp thường, thì sẽ dẫn sanh ra các kiến chấp, các kiết sử, dẫn sanh các ưu bi khổ não.

Nếu tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ đoạn trừ được các kiến chấp, cùng các kiết sử phiền não, dẫn đến sẽ được thoát ly sanh tử.

Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà có được lòng tin bất hoại nơi Tam Bảo, được đầy đủ các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, và có đầy đủ các lực phương tiện nhằm dẫn dắt chúng sanh tu tập, khiến họ cũng được hai pháp lạc ấy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói người được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng cần ai cứu độ mà tự mình có thể tự hộ niệm cho chính mình, và hộ niệm cho chúng sanh. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không. Khi đã được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật rồi là vào được nơi thật tướng của các pháp, là biết rõ được các pháp chẳng chuyển, chẳng diệt.

Do vậy mà chẳng còn khởi chấp đoạn hay chấp thường, chẳng còn khởi chấp “có” hay chấp “không”, vì ở nơi pháp tánh, thì hữu pháp hay vô pháp cũng đều là tự tánh không cả.

Hỏi: *Có rất nhiều nhân duyên để tán thán Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy vì sao chỉ rộng nói Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng tướng”?*

Đáp: Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà chưa được

thuần phục, thì thường hay câu “định tướng”. Hạng người này chẳng biết Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng tướng”, nên thường sanh tâm kiêu mạn.

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Xá Lợi Phất mới nêu lên lý do nhằm khuyên chúng sanh phải nên cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Cũng vì vậy mà Phật dạy: Phải cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật như cung kính, cúng dường Phật.

Đây là đối với hạng người căn trí cạn mỏng, đã từ lâu thâm chấp chúng sanh tướng, chưa thâm hiểu Phật pháp, nên Phật mới dạy như trên đây. Còn đối với hạng người căn trí thông lợi, thì Phật dạy: phải xem Bát nhã Ba-la-mật chẳng khác Phật, Phật chẳng khác Bát nhã Ba-la-mật; Bát nhã Ba-la-mật tức là Phật, Phật tức là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí vậy.

Nhân đây, Phật cũng dạy: Từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh hết thảy thiện pháp thế gian và xuất thế gian... dẫn đến xuất sanh Nhất thiết chủng trí.

Sau khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật là “vô tướng tướng”, vị Đệ Thích tự niệm rằng: Ngài Xá Lợi Phất đã lậu tận, đã ly dục, mà nay tán thán Bát nhã Ba-la-mật là pháp hộ trì Bồ tát, lại nói phải dùng các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tùy hỷ hồi hướng phước đức về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng phá pháp tướng, Thật là chưa từng có. Như vậy, ta phải cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao nói thế lực Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn 5 Ba-la-mật kia? Vì sao nói nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì 5 Ba-la-mật kia cũng chỉ ví như người mù?

Đáp: Chẳng luận phải nhiều mới có được thể lực lớn. Cả 5 Ba-la-mật kia hợp lại, tuy có nhiều thể lực, nhưng chẳng sao bằng được thể lực của Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng thể xứng đáng được gọi là Ba-la-mật. Tất cả 5 Ba-la-mật kia đều phải được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, soi sáng vậy.

Hỏi: *Vì sao trong kinh cũng có dụ Đàn Ba-la-mật như con mắt sáng?*

Đáp: Vì có người tin có tội phước, tin rằng tu phước có thể phá được vô minh tà kiến, nên đã hành bố thí. Do vậy mới dụ Đàn Ba-la-mật như con mắt sáng.

Thế nhưng, khi thật hành việc bố thí, hành giả phải được trí huệ soi sáng, phải hòa hợp bố thí với trí huệ, thì bố thí mới đầy đủ ý nghĩa, dẫn đến mới xứng đáng được gọi là Đàn Ba-la-mật. Mặc dù bố thí là chủ, trí huệ chỉ là khách, nhưng khách chủ chẳng rời nhau.

Bố thí có sự soi sáng của trí huệ Bát nhã Ba-la-mật như vậy mới xứng đáng được gọi là con mắt sáng.

Ví như 4 đại hòa hợp, chẳng rời nhau. Các Ba-la-mật cũng hòa hợp, chẳng rời nhau như vậy. Nếu các Ba-la-mật chẳng hòa hợp với nhau, thì chẳng sao thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, ví như người mù, tuy có đôi chân vững chắc, tuy có đầy đủ sức lực, đầy đủ ý chí, nhưng nếu chẳng nhờ người dẫn đường, thì chẳng sao vào thành được. 5 Ba-la-mật kia cũng là như vậy. Tuy mỗi Ba-la-mật đều có thể lực riêng, nhưng nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật soi sáng dẫn đường, thì đến quả vị Nhị thừa còn chẳng được, huống nữa là được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên nói 5 Ba-la-mật kia phải được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường, mới được gọi là Ba-la-mật, dẫn đến mới vào được Phật đạo.

Hỏi: *Vị Đế Thích nói với ngài Xá Lợi Phất rằng Bát nhã Ba-la-mật cũng phải nương 5 Ba-la-mật kia. Sao lại chỉ tán thán Bát nhã Ba-la-mật mà thôi? Nói như vậy có đúng chăng?*

Đáp: Tuy rằng 6 Ba-la-mật phải hòa hợp với nhau, tương trợ nhau, chẳng rời nhau, nhưng Bát nhã Ba-la-mật giữ vai trò lãnh đạo. Bát nhã Ba-la-mật có thể lực lớn nhất, nên 5 Ba-la-mật kia đều phải nương theo sự chỉ đạo của Bát nhã Ba-la-mật. Do được Bát nhã Ba-la-mật chỉ đạo, mà 5 Ba-la-mật kia mới được mang danh tự Ba-la-mật. Ví như đại quân nhờ được vị tướng giỏi, mà được danh thơm lây vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật sanh?*

Đáp: Như trong kinh đã nói: Sắc chẳng sanh... dẫn đến hết thấy pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Hỏi: *Vì sao nói sắc chẳng sanh... dẫn đến nói hết thấy các pháp chẳng sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh?*

Đáp: Vì sắc do các duyên hòa hợp mà có... dẫn đến vì hết thấy các pháp đều do các duyên hòa hợp mà có. Hành giả biết rõ sắc... dẫn đến biết rõ hết thấy các pháp đều chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, đều là là hư vọng, chẳng thật có. Biết như vậy là Bát nhã Ba-la-mật sanh.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là vô sanh, thì duyên cũng là vô sanh. Như vậy Bát nhã Ba-la-mật hợp với pháp nào, trú ở đâu, và được quả báo gì?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là “vô sanh tướng”, nên chẳng có chỗ hợp, tức là “vô sở hợp” vậy.

Nếu Bát nhã Ba-la-mật có pháp để hợp, thì ắt phải hợp với các pháp thiện hoặc với các pháp bất thiện; như vậy là chẳng phải Bát nhã Ba-la-mật nữa. Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với hết thảy pháp, nên mới dung nhiếp hết thảy.

Hỏi: *Vị Đệ Thích đã biết Bát nhã Ba-la-mật chẳng hợp với hết thảy các pháp rồi, vì sao ngài còn hỏi: Bát nhã Ba-la-mật có hợp với Nhất thiết chủng trí chăng?*

Đáp: Vị Đệ Thích tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật, nên mới hỏi: Bát nhã Ba-la-mật có hợp với Nhất thiết chủng trí chăng.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là “vô sanh pháp”, nên chẳng có chỗ hợp. Rồi nhằm phá các tà kiến, Phật dạy: Nếu Bát nhã Ba-la-mật có hợp với Nhất thiết chủng trí, thì đó là y Phật tâm mà hợp. Chẳng phải như phàm phu chấp có tướng, có danh, có tác, có khởi... ở nơi các pháp hữu vi vậy.

Hỏi: *Thế nào gọi là “y như Phật tâm mà hợp”?*

Đáp: “Y như Phật tâm mà hợp” có nghĩa là:

- Biết rõ hết thảy pháp tướng đều là hư vọng, nên chẳng có chấp tướng.

- Biết rõ nếu ở nơi các pháp mà khởi chấp “có” hay chấp “không” đều là lầm lỗi, nên chẳng thọ các pháp.

- Biết rõ các quả báo ở thế gian đều là điên đảo, đều như mộng, như huyễn, chẳng thật có, nên chẳng chấp pháp, chẳng sanh cao tâm, vào được nơi rốt ráo không, nơi thật tướng pháp, thâm nhập đại từ đại bi, phát đại nguyện rộng độ hết thảy chúng sanh.

Bồ tát biết rõ như vậy mà hợp với các pháp, mới gọi là “y như Phật tâm mà hợp”.

-oOo-

Vị Đế Thích tán thán: Thật là chưa từng có! Vì hết thấy các pháp chẳng khởi, chẳng sanh, chẳng được, chẳng mất, nên Bát nhã Ba-la-mật sanh, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy sẽ mau thành Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề nói tiếp: Bồ tát nào dụng tâm hữu sở đắc, mà phân biệt Nhất thiết chủng trí cùng hết thấy các pháp là hợp hay chẳng hợp, thì vị Bồ tát ấy đã xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Phật ẩn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Có nhân duyên khiến Bồ tát xa rời Bát nhã Ba-la-mật, như khởi niệm rằng Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu, là như hư không, là chẳng kiên cố, nên xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là tướng bất khả đắc, nên lại bạch Phật: Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin pháp nào khác chăng?

Phật dạy: Tin Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tin sắc... dẫn đến chẳng tin hết thấy các pháp. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, nên là bất khả tín vậy.

-oOo-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nhân duyên gì mà ông gọi Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bạch Thế Tôn! Vì:

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc lớn hay nhỏ...
dẫn đến chẳng làm cho Phật lớn hay nhỏ.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc hợp hay tan...
dẫn đến chẳng làm cho Phật hợp hay tan.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc vô lượng hay
chẳng phải vô lượng... dẫn đến chẳng làm cho Phật vô
lượng hay chẳng phải vô lượng.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc rộng hay hẹp...
dẫn đến chẳng làm cho Phật rộng hay hẹp.**

**- Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc có lực hay
chẳng có lực... dẫn đến chẳng làm cho Phật có lực hay
chẳng có lực.**

**Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-
la-mật được gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.**

**Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát sơ phát tâm mà chẳng ly
Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly 5 Ba-la-mật kia, lại dụng tâm
vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, thì Bồ tát ấy chẳng
làm cho sắc... dẫn đến chẳng làm cho Phật lớn hay nhỏ,
hợp hay tan, vô lượng hay chẳng phải vô lượng, rộng hay
hẹp, có lực hay chẳng có lực.**

**Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, phải biết như vậy,
vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có tướng (phi tướng) là vô
sở đắc vậy.**

**Trái lại, nếu Bồ tát dụng tâm sở hữu đắc mà hành
Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ làm cho sắc... dẫn đến Phật lớn
hay nhỏ, hợp hay tan, vô lượng hay chẳng phải vô lượng,
rộng hay hẹp, có lực hay chẳng có lực.**

Bồ tát dụng tâm hữu sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là có lỗi lớn, là còn chấp tướng, nên chẳng sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì:

- Chúng sanh là bất sanh (chẳng sanh), sắc là bất sanh... dẫn đến Phật là bất sanh, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất sanh.

- Chúng sanh là tánh không, sắc là tánh không... dẫn đến Phật là tánh không, nên Bát nhã Ba-la-mật là tánh không.

- Chúng sanh là phi pháp (chẳng phải pháp), sắc là phi pháp ... dẫn đến Phật là phi pháp, nên Bát nhã Ba-la-mật là phi pháp.

- Chúng sanh là không, sắc là không... dẫn đến Phật là không, nên Bát nhã Ba-la-mật là không.

- Chúng sanh là ly, sắc là ly... dẫn đến Phật là ly, nên Bát nhã Ba-la-mật là ly.

- Chúng sanh là chẳng phải có, sắc là chẳng phải có... dẫn đến Phật là chẳng phải có, nên Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải có.

- Chúng sanh là bất khả tư nghi (chẳng thể nghĩ bàn), sắc là bất khả tư nghi... dẫn đến Phật là bất khả tư nghi, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghi.

- Chúng sanh là bất diệt (chẳng diệt), sắc là bất diệt... dẫn đến Phật là bất diệt, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất diệt.

- Chúng sanh là bất khả tri (chẳng thể biết được), sắc là bất khả tri... dẫn đến Phật là bất khả tri, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tri.

- Chúng sanh là bất thành tựu (chẳng thể thành tựu), sắc là bất thành tựu... dẫn đến Phật là bất thành tựu, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất thành tựu.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nghe lời Phật dạy giải được nghi tâm, nên tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Phật hỏi lại ngài Tu Bồ Đề: Vì nguyên nhân gì mà ông gọi Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng làm cho sắc... dẫn đến chẳng làm cho Phật lớn hay nhỏ, hợp hay tan, vô lượng hay chẳng phải vô lượng, rộng hay hẹp, có lực hay chẳng có lực.

-o0o-

Phát biểu như trên, ngài Tu Bồ Đề dụng ý nói rằng: “Tất cả đều do tâm tạo” ra cả.

Ví như người đang phải lo việc gấp, thì tâm hầu như bị thu hẹp lại; còn người giàu có, an nhàn, thì tâm như được mở rộng ra.

Ví như người tu, khi vào 8 bối xả, thì thấy ngoại sắc lớn hay nhỏ tùy theo tâm quán.

Lại ví như phạm phu khi mắt thấy sắc rồi, thì ở nơi chẳng có sắc cũng nghĩ là có sắc; ví như chúng sanh, tùy theo nghiệp lực, tùy theo ngoại cảnh, mà nói có một hay nhiều sắc pháp khác nhau.

Lại nữa, khi tâm duyên sắc, thì có danh sắc, khiến phân biệt được các đại, cùng hết thấy các sắc pháp. Phạm phu thấy có hình, có sắc, có phương phận v.v... Thế nhưng danh sắc chẳng thể phân biệt được nên danh sắc chẳng thể gọi là sắc được.

-o0o-

Có thuyết cho rằng “thô sắc” là hư vọng, chẳng phải là “chân sắc”; chỉ có vi trần mới gọi là chân sắc. Do nhiều vi trần hợp lại, mà giả danh có sắc vậy thôi. Phạm phu chấp “giả danh sắc”, rồi phân biệt có lớn, có nhỏ, khác nhau.

Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật biết rõ thật tánh của sắc; mà ở nơi thật tánh, thì chẳng có lớn, chẳng có nhỏ, vì các pháp đều chẳng phải tập, chẳng phải tán.

Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật biết rõ sắc chẳng tập, chẳng tán, chẳng phải sắc tập do các vi trần hòa hợp tạo thành, chẳng phải sắc tán trở lại thành vi trần. Vì sao? Vì sắc chỉ là giả danh, chẳng có định tướng, chẳng có đối, chẳng có hình, chẳng có lớn hay nhỏ, chẳng phải vô lượng hay chẳng phải chẳng vô lượng, chẳng có rộng hay hẹp, chẳng có lực hay chẳng phải chẳng có lực. Vì sao?

Vi:

- Phạm phu, do chẳng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên mới khởi phân biệt, trừ lượng có nhiều, có ít; khi chấp “không”, thì nói sắc là vô lượng; khi chấp “có”, thì nói sắc là hữu lượng. Còn người tu tập Bát nhã Ba-la-mật xả ly “không” và “có”, nên nói sắc là chẳng phải vô lượng cũng chẳng phải chẳng vô lượng.

- Phạm phu, do chẳng vào được thật tướng pháp, nên tùy ý niệm, mà suy tưởng sắc có lớn, có nhỏ. Người tu tập Bát

nhã Ba-la-mật, do đã vào được nơi thật tướng pháp, chẳng còn tùy ý niệm mà suy tưởng, nên biết rõ sắc chẳng phải lớn cũng chẳng phải nhỏ.

- Phạm phu, do chẳng biết rõ rằng sắc do vô lượng duyên tác thành, nên nói sắc có lực; ví như thấy bức tường đổ xuống làm chết người, mà cho rằng bức tường có lực. Người tu Bát nhã Ba-la-mật biết rõ hết thấy các sắc pháp đều chỉ là giả danh tướng, nên nói sắc chẳng có lực, cũng chẳng phải chẳng có lực.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Do chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia, mà ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng có khởi phân biệt lớn nhỏ, rộng hẹp v.v... Nếu tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm còn tán loạn, thì chẳng có được nhu thuận, dẫn đến sẽ khởi sanh tâm nghi hối.

Phải dung nhiếp, điều hợp, như thuận Bát nhã Ba-la-mật và 5 Ba-la-mật kia mới tránh được lỗi lầm, khiến thành tựu được các duyên pháp. Ví như trong 8 thánh đạo có chánh kiến dẫn đầu, nhưng nếu chánh kiến mà chẳng có 7 thánh đạo kia hỗ trợ, thì chẳng thành tựu được đầy đủ các thánh đạo, dẫn đến chẳng có thể được gọi là chánh kiến.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật dạy: Hết thấy các pháp đều do các duyên hòa hợp cộng sanh; chẳng có 1 pháp nào tự sanh cả. Khi đã hội đủ các duyên hòa hợp dẫn sanh, thì mỗi pháp mới có lực. Dựa vào đó mà nói có lớn hay nhỏ, có rộng hay hẹp v.v...

Nếu Bồ tát ly Bát nhã Ba-la-mật, ly 5 Ba-la-mật kia, rồi tự cho rằng đã hành đầy đủ 6 Ba-la-mật, vọng chấp các pháp có lớn hay nhỏ, rộng hay hẹp v.v... Như vậy là đọa về “nhị biên”.

Trái lại, nếu Bồ tát tạt vào được nơi thật tướng pháp, thì chẳng còn chấp tướng, khiến ở nơi các pháp tướng chẳng còn vọng khởi phân biệt có lớn hay nhỏ, có rộng hay hẹp v.v... Như vậy là chẳng có lỗi lầm. Vì sao? Vì dụng tâm vô sở đắc mà tu tập như vậy, là tu Vô Thượng Bồ Đề. Là tu tịch diệt tướng, là cứu cánh thanh tịnh.

Trái lại, nếu dụng tâm hữu sở đắc, thì sẽ khởi hý luận, đấu tranh chẳng có được thanh tịnh vậy.

Lại nữa, hết thấy các pháp đều là chẳng sanh, chẳng diệt. Ví như ngã và chúng sanh đều là giả danh pháp, đều do duyên hòa hợp mà có, đều chẳng sanh, chẳng diệt, đều là bất khả đắc cả.

Khi phá được tướng “vô ngã”, thì tướng sanh cũng như tướng diệt đều trở thành bất khả đắc cả. Do duyên hòa hợp mà có các pháp tướng, như tướng sanh, tướng diệt, nhưng hết thấy các pháp tướng đều chỉ là giả danh tướng, chẳng phải là định tướng. Cho nên nói các pháp đều là vô sanh pháp, vô diệt pháp, đều là “bất nhị pháp”.

Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không, là tự tánh ly, là bất khả tư nghì, nên nói: “Chúng sanh lực” chẳng thành tựu, “Bát nhã Ba-la-mật lực” chẳng thành tựu.

Hết thấy pháp đều do duyên hòa hợp sanh. Nhưng mỗi duyên pháp đều chẳng có tự lực. Bát nhã Ba-la-mật cũng là tự tánh không, là chẳng có tự lực.

Hỏi: Trước đã nói sắc cùng hết thấy pháp đều chẳng có tự lực và cũng chẳng phải chẳng có tự lực. Nay vì sao lại nói

lực của chúng sanh, lực của sắc... dẫn đến lực của hết thảy các pháp chẳng thành tựu, thì lực cả Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng thành tựu?

Đáp: Trước đây nói các pháp chẳng có lực, cũng chẳng phải chẳng có lực. Nhưng sợ người nghe Bát nhã Ba-la-mật khởi nghi tâm, vì họ nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo hết thảy các pháp quán, ắt là phải có đại lực. Bởi vậy nên phải nói rõ thêm là lực của chúng sanh, của sắc, cũng như của hết thảy các pháp đều chẳng thành tựu, thì lực của Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng thành tựu.

Như vậy là các duyên pháp đều bình đẳng cả. Chính vì vậy mà gọi Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Bốn Mười Mốt



Tín Hủy

(Tin Kính & Hủy Báng)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tín giải Bát nhã Ba-la-mật đã từ đâu sanh về đây? Đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm từ bao lâu? Đã cúng dường bao nhiêu đức Phật? Đã hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, mà nay có thể tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật và thâm giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Bồ tát đã cúng dường chư Phật khắp 10 phương, đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm từ vô lượng vô biên a tăng tỷ kiếp, và từ sơ phát tâm đã thường hành 6 pháp Ba-la-mật, đã cúng dường vô lượng vô biên bất khả tư nghi chư Phật, nay sanh về cõi này.

Này Xá Lợi Phát! Bồ tát này hoặc thấy, hoặc nghe Bát nhã Ba-la-mật liền tự niệm rằng: Ta đã thấy Phật và đã nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Bởi vậy nên Bồ tát này thường tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật và thâm giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, vì biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng pháp, là vô nhị pháp, là bất khả đắc pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật có thể nghe, có thể thấy được chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì các pháp đều là độn cả.

Cũng như vậy, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được; nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được; 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được; 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp chẳng thể nghe, chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì các pháp đều là độn cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật! Bạch Thế Tôn Bồ tát hành Phật đạo trong bao nhiêu lâu, mới có thể hành thâm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phải nên phân biệt như sau:

- Có Bồ tát từ sơ phát tâm đã hành thâm Bát nhã Ba-la-mật và 5 Ba-la-mật kia. Do có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng phá hoại các pháp tướng; lại cũng chẳng thấy pháp nào là chẳng có lợi ích cả. Bồ tát này trọn chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật, trọn chẳng ly chư Phật; từ thế giới này sang thế giới khác thường dùng thiện căn cúng dường chư Phật, đúng theo như ý nguyện; vĩnh viễn chẳng bị sanh tử nghiệp dẫn sanh vào thai mẹ, ở trong loài người; trọn chẳng ly các thần thông, trọn chẳng sanh phiền não, chẳng sanh tâm Thanh Văn, và tâm Bích Chi Phật; từ quốc độ này đến quốc độ khác thường thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Như vậy gọi là Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Có Bồ tát đã thấy được chư Phật trong vô lượng quốc độ; hoặc, từ vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp, thường chẳng ly chư Phật, thường tu tập 6 pháp Ba-la-

mật, nhưng còn dụng tâm hữu sở đắc, vì chưa có được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát này, khi nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, liền từ trong chúng hội đứng dậy bỏ ra đi. Như vậy là chẳng cung kính Bát nhã Ba-la-mật, chẳng cung kính chư Phật.

Này Tu Bồ Đề! Ở hiện đời, Bồ tát ấy ngồi trong chúng hội nghe thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng tự bỏ đi, vì chẳng ưa thích nghe thuyết như vậy. Bồ tát ấy, ở đời trước, khi nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, đã tự bỏ đi, nên ở đời nay, nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, lại cũng hành động y như vậy.

Hạng người này, do thân tâm chẳng hòa hợp, nên thường trông nhân si muội. Do si muội, nên vừa nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, liền sanh tâm hủy báng. Do hủy báng thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên từ quá khứ đến hiện tại dẫn đến vị lai vẫn thường hủy báng 3 đời chư Phật, hủy báng Nhất thiết chủng trí.

Do khởi nghiệp tội phá pháp như vậy, mà hạng người này, trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp, phải đọa vào đại địa ngục; chuyển từ đại địa ngục này sang đại địa ngục khác; đến khi hóa kiếp phát khởi ở cõi này, thì lại thác sanh vào đại địa ngục ở cõi khác ở trong khắp 10 phương, thọ vô lượng khổ đau. Khi tội phá pháp đã giảm dần, mới được sanh vào loài súc sanh, rồi sanh trở lại làm người. Thế nhưng, vì tội phá pháp chưa dứt, nên dù trở lại sanh làm người, cũng chỉ được sanh vào các nhà hạ tiện; hoặc sanh vào những nơi chẳng có Phật, Pháp, Tăng; hoặc sanh ra đời với các căn không đầy đủ, như mù mắt, thiếu chân, thiếu tay v.v...

Hạng người này, do gieo trồng tội phá pháp sâu dày, nên phải thọ quả báo như vậy.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tội “ngũ nghịch” và tội phá pháp tương tự nhau chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Chẳng nên nói là tương tự. Vì sao?

Vì có người nghe nói thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có tin, mà lại còn hủy báng, cho rằng Bát nhã Ba-la-mật là phi pháp, chẳng phải là thiện pháp, chẳng phải là lời Phật dạy; tự mình chẳng học, và dạy người khác chẳng nên học. Như vậy là đã tự hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, và dạy người khác hủy báng Bát nhã Ba-la-mật; tự mình phá hoại thân tâm mình, và khiến người khác phá hoại thân tâm họ; tự mình chẳng tin, chẳng biết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, và khiến người khác chẳng tin chẳng biết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật; chẳng khác gì tự mình dùng thuốc độc để tự giết mình, và cũng đầu độc người khác.

Này Xá Lợi Phát! Đối với hạng người này như vậy, ta chẳng muốn nghe nói đến tên, huống nữa là nhìn thấy họ hay muốn ở chung với họ. Vì sao? Vì hạng người này làm ô uế chánh pháp, sa đọa vào chốn tối tăm, mê muội. Ai nghe theo lời hạng người này, tin dùng họ, cũng phải thọ vô lượng khổ đau.

Này Xá Lợi Phát! Hạng người phá Bát nhã Ba-la-mật như vậy cũng gọi là hạng người phá pháp.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người phạm trọng tội phá pháp như vậy, phải thọ thân lớn hay nhỏ?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Chẳng nên nói thân lớn hay nhỏ. Vì sao? Vì người phá pháp phải thọ vô lượng khổ đau, chẳng có phân biệt thân lớn hay thân nhỏ.

Hạng người này, khi nghe mình tội lỗi như vậy, chịu khổ báo như vậy, hoặc bị nhồi máu mà chết; hoặc sợ hãi, lo lắng, đau buốt như bị mũi tên đâm vào tim, mà khô héo dần dần cho đến chết.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn răn dạy, để người đời sau biết rõ rằng tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật là trọng tội.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Người phạm trọng tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải thọ vô lượng khổ báo trong các đại địa ngục chẳng sao kể xiết được.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bởi vậy nên những thiện nam, thiện nữ tâm tánh thanh tịnh, khi nghe được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, là liền lấy đó là chỗ y chí; thà phải mất mạng, chẳng hề dám hủy báng chánh pháp. Vì sao? Vì họ nghĩ rằng nếu hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ phải chuốc lấy vô lượng khổ báo.

LUẬN:

Ngài Xá Lợi Phát nghe thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, tự nghĩ rằng: Người nghe được Bát nhã Ba-la-mật cũng còn hiếm có, huống nữa là người tu tập, tín giải Bát nhã Ba-la-mật. Người tín giải Bát nhã Ba-la-mật ắt phải từ một cảnh giới an lành nào đến, chẳng là hạng sơ phát tâm.

Theo ý ngài, thì hạng người chưa cúng dường được nhiều chư Phật, chưa hành Bát nhã Ba-la-mật trải qua nhiều đời, thì chưa phải là bậc Thánh, chưa vào được Thánh đạo. Bởi vậy nên ngài mới hỏi: Bồ tát đã cúng dường bao nhiêu đức Phật, đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật trong bao nhiêu lâu, mới có thể tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật, và thâm giải được nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Có Bồ tát chẳng chấp hết thấy các pháp tướng mà cũng chẳng chấp không, chẳng phá hoại các pháp tướng, hòa hợp 6 pháp Ba-la-mật, phát khởi đại từ đại bi vì hết thấy chúng sanh mà hành Bát nhã Ba-la-mật, nên đã từ các thể giới thanh tịnh trong 10 phương sanh về cõi này.

Như trường hợp của Bồ tát Thích Ca Mưu Ni, chư vị Bồ tát này đã có duyên với chúng sanh ở cõi này, nên mới sanh về đây để độ họ. Khi cõi này hoại, thì lại sanh về các cõi khác để viên thành đạo nguyện. Trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu hành như vậy, nên được phước đức sâu dày, khởi sanh tín giải, tùy thuận thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Trái lại, có Bồ tát đã thấy được chư Phật, đã tu tập Bát nhã Ba-la-mật từ lâu, nhưng còn dụng tâm hữu sở đắc, thì chẳng có được công đức như vậy.

-o0o-

Bồ tát phải thành tựu đầy đủ các phước đức trí huệ, mới khiến các phiền não tận diệt, mới được tâm nhu khuyến, được trí huệ bình đẳng, được các căn lanh lợi, tăng trưởng mãi trở thành lực. Có được như vậy mới có thể thâm nhập vào thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, còn phải dứt bỏ các uế trực thể gian, mới thấy được kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, mới hướng tâm về Phật, mới tinh tấn đọc tụng các kinh điển để tìm hiểu nghĩa lý, khiến trí huệ càng thêm tăng trưởng. Thấy kinh như thấy Phật; đọc kinh như nghe lời Phật dạy. Nhờ thành tựu tín lực, huệ lực như vậy, mà tùy thuận, tín giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, còn phải biết rõ thật tướng pháp là vô tướng; phải ly 5 âm, 12 nhập, 18 giới; phải ở trong “nhị pháp” mà chẳng chấp “nhị pháp”. Dụng tâm vô sở đắc như vậy mà tu tập, thì mới có thể tùy thuận, tín giải thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết về Bát nhã Ba-la-mật, mà tán thán việc thấy kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, việc theo Phật nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật, việc đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật v.v... tợ như có chấp tướng, nên ngài mới nêu lên câu hỏi: Bát nhã Ba-la-mật có thể nghe, có thể thấy chăng?

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không; dù dùng thiên nhãn, thiên nhĩ cũng chẳng có thể thấy, chẳng có thể nghe được, huống nữa là dùng nhục nhãn, nhục nhĩ; dù dùng xuất thế gian huệ nhãn cũng chẳng thấy được, huống nữa là dùng thế gian nhãn.

Phật đáp lại lời ngài Tu Bồ Đề: Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thấy, chẳng có thể nghe.

Nơi đây, Phật dụng ý cho biết rằng khi đã thâm nhập vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì biết rõ hết thảy các pháp đều chỉ là một tướng (nhất tướng), đều chẳng có tướng (vô tướng), nên chẳng còn vọng chấp phân biệt nữa. Sỡ dĩ phàm phu chấp có thấy, có nghe, vì vọng khởi phân biệt đây là sắc, đây là nhãn, đây là nhĩ... đây là thức; lại phân biệt giữa 6 thức với 6 trần; phân biệt 6 thức lanh lợi, 6 trần vô tri; phân biệt trí huệ lanh lợi, còn sắc... dẫn đến pháp là vô tri.

Các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật cũng giống như trăm sông chảy dồn về biển. Khi vào biển rồi, thì các nguồn nước từ trăm sông chảy đến đều hòa đồng với nước biển. Cũng như vậy, khi các pháp đã vào trong biển Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì trở thành nhất tướng, vô tướng, chẳng có gì phân biệt nữa. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thấy, chẳng có thể nghe.

Cũng như vậy, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiên Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng

pháp, Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo và Nhất thiết chủng trí đều chẳng thể thấy, chẳng thể nghe được. Vì sao? Vì các pháp đều là vô tri, đều là độn cả. Chúng sanh ly pháp thì chẳng thể thấy, chẳng thể nghe, mà pháp ly chúng sanh cũng chẳng thể thấy, chẳng thể nghe vậy.

Hỏi: Trước đã nói rằng Bồ tát sơ phát tâm đã từng cúng dường chư Phật trong vô lượng kiếp rồi, mới có thể tùy thuận, tín giải thâm, nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao còn hỏi nữa?

Đáp: Ở đoạn kinh trên đây, Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thấy, chẳng thể nghe được.

Thấy kinh như thấy Phật, đọc kinh như nghe lời Phật dạy. Nói đến 2 tướng như vậy nhằm nêu lên ý nghĩa là Bát nhã Ba-la-mật có thấy, có nghe, mà cũng chẳng thấy, chẳng nghe, vì là “bất nhị pháp” vậy.

Chính ở nơi “bất nhị pháp” này, mà ngài Tu Bồ Đề đã hỏi Phật: Bồ tát phải trải qua bao nhiêu kiếp tu hành, mới có được các phương tiện lực, mới có thể tùy thuận Bát nhã Ba-la-mật, mà hành các pháp?

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng:

- Làm thế nào để có hành các sự việc, mà chẳng vọng niệm?
- Làm thế nào để có hành các sự việc, mà chẳng bị trôi buộc vào 3 cõi?
- Làm thế nào để ở nơi “không”, mà chẳng đọa về đoạn diệt?

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Cần phải phân biệt 2 trường hợp:

1. Có Bồ tát từ sơ phát tâm đã nhất tâm tín thọ Bát nhã

Ba-la-mật, dùng các lực phương tiện Ba-la-mật để tu tập 6 Ba-la-mật, mà chẳng có chấp đắm các phước đức nhân duyên đó, nên được tùy thuận, tín giả thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Hạng Bồ tát này có tín lực và huệ lực rất lớn, nên nghe thâm pháp Đại thừa Ma Ha Diễn liền được tín giải; nghe pháp Thanh Văn chẳng khởi tâm bất kính; nghe pháp ngoại đạo chẳng khởi tâm phá hoại.

Hạng Bồ tát biết rõ:

- “Đạo” và “phi đạo”, nên thường thành chánh đạo.

- Hết thấy các pháp, khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, chẳng là “thị” hay là “phi”, chẳng phá, chẳng thọ nữa. Dẫn đến chẳng có pháp nào là chẳng lợi ích cả.

Bồ tát thường hành các pháp, mà chẳng thủ lợi ích của các pháp, mới được đầy đủ phước đức. Bởi vậy nên nói Bồ tát chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng ly thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh.

2. Có Bồ tát, tuy đã phát tâm từ lâu, đã cúng dường vô lượng chư Phật, nhưng còn dụng tâm hữu sở đắc mà tu tập 6 pháp Ba-la-mật thì chẳng thể nào tùy thuận, tín giải thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật được. Hạng Bồ tát này khi nghe nói thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật là liền bỏ đi. Dẫn đến đời sau, khi nghe nói thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, hạng Bồ tát này cũng chẳng tin, chẳng thọ. Như vậy là phá pháp, khiến phải gánh chịu vô lượng khổ báo.

Phật dạy hạng người này, do thân tâm chẳng hòa hợp, nên thường trồng nhân si muội, khiến chẳng tin, chẳng thọ Bát nhã Ba-la-mật. Do tâm nghi hối, tà kiến càng ngày càng tăng trưởng, nên hạng người này, giữa đại chúng, thường hủy

báng Bát nhã Ba-la-mật, hủy báng ba đời chư Phật. Do tội lỗi như vậy, mà phải đọa vào địa ngục A Tỳ thọ vô lượng khổ báo. Đến khi kiếp hỏa phát khởi ở cõi này mà tội vẫn chưa hết, thì vẫn còn phải chuyển sang địa ngục ở cõi khác, để tiếp tục thọ khổ báo. Sau khi tội phá pháp đã nhẹ dần, mới được chuyển làm thân súc sanh, tiếp tục thọ khổ. Rồi mãn kiếp súc sanh, mới được trở lại thân làm người, nhưng lại phải thọ sanh vào các nhà hạ tiện, hoặc sanh ra đời với các căn chẳng đầy đủ, hoặc sanh vào những nơi chẳng có Phật, Pháp, Tăng.

Hỏi: *Vì sao chẳng nói đọa về chốn ngạ quỷ, mà chỉ nói đọa vào địa ngục và súc sanh?*

Đáp: Vì phá hoại Bát nhã Ba-la-mật là do phiền não và ngu si. Vì hai duyên pháp này, mà người phá hoại Bát nhã Ba-la-mật phải đọa vào địa ngục và súc sanh.

Còn đọa về ngạ quỷ là do tham lam. Do vậy mà chẳng có đề cập ở nơi đây.

Hỏi: *Vì sao ngài Xá Lợi Phất nêu lên câu hỏi: Tội “ngũ nghịch” và tội phá pháp tương tự với nhau chẳng?*

Đáp: Ngài Xá Lợi Phất là Thanh Văn, nên cho tội “ngũ nghịch” là trọng tội. Nhiều người tu theo pháp Thanh Văn chẳng biết rằng cúng dường Bát nhã Ba-la-mật là đại đại phước báo, nên cũng chẳng biết rằng hủy báng Bát nhã Ba-la-mật là đại tội vậy.

Vì muốn giải niêm nghi của ngài Xá Lợi Phất, nên Phật dạy: Chẳng nên nói là tương tự.

Vì xét về tướng tội, thì hai bên khác hẳn nhau:

- Người phạm tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật tự mình làm tiêu hủy thiện căn nơi mình, và làm tiêu hủy thiện căn

nơi người khác; tự mình phá trí huệ của mình, và phá trí huệ của người khác; chẳng khác gì tự mình uống thuốc độc để tự hại thân mình, và cũng khiến người khác uống thuốc độc để hủy hoại thân họ vậy.

- Người phạm tội làm thân Phật chảy máu, phá A-la-hán, phá hòa hợp tăng, giết cha, giết mẹ, tuy là trọng tội, còn có thể sám hối được. Nhưng phá hoại Bát nhã Ba-la-mật thì không thể sám hối được.

Nên biết, cha mẹ thương con chỉ thương nhiều nhất là trong một đời; còn người thâm ái Bát nhã Ba-la-mật nguyện thâm ái chúng sanh trong vô lượng kiếp. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật nguyện cần khổ thay cho chúng sanh làm những việc khó làm... dẫn đến bố thí cả thân mạng mình để làm lợi ích cho chúng sanh.

Cũng nên biết rằng phá hoại Bát nhã Ba-la-mật tức là phá hoại pháp thân Phật. Bởi vậy nên Phật dạy: Đối với hạng người phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, ta chẳng muốn nghe nói đến tên, huống nữa là nhìn thấy.

-o0o-

Bồ tát, dù chưa được bất thối chuyển, nhưng nếu có nhiều người đến cúng dường, có nhiều đệ tử xuất gia cũng như tại gia đến cầu pháp, thì phải nên phát đại bi tâm, vì họ thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng nếu còn dụng tâm hữu sở đắc, thì thay vì làm lợi ích cho họ, mà lại khiến họ phải chịu tội phá pháp. Vì sao? Vì Bồ tát này muốn làm tăng trưởng lợi ích cho chúng sanh, mà do còn chấp tướng, nên đã gián tiếp phá Bát nhã Ba-la-mật, và cũng khiến người khác phá Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Xem như vậy, thì tội phá Bát nhã Ba-la-mật và tội “ngũ nghịch” chẳng có tương tợ nhau.

-o0o-

Ví như người siêng năng làm việc, mà do thiếu trí tuệ, nên tài sản mỗi ngày mỗi tiêu hao. Người thường tụng kinh, niệm Phật mà thiếu trí huệ, thì thiện căn vẫn chẳng có tăng trưởng được.

Ví như vũng nước dơ chẳng thể soi mặt được, chẳng thể uống được, chẳng thể tắm giặt được. Người phá pháp cũng vậy, chẳng thể nghe theo được. Hạng người này, do bị tà kiến, nghi hối làm nhiều loạn tâm, mà chẳng tùy thuận, chẳng tin giải được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Nếu ai tin theo hạng người này cũng phạm tội phá pháp vậy.

Hỏi: *Vì sao ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật: Người phạm trọng tội phá pháp phải thọ thân lớn, hay thân nhỏ?*

Đáp: Ngài Xá Lợi Phất đã nghe nói về thời gian và nơi chốn thọ tội báo của người phạm tội phá pháp rồi. Nay ngài muốn nêu lên câu hỏi này xin Phật giải đáp, nhằm răn dạy người ở đời sau.

Có hai vấn đề mà Phật chẳng muốn đáp. Đó là:

- Sự thọ khổ báo ở các chốn địa ngục và súc sanh quá nhiều và quá lâu. Dù thân lớn hay nhỏ cũng đều thọ như nhau.

- Những người nghe nói mình phạm trọng tội như vậy, mình phải thọ khổ báo như vậy, hoặc sẽ bị nhồi máu tim mà chết, hoặc sẽ quá sợ hãi lo lắng, đau buốt như bị mũi tên đâm vào tim, mà khô héo dần dần cho đến chết.

Do vì ngài Xá Lợi Phất khẩn thiết xin Phật răn dạy cho người ở đời sau chẳng nên phạm tội phá pháp, mà Phật đã nói: Chẳng nên nói thân lớn hay nhỏ. Người phạm tội phá pháp, hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải thọ vô lượng khổ báo, chẳng sao kể xiết được.

Vâng theo lời Phật dạy, các người đã có được tâm tánh thanh tịnh, khi nghe được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, là liền lấy đó làm chỗ y chi, thà phải mất mạng, chẳng hề dám hủy báng chánh pháp. Vì nghĩ rằng nếu hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ phải chuốc lấy vô lượng khổ báo, nên họ sẽ thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nhiếp các nghiệp “thân, khẩu và ý” tinh tấn tu hành hướng về Vô Thượng đạo.

(Hết quyển 62)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 63



Phẩm Thứ Bốn Mười Mốt (TIẾP THEO)



Tín Hủy (Tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ phải khéo nhiếp các nghiệp “thân, khẩu và ý”, đừng để phải thọ các khổ như vậy. Vì sao? Vì đã thọ các khổ như vậy, thì chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được pháp, chẳng thân cận được chư Tăng; hoặc phải sanh vào các thế giới chẳng có Phật; hoặc sanh vào chốn bần cùng hạ tiện, khiến chẳng tin thọ được lời Phật. Bạch Thế Tôn! Đây là do khẩu nghiệp mà phạm tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật như vậy chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Ở trong Phật pháp, có người đã xuất gia thọ giới rồi, chỉ vì ngu si mà phạm tội phá Bát nhã Ba-la-mật, hủy báng pháp.

Này Tu Bồ Đề! Nếu phá Bát nhã Ba-la-mật là phá chư Phật trong 10 phương, phá Nhất thiết chủng trí, phá Phật bảo, phá Pháp bảo, phá Tăng bảo. Phá 3 ngôi “Tam bảo” là phá chánh kiến ở thế gian, phá 4 niệm xứ... dẫn đến phá Nhất thiết chủng trí, nên phải thọ vô lượng vô biên tội báo, vô lượng vô biên khổ não.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu tác duyên khiến người ngu si phá thâm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có 4 tác duyên khiến người ngu si phá thâm Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Bị ma sai sử.
- Chẳng có tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật; chẳng có được tâm thanh tịnh.
- Thường gần gũi ác tri thức, nên sanh tâm giải đãi, chấp đắm 5 ấm thân.
- Còn nhiều sân nhuế, tự cao, khinh miệt người.

Do 4 tác duyên, nêu trên đây, mà người ngu si phạm tội hủy báng thâm Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: *Hủy báng pháp là do khẩu nghiệp. Như vậy vì sao lại nói người tu phải nhiếp cả 3 nghiệp “thân, khẩu và ý”?*

Đáp: Gốc của khẩu nghiệp là ý nghiệp; có ý nghiệp mới dẫn sanh khẩu nghiệp. Bởi vậy trước hết phải nhiếp ý nghiệp.

Nơi đây, ngài Tu Bồ Đề tự nói các nhân duyên dẫn đến thọ khổ, khiến chẳng thấy được Phật, chẳng được nghe pháp, chẳng được gần gũi chư Tăng.

Phật dạy: Người ngu si do khẩu nghiệp mà tạo ra bao nhiêu tội lỗi. Trong các chúng xuất gia, thọ giới, có nhiều người còn chấp pháp Thanh Văn. 500 năm sau khi ta diệt độ họ, sẽ phân ra làm nhiều bộ chúng, lên đến 800 bộ chúng khác nhau. Từ đó về sau, họ cầu pháp tướng, chấp đắm danh pháp. Họ chấp thủ những lời Phật nói ra, mà chẳng biết rằng chỉ vì đạo giải thoát, mà Phật phương tiện nói ra các pháp.

Có nhiều người, khi nghe nói Bát nhã Ba-la-mật rất ráo không, tưởng như bị tổn thương. Hạng người này chấp các pháp tướng quyết định là có. Nay nghe nói các pháp đều là

tự tướng không, nghe nói hành Bát nhã Ba-la-mật là chẳng trú chấp các pháp tướng, thì họ khởi nghi tâm, cho đó chẳng phải là lời Phật dạy... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Hạng người này chẳng biết rằng, vì thương xót chúng sanh, mà Phật đã phương tiện phân biệt đạo và phi đạo, để chúng sanh tu tập. Nay ở trong hội Bát nhã Ba-la-mật, nghe Phật thuyết đạo và phi đạo đều là vô tướng, là bất khả đắc, nên họ khởi nghi tâm. Từ đó họ khởi sanh tà kiến; rồi do lực tà kiến thúc đẩy, mà tại giữa đại chúng, họ hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, khiến phải mang tội phá pháp. Hủy báng Bát nhã Ba-la-mật như vậy là hủy báng 3 đời 10 phương chư Phật, phá các lực công đức của 3 ngôi Tam bảo. Phá Tam bảo là phá thế gian lạc, phá chánh kiến, phá xuất thế gian lạc, nghĩa là phá 4 niệm xứ... dẫn đến phá Nhất thiết chủng trí.

Bởi nhân duyên vậy, nên người phá pháp phải thọ vô lượng vô biên tội báo, vô lượng vô biên ưu bi khổ não.

Hỏi: Trước đã nói ái chấp pháp là nhân duyên dẫn đến phá pháp. Nay vì sao còn nói nữa?

Đáp: Trước chỉ lược thuyết. Nay rộng thuyết về các tác duyên dẫn đến hành động phá pháp.

1. Có người bị ma sai sử, khiến vô minh thâm nhập vào tâm, chuyển thành nghiệp ở thân, khẩu, rồi dẫn đến hành động hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

Các bậc Thanh Văn còn bị ma ám thay, huống nữa là hàng phàm phu.

Ví như trong hàng đại đệ tử của Phật, ngài A Nan là bậc đa văn, hiểu rộng, biết nhiều. Thế nhưng, có lúc Phật hỏi ngài về một vấn đề đến 3 lần, mà ngài bị ma ám chẳng trả lời được.

Nên biết, có 4 loại ma. Đó là:

- 5 ấm ma.
- Phiền não ma.
- Tử ma
- Tụ Tại Thiên ma.

Trước đây đã nói về 4 loại ma này rồi. Nay nói riêng về phiền não ma và Tụ Tại Thiên ma khiến người tu chẳng tin nơi Bát nhã Ba-la-mật, tự thủ chấp pháp của mình, khinh chê pháp của người. Hạng người này ngu si, điên đảo, độn căn, thiếu trí, nên chẳng hiểu, chẳng tín, chẳng thọ được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

2. Có người lợi căn nhưng chẳng có được tâm thanh tịnh, nên cũng chẳng tin nơi Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

3. Có người trước đã siêng năng tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhưng về sau bị các tri thức mê hoặc, dẫn dắt, khiến trở nên giải đãi, chẳng còn tín thọ Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

4. Có người thường sanh tâm sân nhuế, cang cường, tự cao, khinh miệt người khác.

Hạng người này chẳng tin nơi Pháp sư thuyết giảng, mà tự nghĩ: Ta có trí tuệ mà còn chưa biết rõ Bát nhã Ba-la-mật, huống nữa là hạng người độn căn thiếu trí làm sao mà hiểu rõ được.

Khởi tâm sân nhuế, kiêu mạn như vậy cũng là phá hủy Bát nhã Ba-la-mật.

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người thân cận các ác tri thức, thường gieo trồng các bất thiện căn, chẳng tinh tấn tu tập các thiện pháp, thì chẳng có thể tin, chẳng có thể hiểu được thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Người thân cận các ác tri thức, thường gieo trồng các bất thiện căn, thì chẳng sao có thể tin, có thể hiểu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật lại khó tin khó hiểu đến như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc bất phược (chẳng buộc), bất giải (chẳng mở)... dẫn đến thức bất phược, bất giải. Vì sao? Vì đều là tánh vô sở hữu.

Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật bất phược, bất giải, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không bất phược, bất giải, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất phược, bất giải. Vì sao? Vì đều là tánh vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Sắc quá khứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí quá khứ bất phược, bất giải; sắc hiện tại dẫn đến Nhất thiết chủng trí hiện tại bất phược, bất giải; sắc vị lai... dẫn đến Nhất thiết chủng trí vị lai bất phược, bất giải. Vì sao? Vì đều là tánh vô sở hữu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng nhất tâm tinh tấn, chẳng gieo trồng thiện căn, giải đãi, ưa quên, lại thường gần gũi ác tri thức, thì chẳng có được các lực phương tiện, nên khó có thể tin, khó có thể hiểu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Người như vậy khó có thể tin, khó có thể hiểu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì 5 ám bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh. Dẫn đến vì Vô Thượng Bồ Đề bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Sắc thanh tịnh tức là Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh tức là Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh; Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh tức là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Sắc thanh tịnh và Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải hoại. Dẫn đến thiết chủng trí thanh tịnh và Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải hoại. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì “bất nhị pháp” thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh. Dẫn đến vì “bất nhị pháp” thanh tịnh, nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. “Bất nhị pháp” thanh tịnh cùng với sắc thanh tịnh... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí thanh tịnh đều là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Lại nữa, vì ngã thanh tịnh... dẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh; nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên ngã... dẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh.

Ngã thanh tịnh... dẫn đến tri giả, kiến giả thanh tịnh cùng với sắc thanh tịnh... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí thanh tịnh là chẳng phải hai chẳng phải khác, chẳng phải đoạn, chẳng phải hoại.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật với nội dung: Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vi diệu như vậy, nên người giải đãi, chẳng gieo trồng thiện căn, lại thường gán gũi các ác tri thức, thì rất khó tin, rất khó giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật.

Ngược lại với các điều nêu trên đây, thì mới có được tín lực nơi Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật lại khó tin, khó hiểu như vậy?

Phật dạy: Sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng phược, chẳng giải.

Nơi đây, Phật muốn nói rằng có người cho rằng 3 độc là phược, còn 3 giải thoát môn là giải. Thế nhưng, họ chẳng biết rằng 3 độc gồm “tham, sân, si”, cùng với hết thảy các phiền não đều là hư vọng, chẳng thật có, đều là tự tánh không, nên bản lai vốn chẳng có phược, cũng chẳng có giải. Phá 3 độc thành 3 giải thoát môn cũng chẳng có phược, chẳng có giải như vậy.

-o0o-

Phàm phu do chấp các pháp tướng, mà bị các phiền não trói buộc. Thật vậy, nếu chấp mỗi pháp đều có tự tánh, thì chẳng sao có thể giải được, chẳng sao có thể đoạn, có thể hoại được. Trái lại, nếu biết rõ hết thảy các pháp đều là hư vọng, chẳng thật có, thì các chấp liền được tiêu trừ, và chẳng còn thấy có phược, có giải nữa.

Lại nữa, do phân biệt tâm và tâm sở... dẫn đến do chấp các pháp tướng, rồi bị trói buộc vào các duyên, mà khởi sanh phiền não vậy. Nếu vào được nơi thật tướng pháp, biết rõ các pháp đều là hư vọng, đều chẳng thật có, thì tâm liền được thanh tịnh.

Khi tâm đã thanh tịnh, thì là “phi tâm tướng”, nên chẳng còn có các tướng trói buộc nữa. Đã chẳng có trói buộc, thì cũng chẳng có cởi mở vậy.

-o0o-

Nơi đây, Phật nói sắc cùng hết thảy các pháp hữu vi đều do các nhân duyên hòa hợp sanh, nên đều chẳng có định tánh, đều là vô sở hữu tánh. Đã là vô sở hữu tánh, thì sắc tánh... dẫn đến hết thảy các pháp tánh, ở trong cả 3 đời, đều chẳng có phục cũng chẳng có giải. Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng thậm thâm (phi thậm thâm), chẳng phải chẳng thậm thâm (phi bất thậm thâm), nên đã nói rằng: Nếu cho Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì nếu cho Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, khó tin, khó giải mà chẳng nhất tâm tinh tấn tu hành, chẳng gieo trồng thiện căn giải thoát, lại thân cận ác tri thức, chỉ cầu thế gian lạc, thì chẳng sao có được xuất thế gian giải thoát. Hạng người như vậy thường bị các phiền não loạn tâm, khiến quên làm điều thiện, gieo trồng các bất thiện căn, chẳng phá được kiêu mạn, chẳng trừ được tà kiến hý luận. Bởi vậy nên, dù cầu thật tướng pháp, mà vẫn chẳng sao có đủ trí để phân biệt thiện ác, nên chẳng sao có được lực phương tiện thiện xảo vậy.

Hạng người hành các ác pháp như vậy rất khó tin giải thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề chẳng có đề cập đến các ma sự. Vì sao Phật lại dạy thêm về các ma sự?*

Đáp: Vì muốn cho chúng hội biết đầy đủ về nội nhân duyên lẫn ngoại nhân duyên, nên Phật dạy thêm về các ma sự.

Phật lại nêu lên các nhân duyên khiến Bát nhã Ba-la-mật khó tin, khó giải, khi nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Sắc bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề bản lai thanh tịnh, nên quả cũng thanh tịnh.

Ví như người tu 4 niệm xứ, khi tu tập thân niệm xứ, quán sắc cùng hết thấy các pháp là bất tịnh, là vô thường. Quán như vậy sẽ thấy rõ tánh của sắc cũng như tánh của hết thấy pháp đều là vô lậu, là thanh tịnh, nên đoạn trừ được các phiền não, vào được Niết bàn.

Quán 3 niệm xứ kia cũng là như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói sắc cùng hết thấy pháp thanh tịnh, nên quả thanh tịnh. Quả đã thanh tịnh, thì nhân cũng thanh tịnh.

Hỏi: *Trước nói niệm sắc là bất tịnh, là vô thường, thì được thân niệm xứ. Nay vì sao lại nói quả thanh tịnh, thì nhân cũng thanh tịnh?*

Đáp: Khi mới vào sơ môn, thì quán bất tịnh, quán vô thường... nhưng đó chẳng phải là thật quán. Vì sao? Vì khi đã vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn nói quán thường hay vô thường, quán tịnh hay bất tịnh nữa. Tất cả các pháp quán đó đều chỉ là hý luận.

Khi vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì các hý luận đó đều tận diệt. Lúc bấy giờ mới thấy rõ thật tướng pháp là rốt

ráo thanh tịnh. Do vậy mà nói: “Quả đã thanh tịnh thì nhân cũng thanh tịnh”.

Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, là như hư không, chẳng có nhiễm ô. Khi vào trong Bát nhã Ba-la-mật, thì biết rõ sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, đều là rốt ráo thanh tịnh cả. Lại nữa, hành Bát nhã Ba-la-mật là thành tựu được 3 chánh nhân:

- Chánh quán.
- Chánh hạnh.
- Chánh tu.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh, thì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều thanh tịnh cả; ngược lại vì hết thấy các pháp thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Ở nơi thật tướng pháp thì hết thấy các pháp cùng Bát nhã Ba-la-mật là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì là chẳng phải hai, chẳng phải khác nên là chẳng ly, chẳng đoạn, chẳng hoại.

Lại nữa, cầu ngã, cầu pháp... dẫn đến cầu 3 đời 10 phương chư Phật đều bất khả đắc cả. Bởi vậy nên 5 âm chi là giả danh, chúng sanh chỉ là giả danh... dẫn đến tri giả, kiến giả, cùng hết thấy các pháp cũng đều là giả danh cả; ngã là “không”, là vô sở hữu, là thanh tịnh, nên chúng sanh... dẫn đến tri giả, kiến giả, cùng hết thấy các pháp đều cũng là “không”, là vô sở hữu, là thanh tịnh cả.

-oOo-

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Vì “tham, sân, si” thanh tịnh, nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

“Tham, sân, si” thanh tịnh cùng với “sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí” thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Này Tu Bồ Đề ! Vì vô minh thanh tịnh, nên hành thanh tịnh; hành thanh tịnh, nên thức thanh tịnh; thức thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh; danh sắc thanh tịnh, nên 6 nhập thanh tịnh; 6 nhập thanh tịnh, nên xúc thanh tịnh; xúc thanh tịnh, nên thọ thanh tịnh; thọ thanh tịnh, nên ái thanh tịnh; ái thanh tịnh, nên thủ thanh tịnh; thủ thanh tịnh, nên hữu thanh tịnh; hữu thanh tịnh, nên sanh thanh tịnh; sanh thanh tịnh, nên lão tử thanh tịnh.

Vì tất cả 12 chi duyên khởi đều thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Vì Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh, nên Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật đều thanh tịnh, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều thanh tịnh, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh.

Vì sao? Vì hết thấy pháp thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng đoạn, chẳng hoại.

Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh nên sắc... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật cùng với sắc... dẫn đến cùng với Nhất thiết chủng trí là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Này Tu Bồ Đề ! Vì hữu vi thanh tịnh, nên vô vi thanh tịnh. Vì sao? Vì hữu vi thanh tịnh cùng vô vi thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng đoạn, chẳng hoại.

Này Tu Bồ Đề ! Vì quá khứ thanh tịnh, nên hiện tại và vị lai đều thanh tịnh.

Vì sao? Vì quá khứ cùng hiện tại và vị lai là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng đoạn, chẳng hoại.

LUẬN:

Hỏi: *Phật đã dạy 3 độc là bất tịnh. Nay vì sao lại nói “tham, sân và si” thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh?*

Đáp: Đây là nói tánh của 3 độc thanh tịnh, nên tánh của sắc cũng là thanh tịnh. Bởi vậy nên nói 3 độc thanh tịnh, nên sắc cũng thanh tịnh. Vì sao? Vì 3 độc thanh tịnh cùng sắc thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Còn nói 12 chi duyên khởi thanh tịnh là nói tánh của vô minh là rốt ráo không, là vô sở hữu, là rốt ráo thanh tịnh, nên tánh của các chi khác trong 12 chi duyên khởi cũng đều rốt ráo thanh tịnh cả.

Vì 12 chi duyên khởi thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh.

Vì Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh, nên Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật đều thanh tịnh, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không đều thanh tịnh, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh. Vì hết thảy các pháp thanh tịnh là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Lại nữa, vì hữu vi thanh tịnh, nên vô vi thanh tịnh. Vì thật tướng của hữu vi là vô vi vậy.

Ví như người cầu “thường, lạc, ngã, tịnh” ở nơi các pháp, mà chẳng biết rằng “thường, lạc, ngã, tịnh” ở nơi các pháp là bất khả đắc.

Vì thật tướng vô vi là bất khả đắc, nên nói hữu vi thanh tịnh, thì vô vi thanh tịnh..

Lại nữa, do nhân duyên có hữu vi mới có vô vi. Các bậc

Thánh đã trú ở nơi vô vi, nên thấy hữu vi thanh tịnh, mà đã là thanh tịnh, thì cũng tức là vô vi vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói: hữu vi thanh tịnh, thì vô vi thanh tịnh, dẫn đến hữu vi pháp ở cả ba đời đều thanh tịnh. Vì sao? Vì quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại hằng chuyển, niệm niệm sanh diệt, nên hết thấy pháp đều là chẳng trú, mà cũng là chẳng phải chẳng trú; cả ba đời đều là rốt ráo không.

Khi vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi thì biết rõ hữu vi cùng vô vi đều là không, tức là biết rõ hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng, đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Hỏi: *Nếu chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật, thì đọa vào địa ngục; nếu tin Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ thành tựu được Phật quả. Như vậy, hạng người phạm tội “ngũ nghịch” phá giới, tà kiến, giải đãi, mà tin Bát nhã Ba-la-mật, thì có bị đọa địa ngục không? Người trì giới tinh tấn mà chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật, thì có đọa địa ngục không?*

Đáp: Phá Bát nhã Ba-la-mật có hai trường hợp. Đó là:

- Phá hoại lời Phật dạy trong các kinh điển. Ví như người vô trí nghe người khác đọc tụng kinh điển, mà phi báng, cho đó là chẳng phải lời Phật dạy. Hạng người như vậy đọa vào đoạn diệt kiến. Do chấp tà kiến như vậy, mà phải đọa vào địa ngục.

Lại có người viết chép lời Phật dạy, mà thêm bớt cho sai lệch, hoặc miệng thuyết Bát nhã Ba-la-mật là “không” mà tâm chấp là “có”. Hạng người như vậy cũng bị đọa vào địa ngục.

- Người tin Bát nhã Ba-la-mật mà luận nghị còn vương mắc, thì chẳng gọi là phá Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như ông Điều Đạt và ông Kỳ Vút đều làm thân Phật chảy máu, nhưng với tâm niệm khác nhau, nên đã thọ các

quả báo khác nhau. Ông Điều Đạt thì bị tội, còn ông Kỳ Vút thì được phước.

Lại ví như 2 người phá tượng Phật, một người vì thấy tượng chẳng đẹp mà phá đi để tạc tượng khác, một người vì ác tâm mà phá tượng, thì người sau bị đọa địa ngục vì tội phá pháp, phá tượng.

Lại nữa, có người, tuy chẳng có ý khinh Phật, nhưng lại phân biệt tư duy rằng: Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm, ắt phải có chỗ thâm diệu. Sao lại rốt ráo không được?

Tư duy như vậy, nói ra như vậy cũng là phá hoại Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Phật muốn cứu độ chúng sanh mà phương tiện nói ra để chỉ bày thật tướng pháp, mà phạm phu lại chấp tâm, thủ tướng. Do vậy mà khởi khẩu nghiệp hủy báng, phá hoại Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Tin Bát nhã Ba-la-mật cũng có 2 trường hợp. Đó là:

- Người tin giải Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức.
- Người tin kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, tin theo văn tự cùng ngữ ngôn Bát nhã Ba-la-mật, thì chỉ được quả báo phước đức.

Trái lại, người tinh tấn trì giới, điều thân khẩu tốt, mà vẫn còn tùy thuận theo tà kiến, thì cũng bị tội hành ác pháp.

Ví như người trồng giống cây quả đắng, thì chắc chắn sẽ hái quả đắng vậy. Người theo tà kiến cũng như vậy; tuy có tinh tấn trì giới, tinh tấn điều thân khẩu, mà vẫn có thể bị đọa vào đường ác.

Hỏi: *Người phạm tội “ngũ nghịch” là người phạm trọng tội. Hạng người này thường bị vô minh, si ám che tâm, chẳng tin vào các nghiệp quả báo ở đời này và cả ở đời sau, do các tội ác của họ gây ra. Như vậy, hạng người này làm sao có thể thâm tín Bát nhã Ba-la-mật được?*

Đáp: Có người trước đã phạm tội “ngũ nghịch” như giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng v.v..., nhưng về sau biết ăn năn, hối cải, lại được thiện tri thức dạy dỗ, cũng có thể tín giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, và vào được đạo.

Như trường hợp vua A Xà Thế phạm tội giết cha, đã nhờ Phật và ngài Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thuyết Bát nhã Ba-la-mật cho nghe, mà thâm tín Bát nhã Ba-la-mật chứng được đạo quả.

-o0o-

Nên biết, người viết chép kinh quyển, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật mong khỏi tội ác, nhưng nếu chẳng liễu được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng vẫn chẳng vào được đạo.

Lại cũng nên biết, có người ở đời trước đã được gặp thiện tri thức, đã chứa nhóm các nhân duyên phước đức, đã có lợi căn, đã thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, thì ở đời nay cũng lại thâm tín Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-oOo-

Phẩm Thứ Bốn Mươi Hai



Thán Tịnh

(Tán Thán Thanh Tịnh)

KINH:

Lúc bảy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này rất thậm thâm chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này rất thậm thâm, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thanh tịnh thậm thâm?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc... dẫn đến thức thanh tịnh, nên là thanh tịnh thậm thâm.

Vì 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều thanh tịnh, nên là thanh tịnh thậm thâm.

Vì Bồ tát thanh tịnh, Phật thanh tịnh... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, nên là thanh tịnh thậm thâm.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này rất diệu minh chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này rất diệu minh vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là thanh tịnh diệu minh?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, nên là thanh tịnh diệu minh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này bất tương tục chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này bất tương tục, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì bất tương tục, khiến thanh tịnh này bất tương tục?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều vô khứ (chẳng đi), bất tương tục (chẳng tương tục), nên thanh tịnh này bất tương tục.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô cấu chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này vô cấu, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì vô cấu, khiến thanh tịnh này vô cấu?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì tánh của sắc... dẫn đến tánh của Nhất thiết chủng trí thường thanh tịnh, nên thanh tịnh này vô cấu.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô đố, vô trước chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này vô đố, vô trước, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì vô đố, vô trước, khiến thanh tịnh này vô đố, vô trước?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều vô đắc, vô trước, nên thanh tịnh này vô đắc, vô trước.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô sanh chăng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Thanh tịnh này vô sanh, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì vô sanh, khiến thanh tịnh này vô sanh?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí vô sanh, nên thanh tịnh này vô sanh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Dục giới chăng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Dục giới, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thanh tịnh này chẳng có sanh trong Dục giới?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì tánh của Dục giới bất khả đắc, nên thanh tịnh này chẳng có sanh trong dục giới.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới chăng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phát! Vì tánh của Sắc giới và

của Vô Sắc giới là bất khả đắc, nên thanh tịnh này chẳng có sanh trong Sắc giới và Vô Sắc giới.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thanh tịnh này vô tri chẳng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Thanh tịnh này vô tri vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao thanh tịnh này là vô tri?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Vì các pháp đều là độn, nên thanh tịnh này vô tri.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Sắc... dẫn đến thức vô tri là tịch tịnh chẳng?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc... dẫn đến thức tịch tịnh, thì thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Vì sắc... dẫn đến thức đều là tự tướng không, nên sắc... dẫn đến thức tịch tịnh, khiến thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao hết thấy các pháp tịch tịnh, thì thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, nên hết thấy các pháp tịch tịnh, khiến thanh tịnh này là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật ở nơi Nhất thiết chủng trí có tăng, có giảm chẳng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Chẳng có tăng giảm, vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật ở nơi Nhất thiết chủng trí chẳng có tăng giảm?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì hết thấy các pháp thường trú, nên Bát nhã Ba-la-mật ở nơi Nhất thiết chủng trí chẳng có tăng giảm.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh chẳng thọ hết thấy các pháp chẳng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì pháp tánh bất động, nên Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh chẳng thọ hết thấy các pháp.

LUẬN:

Thanh tịnh thể hiện ở hai nơi tướng. Đó là:

- Trí tuệ thanh tịnh.
- Duyên pháp thanh tịnh.

Đây là hai tướng tịnh do đối đãi với nhau, nương vào nhau mà có.

Ly trí tịnh, thì chẳng có duyên tịnh; mà ly duyên tịnh cũng chẳng có trí tịnh. Vì sao? Vì hết thấy tâm pháp cũng như tâm sở pháp đều từ duyên sanh. Nếu tâm chẳng duyên, thì trí chẳng sanh được. Ví như chẳng có củi hay chẳng có các loại chất đốt khác, thì lửa chẳng thể nào hiển tác được.

Người có trí huệ biết rõ các duyên đều thanh tịnh. Người vô trí chẳng có thể biết được như vậy, nên ở nơi trí tịnh, nơi duyên tịnh mà tương đãi phân biệt.

Nên biết, thật tướng pháp bản lai thanh tịnh, ly cả trí và

duyên. Chỉ vì tâm và tâm sở y vào các nhiễm duyên pháp, mà cho là chẳng thanh tịnh vậy.

Cũng nên biết, hết thầy các pháp bản lai thanh tịnh, chẳng phải do Phật tạo tác ra; chẳng phải do ai khác tạo tác ra. Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp tánh vẫn thường trú, chẳng có hoại. Tuy rằng các pháp là hư vọng, nhưng bản lai vẫn chẳng nhiễm, chẳng tịnh; tự tánh của các pháp vẫn thường thanh tịnh, là như pháp tánh thật tế, là Bát nhã Ba-la-mật, là đạo; thường là bất sanh, bất diệt, thường là vô tướng, vô tác, vô tri, vô đắc; thường là rốt ráo không.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất quán thật tướng Bát nhã Ba-la-mật là bất văn (chẳng nghe được), bất kiến (chẳng thấy được), bất thuyết (chẳng nói ra được), bất hoại (chẳng hoại). Bởi vậy nên người hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải chịu vô lượng tội khổ; còn người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng phước đức. Quán như vậy rồi, ngài phát tâm hoan hỷ, bạch Phật: Thanh tịnh như vậy là thanh tịnh thậm thâm.

Phật dạy: Chỗ ông thấy như vậy thật là hy hữu. Thế nhưng thật tướng pháp lại còn vi diệu hơn nhiều.

Vì sao? Vì hết thầy pháp đều là thanh tịnh, đều là vô sở trú... dẫn đến thanh tịnh đó cũng là vô sở trú. Thanh tịnh như vậy mới gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, thanh tịnh như vậy chính là Bát nhã Ba-la-mật, khiến vô biên phiền não khổ đau đều được tận diệt.

Chư Thánh, ở nơi hết thầy các pháp, vẫn thường giữ tâm thanh tịnh, thường làm các việc lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng có chấp trước. Đây là thanh tịnh “thậm thâm”.

Phật dạy: Bồ tát, ở nơi các sắc pháp, phải đoạn hết các quán hạnh, thì mới được thanh tịnh. Vì sao? Vì khi danh sắc đã được thanh tịnh, thì sẽ phá được các hý luận vô minh, sẽ vào được nơi rốt ráo không, sẽ được trí huệ quang minh.

Đây là thanh tịnh “diệu minh”.

Bồ tát hành các diệu pháp Ba-la-mật, rồi lại nhập vào “không tam muội” để xả các thiện pháp, nên được thanh tịnh diệu minh, vào Hữu Dư Niết bàn.

Đến khi thọ mạng tận, khiến 5 ấm thân chẳng còn tương tục nữa, Bồ tát vĩnh viễn chẳng còn thọ nghiệp báo sanh thân nữa.

Đây là thanh tịnh “bất tương tục”.

Bồ tát được thanh tịnh bất tương tục, vào Vô Dư Niết bàn.

-o0o-

Lại nữa, do được thanh tịnh mà hành giả chẳng còn bị 108 phiền não che tâm, chẳng còn bị nhiễm ô nữa.

Đây là thanh tịnh “vô cấu”.

Hành giả được các diệu pháp tự tại như vậy, là vào được nơi thật tướng pháp, vào được nơi “bất nhị môn”.

Hành giả tu khổ pháp nhẫn, tu 4 thánh đế dẫn đến được 16 tâm hạnh, được quả Sa môn, chẳng còn bị đọa nữa.

-o0o-

Hành giả lại tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến được nhu thuận nhẫn, được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, được thanh tịnh pháp.

Ở nơi đây, hành giả dụng tâm vô sở đắc, hành các diệu pháp, mà biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không. Vì biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, nên chẳng chấp trước, chẳng khởi nghiệp. Đây là thanh tịnh “vô đắc”, “vô trước”.

-o0o-

Do chẳng có tác nghiệp, nên hành giả ở nơi hết thấy các thể gian pháp, mà vẫn được thể “vô sanh”.

Đây là thanh tịnh “vô sanh”.

Ở trong 3 cõi, có 2 nhân duyên dẫn đến “vô sanh”. Đó là:

- Chẳng khởi 3 nghiệp “thân, khẩu và ý”.
- Biết rõ 3 cõi đều là tự tánh không, đều là bất khả đắc.

-o0o-

Lại nữa, hết thấy pháp vốn là vô tri, là động, vì tự tánh thường bất sanh, bất diệt, thường là bất khả đắc, là rốt ráo thanh tịnh. Đây là thanh tịnh “vô tri”.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất biết các vị tân học Bồ tát còn tham trước Bát nhã Ba-la-mật; ngài muốn đoạn các sự tham trước ấy, nên đã bạch với Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng công đức như vậy nhưng lại là rốt ráo thanh tịnh, ở nơi Nhất thiết chủng trí, Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều như mộng, như huyễn. Người nằm mộng tưởng như có được, có mất, nhưng thật

ra chẳng có gì tăng, chẳng có gì giảm, chỉ ví như hư không vậy thôi.

Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy, chẳng có tăng, chẳng có giảm, là như hư không, là rốt ráo thanh tịnh, là vô sở hữu.

Vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh như hư không, nên Bồ tát mới thành tựu chúng sanh, cứu độ chúng sanh, mà vẫn là bất khả đắc.

Vì pháp tánh là bất động, nên Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, đoạn hết thảy các ngôn ngữ hý luận, diệt hết thảy các quán, chẳng thọ hết thảy các pháp, dẫn vào nơi thật tướng pháp vậy.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên sắc thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ngã là vô sở hữu, nên sắc là vô sở hữu là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên thọ, tưởng, hành và thức thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã thanh tịnh, nên thọ, tưởng, hành và thức thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ngã là vô sở hữu nên thọ, tướng, hành và thức đều là vô sở hữu, là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên 6 pháp Ba-la-mật thanh tịnh chăng?

Vì ngã thanh tịnh, nên 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã thanh tịnh, nên 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh, nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Vì sao ngã thanh tịnh, nên Nhất thiết chủng trí là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là vô tướng, vô niệm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì vô tướng, vô niệm thanh tịnh nên vô đắc, vô trước thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì vô tướng, vô niệm thanh tịnh, nên vô đắc, vô trước thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao vô tướng, vô niệm thanh tịnh, nên vô đắc, vô trước thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là vô cấu, vô tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì ngã vô biên, nên sắc... dẫn đến thức thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngã vô biên, nên sắc... dẫn đến thức thanh tịnh là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là tất cánh không, là vô thí không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát biết được như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi Bồ tát biết được như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Bồ tát ấy biết đạo chủng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện, nên tự niệm rằng: Sắc chẳng biết sắc... dẫn đến thức chẳng biết thức; pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ; pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại; pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát

nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện, nên chẳng tự niệm rằng: Ta tu bố thí như vậy, tu trì giới như vậy, tu nhẫn nhục như vậy, tu tinh tấn như vậy, tu thiền định như vậy, tu trí huệ như vậy; ta được phước đức như vậy.

Lại cũng chẳng tự niệm rằng: Ta sẽ nhập Bồ tát vị, sẽ thành tựu chúng sanh, sẽ thanh tịnh Phật độ, sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện, nên chẳng có tướng niệm phân biệt các pháp, vì đều là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, tánh không, chư pháp không, tự tướng không vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện như vậy, nên được vô sở ngại.

LUẬN:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề cần nêu lên các nhân duyên, mới có thể vì chúng hội, thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Do vậy mà ngài Xá Lợi Phất hỏi về “thanh tịnh tướng”, và ngài đã được Phật tác chứng.

Nay ngài Tu Bồ Đề thuyết về “thanh tịnh tướng”, nên Phật cũng lại tác chứng, và vì đại chúng dạy rằng: Vì ngã thanh tịnh, nên sắc... dẫn đến thức thanh tịnh; vì ngã là vô sở hữu, là rốt ráo không, nên sắc... dẫn đến thức cũng là vô sở hữu, là rốt ráo không.

Nếu nói 5 ấm thanh tịnh, thì người nghe khó hiểu. Do vậy mà Phật nói ngã thanh tịnh để người nghe dễ hiểu hơn, rồi sau đó mới nói đến 5 ấm thanh tịnh. Dùng chỗ dễ hiểu để giải thích chỗ khó hiểu vậy.

Thuyết về 6 pháp Ba-la-mật, về 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, về 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, về 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật, Phật cũng nói về ngã thanh tịnh để giải thích cho đại chúng biết rõ hết thấy các pháp đó cũng đều là thanh tịnh cả.

Hỏi: *Trên đây đã nói ngã vô sở hữu, nên sắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là vô sở hữu. Nay vì sao nói 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo đều là tự tướng không?*

Đáp: Ngã do nhân duyên hòa hợp mà giả danh có. Thế nhưng, ở nơi vô ngã, mà phạm phu điên đảo chấp ngã.

Bởi vậy nên Phật dạy: Ngã là hư vọng, là vô sở hữu, nên sắc... dẫn đến thức, Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, cùng hết thấy các pháp đều là hư vọng, là vô sở hữu cả.

Các pháp, dù là thiện, dù là bất thiện cũng đều là pháp hữu vi. Vì các Bồ tát phát tâm còn chấp vào các thiện pháp, nên Phật dạy: Các pháp hữu vi đều là vô sở hữu.

Còn 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo là pháp vô vi, nên Phật dạy: Các pháp này đều là tự tướng không.

Đã là tự tướng không, thì là vô sanh, vô diệt, vô trú, vô dị vậy. Sở dĩ chẳng nói các pháp vô vi là vô sở hữu, mà nói là tự tướng không, vì lý do sau đây:

- Ở nơi các pháp hữu vi còn có khởi các tà hạnh, nên phải nói là vô sở hữu.

- Ở nơi các pháp vô vi chẳng có khởi tà hạnh, nên nói là

vô sanh, vô diệt, vô trú, vô dị, là tự tướng không.

Cho nên nói: Ngã thanh tịnh thì Nhất thiết chủng trí cũng thanh tịnh. Nếu Bồ tát thâm nhập được vô tướng, vô niệm, thì vào được “vô tướng tam muội”.

Nay ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là chân thanh tịnh, nên đã thưa hỏi Phật về 2 pháp “vô đắc” và “vô trước” thanh tịnh.

Nên biết, thanh tịnh, nói nơi đây, có 2 nghĩa:

- Dùng hai pháp đều là thanh tịnh cả.
- Dùng “bất nhị pháp” thanh tịnh.

Khi nói hai pháp thanh tịnh là nói về mặt danh tự. Còn khi nói về “bất nhị pháp” thanh tịnh là nói về chân thanh tịnh.

Phật dạy: Các pháp đều là rốt ráo không, rốt ráo thanh tịnh. Sở dĩ trong kinh nói đến hai pháp thanh tịnh, vì nhằm phá các chấp về “có đắc”, “có trước” của phàm phu. Ví như nói: Vì ngã thanh tịnh, nên 5 ấm thanh tịnh; vì ngã vô biên thanh tịnh, nên 5 ấm vô biên thanh tịnh v.v...

Ở đây, Phật nói lên nhân duyên hết thảy các pháp đều là “vô cấu, vô tịnh”, nên đều là “vô tướng, vô niệm”, là “vô đắc, vô trước”, là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Hỏi: *Nói rốt ráo thanh tịnh là đủ rồi. Vì sao còn nói tất cánh không, vô thi không làm gì nữa?*

Đáp: Rốt ráo thanh tịnh cũng có nghĩa là rốt ráo không, tức là tất cánh không rồi vậy. Do phàm phu sợ nghĩa “không”, nên phải nói nghĩa “thanh tịnh” vậy.

Ở đoạn kinh trên đây có nói đến “ngã vô biên”. Đây là nói về “chúng sanh không”; mà “chúng sanh không” tức là “vô

thì không” vậy. Người hiểu rõ được như vậy, mới là người tín giải được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, là người biết rõ được “chúng sanh không” và “pháp không”, biết rõ được hết thấy các pháp đều rớt ráo không, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rớt ráo thanh tịnh.

Trên đây, Phật đã nói rõ về nghĩa “rớt ráo không”, nên ngài Tu Bồ Đề mới hỏi: Nếu nói rớt ráo không, thì làm thế nào để biết được hết thấy pháp đều là rớt ráo không? Vì sao nói Bồ tát biết được như vậy là Bồ tát Ma-ha-tát Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Vô tri (chẳng biết) cũng tức là tri đạo chùng (biết đạo chùng). Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rớt ráo không, rồi lại muốn chúng sanh cũng biết như vậy, để xa lìa tâm chấp trước. Vì sao? Vì nói rớt ráo không chỉ nhằm để phá tâm chấp trước, nhưng “rớt ráo không” chẳng phải là định pháp vậy.

Nghe Phật dạy như vậy, ngài Tu Bồ Đề nói: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải tự niệm rằng: Sắc chẳng biết sắc... dẫn đến thức chẳng biết thức, pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ, pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại, pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai v.v...

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại phải tự niệm rằng: Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng. Chỉ vì lợi ích chúng sanh, mà dùng đạo chùng trí phân biệt thuyết ra vậy thôi.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có các lực phương tiện, nên biết rõ các pháp đều là rớt ráo không, biết rõ sắc pháp chẳng biết sắc pháp. Quán hết thấy các pháp là rớt ráo không như vậy là dùng “huệ năng quán” để dẫn đạo chúng sanh xả ly chấp tướng, thể nhập vào rớt ráo không vậy.

Bồ tát, do quán nội pháp cũng như ngoại pháp đều rốt ráo không như vậy, mà có được đầy đủ các lực phương tiện, nên khi hành bố thí được tam luân không tịch, chẳng thấy có ta là người hành bố thí, chẳng thấy có người thọ hưởng sự bố thí, chẳng thấy có tài vật đem ra bố thí vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói sắc pháp chẳng biết sắc pháp, vì hết thấy các pháp đều là rốt ráo không. Nếu các pháp chẳng tương tri, tức là chẳng biết nhau, thì các pháp đều là “vô sở tác” vậy.

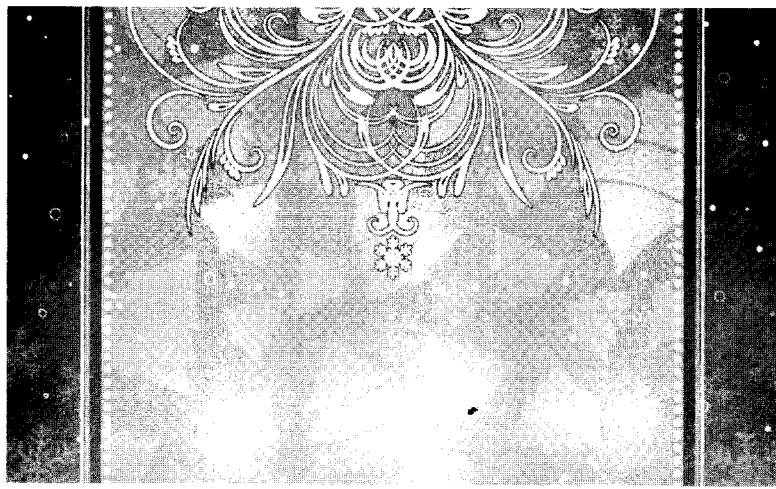
Như vậy là phá được hai chấp là chấp có người thọ thí, có tài vật thí. Nay lại phá luôn cả chấp có người hành bố thí nữa, dẫn đến phá chấp ngã, chấp Nhất thiết chủng trí, chấp hết thấy pháp. Do Bồ tát có đầy đủ các lực phương tiện mà được như vậy.

Nếu chẳng phải như vậy, mà vọng khởi phân biệt, là chẳng liễu triệt được “nội không”... dẫn đến chẳng liễu triệt được “tự tướng không”.

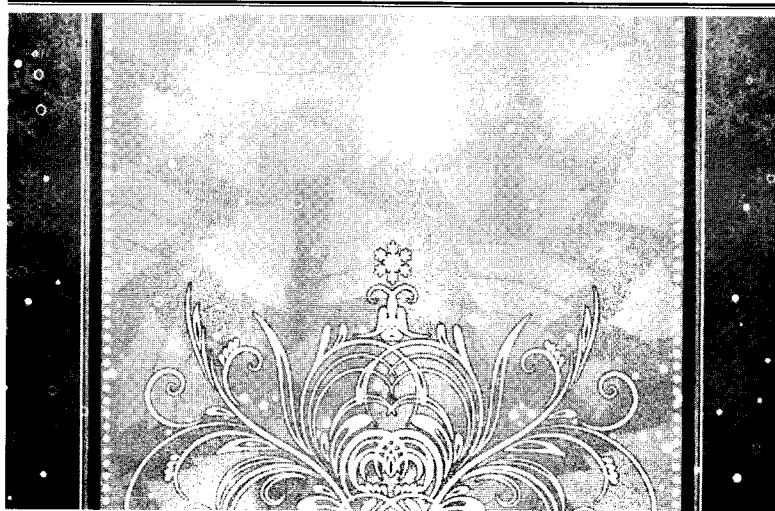
Nên biết, 13 “pháp không” nêu ở đây, từ nội không... dẫn đến tự tướng không, nhằm phá hết thấy các chấp về pháp tướng. Còn 5 “pháp không” sau cùng gồm có chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không và vô pháp hữu không, nhằm phá tổng tướng của hết thấy các pháp.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, do có lực phương tiện như vậy, nên được vô sở ngại; vô ngại đối với ngã cũng như vô ngại đối với pháp.

(Hết quyển 63)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 64



Phẩm Thứ Bốn Mươi Hai (TIẾP THEO)



Thán Tịnh (tiếp theo)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa đại đức! Thế nào gọi là thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà chứng ngại pháp?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Có thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà mong tâm chấp tướng, như là chấp tướng Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tướng Bát nhã Ba-la-mật, chấp tướng nội không... dẫn đến tướng vô pháp hữu pháp không, chấp tướng 4 niệm xứ... dẫn đến tướng 8 thánh đạo, chấp tướng 10 lực... dẫn đến tướng 18 bất cộng pháp, chấp tướng gieo trồng thiện căn của chư Phật, chấp tướng hòa hợp hết thấy các phước đức, chấp tướng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy là thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà chứng ngại pháp. Dụng pháp như vậy chẳng được vô ngại ở nơi Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì còn chấp tướng 5 ấm... dẫn đến còn chấp tướng Nhất thiết chủng trí, thì chẳng thể hồi hướng được.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát muốn giáo hóa người khác tu tập để đến được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải giáo hóa họ về thật tướng các pháp.

Thiện nam, thiện nữ, nếu cầu Bồ tát đạo, thì khi hành

6 pháp Ba-la-mật chẳng nên khởi tâm phân biệt rằng: Tôi có bố thí, có trì giới, có nhẫn nhục, có tinh tấn, có thiền định, có trí huệ; tôi có tu tập nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, có tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, có tu tập 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, có hành Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu giáo hóa người khác tu Vô Thượng Bồ Đề như vậy, thì thiện nam, thiện nữ ấy đã theo đúng lời Phật dạy, chẳng có lầm lạc, khiến xa lìa được hết thảy các ngại pháp.

Lúc bấy giờ, Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ông đã vì chur Bồ tát khéo thuyết về các chướng ngại pháp.

Này Tu Bồ Đề! Này ông hãy lắng nghe ta nói về các tướng chướng ngại vi tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con xin nhất tâm nghe.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, mà còn chấp tướng tướng niệm chur Phật là còn bị chướng ngại pháp.

Lại nữa, nếu thiện nam, thiện nữ tướng hết thảy thiện căn của chur Phật, từ sơ phát tâm... dẫn đến thời kỳ pháp trụ, rồi hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà còn chấp tướng, thì như vậy là còn bị chướng ngại pháp.

Lại nữa, nếu thiện nam, thiện nữ chấp tướng thiện căn của chur Phật, của chur đệ tử Phật ... dẫn đến của các chúng sanh, rồi đem hết thảy các thiện căn đó hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy cũng là còn bị chướng ngại pháp.

Vì sao? Vì chẳng nên chấp tướng chư Phật, chẳng nên chấp tướng tướng niệm chư Phật, chẳng nên chấp tướng thiện căn, chẳng nên chấp tướng tướng niệm thiện căn.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thật thâm thâm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thâm thâm vì thường ly hết thấy các pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con xin thành kính đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, nên chẳng có ai năng đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy hết thấy các pháp đều bất khả đắc chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều chỉ là một tánh (nhất tánh), chẳng phải là hai tánh (nhị tánh).

Nhất tánh cũng tức là vô tánh, nên chẳng có khởi, chẳng có tác.

Nếu Bồ tát biết rõ các pháp chỉ là nhất tánh, là vô tánh, đều chẳng khởi, chẳng tác, thì xa lìa được hết thấy chướng ngại tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật thật khó biết, khó giải.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Bát nhã Ba-la-mật chẳng ai thấy, chẳng ai nghe, chẳng ai biết, chẳng ai đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghì.

Phật dạy: **Này Tu Bồ Đề!** Đúng như lời ông nói, **Bát nhã Ba-la-mật chẳng từ tâm sanh, chẳng từ 5 ấm sanh, ... dẫn đến chẳng từ 18 bất cộng pháp sanh.**

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích lại hỏi về chướng ngại pháp?*

Đáp: Ngại tướng ở nơi chư vị Bồ tát rất là vi tế. Vì sao? Vì ngay ở nơi các thiện pháp cũng có vi tế ngại tướng. Người lợi căn, thượng trí mới có thể thấy được; còn người độn căn, thiếu trí thì chẳng sao có thể thấy được vậy.

Bởi vậy nên, trước Phật, vị Đế Thích mới thưa hỏi về vi tế chướng ngại pháp.

-o0o-

Nên biết, “xan tâm” là chướng ngại pháp. Muốn bỏ “xan tâm”, phải hành “thí tâm”. Thế nhưng, bỏ xan tâm, hành thí tâm, mà vẫn còn thủ chấp tướng bố thí, thì cũng vẫn còn bị ngại pháp.

Trái lại, nếu bố thí các nội ngoại vật sở hữu của mình, mà chẳng chấp có tướng người thí, người thọ và tài vật thí, thì mới chẳng bị ngại pháp, mới là bố thí Ba-la-mật. Đối với tùy hỷ thiện căn, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.

Vì sao? Vì mặc dù bố thí là diệu pháp, nhưng nếu trong vẫn còn chấp ngã, và ngoài vẫn còn chấp pháp, thì cũng vẫn còn là bị ngại pháp vậy.

Ví như món ăn ngon có trộn tạp độc, khiến người ăn phải mang bệnh vào thân.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nói rõ rằng: Pháp tướng rốt ráo là không. Bồ tát phải chẳng chấp tướng chư Phật, tướng thiện căn, tướng hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề... mới xa lìa được các chướng ngại pháp. Ở nơi “vô ngại tướng”, Bồ tát phải dụng thật trí huệ khai thị cho người cầu Vô Thượng Bồ Đề, để họ biết rõ được thật nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật, khiến họ diệt sạch được các thức tướng phân biệt, dẫn họ vào nơi thật tướng pháp.

Nếu Bồ tát dụng thật tướng pháp, giáo hóa cho người cầu Vô Thượng Bồ Đề như vậy, sẽ đạt được hai điều lợi ích. Đó là:

- Tự mình chẳng lầm lạc.

- Đúng theo lời Phật dạy mà giáo hóa người khác, khiến họ chẳng bị lầm lạc.

Được như vậy là chẳng còn bị “ngại pháp tướng” nữa, nên gọi là được “vô ngại pháp tướng”, được “vô tướng pháp tướng” vậy.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề đã khéo thuyết về nghĩa “ngại pháp tướng”, và đã được Phật tán thán. Nay vì sao Phật còn dạy thêm về “vi tế ngại pháp tướng” nữa?*

Đáp: Phật thấy ngài Tu Bồ Đề có trí lực, nên đã tán thán ngài là người đã xả được “chúng sanh tâm”, và đã thuyết về nghĩa “ngại pháp tướng”. Thế nhưng, trí lực của ngài Tu Bồ Đề vẫn còn có hạn lượng, nên Phật đã dạy rõ thêm về nghĩa của “vi tế ngại pháp tướng”, khiến ngài nhất tâm xin lắng nghe.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát còn chấp tướng niệm Phật, chấp tướng thiện căn, chấp tướng hồi hướng... là còn bị “vi tế ngại pháp tướng”, là chưa vào được Bát nhã Ba-la-mật, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô ngại tướng, là vô tướng tướng vậy.

Chư Phật xuất sanh từ nơi Bát nhã Ba-la-mật cũng là vô tướng tướng.

Bởi vậy nên, nếu ở các thiện căn, còn chấp có tướng thiện căn, còn chấp có tướng hồi hướng thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề, thì chỉ thọ được quả báo thế gian có tạp độc, chẳng có thể nào đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: “*Thô ngại pháp tướng*” và “*Vi tế ngại pháp tướng*” có gì sai khác nhau chăng?

Đáp: Trên đây đã nói về “*thô ngại pháp tướng*”, như nói hành bố thí mà còn chấp có tướng người thí, có tướng người thọ, có tướng tài vật thí là còn bị “*thô ngại pháp tướng*”.

Nay nói về “*vi tế ngại pháp tướng*”, như nói về trường hợp Bồ tát thù tam muội.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề biết Phật dạy đến chỗ thâm diệu của Bát nhã Ba-la-mật, mà chính ngài chưa có đạt đến được, nên ngài đã tán thán Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm.

Phật dạy: Vi thường ly hết thầy các pháp tướng... dẫn đến phải ly hết thầy các vi tế pháp tướng, mới vào được Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề được thâm giải nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, nên phát tâm kính lễ Bát nhã Ba-la-mật, và bạch Phật rằng: Con xin thành kính đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, nên

chẳng có ai đắc. Hằng sa chư Phật khắp trong 10 phương đều chẳng đắc, huống nữa là hàng Thanh Văn làm nói sao đắc được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Chẳng phải riêng Bát nhã Ba-la-mật là pháp chẳng thể biết, chẳng thể đắc, mà hết thảy các pháp cũng đều là chẳng thể biết, chẳng thể đắc cả.

Phật dạy: Các pháp đều chỉ là nhất tánh (một tánh), chẳng phải là nhị tánh (hai tánh). Nhất tánh là rốt ráo không, nên cũng là vô tánh vậy. Vì là rốt ráo không, nên là chẳng thủ chấp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: Nếu là vô tánh, thì chẳng khởi, chẳng tác... dẫn đến chẳng còn tương tục ở đời sau.

Biết được như vậy là vào được Bát nhã Ba-la-mật, xả ly hết thảy các ngại pháp, nếu xả ly hết thảy các ngại pháp, thì được tự tại... dẫn đến được Vô Thượng đạo vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại nghĩ rằng: Chỗ ta cho là đắc, thì Phật gọi là bất đắc. Bát nhã Ba-la-mật thật là khó giải, khó biết vậy.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ riêng ông nghĩ là khó, mà hết thảy chúng sanh đều chẳng thể thấy, chẳng thể nghe, chẳng thể biết, chẳng thể đắc vậy. Chẳng có thể dùng 6 căn, 6 thức để biết, để đắc Bát nhã Ba-la-mật được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật vượt ra ngoài tầm hay biết của 6 thức, nên nói là khó giải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề dụng trí lực đến chỗ cùng tột mới thâm nhập được vào Bát nhã Ba-la-mật, nên ngài bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghì.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ tâm sanh, chẳng phải từ 5 ấm sanh... dẫn đến chẳng phải từ 18 bất cộng pháp sanh. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật là vô sanh tướng vậy.

Hỏi: Nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ tâm sanh là đủ rồi. Vì sao lại còn nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ 5 ấm sanh làm gì nữa? Vì trong 5 ấm, thì thức ấm cũng chính là tâm rồi vậy.

Đáp: Trước nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ tâm sanh là nói lược. Nay nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải từ 5 ấm sanh là nói rộng. Đây là nói 5 ấm... dẫn đến 18 bất cộng pháp, tuy cùng với Bát nhã Ba-la-mật duyên khởi, mà chẳng sanh ra Bát nhã Ba-la-mật. Ví như gió lớn làm cho đám mây tan biến, khiến mặt trời và mặt trăng xuất hiện, mà gió chẳng phải là mặt trời, mặt trăng vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Bốn Mười Ba



Vô Tác

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bát nhã Ba-la-mật là vô sở tác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tác giả là bất khả đắc, nên sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là bất khả đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát muốn thật hành Bát nhã Ba-la-mật, thì phải thật hành như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc thường hay vô thường... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí thường hay vô thường, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc lạc hay khổ... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí lạc hay khổ, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc ngã hay vô ngã... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí ngã hay vô ngã, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát chẳng hành sắc tịnh hay bất tịnh... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí tịnh hay bất tịnh, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tự tánh không, là vô sở hữu. Bởi vậy nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng phải là thường, là vô thường, là lạc, là khổ, là ngã, là vô ngã, là tịnh hay bất tịnh vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc bất cụ túc (chẳng đầy đủ)... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí bất cụ túc, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì sắc bất cụ túc thì chẳng gọi là sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất cụ túc, thì chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí. Chẳng hành như vậy mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có! Thế Tôn đã khéo thuyết về “ngại pháp tướng”, và về “vô ngại pháp tướng” của các thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! “ngại pháp tướng” và “vô ngại pháp tướng” của các thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo là như vậy đó.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, là chẳng bị chướng ngại pháp, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên biết rõ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là vô ngại; biết rõ 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là vô ngại.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là

chưa từng có! Pháp thậm thâm này, hoặc thuyết ra, hoặc chẳng thuyết ra, cũng chẳng có tăng giảm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Pháp thậm thâm này, hoặc được thuyết ra, hoặc chẳng được thuyết ra, cũng chẳng có tăng giảm.

Ví như Phật, hoặc được tán thán, hoặc bị hủy báng mãi cho đến trọn đời, tâm vẫn thường như hư không, chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Lại ví như người huyễn, khi được tán thán chẳng có vui, khi bị hủy báng chẳng có buồn.

Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp tướng cũng đều là như vậy, dù có nói ra cũng như vậy, dù chẳng nói ra cũng như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát đạo rất khó hành rất khó tu. Chư Bồ tát, lúc tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng ưu phiền, chẳng hoan hỷ. Các ngài luôn tu tập, hành trì Bát nhã Ba-la-mật chẳng bao giờ thối chuyển, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Tu tập Bát nhã Ba-la-mật là như tu tập hư không. Trong hư không chẳng có Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có Bát nhã Ba-la-mật; chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có thức; chẳng có nội không... dẫn đến chẳng có vô pháp hữu pháp không, chẳng có 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng có 8 thánh đạo; chẳng có 10 lực... dẫn đến chẳng có 18 bất cộng pháp; chẳng có 4 quả Thanh Văn, chẳng có Bích Chi Phật đạo... dẫn đến chẳng có Vô Thượng Bồ Đề. Trong Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bạch Thế Tôn! Phải kính lễ chư Bồ tát Ma-ha-tát, vì chư vị này đã phát đại thế trang nghiêm. Vì chúng sanh mà chư vị này đã phát đại thế trang nghiêm, tinh tấn tu hành; y như vì hư không, mà phát đại thế trang nghiêm tinh tấn tu hành vậy.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát này muốn độ chúng sanh như muốn độ hư không. Chư Bồ tát này phát đại thế trang nghiêm, như hư không không phát đại thế trang nghiêm.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát này phát đại thế trang nghiêm, muốn độ chúng sanh, như là muốn nâng hư không lên vậy.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát này do tinh tấn đồng mãnh muốn độ chúng sanh như độ hư không, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Vì sao? Vì khắp 3.000 đại thiên thế giới, chư Phật vẫn thường thuyết pháp, độ vô lượng vô biên chúng sanh, khiến họ vào được Niết bàn, mà vẫn biết rõ chúng sanh tánh chẳng có tăng giảm, biết rõ chúng sanh tánh là vô sở hữu.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên con mới nói Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, muốn độ vô lượng vô biên chúng sanh, như là muốn độ hư không vậy.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, có một vị Tỷ-kheo bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con xin đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Trong Bát nhã Ba-la-mật, dù chẳng có pháp sanh, dù chẳng có pháp diệt, mà vẫn có giới chúng, định chúng, tuệ chúng, giải thoát chúng, giải thoát tri kiến chúng; vẫn có 4 quả Thanh Văn, có Bích Chi Phật đạo... dẫn đến

có Phật đạo; vẫn có Phật bảo, có Pháp bảo, có Tăng bảo; vẫn có chuyển pháp luân.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, nên ngài tự niệm rằng: Nếu Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi chẳng tác thì hành Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng đoạn được các phiền não, chẳng trồng được các thiện căn.

Ngài Tu Bồ Đề lại nghe Phật thuyết về nhân duyên tác giả bất khả đắc, mà hết thấy các pháp đều bất khả đắc, nên ngài lại tự niệm rằng: Nếu chẳng có tác giả, thì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở tác. Như vậy thì làm sao mà hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Phật dạy: Vì Bồ tát chẳng hành hết thấy pháp, nên chẳng đắc hết thấy pháp. Bồ tát chẳng hành sắc thường hay vô thường, khổ hay lạc, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí thường hay vô thường, khổ hay lạc, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Người vô trí hành các pháp thường, vô thường, khổ, lạc v.v... rồi trú nơi các pháp đó, nên mới khởi phân biệt. Còn người trí, tuy có hành các pháp đó, nhưng lại dùng trí huệ Bát Nhã soi sáng, biết rõ thật tướng pháp, nên chẳng có vướng chấp các pháp là thường, là vô thường, là khổ, là lạc... nữa.

Cũng nên biết, vì muốn phá chấp thường của phàm phu, mà nói đến vô thường v.v... Thế nhưng khi đã vào được Bát nhã Ba-la-mật, thì hành giả chẳng thọ hết thấy pháp, nên chẳng còn thủ chấp các pháp. Bởi vậy nên tư duy, trừ lượng đề cầu “thường” hay “vô thường” cũng đều là bất khả đắc cả.

Hỏi: Nói các sắc pháp là tội lỗi, là khổ, là bất tịnh v.v... còn hợp lý. Vì sao nói các thiện pháp cũng là khổ, là bất tịnh?

Đáp: Đã là “danh Pháp”, thì là bất tịnh, là khổ rồi vậy.

Ví như khi một pháp ứng hợp với ý mình, thì cho pháp ấy là tịnh, là lạc; trái lại, khi một pháp chẳng ứng hợp với ý mình, thì cho pháp ấy là bất tịnh, là khổ.

Đối với thiện pháp cũng là như vậy. Khi ưa thích, thì cho là tịnh, là lạc; khi đã nhàm chán thì cho là bất tịnh, là khổ.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng: Nếu ly hết thấy các pháp quán, là chẳng được cụ túc Bồ tát đạo chăng?

Phật dạy: Nếu chẳng hành sắc bất cụ túc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí bất cụ túc, mới là hành Bồ tát đạo.

Nên biết: “Cụ túc” (đầy đủ) có nghĩa là ở nơi các sắc pháp mà còn có ức tướng, còn có phân biệt là thường, là vô thường v.v...

Còn “bất cụ túc” có nghĩa là dùng vô thường để phá chấp về thường v.v... Nay ở nơi sắc cũng chẳng hành quán vô thường nữa, nên nói: Chẳng hành sắc bất cụ túc là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lại có thuyết nói: Bồ tát cụ túc là vị Bồ tát Bồ Xứ, như thật quán sắc... dẫn đến như thật quán Nhất thiết chủng trí. Nếu trái lại, thì gọi là Bồ tát bất cụ túc.

Nếu Bồ tát chẳng hành sắc bất cụ túc, là Bồ tát ấy hành cụ túc Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc bất cụ túc là “phi sắc”. Chẳng phải là sắc, thì cũng chẳng phải là thường tướng vậy.

Phật dạy: Phải vượt qua sự chấp thường của chúng sanh, phải dụng vô sở hữu, mới nói năng được vô ngại, mới thật là thanh tịnh. Vì sao? Vì chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là lược nói về “đạo” và “phi đạo” của Bồ tát.

Nếu còn ngại pháp là phi đạo. Phải chẳng còn ngại pháp nữa, mới là đạo.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ đề đã tán thán: Thật chưa từng có. Phật quán biết toàn thể chúng hội đã hướng tâm về pháp “không” đã biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là vô ngại, nên nói: Chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí, mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề, tuy chưa rớt ráo thông đạt về lý “không”, mà thường năng thuyết về pháp “không”. Ngài cho rằng: Pháp này cùng với hết thảy pháp thế gian trái nhau.

Phật dạy: Dù được thuyết ra, hay dù chẳng được thuyết ra, thì pháp này vẫn chẳng tăng chẳng giảm. Dù có dùng thân, dùng ý nhằm hủy hoại cũng chẳng làn cho thật tướng pháp thay đổi được, huống nữa là dùng miệng nói ra. Vì sao? Vì thật tướng pháp là thường hằng, là vô sanh tướng, là như hư không vậy. Bát nhã Ba-la-mật ví như hư không, chẳng có tăng, chẳng có giảm. Người hành Bát nhã Ba-la-mật ví như người huyền, dù được tán thán cũng chẳng vui, dù bị hủy báng cũng chẳng buồn vậy.

Do nghiệp tội nhân duyên, mà hư vọng, điên đảo chấp có các pháp sai khác. Thế nhưng, khi đã vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì biết rõ các pháp, ở nơi tự thể, chẳng hề thay đổi.

Ví như, khi đã qui tụ về núi Tu Di rồi, thì hết thấy các sắc pháp đều biến thành vàng ròng cả.

Cũng như vậy, hết thấy các pháp tướng, ở trong Bát nhã Ba-la-mật, đều là thật tướng pháp, nên đều chẳng thể biết, chẳng thể nói ra được. Dù có nói ra, hay dù chẳng có nói ra, thì thật tướng pháp, trước sau, vẫn rớt ráo là như vậy.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng: Nếu hết thấy các pháp đều là rớt ráo không, đều là vô sở hữu, là như hư không... dẫn đến chẳng có vi tế tướng, thì sự việc chư Bồ tát tu tập các thiện pháp dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề thật là khó tin, khó lãnh thọ được.

Tự niệm như vậy rồi ngài bạch Phật: Vì muốn độ hết thấy chúng sanh, nên Bồ tát cần khổ làm những việc khó làm. Vì Vô Thượng Bồ Đề, mà Bồ tát phát đại thế trang nghiêm. Bởi vậy nên hết thấy các hàng Trời người đều phải cung kính, lễ bái Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao biết thế nguyện của Bồ tát là đại thế trang nghiêm?*

Đáp: Như ngài Tu Bồ Đề đã nêu lên thí dụ: Bồ tát biết rõ chúng sanh là tự tánh không, là vô sở hữu như hư không, mà vẫn phát thế nguyện siêng năng, tinh tấn tu tập, làm những việc khó làm, vì lợi ích cho chúng sanh. Như vậy nên gọi là đại thế trang nghiêm.

Bồ tát vì lợi ích chúng sanh, vì muốn độ hết thấy chúng sanh, mà vẫn biết rõ chúng sanh là hư không, nên gọi là phát đại thế trang nghiêm vậy.

Hỏi: *Vì sao chỉ có một vấn đề mà cứ hỏi đi hỏi lại mãi như vậy?*

Đáp: Vì muốn làm lợi ích cho những người chưa vào được Niết bàn, khiến họ được trí huệ, thiên định... dẫn đến được phước lợi ở đời sau, khiến họ được lậu tận, thành tựu được 3 thừa đạo, và được Vô Dư Niết bàn, chẳng còn bị trói buộc bởi ‘sanh, diệt, khổ, vui’, được vô sở hữu như hư không, mà ngài Tu Bồ Đề nói đi nói lại nhiều lần: Bồ tát muốn độ chúng sanh như độ hư không, mà phát đại thế trang nghiêm.

Ngài Tu Bồ Đề lại tán thán: Bồ tát này được đại tinh tấn, chẳng còn nghi tâm, nên dù chưa được Phật đạo, chưa diệt sạch kiết sử, mà thường hành Bồ tát hạnh một cách đồng mãnh vậy. Có như vậy mới làm được việc khó làm, mới có thể độ “hư không chúng sanh”, như lấy vật nhọn vẽ trong hư không vậy.

Đây chính là nghĩa “chúng sanh không”. Chúng sanh do nhân duyên hòa hợp mà có, nên đều là tự tánh không vậy.

Chư Phật trong khắp 10 phương, vì chúng sanh thuyết pháp, trong nhiều đời nhiều kiếp. Mỗi Phật dùng thần lực, độ vô lượng vô biên chúng sanh vào Niết bàn, mà số chúng sanh vẫn chẳng có giảm thiểu. Chúng sanh chẳng có giảm thiểu thì chư Phật cũng chẳng có giảm thiểu.

Bởi vậy nên nói: Bồ tát muốn độ chúng sanh cũng rất khó, như là muốn độ hư không.

Lúc bấy giờ, có một vị Tỷ-kheo nghe thuyết về rốt ráo không, vừa kinh hãi, vừa vui mừng, đứng lên bạch Phật rằng: Con xin đánh lễ Bát nhã Ba-la-mật. Trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp nào có định tướng cả, mà vẫn có chúng sanh, vẫn có các quả báo vậy.

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhon nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Thưa đại đức! Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải nên tu tập pháp gì?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật là tu tập pháp “không”.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì con phải thủ hộ người ấy như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài có thấy pháp gì để thủ hộ chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Thưa đại đức! Tôi chẳng thấy pháp gì để thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật cả.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu thiện nam, thiện nữ y theo Bát nhã Ba-la-mật mà hành trì, thì như vậy là đã tự thủ hộ rồi vậy. Thiện nam, thiện nữ ấy thường chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, và thường y theo Bát nhã Ba-la-mật mà hành trì, nên chẳng bị các hạng người xấu ác, chẳng bị các loài phi nhơn quấy phá, hãm hại.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật là như thủ hộ hư không vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ mộng, diệm, ảnh, hưởng, huyễn, hóa được chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon đáp: Thưa đại đức! Chẳng thể thủ hộ được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu ai

muốn thủ hộ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng là như vậy. Chỉ tự mình làm nhọc mình thôi.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ pháp mà Phật biến hóa ra được chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa đại đức! Chẳng thể thủ hộ được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều thi Ca! Nếu ai muốn thủ hộ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng là như vậy.

Lại nữa, thưa ngài Kiều Thi Ca! Ý ngài nghĩ sao? Ngài có thể thủ hộ pháp tánh thật thế, bất khả tư nghĩ tánh chăng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa đại đức! Chẳng thể thủ hộ được.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu ai muốn thủ hộ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng là như vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi: Thưa đại đức! Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, để như thật biết hết thấy các pháp đều như là mộng, như diệm, như ảnh, như hương, như huyễn, như hóa?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm mộng, chẳng niệm đây là mộng, chẳng niệm ta dùng mộng, chẳng niệm mộng là của ta. Đối với diệm, ảnh, hương, huyễn, hóa cũng là như vậy.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại cũng chẳng niệm sắc, chẳng niệm đây là sắc,

chẳng niệm ta dùng sắc, chẳng niệm sắc là của ta... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm đây là Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm ta dùng Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là của ta.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là như thật biết hết thấy các pháp đều là như mộng, như niệm, như ảnh, như hưởng, như huyễn, như hóa.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, vị Đế Thích, sau khi nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, bèn hỏi ngài Tu Bồ Đề: Phải nên tu tập pháp gì?

Ngài Tu Bồ Đề đã đáp lại rằng: Hết thấy các pháp đều dẫn đến Niết bàn, nên phải tu tập pháp: “Không”. Muốn tu tập pháp Bát nhã Ba-la-mật là phải tu tập pháp “không” vậy.

-oOo-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là một vị Thiên chủ, có lực tự tại, lại phát nguyện thủ hộ người tu hành. Khi nghe được Bát nhã Ba-la-mật, ngài rất vui mừng, bạch Phật rằng: Con phải làm gì để thủ hộ người tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Lại nữa, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết ngài Tu Bồ Đề là một vị Tỷ-kheo, xuất gia, kính pháp, sợ các ác quỷ manh tâm quấy phá, như đã thường làm náo hại người hành Bát nhã Ba-la-mật, nên bạch Phật rằng: Con phải làm gì để thủ hộ người tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề biết Bát nhã Ba-la-mật là pháp rất quý trọng, có vô lượng oai lực, nhưng lại chẳng có chỗ nhãn thọ, nên đã nói với vị Đế Thích rằng: Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không, là như mộng, như diệm, như ảnh, như hưởng,

như huyễn, như hóa. Như vậy ngài có thấy có pháp gì để thủ hộ chẳng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp lại rằng: Chẳng thấy có pháp gì để thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật cả, vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Nếu hành giả y theo Bát nhã Ba-la-mật mà an trú, là đã tự thủ hộ rồi vậy.

Nếu y theo Bát nhã Ba-la-mật, mà nhất tâm tín thọ, tư duy, chánh ức niệm, thì sẽ vào được thâm thiền định, quán được thật tướng pháp, vào được nơi rốt ráo không.

-oOo-

Với trí huệ lực như vậy, hành giả sẽ mau được vô sanh pháp nhãn, mau vào được Bồ tát vị.

Vì đã vào được nơi thật tướng pháp, biết rõ các pháp đều là như mộng, như huyễn, đều là tự tướng không, nên hành giả dứt sạch được các phiền não, thường được an lạc, cần khổ làm các việc lợi ích cho chúng sanh, mà chẳng tiếc thân mạng.

Vì đã xả ly hết thảy các pháp thế gian, nên hành giả chẳng còn có ưu sầu, khổ não, chẳng có đắm chấp các lạc sự ở thế gian. Được thế gian lạc chẳng vui, mất thế gian lạc chẳng buồn. Hành giả thường y theo Bát nhã Ba-la-mật, nên tâm thường như như, bất động, thường được vô sở úy.

Trong kinh có nêu mẫu chuyện về ngài Xá Lợi Phất như sau:

Khi ngài Xá Lợi Phất đang nhập vào Diệt Tận Định, các quỷ Dạ Xoa đến quấy phá, đánh trên đầu ngài, mà ngài vẫn an nhiên tự tại. Vì sao? Vì nhập vào Diệt Tận Định là được

khí phần của Bát nhã Ba-la-mật, nên giữ được tâm bất động, khiến các kẻ ác, các loài phi nhơn chẳng sao tìm được chỗ tiện lợi để gây tác hại được.

-o0o-

Như vậy, người hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, tự thủ hộ cho mình, chẳng cần đến sự thủ hộ của người khác.

Chỉ có người hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn chấp có được, có mất, thì mới cần có sự thủ hộ vậy.

Có 2 trường hợp chẳng cần có sự thủ hộ. Đó là:

- Người đã nhàm chán thân, đã xả ly hết thảy pháp, được vô ngã và vô ngã sở. Do vì chẳng còn chấp ngã, nên dù thân có bị chẻ như chẻ tre cũng chẳng hề bị phiền não quấy nhiễu.

- Người đã được Thượng Diệu Pháp, đã được 10 phương chư Phật, chư Đại Bồ tát thường hộ niệm.

Lại nữa, người hành Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật được tâm tĩnh lặng như hư không, mưa chẳng thể làm ướt, gió chẳng thể lay động, đao thương chẳng thể làm hại được. Người muốn thủ hộ hư không chỉ tự mình làm nhọc mình, người muốn thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn: Ngài có thường thủ hộ hư không, thường thủ hộ người trong mộng chẳng?

Vì Đệ Thích đáp: Chẳng thể thủ hộ được.

Vì sao?

Vì người hành Bát nhã Ba-la-mật xem 5 âm thân như hư không, như mộng, như huyễn, là vô vi pháp, là như pháp tánh thật tế, là bất khả tư nghì tánh, nên thủ hộ người hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng lợi ích gì cả. Do vì xem thân là như pháp tánh thật tế, là bất khả tư nghì tánh, nên người hành Bát nhã Ba-la-mật luôn luôn được an nhiên tự tại, khi được cúng dường chẳng đắm, khi bị hủy báng chẳng buồn nản. Do vậy mà chẳng cần đến sự thủ hộ của người khác nữa.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết rõ phước lạc của mình cũng như mộng như huyễn, biết rõ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có đại trí lực, chẳng cần sự thủ hộ của người khác nên đã hỏi ngài Tu Bồ Đề: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật làm thế nào để như thật biết các pháp đều là như mộng như huyễn?

Ngài Tu Bồ Đề đáp lại vị Đệ Thích với nội dung như sau:

Như thật biết các pháp đều là như mộng, là chẳng niệm mộng, chẳng niệm đây là mộng, chẳng niệm ta dùng mộng, chẳng niệm mộng là của ta.

Phàm phu chẳng biết 5 âm là như mộng, mà thường đắm chấp thân 5 âm, nên phải dạy cho họ quán 5 âm như là mộng, chẳng nên chấp, và ngay cả mộng đó cũng chẳng nên chấp nữa. Vì sao?

Vì:

- Dù đã lấy mộng để dụ cho 5 âm, mà phàm phu vẫn chấp cảnh mộng khởi sanh ra trong lúc ngủ. Như vậy là “niệm mộng”.

- Ở trong cảnh mộng, lại phân biệt có tốt, có xấu, có lành, có dữ... cho như vậy là thật. Như vậy là “niệm đây là mộng”.

- Thấy cảnh mộng tốt lành, thì phấn khởi, vui vẻ; thấy cảnh mộng xấu ác thì buồn khổ, chán nản. Rồi lấy các điều thấy trong mộng để chứng minh, suy luận. Như vậy là “niệm dùng mộng”.

- Do chứng minh, suy luận về cảnh mộng, mà đắm chấp vào cảnh mộng của mình. Như vậy là “niệm mộng là của ta”.

Bởi vậy nên phải dạy cho họ chẳng nên niệm mộng, chẳng nên niệm đây là mộng, chẳng nên niệm ta dùng mộng, chẳng nên niệm mộng là của ta.

Đối với diệm, ảnh, hưởng, huyễn, hóa cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại nói tiếp: Người hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng niệm sắc, chẳng niệm đây là sắc, chẳng niệm ta dùng sắc, chẳng niệm sắc là của ta... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm đây là Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm ta dùng Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là của ta.

Người chẳng niệm sắc vì biết rõ nội ngoại sắc đều do 4 đại và 4 đại tạo sắc tạo thành... dẫn đến chẳng niệm 4 đại tạo sắc, thì dù là sắc thường, sắc vô thường v.v... vẫn chẳng hành sắc. Do chẳng hành sắc là thường, là vô thường, nên chẳng có sanh kiêu mạn. Do chẳng niệm sắc là ngã, là vô ngã, nên vào thẳng trong thật tướng pháp vậy.

Do chẳng niệm sắc, nên cũng chẳng niệm mộng, chẳng niệm đây là mộng, chẳng niệm ta dùng mộng, chẳng niệm mộng là của ta.

Khi đã phá được chấp về 5 ấm rồi, thì dù ở trong mộng cũng chẳng có lầm lạc. Còn người chưa phá được sắc, thì ở

nơi sắc bị lầm lạc, ở nơi mộng bị lầm lạc. Chưa phá được các chấp về thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến chưa phá được chấp về Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Đối với các dụ về “diệm, ảnh, hương, huyễn, hóa” cũng luận giải như trên.

-o0o-

KINH:

Lúc bảy giờ, do thần lực của Phật, chư thiên khắp trong 3.000 đại thiên thế giới, từ cõi trời Tứ Thiên Vương, Đạo Lợi Thiên, Đâu Suất Đà Thiên, dẫn đến Dạ Ma Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Phạm Thiên, Phạm Phú Thiên, Phạm Chúng Thiên, Đại Phạm Thiên, Thiếu Quang Thiên... dẫn đến Tịnh Cư Thiên đều tán hương chiên đàn cúng dường Phật, và cùng đánh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên.

Do thần lực của Phật, mà chư thiên thấy được ở phương Đông có cả ngàn đức Phật đang thuyết pháp; lại thấy có các vị Tỷ-kheo như ngài Tu Bồ Đề đang vấn nạn về phẩm Bát nhã Ba-la-mật; lại cũng thấy các vị Đế Thích đang thưa hỏi các đức Phật.

Ở chín phương kia cũng đều là như vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Di Lạc, khi thành Vô Thượng Bồ Đề, sẽ ở nơi đây thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Chư đại Bồ tát trong Hiền kiếp cũng đều ở nơi đây thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát Di Lạc sẽ dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát Di lạc sẽ thuyết rằng sắc... dẫn đến thức đều chẳng phải thường, chẳng phải vô thường; chẳng phải khổ, chẳng phải lạc; chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã; chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh; chẳng phải phục, chẳng phải giải; chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Lại thuyết rằng sắc... dẫn đến thức đều là rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu sắc... dẫn đến thức chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, thì gọi là sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh. Sắc... dẫn đến thức rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, Này Tu Bồ Đề! Vì hư không rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng sanh, chẳng diệt, nên là rốt ráo thanh tịnh. Hư không rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến thức chẳng nhiễm ô nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc... dẫn đến thức chẳng nhiễm ô, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như hư không chẳng nhiễm ô, sắc... dẫn đến thức chẳng nhiễm ô là rất ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không chẳng nhiễm ô nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả thủ (chẳng thể nắm bắt được), nên là rất ráo thanh tịnh. Hư không rất ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rất ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả thuyết (chẳng thể nói ra được), nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không bất khả thuyết, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không chỉ là danh tự, nên là bất khả thuyết. Hư không bất khả thuyết là rất ráo thanh tịnh nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rất ráo thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả đắc (chẳng thể được) nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hư không bất khả đắc, nên Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Vì hư không chẳng có tướng đặc nên là bất khả đặc. Hư không bất khả đặc là rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật cũng rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, nay Tu Bồ Đề! Vì hết thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao hết thấy các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, là rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh.

LUẬN:

Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm, vi diệu. Chư thiên, nhờ nghe Phật thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, mà rõ được thật tướng các pháp, nên đã từ khắp 3.000 đại thiên thế giới tán hương chiêm đàn cúng dường Phật, cùng nhau đến đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên để nghe pháp.

Các lời thưa hỏi do ngài Tu Bồ Đề nêu lên, và các lời giải đáp của Phật đã giúp chư thiên thâm tín Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, do thần lực của Phật mà chư thiên thấy chư Phật khắp 10 phương đang thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, như ở tại pháp hội hiện tiền, lại cũng thấy mỗi nơi có một vị Tỷ-kheo như ngài Tu Bồ Đề đang nạn vấn về Bát nhã Ba-la-mật, và cũng có một vị Đế Thích đang thưa hỏi Phật.

Phải có đầy đủ phước đức, nhân duyên mới có thể thấy được như vậy, nên ngài Tu Bồ Đề và ngài Thích Đề Hoàn

Nhơn rất vui mừng, tự niệm rằng: Chẳng phải riêng chúng ta, ở chúng hội này, thưa hỏi Phật về Bát nhã Ba-la-mật, mà ở khắp trong 10 phương chư Phật cũng đang thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, và ở đâu cũng có một vị Tỷ-kheo và một vị Đế Thích đang thưa hỏi Phật ở nơi đó về Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phật muốn minh chứng pháp sự này, nên đã dùng thần lực khiến chúng hội thấy khắp 10 phương, có chư Phật đang thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật. Phật cũng cho chúng hội biết ở đời vị lai, khi thành Vô Thượng Đạo, ngài Bồ tát Di Lặc cũng sẽ thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật tại núi Kỳ Xà Quật, ở thành Vương Xá, trong nước Ma Già Đà này.

Trong kinh có chép:

Ở đời vị lai, khi thành Vô Thượng Đạo, ngài Bồ tát Di Lặc dẫn đại chúng đến núi Kỳ Xà Quật, lấy ngón tay ấn xuống, khiến vách núi mở ra. Từ trên đỉnh núi, ngài Ma Ha Ca Diếp mặc áo tăng già lê của Phật, chấp trì bình bát của Phật, tiến về ngài Di Lặc, đánh lễ rồi trao y bát cho ngài Di Lặc. Xong ngài Ma Ha Ca Diếp bay lượn giữa hư không, hiện đủ các thứ thần thông, và từ giữa không trung tự diệt thân, mà nhập vào Niết bàn.

Trước sự kinh ngạc của các đệ tử, ngài Di Lặc nói với họ rằng: Người ấy là một vị đại đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, trong thời quá khứ. Người ấy tên là Ma Ha Ca Diếp, tu hạnh đầu đà, thiếu dục, tri túc, và cũng là một vị Đại A-la-hán. Ngài Ma Ha Ca Diếp có đầy đủ “tam minh, lục thông”, thường lân mẫn chúng sanh, nên đã dùng thần thông, khiến cho thân tồn tại cho đến ngày hôm nay. Vào thời bấy giờ, người chỉ sống 100 tuổi, thân hình nhỏ bé, mà có thể làm

được nhiều việc lợi ích như vậy. Còn các người, ngày nay, thân hình to lớn, lại được sanh vào thời sung túc, mà chẳng lo tinh tấn tu học, để tự lợi và lợi tha hay sao?

Nói xong, ngài Di Lặc bèn vì họ thuyết một thời pháp, khiến họ đoạn được các khổ, và có rất nhiều người chứng được quả Thanh Văn, được vô sanh pháp nhẫn.

(Xem thêm ở quyển 3 – “Trú Thành Vương Xá”).

Lời viện dẫn trên đây của kinh cho thấy rằng chư Phật, ở trong cả ba đời, đều thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên người phát tâm cầu Vô Thượng đạo, phải tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, phải nhất tâm tinh tấn hành Bát nhã Ba-la-mật.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Ngài Di Lặc sẽ dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì mà nói Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Cũng như ta bây giờ, ngài Di Lặc cũng sẽ thuyết rằng sắc... dẫn đến thức đều chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải khổ, chẳng phải lạc, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh, chẳng phải phược, chẳng phải giải, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Cũng như ta bây giờ, ngài cũng sẽ thuyết rằng hết thảy các pháp đều là tướng Niết bàn, đều là rốt ráo thanh tịnh.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề rất hoan hỷ, hỏi Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh chẳng?

Phật dạy: Sắc cùng hết thảy các pháp đều rốt ráo thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì hết

thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm. Ví như nước trong chẳng có vấy bụi trần, ví như hư không chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh; hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng, cũng chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh vậy. Bát nhã Ba-la-mật cũng như hư không, chẳng có nhiễm ô, tánh thường thanh tịnh. Dù cho các tà kiến, hý luận, các ác sự quấy nhiễu, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng vẫn chẳng có bị tổn hại. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, nên cũng chẳng có thủ, chẳng có nhiễm ô vậy.

Lại nữa, nhờ Bát nhã Ba-la-mật lực mà chư đại Bồ tát được “biện tài vô ngại”, vì chúng sanh, thuyết 12 bộ kinh, 8 vạn 4 ngàn pháp môn, phân biệt rõ các pháp, khiến chúng sanh được dễ hiểu. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả thuyết, là thanh tịnh như hư không.

-o0o-

Ví như tiếng nói truyền trong hư không, chạm vào vách đá, dội trở lại, người nghe cảm tưởng như có hai âm, trong đó có một âm chánh và một âm vang; âm chánh là chân thật, âm vang là ngụy tạo, chẳng nên tin. Họ chẳng biết rằng cả hai âm đều là hư vọng, chẳng thật có.

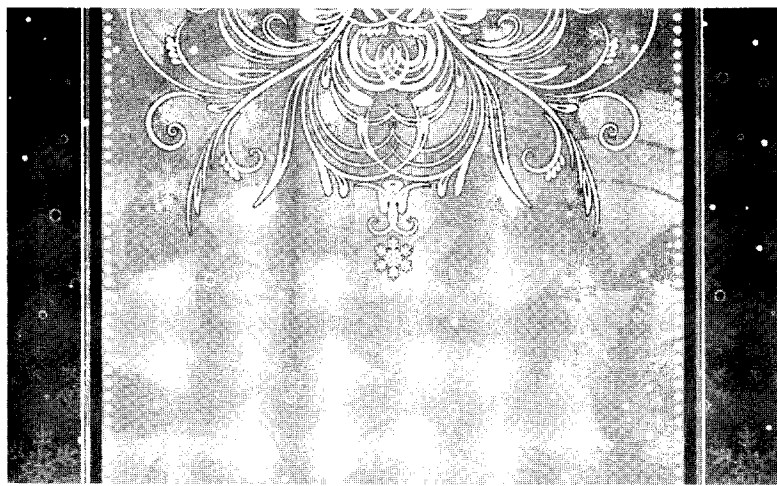
Cũng như vậy, hết thấy các pháp, dù là phàm phu pháp, dù là Thánh pháp, đều là như mộng, như huyễn. Hàng tiểu Bồ tát, do chưa được đầy đủ các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chỉ biết phàm phu pháp là như mộng, như huyễn, nhưng vẫn còn chấp Thánh pháp là chân thật. Các bậc đại Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cũng như hết thấy các pháp đều là như mộng, như huyễn cả.

Hỏi: *Vì sao nói phàm phu pháp và thánh pháp đều là hư vọng?*

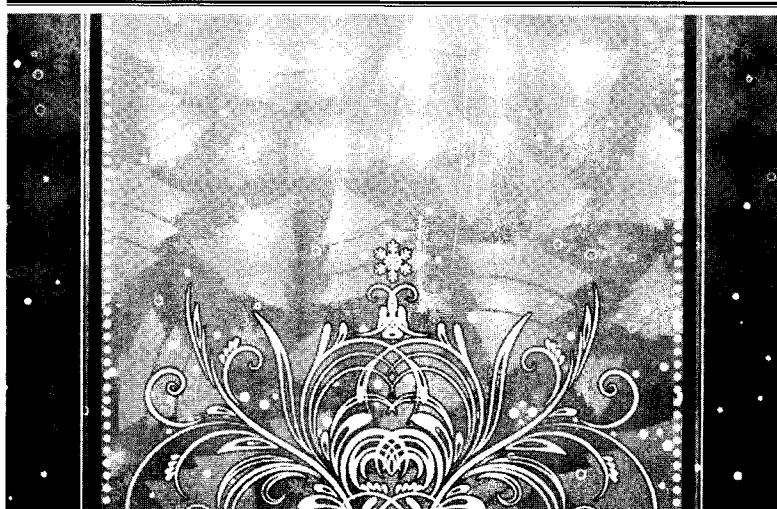
Đáp: Chư thánh, do trì giới, do thiền định, do tu tập các công đức mà phát sanh trí huệ, biết rõ được “pháp giới tánh” đều là nhất tánh, là vô tánh. Trái lại, những người còn chấp đắm thiện pháp, mới cho thánh pháp là chân thật, vì họ chẳng biết rằng thánh pháp cũng là hư vọng, là tự tướng không.

Do ngôn ngữ và âm thanh mà các pháp thế gian được truyền đạt từ đời này qua đời khác. Phàm phu chấp vào ngôn ngữ và âm thanh khởi chấp các pháp là thật có. Thế nhưng, khi đã vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì các ngôn ngữ đều đoạn, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp đều là bất khả đắc, đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

(Hết quyển 64)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 65



Phẩm Thứ Bốn Mười Ba (TIẾP THEO)



Vô tác (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng bị các bệnh ở tai, ở mắt, ở mũi, ở lưỡi, ở thân, chẳng bị thân tàn phế; chẳng bị suy yếu; chẳng bị hoạnh tử; lại còn được vô số chư thiên, từ cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Tịnh Cư Thiên, theo nghe pháp. Mỗi tháng, trong 6 ngày trai, mùng 8, 14, 15, 23, 29 và 30, tại nơi mà thiện nam, thiện nữ này thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thì chư thiên đồng vân tập để nghe. Thiện nam, thiện nữ này thuyết Bát nhã Ba-la-mật giữa đại chúng như vậy, được vô lượng vô biên công đức, chẳng thể nghĩ bàn được.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói. Bát nhã Ba-la-mật là đại trân bảo, nên người thuyết Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng vô biên công đức như vậy. Vì sao?

Vì:

- Bát nhã Ba-la-mật cứu thoát chúng sanh ra khỏi chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ra khỏi cảnh bần cùng, hạ tiện.

- Nhờ có Bát nhã Ba-la-mật mà thế gian mới có các đại gia, đại tộc; mới có các cõi trời, từ cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Phi Hữu Tướng, Phi Vô Tướng Thiên.

- Nhờ có Bát nhã Ba-la-mật, mà ở thế gian có 10 thiện đạo, có 4 thiên, có 4 vô lượng tâm, có 4 vô sắc định, có 4 niệm xứ... dẫn đến có 8 thánh đạo, có 10 lực... dẫn đến có 18 bất cộng pháp, có Nhất thiết chủng trí, có Vô Thượng Bồ Đề.

- Nhờ có Bát nhã Ba-la-mật, mà thế gian có Thanh Văn đạo, có Bích Chi Phật Đạo... dẫn đến có Phật đạo.

- Y theo Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập sẽ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, dẫn đến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là đại trân bảo; chẳng có pháp gì sánh kịp.

Vào trong Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng còn có sanh, diệt, cấu, tịnh, thủ, xả, thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi...

Cho nên, Bát nhã Ba-la-mật là “vô sở đắc trân bảo Ba-la-mật”. Vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng còn nhiễm ô, vì chỗ dụng nhiễm pháp là bất khả đắc.

Cho nên, Bát nhã Ba-la-mật là “vô nhiễm trân bảo Ba-la-mật”.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng biết như vậy, chẳng phân biệt như vậy, chẳng đắc như vậy, chẳng hỷ luận như vậy, thì Bồ tát đó mới hành Bát nhã Ba-la-mật, mới là kính lễ chư Phật, mới là từ Phật độ này đến Phật độ khác tôn kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ vậy.

Này Tu Bồ Đề! Đối với các pháp, Bát nhã Ba-la-mật

chẳng phải có lực, chẳng phải chẳng có lực, chẳng thọ lãnh, chẳng ban phát. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng trú 3 cõi, chẳng ly 3 cõi.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ cũng chẳng xả Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả Bát nhã Ba-la-mật; chẳng thủ cũng chẳng xả nội không... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả vô pháp hữu pháp không; chẳng thủ cũng chẳng xả 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả 8 thánh đạo; chẳng thủ cũng chẳng xả 10 lực... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả 18 bất cộng pháp; chẳng thủ cũng chẳng xả Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp cũng chẳng xả phạm phu pháp; chẳng thủ Phật pháp cũng chẳng xả Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp, chẳng thủ vô vi pháp cũng chẳng xả hữu vi pháp. Vì sao? Vì dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp tướng vẫn là thường trú, chẳng sai khác, chẳng mất mát; pháp tánh, pháp trú, pháp vị vẫn là thường trú, chẳng sai khác, chẳng mất mát vậy.

LUẬN:

Hỏi: Người thọ trì, thân cận... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật vẫn còn có các bệnh ở thân. Như vậy, vì sao nói là chẳng có các bệnh?

Đáp: Như trước đây đã rộng nói: Người thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, có công năng hủy diệt các tác nhân dẫn đến ba đường ác. Do có đại công đức như vậy, nên chẳng còn thọ khổ nghiệp báo.

Bởi vậy nên nói là chẳng còn có các bệnh, chẳng còn bị hoạnh tử.

Phật dạy: Các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật chẳng bị 404 thứ bệnh làm hại; chỉ trừ trường hợp do túc mạng nghiệp báo nhân duyên đời trước, thì mới phải thọ lãnh mà thôi^(*).

Hỏi: Ở trên Thiên giới cũng có Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, vì sao nói ở nơi nào có thiện nam hay thiện nữ, vào 6 ngày trai, thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật, thì có chư thiên vân tập đến nghe? Lại vì sao nói thiện nam, thiện nữ này có vô lượng vô biên công đức?

Đáp: Ở trên Thiên giới cũng có kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, cũng có thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật. Ví như ở cõi trời Đao Lợi, cõi trời Đâu Suất thường có chư Phật và chư Bồ tát bỏ xứ đến thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, hàng chư thiên thường ít có được cơ duyên phát tâm cầu Bát nhã Ba-la-mật.

- Hoặc vì chìm đắm trong phước lạc, như chư thiên cõi Dục.

- Hoặc vì chìm đắm trong thiên vị, như chư thiên cõi Sắc.^(**)

Bởi vậy nên, Phật nói với vị Đế Thích và chư vị Thiên chủ: Khi A-tu-la sanh tâm cùng với các ông cộng chiến, thì các ông nên nhất tâm trì tụng Bát nhã Ba-la-mật. Có như vậy thì ác tâm của hàng A-tu-la liền tiêu diệt, và việc đấu tranh liền chấm dứt.^(***)

*. Xem thêm ở quyển 57 “Bảo Pháp Công Đức” và quyển 58 “Khuyến Trì”.

** . Xem thêm ở quyển 56 - Phẩm “Tam Thán”.

***. Xem thêm ở quyển 58 - Phẩm “Khuyến Trì”.

Trong lúc đó, thì người ở cõi Diêm Phù Đề thường có nhiều thuận duyên hơn chư thiên ở các cõi trời, hơn người ở châu Uất Đan Việt rất nhiều. Đó là:

- Hưởng phước lạc ít, nên dễ đoạn tâm dục.
- Có được niệm lực mạnh mẽ, nên nhớ được lâu.
- Tinh tấn, dũng mãnh.

Do vậy mà ở cõi Diêm Phù Đề có nhiều thiện nam, thiện nữ tinh tấn thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng... dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Mỗi khi có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật thì chư thiên thường vân tập về cõi này để lễ bái, cúng dường kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, và để nghe vị pháp sư thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lại có thuyết nói: Dù ở trên cõi trời cũng có Bát nhã Ba-la-mật, nhưng chư thiên vẫn thường vân tập về cõi Diêm Phù Đề để lễ bái và nghe Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

- Vì chư thiên muốn tăng ích phước đức, để tỏ lòng tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

- Vì chư thiên muốn hộ trì thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng nói... dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Vì chư thiên muốn chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề thâm tín Bát nhã Ba-la-mật.

Khi thấy ánh quang minh chiếu rọi, hoặc ngửi được mùi thơm lạ, thì chúng sanh ở cõi này biết có chư thiên xuống để

bái lễ và nghe thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, nên càng sanh tâm tin kính Bát nhã Ba-la-mật, vì họ nghĩ rằng: Chư thiên còn đến đây nghe pháp, huống nữa là chúng ta.****)

-o0o-

Lại nữa, người tu hành ly dục thường bị các ác ma cám dỗ, khiến có thể bị thôi tâm, dẫn đến có thể bị đọa vào đường ác. Nhưng nếu tin thọ Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma chẳng dám đến gần, quấy nhiễu nữa.

Bởi nhân duyên vậy, vào 6 ngày trai trong tháng, chư thiên thường thủ hộ pháp sư. Vì sao? Vì vào các ngày này, kẻ ngoại đạo thường lấy huyết tươi của súc vật để tế thần, nên các loài ma quỷ thường hay lộng hành, nhiễu loạn.

Vào các ngày ấy, các vị pháp sư thường dâng đàn thuyết pháp, các tín đồ cũng thường thọ trì trai giới, hành bố thí, nghe pháp v.v... nên chư thiên thường đến nghe pháp và ủng hộ người hành đạo.

Nếu vào các ngày ấy, mà pháp sư thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, thì được chư thiên tán thán, cúng dường. Vì sao? Vì người độn căn nghe pháp chỉ được lợi ích ít, nhưng người căn trí thông lợi cũng như hàng chư thiên được lợi ích rất nhiều vậy.

Cho nên Phật dạy: Trong các ngày trai, nếu vì chư thiên và đại chúng, mà thuyết Bát nhã Ba-la-mật, thì được vô lượng vô biên công đức.

Hỏi: *Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật là đại trân bảo Ba-la-mật?*

****. Xem thêm ở quyển 58 - Phẩm “A Nan Xưng Tán”.

Đáp: Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là đại trân bảo, là như ý bảo châu thường làm cho chúng sanh mãn nguyện, lia khô, được vui.

- Lia khô, nói trên đây, là làm tiêu hủy hết thảy các tác nhân dẫn đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, và các tác nhân dẫn đến cảnh bần cùng, hạ tiện.

- Được vui, nói trên đây, là thành tựu ở thế gian các đại gia đại tộc; thành tựu Thanh Văn đạo; Bích Chi Phật đạo... dẫn đến Phật đạo; thành tựu 10 thiện đạo... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, khiến chúng sanh y theo đó mà tu tập sẽ được các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật Đạo... dẫn đến được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác.

Người có “như ý bảo châu” muốn được thức ăn uống, áo quần, thuốc men, vàng bạc v.v... đều được như ý nguyện. Thế nhưng, người có “như ý bảo châu” còn thấy có được, có mất, có vui, có buồn, lại thường sanh tâm kiêu mạn, tác duyên cho sự hủy hoại thân tâm. Trái lại, người được Bát nhã Ba-la-mật thường an lạc, thường tinh tấn tu tập, thẳng vào Phật đạo, mà chẳng có sanh tâm kiêu mạn, vì biết rõ mống tâm kiêu mạn là tự mở cửa vào ác đạo vậy.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật siêu xuất thế gian, chẳng nhiễm chấp, chẳng phân biệt thiện pháp hay bất thiện pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật được gọi là “đại trân bảo Ba-la-mật”

Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng nhiễm chấp thiện pháp và bất thiện pháp, nên kinh nói: Hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng biết như vậy, chẳng phân biệt như vậy, chẳng đắc như vậy, chẳng hỷ luận như vậy, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lời kinh trên đây cho thấy rằng người hành Bát nhã Ba-

la-mật mà chẳng biết Bát nhã Ba-la-mật tướng, chẳng khởi phân biệt về các pháp tướng, chẳng đắc bất cứ định tướng nào, mới chẳng có lầm lỗi, mới ly được ái pháp.

Được như vậy mới thật là tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Dụng pháp như vậy mà kính lễ Phật, mới được lợi ích cho chính mình, và làm lợi ích cho chúng sanh, tự mình ly được các ác pháp, và khiến chúng sanh cũng ly các ác pháp, nên gọi là thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Lại nữa, vì dụng vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, nên biết rõ hết thấy các pháp đều là rốt ráo tịch diệt tướng, mà vẫn thường vì chúng sanh hành các thiện pháp, khiến họ được lợi ích vậy.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải có lực, chẳng phải chẳng có lực. Ví như hư không, tuy chẳng thật có pháp tướng, mà hết thấy các pháp đều nương nơi hư không mà được thành tựu. Chẳng có pháp nào là có định tướng cả. Do vậy mà chẳng có pháp nào để thủ chấp cả.

Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có lực, chẳng phải chẳng có lực, nên vào được Bát nhã Ba-la-mật là thể nhập vào nơi thật tướng pháp, được vô ngại ở nơi hết thấy các thiện pháp. Do vậy mà hàng ma, thành Phật v.v... cũng đều chẳng có lực, chẳng phải chẳng có lực, chẳng thủ, chẳng xả, chẳng sanh, chẳng diệt. Dẫn đến chẳng thủ Thánh pháp cũng chẳng xả phàm phu pháp, chẳng thủ vô vi pháp cũng chẳng xả hữu vi pháp.

Đây là nhân duyên nói: Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp tánh vẫn thường trú, chẳng sai khác, chẳng mất mát vậy.

Do vậy mà cầu thường, cầu vô thường... dẫn đến cầu thật tướng pháp cũng đều là lầm lỗi cả.

KINH:

Lúc bấy giờ, giữa hư không, hàng chư thiên vui mừng, hớn hở, đem hoa tán Phật, và phát đại âm thanh rằng: Nay ở cõi Diêm Phù Đề này, Phật vì chúng sanh chuyển pháp luân lần thứ hai, khiến trăm ngàn vị thiên tử được vô sanh pháp nhãn.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp luân này chẳng phải chuyển lần thứ nhất, cũng chẳng phải chuyển lần thứ hai. Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì chuyển hay vì hoàn, mà xuất hiện. Vì sao? Vì hữu pháp cùng vô pháp đều là tánh không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là “hữu pháp” cùng “vô pháp” đều là tánh không, khiến Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì chuyển hay vì hoàn, mà xuất hiện?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đàn Ba-la-mật và Đàn Ba-la-mật tướng... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật tướng đều là tánh không; nội không và nội không tướng... dẫn đến vô pháp hữu pháp không và vô pháp hữu pháp không tướng đều là tánh không; 4 niệm xứ và 4 niệm xứ tướng... dẫn đến 8 thánh đạo và 8 thánh đạo tướng đều là tánh không; 10 lực và 10 lực tướng... dẫn đến 18 bất cộng pháp và 18 bất cộng pháp tướng đều là tánh không; Tu-đà-hoàn quả và Tu-đà-hoàn quả tướng... dẫn đến A-la-hán quả và A-la-hán quả tướng đều là tánh không; Bích Chi Phật quả và Bích Chi Phật quả tướng... dẫn đến Phật quả và Phật quả tướng, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng đều là tánh không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật của chư Bồ tát Ma-ha-tát là Ma ha Bát nhã Ba-

la-mật. Vì sao? Vì tuy hết thấy pháp đều là tánh không, nhưng Bồ tát nương theo Bát nhã Ba-la-mật đặc Vô Thượng Bồ Đề, lại chẳng thấy có pháp đặc; khi chuyển pháp luân cũng chẳng thấy có pháp chuyển, chẳng thấy có pháp hoàn.

Vì hết thấy các pháp đều rốt ráo chẳng sanh, nên trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp đặc, chẳng có pháp chuyển, chẳng có pháp hoàn. Vì sao? Vì hết thấy các pháp tướng đều là tánh không, mà “không tướng” cũng tức là “vô tướng tướng”, là “vô tác tướng”, nên chẳng thể đặc, chẳng thể chuyển, chẳng thể hoàn vậy.

Nếu giải thuyết Bát nhã Ba-la-mật được như vậy thì mới gọi là giảng dạy, khai thị, minh chiếu, và phân biệt chân nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Giải thuyết Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mới gọi là thanh tịnh thuyết; thuyết mà chẳng có người thuyết, chẳng có người nghe, chẳng có người đặc vậy.

Lại nữa, nếu chẳng có thuyết, chẳng có thọ, chẳng có chứng, thì cũng chẳng có diệt, nên sự thuyết pháp này chẳng quyết định là phước điền vậy.

LUẬN:

Khi nghe nói Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo bình đẳng, là thật tướng pháp, là pháp đại lợi ích cho chúng sanh, chẳng có lỗi lầm, chư Thiên rất vui mừng, hớn hở, đem hoa tán Phật, và đồng bạch Phật rằng: Ở cõi Diêm phù Đề này, hôm nay chúng con lại được nghe Phật chuyển pháp luân lần thứ hai.

Hỏi: *Vì sao chư thiên nói đây là lần chuyển pháp luân thứ hai (đệ nhị chuyển pháp luân)?*

Đáp: Khi Phật thuyết pháp lần đầu tiên có 5 anh em trong nhóm ngài Kiều Trần Như và 8 vạn chư thiên được vô sanh pháp nhãn. Đây là lần chuyển pháp luân đầu tiên (sơ chuyển pháp luân).

Nay trong hội Bát nhã Ba-la-mật này có vô lượng chư thiên được vô sanh pháp nhãn. Bởi vậy nên chư thiên gọi đây là lần chuyển pháp luân thứ hai (đệ nhị chuyển pháp luân).

Phật chuyển pháp luân ví như đám mưa lớn rưới xuống mặt đất; mọi cây cỏ đều được thấm nhuần lợi lạc:

- Cây lớn hấp thụ lượng nước lớn.

- Cây nhỏ hấp thụ lượng nước nhỏ. Lần chuyển pháp luân này Phật thuyết về Niết bàn quả, cũng chính là Bát nhã Ba-la-mật vậy. Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng khởi, chẳng tác, mà lại dẫn đến vô sanh pháp nhãn, nên Phật dạy chẳng có chuyển, chẳng có hoàn.

Nếu trong 12 chi duyên khởi mà biết rõ vô minh là hư vọng, là rốt ráo không, là chẳng thật có, thì cũng biết rõ là chẳng có hành... dẫn đến chẳng có lão tử. Như vậy là chẳng có pháp nào sanh, cũng chẳng có pháp nào diệt cả.

Vì thế gian chấp có pháp sanh, nên nói có chuyển pháp luân; chấp có pháp diệt, nên nói có hoàn pháp luân. Còn Bát nhã Ba-la-mật ly chuyển, ly hoàn, nên nói chẳng có chuyển, chẳng có hoàn; lại vì vô pháp và hữu pháp đều không, nên nói chẳng có chuyển; vì hữu pháp cũng là vô pháp, nên nói chẳng có hoàn.

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề nêu câu hỏi liên hệ đến sự kiện “vô pháp và hữu pháp đều không, khiến Bát nhã Ba-la-mật chẳng vì chuyển hay vì hoàn mà xuất hiện”, mà Phật chỉ trả*

lời là “vì các pháp tướng đều là tánh không, nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì chuyển hay vì hoàn mà xuất hiện”?

Đáp: Trước đây đã có nói, do tà niệm, nên mới khởi tà hạnh phân biệt các pháp có 4 tướng, nêu trong 4 cú (câu) sau đây:

- Hữu (có).
- Vô (không).
- Diệc hữu, diệc vô (cũng có, cũng không).
- Phi hữu, phi vô (chẳng phải có, chẳng phải không).

Nay vì hiển bày chánh niệm, chánh hạnh, nên chẳng có chấp 4 tướng ấy. Chẳng chấp như vậy mới gọi là “chánh đạo”.

Ngài Tu Bồ Đề đã biết Phật dùng “tịch diệt tướng Niết bàn” để phá các chấp về ‘hữu-vô’. Thế nhưng, vì sợ hàng sơ phát tâm chẳng hiểu, mà khởi sanh tà kiến, nên ngài mới thưa hỏi Phật như trên. Phật dạy vô pháp cùng hữu pháp đều là tánh không, nên khi thuyết Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chuyển, chẳng có hoàn. Phật lại dạy Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp tướng đều là tánh không, nhằm phá chấp về “không tướng”, về “vô tướng tướng”, về “vô tác tướng” vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề cùng đại chúng vui mừng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và nói rằng: Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thảy các pháp, tuy là tự tánh không, mà Bát nhã Ba-la-mật thường làm lợi ích cho chúng sanh, khiến Bồ tát đắc Vô Thượng Bồ Đề, chuyển pháp luân. Bồ tát dụng tâm vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, nên tuy đắc Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng có đắc, tuy chuyển pháp luân mà chẳng có chuyển vậy.

Hỏi: *Nếu hết thảy các pháp đều là không, Bát nhã Ba-la-mật cũng là không, Vô Thượng Bồ Đề cũng là không, thì vì sao lại tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Thật tướng pháp là Bát nhã Ba-la-mật. Cho nên, khi nói hết thấy pháp đều là tự tánh không, thì như vậy chính là đã tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Lại nữa, khi đã nói “không tướng”, thì chẳng có gì để chấp nữa. Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, nên chẳng có chỗ để phá. Tuy ở nơi rốt ráo không, mà Bát nhã Ba-la-mật vẫn thường hành các thiện pháp. Nói “có đắc”, “có chuyển”, là y theo thế tục, chẳng phải là y theo đệ nhất nghĩa.

Y theo thế tục, nói chư Phật thuyết pháp, khiến có người tận phá được các phiền não, vào được đạo, nên mới nói có đắc Vô Thượng Bồ Đề, có chuyển pháp luân vậy.

Nay biết rõ các phiền não... dẫn đến hết thấy các pháp đều là hư vọng, đều chẳng có định tướng, nên biết rõ các pháp chẳng chuyển, chẳng hoàn. Bởi vậy nên nói chuyển pháp luân, mà chẳng có chuyển, chẳng có hoàn. Vì sao? Vì hết thấy các pháp, ở nơi tự tánh đều là rốt ráo không, nên chẳng có tướng chuyển, chẳng có tướng hoàn vậy.

Cũng nên biết:

- Vì phá chấp thường, mà nói chẳng chuyển; vì phá chấp đoạn, mà nói chẳng hoàn.

- Vì phá chấp hữu, mà nói chẳng chuyển; vì phá chấp vô, mà nói chẳng hoàn.

- Vì phá chấp thế gian, mà nói chẳng chuyển; vì phá chấp Niết bàn, mà nói chẳng hoàn.

Hết thấy các pháp đều chẳng chuyển, chẳng hoàn, đều là không, là vô tướng, là vô tác.

Khi đã vào được 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô

tác”, là vượt thoát được ngã và ngã sở, nên chẳng còn chấp tâm, chẳng còn thủ tướng nữa.

-o0o-

Người thuyết pháp cho người khác nghe, phải dùng trí huệ Bát Nhã minh chiếu, chẳng khác người cầm đuốc trong đêm tối để dẫn đường cho người khác đi vậy.

Người thuyết pháp cho người khác nghe phải khéo dùng ngôn ngữ để truyền đạt lời Phật dạy, khiến họ sanh tín tâm, dẫn đến thọ trì, tán thán, chánh tư duy, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật.

- Đối với người chưa hiểu Bát nhã Ba-la-mật, thì phải dùng các phương tiện, chỉ bày cho họ được biết. Ở nơi mỗi người đều sẵn có bảo tạng Bát nhã Ba-la-mật, mà họ chẳng hề hay biết đến. Do vậy mà phải khai mở cửa bảo tạng. Cửa bảo tạng Bát nhã Ba-la-mật, một khi đã được khai mở rồi, thì họ sẽ được tùy ý sử dụng vậy.

- Đối với người có tâm nghi, chưa có niềm tin Bát nhã Ba-la-mật, thì phải dùng phương tiện trí huệ giúp họ phá màn vô minh, nghi kiến. Ví như người có mắt sáng giúp người mù phân biệt các vật tốt, xấu, để người này tùy ý lựa chọn.

- Đối với người ít trí huệ, ít niềm tin, thì phải khai thị cho họ biết thế nào là đạo, thế nào là phi đạo, thế nào là lợi, thế nào là hại v.v..., khiến họ phân biệt được ác và thiện, tội và phước, thế gian và Niết bàn. Nếu chỉ nói trong kinh, thì sẽ làm cho họ khó tin, khó hiểu.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật đã dùng nhiều phương tiện thiện xảo khác nhau, để tùy căn cơ của chúng sanh, mà thuyết pháp, khiến họ được thâm tín giải.

Người thuyết pháp phải y chỉ theo lời Phật dạy mà thuyết, lại phải giải thích rõ ràng cho chúng hội biết rõ các tướng, biết phân biệt được chỗ khinh, chỗ trọng, để dễ bề tụ tập.

Ví như của báu cất giấu trong đũa kín, khiến người ngoại cuộc chẳng làm sao biết được. Phải mở đũa ra, thì mọi người mới trông thấy được của báu bên trong. Giải kinh, thuyết pháp cũng như vậy. Khi thuyết pháp, người thuyết pháp phải khai triển những nghĩa lý ẩn kín trong kinh, giải thích rành mạch cho người nghe được hiểu, dẫn dắt họ vào đạo, từ chỗ dễ tin, dễ biết, đến chỗ thâm thâm vi diệu. Lại ví như sông sâu, ít có thuyền bè, mà đoàn người muốn qua sông lại quá đông đúc, thì người dẫn đường phải chia số người ấy thành từng nhóm nhỏ, mới có thể tuần tự đưa họ qua sông được. Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Biển Bát nhã mênh mông, sâu thẳm, chẳng thể nào một lúc thuyết cho mọi hạng người cùng nghe được. Người thuyết pháp cần dùng các luận nghị, các phương tiện thiện xảo, phải tùy theo căn cơ và trình độ hiểu biết của hạng người nghe, để vì họ thuyết giảng.

Trước phải nói các pháp dễ, khiến hạng người sơ cơ dễ tiếp thu, dễ tin, dễ hiểu được. Ví như nói về 10 thiện đạo để khai tâm cho họ. Rồi dần dần, nói đến chỗ thâm nghĩa, chỗ rốt ráo thanh tịnh. Đối với hạng người sơ cơ, người thuyết pháp chớ nên vội nói cho họ nghe những pháp thâm thâm, khó tin, khó giải, như là:

- Nói Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất nghĩa, là rốt ráo không, là vô sở thuyết. Vì là vô sở thuyết nên vô thọ. Vì là vô thọ nên vô chứng. Vì là vô chứng nên vô diệt.

- Nói người có các phiền não mà chẳng diệt, thì chẳng có được phước điền.

- Nói người nghe Bát nhã Ba-la-mật, tin thọ, đọc tụng, tu

tập pháp ấy mà được quả Sa Môn, được vô sanh pháp nhãn, thì gọi là chứng.

- Nói khi chúng diệt các phiền não, thì gọi là được Hữu Dư Niết bàn. Được Hữu Dư Niết bàn là quyết định được phước điền, dẫn đến Vô Dư Niết bàn. Khi đã vào được Vô Dư Niết bàn tánh rồi, thì sẽ chẳng còn có phước điền nữa.

v.v...

Phẩm Thứ Bốn Mươi Bốn



Bách Ba-la-mật
(Trăm Ba-la-mật)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô biên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ví như hư không vô biên vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bình đẳng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bình đẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Ly Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì rốt ráo không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất hoại Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô bi ngạn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng có danh, chẳng có thân vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Chủng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hơi thở ra vào bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất khả thuyết Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì giác quán bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô danh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thọ, tưởng, hành và thức bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất khứ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất lai (chẳng đến) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô di dịch Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất khả phục (chẳng thể phục) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tận Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp rốt ráo tận vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất sanh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất sanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất diệt Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất diệt vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tác Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tác giả bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô tri Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tri giả bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất đáo Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sanh tử bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất thất Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp bất thất (chẳng mất) vậy.

LUẬN:

Khi nghe Phật thuyết về nghĩa của “Đại Trân Bảo Ba-la-mật”, ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ tán thán Bát nhã Ba-la-mật là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài dùng trí huệ thâm nhập các pháp môn, quán thấy Bát nhã Ba-la-mật như biển lớn vô lượng vô biên.

Do biết rõ công đức lực của Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên ngài phát tâm đại hoan hỷ, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và bạch Phật rằng: “Vô biên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật đáp: Như hư không vô biên, Bát nhã Ba-la-mật cũng vô biên.

Thông thường, người thế gian dùng 2 bên đối đãi với nhau như: ngã đối với vô ngã, hữu biên đối với vô biên v.v...

Do vậy mà sanh các tà kiến chấp. Ví như chấp các vật là hữu biên, tức có biên bờ; hư không là vô biên, tức chẳng có biên bờ.

Bát nhã Ba-la-mật, cũng như hư không, chẳng có biên bờ, là vô biên vậy. Vì là vô biên nên chẳng thọ, chẳng chấp.

Như vậy gọi là “Vô biên Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, khi đã được vô sanh pháp nhẫn rồi, quán hết thấy pháp đều bình đẳng với nhau.

Như vậy gọi là “Bình đẳng Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát lại dùng rốt ráo không, ly hết thấy các phiên não, ly hết thấy các pháp.

Như vậy gọi là “Ly Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát lại dùng phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thấy các pháp, biết rõ hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, đều chẳng có định tướng, chỉ ví như lông rùa, sừng thỏ, cho nên chẳng có chấp pháp. Vì chẳng có chấp pháp, nên được tâm kiên cố, bất hoại.

Như vậy gọi là “Bất hoại Ba-la-mật”.

-o0o-

Đa số người xuất gia thường chấp có bờ bên này là bờ sanh tử, có bờ bên kia là Niết bàn, giữa hai bờ đó có dòng sông phiền não; do vậy mà muốn tu tập nhằm dứt trừ phiền não, rời bỏ bờ bên này, để qua được bờ bên kia.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ bờ bên kia cũng là hư vọng chẳng thật có, chẳng nên chấp.

Như vậy gọi là “Vô bi ngại Ba-la-mật”.

-o0o-

Có hư không mới có không khí; có không khí mới duy trì sự sống của chúng sanh. Chúng sanh, do nghiệp báo nhân duyên, mà thọ sanh thân, do có thân, nên mới có hơi thở ra vào; do có hơi thở ra vào, nên mới có niệm niệm sanh diệt; do chấp niệm niệm sanh diệt, nên mới có phiền não, khổ đau.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ hơi thở ra vào, hư không, cùng hết thảy các pháp đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Không đại chủng Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát biết rõ hết thảy các pháp tướng đều không tịch. Vì các pháp tướng đều không tịch, nên các giác quán đều là không. Vì các giác quán đều là không, nên các ngôn thuyết cũng là không.

Bởi vậy, khi đã vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì hết thảy các ngôn thuyết đều đoạn dứt.

Như vậy gọi là “Bất khả thuyết Ba-la-mật”.

Danh sắc nhiếp hết thảy các pháp. Do 4 đại mà có 4 đại tạo sắc.

Do có sắc, mới có thọ, tướng, hành và thức, nhiếp về danh. Do có danh, có sắc, mới có khởi phân biệt các pháp.

Cùng với các pháp tướng khác, Bát nhã Ba-la-mật tướng cũng nhiếp về danh.

Thế nhưng, ở nơi thật tướng, thì sắc chẳng ly danh, danh chẳng ly sắc, vì sắc tức là danh, danh tức là sắc vậy.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật tướng là bất khả tri (chẳng thể biết được); biết rõ thọ, tướng, hành và thức đều là bất khả đắc (chẳng thể được).

Như vậy gọi là “Vô danh Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ hết thảy các pháp đều là vô khứ, vô lai (chẳng có đi, chẳng có đến).

Như vậy gọi là “Vô khứ Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là pháp tạng của chư Phật, ở cả 3 đời và trong 10 phương; biết rõ dùng pháp tạng ấy, thì các hàng Trời người chẳng thể phá hoại được.

Như vậy gọi là “Vô di dịch Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp hữu vi đều là niệm niệm sanh diệt, chẳng có thời gian trú; biết rõ các pháp đều là rốt ráo tận. Vì sao? Vì các pháp bất tận, ở cả 3 đời, đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Tận Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp đều là vô sanh. Vì sao? Vì các pháp sanh, ở cả ba đời, là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Bất sanh Ba-la-mật”.

-o0o-

Vì biết rõ các pháp là vô sanh nên Bồ tát cũng biết rõ các pháp là vô diệt.

Như vậy gọi là “Bất diệt Ba-la-mật”.

-o0o-

Danh từ “hữu tác” (có làm ra, có tạo ra) thường được hiểu theo hai nghĩa. Đó là:

- “Chúng sanh tác”, như là người hành bố thí, trì giới v.v...
- “Pháp tác”, như là gió thổi, nước trôi, lửa cháy v.v...

Thế nhưng, chúng sanh nhờ có tâm thức mới thấy, nghe, hay, biết các pháp, mà tâm thức thì chẳng có tác giả, nên nói “chúng sanh tác” là “vô tác”. Lại nữa, hết thảy các pháp đều đàn độn, chẳng có tướng khởi, chẳng có tướng tác, nên nói “pháp tác” là vô tác. Bồ tát, do tu tập Bát nhã

Ba-la-mật, biết rõ “chúng sanh tác” cũng như “pháp tác” đều là vô tác cả.

Như vậy gọi là “Vô tác Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp đều là đần độn, đều là vô sở tri (chẳng có chỗ biết).

Như vậy gọi là “Vô tri Ba-la-mật”.

Dùng nhục nhãn... dẫn đến dùng thiên nhãn còn thấy có sanh tử; khi đã huệ nhãn rồi, thì biết rõ sanh tử là bất khả đắc.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ sanh tử là bất khả đắc; chỉ do 5 ấm nghiệp nhân duyên tiếp nối, mà có sanh vậy thôi; thật ra chúng sanh chết ở đời này chẳng có đến ở đời sau.

Như vậy gọi là “Bất đáo Ba-la-mật”.

-o0o-

Lại nữa, Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chính là thật tướng pháp và cũng y theo Bát nhã Ba-la-mật mà các pháp chẳng mất thật tướng.

Như vậy gọi là “Bất thất Ba-la-mật”.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Mộng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì những pháp thấy trong mộng đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hương Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì người nghe tiếng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Ảnh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ảnh nhìn thấy trong gương bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Diệm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì như dòng nước trôi bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Huyễn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các huyễn sự, huyễn vật bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát cẩu Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì góc phiến não bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô tịnh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các phiến não hư vọng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát ô nhiễm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì xứ sở bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất hý luận Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy hý luận là phá hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô niệm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy niệm là phá hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất động Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì pháp tánh thường trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô nhiễm Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp đều là vọng giải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất khởi Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy các pháp vô phân biệt vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tịch diệt Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp tướng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô dục Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Dục bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô sân Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sân nhuê bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô si Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì vô minh si ám dứt diệt vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô phiền não Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ức tướng phân biệt hư vọng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô chúng sanh Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh vô sở hữu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô đoạn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng sanh khởi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô nhị biên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng có nhị biên vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất phá Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng rời nhau vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát thủ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thù thắng hơn Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô phân biệt Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các vọng tưởng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô lượng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì các pháp hạn lượng bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hư không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp vô sở hữu vậy.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề tán thán Bát nhã Ba-la-mật đã khai thị về “pháp không” và “chúng sanh không”. Pháp cùng chúng sanh đều chẳng thật có, đều là như mộng, như hường, như ảnh, như diệm, như huyễn.

Phật dạy: Mộng, hường, ảnh, diệm, huyễn đều là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Mộng Ba-la-mật”... dẫn đến gọi là “Huyễn Ba-la-mật”.(****)

****. Xem thêm ở quyển 6 -10 DỤ.

Ngài Tu Bồ Đề lại tán thán Bát nhã Ba-la-mật như hư không.

Phật dạy: Hết thấy các pháp vốn tự tánh không, nên dụ Bát nhã Ba-la-mật như hư không. Vì gốc phiền não là không, nên chẳng có phiền não gì để đoạn cả.

Như vậy gọi là “Bất cấu Ba-la-mật”.

-o0o-

Có phiền não, như dâm dục, sân nhuế v.v... là cấu uế, là bất tịnh; trái lại, chẳng có phiền não là thanh tịnh. Thế nhưng, ngay từ gốc, các phiền não đã là không, nên chẳng có gì để tịnh cả.

Như vậy gọi là “Vô tịnh Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các pháp đều là không, nên chẳng có gì nhiễm ô; lại nữa, 6 thức, 6 trần cùng chỗ duyên phiền não đều là bất khả đắc cả.

Như vậy gọi là “Bất ô nhiễm Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các hý luận, hết thấy các phân biệt đều bị phá.

Như vậy gọi là “Bất hý luận Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các pháp đều rớt ráo không. Vì các pháp đều rớt ráo không, nên chẳng có gì để niệm tưởng.

Như vậy gọi là “Vô niệm Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát trú trong pháp tánh, nên hết thấy các luận nghị đều chẳng có thể thắng được, hết thấy các tà kiến kiết sử đều chẳng có thể ngăn ngại được, hết thấy các pháp vô thường đều chẳng có thể phá hoại được, khiến tâm Bồ tát thường trụ tại, chẳng có sanh phiền não.

Như vậy gọi là “Bất động Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thấy các pháp đều là vọng giải nên chẳng có gì để ái nhiễm.

Như vậy gọi là “Vô nhiễm Ba-la-mật”

-o0o-

Các ức tướng phân biệt là cội gốc sanh kiết sử, dẫn đến khởi nghiệp ở đời sau.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các ức tướng phân biệt dẫn đến sanh nghiệp báo ở đời sau đều là hư vọng, nên chẳng có vọng khởi ức tướng phân biệt nữa.

Như vậy gọi là “Bất khởi Ba-la-mật”.

-o0o-

3 độc “tham, sân, si” là lửa thiêu đốt công đức. Thế nhưng, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thù “hòa tướng” của 3 độc.

Như vậy gọi là “Tịch diệt Ba-la-mật”.

-o0o-

Chẳng những ‘hòa tướng’ của 3 độc là bất khả đắc, chẳng nên thù, mà hết thảy các pháp tướng cũng là bất khả đắc, chẳng nên thù.

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ các pháp đều bất khả đắc nên chẳng tham đắm các pháp. Bồ tát chẳng tham đắm các thiện pháp... dẫn đến chẳng tham đắm Bát nhã Ba-la-mật, huống nữa là tham đắm các pháp thế gian khác.

Phật dạy: Gốc sanh ra dục tâm là bất khả đắc; tham dục là hư vọng, là tự tánh không, là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Vô dục Ba-la-mật”.

-o0o-

Sân nhuế, ở nơi tự tánh, là rốt ráo vô sở hữu.

Như vậy gọi là “Vô sân Ba-la-mật”.

-o0o-

Do “vô sân”, nên hết thảy mê ám đều bị phá.

Như vậy gọi là “Vô si Ba-la-mật”.

-o0o-

Chẳng phải vì “diệt si” mà nói “vô si”, mà ‘vô si’ còn có nghĩa là chẳng phiền não.

Bồ tát khi vào được vô sanh pháp nhẫn, diệt hết thảy các phiền não.

Phật dạy: Các ức tướng phân biệt là cội gốc kiết sử phiền não.

Khi ức tướng phân biệt chẳng còn nữa, thì các kiết sử phiền não tự tiêu diệt.

Như vậy gọi là “Vô phiền não Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, chúng sanh cũng như hết thảy các pháp đều là tự tánh không.

Phật dạy: Chúng sanh bản lai là bất sanh, là vô sở hữu.

Như vậy gọi là “Vô chúng sanh Ba-la-mật”.

-o0o-

Trong Bát nhã Ba-la-mật, hết thảy các pháp đều chẳng khởi, chẳng sanh, đều là vô sở tác, nên tự nhiên đã có đoạn tướng rồi vậy.

Vì tự nhiên đã có đoạn tướng, nên chẳng có pháp gì để đoạn cả.

Như vậy gọi là “Vô đoạn Ba-la-mật”.

-o0o-

Lại nữa, vì biết rõ các pháp đều chẳng khởi, chẳng sanh, đều là vô sở tác, nên Bồ tát ly được cả hai bên (nhị biên), ly được cả ngã lẫn vô ngã, cả đoạn lẫn thường, cả hữu lẫn vô v.v...

Như vậy gọi là “Vô nhị biên Ba-la-mật”.

-o0o-

Phật dạy: “Biên” vốn là hư vọng. Phạm phu, do hư vọng điên đảo, mà khởi chấp có “nhị biên”, Bồ tát, cầu thật pháp, nên ly “nhị biên” điên đảo, biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là “nhất tướng”, là “không tướng”, là chẳng thể bị phá hoại được.

Phật lại dạy: Hết thấy các pháp đều chẳng có định tướng.

Ví như quả chẳng rời nhân, nhân chẳng rời quả. Cũng như vậy, hữu vi pháp chẳng rời vô vi pháp, vô vi pháp chẳng rời hữu vi pháp; Bát nhã Ba-la-mật chẳng rời hết thấy pháp, hết thấy pháp chẳng rời Bát nhã Ba-la-mật. Thật tướng các pháp chính là Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng có thể phá hoại được.

Như vậy gọi là “Bất phá Ba-la-mật”.

-o0o-

Phạm phu chấp các pháp có hợp có tan, có thường có vô thường v.v... Tất cả đều là lầm chấp.

Bát nhã Ba-la-mật chẳng chấp hết thấy pháp, chẳng chấp thể gian pháp, chẳng chấp Nhị thừa pháp... dẫn đến chẳng chấp thanh tịnh xuất thế gian pháp.

Như vậy gọi là “Bất thủ Ba-la-mật”.

-o0o-

Phàm phu, do vọng tưởng, mà sanh tâm phân biệt. Bồ tát biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng pháp, nên chẳng có vọng chấp phân biệt.

Phật dạy: Do có ức tưởng, nên mới khởi sanh phân biệt. Thế nhưng cội gốc của ức tưởng phân biệt là không, là bất khả đắc.

Như vậy gọi là “Vô phân biệt Ba-la-mật”.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh 4 vô lượng tâm, nên là vô lượng.

Hết thảy các pháp vào trong Bát nhã Ba-la-mật đều là rốt ráo không, đều là rốt ráo thanh tịnh, như tướng Niết bàn, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng.

Lại nữa, trí huệ Bát nhã chẳng có bờ mé, nên là vô lượng.

Phật dạy: Chẳng những chi Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, mà hết thảy các pháp cũng đều là bất khả đắc, đều là vô lượng cả.

Như vậy gọi là “Vô lượng Ba-la-mật”.

-o0o-

Hư không là vô sắc, vô hình. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Phật dạy: Chẳng những hư không là vô sở hữu, mà hết thảy các pháp cũng đều là vô sở hữu cả.

Như vậy gọi là “Hư không Ba-la-mật”.

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Thường Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều tán hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Khổ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều là khổ não tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô ngã Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả thủ (chẳng thể thủ) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tướng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất sanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Nội không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nội pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Ngoại không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì ngoại pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Nội ngoại không Ba-la-mật” là Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nội ngoại pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “không không pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đại Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đệ Nhất Nghĩa Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Niết bàn bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hữu Vi Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hữu vi pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Vi Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì vô vi pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tất Cánh Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp rốt ráo bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Thi Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô Thi Pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tán Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Tán pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tánh Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Hữu vi tánh” và “Vô vi tánh” đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Chư Pháp Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bất Khả Đắc Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp vô sở hữu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tự Tướng Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều tự tướng ly vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Pháp Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hữu Pháp

Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Hữu pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Pháp Hữu Pháp không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô pháp hữu pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Niệm Xứ Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Thân, thọ, tâm và pháp” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Chánh Căn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thiện pháp và bất thiện pháp đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Như Ý Túc Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 4 như ý túc đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Căn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 5 căn đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Lực Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 5 lực đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Giác Ba-

la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 7 giác phân đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đạo Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 8 thánh đạo đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tác Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Vô tác tướng” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Không tướng” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Tướng Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì “Tịch diệt tướng” bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bối xả Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 8 bối xả đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Định Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì 9 thứ đệ định đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Đàn Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì xan tham bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Thi La Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì phá giới bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Săn Đê Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nhẫn và chẳng nhẫn đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tỳ Lê Gia Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì tinh tấn và giải đãi đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Thiên Na Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì định và loạn bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Bát nhã Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì trí huệ và ngu si đều bất khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Phật Lực Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp bất khả phục (chẳng thể phục) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Sở Úy Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì đạo chủng trí chẳng mất vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Vô Ngại Trí Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp chẳng chướng, chẳng ngại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Phật Pháp Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì siêu xuất hết thấy pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “N hư Thật Thuyết Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy lời nói đều như thật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Tự Nhiên Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều tự tại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Phật Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì biết hết thấy pháp và hết thấy chủng trí vậy.

LUẬN:

Bát nhã Ba-la-mật có “Vô thường thánh hạnh”, nên ở đoạn kinh trên đây có nói đến “Vô thường Ba-la-mật”.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là có “Vô

thường quán”, mà hết thầy pháp đều vô thường. Cho nên gọi là Vô thường Ba-la-mật.

Hỏi: Trước đây nói Bát nhã Ba-la-mật là pháp tánh thường trú. Như vậy vì sao nay lại nói Vô thường Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ quán, mà các pháp thì do duyên sanh, nên là hữu vi, là vô thường.

Còn gốc duyên của Bát nhã Ba-la-mật là “như pháp tánh thật tế”, là vô vi, nên là thường trú.

Ngài Tu Bồ Đề nói về trường hợp Bát nhã Ba-la-mật quán hữu vi, nên nói Vô thường Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Hỏi: Hết thầy các pháp đều là tận tướng, đều là tán hoại, là vô thường. Vì sao nói vô vi pháp chẳng có tán hoại?

Đáp: Khi nói hết thầy các pháp là nói đến 6 thức bên trong và 6 trần bên ngoài; tất cả đều là tác pháp. Vì là tác pháp, nên tất cả đều qui về hoại tướng.

Lại nữa, nếu ly hữu vi pháp, thì chẳng có vô vi pháp, cũng chẳng có các pháp tướng. Nhân có hữu vi pháp tướng, mới nói vô vi pháp tướng là bất sanh, bất diệt vậy.

Ngoài ra, khi nói về hữu vi pháp, phải hiểu theo 2 nghĩa:

- Danh tự là hữu vi pháp.
- Thật là hữu pháp.

Dù hiểu theo nghĩa nào, đã là hữu vi pháp, thì cũng là tán hoại cả.

Vì hết thầy pháp đều là tán hoại, nên là vô thường, là

khô, là vô ngã, là nội không... dẫn đến là vô pháp hữu pháp không; tất cả đều là bất khả đắc.

Bởi vậy nên mới nói “Vô thường Ba-la-mật”, “Khô Ba-la-mật”, “Vô ngã Ba-la-mật”, “Nội Không Ba-la-mật”... dẫn đến “Vô Pháp Hữu Pháp Không Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thuyết về hết thảy các pháp môn tu, nhằm tán thán Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Chánh quán về “thân, thọ, tâm và pháp niệm xứ” là sơ môn dẫn đến 4 thánh đế là sơ môn dẫn đến 4 quả Sa môn.

Phân biệt ở cả 3 Thừa đều có “4 niệm xứ”. Thế nhưng, Phật dạy: Gốc duyên của 4 niệm xứ, từ vô thi đến nay, là bất khả đắc.

Suy rộng ra, thì gốc duyên của 4 chánh căn, của 4 như ý túc, của 5 căn, của 5 lực, của 7 giác phần, của 8 thánh đạo, của 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, của 8 bối xả, của 9 thứ đệ định, của 6 pháp Ba-la-mật cũng đều là bất khả đắc cả.

Bởi vậy nên mới nói “Niệm Xứ Ba-la-mật”... dẫn đến “Đạo Ba-la-mật”, “Không Ba-la-mật”, “Vô tướng Ba-la-mật”, “Vô tác Ba-la-mật”, “Bối xả Ba-la-mật”, “Định Ba-la-mật”, “Đàn Ba-la-mật”... dẫn đến “Bát nhã Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Hỏi: Nếu dùng các pháp môn khác để tán thán Bát nhã Ba-la-mật thì còn hợp lý. Vì sao cũng dùng Bát nhã Ba-la-mật để tán thán Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Khi nói về Bát nhã Ba-la-mật, phải hiểu theo 2 nghĩa:

- Thường trú Bát nhã Ba-la-mật.
- 5 pháp Ba-la-mật kia cộng hành có dụng của Bát nhã Ba-la-mật.

Ngay ở nơi “nguyện Bồ Đề” là đã có dụng tán thán Bát nhã Ba-la-mật rồi, đã có dụng pháp vô minh si ám, có dụng dẫn đến chân trí huệ rồi vậy. Bởi vậy nên Phật dạy: Được thường trú Bát nhã Ba-la-mật, thì si huệ bất khả đắc.

-o0o-

Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, trước được 10 Bồ tát lực, rồi sau sẽ được 10 Phật lực.

Phật dạy: 10 Phật lực là bất khả phá (chẳng thể phá), là bất khả phục (chẳng thể phục).

Chỉ vì chúng sanh, mà Phật thuyết về 10 Phật lực. Thế nhưng, ở nơi thật tướng pháp, thì Phật lực là vô lượng vô biên, chẳng thể phá, chẳng thể phục được vậy.

Bởi vậy nên mới nói “Phật Lực Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Bồ tát, khi đã vào được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì ở trước Phật còn có thể thuyết pháp, luận nghị, huống nữa là ở các nơi khác; trước ma vương còn chẳng sợ hãi, huống nữa là trước các ngoại đạo.

Như vậy gọi là “Vô Sở Úy Ba-la-mật”.

Phật dạy: Do đạo chúng trí chẳng chìm đắm, nên được pháp nhãn. Do được pháp nhãn, nên biết rõ chúng sanh tụ tập như thế nào để đến được Niết bàn.

Bát nhã Ba-la-mật là tịch diệt tướng, là Niết bàn tướng, là bất khả thuyết, là đạo chúng trí vậy. Bồ tát, được đạo chúng trí, thường dẫn đạo chúng sanh. Ở giữa đại chúng, Bồ tát thường thuyết pháp, khiến đạo chúng trí càng thêm tăng ích, nên chẳng chìm đắm, chẳng sợ hãi, chẳng kiêu mạn, chẳng tự cho mình đã đắc pháp.

Như vậy gọi là “Vô Sở Úy Ba-la-mật”.

Do được vô úy pháp, mà Bồ tát thường thuyết pháp, khiến pháp luân thường chuyển. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề tán thán vô úy pháp, và hỏi Phật: “Vô Sở Úy Ba-la-mật” là Bát nhã Ba-la-mật chăng?

-o0o-

Phật dạy: Chẳng phải chỉ có 4 pháp vô ngại, mà hết thảy các pháp ở nơi thật tướng pháp, đều chẳng chướng, chẳng ngại.

Như vậy gọi là “Vô Ngại Trí Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, được 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, và vô lượng Phật pháp khác.

Như vậy gọi là “Phật pháp Ba-la-mật”.

Phật dạy: Thanh Văn pháp thù thắng hơn phàm phu pháp; Bích Chi Phật pháp thù thắng hơn Thanh Văn pháp; còn Phật

pháp là tối diệu tối thắng, vượt lên trên hết thảy các pháp.

Như vậy gọi là “Phật pháp Ba-la-mật”.

-o0o-

Chư Phật trong 3 đời, do tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà được đạo Vô Thượng, được gọi là Như Lai, là đấng như thật tri, như thật thuyết.

Phật dạy: Chẳng phải Phật thuyết pháp mới là như thật thuyết, chẳng phải lời Phật nói ra mới là như thật, mà hết thảy các lời nói đều như thật cả.

Như vậy gọi là “Như thật thuyết Ba-la-mật”.

-o0o-

Chư Bồ tát, khi đã đầy đủ 10 địa rồi, thì hậu thân tự nhiên thành Phật.

Như vậy gọi là “Tự nhiên Ba-la-mật”.

Tự nhiên thành Phật, nên lời Phật nói ra là “Tự nhiên Ba-la-mật”.

Lại nữa, thật tướng Bát nhã Ba-la-mật là tự nhiên, chẳng do ai làm ra, nên cũng là “Tự nhiên Ba-la-mật”.

-o0o-

Bồ tát, khi đã được đầy đủ 10 địa rồi, thì cũng được đầy đủ 10 lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi. Lúc bấy giờ, Bồ tát đã thành Phật, chuyển pháp luân, đánh trống pháp, cảnh tỉnh chúng sanh ở khắp 10 phương thế giới, khiến họ phá tan được màn vô minh si ám.

Như vậy gọi là “Phật Ba-la-mật”.

Phật còn được gọi là “Giác Giả”, nghĩa là đáng chánh biến tri hết thảy pháp, hết thảy chủng trí.

Phật là người biết rõ hết thảy pháp, đầy đủ cả 5 pháp, từ phàm phu pháp, Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ tát pháp... dẫn đến Phật pháp.

Lược nói, Phật có 2 tướng. Đó là:

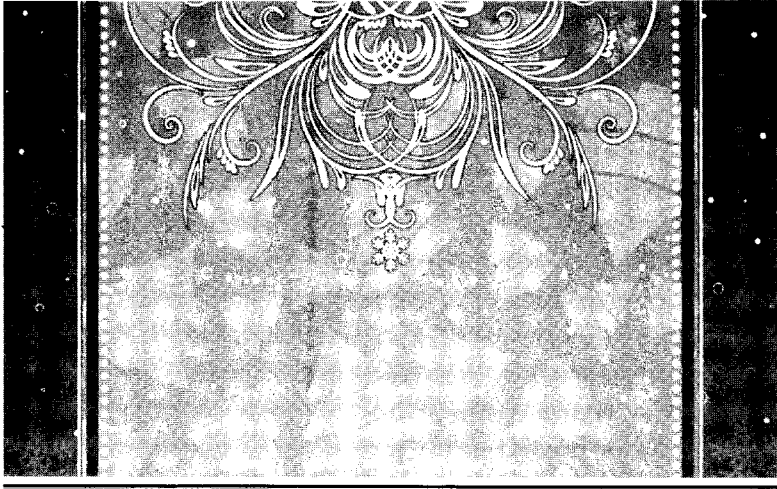
- Xét về biệt tướng, thì Phật là rốt ráo “Không tướng”.

- Xét về tổng tướng, thì Phật là đáng Nhất thiết chủng trí, minh liễu vô lượng vô biên pháp môn.

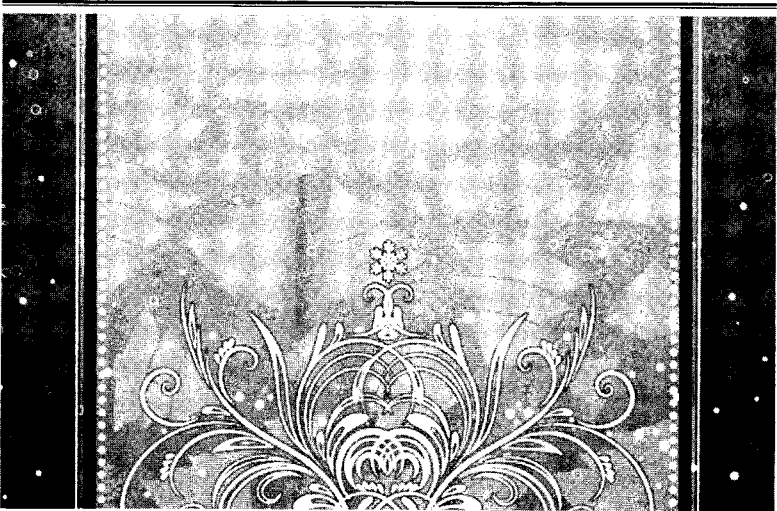
Bởi nhân duyên vậy, nên gọi là “Phật Ba-la-mật”.

Đây chẳng phải nói về “Phật thân”, mà nói về “Phật Ba-la-mật”, tức là nói về “Phật Nhất thiết chủng trí” vậy.

(Hết Quyền 65)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 66



Phẩm Thứ Bốn Mười Lăm



Văn Trì

(Nghe và Thọ Trì)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự niệm rằng, thiện nam, thiện nữ được nghe Bát nhã Ba-la-mật, là người ở đời trước, đã trồng thiện căn công đức nơi các đức Phật, đã thân cận các thiện tri thức; huống nữa là thiện nam, thiện nữ thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết người sau này, ở đời trước, đã thân cận nhiều đức Phật vậy.

Người ở đời trước, đã nghe, thọ trì, thân cận, chánh ức niệm, đúng như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật, thì đời nay mới có thể thưa hỏi và giải đáp về Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết rằng người ấy, ở đời trước, đã từng thân cận, cúng dường nhiều đức Phật.

Lại nữa, người nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải là người đã từ vô lượng ức kiếp thật hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, và nghe rồi lại còn thọ trì, thân cận, đọc tụng chánh ức niệm... dẫn đến như thuyết tu hành, thì phải biết người ấy đã được quả vị Bồ tát bất thối chuyển.

Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba-la-mật rất thâm thâm. Nếu đời trước chẳng thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thì nay chẳng sao có thể tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật được.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà hủy báng, thì phải biết người ấy, ở đời trước, đã từng hủy báng thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì người ấy nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng tin, chẳng vui, nên chẳng có được tâm thanh tịnh. Phải biết người ấy, ở đời trước, chẳng thừa hỏi chư Phật và chư đệ tử Phật về cách thực hành 6 pháp Ba-la-mật, cách tu tập nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, cách tu tập 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, cách tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhon hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ nào chẳng thường hành 6 pháp Ba-la-mật, chẳng thường hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng thường hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng thường hành 10 lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, là người chẳng tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật. Có phải đúng như vậy chăng?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi xin kính lễ Bát nhã Ba-la-mật. Kính lễ Bát nhã Ba-la-mật là kính lễ Nhất thiết chủng trí vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Kính lễ Bát nhã Ba-la-mật là kính lễ Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí của chư Phật

đều xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật. Vì thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên, này Kiều Thi Ca ! Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn trú trong Nhất thiết chủng trí, thì phải trú trong Bát nhã Ba-la-mật; muốn được đạo chủng trí, thì phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, muốn dứt trừ hết thấy các kiết sử và tập khí, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn chuyển pháp luân, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn giáo hóa chúng sanh, khiến họ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả A-la-hán, Bích Chi Phật, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật; muốn được Vô Thượng Bồ Đề, muốn giáo hóa chúng sanh, muốn thống nhiếp Tỷ-kheo tăng, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là vị Thiên chủ lợi căn và thâm tín Phật pháp. Nay ngài nghe được Bát nhã Ba-la-mật tợ như lửa gặp gió, nên tín tâm của ngài càng thêm tăng trưởng. Lại nữa, ngài được nghe ngài Tu Bồ Đề dùng các pháp nhân duyên tán thán Bát nhã Ba-la-mật, và được Phật dùng chỗ thâm lý để giải đáp, nên ngài rất hoan hỷ, và tự niệm rằng: Thiện nam, thiện nữ nào được nghe Bát nhã Ba-la-mật, phải là người ở đời trước đã cúng dường nhiều đức Phật, đã có đại công đức, nên nay mới gặp được thầy tốt, bạn lành, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cho nghe. Lại nữa, do đời trước đã gieo duyên cúng dường, nên ở đời nay, vừa nghe Bát nhã Ba-la-mật, đã liền tín thọ. Hơn thế nữa, thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, thân cận, đọc tụng, chánh ức niệm, như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật, phải là người, ở đời trước, đã được nghe chư Phật quá khứ cùng chư

đệ tử Phật thuyết giảng thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật. Những người này nghe Bát nhã Ba-la-mật liền tin thọ, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Vì sao? Vì hạng người này, trong nhiều A-tăng-kỳ kiếp, đã tu 6 pháp Ba-la-mật, đã thành tựu vô lượng công đức; tuy chưa được bất thối chuyển, nhưng ở nơi thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật, đã chẳng còn nghi ngại nữa.

Ví như chiếc lông khô ráo rất dễ bị cuốn bay theo chiều gió; còn lông ướt, hoặc lông đã được dẹt lại với nhau thành tấm thảm lớn, thì rất khó bị gió cuốn đi được.

Cũng như vậy, người sơ phát tâm Bồ tát, do tu tập chưa được bao lâu, nên nghe Bát nhã Ba-la-mật chưa có được lòng tin vững chắc, khiến còn sợ hãi vậy. Trái lại, nếu đã từng nghe, từng tu tập Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì nay nghe Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sợ hãi nữa.

Bởi vậy nên vị Đệ Thích lại tự niệm rằng: Người thọ trì, thân cận... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức.

-o0o-

Ngày Xá Lợi Phát biết rõ tâm niệm của vị Đệ Thích, nên bạch với Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào chưa vào được Bồ tát vị, mà đã thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng còn sợ hãi khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật nữa thì phải biết người ấy đã có đại phước đức, đại trí huệ, đại trí lực rồi; người ấy xứng đáng được xem như là Bồ tát bất thối chuyển rồi vậy.

-o0o-

Ở phẩm này, Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, là vô tướng. Thế nên, thù được, tin được, thọ trì được Bát nhã Ba-la-mật thật là rất khó làm, là hy hữu, chẳng khác nào người trồng cây ở giữa hư không vậy.

Ví như người tu hành, khi vào được thánh pháp, thì xả được gốc vô minh, khi vào được thiên định, thì xả được 5 dục lạc v.v... Xả như vậy mà chẳng thấy có xả. Vì sao? Vì công đức chẳng có chỗ y chỉ, nên chẳng có chỗ xả vậy.

Lại ví như người dùng thước đo chiều dài của một vật. Khi đến điểm cuối cùng rồi mà còn muốn đo nữa, thì lại phải trở về điểm khởi đầu. Cũng như vậy, Bồ tát khi chưa được đạo, thì phải tin thọ Bát nhã Ba-la-mật; khi đã đạt được chỗ rốt ráo “vô sở y” rồi, thì được tự tại vô ngại ở nơi hết thảy các pháp. Lúc bấy giờ, Bồ tát hành các phước đức, tu xả ly 5 dục v.v..., chẳng thấy pháp môn nào phải xả bỏ cả.

Đây là pháp sự rất hy hữu. Bởi vậy nên nói: Thiện nam, thiện nữ tu tập 6 pháp Ba-la-mật, đã chứa nhóm nhiều công đức, thì nay mới có được tín tâm thanh tịnh, khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu trái với những điều ghi trên đây, là hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Nếu có người nào ở trong nhiều kiếp đã chứa nhóm nhiều công đức, mà nay chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy, từ nhiều kiếp, đã có tập quán chấp đấm phước đức hữu lậu vậy.

Hỏi: *Nếu đời trước đã hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, thì phải thọ báo đọa địa ngục. Như vậy vì sao đời nay lại được nghe Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Có người đời trước hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, đã bị đọa vào địa ngục; sau khi đã thọ xong quả báo, nay lại

được trở lại làm người. Có người đời trước hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đã có chứa nhóm nhiều công đức, lại vì chưa đến lúc phải thọ quả báo, nên đời nay vẫn được sanh làm người. Hạng người này, dù được nghe Bát nhã Ba-la-mật, nhưng do nhân duyên hủy báng Bát nhã Ba-la-mật ở đời trước, mà nay vẫn chẳng tin thọ Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Trái lại, người đời trước đã phạm tội “ngũ nghịch”, nhưng nay đã thọ xong quả báo, có thể lại được sanh làm người. Do nhân duyên chẳng có hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, nên nay nghe Bát nhã Ba-la-mật có thể sanh tin thọ.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, rốt ráo vô sở hữu, là pháp thậm thâm vi diệu, nên tự niệm rằng: Người tin thọ Bát nhã Ba-la-mật được vô lượng công đức, còn người hủy báng Bát nhã Ba-la-mật phải thọ vô lượng tội khổ.

Do suy nghĩ như vậy mà vị Đế Thích phát tâm kính lễ Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì kính lễ Bát nhã Ba-la-mật là kính lễ Nhất thiết chủng trí, kính lễ Nhất thiết chủng trí là kính lễ 10 phương chư Phật.

Phật ấn chứng lời của vị Đế Thích, và tán thán rằng: Từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật, xuất sanh Nhất thiết chủng trí. Bỏ tát muốn trú Nhất thiết chủng trí... dẫn đến muốn thông nhiếp Tỷ-kheo tăng, phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

KINH:

**Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn!
Khi muốn hành Bát nhã Ba-la-mật:**

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong Đàn Ba-la-mật... dẫn đến trú trong Bát nhã Ba-la-mật?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong nội không... dẫn đến trú trong vô pháp hữu pháp không?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 4 thiền, trong 4 vô lượng tâm, trong 4 vô sắc định, trong 5 thần thông?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 4 niệm xứ... dẫn đến trú trong 8 thánh đạo?

- Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 10 Phật lực... dẫn đến trú trong 18 bất cộng pháp?

Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải làm thế nào để tập hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, tập hành nội không... dẫn đến 18 bất cộng pháp?

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Kiều Thi Ca! Ý ông muốn hỏi là những điều như vậy đều do thần lực của Phật chăng?

Này Kiều Thi Ca! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng trú trong sắc... dẫn đến thức, chẳng trú trong nhãn... dẫn đến ý, chẳng trú trong sắc... dẫn đến pháp, chẳng trú trong nhãn thức... dẫn đến ý thức, chẳng trú trong nhãn giới... dẫn đến ý thức giới, mới là tập hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú trong Đàn Ba-la-mật mới là tập hành Đàn Ba-la-mật, chẳng trú trong Thi La Ba-la-mật mới là tập

hành Thi Ba-la-mật, chẳng trú trong Sẵn Đề Ba-la-mật mới là tập hành Sẵn Đề Ba-la-mật, chẳng trú trong Tỳ Lê Gia Ba-la-mật mới là tập hành Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, chẳng trú trong Thiên Na Ba-la-mật mới là tập hành Thiên Na Ba-la-mật, chẳng trú trong Bát nhã Ba-la-mật mới là tập hành Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy gọi là Bồ tát Ma-ha-tát chẳng trú trong các Ba-la-mật mà tập hành các Ba-la-mật vậy.

Này Kiều Thi Ca! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, mới là tập hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; chẳng trú trong 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông, mới là tập hành 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông; chẳng trú trong 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; mới là tập hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng trú trong 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, mới là tập hành 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Vì sao?

Này Kiều Thi Ca! Vì Bồ tát chẳng thấy nơi sắc có chỗ an trú, có chỗ tập hành... dẫn đến chẳng thấy nơi 18 bất cộng pháp có chỗ an trú, có chỗ tập hành vậy.

Lại nữa, này Kiều Thi Ca! Vì Bồ tát biết rõ sắc quá khứ, sắc hiện tại, sắc vị lai đều bất khả đắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều là như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Vì sắc thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm... dẫn đến vì 18 bất cộng pháp thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất khó lường!

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Vì sắc khó lường... dẫn đến 18 bất cộng pháp khó lường, nên Bát nhã Ba-la-mật khó lường.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật vô lượng!

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Vì sắc vô lượng... dẫn đến 18 bất cộng pháp vô lượng, nên Bát nhã Ba-la-mật vô lượng.

Này Xá Lợi Phát ! Hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng hành sắc thậm thâm... dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp thậm thâm, chẳng hành sắc khó lường... dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp khó lường, chẳng hành sắc vô lượng... dẫn đến chẳng hành 18 bất cộng pháp vô lượng, mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì các tướng thậm thâm, khó lường, vô lượng của sắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp là phi tướng (chẳng phải tướng) vậy.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, mà tướng thậm thâm ấy chẳng thể tư lường được.

Chớ nên vì hàng Bồ tát mới phát tâm, mà nói ra như vậy. Vì sao? Vì hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe nói Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, sẽ sanh sợ hãi, nghi hối, chẳng tin là mình có thể hành nổi được thậm pháp đó vậy.

Trái lại, chỉ nên vì hàng Bồ tát bất thối chuyển, nói ra

mà thôi. Vì sao? Vì hàng Bồ tát này nghe Bát nhã Ba-la-mật đã chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi hối, mà còn tinh tấn, dũng mãnh tín thọ và hành trì Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe, thì có lỗi gì?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe, thì họ sẽ kinh sợ chẳng tin. Do chẳng tin mà có thể dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật.

Bất tín và hủy báng Bát nhã Ba-la-mật là tự gieo nghiệp nhân dẫn vào 3 đường ác. Do nghiệp nhân duyên này nên rất khó được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nghe Phật tán thán đầy đủ về thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, liền bạch Phật rằng: Bồ tát phải làm thế nào để trú trong 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến trú trong 18 bất cộng pháp?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nêu lên câu hỏi trên đây nhằm đoạn nghi, khiến chúng hội thông đạt vô ngại, dẫn đến sẽ được nhiều lợi ích.

Bởi vậy nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay!

Lại nữa, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn là vị Thiên chủ đang hưởng đầy đủ phước lạc, mà quyết tâm rời bỏ diệu dục lạc ở cõi trời, đến nghe thuyết về thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật, lại còn khéo hỏi về chỗ tu hành của chư Thánh, là việc làm hy hữu, rất đáng khen.

Bởi vậy nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay!

Sở dĩ, ở ngay giữa chúng hội mà vị Đệ Thích thưa hỏi Phật được như vậy, là vì ngài đã có trì “Tâm Kinh”. Do thường trì “Tâm Kinh”, mà tự thân được quang minh, nên mới có thể thưa hỏi được như vậy.

-o0o-

Phật dạy: Bồ tát chẳng trú trong sắc mà tập hành Bát nhã Ba-la-mật, vì biết rõ sắc là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là thô động. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng trú trong sắc mà hành Bát nhã Ba-la-mật mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phàm phu thấy sắc là liên trú trong sắc, nên khởi sanh phiền não, xa rời Bát nhã Ba-la-mật.

Đối với thọ, tưởng, hành thức; đối với nhãn... dẫn đến ý, đối với sắc... dẫn đến pháp, đối với nhãn thức... dẫn đến ý thức, đối với nhãn giới... dẫn đến ý thức giới cũng đều là như vậy.

Tóm lại, hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú trong 5 âm, trong 12 nhập, trong 18 giới mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Làm sao có thể chẳng an trú trong 6 pháp Ba-la-mật, mà có thể tu tập các hạnh Ba-la-mật được?*

Đáp: 6 pháp Ba-la-mật là những thiện pháp, nên phải tập hành. Thế nhưng hành 6 pháp Ba-la-mật mà chẳng trú trong 6 pháp này... dẫn đến chẳng trú trong 5 âm, 12 nhập, 18 giới, thì mới thật gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ở nơi pháp mà chẳng trú pháp mới đoạn được các ái chấp pháp. Đoạn được ái chấp pháp mới được rốt ráo thanh tịnh.

Chẳng trú pháp (bất trú pháp) nói trên đây cũng là chẳng đắc pháp (bất đắc pháp). Vì sao? Vì trú nơi “pháp xứ” mà chẳng có đắc pháp (bất đắc pháp) tức là ở ngay nơi pháp mà chẳng trú pháp vậy.

Phật nói lên các nhân duyên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú trong sắc mới gọi là tập hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì Bồ tát biết rõ sắc là như huyễn, chẳng nên trú; biết rõ sắc là tự tướng không, nên chẳng thủ sắc tướng, dù là thường tướng hay là vô thường tướng.

Lại nữa, Bồ tát thường hành các thiện pháp, có chánh ngữ, chánh nghiệp, lại tu tập thuần thực các đạo đức, nên nói chẳng trú trong sắc mà tập hành sắc. Nay Bồ tát muốn hành Bát nhã Ba-la-mật, quán sắc là tán hoại, nên nói chẳng tập hành sắc là tập hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì sắc quá khứ đã diệt, sắc vị lai chưa có, nên chẳng có thể tập hành sắc. Vì sắc hiện tại liền sanh, liền diệt, nên chẳng có thể trú sắc. Hơn nữa, vì niệm niệm sanh diệt, nên chẳng có thể trú niệm. Trú niệm còn chẳng được, huống nữa là trú sắc. Bởi vậy nên nói “chẳng tập hành sắc là hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Bồ tát quán sắc quá khứ, hiện tại và vị lai đều là bất khả đắc... dẫn đến quán 18 bất cộng pháp quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều là như vậy.

Do quán hết thấy các pháp đều là bất khả đắc như vậy, nên Bồ tát chẳng còn chấp các pháp tướng. Như vậy là quán các pháp bình đẳng; mà quán các pháp bình đẳng là hành thật tướng pháp vậy.

Ngài Xá Lợi Phát nghe Phật dạy về thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy, sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật rất thâm thâm!

Phật tán thán: Vì sắc... dẫn đến hết thảy các pháp thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Nhục nhãn chưa thấy được sắc thậm thâm, thiên nhãn cũng chưa thấy sắc thậm thâm. Bát nhã Ba-la-mật phân biệt được sắc, vào được như thật tướng sắc, mới thấy rõ sắc thậm thâm. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm.

Ví như mưa rơi từng hạt nhỏ chưa thể gọi là thậm thâm. Khi vô lượng hạt mưa hợp với nhau, tạo thành các dòng nước, rồi các dòng nước chảy dồn vào biển lớn, thì ở nơi đây mới gọi là thậm thâm.

Đôi với các sắc pháp cũng là như vậy.

Dùng nhục nhãn chẳng có thể thấy được sắc pháp thậm thâm; dùng thiên nhãn cũng chưa thấy được sắc pháp thậm thâm; khi có được huệ nhãn mới thấy được sắc pháp thậm thâm. Thế nhưng, chỉ có Phật nhãn mới thấy rõ tận nguồn chỗ thậm thâm, bất khả lượng đó.

Trái lại, người chưa có được trí huệ Bát nhã, thì thấy sắc pháp là thật có, hoặc thường, hoặc vô thường v.v... Đây là thức tâm tư duy, trừ lượng mà khởi các chấp điên đảo như vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phát cùng chúng hội đều tự niệm rằng: Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có thể nghĩ bàn được. Nếu như vậy thì Bồ tát làm sao có thể tu hành được?

Phật biết rõ tâm niệm ấy, nên dạy rằng: Bồ tát, nếu hành

sắc thậm thâm là chẳng vào được Bát nhã Ba-la-mật. Chẳng hành sắc thậm thâm, mới vào được Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là vì hạng người độn căn, mà nói sắc thậm thâm. Còn hạng người đã đầy đủ phước đức trí huệ, thì chẳng còn chấp sắc thậm thâm nữa.

Ví như khi nói biển có sâu, có cạn, có rộng, có hẹp v.v... chỉ là một cách nói rất tương đối, chẳng có gì là quyết định cả. Vì sao? Vì cùng một vùng biển đó, mà loài người cho là mênh mông, là sâu thẳm, nhưng đối với loài A-tu-la, thì chỉ là cạn hẹp mà thôi.

Cũng như vậy, đối với phàm phu, hay đối với người mới phát tâm, còn buông lung, giải đãi, thì Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm, khó hiểu, khó vào. Còn đối với hàng Bồ tát bất thối chuyển, đã đầy đủ phước đức trí huệ, thì Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là thậm thâm, khó hiểu vậy.

Chư Phật, ở nơi hết thảy các pháp, đã được vô ngại giải thoát, nên chẳng thấy có pháp nào là thậm thâm cả. Thế nhưng, vì căn cơ của chúng sanh có sai khác, có lợi căn, có độn căn, có tinh tấn, có giải đãi v.v..., nên Phật mới phương tiện thuyết Bát nhã Ba-la-mật có sâu, có cạn v.v... để mọi người nghe pháp đều được lợi lạc.

Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là rất khó lường, là vô lượng vậy.

-o0o-

Phật lại nói các nhân duyên chỉ rõ các tướng thậm thâm, khó lường, vô lượng của sắc... dẫn đến của hết thảy pháp đều là “phi tướng”. Người mới phát tâm, do còn sợ hãi, còn nghi hời, nên mới chấp sắc là thậm thâm, mà chẳng biết rằng

sắc tướng là rớt ráo không, nên chẳng thể nói sắc có sâu, có cạn được.

Do vậy mà ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm mà tướng thậm thâm ấy cũng chẳng có thể tư lường được.

Hỏi: Trước đây đã nói Bồ tát chẳng hành thậm thâm là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao ngài Xá Lợi Phất lại đề cập đến thậm thâm?

Đáp: Ngài Xá Lợi Phất chẳng phải có chủ tâm nói về nghĩa thậm thâm, nhưng ngài hiểu ý Phật, nên đã vì người nghe mà nói về thậm thâm vậy.

Do vậy mà ngài bạch Phật: Chẳng nên vì người sơ phát tâm mà nói về thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, vì hạng người này sẽ sanh tâm chìm đắm, chẳng tin là mình có thể hành được thâm pháp đó.

Trái lại, chỉ nên thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát bất thối chuyển, là những bậc đã có đầy đủ trí huệ, đã có tín tâm thanh tịnh. Hạng Bồ tát này, khi nghe được thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, chẳng những chẳng có chìm đắm, mà còn tinh tấn, dũng mãnh thọ trì Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như gặp dòng nước sâu, chẳng nên cho trẻ nhỏ chưa biết lội, bơi qua. Chỉ có những người bơi lội giỏi mới có thể vượt qua được.

-o0o-

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng: Nếu thuyết thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật cho hàng Bồ tát sơ phát tâm nghe, thì có lỗi gì?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Vì hàng Bồ tát sơ phát tâm chưa tin nổi Bát nhã Ba-la-mật, nên sanh tâm chìm đắm, nghi hối, rồi khởi sanh các phiền não. Họ sẽ nghĩ rằng: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không. Nếu ta thọ pháp “không” như vậy, thì làm sao ta khỏi đọa về đoạn diệt?

Lại nữa, đối với hạng người chẳng kham thọ được pháp “không”, thì dù Phật thuyết pháp “không”, họ cũng chẳng thọ. Chẳng nên vì họ thuyết pháp “không” vậy.

Vì sao? Vì người ta đã có tâm nghi, thì thường hay sanh sợ hãi; còn người đã có định kiến, thì thường hay sanh ác kiến đối với pháp sư, dẫn đến hủy báng Bát nhã Ba-la-mật. Do tội hủy báng Bát nhã Ba-la-mật, mà sẽ phải bị đọa vào địa ngục.

Như đã nói trước đây: Nếu do nghiệp báo nhân duyên phải đọa vào 3 đường ác, thì rất khó được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn hỏi ngài Xá Lợi Phát:
Thưa ngài Xá Lợi Phát! Có Bồ tát nào chưa được thọ ký nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ chẳng?

Ngài Xá Lợi Phát đáp: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Nếu có Bồ tát nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết Bồ tát ấy chẳng bao lâu nữa cũng sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, nhiều lắm là dưới thời của một hoặc hai đức Phật nữa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phát! Bồ tát đó, trong nhiều đời, đã phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, đã cúng dường nhiều đức Phật, nên nay

nghe Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, và nghe xong liền thọ trì, đúng như pháp mà tu hành.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con muốn được nêu lên thí dụ về nghĩa này.

Ví như có thiện nam, thiện nữ cầu Bồ tát đạo, mà ở trong mộng lại thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật, nhập thiền định, siêng năng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn giới hạnh, thật hành bố thí, tu tập nội không, ngoại không... dẫn đến tọa đạo tràng, thì phải biết người ấy đã gần được Vô Thượng Bồ Đề rồi. Huống nữa là Bồ tát, khi thức, vẫn thường tu thâm Bát nhã Ba-la-mật, nhập thiền định, siêng năng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn giới hạnh, thật hành bố thí... mà chẳng mau thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề hay sao?

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào đã đầy đủ thiện căn, vừa nghe Bát nhã Ba-la-mật liền thọ trì... dẫn đến y theo Bát nhã Ba-la-mật mà tu hành, thì phải biết đó là vị đại Bồ tát đã lâu đời trồng thiện căn, cúng dường chư Phật, thân cận chư thiện tri thức, đã gần được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề rồi vậy. Phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng hề thối tâm, thường nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, thường thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Bạch Thế Tôn! Ví như người đã lâu ngày gian khổ, băng rừng, xuyên núi, lần theo những nẻo đường hoang vắng, quanh co, hiểm trở, dài cả 2, 3, 4 trăm do tuần, mà bỗng nhiên thấy bóng dáng người chăn trâu, hoặc thấy cảnh ruộng vườn, thì phấn khởi, vui mừng. Người ấy biết chắc là mình đã đến gần thành ấp, xóm làng, biết mình sắp đến được nơi tụ lạc an ổn, đã thoát được nạn ác thú,

nạn độc trùng, nạn giặc cướp, biết mình chẳng còn bị đói khát nữa vậy.

Bồ tát cũng như vậy. Nếu đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì biết là mình chẳng bao lâu nữa sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, sẽ chẳng còn bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa nữa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Ông hãy nêu thêm vài thí dụ nữa đi.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ví như muốn thấy biển lớn, quyết tâm đi mãi cho đến khi chẳng còn thấy núi đồi, chẳng còn thấy cây cối nữa, thì mặc dù chưa được nhìn thấy tận mắt biển lớn, nhưng người ấy đã biết là mình đã đến gần vùng biển lớn rồi. Vì sao ? Vì vùng biển lớn bằng phẳng, chẳng có núi đồi, chẳng có cây cối vậy.

Bồ tát cũng như vậy. Khi đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì biết là mình chẳng bao lâu nữa sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, ví như trước khi mùa xuân đến, thấy cây rụng lá gàn sạch, thì biết chẳng còn bao lâu nữa rừng cây, đồng cỏ sẽ trở lại màu xanh tươi mát. Mọi người đều sanh lòng hoan hỷ, chờ đón mùa xuân mới.

Bồ tát cũng như vậy. Khi đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì biết rằng đời trước mình đã trồng thiện căn, đã cúng dường nhiều đức Phật.

Bồ tát này tự niệm rằng: Do đời trước ta đã trồng thiện căn, đã hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nên đời nay ta

mới được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mới thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, và đúng như pháp tu hành vậy.

Lúc bấy giờ, chư vị thiên tử, đã từng nghe Phật, đều hoan hỷ tự niệm rằng: Chư vị Bồ tát, ở trong quá khứ, đã từng nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã được Phật thọ ký, nên ngày nay lại được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, ắt là chẳng bao lâu nữa sẽ thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật tiếp: Bạch Thế Tôn! Ví như người mẹ, trải qua 9 tháng mang thai, nay thấy thân thể nặng nề, đi đứng khó khăn, bỏ ăn, mất ngủ, bụng đau quằn quại, thì biết chẳng còn bao lâu nữa mình sẽ sanh con.

Bồ tát cũng như vậy. Trải qua thời gian lâu dài gieo trồng các thiện căn, cúng dường chư Phật, tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thân cận chư thiện tri thức, nay thiện căn đã thành tựu, được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, được thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, và đúng như pháp tu hành, thì phải biết Bồ tát này chẳng còn bao lâu nữa sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Nay Xá Lợi Phất! Những lời ông vừa nói ra đều nương theo Phật lực cả.

Lúc bấy giờ, ngày Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Đáng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khéo phó chúc Phật sự cho chư vị đại Bồ tát.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm nhằm an ổn chúng sanh, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì chư đại Bồ tát thương xót chúng sanh, muốn làm lợi ích cho hàng trời, người mà hành Bồ tát đạo.

Khi hành Bồ tát đạo, chư Bồ tát dùng 4 nhiếp pháp gồm “bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự” nhiếp độ vô lượng chúng sanh. Lại cũng đem 10 thiện đạo giáo hóa chúng sanh. Lại tự mình tu Sơ thiên... dẫn đến tự mình tu Phi Tướng Phi Phi Tướng Định, và cũng dạy người tu Sơ thiên... dẫn đến dạy người tu Phi Tướng Phi Phi Tướng Định; tự mình tu Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tự mình tu Bát nhã Ba-la-mật, và cũng dạy người tu Đàn Ba-la-mật... dẫn đến dạy người tu Bát nhã Ba-la-mật.

Chư đại Bồ tát này dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để dạy chúng sanh tu được 4 quả Thanh Văn, được quả Bích Chi Phật mà tự mình chẳng chứng các quả ấy.

Chư đại Bồ tát này trú Bất Thối Chuyển Địa, cũng dạy người trú Bất Thối Chuyển Địa, tự mình thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, cũng dạy người thanh tịnh Phật độ; thành tựu chúng sanh, tự mình thành tựu thần thông, cũng dạy người thành tựu thần thông; tự mình được đầy đủ các đà la ni, đầy đủ biện tài vô ngại, cũng dạy người được đầy đủ các đà la ni, đầy đủ biện tài vô ngại; tự mình thành tựu sắc thân với 32 tướng tốt, cũng dạy người thành tựu sắc thân với 32 tướng tốt, tự mình thành tựu 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí; cũng dạy người thành tựu 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp, đại từ đại bi... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí, tự mình ly hết thấy kiết sử, cũng dạy người ly hết thấy kiết sử; tự mình chuyển pháp luân, cũng dạy người chuyển pháp luân.

LUẬN:

Ngài Thích Bồ Đề Hoàn Nhon hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng: Có Bồ tát nào chưa được thọ ký nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hải, chẳng sợ chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp lại rằng: Nếu có Bồ tát nào nghe Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hải, chẳng sợ, thì phải biết vị Bồ tát đó đã gần được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Vị Bồ tát đó chỉ còn gặp 1 hoặc 2 đức Phật nữa là sẽ được thọ ký rồi vậy.

Lời ngài Xá Lợi Phất nói ra được Phật ấn chứng, nên ngài sanh tâm hoan hỷ, xin được nêu lên các thí dụ để làm sáng tỏ về thâm nghĩa này.

-o0o-

Ví như trong mộng, tâm trí thường bị ngăn che. Thế nhưng, nếu có thiện nam, thiện nữ nào nằm mộng mà thấy mình phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, hoặc thấy mình đang tọa đạo tràng thuyết pháp, thì phải biết người đó đã có đầy đủ phước đức, đã gần được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Huống nữa là người, trong tinh thức, phát Bồ Đề tâm, tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng gần được thọ ký hay sao?

Lại nữa, người đang ở trong 6 đường sanh tử mà nghe Bát nhã Ba-la-mật liền thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập, thì phải biết người đó chẳng bao lâu nữa sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Ví như con cá đã cắn câu, thì dù thấy nó vẫn tung tăng bơi lội, mà ta cũng biết rằng chẳng còn bao lâu nữa con cá ấy cũng sẽ bị kéo lên khỏi mặt nước.

Người hành đạo cũng là như vậy. Khi đã thâm tín Bát nhã

Ba-la-mật rồi, thì biết chắc người đó chẳng còn bao lâu nữa cũng sẽ thoát khỏi các nẻo đường sanh tử vậy.

-o0o-

Trong các thí dụ nêu ở đoạn kinh trên đây, ngài Xá Lợi Phất có nói đến đường quanh co, hiểm trở, chẳng an ổn... để dụ cho 3 cõi “Dục, Sắc và Vô Sắc”; ngài cũng có nói đến đường dài cả 2, 3, 4 trăm do tuần... để dụ cho quá trình tu học lâu dài có thể vượt ra khỏi 3 cõi:

- 200 do tuần dụ cho thời gian tu tập để vượt ra khỏi cõi Vô Sắc.

- 300 do tuần dụ cho thời gian tu tập để vượt ra khỏi cõi Sắc.

- 400 do tuần dụ cho thời gian tu tập để vượt ra khỏi cõi Dục.

Ngài nói đến thành ấp, xóm làng để dụ cho vô lượng thiện pháp. Thấy thành ấp nhỏ, thấy được xóm làng là dụ cho được “nhu thuận nhẫn”; thấy được thành lớn là dụ cho được “vô sanh pháp nhẫn”, nơi an ổn là dụ cho Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát nghe Bát nhã Ba-la-mật, rồi tư duy, trừ lượng rằng: Nếu ta tu được pháp này, thì tâm ta sẽ được an ổn, chẳng bao lâu nữa ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài cũng có nói đến độc trùng để dụ cho khát ái, phiền não, nói đến ác thú, nói đến giặc cướp để dụ cho 62 tà kiến.

Ngài nói đến chẳng còn sợ độc trùng, ác thú, giặc cướp, chẳng còn sợ cảnh đói khát để dụ cho được chân trí huệ, chẳng còn khát ái, chẳng còn sợ hãi nữa, vì biết rằng mình sắp được giải thoát.

Ngoài ra, muốn chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, thì phải tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, phải theo gương

chư đại Bồ tát, là những vị đã nhận rõ thật tướng pháp, đã xả ly thế gian dục lạc, xả ly Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp, thâm tâm ái kính Bát nhã Ba-la-mật, thường hành Bồ tát đạo, nhằm đem lại đại lợi ích cho chúng sanh. Chư đại Bồ tát đã thể nhập vào Bát nhã Ba-la-mật, nên dù ở trong vũng lầy sanh tử, mà vẫn tự tại hành đạo Cam Lộ, làm lợi lạc cho chúng sanh, chẳng còn bị sanh tử triển chuyển nữa.

Các sự kiện trên đây nói về các nhân duyên “sắp được thọ Ký Vô Thượng Bồ Đề” của chư đại Bồ tát. Khi thấy vị Bồ tát nào hiển bày các tướng nêu ở đoạn kinh trên đây, thì biết vị Bồ tát đó sắp được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, chẳng còn trầm luân trong sanh tử... dẫn đến chẳng còn lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa nữa.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất lại nói đến người muốn thấy biển lớn, quyết tâm đi mãi cho đến khi chẳng còn thấy núi đồi, cây cối nữa để dụ cho người cầu Vô Thượng Đạo, nhất tâm hành Bát nhã Ba-la-mật; nói đến vùng biển lớn là nơi bằng phẳng, chẳng có núi đồi, chẳng có cây cối để dụ cho Vô Thượng Bồ Đề, là nơi rất ráo thanh tịnh..

Ngài lại nói trước khi mùa xuân đến cây rụng sạch lá để dụ cho Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật đoạn sạch các phiền não trước khi được Vô Thượng Bồ Đề; nói đến màu xanh tươi mát của cây cỏ để dụ cho thanh tịnh lạc ở nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài lại nói đến người mẹ mang thai để dụ cho Bồ tát phát đại nguyện thành bậc Vô Thượng Giác; nói đến các hiện tượng sắp sanh con của người mẹ, sau thời gian dài chín

tháng cưu mang, để dụ cho Bồ tát sau thời gian dài cần khổ, hành 6 pháp Ba-la-mật, đã ly được thế gian lạc, sắp thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phật tán thán lời nói của ngài Xá Lợi Phất. Qua lời tán thán đó, ngài Tu Bồ Đề biết rõ ý Phật, nên bạch Phật rằng: Thật là hy hữu ! Thế Tôn đã khéo phó chúc Phật sự cho chư Bồ tát, khi hành Bồ tát đạo.

-o0o-

Phật phó chúc cho chư Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm để an ổn chúng sanh trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.

Nếu chúng sanh chấp thường, thì dạy cho họ pháp vô thường; nếu chúng sanh chấp lạc, thì dạy cho họ biết rằng chấp lạc sẽ dẫn sanh khổ; nếu chúng sanh chấp có các pháp, thì dạy cho họ biết về “pháp tánh không”; nếu chúng sanh chấp ngã, thì dạy cho họ về pháp vô ngã v.v...

Như vậy mới có thể an lập được hết thảy chúng sanh. Phạm phu nghe như vậy, thì dù đời nay chưa được an lạc, nhưng về sau, khi diệt sạch phiền não, thì cũng sẽ được thân tâm an lạc.

Ví như người uống thuốc đắng. Dù nay cảm thấy thuốc đắng có mùi vị khó chịu, nhưng về sau sẽ được lành bệnh vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phát nguyện an lạc hết thảy chúng sanh, nên phải dùng mọi phương tiện để giáo hóa họ. Dù nay bản nguyện của Bồ tát chưa được thành tựu, nhưng đời sau sẽ được thành tựu viên mãn vậy.

-o0o-

Như trong kinh *Bốn Sanh* có nói: Bồ tát do diệt sạch phiền não mà được an lạc. Khi được an lạc rồi, Bồ tát lại dùng các phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh, khiến họ được thế gian lạc về xuất thế gian lạc. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát lại dụng vô sở đắc thành tựu chúng sanh, khiến họ được an lập nơi thanh tịnh xuất thế gian lạc vậy.

Trong khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát thường dùng 4 “nhiếp pháp” để nhiếp thủ chúng sanh. Đó là:

1). *Ái ngữ*: Tùy theo căn tánh của chúng sanh mà khéo chọn lựa lời nói, để khuyến dụ họ:

- Hoặc nương theo ý họ mà nói.

- Hoặc nương theo những điều ưa thích, những ước muốn của họ mà nói.

2). *Lợi hành*: Làm các việc lành, lợi ích cho chúng sanh:

- Hoặc dạy cho họ tinh tấn tu tập và hành trì các thiện pháp.

- Hoặc dạy họ nếu chưa tin Phật pháp, thì hãy khởi lòng tin nơi Phật pháp.

Ví như đối với người phá giới, thì dạy họ nên trì giới, đối với người bòn xén, thì dạy họ nên bố thí, đối với người ngu si, thì dạy cho họ mở mang trí tuệ v.v...

3). *Đồng sự*: Giáo hóa chúng sanh bằng cách cùng với họ hành các thiện pháp.

Ví như tự mình tu tập 10 thiện đạo, và cũng dạy người tu tập 10 thiện đạo v.v...

4). *Bố thí*: Thấy chúng sanh cần gì, thì bố thí cho họ được như nguyện:

- Hoặc tài thí: Thấy chúng sanh thiếu thôn, cần đến tài vật gì, thì đem tài vật ra bố thí cho họ.

- Hoặc pháp thí: Thấy chúng sanh cần biết pháp gì, thì đem pháp ấy thuyết cho họ.

- Hoặc vô úy thí: Thấy chúng sanh sợ sệt, thì làm cho họ được an ổn, chẳng còn sợ sệt nữa.

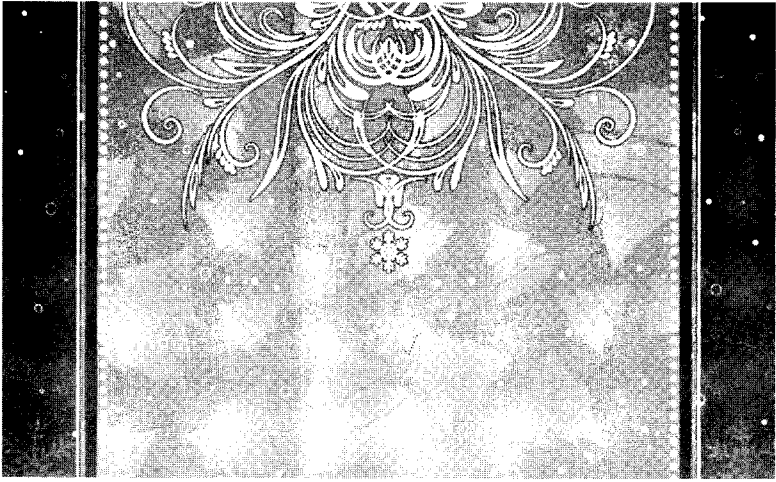
Pháp “ái ngữ nhiếp” là pháp dẫn đầu trong tất cả 4 nhiếp pháp.

Ví như, biết chúng sanh thích được sống lâu, thì nên khéo léo dạy họ tu tập 10 thiện đạo; biết chúng sanh thích các bảo vật, thì nên khéo léo dạy cho họ biết là “pháp bảo” quý hơn hết thảy các bảo vật ở thế gian v.v...

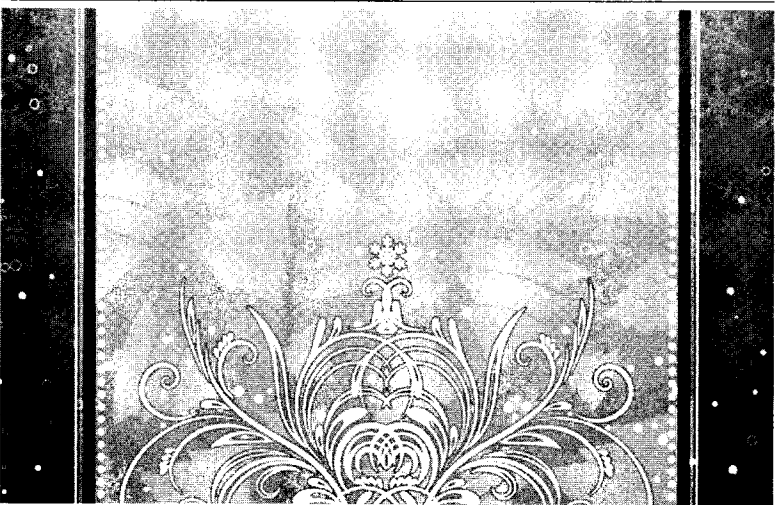
Pháp “đồng sự nhiếp” có nghĩa là đồng hành. Muốn giáo hóa chúng sanh, thì phải cùng với họ hành các thiện pháp.

Ví như, Bồ tát tự mình hành 10 thiện đạo, cũng dạy người hành 10 thiện đạo; tự mình tu 4 quả Thanh Văn, cũng dạy người tu 4 quả Thanh Văn; tự mình tu 6 pháp Ba-la-mật, cũng dạy người tu 6 pháp Ba-la-mật; tự mình trú bất thối chuyển địa, cũng dạy người trú bất thối chuyển địa; tự mình chuyển pháp luân, cũng dạy người chuyển pháp luân v.v...

Phật dạy: Ta, vì đại từ đại bi, mà phó chúc cho các Bồ tát tu tập như vậy, kiến lập đạo tràng như vậy, hành hết thảy các thiện pháp như vậy, mà chẳng có sanh tâm chấp đắm.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 67



Phẩm Thứ Bốn Mười Lăm (TIẾP THEO)



Văn Trì (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Chư Bồ tát thành tựu đại công đức, vì hết thấy chúng sanh mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, để được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát phải tu tập như thế nào để được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thấy sắc tướng tăng hay giảm, chẳng thấy thọ tướng, tưởng tướng, hành tướng, thức tướng tăng hay giảm... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí tướng tăng hay giảm, thì như vậy gọi là Bồ tát tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi tu tập Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy có thị pháp và phi pháp; chẳng thấy có quá khứ pháp, hiện tại pháp và vị lai pháp; chẳng thấy có thiện pháp, bất thiện pháp và vô ký pháp; chẳng thấy có hữu vi pháp và vô vi pháp; chẳng thấy có cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc; chẳng thấy có 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí. Như vậy gọi là Bồ tát tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Vì các pháp đều là vô tướng (chẳng có tướng) là

không, là hư vọng, chẳng bền chắc, nên là chẳng có tri giả (người biết) và chẳng có thọ giả (người thọ) vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Lời dạy của Thế Tôn thật là bất khả tư nghì (chẳng thể nghĩ bàn).

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc bất khả tư nghì, nên lời Phật nói ra bất khả tư nghì.

Vì thọ, tưởng, hành, thức bất khả tư nghì... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, nên lời Phật nói ra bất khả tư nghì.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát biết sắc bất khả tư nghì, biết thọ, tưởng, hành, thức bất khả tư nghì... dẫn đến biết Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, mà lại trú trong bất khả tư nghì, thì như vậy là Bồ tát chẳng tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Ai là người tín giải được thậm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào, đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, thì mới có thể tín giải thậm Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là Bồ tát chẳng phân biệt sắc, sắc tướng và sắc tánh... dẫn đến chẳng phân biệt Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh.

Vì sao? Vì sắc bất khả tư nghi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghi vậy.

Như vậy gọi là Bồ tát, đã từ lâu đời, thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sắc thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm. Vì thọ, tưởng, hành, thức thậm thâm... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo. Ở nơi đây có đủ 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, Vô Thượng Bồ Đề, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là kho chứa đầy đủ các bảo vật.

Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là kho báu thanh tịnh.

Vì sao? Vì sắc thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật là kho báu thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí thanh tịnh, nên Bát nhã Ba-la-mật là kho báu thanh tịnh vậy.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây có nói đến “Bồ tát thành tựu đại công đức”. Đây là nói Bồ tát tự tu tập các công đức, và cũng dạy người khác tu tập các công đức. Bồ tát hành Bồ tát đạo để giáo hóa hết thấy chúng sanh, chẳng có phân biệt thân sơ, chẳng có mong cầu danh lợi. Bồ tát, vì hết thấy chúng sanh, mà cần khổ tu tập 6 pháp Ba-la-mật, để được Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy gọi là Bồ tát thành tựu đại công đức.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật như thế nào để được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thấy sắc tướng... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí tướng tăng hay giảm.

Bồ tát tuy đã được thập địa, đã tọa đạo tràng, đã được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, mà vẫn xem đó chỉ là như mộng, như huyễn. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều chẳng có tăng giảm, đều là không vậy.

Lại nữa, ở nơi hết thấy các pháp, Bồ tát chẳng có khởi phân biệt “thị-phi”. Ví như nước từ trăm dòng sông chảy về biển, đều hòa đồng với nhau, đều trở thành cùng một vị cả.

Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng thấy có pháp quá khứ, hiện tại hay vị lai, chẳng thấy có pháp thiện, bất thiện hay vô ký, chẳng thấy có 3 cõi, chẳng thấy có 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí, mới gọi là tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều bình đẳng; ở nơi thật tướng, thì hết thấy các pháp, dù là hữu vi, dù là vô vi, đều chẳng phải là thường pháp, chẳng phải là thật pháp, đều chẳng kiên cố vậy.

Lại nữa, thọ mạng của chúng sanh cũng là không. Vì sao? Vì nếu đã chấp có mạng căn, thì là có ngã tướng, mà ngã và chúng sanh đều không, nên thọ mạng cũng là không vậy. Chúng sanh đã là không, thì khổ lạc cũng đều là không. Như vậy là chẳng có người biết khổ lạc, chẳng có người thọ khổ lạc. Dẫn đến hết thấy các pháp đều là không, nên chẳng có người biết pháp, chẳng có người thọ pháp, tức là chẳng có tri giả, chẳng có thọ giả vậy.

Quán pháp không, quán chúng sanh không như vậy mới được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề vô cùng hoan hỷ, bạch Phật rằng: Lời Phật dạy thật là bất khả tư nghì.

Phật dạy: Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì nên lời Phật nói ra bất khả tư nghì vậy. Vì sao? Vì nhân và quả bình đẳng, đồng nhất.

Bồ tát biết rõ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì mà chẳng trú trong bất khả tư nghì đó, mới là tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Trái lại, nếu Bồ tát còn trú trong bất khả tư nghì đó, là còn chấp tướng, nên chẳng tu tập được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề thấy trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn có chỗ y chi, tựa như biển rộng mênh mông, nên lại bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, thì ai là người có thể tín giải được Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Bồ tát nào, đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật, thường gieo trồng thiện căn, thường thân cận tri thức, mới có thể tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Vì ở phẩm trước có nói đến trường hợp Bồ tát sơ phát tâm cũng có thể tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật rằng: Thế nào là Bồ tát, đã từ lâu đời, thường tu 6 pháp Ba-la-mật thường gieo trồng thiện căn, thường thân cận thiện tri thức.

Phật dạy: Đó là Bồ tát chẳng phân biệt sắc, sắc tướng và sắc tánh... dẫn đến chẳng phân biệt Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh.

Ý của lời kinh như sau:

- Chẳng phân biệt “sắc” có nghĩa là chẳng phân biệt 4 đại và 4 đại tạo sắc.

- Chẳng phân biệt “sắc tướng” có nghĩa là chẳng phân biệt sắc thấy được, sắc nghe được, sắc xấu hay tốt, sắc dài hay ngắn, sắc nhỏ hay lớn, sắc thường hay vô thường, sắc khổ hay lạc v.v...

- Chẳng phân biệt “sắc tánh” có nghĩa là chẳng thấy sắc là thường pháp. Ví như chẳng phân biệt đất có tánh cứng, lửa có tánh nóng v.v...

Vì sao? Vì “sắc tánh” rốt ráo không.

Dẫn đến Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí tướng và Nhất thiết chủng trí tánh cũng là như vậy.

Bồ tát biết rõ “pháp tánh” rốt ráo không, nên khi hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng phân biệt “pháp tánh”. Do chẳng phân biệt “pháp tánh”, nên Bồ tát chẳng hoại “pháp”, chẳng hoại “pháp tướng” vậy.

Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng phân biệt pháp, pháp tướng và pháp tánh là đã tu tập đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, đã biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, đều là bất khả tư nghì.

Thế nên, nếu có Bồ tát nào, dù nay chỉ mới sơ phát tâm, chỉ mới tu tập trong thời gian ngắn, mà đã hành được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì phải nên biết rằng, ở trong quá khứ, vị Bồ tát đó đã từ lâu thường tu tập 6 pháp Ba-la-

mật, thường gieo trồng thiện căn, thường thân cận chư thiện tri thức rồi vậy.

Đây là lý do vì sao ngài Tu Bồ Đề thưa hỏi Phật như trên đây.

Hỏi: *Đất có tướng cứng. Nay vì sao lại nói đất có tánh cứng?*

Đáp: Cứng là tánh của đất, nhưng tánh cứng được hiển lộ ở nhiều tướng khác nhau. Như vậy, do nhiều tướng cứng nhóm hợp lại mà tánh cứng mới được hình thành vậy.

Tương tự như vậy, người sân thường biểu lộ tánh sân của mình bằng nhiều tướng sân khác nhau, ở nơi thân, khẩu và ý.

Nên biết rằng:

- Có trường hợp “tánh” và “tướng” khác nhau. Ví như khi thấy khói, thì ta biết có lửa. Nhưng khói chỉ là tướng của lửa, chẳng phải là tánh của lửa.

- Có trường hợp “tánh” và “tướng” chẳng có khác nhau. Ví như “nóng” vừa là tướng của lửa, vừa là tánh của lửa.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Bát nhã Ba-la-mật được thấm nhuần lợi ích, nên đã bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sắc thậm thâm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thậm thâm, nên Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm. Hết thấy các pháp đều là thậm thâm tướng.

Ngài lại bạch Phật tiếp: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo. Ở nơi đây có đầy đủ 4 quả Thanh Văn... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề; Bát nhã Ba-la-mật có công năng tiêu trừ hết thấy các phiền não, thành tựu đầy đủ các hạnh nguyện... dẫn đến thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Đoạn kinh trên đây nói lên sự tư duy của ngài Tu Bồ Đề, và sự tôn kính của ngài đối với thâm Bát nhã Ba-la-mật:

- Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, vì ở nơi đây, sắc rất ráo thanh tịnh; thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều rất ráo thanh tịnh cả.

- Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, vì khi vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn có các tà hạnh, chẳng còn có các lỗi lầm, là vào nơi rất ráo không, rất ráo bất khả tư nghì, mà chẳng có trú trong bất khả tư nghì vậy.

- Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, vì có công năng thành tựu hết thảy các nguyện của chúng sanh, khiến chúng sanh ở đời này được nhiều lợi ích, và ở đời sau được an lạc ở Niết bàn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Bát nhã Ba-la-mật là rất ráo thanh tịnh, ví như ngọc “như ý bảo châu” trong suốt, chẳng có tí vết, ví như “hư không” chẳng dính bụi trần. Chỉ có những chúng sanh mê muội, chẳng thấy được giá trị của vi diệu trân bảo này mà thôi vậy.

-o0o-

KINH:

Bạch Thế Tôn! Thật kỳ lạ thay! Bát nhã Ba-la-mật rất ráo thanh tịnh như vậy, mà vì sao cũng vẫn có nhiều lưu nạn?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật có rất nhiều lưu nạn. Bởi vậy nên thiện nam, thiện nữ nào muốn biên chép Bát nhã Ba-la-mật, thì phải nên biên chép ngay; muốn đọc tụng, tư duy, giảng nói... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-

la-mật, thì phải nên làm ngay, chớ nên để cho các lưu nạn phát khởi.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào nguyện viết chép Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian 1 tháng, hoặc 2, 3, 4... tháng,... dẫn đến trong thời gian 1 năm, thì phải nên siêng năng tinh tấn thành tựu ý nguyện. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là kho chứa nhiều trân bảo, nên cũng có nhiều lưu nạn phát khởi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật này có rất nhiều ác ma muốn gây lưu nạn, khiến người muốn biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật rất khó có thể thành tựu được ý nguyện.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Dù ác ma có muốn gây lưu nạn, nhằm ngăn chặn sự biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vẫn chẳng sao có thể phá hoại được quyết tâm của Bồ tát.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do lực nào mà các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn đối với Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Đó là do Phật lực khiến các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn đối với Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Này Xá Lợi Phất! Do có thần lực của chư Phật 10 phương thường hộ niệm Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn được.

Này Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ đó phải nghĩ

rằng: Các sự việc ta đang biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật đều do thần lực của chư Phật 10 phương.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy đã được chư Phật 10 phương hộ niệm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phát! Nhờ có Phật lực gia bị, nên thiện nam, thiện nữ ấy mới có thể biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hiện tại, vô lượng vô biên các đức Phật khắp 10 phương đều thấy biết thiện nam, thiện nữ này đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phát! Hiện tại, ở trong khắp 10 phương, chư Phật đều thấy biết thiện nam, thiện nữ ấy đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Này Xá Lợi Phát! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo mà biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng bao lâu nữa sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Phát! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật thì phải biết người ấy, ở nơi thậm thâm pháp này đã có thâm tín giải; người ấy cũng đã thường cung kính, cúng dường, tôn trọng thâm pháp này vậy. Chư Phật trong khắp 10 phương dùng Phật nhãn thấy

biết thiện nam, thiện nữ đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, khiến người ấy được đại lợi ích, đại quả báo vậy.

Này Xá Lợi Phất! Do công đức cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật, mà người ấy chẳng đọa vào 3 đường ác, dẫn đến được bất thối chuyển địa, trọn chẳng xa rời chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Do nhân duyên huân tập căn lành như vậy, mà mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề người ấy trọn chẳng xả ly nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, trọn chẳng xả ly 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, trọn chẳng xả ly 10 Phật lực... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nói đến việc các ác ma thường hay gây lưu nạn nhằm phá hoại Bát nhã Ba-la-mật.

Phật ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, và dạy thêm: Thiện nam, thiện nữ nào muốn biên chép kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật, thì phải nên biên chép ngay; muốn thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng phải nên làm ngay.

Vì sao? Vì pháp hữu vi là vô thường, là hủy hoại, chẳng thể tin được. Nếu chẳng có siêng năng, tinh tấn, thì khi vô thường đến, sắc thân có thể bị hủy hoại bất cứ vào lúc nào, khiến chẳng có thể thành tựu được ý nguyện vậy.

Lại nữa, đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng hiện trong “đời ác 5 trược”, nên các ác ma tìm mọi cách để gây ra các lưu nạn. Cho nên, nếu phải viết chép kinh trong thời gian 1 tháng, 2, 3, 4... tháng dẫn đến 1 năm, hoặc lâu hơn nữa, thì phải siêng

năng, tinh tấn thực hiện ngay ý nguyện, chớ để cho các lưu nạn có thể xảy đến.

Ví như trong thế gian ở nơi nào có nhiều cửa báu, thì thường bị các giặc cướp rình rập để đánh cắp. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo, nên các ác ma thường quấy phá, gây ra các lưu nạn.

Ác ma gây lưu nạn dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

- Khiến người tu hành phải chịu cảnh đói khát, thiếu thốn, gây cản trở cho việc biên chép, thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Nhập vào người tu hành để làm não loạn thân tâm, như bị bệnh tật, gặp cảnh ưu sầu, khổ đau v.v... gây cản trở cho việc biên chép, thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

- Gây sự bất hòa hợp giữa thầy và trò, tạo cảnh người nghe pháp vạch tội lỗi của Pháp sư ngay giữa đại chúng, cản trở việc thuyết pháp và thính pháp.

Các ác ma còn hiện thân thiện tri thức, thân sa môn... khuyên người tu hành chớ nên biên chép, thọ trì, chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, như nói:

- Dù có trì giới, có tinh tấn, mà độn căn, thì cũng chẳng sao có thể hiểu được thâm Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy có nghe Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có lợi ích gì cả.

- Bát nhã Ba-la-mật diệt hết thầy các pháp, khiến chẳng còn có chỗ hành xử, người tu Bát nhã Ba-la-mật chỉ ví như người ở trần gian mà tự cho mình mặc áo tiên. Như vậy biên chép, thọ trì, tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có lợi ích gì cả.

- Bát nhã Ba-la-mật là không, là vô sở hữu, nên cũng chẳng cần biết đến tội phước, chẳng cần có đạo lý gì nữa cả.

- Bát nhã Ba-la-mật là không, chớ nên hành Bát nhã Ba-la-mật, mà hãy nên thủ chấp Niết bàn.

v.v...

Các sự việc như vậy đều do ác ma gây ra để phá hoại tâm của người cầu Phật đạo.

Các người mới phát tâm Bồ tát, khi nghe các sự việc như vậy, liền sanh tâm sợ hãi, tự nghĩ rằng: Ma Vương là chủ cõi Dục, có oai lực rất lớn. Như vậy, ta làm sao có thể hành Bát nhã Ba-la-mật mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Để giải nghi cho đại chúng, Phật dạy: Ác ma rất muốn gây lưu nạn nhằm ngăn chặn sự biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói... dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vẫn chẳng sao có thể phá hoại được quyết tâm của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là đại trí huệ, nên có thể lực rất lớn, thắng được hết thầy các ma sự, vô thường và hư vọng vậy. Vì đại sự thắng các tiểu sự, ví như: Hạnh ly dục thắng lòng tham dục, từ bi thắng sân nhuế, trí huệ thắng ngu si v.v...

Bồ tát, tuy chưa được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đã có được khí phần Bát nhã Ba-la-mật, nên các ác ma chẳng có thể phá hoại được vậy.

-o0o-

Bởi nhân duyên vậy, nên ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Do lực nào mà các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn đối với Bồ tát biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Đó là do Phật lực, khiến các ác ma chẳng có thể gây lưu nạn được.

Vì sao? Vì có ác nơi ma, thì có thiện nơi Phật để đối trị, có đại uế trước nơi ma, thì có đại thanh tịnh nơi Phật để đối trị; có lưu nạn nơi ma, thì có đại thông đạt nơi Phật để đối trị vậy.

Nếu có người nào, vì chúng sanh, phát tâm biên chép, tư duy... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì người ấy được các đức Phật trong khắp 10 phương, như đức Phật A Súc Bệ, đức Phật A Di Đà... thường hộ niệm. Lại cũng có các ác tặc, sau khi đã hồi tâm, trở lại tán trợ. Bởi vậy nên các ác ma, dù có muốn phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng sao thực hiện được ý đồ vậy.

-o0o-

Ngài Xá Lợi Phất lại nói về chư Phật trong khắp 10 phương đều thấy biết người biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Xá Lợi Phất, và dạy thêm: Hiện tại ở trong khắp 10 phương, chư Phật đều dùng Phật nhãn thấy biết người đang biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết người ấy đã thâm tín giải Bát nhã Ba-la-mật, đã thường cung kính, cúng dường thậm thâm pháp này. Do thành tựu các công đức như vậy, nên các ác ma chẳng sao phá hoại được.

Hỏi: Trước đây thường chỉ nói đến thiên nhãn. Nay vì sao lại nói đến Phật nhãn?

Đáp: Ở đây, nên phân biệt có 2 trường hợp dùng thiên nhãn. Đó là:

- Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn.
- Thiên nhãn chẳng có nhiếp trong Phật nhãn.

Nếu dùng thiên nhãn chẳng có nhiếp trong Phật nhãn, thì chỉ thấy được chúng sanh ở hiện tiền, và thấy có hạn lượng.

Nếu dùng Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn, thì thấy được chúng sanh ở cả 3 đời, và thấy vô hạn lượng.

Ngoài ra còn có pháp nhãn nhiếp trong Phật nhãn. Dùng pháp nhãn nhiếp trong Phật nhãn sẽ thấy rõ được hết thấy các tướng pháp.

Lại có huệ nhãn nhiếp trong Phật nhãn. Dùng huệ nhãn nhiếp trong Phật nhãn sẽ thấy các pháp đều là rốt ráo không.

Hỏi: *Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn là thật hay chỉ là hư vọng?*

Đáp: Thiên nhãn nhiếp trong Phật nhãn thấy được chúng sanh thành tựu Niết bàn, nhưng vẫn biết rõ chúng sanh là không, là hư vọng. Đây chẳng phải là sự thấy biết như hàng phàm phu.

Vì sao? Vì do phàm phu chấp tướng, nên Phật nói pháp tướng là hư vọng, nhằm phá sự lầm chấp của phàm phu vậy.

Hỏi: *Vì sao chẳng có dùng huệ nhãn nhiếp trong Phật nhãn để quán chúng sanh?*

Đáp: Huệ nhãn là vô tướng, nên thường tương ưng với 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”. Bởi vậy nên chẳng cần phải dùng huệ nhãn để quán chúng sanh, vì chúng sanh do 5 ấm hòa hợp đã là giả danh, là hư vọng rồi vậy.

Ví như đối với đũa trẻ ngỗ nghịch, ta chỉ cần dùng những hình phạt nhẹ để răn dạy, chẳng cần phải dùng đến những hình phạt nặng.

Nơi đây, ý nói rằng, đối với đa số chúng sanh, Bồ tát phải ở nơi Thế Đế mà hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải ở nơi Đệ Nhất Nghĩa Đế.

Hỏi: *Vị lai chưa đến. Dùng trí để tư duy về vị lai còn khó thay, làm sao có thể thấy các sự việc ở vị lai được?*

Đáp: Quá khứ đã qua, nhưng các tâm sở pháp vẫn còn lưu tồn, vẫn còn tác niệm, khiến có thể nhớ nghĩ được các việc quá khứ.

Các bậc Thánh đã có “túc mạng thông”, nên dù chúng sanh chưa có khởi niệm, mà các ngài đã có thể thấy, có thể biết được sự hiện hạnh của các chúng từ ẩn kín ở trong tâm của họ vậy.

Khi vào được trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì 3 thời đều đồng nhất, vô phân biệt. Bởi vậy nên khi đã nhận chân được hiện tại rồi, thì đồng thời cũng nhận chân được quá khứ và vị lai vậy.

Hỏi: *Vào thời “mạt pháp” chúng sanh ở phương này chưa diệt tận các kiết sử hữu lậu, còn mang nhiều tội ác. Như vậy, vì sao nói lúc bấy giờ Phật dùng Phật nhãn hộ niệm cho những chúng sanh thâm tín Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Phật trải rộng tâm từ bi, thương xót hết thảy chúng sanh và chur Bồ tát thâm nguyện vì hết thảy chúng sanh mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật quán, vào thời “mạt pháp” uế trược sau khi Phật nhập Niết bàn rồi, thì ở phương này những chúng sanh ở biên địa bị 3 độc hoành hành, khiến chẳng còn tin tội phước nhân duyên, tương tục khởi đao binh, sát hại lẫn nhau. Vào thời bấy giờ các bậc Thánh Hiền

rất hiếm; số chúng sanh đọc tụng kinh điển phát tâm cầu Vô Thượng đạo cũng gặp rất nhiều trở ngại, chẳng phải như khi Phật còn tại thế.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật mới dùng Phật nhãn để hộ niệm cho những chúng sanh nào tín giải được Bát nhã Ba-la-mật. Những chúng sanh nào dùng hoa hương cúng dường Bát nhã Ba-la-mật cũng được Phật hộ niệm, khiến họ được đại lợi ích, chẳng còn có thọ ác báo nữa.

-o0o-

Những chúng sanh nào đã thâm tín giải Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng những chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, mà còn tinh tấn niệm Phật tam muội, vào Bồ tát vị, giáo hóa chúng sanh, trọn chẳng ly các đức Phật.

Những chúng sanh nào thâm ái thiện pháp, mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật mới được chư Phật dùng Phật nhãn hộ niệm, mới được đại quả báo ở đời này và cả ở đời sau.

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Phật thị hiện xuất thế ở phương Đông. Sau khi Phật nhập diệt, thâm Bát nhã Ba-la-mật này sẽ được truyền đến các cõi nước ở phương Nam. Ở nơi đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật này.

Bởi nhân duyên vậy, mà bốn chúng ở nơi đây chẳng đọa vào 3 đường ác, được hưởng thọ phước báo cõi Trời và cõi người, được tăng ích 6 pháp Ba-la-mật, thường cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu

được Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa... dẫn đến Phật thừa.

Này Xá Lợi Phất! Thâm Bát nhã Ba-la-mật này lại được truyền từ phương Nam đến phương Tây, từ phương Tây sẽ được truyền đến phương Bắc. Ở các nơi đây, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, ... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thậm thâm pháp này.

Bởi nhân duyên vậy, mà 4 chúng ở các nơi đó chẳng đọa vào 3 đường ác, được hưởng thọ phước báo cõi Trời và cõi người, được tặng ích 6 pháp Ba-la-mật, thường cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu được Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa... dẫn đến Phật thừa.

Này Xá Lợi Phất! Ở phương Bắc, thâm Bát nhã Ba-la-mật này sẽ hiển bày Phật sự, và sẽ rất hưng thịnh. Vì sao? Vì là thời kỳ pháp của ta thịnh. Nên chẳng có tướng hoại diệt.

Này Xá Lợi Phất! Ta sẽ hộ niệm cho các thiện nam, thiện nữ nào thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật. Ta cũng sẽ hộ niệm cho các thiện nam, thiện nữ nào biên chép, cung kính, cúng dường, tán thán thậm thâm pháp này.

Này Xá Lợi Phất! Do nhân duyên gieo trồng căn lành như vậy, mà các thiện nam, thiện nữ ấy chẳng đọa vào 3 đường ác, được hưởng phước báo ở cõi Trời và cõi người, tặng ích 6 pháp Ba-la-mật, thường cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, thành tựu được Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa... dẫn đến Phật thừa vậy.

Này Xá Lợi Phất! Ta sẽ dùng Phật nhãn quán sát các người ấy, tán thán các người ấy. Đồng thời, vô lượng vô

biên chư Phật ở trong khắp 10 phương cũng dùng Phật nhãn quán sát các người ấy, tán thán các người ấy vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Về sau này, thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ rất hưng thịnh ở phương Bắc chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Xá Lợi Phất! Về sau này, thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ rất hưng thịnh ở phương Bắc. Vì sao? Vì ở nơi đây có những thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nghe được thâm Bát nhã Ba-la-mật liền thọ trì, đọc tụng, ... dẫn đến chánh ức niệm, đúng như pháp mà tu tập. Phải biết các thiện nam, thiện nữ đó từ lâu đã phát tâm Đại thừa, đã cúng dường nhiều đức Phật, đã gieo trồng nhiều thiện căn, đã thân cận nhiều bậc thiện tri thức vậy.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Về sau này, ở phương Bắc, có bao nhiêu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, mà phát tâm biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Nay Xá Lợi Phất! Về sau này, ở phương Bắc, tuy có rất nhiều thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, nhưng có rất ít người nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ. Vì sao? Vì số ít người nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, phải là người đã từ lâu thân cận, cúng dường nhiều đức Phật, đã được học hỏi nhiều nơi các đức Phật, đã đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đã đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến đã đầy đủ 18 bất cộng pháp.

Này Xá Lợi Phất! Các thiện nam, thiện nữ ấy đã thuận thực thiện căn; vì Vô Thượng Bồ Đề, mà làm lợi ích cho chúng sanh.

Nay, ta vì các thiện nam, thiện nữ này thuyết về pháp “Nhất thiết chủng trí”. Cũng như chư Phật trong quá khứ vì các thiện nam, thiện nữ ấy thuyết về pháp “Nhất thiết chủng trí”.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở đời sau các người ấy vẫn tiếp nối được Vô Thượng Bồ Đề, và vì người khác thuyết về Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Các thiện nam, thiện nữ ấy thường nhất tâm hòa hợp, hàng phục được các ma, khiến ma vương và ma dân... dẫn đến các người có ác tâm chẳng có thể phá hoại Vô Thượng Bồ Đề tâm của họ được.

Này Xá Lợi Phất! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Bồ tát đạo, khi nghe được thâm Bát nhã Ba-la-mật này, mà được đại pháp hỷ, đại pháp lạc, thì người ấy cũng khiến cho nhiều người khác gieo trồng được thiện căn nơi Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Phật thị hiện đản sanh ở phương Đông. Nơi đây, sau khi thuyết kinh Bát nhã Ba-la-mật để hàng phục chúng ma và ngoại đạo, cùng độ vô lượng chúng sanh, Phật đến nước Câu Di Ma Kiệt, giữa 2 cây Tha La Song Thọ, thị hiện nhập Niết bàn.

Sau đó, Bát nhã Ba-la-mật được truyền đến phương Nam, phương Tây, rồi phương Bắc, độ vô lượng chúng sanh, ở các nước vây quanh núi Tu Di, trong cõi Diêm Phù Đề.

Đoạn kinh trên đây nói về Bát nhã Ba-la-mật truyền từ phương Đông, đến phương Nam, phương Tây, rồi phương Bắc. Đây chỉ là phương tiện để nói về “vô định xứ”. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu vậy.

Ở nơi đâu cũng có các chúng sanh biên chép, thọ trì, đọc

tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Những chúng sanh này đều hưởng thọ được quả báo phước lạc ở cõi Trời và cõi người.

Phật lại dạy: Ở phương Bắc, thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ hiển bày Phật sự và sẽ rất hưng thịnh.

Đây là nhân duyên nói khi Phật còn tại thế, cũng như thời gian 500 năm sau khi Phật diệt độ, nhiếp vào thời kỳ “Chánh Pháp”. Vào thời kỳ này Phật pháp hưng thịnh, nên chẳng có tướng hoại diệt. Thế nhưng, quá 500 năm sau khi Phật diệt độ, thì Chánh Pháp dần dần bị hoại diệt, khiến cho Phật sự rất khó được tác thành.

Vào lúc bấy giờ, nếu có người lợi căn tinh tấn biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, như thuyết tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hoặc có người, tuy độn căn, mà thường tinh tấn dùng hương hoa cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết 2 hạng người này, vào thời vị lai, sẽ được độ.

Bởi vậy nên Phật dạy: Ta cũng như Phật khắp 10 phương đều dùng Phật nhãn hộ niệm và tán thán các người ấy.

Hỏi: Vì sao trong kinh nói thâm Bát nhã Ba-la-mật được hưng thịnh ở phương Bắc?

Đáp: Vì ở trong cõi Diêm Phù Đề thì phương Bắc có đất đai rộng rãi, có núi tuyết. Ở trên núi tuyết có rất nhiều loại dược thảo, tiêu trừ được các chất độc. Lại nữa, ở nơi đây, chúng sanh được tâm nhu nhuyễn, thiện căn thuần thực.

Bởi vậy nên ở phương Bắc có nhiều chúng sanh hành Bát nhã Ba-la-mật. Các người này, khi nghe Bát nhã Ba-la-mật liền biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, và như thuyết tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết rằng

các chúng sanh ấy đã từ lâu đời phát tâm Đại thừa, đã cúng dường chư Phật, đã gieo trồng thiện căn, đã thân cận chư thiện tri thức, nên ở trong “đời ác 5 trước” này mà vẫn tinh tấn biên chép, thọ trì, ... dẫn đến chánh ức niệm, như thuyết tu tập Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Hỏi: *Ở phương Bắc số người cầu Phật đạo, mà phát tâm biên chép, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật có nhiều chăng?*

Đáp: Phật dạy: Thâm Bát nhã Ba-la-mật rất khó biết, khó hành, bởi vậy nên, tuy có rất nhiều người cầu Phật đạo, mà rất ít người nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

Nếu có người nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, liền được tâm thông đạt, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết người ấy, ở trong vô lượng kiếp, đã thấy các đức Phật, đã cung kính, cúng dường các đức Phật, và cũng đã thường thưa hỏi các đức Phật, mong được giải nghi cho mình, mong được tín giải những yếu pháp mà mình chưa rõ về cách tu hành Bát nhã Ba-la-mật.

Người thưa hỏi được như vậy là người đã được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, đầy đủ 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp; đã thành tựu đầy đủ các phước đức đem lại lợi ích cho chúng sanh; đã từng sanh trong các đại gia, đại tộc; đã từng tự mình hành bố thí và dạy người hành bố thí; đã từng khiến cho vô lượng chúng sanh xuất gia, thọ giới, phát Vô Thượng Bồ Đề.

Theo đây, Phật dạy: Người ấy đã đầy đủ các nhân duyên thân cận chư Phật, tiếp nối được Vô Thượng Bồ Đề, và giáo hóa chúng sanh khiến họ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Người như vậy ví như ngọn đèn đã được thắp sáng có thể dùng để châm môi cho các ngọn đèn khác, cũng được thắp sáng theo.

Người như vậy đã gần diệt sạch phiền não, chẳng còn xan tham, tật đố, sân si... dấy khởi, nên thường giữ được tâm hòa hợp, khiến các loài ma chẳng sao có thể phá hoại được.

Vì sao? Vì có phạm lỗi lầm, thì ma mới tìm được chỗ tiện lợi để phá hoại. Ví như nếu thân người có các chỗ lở loét, thì các độc trùng mới có thể xâm nhập vào để phá hoại được vậy.

Lại nữa, do từ vô lượng kiếp trước đến nay đã thâm ái Phật pháp, đã đầy đủ tín lực và huệ lực, nên nay vừa được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, người ấy liền thành tựu được đại bi, đại trí, đại từ, liền vào được Bát nhã Ba-la-mật, liền nhất tâm hành bố thí, trì giới, nhất tâm gieo trồng các thiện căn dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Người này, vì cầu Vô Thượng Bồ Đề, mà giáo hóa chúng sanh, khiến thiện căn công đức càng thêm tăng trưởng.

-o0o-

KINH:

Này Xá Lợi Phất! Các thiện nam, thiện nữ này, từ trước, đã thọ trì Bát nhã Ba-la-mật, đã hành Bồ tát đạo, đã phát nguyện rộng độ chúng sanh, khiến cho họ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm... dẫn đến được bất thối chuyển địa, được thọ ký.

Ta biết rõ tâm nguyện của các thiện nam, thiện nữ ấy, nên đã tùy hỷ. Chư Phật quá khứ cũng biết rõ tâm niệm của thiện nam, thiện nữ ấy, và cũng đã tùy hỷ.

Này Xá Lợi Phát! Các thiện nam, thiện nữ ấy, vì đại tâm, nên dù thọ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà vẫn hành được đại pháp sự như hành đại bố thí, gieo trồng đại thiện căn, và được đại quả báo. Vì bản nguyện nhiếp độ chúng sanh, nên các thiện nam, thiện nữ ấy đã thọ thân người, nguyện xả bỏ hết tất cả các nội ngoại vật sở hữu của mình, để làm việc lợi ích cho chúng sanh.

Lại nữa, do nhân duyên trồng thiện căn như vậy, mà các thiện nam, thiện nữ ấy nguyện sanh về các thế giới khác, hiện có các đức Phật đang thuyết pháp, để giáo hóa trăm ngàn muôn ức chúng sanh, khiến họ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Chẳng có pháp gì, dù ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai, mà Phật chẳng biết. Chẳng có tướng gì của chúng sanh mà Phật chẳng thấy. Chẳng có hạnh gì của chúng sanh mà Phật chẳng rõ.

Nay Phật lại dạy thêm: “Ở khắp 10 phương và trong cả 3 đời, có bao nhiêu đức Phật, bao nhiêu vị Bồ tát, bao nhiêu vị Thanh Văn Phật cũng đều biết rõ cả”.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ cầu 6 pháp Ba-la-mật, mà thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, như pháp tu hành sẽ đắc pháp hay chẳng đắc pháp?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm tinh tấn cầu 6 pháp Ba-la-mật, thì sẽ thấu triệt được ý nghĩa thâm diệu của 6 pháp Ba-la-mật và của các kinh điển vậy.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào tinh tấn hành 6 pháp Ba-la-mật như

vậy là hành đúng theo thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thiện nam, thiện nữ nào tinh tấn hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy là hành đúng theo thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ ấy, vì Vô Thượng Bồ Đề, mà thuyết pháp, giáo hóa, khai thị, làm lợi ích cho chúng sanh, khiến họ hoan hỷ... dẫn đến được an trú trong 6 pháp Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên thiện nam, thiện nữ ấy, chuyển sanh vào đời sau, cũng sẽ hành 6 pháp Ba-la-mật, đúng theo lời dạy trong kinh mà tinh tấn tu tập, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, chẳng hề ngưng nghỉ, mãi cho đến khi trở thành đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

LUẬN:

Phật dạy: Thiện nam, thiện nữ nào ở trước ta và trước các đức Phật quá khứ, đã lập thệ nguyện hành Bồ tát đạo, khiến cho vô lượng chúng sanh phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, rồi lại khai thị giáo hóa cho họ vào được bất thối chuyển địa và được thọ ký, thì ta cùng chư Phật quá khứ đều thấy biết, đều tán thán và tùy hỷ.

Thiện nam, thiện nữ ấy cũng biết là Phật đã thấu rõ tâm mình, nên tự niệm: Ở đời quá khứ, ta đã phát thệ nguyện hành Bồ tát đạo, thì đời nay ta cũng lại phải tinh tấn hành Bồ tát đạo vậy.

-o0o-

Nên biết, người ta phát đại tâm như vậy thường duyên hết thầy tâm chúng sanh, thường vui với 6 trần, mà khi tác

phước cũng như khi họ phước chẳng hề nhiễm chấp, chẳng hề nghi hối.

Vì sao? Vì nếu tâm còn chấp pháp, còn nghi hối, thì chỉ có thể hưởng được phước báo thế gian, chẳng có thể hồi hướng phước đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề được, khiến chẳng có thể giáo hóa chúng sanh được. Vì nghiệp tội nhân duyên ấy mà các căn dần dần trở thành ám độn.

Lại nữa, có người dù chưa được đạo thanh tịnh, nhưng do nhân duyên đời trước đã có gieo trồng thiện căn, nên đời nay được hưởng dục lạc. Hạng người này thường chỉ muốn tận hưởng dục lạc, hoặc chỉ muốn bố thí, cúng dường nhằm cầu phước đức mà thôi. Thế nhưng, nếu họ nghe được Phật pháp, thì dục tâm của họ liền dứt, và họ liền khởi bi tâm, thương xót chúng sanh... dẫn đến phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ, vì tâm chẳng còn ái chấp nữa, nên người ấy sẵn sàng bố thí các nội ngoại vật sở hữu của mình, mà chẳng hề luyến tiếc. Khi đã đầy đủ trì giới, luật nghi, thì người ấy sẽ dùng đại từ bi tâm, hành các thiện pháp và dạy người khác hành các thiện pháp. Do các phước đức nhân duyên như vậy, nên người ấy chẳng còn cầu thế gian lạc, chẳng còn cầu giàu sang, phú quý, mà chỉ nguyện được vãng sanh về nước Phật, để được thấy Phật, được nghe pháp.

Nên biết, chư đại Bồ tát đã biết rõ thật tướng pháp, chẳng nhiễm duyên thế tục, chỉ muốn sanh về các nước Phật, ở trong 10 phương, để được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, vì thương xót chúng sanh nên khi nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật rồi, các ngài lại phát đại nguyện khai hóa cho vô lượng chúng sanh phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có pháp gì, dù ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai, mà Phật chẳng biết. Chẳng có tướng gì của chúng sanh, mà Phật chẳng thấy. Chẳng có hạnh gì của chúng sanh, mà Phật chẳng rõ. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí của Phật có thể lực rất lớn, có thể lực bất khả tư nghì vậy.

Ngài lại bạch Phật tiếp: Đồng là người xuất gia cầu Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vì sao có người đắc pháp, có người chẳng đắc pháp?

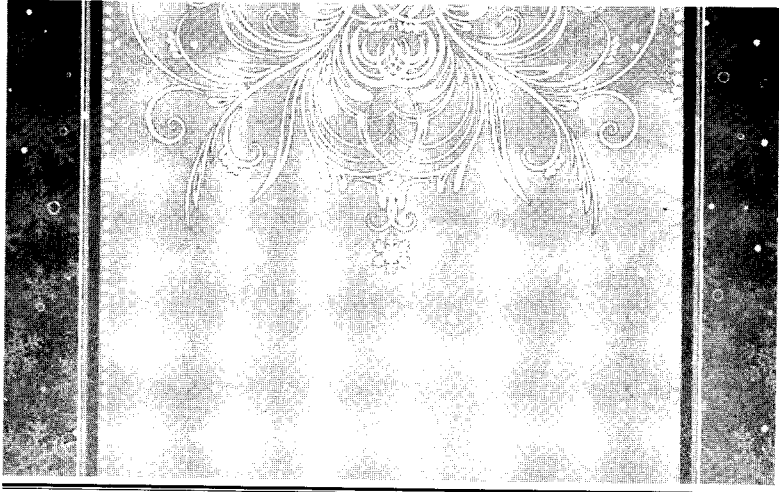
Phật dạy: Nếu Bồ tát nhất tâm cầu 6 pháp Ba-la-mật, phát đại tâm vì chúng sanh khai thị, giáo hóa họ, mà chẳng hề tiếc thân mạng mình, thì sẽ được chư Phật, chư đại Bồ tát, chư thiên ở khắp 10 phương hộ niệm. Như vậy gọi là Bồ tát đắc pháp.

-o0o-

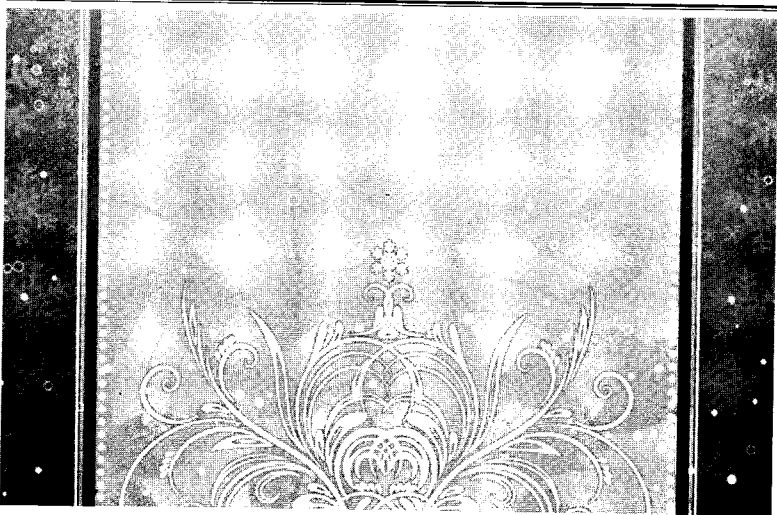
Ngài Xá Lợi Phát tự niệm rằng: Thế lực của ma rất lớn, nên khi Phật đã nhập diệt rồi, thì Bồ tát dù có tinh tấn tu hành, cũng rất khó vào được thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Thiện nam, thiện nữ nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải nhất tâm hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, lại phải vì chúng sanh thuyết giảng, khai thị, giáo hóa, khiến chúng sanh được an trú trong 6 Ba-la-mật. Đây là quả báo nhân duyên khai thị Phật đạo. Bởi vậy nên ở đời sau, người ấy cũng sẽ hành 6 pháp Ba-la-mật, đúng theo lời Phật dạy mà tinh tấn tu tập, chẳng hề ngưng nghỉ vậy.

(Hết quyển 67)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 68



Phẩm Thứ Bốn Mười Sáu



Ma Sự

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật tán thán công đức của các thiện nam, thiện nữ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, hành 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Như vậy, vì sao cũng có những thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà còn gặp lưu nạn?

Phật dạy: Muốn thuyết pháp mà biện tài chẳng sanh, thì đó là ma sự của Bồ tát. Vì sao? Vì thật hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, nên khi thuyết pháp biện tài chẳng liền sanh. Phải biết, đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi đang thuyết pháp mà chợt khởi ý, thì đó là ma sự của Bồ tát. Vì sao? Vì thật hành 6 pháp Ba-la-mật mà lại chấp sự lạc thuyết, khiến biện tài liền mất. Phải biết, đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà tâm khởi khinh mạn, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà đùa cợt, chẳng cung kính thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát

nhã Ba-la-mật mà tâm tán loạn, chẳng an định thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà có các việc chẳng hòa hợp, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà dấy niệm nghĩ rằng: “Mình chẳng hiểu được ý vị trong kinh” bèn bỏ đi, chẳng chép nữa, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng, giảng nói, chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà khởi tâm khinh khi, ngạo mạn, thì đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà thân tướng chao động, đùa cợt, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà giữa những người đồng tu khởi tâm khinh miệt lẫn nhau, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm tán loạn, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm chẳng hòa hợp, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, nếu thiện nam, thiện nữ nào tự niệm rằng: “Mình chẳng hiểu được ý vị trong kinh”, rồi liền bỏ đi, chẳng muốn biên chép Bát nhã Ba-la-mật nữa, thì đó là

ma sự của Bồ tát. Vì nhân duyên gì mà Bồ tát này chẳng hiểu được ý vị trong kinh, khiến phải bỏ đi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì đời trước hành 6 pháp Ba-la-mật chưa được bao lâu, chưa có được công đức sâu dày, nên nay nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật liền nghĩ rằng: “Mình chẳng ghi nhận được gì”. Do nghĩ như vậy nên Bồ tát này chẳng được tâm thanh tịnh, rồi bèn đứng dậy bỏ đi.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì chẳng thọ ký cho hạng Bồ tát này?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người chưa vào được pháp vị Bát nhã Ba-la-mật thì chưa được chư Phật thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát này tự niệm rằng “vì sao danh vị của mình chẳng được đề cập đến?”. Do niệm như vậy mà Bồ tát này đứng dậy bỏ đi. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà ở trong thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có danh vị của hạng Bồ tát này?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì người chưa nhập pháp vị, chưa được thọ ký, thì chưa có được danh vị ở trong Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, khi nghe Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát này tự niệm rằng: “Vì sao danh vị của mình, xứ sở của mình chẳng được đề cập đến ở nơi đây?”. Do niệm như vậy mà Bồ tát này đứng dậy, bỏ ra đi. Phải biết rằng cứ mỗi lần khởi niệm như vậy là mất đi một kiếp tinh tấn cầu Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hết thấy các pháp hữu vi đều có tăng, có giảm, có trái nhau. Do vậy mà có đối nghịch nhau, có nhiều hại lẫn nhau. Ví như nước có thể diệt được lửa, thế nhưng khi thế lửa tăng trưởng mạnh mẽ, thì lửa lại có thể diệt được nước. Dẫn đến súc vật, cây cỏ cũng nhiều hại nhau. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng sao tránh khỏi sự quấy nhiễu, bạo hành do chúng sanh gây ra.

Bồ tát tuy có đại bi tâm, chẳng cùng với chúng sanh gây oán thù, nhưng trái lại, vẫn có nhiều chúng sanh oán ghét Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát thọ thân hữu vi, nên chẳng sao có thể tránh khỏi các lưu nạn do chúng sanh gây ra.

-o0o-

Trước đây Phật dạy rằng: Do công đức tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà Bồ tát được chư Phật, chư đại Bồ tát cũng như chư thiên thường hộ niệm.

Trước đây, Phật chưa có nói đến các trường hợp oán tặc, tác hại do chúng sanh gây ra để nhiều hại Bồ tát. Nay Phật thương xót chúng hội và ngài Tu Bồ Đề, nên đã rộng nói về các ma sự.

Nên biết, Phật giữ tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh. Thế nhưng vì Bồ tát phát nguyện làm các việc lợi ích cho chúng sanh, nên Phật cần phải chỉ bày rõ, phải phân biệt rõ các sự tương sai khác, như tốt và xấu, đạo và phi đạo, lợi và hại v.v... cùng nêu lên các lưu nạn có thể xảy ra trong quá trình hành Bồ tát đạo.

Do đã biết được các lưu nạn có thể xảy ra, nên Bồ tát có thể tự điều phục dễ dàng, giữ được tâm kiên cố, tinh tấn tu hành Bồ tát đạo để mau đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: Vì sao người hành Bồ tát đạo vẫn còn bị lưu nạn?

Đáp: Bồ tát tuy đã phát tâm cầu Vô Thượng Đạo, tuy đã vượt ra ngoài tâm phàm phu, nhưng vẫn còn thọ sắc thân, nên chẳng sao tránh khỏi ách nạn, như bệnh hoạn, đói khát, nóng lạnh v.v... Bởi vậy nên các ma quỷ, các kẻ tà nghi, ác kiến, bất tín v.v... có được chỗ tiện lợi để gây tác hại, quấy phá Bồ tát.

Nói chung, tất cả những gì quấy nhiễu làm trở ngại quyết tâm tu hành Bồ tát đạo đều gọi là oán tặc của Bồ tát, đều là “ma” đến để quấy nhiễu Bồ tát cả.

Nên phân biệt có hai loại ma. Đó là:

- Nội ma: Tâm phân biệt các pháp, tâm chấp thế gian pháp, tâm ưu sầu nghĩ rằng mình chẳng được pháp vị v.v... là “nội ma”.

- Ngoại ma: Các nạn ác thú, độc trùng, cướp bóc, phi báng v.v... là “ngoại ma”.

-oOo-

Trong kinh có nói đến 4 loại ma. Đó là:

1) *Phiền não ma:*

Tất cả các phiền não đều gọi là “phiền não ma”.

2) *Ngũ âm ma:*

Do các phiền não, tập khí hòa hợp tạo thành các nghiệp báo nhân duyên, nên mới dẫn đến có thọ sắc thân.

Sắc thân do 4 đại hòa hợp tạo thành là hữu vi pháp, nên là vô thường, là khổ. Lại nữa, do 5 âm chi phối mà khởi sanh ra tham, sân, si cùng vô lượng các phiền não. Đây là do 6 căn giao tiếp với 6 trần dẫn sanh ra 6 thức, rồi 6 thức lại hòa hợp

với nhau, khởi sanh ra vô lượng thức vấy. Bởi vậy nên gọi là “ngũ âm ma”.

3) *Tử ma:*

Khi vô thường hiện khởi làm tán hoại 4 đại tạo ra sắc thân, phá vỡ sự tương tục của 5 âm thân, khiến mạng căn phải đoạn dứt, “hữu tình” phải chết. Đây là “tử ma”.

4) *Thiên ma:*

“Thiên ma” là tên dùng để gọi chung các loài ma ở trên cõi Trời.

Do còn các chủng nhân ưa thích thế gian lạc, ưa trú hữu sở đắc, nên thường sanh tâm tật đố, tà kiến đối với các bậc Thánh Hiền. Do có sức thần thông, biến hóa tự tại, nên các “thiên ma” thường làm ngăn trở sự thành tựu huệ mạng của chư Thánh Hiền.

Hỏi: Nói về “ngũ âm ma” là đã nhiếp trọn các loài ma rồi. Như vậy vì sao còn phân biệt 4 loại ma làm gì nữa?

Đáp: Thật ra chỉ cần nói “ngũ âm ma” là đầy đủ rồi.

Ví như: Do nhân duyên có 5 âm mà khởi sanh ra các phiền não nên mới nói “phiền não ma” nhiếp trong “ngũ âm ma”. Do nhân duyên có các phiền não như tham dục, sân nhuế... phá hoại thân tâm, đưa đến sự đoạn dứt của mạng căn, nên nói “tử ma” cũng nhiếp trong “ngũ âm ma”. Các loài “thiên ma”, do có thần thông, biến hóa thường đem tâm tật đố, tà kiến... đoạt huệ mạng của những bậc tu hành. Đó cũng là nhân duyên đưa đến sự đoạn mạng, nên cũng nhiếp trong “ngũ âm ma”.

Thế nhưng, cũng cần phải phân biệt rõ ràng 4 loại ma để người tu được dễ dàng trong việc hành đạo.

Hỏi: Vì sao “thiên ma” thường nhiễu loạn người tu hành?

Đáp: Đã có “thân 5 ấm” là có phiền não khởi sanh. Khi đã có phiền não khởi sanh thì “thiên ma” được chỗ tiện lợi để hòa hợp “5 ấm phiền não”. Bởi vậy nên khi nói đến “phiền não ma” là đã có sự hòa hợp của “ngũ ấm ma” rồi vậy.

Ở đoạn kinh trên đây ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Trước đây Phật đã tán thán công đức của Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao nay Phật lại nói đến các ma sự của Bồ tát? Những gì là ma sự của Bồ tát?

Phật dạy: Khi thuyết pháp mà biện tài chẳng sanh là ma sự của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bồ tát ngồi trên tòa cao để thuyết pháp mà biện tài chẳng sanh, ắt sẽ làm cho người nghe khởi sanh phiền não, thắc mắc về lý do vì sao Pháp sư chẳng chịu nói pháp, trong lúc thính chúng đang nóng lòng muốn được nghe. Do suy nghĩ như vậy, mà người nghe khởi niệm bất kính đối với Pháp sư, cho rằng Pháp sư sợ hãi nên chẳng nói, hoặc Pháp sư có phạm lỗi gì thâm trọng nên chẳng nói, hoặc Pháp sư chẳng được cúng dường, nên chẳng nói, hoặc Pháp sư khinh thường thính chúng nên chẳng nói v.v...

Đây là các nhân duyên phá hoại tín tâm của những người nghe pháp. Bởi vậy nên khi Pháp sư muốn nói pháp mà chẳng nói được, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát. Ví như có nhiều lần Phật hỏi ngài A Nan về một vấn đề gì, mà ngài A Nan bị ma ám chẳng đáp lại được. Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Vì nhân duyên gì mà biện tài chẳng sanh được?

Phật dạy: Do Bồ tát chẳng hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, do nhân duyên đời trước độn căn, giải đãi v.v... nên ma có được chỗ tiện lợi để phá hoại, khiến biện tài chẳng sanh. Lại

nữa, do Bồ tát chẳng có nhất tâm, tinh tấn hành 6 pháp Ba-la-mật, nên biện tài chẳng sanh.

Hỏi: *Vì sao nói khi đang thuyết pháp mà chợt khởi ý cũng gọi là ma sự của Bồ tát?*

Đáp: Nếu Pháp sư còn ái pháp, chấp pháp, cầu danh, thích nói nhiều, thì chẳng sao có thể tự kiềm chế được. Ví như nước chảy mạnh lôi cuốn theo các chất uế trước vậy.

Bởi vậy nên Phật dạy rằng, người hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn chấp pháp thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

-o0o-

Trong kinh cũng nêu lên những ma sự khác nữa, như sau:

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà tâm khởi kiêu mạn.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà đùa cợt, chẳng cung kính.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà tâm tán loạn, chẳng được an định.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà có các việc chẳng hòa hợp.

- Biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật mà dấy niệm nghĩ rằng mình chẳng hiểu được ý vị trong kinh, rồi bỏ đi, chẳng biên chép nữa.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà khởi tâm khinh khi, ngạo mạn.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà thân tướng chao động, đùa cợt.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà giữa bạn đồng tu khởi tâm khinh miệt lẫn nhau.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà tâm tán loạn.

- Thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật mà tâm chẳng hòa hợp.

v.v...

Tất cả những sự việc như vậy đều là ma sự của Bồ tát cả.

Hỏi: *Vì sao chẳng hiểu được ý vị trong kinh mà chẳng có hỏi người khác để được rõ thêm, lại tự ý bỏ đi?*

Đáp: Kinh Bát nhã Ba-la-mật từ kim khẩu của Phật thuyết ra, ý vị rất thâm diệu, nên hàng phàm phu khó có thể tin, có thể hiểu được. Bát nhã Ba-la-mật là kho trân bảo thanh tịnh, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh, nên ngài Tu Bồ Đề muốn biết nguyên nhân vì sao có các vị Bồ tát chẳng hiểu được ý vị trong kinh, mà phải bỏ đi.

Phật dạy: Vì đời trước, những người ấy hành Bát nhã Ba-la-mật chưa có được bao lâu, nên tín căn còn cạn mỏng, chưa tìm được các pháp đều là “không, vô tướng, vô tác”, đều là “vô sở y”. Bối nhân duyên vậy, mà sanh loạn tâm, tự ý bỏ đi, chẳng còn muốn biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật nữa.

Lại nữa, những người ấy nghĩ rằng Phật chẳng có thọ ký cho mình, nên tự ý bỏ đi.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Vì sao Phật chẳng thọ ký cho những người ấy? Vì sao Phật chẳng hộ niệm cho những người ấy để họ khỏi bị đọa?

Phật dạy: Người chưa vào được chánh pháp vị, thì chư

Phật chẳng có thọ ký. Vì sao? Vì nếu chưa đầy đủ các thiện hạnh nhân duyên thì còn gây tội lỗi ở nhiều kiếp sau. Do vậy mà chẳng được Phật thọ ký.

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào bỏ Bát nhã Ba-la-mật mà học các kinh khác, thì trọn đời chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Đây là bỏ gốc mà vin cành lá. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ấy học theo những kinh gì, mà trọn chẳng đến được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là những kinh mà hàng Thanh Văn tu tập, như 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 nhánh đạo, không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô tác giải thoát môn.

Thiện nam, thiện nữ nào an trú trong các pháp trên đây, thì chỉ được các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Hàng Thanh Văn tu tập như vậy chẳng thể nào đến được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư đại Bồ tát, thành tựu hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Do vậy mà khi hành Bát nhã Ba-la-mật, thì đồng thời Bồ tát cũng liễu đạt được hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian.

Này Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào chỉ học Thanh Văn pháp, mà chẳng hiểu Bồ tát pháp và Phật pháp, thì qua đời sau người ấy cũng sẽ chỉ vin lấy cành lá là kinh Thanh Văn và kinh Bích Chi Phật, mà bỏ cội gốc là kinh Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người nhìn dấu chân voi mà nói là đã thấy được voi. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người nhìn vũng nước đọng ở dấu chân trâu mà cho là đã thấy được biển lớn. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người nhìn thấy tướng mạo của một vị tiểu vương, mà cho là đã thấy được vị chuyển luân thánh vương. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người đang đói, bỏ cơm nóng, thơm ngon, để rồi đi tìm ăn thứ cơm thiu lâu ngày. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người được ma ni bảo châu, mà lại bỏ đi đổi lấy loại ngọc giả bằng thủy tinh. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có phải là người có trí huệ chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là người có trí huệ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, đời sau, nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi mà lại bỏ đi, để học theo kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào khi đang biên chép Bát nhã Ba-la-mật mà ưa nói những sự việc chẳng đúng với chánh pháp, thì người ấy chẳng sao thành tựu được việc biên chép Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nào là “ưa nói những sự việc chẳng đúng với chánh pháp”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là ưa nói về “sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp”; ưa nói về bố thí, trì giới, thiền định; ưa nói về 6 pháp Ba-la-mật, ưa nói về 4 niệm xứ... dẫn đến ưa

nói về Vô Thượng Bồ Đề. Ưa nói như vậy, thì chẳng sao thành tựu được sự biên chép Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng để nói vậy.

Bát nhã Ba-la-mật là bất khả tư nghĩ tướng, bất sanh tướng, bất diệt tướng, bất cấu tướng, bất tịnh tướng, vô thuyết tướng, vô thị tướng, vô ngôn ngữ tướng, là vô sở đắc tướng vậy. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có các pháp tướng.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật lại để tâm tán loạn, duyên theo pháp cảnh, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật này có thể biên chép được chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể biên chép được. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh không. Vì 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là tự tánh không cả. Đó là tự tánh không, thì là vô pháp; mà đã là vô pháp, thì chẳng có thể biên chép được vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà dấy niệm nghĩ rằng: “Vô pháp là Bát nhã Ba-la-mật”, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật lại dấy niệm nghĩ rằng: “Ta có biên chép Bát nhã Ba-la-mật”, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô văn tự. Vì 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là vô văn tự vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà dấy niệm nghĩ rằng: “Vô văn tự là Bát nhã Ba-la-mật”, ... dẫn đến dấy niệm nghĩ rằng: “Vô văn tự là Nhất thiết chủng trí”, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát. Vì sao?

Vì khi thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng nên niệm Bát nhã Ba-la-mật là có văn tự, hay là chẳng có văn tự vậy.

Lại nữa, mà khi biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật lại tưởng nhớ đến quốc độ, thành ấp, tụ lạc, hoặc lắng nghe những lời tán thán hay hủy báng thầy mình, hoặc tưởng nhớ đến cha mẹ, anh chị em, bà con, thân thuộc của mình, hoặc khởi bất cứ niệm gì khác, thì phải biết đó là do ác ma gây lưu nạn nhằm phá hỏng việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật của người tu hành. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà khi thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật lại còn ham danh vọng, lợi dưỡng, ham được sự cung kính, cúng dường, thì người ấy chẳng sao thành tựu được việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật vậy. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma tìm đủ phương tiện để đem các kinh thâm nghĩa khác đến

tặng, nhằm gây lưu nạn. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Nếu có Bồ tát đã đầy đủ các lực phương tiện, thì sẽ chẳng sanh tâm chấp đắm, vì biết rõ các kinh ấy chẳng thể nào dẫn đến Nhất thiết chủng trí được. Trái lại, người chẳng có đầy đủ các lực phương tiện, khi nghe nói đến các kinh thâm nghĩa khác, sẽ bỏ Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Trong thâm Bát nhã Ba-la-mật, ta đã rộng nói về các phương tiện hành đạo của Bồ tát. Chư Bồ tát phải y theo đó mà hành trì.

Thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà bỏ thâm Bát nhã Ba-la-mật, để học theo các kinh Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Nay ta, vì các thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, nói đến các ma sự của Bồ tát. Trong lúc hành Bồ tát đạo, ông phải nên biết rõ như vậy.

LUẬN:

Ở đoạn kinh trên đây, Phật dạy rằng: Nếu bỏ Bát nhã Ba-la-mật mà theo các kinh khác, thì trọn chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí.

Có hàng đệ tử Thanh Văn, do chẳng hiểu rõ nghĩa lý thâm diệu trong Bát nhã Ba-la-mật, nên dạy các người theo Thanh Văn đạo rằng: Các người nên theo học các kinh Thanh Văn. Trong kinh *Thanh Văn* có Lục Trú Luận, A Tỳ Đàm Luận phân biệt rõ các pháp tướng. Đó cũng là Bát nhã Ba-la-mật vậy. Lại nữa, trong A Tỳ Đàm Luận có phân biệt rõ về Thiên Giải Thoát tam muội. Đó cũng là Thiên Na Ba-la-mật vậy.

Lại nữa, có kinh *Bốn Sanh* tán thán bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Đó chính là 4 Ba-la-mật còn lại vậy.

Lý giải như vậy nhằm khuyên người tu hành cầu Nhất thiết chủng trí nên xả bỏ Bát nhã Ba-la-mật, và nên tu theo kinh *Thanh Văn*. Như vậy chẳng khác gì người muốn được gỗ tốt mà lại vứt bỏ thân cây, để chỉ nhận lấy ngọn ngành vậy. Tuy rằng tất cả đều là gỗ quý từ nơi một cây ra, nhưng gỗ ở ngọn ngành chẳng sao bì kịp gỗ ở thân được vậy.

-o0o-

Nên biết rằng phải thâm nhập vào Bát nhã Ba-la-mật rồi mới có thể vì 4 chúng rộng nói về 3 thừa pháp được.

Trong kinh *Thanh Văn* cũng có nói về thật tướng pháp, nhưng chẳng được rõ ràng như trong kinh Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như, trong cơn gió lốc, người bám vào ngọn cây chẳng được an toàn; người ôm được thân cây mới thật an toàn, vững chắc vậy.

Cũng như vậy, nếu trú chấp vào kinh Thanh Văn, thì chỉ được quả vị Tiểu Thừa; trái lại, nếu hành trì theo Bát nhã Ba-la-mật, thì sẽ đến Vô Thượng Đạo. Chớ nên bỏ gốc, bỏ thân mà vin lấy ngọn ngành.

Hỏi: *Vì sao nói 37 Phẩm Trợ Đạo là Thanh Văn pháp?*

Đáp: Trong Bát nhã Ba-la-mật cũng có nói đến 37 Phẩm Trợ Đạo, nhưng ở đây tất cả đều hướng về “tánh không”, nên hợp với tâm thể.

Bồ tát, dụng đại bi tâm, vì chúng sanh thuyết Thanh Văn pháp, nên chẳng chứng ngại đạo pháp. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thành tựu cả thế gian pháp và xuất thế gian pháp.

Bởi nhân duyên vậy, nên người cầu Phật đạo phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Người cầu Phật đạo mà bỏ Bát nhã Ba-la-mật để học theo kinh Thanh Văn là thiếu trí huệ, thiếu minh giác, nên Phật đã vì chúng hội chỉ bày rõ ràng như vậy.

Hỏi: *Vì sao chỉ tán thán Bát nhã Ba-la-mật là diệu pháp dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, và nói hết thảy các thiện pháp khác đều là “bất như pháp” cả?*

Đáp: “Bất như pháp” là pháp chẳng hiển bày được thật tướng pháp.

Bồ tát khởi đại bi tâm, dùng các lực lượng phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để thuyết pháp mà chẳng chấp có thuyết, nên là vô sở thuyết vậy. Vì sao? Vì Bồ tát dụng tâm vô sở đắc, khai thị cho chúng sanh biết rõ các pháp đều là rốt ráo không.

Bởi vậy, nên thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà còn chấp tâm, thủ tướng... dẫn đến còn chấp thủ Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết đó là hành “bất như pháp” vậy.

Hỏi: *Trên đây nói Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là vô sở hữu, là chẳng thể biên chép, đọc tụng được. Nói như vậy cũng là ma sự hay sao?*

Đáp: Người tu hành biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là vô sở hữu, nhưng chẳng chấp các tướng ấy. Vì sao? Vì nếu chấp tướng rốt ráo không, tướng vô sở hữu là ma sự.

Người dùng văn tự để biên chép kinh quyển Bát nhã Ba-la-mật, tự chấp là mình có biên chép cũng là ma sự.

Chỉ có những người thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng khởi tâm pháp, mới chẳng bị ma phá hoại. Vì sao? Vì phá hoại những người ấy là phá hoại Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Lại nữa, ở nội tâm có phiền não ma, ngoại tâm có thiên ma. Nếu bị 2 chướng duyên ấy chi phối, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Nếu có khởi niệm, có chấp niệm duyên cảnh, thì tâm chẳng được an ổn. Duyên theo pháp thế gian, như nghe xung tán, hủy báng, hoặc nhớ nghĩ đến cha mẹ, anh chị em, hoặc nhớ nghĩ đến bệnh tật, giặc cướp v.v... cũng là như vậy. Tất cả đều là ma sự của Bồ tát.

Ví như ở chung với người đồ tể sẽ dễ sanh tâm hiếu sát, ở chung với dâm nữ sẽ dễ phát khởi lòng dâm dục. Người tu hành cũng là như vậy. Nếu được người cúng dường, mà tham đắm lợi dưỡng, thì sẽ bị trở ngại trên bước đường hành đạo.

Bồ tát, khi đã biết rõ các duyên sự như vậy, phải khéo xa lìa, chớ để vọng tâm phát khởi. Phải xả ly các dục lạc thế gian, nhất tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì pháp sự này mới được thành tựu viên mãn, chẳng bị trở ngại, chẳng bị phá hoại vậy.

-o0o-

Phật dạy: Kinh *Thanh Văn* cũng có chỗ thâm thâm, nhưng chớ nên tham đắm.

Ví như người thợ nấu vàng, tuy thấy vàng trong lò nấu hiện vẻ sáng đẹp, nhưng chẳng nên sanh tâm tham đắm, dùng tay nắm lấy vậy.

Chỉ những người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà các căn chưa được thông lợi, thoạt thấy trong kinh *Thanh Văn* cũng có nói đến vô tướng và vô tác, cũng có nói đến các nguồn gốc khổ đau, mới rời bỏ Bát nhã Ba-la-mật để theo học kinh *Thanh Văn* mà thôi, phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Vi sao? Vì Bồ tát phương tiện tu học kinh Thanh Văn, nhưng chẳng trú trong Thanh Văn địa, mà trái lại, chỉ dùng từ bi tâm hành 3 giải thoát môn để độ thoát chúng sanh.

Ví như tô lạc hay đề hồ có trộn chất độc có thể làm nguy hại đến tánh mạng người. Thế nhưng, nếu chất độc đã bị khử trừ rồi, thì các thức ăn ấy chẳng còn tác dụng giết hại người được nữa.

Bồ tát cũng như vậy. Phải ở nơi Bát nhã Ba-la-mật mà cầu Vô Thượng đạo, mới được như nguyện. Dù thấy ở các kinh khác cũng có chỗ thâm sâu, Bồ tát cũng chẳng nên trú chấp, chẳng nên theo vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Bốn Mười Bảy



Lưỡng Bất Hòa Hợp
(Hai Bên Chẳng Hòa Hợp)

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Người nghe pháp muốn thọ trì, đọc tụng, biên chép, vấn nghĩa... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người thuyết pháp chẳng muốn thuyết, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngược lại, người thuyết pháp muốn thuyết, mà người nghe pháp chẳng muốn thọ trì, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người nghe pháp muốn thọ trì, đọc tụng, biên chép, vấn nghĩa... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người thuyết pháp lại lánh đi nơi khác, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngược lại, người thuyết pháp muốn thuyết, mà người nghe lại lánh đi nơi khác, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp quý trọng của bố thí, cúng dường, mà người nghe pháp lại thiếu dục, tri túc, nhiếp niệm, tinh tấn, thiền định, trí huệ, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Ngược lại, nếu người nghe thích làm việc bố thí, cúng dường, mà người thuyết pháp lại thiếu đức, tri túc, nhiếp niệm, tinh tấn, thiền định, trí huệ, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thọ 12 hạnh “đầu đà”^{*}, mà người nghe pháp chẳng muốn thọ các hạnh đó, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Có 12 hạnh “đầu đà” liệt kê như sau:

1. Mặc y bằng vải vụn lượm được, đem khâu lại với nhau (nạp y, cũng gọi là Phấn tảo y).
2. Chỉ giữ 3 y (Đãn tam y).
3. Ăn những thức ăn mình xin được (Thường khát thực).
4. Thứ lớp khát thực từng nhà (Thứ đệ khát thực).
5. Ngồi yên ở một chỗ mà ăn; ăn xong mới đứng dậy (Nhất tọa thực).
6. Chỉ ăn các thức ăn ở trong bát của mình (Nhất sử thực, cũng gọi là Tiết lượng thực).
7. Không ăn sau giờ Ngọ. Ăn giờ Ngọ rồi, chẳng có ăn trở lại trong ngày nữa (Bất tác dư thực).
8. Ở nơi chôn A Lan Nhã, tức là chôn xa vắng (Viễn ly xứ).
9. Ở nơi gốc cây (Thọ hạ tọa).
10. Ở nơi chôn mồ mả (Trung gian tọa).

*. Đầu đà nghĩa là phải bỏ trần cấu phiền não, nhất tâm cầu Phật đạo.

11. Ở nơi chỗ trống (Lộ địa tọa).

12. Từ khi mặt trời lặn cho đến khi mặt trời mọc, chỉ đứng hay ngồi, mà chẳng có nằm (Thường tọa bất ngoại).

LUẬN:

Hết thầy các pháp hữu vi đều hội đầy đủ các duyên hòa hợp mới có. Khi có đủ các duyên hòa hợp, thì sanh; khi các duyên tan rã, thì diệt.

Thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật, cũng là như vậy. Phải hòa hợp đầy đủ các nội ngoại nhân duyên, phải có sự đồng tâm, nhất trí giữa thầy và trò, thì pháp sự mới thành tựu được.

Phật dạy: Người nghe pháp phải hội đủ: “Tín, tấn, niệm, định, huệ”, thì sự thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới đạt được kết quả mong muốn.

Hỏi: Nếu bị 5 triền cái ngăn che, chẳng muốn nói pháp, hoặc chẳng muốn nghe pháp, thì pháp sự có được thành tựu chăng?

Đáp: Nếu người thuyết pháp chấp thế gian lạc, chẳng quán vô thường, thì tuy tâm có hiểu biết, mà miệng chẳng nói nên lời, khiến người nghe chẳng biết phải y vào đâu mà thưa hỏi.

Cũng như vậy, nếu người thuyết pháp khởi bi tâm muốn rộng giải về thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe, vì độn căn hoặc vì còn chấp đắm thế gian lạc, chẳng chú tâm nghe, thì chẳng có được lợi lạc gì. Trong cả 2 trường hợp, pháp sự chẳng sao thành tựu được.

Hỏi: Nếu người nghe pháp chẳng muốn thọ trì, thì thuyết pháp cho họ nghe để làm gì?

Đáp: Đây là nói về trường hợp những người nghe pháp mà chẳng chịu tư duy cho đến chỗ rốt ráo, khiến sự thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập chẳng có được kết quả mong muốn. Bởi vậy nên nói là người nghe chẳng muốn thọ trì. Như vậy giữa thầy và trò phải có sự đồng tâm, thì sự thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật mới thành tựu được viên mãn. Nếu trái lại thì chỉ là ma sự cả. Vì sao? Vì nội ma và ngoại ma thường hay phá hoại sự thành tựu Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu hành giả tỉnh giác, biết rõ các ma sự để giải trừ, thì ma chẳng thể nào phá hoại được. Nếu thầy trò phạm lỗi lầm, bỏ mất sự nhất tâm, thì thầy phải khuyên dạy khiến trò có được sự nhất tâm trở lại.

Trong kinh cũng có nêu lên nhiều ma sự khác, khiến 2 bên thầy trò chẳng được hòa hợp, như:

- Trò muốn thọ trì... tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thầy lại lánh đi nơi khác, chẳng muốn thuyết pháp.

- Thầy muốn thuyết pháp, mà trò lại lánh đi nơi khác, chẳng muốn nghe.

- Thầy tham đắm lợi dưỡng, mà trò lại thiếu dục, tri túc.

- Thầy thiếu dục, tri túc, mà trò lại thích làm các việc bố thí, cúng dường.

- Thầy thọ 12 hạnh đầu đà, mà trò lại chẳng muốn thọ các hạnh ấy, hoặc ngược lại.

Phải biết tất cả đều là ma sự của Bồ tát.

Hỏi: *Vì sao cả 2 thầy trò đều có tín tâm, đều giữ giới, mà 1 bên muốn thọ hạnh đầu đà, còn bên kia chẳng muốn thọ hạnh đó?*

Đáp: Vì Phật dạy rằng: Khi thọ giới, các đệ tử không nhất thiết phải thọ 12 hạnh đầu đà.

Vì ở đoạn kinh trên đây nói “khi 2 bên thầy trò chẳng được hòa hợp là ma sự”, nên mới nêu lên trường hợp này.

Mặc dù thầy và trò đều nhất tâm hành đạo, nhưng nếu mỗi bên đều có kiến thù riêng, thì vẫn có thể gây nhiều loạn cho nhau. Ví như giữa hai thầy trò có người muốn ở chốn A Lan Nhã để được thanh tịnh, có người muốn đồng cư với chúng sanh để hành Bồ tát hạnh, thì như vậy cũng là có chống trái nhau, cũng là ma sự vậy.

-o0o-

Phật lại dạy: Những người ở trong một chúng phải y theo pháp của chúng mà hành sự, khiến tăng chúng được hòa đồng, thanh tịnh.

Ví như trong chúng có người được thí chủ thỉnh thực, tự cho mình là có phước đức; lại có người chẳng được thí chủ thỉnh thực, tự than trách, rồi sanh phiền não. Vì sao? Vì tâm tham trước thường ngăn che tâm đạo. Bởi vậy nên những người chưa được đạo, thường hay khởi tâm tham trước, khiến chẳng được nhất tâm hành đạo.

Trong Phật pháp, người tu hành chẳng nên vì lợi ích cho riêng mình mà tham trước sự cúng dường; chỉ nên thọ sự cúng dường có chừng mực. Chớ nên ăn nhiều mà sanh bệnh; chỉ ăn vừa phải để dễ tiêu hóa, thân ít bệnh.

Ngài Xá Lợi Phất thường nói: Tôi chỉ ăn 5, 6 miếng là đủ no, dùng thêm một ít nước nữa là đủ để nuôi thân mạng tôi rồi.

Ngài Xá Lợi Phất ăn uống có tiết lượng như vậy; ngài lại

chỉ ăn trước giờ Ngọ, và sau giờ Ngọ chỉ dùng ít nước mà thôi; thế nhưng thân tâm ngài vẫn thường được an lạc. Nếu tham đắm các thức ăn, thức uống, thì tâm sẽ bị loạn động, chẳng có được sự nhất tâm. Như vậy, chẳng có được lợi ích gì cho sự tu tập cả.

-o0o-

Nên biết “quán không” và “quán vô thường” là sơ môn dẫn vào đạo.

Nhờ 2 pháp quán này mà hành giả nhằm chán 3 cõi, như nhằm chán cảnh mờ hoang.

Nếu chưa vào được đạo, chưa được tâm rộng lớn, chưa được đại Niết bàn, thì hành giả phải quán “thân vô thường”, như từ thi bất tịnh, tán hoại v.v... Quán như vậy, hành giả sẽ dễ ly dục trong bước đầu hành đạo.

-o0o-

Nên biết về 4 oai nghi trong pháp tu thân, thì ngồi là quan trọng nhất. Hành giả cần chọn chỗ ngồi thoáng mát, thế ngồi “kiết già” vững chắc, nhằm giúp sự tiêu hóa được dễ dàng, và hơi thở được điều hòa.

Khi chưa thành đại sự, người cầu đạo thường bị giặc phiền não quấy nhiễu, chớ nên giải đãi nằm nhiều, rất dễ bị hôn trầm.

Lại nữa, khi đi đứng thường dễ bị loạn động, khó nhiếp tâm.

Bởi vậy nên hành giả thường thọ “tọa pháp”.

-o0o-

Người tu hành chẳng nên chấp vị ngon hay dở. Trong khi khát thực, phải giữ tâm bình đẳng, thứ lớp khát thực, chẳng phân biệt giàu nghèo, sang hèn.

Người tu hành phải tri túc, thiếu dục, chỉ giữ 3 y vừa đủ mặc.

Phật phương tiện chế các giới luật để hàng đệ tử xuất gia rời bỏ thế gian dục lạc.

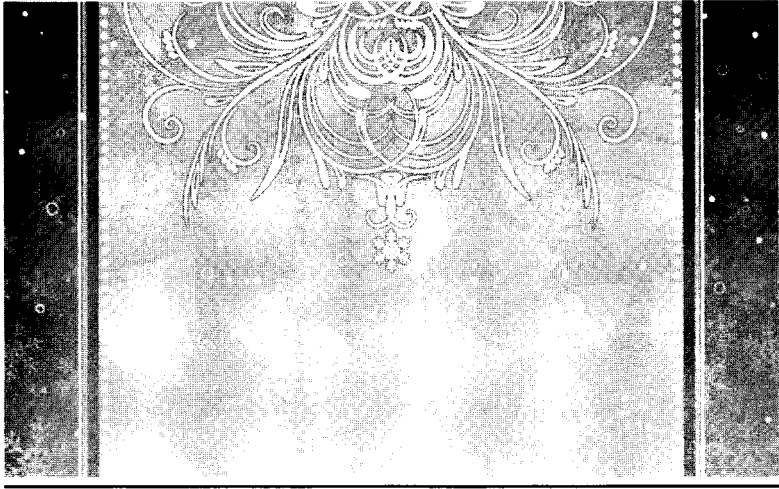
Phật thường tán thán 12 hạnh đầu đà làm gốc.

Ví như, khi 5 vị Tỷ-kheo đầu tiên đạt đạo bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nên mặc pháp y gì?” thì Phật dạy rằng: “Hãy nhặt những mảnh vải vụn ráp lại thành chiếc phước điền y mà mặc”. Ở đây, cũng nên biết:

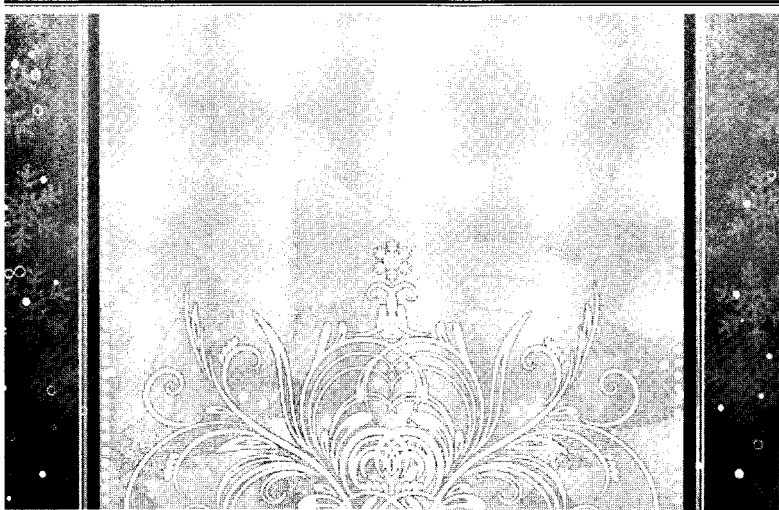
- Khi thọ giới là thọ pháp y, đi khát thực, ngồi dưới gốc cây, uống thuốc bằng lá cây. Đây là 4 thánh chủng đầu đà.

- Trong tất cả các hạnh tu, phải lấy trí huệ làm gốc, chớ nên chấp pháp khổ hạnh là pháp dẫn đầu. Vì sao? Vì các pháp môn tu chỉ là trợ đạo. Chư Phật đều tán thán trí huệ là thù thắng hơn cả.

(Hết quyển 68)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 69



Phẩm Thứ Bốn Mười Bảy (TIẾP THEO)



Lưỡng Bát Hòa Hợp (tiếp theo)

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có tín tâm, có giới hạnh muốn thọ trì, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp chẳng có xan tham, thường hay bố thí, mà người nghe pháp lại xan tham, chẳng muốn bố thí, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người nghe pháp muốn cúng dường tứ sự cho người thuyết pháp, mà người thuyết pháp chẳng muốn thọ nhận hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp liễu đạt thâm lý, mà người nghe pháp lại ám độn, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp liễu nghĩa thứ lớp 12 bộ kinh, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp thành tựu 6 pháp Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có đầy đủ các lực phương tiện ở nơi 6 pháp Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng như vậy, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp đã đắc đà la ni, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng muốn như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp ly tham dục, sân nhuế, ngu ngù, trạo cử, nghi hối, mà người nghe pháp chẳng như vậy, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà có người đến nói rằng: “Thọ thân trong 3 đường ác là khổ. Vì sao ở đời này, người chẳng tu dứt khổ, nhập Niết bàn, mà lại cầu Vô Thượng Bồ Đề để làm gì?”. Như vậy là 2 bên chẳng được hòa hợp, khiến việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà có người đến nói rằng: “Ở cả 3 cõi Trời có rất nhiều khoái lạc, ở cõi Dục có ngũ dục lạc, ở cõi Sắc có thiên định lạc và ở cõi Vô Sắc có tịch diệt lạc. Vì sao ở đời này, người chẳng tu phước để được sanh lên cõi Trời, mà lại cầu pháp Đại thừa làm gì cho khổ? Vì sao ở đời này, người chẳng tu để được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, mà cứ mãi ở trong thế gian, mãi ở trong sanh tử trải qua nhiều kiếp, để cầu Vô Thượng Bồ Đề làm gì cho khổ?

Như vậy là 2 bên chẳng được hòa hợp, khiến việc biên chép ... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp một thân, chẳng hệ lụy với ai, được tự tại, vô ngại, mà người nghe pháp lại có nhiều hệ lụy, dắt dìu nhiều người khác, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp bảo người nghe pháp phải thuận theo ý mình, mới cho biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà người nghe pháp chẳng theo, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ nguy nạn mà người nghe pháp chẳng muốn đi, hoặc ngược lại, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ nghèo đói, mà người nghe pháp chẳng muốn đi, khiến 2 bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ giàu sang mà người nghe pháp chẳng muốn đi, hoặc ngược lại, khiến hai bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp muốn đến xứ hoang vắng, có nạn giặc cướp, ác thú, độc trùng, mà người nghe pháp chẳng muốn đi, hoặc ngược lại, khiến hai bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Người thuyết pháp có nhiều thí chủ tới lui thăm viếng, mà người nghe pháp chẳng muốn như vậy, khiến hai bên chẳng được hòa hợp, thì phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

LUẬN:

Hỏi: Có người biên chép, đọc tụng, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật mà lại phạm giới. Như vậy, khi người ấy thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể tin được? Làm sao có thể thọ pháp với người ấy được?

Đáp: Có người, tuy chẳng tin Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, nhưng vì cầu danh mà biên chép, đọc tụng... dẫn đến thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, vì đệ tử của Phật thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nên dù thấy người biên chép, đọc tụng... dẫn đến thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật có phạm giới chẳng nữa, thì vẫn chẳng mất lòng tin nơi thậm thâm pháp này.

Hỏi: Vì sao nói đệ tử muốn cúng dường thầy, mà thầy chẳng muốn thọ cũng là ma sự?

Đáp: Đệ tử chẳng muốn cúng dường thầy, vì nghĩ rằng:

“Nếu thầy thủ chấp vật cúng dường, thì chẳng sao xả thân vì đạo được”. Tâm niệm của đệ tử đối với thầy như vậy là ma sự.

Nhưng, có trường hợp đệ tử muốn cúng dường thầy, mà thầy chẳng muốn thọ nhận, khiến giữa thầy trò chẳng được hòa hợp cũng là ma sự.

Có thể vì thầy thiếu dục, tri túc, mà chẳng muốn thọ nhận sự cúng dường, có thể thầy nghĩ rằng thọ nhận sự cúng dường như vậy xem như là mình đã bán pháp cho đệ tử; có thể thầy nghĩ rằng mình giới đức còn cạn mỏng, chẳng tiêu được tín thí cúng dường v.v... Thầy tâm niệm như vậy là rất tốt, nhưng có thể làm cho thầy trò mất sự hòa hợp, gây trở ngại cho việc biên chép Bát nhã Ba-la-mật của người đệ tử. Phải biết đó cũng là ma sự.

-o0o-

Trong kinh còn nêu nhiều ma sự khác, khiến giữa thầy trò chẳng có sự hòa hợp, như sau:

- Thầy đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, nhưng vì độn căn, chẳng thể nào giải rõ thâm nghĩa cho đệ tử nghe được.

- Thầy giải rõ thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà đệ tử vì độn căn, chẳng sao lãnh hội được.

- Thầy thứ lớp đọc tụng, tìm hiểu nghĩa của 12 bộ kinh, mà đệ tử chẳng như vậy.

- Thầy thành tựu 6 pháp Ba-la-mật, mà nghĩ rằng đệ tử độn căn chẳng sao lãnh hội được, chẳng biết rằng đệ tử mình, sau khi nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi có thể thành tựu được đại sự.

- Thầy giảng dạy 6 pháp Ba-la-mật cho đệ tử, mà đệ tử lại nghĩ rằng các pháp ấy quá thậm thâm chẳng sao có thể tu tập

được, hoặc nghĩ rằng thầy cũng chỉ nói, nhưng chẳng hành được v.v...

Đệ tử chẳng biết rằng thầy đã có đầy đủ các phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, đã có được đại lợi ích nơi Bát nhã Ba-la-mật rồi.

- Đệ tử chỉ muốn thủ chấp các thiện pháp, mà thầy lại chỉ muốn dùng các thiện pháp đó làm phương tiện hành Bát nhã Ba-la-mật.

Đệ tử chẳng ưa theo, mà chẳng biết rằng thầy tán thán Bát nhã Ba-la-mật như vậy nhằm đoạn chấp cho mình, để dẫn dắt mình cùng hành Bát nhã Ba-la-mật.

Tất cả các trường hợp nêu trên đều làm cho thầy trò chẳng có được sự hòa hợp, khiến việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thành tựu được viên mãn. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Hỏi: *Nếu thầy chưa đắc đà la ni, trong lúc đệ tử đã đắc đà la ni rồi, thì thầy làm sao dạy được đệ tử?*

Đáp: Đà la ni có rất nhiều môn. Có thể đệ tử đắc một môn đà la ni nào đó mà thầy chưa đắc, hoặc ngược lại. Ví như đệ tử được Văn Trì đà la ni mà thầy được Giải Thâm đà la ni; hoặc đệ tử được Thật Tướng Nghĩa đà la ni, mà chẳng có thứ lớp đọc tụng; hoặc thầy được Văn Trì đà la ni, mà đệ tử chẳng có được đà la ni nào cả v.v...

Các sự kiện nêu trên có thể làm cho thầy và trò chẳng có được sự hòa hợp, khiến công việc giáo hóa của thầy gặp trở ngại.

Hỏi: *Vì sao có lúc đệ tử muốn thọ trì Bát nhã Ba-la-mật*

mà thầy lại chẳng muốn trao pháp; có lúc thầy muốn trao pháp mà đệ tử lại chẳng muốn thọ nhận?

Đáp: Có rất nhiều nguyên nhân. Có thể là đệ tử thấy thầy có lỗi, nên chẳng muốn thọ pháp. Có thể thầy thấy đệ tử còn nhiều tà kiến, nên chưa muốn trao pháp v.v...

Chỗ hành pháp phải tương ứng với nhau, thì giữa người thuyết pháp và người nghe pháp mới có được sự hài hòa, an lạc, đem lại nhiều lợi lạc.

Nếu trái lại, giữa người thuyết pháp và người nghe pháp chẳng có sự hòa hợp, thì sự trao pháp và thọ pháp chẳng sao thành tựu được.

Ví như một bên ly dục, mà bên kia chẳng muốn ly dục..., thì giữa đôi bên sẽ khinh miệt nhau, sẽ đối kỵ nhau, khiến cho sự trao truyền pháp, và sự thọ nhận pháp gặp rất nhiều trở ngại.

Trong kinh có nêu lên rất nhiều trường hợp giữa thầy và đệ tử chẳng có được sự hòa hợp, như:

- Thầy hành pháp thiếu dục, tri túc chẳng ưa đệ tử cúng dường nhiều, mà các đệ tử lại muốn được gần gũi thầy, muốn được cúng dường thầy. Do chấp hạnh thiếu dục, tri túc, mà thầy xa rời các đệ tử, mà chẳng nhiếp phục được họ.

- Thầy thuyết pháp mà muốn các đệ tử theo bên mình, đi đâu cũng muốn các đệ tử đi theo để cúng dường tứ sự, mà đệ tử lại chỉ muốn được gần thầy cầu pháp, học hỏi, chẳng để tâm lo cúng dường cho thầy.

- Đệ tử muốn theo sát bên thầy để cúng dường, mà thầy chẳng muốn, vì nghĩ rằng để cho đệ tử làm như vậy sẽ bị tổn đức, khiến đệ tử chẳng được an tâm, tự nghĩ rằng thầy khinh mình.

- Thầy vì lợi dưỡng mà dạy pháp, khiến đệ tử chẳng kính phục thầy, vì cho rằng thầy bán Phật pháp.

- Đệ tử, vì tài lợi, vì danh vọng, mà cầu học Bát nhã Ba-la-mật, tâm chẳng được thanh tịnh. Thầy biết rõ như vậy, nên chẳng dạy.

- Thầy muốn đi đến một nơi xa, đường sá hiểm trở để thuyết pháp, mà đệ tử, vì sợ nguy đến tánh mạng chẳng dám theo thầy.

- Thầy muốn đến nơi giàu sang, xa, mà đệ tử, hoặc vì ngại đường sá xa xôi, hoặc chẳng tham đắm cảnh giàu sang, vui sướng, mà chẳng muốn đi theo thầy.

- Thầy muốn đi giáo hóa ở một nơi nào đó, trong hoặc ngoài nước, mà đệ tử chẳng ưa thích, hoặc chẳng tin rằng thật sự chuyến du thuyết ấy có thể đem lại lợi ích mong muốn, hoặc nghĩ rằng thầy vì danh vọng, lợi dưỡng mà ra đi, nên chẳng muốn đi theo thầy.

- Thầy muốn đến một nơi đầy gian nguy, mà chẳng muốn để cho đệ tử theo, vì tự niệm rằng “Thân ta dù có chết cũng chẳng sao, chẳng nên để người khác, vì theo ta, mà phải mắc nạn”.

- Thầy có nhiều tín thí cúng dường, nhưng đệ tử lại thiếu dục, tri túc, chẳng ưa tín thí cúng dường thầy mình. Đệ tử chỉ muốn cầu pháp, chẳng muốn thầy bỏ nhiều thì giờ tiếp các tín thí đến cúng dường. Mặc dù thầy có nhiều nhân duyên cần phải tiếp các tín thí để tùy phương tiện nói pháp cho họ nghe, nhưng đệ tử chẳng muốn tin lời thầy.

v.v...

Tất cả các trường hợp nêu trên đều làm cho thầy trò chẳng có được sự hòa hợp, khiến việc thọ trì, đọc tụng, biên chép...

dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thể thành tựu được viên mãn. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

-o0o-

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ, dùng các phương tiện để phá hoại, chẳng cho thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ác ma giả làm Tỷ-kheo dùng phương tiện gì để phá hoại?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo, đến chỗ thiện nam, thiện nữ, bảo rằng “Lời kinh do ta nói ra mới là Bát nhã Ba-la-mật, còn kinh người đang thọ trì, đọc tụng, biên chép đó chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật”.

Nghe ác ma nói như vậy, những thiện nam, thiện nữ nào chưa được thọ ký có thể khởi nghi tâm. Do khởi nghi tâm mà bỏ Bát nhã Ba-la-mật, chẳng còn thọ trì, đọc tụng, biên chép nữa. Như vậy là chẳng hòa hợp. Phải biết đó là ma sự.

Ác ma giả làm Tỷ-kheo, đến chỗ thiện nam, thiện nữ, bảo rằng “Bồ tát thật hành Bát nhã Ba-la-mật, chứng thật tế, được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, người chớ nên biên chép Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy là chẳng hòa hợp. Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật này thường bị các ác ma đến gây lưu nạn. Bồ tát phải nên biết để xa lìa các ma sự.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những ma sự gì thường làm trở ngại Bát nhã Ba-la-mật, khiến Bồ tát phải nên biết để xa lìa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ác ma khởi xướng các pháp tương tự như Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tương tự như Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát phải biết rõ đó là ma sự, để xa lìa.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải nên học kinh Thanh Văn, kinh Bích Chi Phật. Nhưng học rồi, thì phải nên xả. Vì sao? Vì nếu chẳng xả, thì đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo tìm phương tiện trao những loại kinh dạy về nội không, ngoại không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, dạy về 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, dạy về 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”... để được 4 quả Thanh Văn, được Bích Chi Phật đạo. Như vậy là chẳng hòa hợp, gây trở ngại cho việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ác ma hóa làm thân Phật sắc vàng, phóng hào sáng ngời, đến chỗ Bồ tát. Do đấm trước thân Phật, mà Bồ tát bị tổn giảm chánh trí huệ, khiến cho việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, ác ma giả làm thân Phật và chúng Tỷ-kheo đến chỗ Bồ tát thuyết pháp. Bồ tát tham trước, tự niệm rằng: “Đời sau ta sẽ được như vậy”. Do tham trước, mà Bồ tát bị tổn giảm chánh trí huệ, khiến việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thành tựu được. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Lại nữa, ác ma hóa ra vô số thân Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, chỉ bày cho các thiện nam, thiện nữ hành 6 pháp Ba-la-mật. Do tham trước hành pháp như vậy, mà các thiện nam, thiện nữ bị tổn giảm chánh trí huệ, khiến việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể thành tựu được. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có “Sắc, thọ, tưởng, hành, thức”... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí.

Do Bát nhã Ba-la-mật chẳng có sắc... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí, nên trong Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có Thanh Văn, chẳng có Bích Chi Phật, chẳng có Bồ tát... dẫn đến chẳng có Phật.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là tự tánh không vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật thường gặp nhiều lưu nạn. Ví như trong cõi Diêm Phù Đề có nhiều trân bảo, nào là kim ngân, xa cừ, xích châu, mã não... cùng vô số báu vật khác, khiến cho nhiều kẻ trộm cướp thường rình rập. Cũng như vậy, biên chép Bát nhã Ba-la-mật thường gặp nhiều lưu nạn, quấy nhiễu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Đúng như vậy, Bạch Thế Tôn! Khi biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma thường đến quấy phá, gây lưu nạn.

Vì sao? Vì hạng người si muội thường bị ma sai sử nhằm phá hoại việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Bạch Thế Tôn! Hạng người ngu si này chẳng ưa thích pháp Đại thừa, nên chẳng muốn biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà lại

còn pháp hoại việc biên chép... dẫn đến chánh ức niệm của người khác nữa.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hàng sơ phát tâm Đại thừa cũng còn bị ác ma sai sử, khiến chẳng biết gieo trồng thiện căn, chẳng biết cúng dường chư Phật, chẳng biết gần gũi thiện tri thức. Do vậy mà những người này chẳng muốn biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, mà còn gây trở ngại cho người khác nữa.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm biên chép... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì các ma sự chẳng phát khởi được. Người này dần dần sẽ được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết là do có Phật lực gia bị, mà thiện nam, thiện nữ ấy có thể biên chép... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, đầy đủ nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Chư Phật, chư đại Bồ tát ở khắp 10 phương cũng đồng hộ niệm cho thiện nam, thiện nữ ấy biên chép... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ma giả làm thân Sa Môn có đại oai đức đến thuyết pháp, khiến người nghe tin theo lời chúng bèn bỏ kinh Bát nhã Ba-la-mật để thọ trì các kinh khác.

Ma còn nói với Bồ tát rằng: Kinh do ta thuyết mới là lời Phật, kinh mà các người đang nghe, đang biên chép đó chẳng

phải là thật, chẳng phải do Phật thuyết. Các người hãy bỏ kinh Bát nhã Ba-la-mật, hãy đọc theo kinh *Thanh Văn*.

Bồ tát độn căn vừa nghe theo, liền khởi sanh tà kiến. Còn Bồ tát lợi căn mà chưa được thọ ký thì lại sanh tâm nghi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chân trí huệ, nói hết thảy các pháp đều là không, là vô sở hữu, nên rất khó tin, khó biết. Do vậy mà ác ma mới có chỗ tiện lợi để phá hoại tâm Bồ tát vậy.

Ác ma nói với Bồ tát rằng: Bát nhã Ba-la-mật rộng nói về 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”, nhưng thật sự chỉ nói về pháp “Không” mà thôi. Nếu người thường ở trong “Không” mà tu tập thì dù có được chứng đắc cũng chẳng sao thành Phật được. Muốn thành Phật, trước hết người phải trì giới, phải tu 32 phước đức, phải tọa đạo tràng, rồi sau đó mới tu pháp “Không”.

Bồ tát nghe như vậy, hoặc chẳng còn tin Bát nhã Ba-la-mật, hoặc khởi tâm nghi Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến sẽ xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói hành tương tự 6 pháp Ba-la-mật là ma sự?*

Đáp: Vì hành 6 pháp Ba-la-mật mà còn chấp là còn hành tương tự 6 pháp Ba-la-mật. Như vậy là chưa có phát khởi đại bi tâm, chưa nhất tâm cầu Phật đạo, là chỉ muốn tự độ vậy. Tuy là hành thiện pháp nhưng vẫn là phá hoại tâm Đại thừa của Bồ tát. Phải biết đó cũng là ma sự của Bồ tát.

Hỏi: *Nếu Bồ tát thấy được Phật thân mà đấm trước phát khởi tín tâm, thì vì sao lại gọi là ma sự?*

Đáp: Hết thảy các chấp đều là tướng phiền não nên đều gọi là ma sự. Các vị Bồ tát sơ phát tâm chưa thấy được Phật thân, nên ác ma mới hiện thân Phật, đầy đủ các tướng tốt

trang nghiêm, khiến họ sanh tâm chấp đắm, tưởng là mình đang đứng trước Phật vậy.

Ví như người chưa ly dục vừa thấy thân hình người nữ liền sanh tâm đắm trước, khởi dục vọng. Cũng như vậy, Bồ tát sơ phát tâm, do chưa ly chấp, nên vừa thấy ma hiện thân Phật là liền sanh tâm chấp trước, bởi vậy nên ma mới có chỗ tiện lợi để phá hoại, làm suy giảm “thật tướng trí huệ” của Bồ tát.

-oOo-

Theo lời Phật dạy thì sắc... dẫn đến hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên chúng hội khởi tâm nghi, nghĩ rằng “Nếu các pháp là tự tướng không, nếu Bát nhã Ba-la-mật là tự tướng không, thì vì sao vô thượng pháp Bát nhã Ba-la-mật có đại lợi ích như vậy, mà còn bị các lưu nạn, còn bị ghét bỏ?”

Phật biết rõ tâm niệm của chúng hội, nên dạy rằng: Ví như người có nhiều của cải, vàng bạc, châu báu, thường bị trộm cướp rình rập để cướp đoạt và cũng có rất nhiều người ganh ghét. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật là đại pháp bảo nên ác ma thường tìm cách phá hoại. Ác ma chỉ muốn khiến người tu hành thủ chấp Niết bàn, chẳng ưa người tu hành thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà các người tu tập Bát nhã Ba-la-mật thường gặp lưu nạn, thường bị ganh ghét.

Ngài Tu Bồ Đề nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tín thọ, và nêu thêm các trường hợp lưu nạn khác do ác ma phá hoại Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Kẻ cuồng si bị ma sai sử nên chẳng được tự tại. Do ít trí huệ nên họ chẳng thông đạt được diệu lý trong Phật pháp. Người chẳng có đại tâm, chẳng

liều đạt được pháp vị thanh tịnh, thường đắm chìm trong “dâm, nộ, si” mới gây lưu nạn đối với Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, này Tu Bồ Đề! Như lời ông nói, nếu Bồ tát nào thọ trì, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật mà các ác ma chẳng có gây lưu nạn, thì phải biết vị Bồ tát ấy được chư Phật và chư đại Bồ tát trong 10 phương thường hộ niệm. Cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nào nhất tâm tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thì cũng được chư Phật và chư đại Bồ tát trong 10 phương hộ niệm.

-o0o-

Cũng nên biết ma có thể lực rất mạnh ở Dục giới, người thế gian lại thường đắm trước trong dục lạc. Do vậy ở nơi đây, ma có chỗ tiện lợi để sai sử, gây lưu nạn. Còn chư thiên ở Sắc giới thường vào thiền định, được tâm nhu nhuận nên ma khó có thể phá hoại được, chư thiên ở Vô Sắc giới chẳng có hình sắc, nên ma chẳng có thể gây lưu nạn được.

Ở Dục giới ma có đầy đủ thể lực nên các ác ma thường phá hoại việc làm tốt của giới tu hành.

Bởi nhân duyên vậy, nên chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư thiên thường hộ niệm Bồ tát tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, các Bồ tát sơ phát tâm, do phước đức còn cạn mỏng, lại do còn tiếc thân mạng, nên cũng có thể bị ma sai sử, khiến chẳng thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như giặc xâm lấn bờ cõi, người lớn ra sức chống giặc để cứu nước, thế mà lũ trẻ nít chẳng hay biết gì cả. Cũng như vậy, chư Phật, chư đại Bồ tát cùng chư thiên vẫn thường hộ niệm người tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thế mà có người vẫn

chẳng hay biết, khiến cho ác ma sai sử phá hoại Bát nhã Ba-la-mật vậy.

-o0o-

Trên đây lược nói về các ma sự, mà Bồ tát phải biết để xa lìa. Nếu rộng nói thì có vô lượng vô biên ma sự.

Phật từ bi thương xót chúng sanh, muốn cho chúng sanh thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật, nên đã rộng thuyết về các trường hợp bất hòa hợp giữa thầy và trò, làm trở ngại cho việc thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phẩm Thứ Bốn Mười Tám



Phật Mẫu
(Mẹ Của Chư Phật)

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ví như bà mẹ có nhiều con. Khi bà mẹ lâm bệnh thì các con đều lo lắng chạy chữa, mong cho mẹ mau lành bệnh. Do nhớ đến công ơn sanh thành và dưỡng dục của mẹ mà các con thường cung phụng mẹ vậy.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Chư Phật trong khắp 10 phương vẫn thường dùng Phật nhãn chiêm ngưỡng thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao?

Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thảy các thế gian tướng. Từ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật. Chư Phật do tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí. Cũng từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, xuất sanh ra nội không, dẫn đến vô pháp hữu pháp không, xuất sanh ra 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, xuất sanh ra 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, xuất sanh ra Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, Bồ tát đạo... dẫn đến Phật đạo.

Này Tu Bồ Đề! Chư Phật quá khứ và hiện tại đều do tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ

Đề, chư Phật vị lai sẽ do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì chư Phật sẽ dùng Phật nhãn gia bị cho người ấy, khiến chẳng thối thất tâm Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy, Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thấy thế gian tướng, từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thấy thế gian tướng? Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra 10 Phật lực, 18 bất cộng pháp... dẫn đến xuất sanh ra Nhất thiết chủng trí. Người được đầy đủ các pháp như vậy được gọi là Phật, nên nói Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật khai thị 5 âm là thế gian tướng, nên nói Bát nhã Ba-la-mật khai thị thế gian tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật khai thị 5 âm tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật khai thị 5 âm tướng chẳng tán hoại, chẳng sanh diệt, chẳng cấu tịnh, chẳng tăng giảm, chẳng xuất nhập, chẳng có quá khứ, hiện tại hay vị lai. Vì sao? Vì “không tướng” là “vô tướng tướng”, “vô tác tướng”, là chẳng phải “hoại tướng” vậy. Vì hết thấy các pháp đều chẳng khởi, chẳng

sanh, đều là “vô sở hữu”, là “như pháp tánh”, nên chẳng có tướng tán hoại vậy. Vì pháp tướng là như vậy, nên khai thị như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật do nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà biết rõ tâm niệm của vô lượng vô biên chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Trong thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chúng sanh, chẳng có danh tự chúng sanh, chẳng có sắc, chẳng có danh tự sắc... dẫn đến chẳng có Nhất thiết chủng trí, chẳng có danh tự Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bát nhã Ba-la-mật khai thị hết thấy thế gian tướng.

Này Tu Bồ Đề! Thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng khai thị sắc, thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến chẳng khai thị Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có tướng của Bát nhã Ba-la-mật hướng nữa là tướng của sắc, thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến tướng của Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ở quốc độ này... dẫn đến ở hết thấy các quốc độ trong khắp 10 phương có vô lượng chúng sanh, hoặc loài hữu sắc (có sắc), hoặc loài vô sắc (chẳng có sắc), hoặc loài hữu tướng (có tướng), hoặc loài vô tướng (chẳng có tướng), hoặc loài phi hữu tướng phi vô tướng (chẳng có tướng cũng chẳng phải chẳng có tướng). Những chúng sanh như vậy hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, Phật đều biết rõ tâm niệm của họ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Phật biết rõ như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phật dùng pháp tướng để biết như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật dùng pháp tướng gì để biết?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong pháp tướng chẳng có “tướng pháp tướng”, huống nữa là “tướng nhiếp tâm” hay “tướng loạn tâm”.

Phật dùng pháp tướng như vậy nên biết rõ chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm. Vì sao?

Vì tận tướng, vì đoạn tướng, vì tịch diệt tướng, vì ly tướng cho nên biết. Nói cách khác, Phật do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà như thật biết chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ chúng sanh có nhiễm tâm, có sân tâm, có si tâm và cũng biết rõ tâm nhiễm, tâm sân, tâm si của chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Phật biết rõ như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì thật tướng của “nhiễm tâm” là “vô nhiễm tâm tướng”, của “sân tâm” là “vô sân tâm tướng”, của “si tâm” là “vô si tâm tướng”.

Vì sao? Vì ở nơi thật tướng chẳng có tướng của “tâm vương”, tướng của “tâm sở”, huống nữa là các tướng của “nhiễm tâm”, của “sân tâm”, của “si tâm”, cũng như các tướng của “vô nhiễm tâm”, của “vô sân tâm”, của “vô si tâm”.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ “nhiễm tâm”, “sân tâm”, “si tâm” của chúng sanh, cũng như biết rõ “vô nhiễm tâm”, “vô sân tâm”, “vô si tâm” của chúng sanh. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Vì tâm thể chẳng có tướng nhiễm, chẳng

có tướng vô nhiễm. “Nhiễm tâm tướng” và “vô nhiễm tâm tướng” đều chẳng đầy đủ, chẳng cùng chung vậy. Dẫn đến “sân tâm tướng” và “vô sân tâm tướng”, “si tâm tướng” và “vô si tâm tướng” cũng là như vậy. Bởi vậy nên Phật cũng biết rõ “vô nhiễm tâm”, “vô sân tâm”, “vô si tâm” của chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật biết rõ “quảng đại tâm” của chúng sanh.

Vì sao? Vì tâm tướng của chúng sanh chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đến, chẳng đi. Tâm tướng là ly, là “không”, nên là như vậy.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ chúng sanh có “quảng đại tâm”, và cũng biết rõ “quảng đại tâm” của chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ tâm chúng sanh vô lượng.

Vì sao? Vì tâm chẳng phải an trú, cũng chẳng phải chẳng an trú. Vì tâm thể là vô tướng, chẳng có chỗ y chỉ, nên chẳng có chỗ trú, cũng chẳng có chỗ chẳng trú.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ tâm chúng sanh chẳng thể thấy được.

Vì sao? Vì tâm thể là vô tướng. Chẳng thể dùng “5 nhãn” mà thấy được tâm chúng sanh vậy.

Bởi vậy, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật biết rõ tâm chúng sanh bất khả kiến (chẳng thể thấy được) vậy.

LUẬN:

Hỏi: Ngài Tu Bồ Đề nêu 4 vấn đề để hỏi Phật, mà Phật chỉ giải đáp có 3 vấn đề. Còn câu hỏi: “Vì sao nói từ nơi Bát

nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật”, thì Phật chẳng có giải đáp?

Đáp: Nói “Chư Phật từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh”, hay nói “Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà thành tựu Phật quả”, thì nghĩa cũng chẳng có gì khác nhau cả.

Vì sao? Vì có thuyết nói: “Hòa hợp được hết thảy các pháp là được Bát nhã Ba-la-mật; mà Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật”. Lại có thuyết nói: “Do hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thành tựu được Phật hạnh, nên mới được gọi là Phật”.

Như vậy, trước nói Bát nhã Ba-la-mật là chủ tác, xuất sanh ra chư Phật; sau đó nói Bát nhã Ba-la-mật là duyên khởi dẫn đến Vô Thượng đạo, thành Phật quả. Cả 2 cách nói đồng diễn đạt một ý nghĩa, chẳng có gì sai khác cả.

Ví như nói: “Cây bật gốc, ngã xuống, gây tai nạn chết người”, hay nói: “Một nhánh lớn của cây gãy, rơi xuống, làm chết người”, thì kết quả chẳng có gì sai khác cả.

Như vậy, dù cây đẽ chết người, hay nhánh cây đẽ chết người, thì chủ tác vẫn là cây vậy, chẳng có gì sai khác cả.

Hỏi: *Các kinh đều nói 5 ấm là tán hoại, là thế gian pháp. Vì sao kinh Bát nhã Ba-la-mật nói 5 ấm tán hoại ấy là chẳng có sanh, chẳng có diệt?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là kinh Đại thừa. Giữa kinh Đại thừa và kinh Thanh Văn có nhiều sai khác:

- Kinh Thanh Văn phần nhiều nói về vô thường, vô ngã. Kinh Đại thừa phần nhiều nói về pháp “Không”.

- Kinh Thanh Văn, trước nói về vô thường, rồi về sau mới dần dần đến pháp “Không”. Kinh Đại thừa, trước sau đều nói về pháp “Không”.

- Kinh Thanh Văn nói các pháp tướng là tán hoại, khiến chúng sanh sợ hãi. Kinh Đại thừa chẳng nói như vậy, mà nói các pháp thường trú, chẳng sanh, chẳng diệt.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây, Phật thuyết về pháp tánh “Không, vô tướng và vô tác”, nên chẳng nói đến tán hoại. Như vậy là Bát nhã Ba-la-mật khai thị thể gian tướng.

Sắc thân của chúng sanh rất dễ thấy, dễ biết, mà chúng sanh còn chẳng biết được thể tánh của sắc thân. Như vậy làm sao có thể biết được các tâm và tâm sở, là những pháp vô hình!

Phật như thật biết hết thảy các pháp; dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật biết rõ chúng sanh là không, sắc là không... Nhất thiết chủng trí cũng là không.

-o0o-

Phật dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mà biết rõ tâm niệm của vô lượng vô biên chúng sanh. Chúng sanh, dù ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, cõi Hữu Tướng, cõi Vô Tướng, cõi Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng có bao nhiêu tâm niệm, hoặc nhiếp tâm, hoặc loạn tâm, hoặc nhiễm tâm, hoặc vô nhiễm tâm v.v..., Phật đều biết tất cả.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy sanh nghi, tự niệm rằng: Chư Phật thường ra tịch tịnh, thường ở nơi pháp “Không”, nay vì sao Phật lại nói khắp biết chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm? Lại nữa, chúng sanh vô lượng vô biên, làm sao chỉ một mình Phật mà có thể biết hết thảy tâm niệm của chúng sanh được?

Phật dạy: Phật dùng pháp tướng để biết rõ như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Phật dùng pháp tướng gì để biết rõ như vậy?

Phật dạy: Dùng thật tướng pháp. Ở nơi thật tướng pháp, thì chẳng còn có “tướng pháp tướng”, huống nữa là các tướng nhiếp tâm hay loạn tâm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là thật tướng pháp?

Phật dạy: Thật tướng pháp là tự tánh không, là rốt ráo không, là bất khả đắc không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thật tướng pháp là rốt ráo không, mà ở trong “Không” chẳng có phân biệt tâm và tâm sở pháp. Như vậy, làm sao có thể biết được tâm niệm của chúng sanh?

Phật dạy: Tánh của thật tướng pháp cũng là bất khả đắc. Cho nên Phật dùng lực phương tiện trí huệ biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm. Vì sao? Vì tánh không là bất khả đắc, chẳng có ngăn ngại vậy.

Phật đã vượt qua hết thảy tướng phân biệt, hư vọng, đã an trú trong thật tướng pháp, trong tánh không, nên biết rõ hết thảy chúng sanh tâm.

Trái lại, phạm phu trú tâm nơi hư vọng pháp, nên chẳng có thể biết được tâm niệm của kẻ khác.

-o0o-

Cũng như vậy, Phật dùng như thật trí huệ, mà biết được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm v.v... của chúng sanh. Vì sao? Vì thật tướng của nhiễm tâm, của sân tâm, của si tâm là vô nhiễm, vô sân, vô si. Nên biết chúng sanh tâm là vô lượng, là quảng đại, là bình đẳng vậy.

Hỏi: Vì sao trước Phật nói: “Thật tướng pháp là vô tướng, nên như thật biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm; rồi sau đó lại nói: “Do tướng tận, tướng đoạn, tướng tịch diệt, tướng ly, nên như thật biết được chúng sanh nhiếp tâm hay loạn tâm”?

Đáp: Bồ tát dùng “vô thường huệ” mà biết “tướng tận”. Do hành “vô thường huệ” mà tâm ly hết thấy nhiễm được vô nhiễm. Lại dùng hết thấy “thế gian đạo”, ngăn ngừa và diệt trừ các kiết sử. Đây là “tướng diệt”. Lại dùng “vô lậu đạo”, tận đoạn các kiết sử. Đây là “tướng đoạn”. Lại quán Niết bàn tịch diệt, ly hết thấy các tướng. Đây là “tướng tịch diệt”, “tướng ly”.

Bởi vậy nên, khi vào được nơi thật tướng pháp, trú nơi thật tướng pháp, thì biết rõ được chúng sanh nhiếp tâm, hay loạn tâm. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp, thì hết thấy các pháp đều là vô tướng cả.

-o0o-

Lại nữa, niệm là vô trú, là rốt ráo không, là chẳng thể biết được. Vì sao? Vì niệm quá khứ đã qua, niệm hiện tại chẳng trú, niệm vị lai chưa đến. Nếu khởi niệm là có sanh diệt rồi vậy.

Phàm phu, do chấp tướng, mới vọng chấp phân biệt có 3 thời. Trái lại, người trí biết rõ “hiện tại”, cũng là tận tướng, là rốt ráo không. Vì biết rõ tâm niệm là rốt ráo không, nên chẳng chấp trước, chẳng có gì vướng mắc cả.

Do biết rõ thời gian là vô trú, nên được đạo. Do biết rõ thật tướng các pháp là vô tướng, nên chẳng khởi sanh vọng kiến phân biệt, dẫn đến như thật biết được tâm chúng sanh nhiễm hay tịnh.

Lại nữa, vì thật tướng của các pháp là rốt ráo thanh tịnh, nên thật tướng của “nhiễm tâm” là “vô nhiễm tâm” vậy. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì chẳng còn có phân biệt tâm và tâm sở pháp. Do vậy, mà biết được nhiễm tâm, sân tâm, si tâm vốn chẳng có tướng nhiễm, tướng sân, tướng si, đều là vô tướng.

Phật dạy: Do nhân duyên “nhiễm tâm” và “vô nhiễm tâm” đều chẳng đầy đủ, chẳng chung nhau, nên ở nơi tâm pháp, chúng sanh thứ lớp sanh tâm; khi có tâm ô nhiễm, thì chẳng có tâm nhiễm, và ngược lại. Thế nhưng, ở cả 3 đời, nhiễm tâm và vô nhiễm tâm đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì cả 2 tâm ấy đều rốt ráo là tánh không. Sở dĩ có phân biệt 2 tâm, là do đối đãi mà có vậy.

Nên biết, ở nơi thật tướng pháp chẳng có các tướng nhiễm tâm, vô nhiễm tâm, sân tâm, vô sân tâm, si tâm, vô si tâm... Vì sao? Vì ở nơi thật tướng pháp, thì hết thấy các pháp đều là tướng không, đều là bình đẳng, vô phân biệt.

Người vô trí, do chấp tâm, chấp tướng mà phân biệt tâm có nhiễm, có tịnh, có rộng, có hẹp, có tăng, có giảm v.v... Còn các bậc Thánh thì chẳng phải như vậy, vì các ngài biết rõ tâm là vô sắc, vô hình, vô trước vậy.

-o0o-

Phật dạy: Tâm tướng là tánh không. Các tướng nhiễm, tịnh, rộng, hẹp, tăng, giảm v.v... đều là bất khả đắc cả.

Do có so lường mà nói tâm có nhiễm, có tịnh, có rộng, có hẹp, có tăng, có giảm v.v... Như vậy là nói tâm có hạn lượng. Thế nhưng vì tâm duyên vô lượng chúng sanh, duyên vô lượng pháp, lại vì tâm tướng là bất khả đắc, nên tâm là vô lượng.

Ví như nhãn căn duyên nhãn trần, sanh ra nhãn thức, mà nhãn thức chẳng phải ở trong hay ở ngoài mắt, chẳng phải ở bên này hay bên kia mắt, nên là vô trú xứ, là bất khả đắc vậy.

Do vậy, nên nói các trần cảnh hiện ra trước mắt đều là như cảnh ở trong mộng, chẳng có định tướng. Thức duyên cũng như vậy, chẳng có y chỉ, chẳng có định tướng nên nói tâm là quảng đại, là vô lượng.

Hỏi: *Nếu tâm là chẳng thể thấy được, thì Phật làm sao có thể như thật thấy, như thật biết tâm của hết thảy chúng sanh được?*

Đáp: Người vào thiền định, được tâm thanh tịnh như lưu ly, nên thấy được các vọng tâm đầy khởi, người quán bạch cốt thấy tâm thứ lớp sanh, chẳng thấy tâm tại thân, cũng chẳng thấy tâm tại duyên, người duyên vô biên xứ, thấy thức vô lượng vô biên v.v...

Nên biết, tâm thể là vô tướng, nên chẳng có các tướng tâm như vậy.

Trái lại, Phật thường trú nơi tịch diệt, nên như thật biết hết thảy tâm chúng sanh.

Vì sao? Vì tự tướng của tâm chúng sanh là vô tướng. Phật dùng 5 nhãn, thấy rõ tâm thể của chúng sanh là vô tướng, là bất khả đắc.

Người dùng nhục nhãn và thiên nhãn, thì thấy có sắc pháp. Người dùng huệ nhãn, duyên Niết bàn tướng, thì chẳng thấy có sắc pháp.

Người mới dùng pháp nhãn, thì thấy phân biệt có thiện pháp, có bất thiện pháp, có hữu lậu pháp, có vô lậu pháp, đến khi liễu đạt được thật tướng pháp rồi, thì người dùng pháp

nhân sẽ thấy rõ được các pháp đều là vô tướng, là bình đẳng, là vô phân biệt.

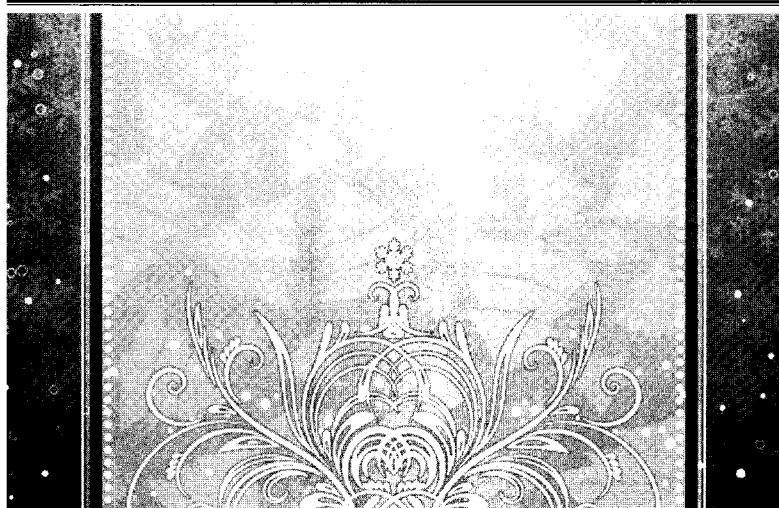
Trước đây đã nói rằng “Hết thấy các pháp đều chẳng có tác giả, chẳng có tri giả, chẳng có kiến giả”. Bởi vậy nên tâm cũng như hết thấy các pháp khác, đều chẳng thể thấy được vậy.

Phật, ở nơi tịch diệt tướng, chẳng dùng sự thấy hư vọng của hàng phàm phu, cũng chẳng dùng 5 nhãn để thấy, nên mới “như thật thấy, như thật biết tâm niệm của chúng sanh” vậy.

(Hết Quyển 69)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 70



Phẩm Thứ Bốn Mươi Tám (TIẾP THEO)



Phật Mẫu (tiếp theo)

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật như thật biết tâm số lên xuống, ra vào của chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Phật biết rõ như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy tâm số chúng sanh dù có lên xuống, dù có ra vào, thì cũng đều y cứ nơi “sắc, thọ, tưởng, hành, thức” mà sanh khởi cả. Vì sao? Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian là thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian là vô thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian vừa là thường cũng vừa là vô thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối, hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đối với “thọ, tưởng, hành và thức” cũng lầm chấp như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thế gian là hữu biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và

thể gian là vô biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thể gian vừa là hữu biên cũng vừa là vô biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối, hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân và thể gian chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đôi với “thọ, tướng, hành và thức” cũng làm chấp như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp thân tức là thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân khác thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân vừa là thân cũng vừa khác thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp thân chẳng phải thân cũng chẳng khác thân, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đôi với “thọ, tướng, hành và thức” cũng làm chấp như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có chúng sanh y cứ nơi sắc, mà chấp sau khi chết sẽ có thần chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối, hoặc y cứ nơi sắc mà chấp sau khi chết sẽ vừa có thần chuyển đi cũng vừa có thần chẳng chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối; hoặc y cứ nơi sắc, mà chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi, cũng chẳng có thần chẳng chuyển đi, cho đó là sự thật, nếu trái lại là hư dối.

Đôi với “thọ, tướng, hành và thức” cũng làm chấp như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật như thật biết tâm số lên xuống, ra vào của chúng sanh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Phật như thật biết sắc tướng. Vì sao? Vì sắc tướng là như như, là bất hoại, là vô phân biệt, vô ức tướng, vô hý luận, vô tướng, vô đắc.

Đối với “thọ tướng, tưởng tướng, hành tướng và thức tướng” Phật cũng đều như thật biết vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Phật như thật biết chúng sanh như tướng, tâm số lên xuống và ra vào của chúng sanh như tướng, 5 âm như tướng, các hành như tướng ... dẫn đến hết thấy các pháp như tướng.

Thế nào gọi là hết thấy các pháp như tướng?

Đó là 6 pháp Ba-la-mật như tướng, 37 Phẩm Trợ Đạo như tướng, 18 pháp “không” như tướng, 8 bối xả như tướng, 9 thứ đệ định như tướng, 10 Phật lực như tướng, 4 vô sở úy như tướng, 4 vô ngại trí như tướng, đại từ đại bi như tướng, 18 bất cộng pháp như tướng, Nhất thiết chủng trí như tướng. Đó là thiện pháp như tướng, bất thiện pháp như tướng, thế gian pháp như tướng, xuất thế gian pháp như tướng, hữu lậu pháp như tướng, vô lậu pháp như tướng, hữu vi pháp như tướng, vô vi pháp như tướng, quá khứ pháp như tướng, hiện tại pháp như tướng, vị lai pháp như tướng. Đó cũng là Tu-đà-hoàn quả như tướng, Tu-đà-hàm quả như tướng, A-na-hàm quả như tướng, A-la-hán quả như tướng, Bích Chi Phật quả như tướng... dẫn đến đó là Phật quả như tướng, Vô Thượng Bồ Đề như tướng.

Hết thấy pháp như tướng đều là “nhất như tướng”, đều chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng tán, chẳng hoại.

Này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật như thật biết hết thấy pháp như tướng. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay xuất sanh ra chư Phật, hay khai thị thế gian tướng.

Này Tu Bồ Đề! Phật như thật biết hết thấy pháp như tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì như thật biết hết thấy pháp như tướng, nên Phật được gọi là đấng Như Lai.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu! Hết thấy pháp như tướng là chẳng phải hai, chẳng phải khác, chẳng phải chẳng như tướng.

Bạch Thế Tôn! Chư Phật dụng pháp như tướng như vậy, để vì chúng sanh thuyết Vô Thượng Bồ Đề. Chỉ có các bậc Bồ tát bất thối, các bậc lậu tận A-la-hán, các bậc đã đầy đủ chánh kiến mới tín giải được thậm thâm pháp này.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì pháp như tướng là vô tận, nên là thậm thâm, vi diệu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì được gọi là như tướng vô tận, nên là thậm thâm vi diệu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là như tướng vô tận, nên đều là thậm thâm, vi diệu.

Này Tu Bồ Đề! Phật như thật biết hết thấy pháp như tướng vô tận, nên mới vì chúng sanh chuyển pháp luân.

LUẬN:

Phật biết rõ chúng sanh, khi hành các pháp, thường rơi vào 62 tà kiến chấp, Đó là do 98 kiết sử phiền não sanh ra. Bởi vậy nên nói là Phật biết rõ tâm và tâm sở pháp lên xuống, ra vào của hết thấy chúng sanh.

Phàm phu, do bị ái dục che tâm, mà thường khởi sanh các phiền não. Hàng xuất gia, nếu còn bị kiêu mạn che tâm, thì cũng còn khởi sanh tà kiến.

Phàm phu, do chấp thế gian lạc, nên tâm bị chìm xuống. Hàng xuất gia nhằm chán sanh tử, muốn cầu Phật đạo, muốn được tâm nổi lên; thế nhưng, nếu chẳng rõ được chánh đạo, thì chẳng ly được ba cõi, khiến tâm vẫn bị chìm xuống.

-o0o-

Dùng mắt thường (nhục nhãn) nhìn vào hồ nước trong có thể thấy rõ đàn cá trong hồ, có lúc nổi lên, có lúc chìm xuống, bơi lội mãi miết như vậy, mà chẳng thoát ly ra được.

Cũng như vậy, dùng Phật nhãn quán tâm chúng sanh, ở trong 6 đạo và khắp 10 phương, cứ mãi lên xuống, ra vào. Vì sao? Vì chúng sanh thường bị 5 dục che tâm, khiến phải bị chìm đắm mãi trong sanh tử, chẳng có thể thoát ly khỏi ngục tù 3 cõi. Ví như:

- Có người phát tâm Bồ đề, trì giới, nhưng lại bị tà nghi che tâm, khiến tâm huệ bị chìm xuống.

- Có người đã ly 5 dục, đã có được Noãn pháp và Đánh pháp, quán được 4 Thánh Đế, nhưng nếu chưa liễu đạt được thật tướng pháp, thì tâm huệ vẫn còn bị chìm xuống.

- Có người đã ly dục, đã rõ thông được các pháp vô sở hữu... nhưng nếu chưa vào Niết bàn, thì tâm huệ vẫn còn bị chìm xuống.

Hỏi: Thế nào gọi là tâm nổi lên, chìm xuống?

Đáp: Ở đoạn kinh trên đây, Phật nêu lên các trường hợp

lầm chấp của chúng sanh, khiến tâm của họ cứ phải nổi lên, chìm xuống mãi trong biển sanh tử.

Các trường hợp lầm chấp của chúng sanh về “thần và thể gian”, y cứ nơi 5 âm, được chia ra làm 4 nhóm.

1). Nhóm thứ nhất: Chấp thần và thể gian hoặc là thường, hoặc là vô thường, hoặc vừa là thường cũng vừa là vô thường, hoặc chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường.

Phàm phu chấp có thần và thể gian, mà chẳng biết rằng thần và thể gian chẳng thật có, chỉ do ức tưởng phân biệt mà vọng chấp vậy thôi.

- Có người chấp thần là thường. Do chấp thần như vậy, mà thường tu phước đức, mong được thân chứng giải thoát.

- Có người chấp thần là vô thường. Do chấp thần như vậy, mà buông lung theo danh lợi, nhằm thỏa mãn cuộc sống hiện tại.

- Có người chấp “vi tế thần” là thường trú, còn thần tạo ra thân sau là vô thường. Như vậy là chấp thần vừa là thường cũng vừa là vô thường.

- Có người chấp thân chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì họ cho rằng chấp thần thường hay vô thường cũng đều có lỗi cả. Nếu chấp thần là vô thường, thì chẳng có tội, cũng chẳng có phước. Nếu chấp thần là thường thì khổ lạc chẳng có khác nhau, ví như hư không chẳng bị mưa làm ướt, chẳng bị mặt trời làm khô vậy.

Trái lại, nếu chấp thần là vô thường, thì khổ lạc biến đổi. Ví như da trâu, phơi ngoài trời, bị gió mưa làm hư hoại vậy.

- Có người chấp có thân, mà thân chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường. Do chấp như vậy mà tâm thức bị cuồng loạn.

Phật dạy: Tất cả 4 tà chấp về thường và vô thường, nêu trên đây, là do vọng kiến thù chấp nơi 5 ấm sanh ra cả.

Nên biết, “thế gian” có 3 tướng. Đó là:

- 5 ấm thế gian tướng.
- Chúng sanh thế gian tướng.
- Quốc độ thế gian tướng.

Chúng sanh, trú ở nơi các tướng thế gian này, thường khởi sanh 4 tà kiến chấp về thường và vô thường.

-o0o-

2) Nhóm thứ hai: Chấp thân và thế gian hoặc là hữu biên, hoặc là vô biên, hoặc vừa là hữu biên cũng vừa là vô biên, hoặc chẳng phải hữu biên cũng chẳng phải vô biên.

- Có người chấp thế gian là hữu biên, rồi truy tầm cho được nguồn gốc của thế gian; như vậy là chấp thế gian là hữu thi, tức là có đầu mối. Thế nhưng, tìm mãi cũng chẳng ra đầu mối, chẳng ra nguồn gốc của thế gian. Thế gian đã chẳng có đầu mối, thì cũng chẳng có chặng giữa, và rốt ráo chẳng có tận cùng vậy.

Ví như người vào thâm thiền định, được túc mạng trí, có thể thấy 8 vạn kiếp trong quá khứ. Ngoài 8 vạn kiếp, thì mù mịt chẳng biết gì nữa cả. Do vậy mà cho rằng ngoài 8 vạn kiếp cũng là như vậy.

Lại nữa, họ chỉ thấy được thức, lúc ban đầu, gá vào thân trung ấm, rồi tự nghĩ rằng: “Nếu thức gá vào thân trung ấm như vậy, ắt phải có nhân, có duyên gì mà ta chưa biết được thôi”. Rồi từ đó, họ ức tướng phân biệt, chấp có một thể tánh vi tế; từ thể tánh vi tế đó sanh ra giác tánh, mà giác tánh là thân trung ấm vậy.

Từ đó, họ lại suy diễn: “Giác tánh sanh ra ngã; từ ngã sanh ra có 5 trần; theo thanh trần, sanh ra không đại; theo thanh trần và xúc trần sanh ra phong đại; theo sắc trần, thanh trần và xúc trần sanh ra hỏa đại; theo sắc trần, thanh trần, vị trần và xúc trần sanh ra thủy đại; theo sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần và xúc trần sanh ra địa đại; theo không đại sanh ra nhĩ căn; theo phong đại sanh ra thân căn; theo hỏa đại sanh ra nhãn căn; theo thủy đại sanh ra thiệt căn; theo địa đại sanh ra tỷ căn.”

Như vậy lần lần chuyển biến từ tế đến thô, rồi từ thô đến tế, trở về với thể tánh. Ví như lấy đất sét làm ra cái bình, cái chậu...; khi phá cái bình, cái chậu... thì các vật dụng này lại trở về với đất sét. Ở đây có sự chuyển biến từ tế đến thô, từ thô đến tế, mà thể tánh vẫn thường còn.

Trên đây là quan điểm của hàng ngoại đạo Tăng Khur, diễn giải về thể tánh.

- Có người chấp “vi tế trần” là sơ biên (biên bờ đầu tiên) của thế giới; chấp “vi tế trần” là thường pháp, chẳng thể phá, chẳng thể tiêu, chẳng thể hư nát. Vì vi tế trần quá nhỏ, nên phải hội đủ các nhân duyên tội phước hòa hợp, mới dẫn sanh có thân, từ cõi trời cho đến cõi địa ngục. Thân chẳng phải do cha mẹ sanh ra, nên khi tội phước tán hoại, thì thân cũng tán hoại.

- Có người chấp thế giới tự nhiên có; sự giàu nghèo, sang hèn... của con người chẳng phải do hạnh nguyện làm ra được.

- Có người chấp có một vị “Thiên chủ” là đầu mối, sanh ra thế giới; tạo tác ra muôn sự, muôn vật; tạo tác ra thiện ác, tội phước v.v... Khi nào vị Thiên chủ thu hồi công trình tạo tác, thì muôn sự, muôn vật tự nhiên diệt.

- Có người chấp rằng chúng sanh thọ khổ, thọ lạc trong

nhiều đời, nhiều kiếp. Khi hết thọ khổ lạc rồi, thì tự đến chỗ tận đoạn. Ví như cầm đầu mối chỉ, rồi thả cho cuộn chỉ lăn từ trên cao xuống, cho đến khi tháo hết chỉ thì cuộn chỉ chẳng còn lăn xuống nữa. Cũng như vậy, khi tội phước đã đi đến chỗ tận cùng rồi thì trở thành “không”. Dù tinh tấn, dù giải đãi... cũng chẳng có gì khác nhau.

- Có người chấp 8 phương của quốc độ thế gian đều có biên bờ chỉ có phương trên, phương dưới là chẳng có biên bờ.

- Có người chấp bên dưới có địa ngục, bên trên có cõi trời Hữu Đảnh, còn 8 phương kia chẳng có biên bờ

- Có người chấp thần là hữu biên. Ví như nói thần ở nơi thân nhỏ như hạt cát; hoặc nói thân lớn thì thần lớn, thân nhỏ thì thần nhỏ. Lại chấp thần thuộc về sắc pháp nên có thể phân chia.

- Có người chấp thần là vô biên, biến khắp hư không, chẳng có chỗ nào là chẳng có thần. Ví như khi thần ở nơi thân, thì thân biết khổ, biết lạc vậy.

- Có người chấp thế gian là vô thi, tức chẳng có đầu mối. Họ cho rằng nếu thế gian là hữu thi, thì phải là hữu chung. Như vậy thì chẳng có thường thọ thân sau, chẳng có Niết bàn. Cho nên họ chấp thế gian là vô thi.

- Có người chấp quốc độ thế gian trong 10 phương là vô biên.

- Có người chấp thân và thế gian là vô biên, mà quốc độ là hữu biên.

- Có người chấp thân và thế gian là hữu biên, mà quốc độ là vô biên.

- Có người chấp thân và thế gian chẳng phải hữu biên mà

cũng chẳng phải vô biên. Họ cho rằng chấp thân và thể gian là hữu biên hay là vô biên đều có lỗi cả.

3) Nhóm thứ ba: Chấp thân tức là thân, hoặc thân khác thân hoặc thân vừa là thân cũng vừa khác thân, hoặc thân chẳng phải là thân cũng chẳng phải khác thân.

- Có người chấp thân tức là thân, vì cho rằng khi phân chia thân ra thì thân là bất khả đắc. Hơn nữa thân có thọ khổ, thọ lạc, nên thân tức là thân vậy.

- Có người chấp thân là thân; vì khi thân diệt thì thân cũng diệt theo.

- Có người chấp thân khác thân, vì cho rằng thân rất vi tế, nên 5 căn chẳng thể thấy biết được thân. Hơn nữa phải nhất tâm thanh tịnh mới thấy được thân, nên thân khác thân vậy.

- Có người chấp thân khác thân, vì khi thân diệt thì thân vẫn thường còn. Đây thuộc về biên kiến.

- Có người chấp thân vừa là thân cũng vừa khác thân.

- Có người chấp thân chẳng phải là thân cũng chẳng phải khác thân.

4). Nhóm thứ tư: Chấp sau khi chết sẽ có thân chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ chẳng có thân chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ vừa có thân chuyển đi cũng sẽ vừa có thân chẳng chuyển đi, hoặc chấp sau khi chết sẽ chẳng có thân chuyển đi, cũng sẽ chẳng có thân chẳng chuyển đi.

- Có người chấp đã sanh ra ở cõi đời này rồi, thì sẽ đi đến đời sau. Như vậy là chấp sau khi chết, thân sẽ chuyển đi.

- Có người chấp đời trước chẳng từ đâu đến, nên khi chết cũng chẳng đi về đâu. Như vậy là chấp sau khi chết, thân chẳng chuyển đi.

- Có người chấp khi sống thần và thân hòa hợp, còn sau khi chết, thì thân đi mà thần chẳng đi. Như vậy có nghĩa là vừa chuyển đi cũng vừa chẳng chuyển đi.

- Có người cho rằng chấp thần chuyển đi là có lỗi, mà chấp thân chẳng chuyển đi cũng là có lỗi, nên chấp sau khi chết sẽ chẳng có thần chuyển đi cũng sẽ chẳng có thân chẳng chuyển đi.

-o0o-

Tất cả các tà kiến chấp như vậy làm cho tâm chúng sanh cứ phải nổi lên chìm xuống mãi mãi. Vì sao? Vì do tà kiến che tâm mà chúng sanh dù muốn cầu đạo Giải thoát cũng vẫn phải cứ nổi lên và chìm xuống mãi trong biển sanh tử, chẳng sao thoát ra khỏi ngục tù 3 cõi.

Tà kiến chấp rất nhiều chẳng sao kể xiết được.

Thế nhưng, nên biết rằng 16 tà chấp, nêu nơi 4 nhóm trên đây, cùng tất cả các tà kiến chấp khác đều do ức tướng phân biệt khởi sanh ra cả.

Phật dạy: Do duyên 5 âm và y chỉ nơi 5 âm, mà chúng sanh điên đảo khởi các vọng kiến, mà chẳng biết rằng 5 âm cùng hết thầy pháp đều là “không, vô tướng, vô tác”, đều là “như tướng” cả.

Nên biết hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian đều là như. Bởi vậy chẳng nên chấp thiện pháp, bất thiện pháp... dẫn đến chẳng nên chấp Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì các pháp “như tướng” là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì các pháp đều “như tướng”, nên đều tùy thuận nhau, chẳng có chống trái nhau... dẫn đến 10 phương chư Phật cũng là như vậy.

“Nhu” là như vậy. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Chỉ có các bậc Bồ tát bất thối, các bậc lậu tận A-la-hán, các bậc đã đầy đủ chánh kiến mới có thể tin giải được.

Phật lại dạy: Hết thảy pháp đều như tướng vô tận, nên đều là thậm thâm vi diệu. Phật như thật biết các pháp như tướng vô tận, nên được gọi là Như Lai, vì chúng sanh thuyết pháp, dẫn dắt chúng sanh vào đạo Niết bàn vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Bốn Mười Chín



Vấn Tướng (Hỏi Về Các Tướng)

KINH:

Lúc bấy giờ, chư thiên trong khắp đại thiên thế giới tán hương hoa đầy khắp hư không, đều đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Vậy tướng của Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này chư thiên tử! Bát nhã Ba-la-mật tướng là không tướng, vô tướng tướng, vô tác tướng, vô khởi tướng, vô sanh tướng, vô diệt tướng, vô cấu tướng, vô tịnh tướng, vô sở hữu tướng, vô sở y tướng, là hư không tướng. Bởi vậy nên Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm.

Này chư thiên tử! “Nhu tướng” là tướng của thâm Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên Phật dùng thế gian pháp để thuyết giảng cho chúng sanh nghe mà chẳng dùng đệ nhất nghĩa mà thuyết vậy.

Này chư thiên tử! Hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng thể phá hoại tướng ấy được. Vì sao? Vì hết thấy thế gian, Trời, người và a-tu-la cũng đều là tướng ấy vậy.

Này chư thiên tử! Tướng chẳng thể phá hoại tướng, tướng chẳng thể biết tướng, tướng chẳng thể biết vô tướng, vô tướng chẳng thể biết tướng.

Vì sao? Vì tướng là “vô tướng tướng”. Đã là “vô tướng

tướng”, thì là “Vô sở tri” vậy. Biết như vậy là như thật biết các pháp đều là bất khả đắc.

Vì sao? Vì tướng chẳng phải do sắc làm ra... dẫn đến chẳng phải do thức làm ra, chẳng phải do Đàn Ba-la-mật làm ra... dẫn đến chẳng phải do Bát nhã Ba-la-mật làm ra, chẳng phải do nội không làm ra... dẫn đến chẳng phải do vô pháp hữu pháp không làm ra, chẳng phải do 4 niệm xứ làm ra... dẫn đến chẳng phải do Nhất thiết chủng trí làm ra.

Này chư thiên tử! Hết thấy tướng đều chẳng phải sở hữu của trời, của người, chẳng phải thế gian, chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Này chư thiên tử! Ví như có người hỏi: “Tướng của hư không như thế nào?”. Hỏi như vậy có đúng chăng?

Chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hỏi như vậy chẳng đúng. Vì hư không chẳng có tướng khả thuyết (có thể nói ra được). Vì hư không là vô tướng, là vô vi, là vô ký vậy.

Phật dạy: Này chư thiên tử! Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì tánh và tướng vẫn thường trú.

Phật như thật biết như tánh tướng, nên được gọi là Như Lai. Chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã được tánh tướng thậm thâm. Được tánh tướng ấy rồi là được vô ngại trí. An trú trong tánh tướng ấy và dùng Bát nhã Ba-la-mật mà tập tụ tướng của các pháp.

Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Thâm Bát nhã Ba-la-mật là chỗ hành xứ của chư Phật. Do tu tập thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà đắc Vô Thượng Bồ Đề. Do đắc Vô Thượng Bồ Đề, mới thông đạt hết thấy các pháp tướng, từ sắc tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, này chư thiên tử! Nỗ hoại là tướng của sắc, cảm giác là tướng của thọ, duyên lự là tướng của tưởng, duyên khởi tạo tác là tướng của hành, liễu triệt là tướng của thức. Phật dụng tâm vô tướng, nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Hay xả thí là tướng của Đàn Ba-la-mật, chẳng thiệt nảo là tướng của Thi La Ba-la-mật, chẳng nao núng là tướng của Săn Đề Ba-la-mật, chẳng thối thất tướng của Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, thường nhiếp tâm là tướng của Thiên Ba-la-mật, thường xả ly tướng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Phật dụng tâm vô tướng, nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Tâm chẳng bị phiền não nhiều loại là tướng của 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định. Phật dụng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Xuất thế gian là tướng của 37 Phẩm Trợ Đạo, xả ly là tướng của không môn, tịch diệt là tướng của vô tướng môn, chẳng khổ là tướng của vô tác môn. Phật dụng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Siêu thắng là tướng của 10 Phật lực, chẳng sợ hãi là tướng của 4 vô sở úy, liễu đạt được hết thấy các pháp là tướng của 4 vô ngại trí, chẳng ai có thể sánh kịp là tướng của 18 bất cộng pháp. Phật dụng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Lại nữa, này chư thiên tử! Thương xót chúng sanh là tướng của đại từ đại bi, thấy biết chân thật là tướng của chánh kiến, chẳng đắm trước là tướng của hành xả, biết rõ hết thấy pháp hiện tiền là tướng của Nhất thiết chủng trí. Phật dùng tâm vô tướng nên xả hết thấy các tướng ấy.

Này chư thiên tử! Vì dụng tâm vô tướng như vậy, nên Phật được gọi là đấng Vô Ngại Trí.

LUẬN:

Hỏi: *Trước đây đã nói nhiều về không tướng, vô tướng tướng, vô tác tướng... dẫn đến vô sở hữu tướng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật rồi. Nay vì sao chư thiên còn hỏi nữa?*

Đáp: Phật tùy nơi, tùy thời, tùy căn cơ của chúng sanh đến nghe pháp mà thuyết, để chúng sanh được lợi lạc. Có lúc Phật thuyết “vô”, có lúc thuyết “hữu”, có lúc thuyết về nhân quả, có lúc thuyết về tội phước v.v... Nay chư thiên hỏi về Bát nhã Ba-la-mật tướng, nên Phật mới rộng nói về các tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Trước đây Phật đã nói “Bát nhã Ba-la-mật tướng là như mộng, như huyễn”... tựa như khả đắc (có thể được) mà thật chẳng có tướng khả thủ (có thể nắm bắt được). Chỉ có chư Phật mới có thể như thật biết về tướng ấy.

Chư thiên, dù có lợi trí, nhưng chẳng thể nào biết rõ được nên mới thưa hỏi Phật như vậy.

Phật dạy rằng chư thiên cũng như hết thảy các pháp khác đều là Bát nhã Ba-la-mật tướng, là không tướng.

Hết thảy pháp đều là “không tướng”, có nghĩa là hết thảy pháp đều là “vô tướng tướng”.

Đã là vô tướng tướng thì chẳng có các nguyên nhân dẫn sanh thân sau, nên cũng là “vô tác tướng” vậy.

Bởi vậy nên nói 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” là 3 cửa dẫn vào 3 thừa đạo. Đây là cộng tướng của cả 3 thừa đạo, vì cả 3 thừa đều có nói đến.

Ví như ở cả 3 thừa đều nói đến pháp tướng là bất sanh, bất

diệt, bất cầu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, đều là vô y chỉ, là như hư không. Đây cũng chính là Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.

-o0o-

“Cửa không” chỉ có một, nhưng tùy người căn trí lợi hay độn mà cách vào “cửa không” có nhiều sai khác. Bởi vậy nên mới phân biệt nói không, nói vô sanh, nói vô diệt v.v...

Chư thiên tự niệm rằng: Nếu Bát nhã Ba-la-mật là không, là vô sở hữu, thì tướng của Bát nhã Ba-la-mật là tướng của hư không. Như vậy làm sao có thể diễn bày được. Vì sao? Vì nếu tướng ấy có thể diễn bày được, thì ắt phải là hữu tướng, chẳng phải là vô tướng vậy.

Tự niệm như vậy, nhưng vì sợ oai đức của Phật, nên chư thiên chẳng dám thưa hỏi. Phật biết rõ tâm niệm của chư thiên, nên dạy: Phật thương xót chúng sanh, nên dùng thế để để diễn bày “không tướng”, mà chẳng dùng đệ nhất nghĩa đế. Vì Phật dùng thế để, nên chẳng có gì để nạn vấn cả.

Lại nữa, tuy thuyết “không”, mà chẳng thủ chấp “không”, tuy thuyết thế đế, mà chẳng rơi lọt vào thế đế nên là đồng một tướng vô phân biệt vậy. Tuy nói Bát nhã Ba-la-mật tướng là vô sở hữu, là như hư không tướng, mà chẳng có pháp nào mà chẳng vào trong tướng ấy cả, nên nói hết thấy pháp tướng thế gian đều chẳng thể hoại được. Vì sao? Vì hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la cũng đều là tướng ấy cả, mà tướng thì chẳng thể pháp hoại tướng. Ví như lửa chẳng thể diệt được lửa, nước chẳng thể diệt được nước vậy. Dù miệng nói “phá tướng cho đến chỗ rốt ráo” nhưng “rốt ráo” là bất khả tư nghì, là chẳng thể phá hoại được.

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, là vô tướng,

là vô tác. Bởi vậy nên tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, tướng cũng chẳng thể phá hoại tướng. Vì sao? Vì các pháp dù phân tán, dù tập hợp, thì cũng đều rốt ráo chẳng tăng giảm, rốt ráo chẳng có chỗ phá được. Ví như lấy búa chẻ khúc gỗ lớn ra thành nhiều miếng củi nhỏ, thì lượng gỗ vẫn chẳng có tăng giảm. Lại nữa, hết thảy pháp đều chẳng có định tướng nên chẳng thể phá hoại được. Vì như cây do gốc rễ, thân, cành, lá... hợp lại, mà chẳng có pháp nào nhất định gọi là cây.

Hỏi: *Hết thảy sắc pháp chẳng có tánh giác, nên chẳng hay chẳng biết được. Còn tâm sở pháp có thể hay biết được các tướng. Như vậy vì sao lại nói chẳng hay biết?*

Đáp: Nơi đây Phật nói về thật tướng pháp nên nói sự “thấy, nghe, hay biết” của phàm phu đều là hư vọng. Do chấp có hữu vi pháp tướng mới có nhân duyên hòa hợp sanh, nên nói các pháp là hư vọng, chẳng thật có.

Nên biết rằng:

- Nếu dùng trí để phân biệt các pháp là thường, là vô thường, là không, là tịch diệt v.v... thì vẫn chưa đến được chỗ vô sở hữu.

- Trái lại, nếu “như thật biết” các pháp, thì chẳng cần dùng đến trí dụng, vì trí dụng là trí tướng mà đã là tướng thì chẳng thể biết tướng, tướng chẳng thể biết vô tướng. Nội, tuy có trí mà thật sự là tánh không, ngoại, tuy có tướng, mà cũng vẫn là tánh không. Nội cũng như ngoại đều chẳng có pháp có thể biết được. Có thuyết nói duyên tướng bên ngoài là vô duyên (chẳng có duyên), nên tướng bên ngoài chẳng phải do trí huệ sanh. Cho nên nói trí tướng chẳng có thể biết được vô tướng. Ví như con dao, dù rất bén, cũng chẳng có thể chém được hư không vậy.

Có thuyết nói trí huệ ở bên trong, chẳng có định tướng, mà các pháp ở bên ngoài lại có định tướng, và nói tâm tùy duyên sanh. Cho nên nói vô tướng chẳng thể biết được tướng. Ví như nếu chẳng có những dụng cụ để cưa xẻ gỗ, thì chẳng sao có thể cưa xẻ khúc gỗ lớn ra làm nhiều tấm ván mỏng được vậy.

-o0o-

Tóm lại “thật tướng pháp” là vô tướng tướng. Hết thấy các pháp ở nơi thật tướng đều là không tướng, là vô tướng tướng nên đều là bất khả tri (chẳng thể biết được), bất khả đắc (chẳng thể đắc được).

Hỏi: *Vì sao nói tướng chẳng vào được vô tướng?*

Đáp: Vì vào chỗ vô tướng là đã ly tướng rồi, mà vô tướng là vô sở hữu xứ (chẳng có xứ sở) vậy. Bởi vậy nên tướng chẳng vào được vô tướng.

Lại nữa, “năng tướng” và “sở tướng” đều chẳng có định tướng. Do có sở tướng, mới có năng tướng, và ngược lại. Nếu nói trước đã có năng tướng, mà năng tướng lại là vô tướng (chẳng có tướng), thì chẳng thể nào có sở tướng được. Còn nếu nói trước đã có sở tướng, mà sở tướng là vô tướng, thì cũng chẳng thể nào có năng tướng được.

Cả năng tướng và sở tướng đều chẳng có định tướng, nên các tướng ấy đều chẳng phải là thật tướng. Cho nên nói năng tướng và sở tướng đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Như trước đây đã nói “hết thấy các pháp tướng đều là không tướng, là vô tướng”. Như vậy là tướng chẳng phải do

5 âm làm ra, chẳng phải do 6 pháp Ba-la-mật làm ra... dẫn đến chẳng phải do Nhất thiết chủng trí làm ra. Tướng là vô vi tánh, nên chẳng do pháp nào làm ra, chẳng do người làm ra... dẫn đến chẳng do chư thiên, chư Bồ tát, chư Phật làm ra.

Vì sao? Vì tướng là rốt ráo không, chẳng phải là hữu lậu hay vô lậu, chẳng phải là thế gian hay xuất thế gian vậy.

-o0o-

Trước đây nói vô vi tướng nhằm đối trị sự làm chấp về hữu vi tướng. Nay nói vô vi tướng cũng chẳng có định tướng, khiến có nhiều người nghi, nên Phật nói rõ với chư thiên rằng: Dù có Phật, dù chẳng có Phật, thì các tướng vẫn thường trú. Người biết rõ như vậy là vào được Phật đạo.

Lúc bấy giờ, hàng chư thiên hoan hỷ bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là thâm thâm. Tuy chẳng chấp thủ pháp tướng, mà vẫn có thể tu hành để thành tựu vô thượng phước quả.

Phật dạy: Nếu thấu rõ được tánh tướng như vậy là được vô ngại trí. Nếu chẳng thấu rõ thâm thâm tánh tướng như vậy, thì chẳng có được vô ngại trí.

Phật thông đạt vô ngại, thể nhập vào thật tướng pháp, để rồi từ đó rộng thuyết về tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp, từ não hại tướng, tức là sắc tướng... dẫn đến “liễu vi tướng”, tức là Nhất thiết chủng trí tướng. Phật đã như vậy mà phân biệt ra các tướng.

Phàm phu, do chấp tướng, mà phân biệt ra có các tướng riêng khác. Còn Phật biết rõ hết thảy các pháp tướng đều là không tướng, mà không tướng cũng tức là vô tướng. Phật khắp biết rõ thật tướng của hết thảy các pháp mà thật tướng pháp chính là Bát nhã Ba-la-mật tướng vậy.

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, hay khai thị thế gian tướng, nên Phật y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, trú trong Bát nhã Ba-la-mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra chư Phật. Phật biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là nhân sanh ra chư Phật, nên nói pháp ấy là pháp tối thượng, chẳng có pháp nào sánh kịp.

Do tu tập Bát nhã Ba-la-mật mà Phật được Vô Thượng Bồ Đề, được thành Phật, nên Phật trở lại cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán và hộ trì pháp ấy.

Này Tu Bồ Đề! Phật biết rõ hết thấy pháp đều là vô tác tướng, vì chẳng có tác giả làm ra, đều chẳng có tướng sanh khởi, vì đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật, mà Phật biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có tướng tạo tác, chẳng có tướng sanh khởi, cũng biết rõ hết thấy pháp bất sanh, là vô sở đắc.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là vô tri giả (chẳng có người biết), là vô kiến giả (chẳng có người thấy), thì làm sao Bát nhã Ba-la-mật lại hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy được.

Thế nào gọi là chẳng thể biết, chẳng thể thấy được?

Này Tu Bồ Đề! Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không, là hư vọng, là chẳng kiến cố, nên là chẳng thể biết, chẳng thể thấy được.

Vì hết thấy pháp đều chẳng có chỗ y chỉ, chẳng có gì trói buộc, nên là chẳng thể biết, chẳng thể thấy được.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì sắc chẳng thể thấy; vì “thọ, tướng, hành, thức” chẳng thể thấy,... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể thấy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao chẳng thấy sắc... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí, mà Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng duyên nơi sắc để sanh phân biệt, chẳng duyên nơi “thọ, tướng, hành, thức” để sanh phân biệt, ... dẫn đến chẳng duyên nơi Nhất thiết chủng trí để sanh phân biệt, thì đó gọi là chẳng thấy sắc tướng... dẫn đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí tướng.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị thế gian không.

Thế nào gọi là hay khai thị thế gian không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian không,

khai thị 12 nhập thế gian không, khai thị 18 giới thế gian không, khai thị 12 nhân duyên thế gian không, khai thị ngã kiến cùng 62 kiến chấp thế gian không, khai thị 4 thiên thế gian không, khai thị 4 vô lượng tâm thế gian không, khai thị 4 vô sắc định thế gian không, khai thị 37 Phẩm Trợ Đạo thế gian không, khai thị 10 thiện đạo thế gian không, khai thị nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không thế gian không, khai thị hữu vi tánh và vô vi tánh thế gian không, khai thị 10 lực thế gian không, khai thị 18 bất cộng pháp thế gian không, ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian không. Như vậy gọi là khai thị thế gian không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà Phật khai thị thế gian không, biết rõ thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế gian không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng,

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian bất khả tư nghì.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian bất khả tư nghì?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian bất khả tư nghì ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian bất khả tư nghì.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian ly.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian ly?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian ly... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian ly.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian tịch diệt.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian tịch diệt?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian tịch diệt... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian tịch diệt.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian rốt ráo không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian rốt ráo không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 âm thế gian rốt ráo không ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian rốt ráo không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thể gian tánh không.

Thể nào gọi là hay khai thị Phật thể gian tánh không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thể gian tánh không ... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thể gian tánh không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thể gian vô pháp không.

Thể nào gọi là hay khai thị Phật thể gian vô pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thể gian vô pháp không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thể gian vô pháp không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thể gian hữu pháp không.

Thể nào gọi là hay khai thị Phật thể gian hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thể gian hữu pháp không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thể gian hữu pháp không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian vô pháp hữu pháp không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian vô pháp hữu pháp không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian vô pháp hữu pháp không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian vô pháp hữu pháp không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị Phật thế gian độc không.

Thế nào gọi là hay khai thị Phật thế gian độc không?

Này Tu Bồ Đề! Đó là khai thị 5 ấm thế gian độc không... dẫn đến khai thị Nhất thiết chủng trí thế gian độc không.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật hay khai thị thế gian pháp tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật hay khai thị thế gian pháp tướng. Đó là “tướng” chẳng sanh ở đời này và ở đời sau.

Vì sao? Vì các pháp chẳng có tướng dụng sanh ở đời này và sanh ở đời sau vậy.

-o0o-

LUẬN:

Phật dạy Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, là nhân duyên xuất sanh chư Phật. Cho nên Phật y chỉ nơi Bát nhã

Ba-la-mật, trú trong Bát nhã Ba-la-mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

Trong kinh có nói: Chư Phật y chỉ nơi pháp ấy, tôn trọng pháp ấy, và lấy pháp ấy làm thầy.

Nơi đây, Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Pháp ấy chính là Bát nhã Ba-la-mật. Pháp ấy chẳng có lỗi lầm. Chúng sanh, do tà kiến mà khởi phân biệt thiện pháp với bất thiện pháp; nhưng pháp ấy vẫn y nhiên như vậy.

Người biết ơn Phật, biết tôn quý thiện pháp, thì phải xem pháp ấy là pháp tối thượng, khiến đời này được an vui, lưu danh lại ở đời sau, lại còn được quả báo tối diệu nữa.

-o0o-

Phật dạy hạnh tri ân là cao quý nhất. Đối với pháp bồ thí, pháp trì giới v.v... mà các thiện nam, thiện nữ còn biết tri ân, huống nữa là đối với Bát nhã Ba-la-mật.

Thế nhưng, vì chư thiên từ tự niệm rằng: “Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, chẳng có định tướng, khiến có người chẳng biết quý trọng”, nên Phật dạy rằng: “Ta là đáng tối thượng trong 3 cõi. Thế nhưng ta còn cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật, huống nữa là các hàng trời, người”.

Lại có người nghi rằng: “Phật xem thế gian tướng là như hư không tướng, chẳng nên chấp đắm. Như vậy vì sao Phật lại tham đắm Bát nhã Ba-la-mật, lại cung kính, cúng dường, tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật?”

Bởi vậy nên Phật dạy: Ta chẳng có tham tâm, mà chỉ dùng phương tiện phân biệt các pháp thiện ác, các pháp có

lực dụng nhiều hay ít, để chỉ cho chúng sanh biết rõ Bát nhã Ba-la-mật có oai lực tiêu trừ hết các hý luận, tận diệt hết các khổ, khai mở đạo Nhất Thừa, có vô lượng công đức. Bởi vậy nên ta cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như người dẫn đường biết rõ con đường nào tốt, chẳng có hoạn nạn, nên vẫn thường nhớ nghĩ đến con đường ấy, nhằm hướng dẫn đoàn người đi theo mình được an toàn. Cũng như vậy, Phật biết rõ hết thấy pháp đều là vô tác tướng, đều chẳng có tác giả làm ra, đều là rốt ráo không, nên đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nhằm dẫn dắt chúng sanh vào nơi thật pháp tướng.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là độn tướng, đều chẳng thể biết, chẳng thể thấy, thì làm sao Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật, khai thị thể gian pháp tướng?

Phật dạy: Hết thấy pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy được. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tánh không, đều là hư vọng, đều chẳng kiên cố. Lại nữa, vì hết thấy pháp đều chẳng có chỗ y chỉ, đều chẳng có gì trói buộc. Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thể gian pháp tướng.

-o0o-

Hành giả phá hết thấy các pháp tướng, mới nhập vào được pháp “không”. Ví như:

- Nếu chấp “có”, thì khi phá pháp tướng, sẽ thấy “không”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp thường, thì khi phá pháp tướng, sẽ thấy “vô thường”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp “thật”, thì khi phá pháp tướng sẽ thấy “rốt ráo tận”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp “ngã”, thì khi phá pháp tướng sẽ thấy “vô ngã”, nhập vào pháp “không”.

- Nếu chấp “Nhất thiết chủng trí”, thì khi phá pháp tướng sẽ thấy “rốt ráo ly Nhất thiết chủng trí”, nhập vào pháp “không” v.v...

Như vậy là hết thấy các pháp tướng đều nhập vào “không tướng”. Bởi vậy nên nói hết thấy các pháp đều chẳng có chỗ trú, chẳng có chỗ y chi, chẳng có bị ràng buộc, chẳng có bị lệ thuộc, nên là bất sanh bất diệt.

Cũng do vậy, mà nói “thật pháp tướng” chẳng bị trói buộc trong 3 cõi. Vì sao? Vì 3 cõi là hư vọng, là chẳng thật có. Do 3 cõi đều là hư vọng, nên nói hết thấy pháp đều là vô tri giả, vô kiến giả, tức là chẳng có người biết, chẳng có người thấy vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói Bát nhã Ba-la-mật hay sanh chư Phật, hay khai thị thế gian pháp tướng.

Ở nơi đây, Phật muốn nêu lên các nhân duyên cho thấy rằng, ở nơi thế tánh, các pháp chẳng có sanh duyên thức... dẫn đến chẳng có sanh duyên Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là chẳng biết, chẳng thấy hết thấy các pháp vậy.

Hỏi: *Thức chẳng sanh sắc. Nay vì sao lại nói sắc chẳng sanh thức?*

Đáp: Vì tướng “não hại” là tướng của sắc. Thế nhưng, do nơi thức mới phân biệt các pháp tướng, phân biệt các pháp do các duyên hòa hợp sanh.

Ví như, do duyên thân xúc trần, mà phân biệt biết đất có tướng cứng, lửa có tướng nóng, gió có tướng di động v.v... Như vậy là chẳng thể rời thân thức mà biết được tướng của các pháp vậy.

Tuy nhiên, khi vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì sẽ biết rõ các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh. Vì do nhân duyên hòa hợp sanh, nên hết thấy các pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, đều là tự tánh không, đều là vô sở hữu. Như vậy là Bát nhã Ba-la-mật khai thị thể gian pháp tướng không.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, khi quán các pháp, dù lớn, dù nhỏ, dù ở trong, dù ở ngoài... đều biết là rốt ráo không. Như vậy gọi là Bát nhã Ba-la-mật khai thị thể gian pháp tướng không.

-o0o-

Khi Phật khai thị thể gian không, có người nghĩ rằng Phật còn chấp trước pháp. Họ nghĩ rằng: Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật, khai thị thể gian không, mà chẳng phải thật tướng pháp là thường không như vậy.

Phật biết rõ tâm niệm của họ, nên dạy rằng: Ta chẳng ái pháp, nên ta biết rõ hết thấy các pháp tướng, trước sau, chỉ do tư duy trừ lượng mà có; thật chẳng có pháp nào xuất sanh từ không cả.

Phật lại dạy: Chẳng phải do đọc tụng, chẳng phải do nghe người khác nói, mà ta thuyết như vậy. Ta dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, tư duy, phân biệt, mới khai thị thể gian pháp tướng không.

Lại nữa, trong chúng hội có người nghĩ rằng: chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không.

Phật biết rõ tâm niệm của họ, nên dạy rằng: Bất khả tư nghì cũng là rốt ráo không, cũng là bất khả đắc. Rốt ráo không còn được gọi là ly, là tịch diệt v.v...

Ly, nói ở đây, có nghĩa là phân tán cho đến chỗ rốt ráo không, chẳng còn gì để phân tán nữa. Khi đã vào được nơi rốt ráo không, là ly được các tâm và tâm sở pháp, ly được ngôn ngữ, văn tự... Như vậy gọi là tịch diệt.

Hỏi: *Vì sao nói hết thảy các pháp đều là tự tánh không?*

Đáp: Vì nếu còn phân biệt nói có “18 không” là còn có sự đối đãi giữa các pháp.

Ví như nói “nội không” là do y vào nội pháp mà nói. Nếu chẳng có sự phân biệt giữa nội pháp và ngoại pháp, thì chẳng nói đến “nội không”. Dẫn đến “vô pháp hữu pháp không” cũng là như vậy.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây có nói đến “độc không”.

Nói “độc không” là chẳng phải do nhân duyên đối đãi mà nói. “Độc không” là như hư không, là như pháp tánh thật tế vậy.

-o0o-

Có người chấp có đời này, mà chẳng có đời sau. Như vậy là tà kiến, đọa vào đoạn diệt.

Có người chấp có đời này, và chấp có thần thường trú sẽ nhập vào thân ở đời sau. Như vậy cũng là tà kiến, đọa vào thường kiến.

Bát nhã Ba-la-mật ly chấp cả hai bên. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là “trung đạo đế”.

Tuy nói “không” mà chẳng chấp “không”, nên Bồ tát mới có thể vì chúng sanh mà thuyết về tội phước. Tuy nói tội phước mà chẳng đọa vào thường kiến, nên Bồ tát ở nơi không mà vẫn vô ngại.

Nơi đây, Phật thuyết hết thảy các pháp rốt ráo không, mà chẳng chấp đời này, đời sau, chẳng chấp thường, chẳng chấp đoạn vậy.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự mà khởi. Bát nhã Ba-la-mật vì bất khả tư nghì sự mà khởi, vì bất khả xưng sự mà khởi, vì bất khả lượng sự mà khởi, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự, vì bất khả tư nghì sự, vì bất khả xưng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Đại pháp sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh, chẳng xả bỏ hết thảy chúng sanh.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả tư nghì sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả tư nghì sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể nghĩ bàn được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là

nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả xứng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả xứng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể tư duy, xứng lượng được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả lượng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả lượng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể suy lường được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì bất khả lượng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Bất khả lượng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể suy lường được. Các pháp sự ấy là Phật pháp, là Như Lai pháp, là tự nhiên trí pháp, là nhất thiết trí pháp.

Thế nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi?

Này Tu Bồ Đề! Vô đẳng đẳng sự của chư Phật là các pháp sự mà chẳng ai có thể sánh ngang bằng được. Hết thấy chúng sanh chẳng ai có thể sánh ngang bằng Phật được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có Phật pháp Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp là bất khả tư nghi, bất khả xứng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải chỉ có Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng, mà sắc cũng là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng, mà sắc cũng là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng vậy. Thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, pháp tánh, pháp tướng cũng đều là như vậy. Bởi vậy nên các tâm và tâm sở đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Sắc bất khả tư nghì, sắc bất khả xúng, sắc bất khả lượng, sắc vô đẳng đẳng cũng là bất khả đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, Nhất thiết chủng trí bất khả xúng, Nhất thiết chủng trí bất khả lượng, Nhất thiết chủng trí vô đẳng đẳng cũng là bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là bất khả đắc... dẫn đến vì sao Nhất thiết chủng trí bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là bất khả đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tướng là chẳng thể nghĩ bàn được, chẳng thể tư duy xúng lượng được, chẳng thể suy lường được, chẳng có gì sánh bằng được, nên là bất khả đắc. Dẫn đến Nhất thiết chủng trí tướng cũng là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao! Bất khả tư nghì... dẫn đến vô đẳng đẳng là khả đắc (có thể được) chăng? Sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là khả đắc chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là “khả đắc” vậy.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là bất khả tư nghì... dẫn đến đều là vô đẳng đẳng.

Nay Tu Bồ Đề! Phật pháp bất khả tư nghì, nên cũng là bất khả tư nghì tướng... dẫn đến Phật pháp là vô đẳng đẳng, nên cũng là vô đẳng đẳng tướng.

Nay Tu Bồ Đề! Bất khả tư nghì có nghĩa là chẳng thể nghĩ bàn được; bất khả xúng có nghĩa là chẳng thể xúng lượng được; bất khả lượng có nghĩa là chẳng thể so lượng được; vô đẳng đẳng có nghĩa là chẳng thể sánh bằng được.

Nay Tu Bồ Đề! Phật pháp bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là như hư không bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng.

Nay Tu Bồ Đề! Phật pháp là bất khả tư nghì... dẫn đến là vô đẳng đẳng như vậy, nên hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng thể nghĩ bàn được.

-o0o-

Lúc Phật thuyết xong phẩm này, thì có 500 vị Tỷ-kheo và 20 vị Tỷ-kheo ni, chẳng còn thọ hết thấy pháp, được lậu tận, được tâm giải thoát, chứng quả vị A-la-hán; lại có 6 vạn Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh; lại có 20 vị đại Bồ tát được vô sanh pháp nhãn, và sẽ được thọ ký ngay trong Hiền Kiếp.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề, do đã thâm giải Bát nhã Ba-la-mật tướng, nên ở nơi hết thấy pháp chẳng còn chấp trước, được vô ngại, sanh tâm hoan hỷ.

Ngài bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại pháp sự, vì bất khả tư nghĩ sự, vì bất khả xưng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Phật ân chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và giải thích rộng thêm, khiến ngài Tu Bồ Đề cùng chúng hội đều hoan hỷ tin thọ.

1. Đại pháp sự:

Đại pháp sự của chư Phật là cứu độ hết thảy chúng sanh khỏi các khổ đau, ách nạn, thường ban phát cho chúng sanh vô lượng Phật pháp, chẳng xả bỏ hết thảy chúng sanh.

2. Bất khả tư nghĩ sự:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả tư nghĩ. Chẳng có chúng sanh nào có thể nghĩ bàn được.

Phật dạy rằng: Vì thương xót chúng sanh, vì muốn cứu độ chúng sanh, mà chư Phật ở khắp trong 10 phương thường dùng bình đẳng pháp để dìu dắt chúng sanh đến Niết bàn.

Như vậy gọi là bất khả tư nghĩ sự.

Lại nữa, có nhiều vị Bồ tát đã được vô sanh pháp nhãn rồi, mà vẫn chẳng ly chúng sanh, chưa vội nhập Niết bàn. Chư vị đại Bồ tát ấy, dù đã vĩnh viễn ly dục, mà vẫn thị hiện thọ 5 dục, để phương tiện hóa độ chúng sanh. Các ngài phát đại thệ nguyện thọ sanh thân, làm những việc rất khó làm, như:

- Chịu khổ thay cho chúng sanh.
- Xả thiền định lạc để cùng sống chung với chúng sanh.
- Đồng sự với kẻ ác để phương tiện giáo hóa họ.
- Vào trong pháp hội để hướng dẫn chúng hội v.v...

Như vậy gọi là bất khả tư nghĩ sự.

Hết thủy chúng sanh, chẳng có ai có thể nghĩ bàn được về các đại pháp sự bất khả tư nghì của chư Phật và của chư đại Bồ tát.

3. Bất khả xứng sự:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả xứng. Chẳng có chúng sanh nào có thể tư duy, xứng lượng được.

- Bát nhã Ba-la-mật khai thị thật tướng pháp, là trí huệ thâm diệu, chẳng phải như trí huệ thế gian cạn cợt, thô tiện.

- Bát nhã Ba-la-mật quảng đại, rộng mênh mông, chẳng phải như trí huệ thế gian thiên cận, hẹp hòi.

- Bát nhã Ba-la-mật đem lại đại lợi ích cho chúng sanh. Khi tu chưa thành, thì cũng được vô lượng phước báo ở cõi trời, cõi người. Khi tu viên mãn rồi, thì được Nhất thiết chủng trí, được quả vị Phật. Chư Phật và chư đại Bồ tát dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật hành các pháp sự.

Hết thủy chúng sanh, chẳng có ai có thể tư duy, xứng lượng về các pháp sự bất khả xứng của chư Phật và của chư đại Bồ tát .

4. Bất khả lượng:

Đại pháp sự của chư Phật là bất khả lượng. Chẳng có chúng sanh nào có thể suy lường được.

Vì sao? Vì dù là thường, là vô thường, là thật, là hư, là hữu, là vô v.v... thì các pháp bản lai cũng vốn là vô tướng, nên là bất khả lượng (chẳng thể so lường được) vậy.

Lại có thuyết nói rằng chấp tướng là có hạn lượng, chẳng có chấp tướng là chẳng có hạn lượng, là vô lượng vậy. Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chấp tướng, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả lượng.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường hành 4 vô lượng tâm, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả lượng.

Lại nữa, trí huệ thế gian của phàm phu, trí huệ của hàng Nhị thừa là có hạn lượng, còn trí huệ của Phật và chư đại Bồ tát là vô hạn lượng, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là bất khả lượng.

Hết thảy chúng sanh, chẳng có ai có thể suy lường về các pháp sự bất khả lượng của chư Phật và chư đại Bồ tát .

5. Vô đẳng đẳng sự.

Đại pháp sự của chư Phật là vô đẳng đẳng. Chẳng có chúng sanh nào có thể sánh kịp, chẳng có thể ngang bằng được.

Pháp sự vô đẳng đẳng, nói ở đây, cũng có nghĩa là pháp Niết bàn, là Bát nhã Ba-la-mật.

- Pháp Niết bàn là vô đẳng đẳng. Chẳng có pháp hữu vi nào có thể sánh kịp.

Thế nhưng, nên biết ở cả 3 thừa đều có Niết bàn. Đó là: Niết bàn Thanh Văn thừa; Niết bàn Bích Chi Phật thừa, và Niết bàn Phật thừa cũng còn gọi là Niết bàn Đại thừa.

Niết bàn Đại thừa là trên hết, chẳng có Niết bàn nào sánh kịp. Bởi vậy nên nói Niết bàn Đại thừa là vô đẳng đẳng.

- Bát nhã Ba-la-mật đem lại đại lợi cho chúng sanh, chẳng có pháp nào có thể sánh kịp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô đẳng đẳng.

- Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu đệ nhất, chẳng có pháp nào có thể sánh kịp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô đẳng đẳng.

Với phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, hành giả có thể nhập vào nơi “thật tướng pháp”. Trong tất cả các pháp quán,

thì pháp quán về “thật tướng pháp” và “tánh không” là tối diệu, phá được lưới tà kiến chấp. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô đẳng đẳng.

Bồ tát được pháp quán bình đẳng này, nên thường khởi đại bi tâm, cứu độ hết thảy chúng sanh.

Như vậy gọi là vô đẳng đẳng sự.

-o0o-

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật vì các đại pháp sự bất khả tư nghi, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng mà khởi. Các đại pháp sự đó là Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp.

Tất cả 4 pháp nêu ở đoạn kinh trên đây đều là Phật pháp cả. Sở dĩ có 4 tên gọi như vậy, vì Phật cũng được gọi là đấng Như Lai, là đấng Tự Nhiên Trí, là đấng Nhất Thiết Trí.

Vì Phật có vô lượng công đức, nên ngoài 4 danh hiệu này, Phật còn có vô lượng danh hiệu khác nữa.^(*)

1. Phật pháp:

Phật pháp là pháp của Phật.

Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn, biết rõ các pháp ở quá khứ, ở hiện tại cũng như ở vị lai.

Phật là tiếng gọi tắt của Phật Đà.

2. Như Lai pháp:

Như Lai pháp là pháp của đấng Như Lai.

*. Xem thêm ở Quyển 2 - Phẩm thứ nhất - BÀ GIÀ BÀ.

Như Lai là như pháp tướng; hiểu như pháp tướng, diễn nói theo như pháp tướng, nương theo thật tánh như như mà đến.

Phật đã tu 6 pháp Ba-la-mật trong vô lượng kiếp, nên thể nhập vào “như pháp tướng”, tức là đã như thật biết thật tướng các pháp. Bởi vậy nên Phật được gọi là đấng Như Lai.

3. *Tự nhiên trí pháp:*

Tự nhiên trí pháp là pháp của đấng Tự Nhiên trí.

Phật tự mình tìm đạo Giải thoát, được Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí.

Bởi vậy nên Phật được gọi là đấng Tự nhiên trí.

Các vị Bích Chi Phật cũng có được tự nhiên trí, chẳng theo người khác học đạo. Thế nhưng, Bích Chi Phật chưa được đầy đủ Nhất thiết trí, và Nhất thiết chủng trí như Phật.

Còn hàng Thanh Văn thì do nghe Phật thuyết pháp, rồi y chỉ nơi đó tu hành mà chứng đạo.

4. *Nhất thiết trí pháp:*

Nhất thiết trí pháp là pháp của đấng Nhất Thiết trí.

Phật biết rõ hết thấy các pháp hữu vi và vô vi, quá khứ cùng hiện tại và vị lai, biết rõ hết cả 3 cõi v.v... chẳng có pháp gì mà Phật chẳng biết, nên Phật được gọi là đấng Nhất Thiết trí.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề sợ các Bồ tát sơ pháp tâm sanh tâm chấp pháp, cho là chi Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp mới là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng, nên ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

Chỉ có Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp mới là bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng chẳng?

Phật dạy: Hết thấy các pháp đều là bất khả tư nghì... dẫn đến đều là vô đẳng đẳng cả.

Phật pháp bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng là như hư không bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng. Do Phật pháp bất khả tư nghì... dẫn đến vô đẳng đẳng như vậy, nên hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng có thể nghĩ bàn được vậy.

Hỏi: *Vì sao số Tỷ-kheo ni được lậu tận A-la-hán quá ít như vậy?*

Đáp: Ở pháp hội này, Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật là pháp thâm thâm, vi diệu, bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng.

Phải là những vị lợi căn, thượng trí, đã từ lâu gieo trồng thiện căn mới thâm tín giải được pháp này. Bởi vậy nên tùy theo căn trí mà sự chứng đạo có nhiều sai khác.

- Hàng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di, vì còn phải vướng bận việc đời, nên chỉ xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh mà thôi. Chẳng có vị nào được lậu tận cả.

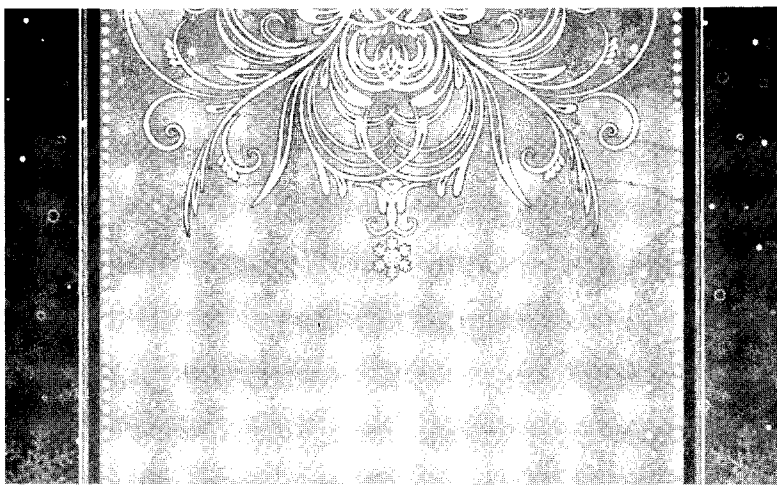
- Trong hành Tỷ-kheo Tăng có rất nhiều vị lợi căn, thượng trí, nên cũng có rất nhiều vị chứng quả vị lậu tận A-la-hán. So với các Tỷ-kheo Tăng, thì số Tỷ-kheo ni được lậu tận A-la-hán rất ít. Vì sao? Vì tuy có thâm tín Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đa số Tỷ-kheo ni chưa có lợi căn lanh lợi vậy. Trong kinh nói, sau thời pháp có 500 vị Tỷ-kheo Tăng được lậu tận A-la-hán, mà chỉ có 20 vị Tỷ-kheo ni được quả vị này mà thôi.

- Riêng trong hàng Bồ tát, có 20 vị, do trong vô lượng kiếp đã gieo trồng thiện căn, đã tu tập 6 pháp Ba-la-mật, nên vừa nghe xong thời pháp liền được vô sanh pháp nhẫn. Chư vị đại Bồ tát này sẽ được Phật thọ ký ngay trong Hiền Kiếp.

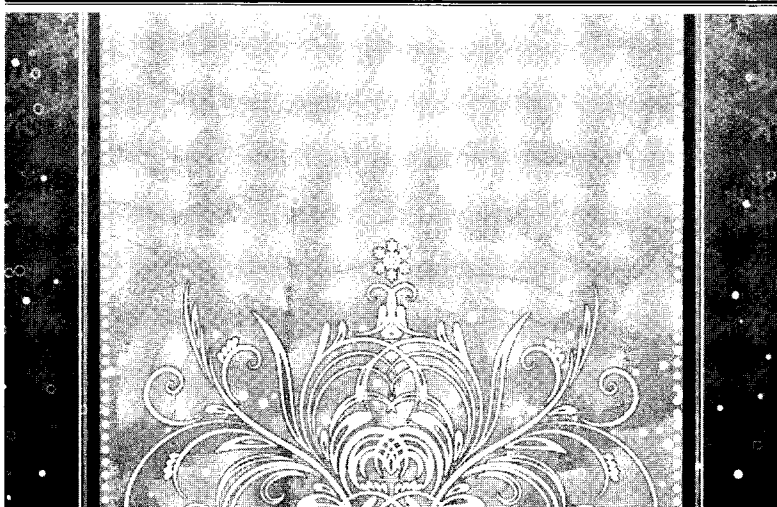
-o0o-

Có thuyết nói: Đức Phật Thích Ca Mưu Ni sẽ thọ ký cho chư vị Bồ tát này ngay trong Hiền Kiếp, nhưng ở các thế giới của các đức Phật khác.

(Hết quyển 70)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 71



Phẩm Thứ Năm Mười



Thành Biện (Nói Về Các Yếu Tố Thành Tựu)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật vì đại pháp sự mà khởi, vì bất khả tư nghị sự, vì bất khả xứng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Thâm Bát nhã Ba-la-mật vì đại pháp sự mà khởi, vì bất khả tư nghị sự, vì bất khả xứng sự, vì bất khả lượng sự, vì vô đẳng đẳng sự mà khởi. Vì sao? Vì trong thâm Bát nhã Ba-la-mật bao hàm cả 5 Ba-la-mật kia, bao hàm cả nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, bao hàm cả 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, bao hàm cả 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Ví như vua là bậc tôn quý nhất trong nước, ủy quyền cho các vị đại thần chăm lo việc nước, nên an nhàn. Cũng như vậy, tất cả các pháp, từ Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ tát pháp... dẫn đến Phật pháp đều ở trong Bát nhã Ba-la-mật cả. Bát nhã Ba-la-mật là pháp tôn quý nhất, hay xuất sanh tất cả các pháp ấy. Cho nên nói Bát nhã Ba-la-mật vì đại sự mà khởi, vì bất khả tư nghị sự... dẫn đến vì vô đẳng đẳng sự mà khởi.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ sắc, chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng thủ Nhất thiết chủng

trí, chẳng chấp Nhất thiết chủng trí, nên hay thành tựu hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ sắc, chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng thủ, chẳng chấp Nhất thiết chủng trí nên thành tựu hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc... dẫn đến thức có thể thủ, có thể chấp chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nhất thiết chủng trí, Vô Thượng Bồ Đề có thể thủ, có thể chấp chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy sắc... dẫn đến thức có thể thủ, có thể chấp, cũng chẳng thấy Nhất thiết chủng trí, Vô Thượng Bồ Đề có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ta cũng chẳng thấy Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lúc bấy giờ hàng chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, khó thấy, khó giải, chẳng thể suy lường mà biết được. Chỉ có bậc thiện xảo vi diệu, trí huệ tịch diệt, mới có thể tin giải được.

Nếu người nào thâm tín Bát nhã Ba-la-mật này, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát. Người đó trong vô lượng kiếp đã cúng dường chư Phật, đã gieo trồng thiện căn, đã thân cận chư thiện tri thức, mới có thể tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật này vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu trong cõi đại thiên thế giới có bao nhiêu chúng sanh đều được tín hành, được pháp hành, được 4 quả Thanh Văn, được quả Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn, thì cũng chẳng sao bằng được vị Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ một ngày. Vì sao? Vì người tín hành, pháp hành, người được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn, tức là Bồ tát Ma-ha-tát vô sanh pháp nhẫn.

Phật dạy: Này chư thiên tử! Người tín hành, pháp hành, người được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn tức là vào được vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát Ma-ha-tát vậy.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật này, mà biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập thì sẽ mau đến được Niết bàn, thù thắng hơn người, vì cầu Thanh Văn hay Bích Chi Phật Đạo, mà bỏ Bát nhã Ba-la-mật để theo học các kinh Thanh Văn hay Bích Chi Phật, dù chỉ trong 1 kiếp hay dưới một kiếp. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật rộng thuyết thượng diệu pháp, mà người tín hành, người pháp hành, người Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật đều phải học. Chỉ học như vậy mới đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ hàng chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đồng bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thâm Bát nhã Ba-la-mật

phải được gọi là Ma ha Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp bất khả tư nghì, bất khả xúng, bất khả lượng, vô đẳng đẳng.

Người hành Bát nhã Ba-la-mật, dù là tín hành, dù là pháp hành, khi đã vào được thậm thâm pháp này rồi, thì cũng vẫn thành tựu được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật. Lại do học Bát nhã Ba-la-mật mà thành bậc đại Bồ tát, được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng thậm thâm pháp này vẫn chẳng tăng, chẳng giảm.

Chư thiên cõi dục và cõi Sắc bạch Phật xong, đồng đến đảnh lễ dưới chân Phật, điếu quanh Phật rồi cáo lui, trở về Thiên cung.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà tức thời tín giải như vậy, đã từ đâu sanh về cõi này?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Có Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật là tức thời tín giải, chẳng sợ hãi, chẳng nghi hối, hoan hỷ ưa nghe, nghe rồi nhớ mãi chẳng quên sót, trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi chẳng hề xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, lại thường theo sát bên pháp sư, giống như trâu nghé thường theo sát bên trâu mẹ.

Vì thường theo sát bên pháp sư, nên vị Bồ tát ấy khi nghe được Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì miệng liền đọc tụng, tâm liền tín giải, minh liễu chánh kiến. Phải biết vị Bồ tát ấy, đời trước đã ở trong loài người, nay trở lại sanh làm người. Vì sao? Vì Bồ tát ấy, đời trước đã ở trong loài người đã cầu Phật đạo, đã từng nghe thuyết về thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã từng biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung, trở lại sanh về cõi này, nghe Bát nhã Ba-la-

mật là tức thời được tín giải.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có vị Bồ tát nào ở cõi khác, thành tựu được các công đức như đã nêu trên đây, mà sau khi mạng chung sanh về cõi này, được nghe Bát nhã Ba-la-mật là tức thời tín giải, rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có những trường hợp như vậy, có những vị Bồ tát ở các cõi khác, sau khi mạng chung sanh về cõi này, được nghe Bát nhã Ba-la-mật là tức thời tín giải rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Phải biết đó là những vị đời trước đã từng nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật ở các cõi Phật khác, nên nay mới có được các công đức như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát theo đức Di Lạc nghe thuyết về thâm Bát nhã Ba-la-mật. Do căn lành đó mà nay sanh về cõi này.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát tuy đời trước đã có nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nhưng chưa có thưa hỏi về thâm lý trong kinh, nên vẫn còn nhiều chỗ nghi. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được theo Bát nhã Ba-la-mật mà cũng vẫn còn các chỗ nghi, chưa được tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát tuy đời trước đã có nghe 5 Ba-la-mật kia, nhưng chưa có thưa hỏi về thâm lý trong đó, nên vẫn còn nhiều chỗ nghi. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được nghe Bát nhã Ba-la-mật mà vẫn cũng còn những chỗ nghi, chưa được tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát tuy đời trước có nghe thuyết nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp

không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nhưng chưa có thừa hỏi về thâm lý trong đó, nên vẫn còn nhiều chỗ nghi. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được nghe Bát nhã Ba-la-mật mà vẫn cũng còn những chỗ nghi, chưa được tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! có Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã có thừa hỏi về các chỗ nghi trong đó, nhưng chưa thật hành đúng như pháp. Nay sanh về cõi này, Bồ tát ấy được nghe Bát nhã Ba-la-mật chỉ trong vòng một vài ngày là liền được tâm kiên cố. Thế nhưng, nếu xa lìa pháp hội, thì Bồ tát ấy liền thôi tâm. Vì sao? Vì đời trước Bồ tát ấy khi nghe Bát nhã Ba-la-mật, dù có thừa hỏi về các chỗ nghi, nhưng chẳng có thật hành đúng pháp vậy. Bồ tát ấy có lúc muốn nghe, có lúc chẳng muốn nghe, tâm chẳng kiên định, tựa như lông hồng nhẹ bay theo chiều gió.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết Bồ tát ấy phát tâm chẳng được bao lâu, chẳng thường thân cận chư thiện tri thức, chẳng thường cúng dường chư Phật. Ở đời trước, dù Bồ tát ấy đã được nghe Bát nhã Ba-la-mật, nhưng chẳng biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật lại chẳng học 5 pháp Ba-la-mật kia, chẳng học nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng học 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng học 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết rõ Bồ tát ấy mới phát tâm Đại thừa, nhưng ít có tin, ít có ưa thích, nên chẳng biên chép, chẳng thọ trì... dẫn đến chẳng chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà chẳng biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến

chẳng chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, là người chẳng tu hành đúng theo thâm Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến là người chẳng tu hành đúng theo Nhất thiết chủng trí. Phải biết thiện nam, thiện nữ ấy, chẳng được sự hộ trì của thâm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được sự hộ trì của Nhất thiết chủng trí, ắt phải bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà chẳng biên chép, chẳng thọ trì... dẫn đến chẳng chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, là người chẳng được Bát nhã Ba-la-mật, khiến phải lạc về Nhị thừa địa vậy.

LUẬN:

Hỏi: Trước nay đã nói nhiều về thâm Bát nhã Ba-la-mật rồi. Vì sao nay còn nói nữa?

Đáp: Người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà không thông suốt được nghĩa kinh mới nhầm chán, cho là nói trùng lặp. Họ chẳng biết rằng càng nghe Bát nhã Ba-la-mật nhiều lần thì càng được nhiều lợi ích.

Chư vị Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật rất nhiều lần, mà chẳng hề sanh tâm nhầm chán.

Phật và ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bát nhã Ba-la-mật đem lại nhiều lợi ích cho chúng sanh, nên phải nói đi nói lại rất nhiều lần, khiến cho người nghe mở mang trí huệ, thâm nhập thiền định vậy. Chư Bồ tát cùng các bậc lợi căn, thượng trí ưa thích nghe mãi, chỉ có hàng phàm phu độn căn, thiếu trí, chẳng sao hiểu nổi thâm nghĩa của kinh, nên chẳng muốn nghe nhiều lần, cho là nói trùng lặp như vậy chẳng có lợi ích gì cả.

Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm, vi diệu, bao hàm cả 5 Ba-la-mật kia, bao hàm cả nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, bao hàm cả 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, bao hàm cả 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật vì đại pháp sự nhân duyên mà khởi, chẳng phải có nhân duyên hay vì tiểu nhân duyên mà khởi vậy.

Bởi vậy nên Phật phải nói đi nói lại nhiều lần để chúng hội được khai ngộ.

Hỏi: *Mỗi Ba-la-mật đều có tướng khác nhau. Như vậy vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật dung thọ được cả 5 Ba-la-mật kia?*

Đáp: Có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo thì 5 Ba-la-mật kia mới có đầy đủ các lực phương tiện để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, để dẫn vào Phật đạo.

Có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì thiên định mới được thâm sâu... Ví như muốn đốt sạch các cây cỏ khô thì cần có mồi lửa vậy.

Lại nữa, vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ chẳng chấp hết thấy pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nên nói Bát nhã Ba-la-mật bao hàm hết thấy các pháp, dung thọ hết thấy các pháp vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề tự niệm rằng “Nếu dùng huệ nhãn quán sát hết thấy các pháp, thì sẽ thấy rõ các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác”.

Bởi vậy nên khi Phật hỏi ngài: “Hết thấy các pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí có thể thủ, có thể chấp chẳng?”, thì ngài trả lời rằng: “Chẳng thể được vậy”.

Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề và dạy rằng: Ta chẳng thấy các pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí có thể thủ, có thể chấp, ta cũng chẳng thấy Phật pháp, Như Lai pháp, tự nhiên trí pháp, nhất thiết trí pháp có thể thủ, có thể chấp. Vì chẳng thấy như vậy nên chẳng thủ, chẳng chấp.

Lúc bấy giờ chư thiên hoan hỷ tán thán Bát nhã Ba-la-mật và bạch Phật rằng: Hết thấy chúng sanh trong cõi đại Thiên thế giới, nếu được tín hành, pháp hành, được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn cũng chẳng bằng một vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dù trong một ngày. Vì sao? Vì được tín hành, pháp hành, được quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật tức là được vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát.

Hỏi: *Chư Hiền Thánh đã có trí, có đoạn, đã được vô sanh pháp nhẫn. Như vậy vì sao nói chẳng có thể bằng được một vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dù chỉ trong một ngày?*

Đáp: Chư Hiền Thánh chưa đầy đủ đại bi, chưa đầy đủ bi nguyện rộng độ hết thấy chúng sanh như Bồ tát. Lại nữa, vì chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên Chư Hiền Thánh chẳng có thể ở nơi Niết bàn mà xả ly chấp Niết bàn được.

Chỉ có những bậc đại trí, đại lực mới vượt ra khỏi sự trú chấp về Niết bàn, mới thị hiện ra vào trong sanh tử để phương tiện cứu độ chúng sanh.

Lại nữa, chư Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn thù thắng hơn chư Hiền Thánh có trí; có đoạn, được vô sanh pháp nhẫn, nên công đức của chư Hiền Thánh chẳng thể nào sánh kịp công đức của Bồ tát, dù mới sơ nhẫn. Ví như các vị đại thần, tuy có công đức lớn, nhưng chẳng sao có oai lực bằng vị thái tử được, dù là vị thái tử vừa mới sanh ra đời.

Hàng Nhị thừa thù chấp “noãn, đảnh, nhĩn” làm sơ môn, còn Bồ tát lấy “pháp nhĩn” làm sơ môn. Bởi vậy nên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật dù thành tựu đầy đủ công đức, cũng chẳng bằng một vị Bồ tát nhập sơ môn, huống nữa là vị Bồ tát tu tập đã gần thành Phật.

Hỏi: *Chư Hiền Thánh tu theo Nhị thừa, có đầy đủ “trí đoạn”. Vì sao nói chư vị này chẳng bằng được 1 vị Bồ tát Đại thừa mới vào sơ nhĩn?*

Đáp: Chỗ duyên tuy đồng, vì đều là duyên “pháp tánh thật tế” cả, thế nhưng căn trí lợi hay độn có khác nhau.

Bồ tát có vô lượng công đức vì có đại bi tâm, được chư Phật thường thủ hộ, nên thù thắng hơn.

Nên biết rằng người tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng phân biệt có thượng, có trung, có hạ. Vì:

- Có người nghe Bát nhã Ba-la-mật là liền tín giải, như pháp hành trì.

- Có người nghe Bát nhã Ba-la-mật, có thưa hỏi để hiểu rõ nghĩa lý trong kinh, nhưng lại chẳng hành trì đúng như pháp.

- Có người nghe Bát nhã Ba-la-mật, dù có tin, nhưng cũng chẳng có thưa hỏi để tìm hiểu rõ nghĩa lý trong kinh.

Như vậy, người thượng căn nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật là liền tín giải và hành trì được, người trung căn nghe Bát nhã Ba-la-mật liền sanh tín tâm, nhưng chẳng trú được lâu dài, còn người hạ căn nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, dù có tin nhưng vẫn nhiều chỗ nghi, chẳng được tỏ ngộ.

Lại nữa, người thượng căn nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật liền tín giải, hoan hỷ thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, như pháp tu hành, lại cũng thường theo pháp sư để được nghe mãi.

Còn hai hạng người trung căn và hạ căn, do độn căn, phước mỏng, chẳng hiểu nổi thâm nghĩa của kinh nên thường lạc về Nhị thừa địa, chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì.

-o0o-

Phẩm Thứ Năm Mười Mốt



Thí Dụ

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Ví như người vượt biển lớn, chẳng may thuyền vỡ, nếu chẳng kịp bám vào một chiếc phao, một khúc gỗ, một tấm ván... dẫn đến một cây chết hay bất cứ một vật nổi khác, thì ắt phải bị chết chìm, dù chưa chết ngay, thì cũng chẳng sao vào bờ được, dần dần rồi cũng sẽ phải bị chết chìm.

Trái lại, nếu người ấy bám được một chiếc phao, một khúc gỗ, một tấm ván... dẫn đến một cây chết hay bất cứ một vật nổi nào khác, thì phải biết người ấy được thoát chết, dần dần vào bờ vậy.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, chỉ tin Phật mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng biên chép thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng y chỉ nơi 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến chẳng y chỉ nơi Nhất thiết chủng trí, thì phải biết trên đường hành đạo, người ấy bị suy giảm đạo tâm, chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí, và sẽ chỉ thủ chứng các quả vị Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà biên chép, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến

chánh ức niệm tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như người dùng bình đất chưa được nung chín để đựng nước, chẳng được như ý muốn, vì chẳng bao lâu bình sẽ bị tan rã, trở lại thành đất.

Trái lại, người biết dùng bình đất đã được nung chín để đựng nước, được như ý muốn, vì bình chẳng bị tan rã, chứa nước rất tốt vậy.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, dù có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì chẳng được hộ trì như vậy nên trên đường hành đạo, người ấy bị suy giảm đạo tâm, bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như người lái buôn bắt cần, dùng thuyền không chắc chắn để chuyên chở hàng hóa ra biển khơi, thì phải biết con thuyền như vậy chẳng sao chịu nổi sức sóng gió. Do vậy mà thuyền sẽ bị chìm giữa biển, và người lái buôn ấy sẽ phải bị mất hết tài sản, và có thể bị nguy hại đến tánh mạng nữa.

Trái lại, người lái buôn có trí, biết đóng thuyền lớn chắc chắn, trang bị đầy đủ tiện nghi, rồi mới cho thuyền hạ thủy để chở hàng hóa ra biển khơi, thì phải biết con thuyền như vậy sẽ đủ sức chịu sóng gió. Do vậy mà thuyền sẽ vượt biển an toàn.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, dù có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì chẳng được hộ trì như vậy nên trên đường hành đạo, người ấy bị suy yếu đạo tâm, bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Ví như có cụ già trên 100 tuổi, sức yếu lại bệnh hoạn, phải nằm liệt giường. Cụ già

ấy tự dùng sức mình để trỗi dậy mà chẳng sao đứng dậy được, dù cố gắng đứng dậy được, thì cũng chẳng sao cất bước đi được.

Trái lại, nếu cụ già ấy được hai người mạnh khỏe kèm dìu hai bên, thì cụ có thể đứng dậy và đi được.

Cũng như vậy, này Tu Bồ Đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, dù có đầy đủ tín tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn mà chẳng y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì chẳng được hộ trì như vậy nên trên đường hành đạo, người ấy bị suy giảm đạo tâm, bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Trái lại, nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đầy đủ tín tâm, nhẫn tâm, tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn, lại y chỉ nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí hộ trì. Vì được hộ trì như vậy, nên trên đường hành đạo người ấy chẳng bị suy giảm đạo tâm, vượt khỏi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, được đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Đoạn kinh trên đây nói đến hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Hạng Bồ tát đã vào được thật tướng các pháp.

- Hạng Bồ tát tuy chưa vào được thật tướng các pháp, nhưng ở nơi Phật đạo đã có tín tâm, có nhẫn tâm, có tịnh tâm có thâm tâm, lại cũng đã có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn.

“Tín” là tin có nhân duyên tội phước, có quả báo, lại tin rằng do tu tập 6 pháp Ba-la-mật, mà sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Có người tuy tin Phật đạo, nhưng do tư duy, trừ lượng mà tâm chưa được nhẫn. Cho nên phải có “nhẫn”.

Có người tuy đã có nhẫn nhưng chưa dứt bỏ được các tà nghi, khiến tâm loạn động. Cho nên phải có “tịnh”, tức là phải định tâm.

Có người tuy đã có định nhưng trí huệ còn nông cạn, chưa thấu rõ được chỗ thâm diệu của kinh. Cho nên phải có “thâm”, tức là phải có trí huệ thâm thâm.

Khi đã có được đầy đủ 4 tâm trên đây rồi, hành giả lại phải nhất tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Cho nên phải có “nguyện”.

Lại nữa, hành giả cần xem việc thế gian là việc nhỏ, chẳng nên tham đắm. Cho nên phải có “giải”.

Khi đã có “tịnh”, có “nguyện”, có “giải” rồi, thì hành giả phải xả tài vật, xả thân nhuế v.v... Cho nên phải có “xả”.

Đầy đủ các pháp trên đây rồi, hành giả phải siêng năng tu tập, chẳng có giải đãi, thối thất. Cho nên phải có “tinh tấn”.

Mặc dù đã có được đầy đủ các công đức như vậy, nhưng nếu chẳng có y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì hành giả vẫn còn có thể bị các ác ma, các ác tri thức dẫn dắt, khiến đạo tâm bị suy giảm. Người như vậy chỉ được hưởng phước báo thế gian, hoặc nhiều nhất là chỉ được các quả vị Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng có thể được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Ở đoạn kinh trên đây, Phật có nêu lên 4 thí dụ:

1) *Dụ về người đi biển bị thuyền vỡ:*

Nếu người đi biển chẳng may bị thuyền vỡ, mà gặp được

một vật nổi trên mặt biển để bám vào, thì thoát được nạn chết chìm, mà còn có thể đến bờ an toàn.

Người tu hành cũng là như vậy. Nếu trên đường hành đạo mà được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì sẽ có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Vật nổi dụ cho lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật vậy.

2) *Dụ về cái bình đất đựng nước:*

Cái bình đất dùng để đựng nước, nếu chẳng được nung chín, thì chẳng bao lâu sẽ bị tan vỡ, chẳng có thể đựng nước được. Trái lại, nếu cái bình được nung chín rồi, thì sẽ trở thành chắc chắn, đựng nước rất tốt vậy.

Cái bình dụ cho Bồ tát. Cái bình chưa được nung chín, chẳng thể dùng để đựng nước được, dụ cho Bồ tát chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Cái bình đã được nung chín, đựng nước tốt, dụ cho Bồ tát có đầy đủ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

3) *Dụ về chiếc thuyền chở hàng hóa trên biển:*

Chiếc thuyền không chắc chắn chuyên chở hàng hóa ra biển, chẳng có thể chịu nổi sức sóng gió, khiến phải bị chìm giữa biển. Trái lại chiếc thuyền lớn, chắc chắn, chẳng bị sóng gió đánh chìm, nên có thể vượt biển an toàn.

Chiếc thuyền không chắc chắn dụ cho Bồ tát tuy đã có đủ tín, nhẫn, tịnh, thâm, nguyện, giải, xả, tinh tấn, tuy có hành các thiện pháp, tuy muốn cầu Phật đạo mà chẳng có y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì. Chiếc thuyền này bị chìm, khiến của cải bị mất sạch, dụ cho Bồ tát ấy chỉ được các phước báo hữu lậu, hoặc chỉ được các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng thể đến được Vô Thượng Bồ Đề, trái với bốn nguyện của Bồ tát vậy.

Còn chiếc thuyền lớn, chắc chắn dụ cho vị Bồ tát có đầy đủ tín, nhẫn, tịnh, thâm, nguyện, giải, xả, tinh tấn, lại y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia, được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì. Chiếc thuyền này chẳng bị chìm, chuyên chở hàng hóa đến bờ an toàn, dụ cho Bồ tát ấy có được lực phương tiện Bát nhã ba-la-mật hộ trì nên được đại lợi ích, được vô lượng Phật pháp, được Nhất thiết chủng trí ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

4) *Dụ về cụ già trên 100 tuổi, sức yếu và bệnh hoạn:*

Cụ già này tuổi cao, sức yếu lại nhiều bệnh, phải nằm liệt giường. Nếu cụ tự dùng sức mình để trỗi dậy, thì cụ cũng chẳng sao đứng dậy được, mà dù có đứng dậy được, thì cụ cũng chẳng bước đi xa được.

Trái lại nếu có hai người khỏe mạnh kèm dìu hai bên thì cụ có thể đứng dậy đi được.

Cụ già bệnh này dụ cho Bồ tát chưa đoạn được 62 tà kiến chấp cùng các phiền não. Cụ già này từ trên giường muốn đứng dậy dụ cho vị Bồ tát ấy muốn vượt ra khỏi 3 cõi, nhưng chẳng thành tựu được ý nguyện, chẳng thành tựu được Bồ tát hạnh, chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Trái lại nếu vị Bồ tát ấy biết y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì nhờ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, sẽ tận đoạn được các kiết sử, phiền não.

Cụ già được hai người khỏe mạnh kèm dìu, nên có thể đứng dậy đi được, dụ cho vị Bồ tát ấy khi đã được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, có thể thành tựu viên mãn Bồ tát hạnh... dẫn đến có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

KINH:

Lúc bấy giờ Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ông đã vì chư Bồ tát mà thưa hỏi Như Lai về các pháp sự như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà từ sơ phát tâm đến nay, dụng tâm chấp ngã và chấp ngã sở để tu bố thí... dẫn đến để tu trí huệ, khi tu bố thí tự nghĩ rằng: “Tôi là người hành bố thí, tài vật đem ra bố thí là của tôi”... dẫn đến khi tu trí huệ, cũng tự nghĩ rằng “tôi là người tu trí huệ, trí huệ là của tôi”, thì phải biết người ấy chỉ tu “ngã thí”... dẫn đến chỉ tu “ngã huệ” mà thôi. Vì sao? Vì tu như vậy là có tư duy, phân biệt, có chấp ngã, và ngã sở, nên chẳng được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì. Vì sao? Vì tất cả 6 Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có các tướng phân biệt như vậy. Phải xả ly mọi chấp phân biệt, xa lìa chấp có bờ bên này và bờ bên kia (thử ngạn và bỉ ngạn) thì mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật.

Do người ấy chấp như vậy, nên chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí, mà phải bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Như vậy là cầu Phật đạo mà chẳng có phương tiện lực.

-o0o-

Thế nào là người cầu Phật đạo chẳng có phương tiện lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là người cầu Phật đạo, mà từ sơ phát tâm cho đến nay vẫn thường dụng tâm chấp ngã và ngã sở, khi hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến khi hành Bát nhã Ba-la-mật. Ví như hành bố thí mà thường nghĩ rằng:

“Tôi là người hành bố thí, tài vật đem ra bố thí là của tôi, và có người nhận sự bố thí của tôi”.

Do nghĩ như vậy nên sanh cao tâm, Người ấy chẳng biết rằng phải xả ly mọi chấp phân biệt, xa lìa chấp có bờ bên này và bờ bên kia, mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật.

Do chẳng biết như vậy nên người ấy chẳng có được sự hộ trì của Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có được sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật, khiến chẳng có được phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Phật đạo mà chẳng có phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có thể đến được Nhất thiết chủng trí, nên phải bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

-o0o-

Thế nào là người cầu Phật đạo có phương tiện lực?

Này Tu Bồ Đề! Đó là người cầu Phật đạo, mà từ sơ phát tâm cho đến nay, chẳng có dụng tâm chấp ngã và ngã sở, khi hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến khi hành Bát nhã Ba-la-mật. Ví như hành Đàn Ba-la-mật, người ấy chẳng dấy niệm nghĩ rằng: “Tôi là người hành bố thí, tài vật đem ra bố thí là của tôi, và có người nhận sự bố thí của tôi”.

Người ấy biết rõ rằng, tất cả 6 Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có các tướng phân biệt như vậy, biết rõ rằng phải xả ly mọi tướng phân biệt, xa lìa chấp có bờ bên này và bờ bên kia, thì mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật.

Do biết rõ như vậy, nên người ấy có được sự hộ trì của Đản Ba-la-mật... dẫn đến có được sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật, khiến có được phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Phật đạo có đầy đủ phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, nên mau đến được Nhất thiết chủng trí... dẫn đến mau được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Phật ẩn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, rồi nhân đó dạy cho Bồ tát phải tu tập các thiện pháp như thế nào để có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Bồ tát cầu Phật đạo, dù có tín tâm, có nhẫn tâm, có tịnh tâm, có thâm tâm, có nguyện, có giải, có xả, có tinh tấn rồi, nhưng nếu chẳng có y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì cũng chẳng sao đến được Nhất thiết chủng trí... dẫn đến chẳng sao được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì tu tập thiện pháp mà tâm vẫn còn chấp ngã và ngã sở thì chẳng có được sự hộ trì của Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật. Hành giả phải dùng trí Bát nhã Ba-la-mật để xả ly mọi sự chấp phân biệt, xa lìa các chấp “thử-bì” (bờ bên này và bờ bên kia), mới vào được thật tướng của 6 Ba-la-mật, vì tất cả 6 pháp của Ba-la-mật đều chẳng có các tướng phân biệt vậy.

Phật lại chỉ rõ thế nào là cầu Phật đạo và thế nào là cầu Phật đạo có phương tiện lực.

Phật lại dạy tiếp rằng: Bên trong phải quán “ngã không” và bên ngoài phải quán “pháp không”. Chẳng chấp các pháp tướng như vậy là được lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu đã có Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, có được phương tiện lực Bát nhã Ba-la-mật, thì người cầu Phật đạo mới chẳng bị lạc về Nhị thừa địa, mau đến được Nhất thiết chủng trí, dẫn đến mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát phải như vậy mà tu tập mới có thể thành tựu viên mãn “Bồ tát bốn nguyện” vậy.

Phẩm Thứ Năm Mười Hai



Thiện Tri Thức

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hàng tân học Bồ tát phải học 6 pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Hàng tân học Bồ tát muốn học 6 pháp Ba-la-mật, trước hết phải thân cận cúng dường các bậc thiện tri thức.

Bậc thiện tri thức dạy đệ tử khi tu tập 6 pháp Ba-la-mật rằng:

- Phải đem công đức tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

- Chẳng nên chấp sắc... dẫn đến thức là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông là Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên chấp 10 Phật lực... dẫn đến chẳng nên chấp Nhất thiết chủng trí là Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì chẳng chấp 5 âm, chẳng chấp 6 pháp Ba-la-mật, chẳng chấp 18 pháp không, chẳng chấp 37 Phẩm trợ đạo, chẳng chấp 4 thiên, chẳng chấp 4 vô lượng tâm, chẳng chấp

4 vô sắc định, chẳng chấp 5 thần thông, chẳng chấp 10 Phạt lực... dẫn đến chẳng chấp Nhất thiết chủng trí là Vô Thượng Bồ Đề mới chính là được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Lại cũng dạy đệ tử khi tu tập 6 pháp Ba-la-mật rằng:

- Chẳng nên tham đắm sắc... dẫn đến thức, chẳng nên tham đắm Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nên tham đắm nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nên tham đắm 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, chẳng nên tham đắm 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông, chẳng nên tham đắm 10 Phạt lực... dẫn đến chẳng nên tham đắm Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì tất cả các pháp ấy đều là tự tướng không, đều chẳng có thể tham đắm được.

- Chẳng nên tham đắm 4 quả Thanh Văn, chẳng nên tham đắm Bích Chi Phật Đạo, chẳng nên tham đắm Bồ tát vị... dẫn đến chẳng nên tham đắm Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì tất cả các pháp ấy đều là tự tánh không, đều chẳng có thể tham đắm được.

LUẬN

Ngài Tu Bồ Đề hỏi về trường hợp tân học Bồ tát phải tu tập 6 pháp Bát nhã Ba-la-mật như thế nào. Phật dạy rằng Bồ tát phải tu tập lâu ngày mới được các pháp sự vi diệu, thế nhưng chẳng nên chấp thủ hay tham đắm bất cứ một pháp nào cả. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là tự tướng không, tự tánh không, đều là bất khả đắc cả.

Bồ tát tu tập pháp “không” được xếp thành hai hạng:

- Hạng tiểu Bồ tát.

- Hạng đại Bồ tát.

Hạng “tiểu Bồ tát” chỉ mới được nhu thuận nhĩn, nên phải tu tập pháp không để có khí phần trí huệ.

Bởi vậy nên Phật từng dạy rằng: Nếu Bồ tát muốn thể nhập vào pháp tánh không, thì phải tu tập các công đức trong thời gian lâu dài.

Ví dụ như trong pháp Thanh Văn, thì người có tín tâm quy hướng về Tam Bảo gọi là được Noãn Pháp. Rồi từ nơi tín tâm đó còn phải tu tập thiền định, mới gọi là được Đánh Pháp, mới được tâm không, được vô ngại giải thoát. Do vậy mà phạm phu xem pháp Tiểu Thừa là Đại.

Lại nữa, Bồ tát phải tu tập lâu ngày các công đức của 6 Ba-la-mật, để được “Bát nhã Ba-la-mật vị”. Do vậy mà phạm phu cũng xem chư vị tân học Bồ tát là Đại.

Thế nhưng trong Phật pháp, thì hàng tân học Bồ tát chỉ được gọi là tiểu Bồ tát mà thôi.

-o0o-

Nơi đây Phật khuyên các tân học Bồ tát muốn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì trước hết phải thân cận, cúng dường chư thiện tri thức.

Có được chư thiện tri thức dạy dỗ, thì hàng tân học Bồ tát mới thành tựu được bất hoại pháp, nghĩa là hành 6 Ba-la-mật, hành hết thấy các thiện pháp, mà chẳng trú chấp, chẳng tham đắm.

Ví như chim Kim Sí Điều, ngay từ khi còn nhỏ đã phải tập bay từ núi này sang núi khác. Cũng như vậy, hàng tân học Bồ tát phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian lâu dài mới có được thâm trí huệ Bát nhã Ba-la-mật được.

Lại nữa, ví như lửa, dù chỉ là một đóm nhỏ, có công năng thiêu đốt cả đám rừng. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có công năng phá sạch hết thảy kiết sử, phiền não.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát phải thường tu học thâm Bát nhã Ba-la-mật, để liễu triệt được hết thảy pháp đều là rốt ráo không, để dứt sạch hết thảy kiết sử, phiền não. Như vậy mới có thể trở thành bậc Đại Bồ tát, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, được Nhất thiết chủng trí... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát thường làm những việc rất khó làm. Đó là ở nơi pháp tánh không, mà muốn cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Ông nên biết rằng:

- Vì lân mẫn chúng sanh, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn an lạc chúng sanh, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn cứu khổ thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm chỗ quy y cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm chỗ y cứ cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm con đường “cứu cánh” cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm “còn đảo” cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn dẫn đạo thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

- Vì muốn làm chỗ “thú hướng” cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì lân mẫn chúng sanh, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì thương xót chúng sanh, muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi 3 đường ác, dẫn dắt họ đến bờ Niết bàn vô úy, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì muốn an lạc chúng sanh, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn cứu chúng sanh ra khỏi các ưu phiền, khổ não, dẫn dắt họ đến nơi an lạc Niết bàn, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì muốn cứu khổ thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn tận đoạn các khổ “sanh - tử” nơi chúng sanh, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, đến với chúng sanh để thuyết pháp cho họ nghe, khiến họ tinh tấn tu hành 3 thừa đạo, dần dần được giải thoát.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm chỗ quy y cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn cứu chúng sanh ra khỏi “sanh, già, bệnh, chết” cùng ưu bi khổ não, và dạy họ quay về nương tựa nơi pháp Niết bàn, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm chỗ y cứ cho thế gian mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn thuyết cho chúng sanh nghe các pháp là vô y xứ (chẳng có chỗ y cứ), mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát thuyết các pháp đều là vô y xứ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc bất tương tục, nên là vô sanh. Vì sắc vô sanh, nên là vô diệt. Vì sắc vô diệt nên là vô y xứ. Vì thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất tương tục, là vô sanh, là vô diệt, nên đều là vô y xứ.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm con đường cứu cánh cho thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”.

Này Tu Bồ Đề! Đó là vì muốn thuyết cho chúng sanh nghe sắc rất ráo như tướng là chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức rất ráo như tướng là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức dẫn đến Nhất thiết chủng trí rất ráo như tướng là chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Như tướng là rất ráo, là cứu cánh. Hết thấy các pháp đều là rất ráo như tướng cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp đều rất ráo như tướng thì Bồ tát làm sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Lại nữa, trong cú cánh tướng là chẳng có phân biệt sắc... dẫn đến chẳng có phân biệt Nhất thiết chủng trí. Như vậy làm sao Bồ tát có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Trong cú cánh tướng là chẳng có phân biệt sắc... dẫn đến chẳng có phân biệt Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán các pháp tướng tịch diệt, mà chẳng sanh tâm sợ hãi, là việc rất khó làm. Vì sao? Vì Bồ tát phải tự niệm “pháp thậm thâm như vậy, ta phải biết rõ như vậy, và ta phải vì thế gian nói như vậy”.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm còn đảo cho thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Những vùng đất bị nước bao bọc chung quanh, cắt rời khỏi các vùng đất khác, thì được gọi là còn đảo.

Cũng như vậy, hết thấy các pháp từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, trước sau đều dứt đoạn.

Này Tu Bồ Đề! Do vì bờ trước và bờ sau đều dứt đoạn nên hết thấy các pháp đều là tịch diệt, là diệu bảo, là không, là vô sở đắc.

Đại Bồ tát vì chúng sanh thuyết pháp tịch diệt, vì diệu là chỗ tận đoạn ái nhiễm, rốt ráo ly dục, dẫn vào Vô Dư Niết bàn vậy.

* Thế nào gọi là “Vì muốn làm dẫn đạo cho thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là chư Đại Bồ tát vì chúng sanh mà thuyết giảng sắc... dẫn đến thức là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, vì

chúng sanh mà thuyết giảng 12 nhập, 18 giới, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, vì chúng sanh mà thuyết giảng 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, vì chúng sanh mà thuyết giảng Tu-đà-hoàn... dẫn đến A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm. Như vậy là vì muốn dẫn đạo thế gian, mà chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề phát tâm hoan hỷ mà bạch Phật rằng: Có Bồ tát chưa đoạn sạch phiền não, chưa được đầy đủ đại bi, chưa được bất thối chuyển mà biết rõ hết thảy pháp đều là tự tánh không và lại phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, như vậy là việc rất khó làm.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát thương xót chúng sanh nên phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, dạy dỗ chúng sanh tu tập 3 thừa đạo, dẫn dắt chúng sanh đến Niết bàn thường lạc.

-o0o-

Ví như thuốc hay, tuy có vị đắng mà có thể chữa lành bệnh, nếu người bệnh kiên trì uống thuốc ắt sẽ chóng lành. Cũng như vậy, cứu độ và an lập chúng sanh tuy là việc rất khó làm, nhưng Bồ tát đại nguyện viên thành đạo hạnh.

* Chúng sanh do chấp thế lạc là những pháp hữu vi, mà thường chẳng được an ổn, hết vui rồi là liền khổ.

Bồ tát dạy chúng sanh biết rõ 6 đạo chúng sanh là vô thường, là khổ, là chẳng có gì an ổn, phải thoát ly ra khỏi 6 đạo, mới đến được bờ Niết bàn thường lạc.

Bồ tát an lạc chúng sanh ở cả đời này và cả đời sau.

* Chúng sanh cứu khổ cho nhau chỉ đem lại sự an ổn nhất thời. Ví như người bị giặc cướp bức bách, bị ác thú rượt bắt... Nếu may mắn được người khác đến cứu kịp thời thì sẽ được thoát nạn. Thế nhưng, do nhân duyên còn có phiền não, còn có các ác hạnh, nên người ấy vẫn còn bị ma chướng quấy nhiễu, còn bị những kẻ ác đến gây nạn.

Bồ tát thuyết pháp cho chúng sanh nghe, khiến họ tinh tấn tu tập 3 thừa đạo, đoạn dứt được các khổ, dần dần được giải thoát.

* Chúng sanh nương tựa vào các pháp thế gian, mà các pháp thế gian chỉ là tạm bợ. Ví như đang đi giữa đường gặp trời mưa to gió lớn, nên phải tạm ẩn trú và nhà dân ở bên đường qua cơn nguy khó. Bồ tát dạy chúng sanh quay về nương tựa nơi Phật pháp, dẫn dắt họ đến Niết bàn.

Chúng sanh bị các phiền não thường thiêu đốt thân tâm, khiến phải bị trói buộc mãi trong vòng “sanh, già, bệnh, chết”. Chỉ có niệm Phật, tu tập theo lời Phật dạy thì mới vĩnh viễn thoát ra khỏi các khổ vậy.

* Chúng sanh thường y cứ nơi các pháp hữu vi, mà các pháp hữu vi là do nhân duyên sanh, chẳng có tự thể, nên chẳng thể làm chỗ y cứ được. Do vậy mà chúng sanh thường bị các khổ não bức bách.

Bồ tát dạy cho chúng sanh y chỉ nơi Phật pháp, lại dạy chúng sanh rằng “Vô y chỉ” pháp mới thật là chân thật pháp. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là bất tương tục, là vô sanh, là vô diệt, nên là vô y xứ vậy.

Hỏi: Trước đây nói các pháp đều là vô y chi. Như vậy vì sao nói phải y chi nơi Phật pháp?

Đáp: Có hai trường hợp “y chi”. Đó là:

- Nếu y chi nơi các pháp hữu vi, thì có ái kiến, có phiền não.
- Nếu y chi nơi pháp Niết bàn thanh tịnh, thì diệt trừ được các ái kiến, phiền não. Vì sao? Vì thật tướng pháp là rốt ráo không, rốt ráo bất khả đắc, nên “y chi” nơi thật tướng pháp cũng chính là “vô y chi” vậy.

-o0o-

* Lại nữa, chúng sanh do nghiệp lực quả báo mà ức tướng phân biệt ra có 6 tình, chấp có pháp này, pháp nọ, chấp có trước, có sau.

Thế nhưng, khi đã và được “Đệ nhất nghĩa đế” rồi, thì sẽ biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, đều là vô sở trú cả.

Bồ tát dạy chúng sanh như vậy chính là làm cón đảo cho chúng sanh an trú, khiến họ chẳng còn bị chìm đắm trong dòng nước ái nữa.

* Lại nữa, Bồ tát là người dẫn đạo chúng sanh, diu dắt chúng sanh trên đường “Bát Chánh”, lại dùng thuyền “Bát Nhã” chở họ đến nơi Niết bàn an lạc.

-o0o-

KINH:

Phật dạy tiếp:

* Thế nào gọi là “vì muốn làm chỗ thú hưởng cho thế gian, mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm”?

Này Tu Bồ Đề! Đó là chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, vì chúng sanh thuyết giảng sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều đến chỗ không, lại vì chúng sanh thuyết giảng sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì sắc là tướng không... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí là tướng không, mà trong “không tướng”, thì chẳng có chỗ đến, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô tướng, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô tướng thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô tác, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô tác thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô khởi, vô sở hữu, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì trong vô khởi... dẫn đến trong bất cấu, bất tịnh, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ như mộng, như huyễn, như diệm, như hương, như ảnh, như hóa, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong mộng, huyễn... dẫn đến trong hóa thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô lượng và vô biên, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bất thủ,

bất xả, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bất thủ, bất xả thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bất tăng, bất giảm, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bất tăng, bất giảm thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bất khứ, bất lai, bất nhập, bất xuất, bất hợp, bất tán, bất trước, bất đoạn nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bất khứ, bất lai... dẫn đến trong bất trước, bất đoạn thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả, tri giả, kiến giả nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong ngã, nhơn... dẫn đến trong tri giả, kiến giả, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ thường, lạc, ngã, tịnh, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong thường, lạc, ngã, tịnh thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ tham, sân, si, mạn, nghi, kiến, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong tham, sân, si, mạn, nghi, kiến thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghi tánh, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghi tánh, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ bình đẳng tánh, chỗ bất động tánh nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong bình đẳng tánh và bất động tánh, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ 5 âm, 12 nhập, 18 giới nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong 5 âm, 12 nhập, 18 giới thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến chỗ 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm Trợ Đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải đến. Vì sao? Vì trong 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm trợ Đạo, 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều đến 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo, Vô Thượng Bồ Đề, nên là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong 4 quả Thanh Văn, Bích Chi Phật đạo... dẫn đến trong Vô Thượng Bồ Đề, thì đến và chẳng đến đều là bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ai là người tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu có vị Bồ tát nào từ trước ở các cõi Phật, đã tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đã được các thiện căn thuần thực, đã cúng dường vô lượng

chư Phật và chư thiện tri thức, thì phải biết đó là bậc tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này có tánh và tướng như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đoạn xả “tham, sân, si” là tánh tướng của vị Bồ tát tín giải được thâm Bát nhã Ba-la-mật này.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao trong 9 điều nguyện nêu trên đây của Bồ tát lại đặc biệt nói rộng về điều nguyện “muốn làm chỗ thú hướng cho chúng sanh”?*

Đáp: Thú có nghĩa là đến. “Thú hướng” có nghĩa là hướng đến một mục tiêu nào. Đây là hướng đến Niết bàn an lạc, vô úy. Như vậy là “muốn an lạc chúng sanh” và “muốn làm chỗ thú hướng cho chúng sanh” đồng nghĩa với nhau.

“Được an lạc nơi Niết bàn” là cứu cánh, và “thú hướng Niết bàn” là phương tiện. Vì “Thú hướng Niết bàn” là phương tiện nên phải rộng nói.

Đoạn kinh trên đây cho thấy rằng, hướng đến Niết bàn là hướng đến chỗ cứu cánh, chỗ rốt ráo không, tức là vào nơi thật tướng của các pháp vậy. Đến chỗ “không tướng” là chẳng đến và cũng chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì trong “không” thì “đến” và “chẳng đến” cũng đều là bất khả đắc.

-o0o-

Ví như hư không chỉ có danh, mà chẳng có tướng. Cũng như vậy, hết thảy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật

có. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì hết thảy các pháp đều là rốt ráo không.

Ví như khi mới quen biết một người nào, ta chỉ biết người ấy qua tướng trạng bên ngoài, hoặc qua lời giới thiệu của người khác, phải tiếp xúc lâu ngày mới biết rõ được tâm tánh của người ấy. Cũng như vậy, khi chưa quán chiếu thì thấy mỗi pháp có tướng riêng khác, khi đã có được trí huệ Bát nhã rồi, đã quán chiếu thâm sâu rồi, thì sẽ thấy rõ các pháp đều là hư vọng, và đều bình đẳng cả.

Phàm phu qua kính nghiệp báo, điên đảo vọng chấp các pháp có tướng sai khác, mà chẳng có biết rõ rằng thật tướng pháp là như hư không, chẳng có chỗ đến, chẳng có chỗ từ, chẳng có chỗ chấp, vì đều là hư vọng cả. Ví như người chấp ngã, chấp thân do 5 ấm hòa hợp là thật có mà chẳng biết rằng đó là hư vọng, chẳng thật có. Dẫn đến các chấp về “thường lạc, ngã, tịnh” của hàng Nhị thừa cũng đều là 4 chấp điên đảo. Đây chỉ là do tương quan đối đãi mà nảy sinh ra các chấp như vậy. Người tu hành, khi phá được các chấp này thì sẽ có được 4 thánh hạnh, nhưng cũng biết rõ các thánh hạnh đó cũng đều là bất khả đắc cả.

-o0o-

Pháp Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm như vậy, nên theo lời Phật dạy, thì chỉ có những người nào từ trước đã ở các cõi Phật, đã tu tập đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đã được thiện căn thuần thực, đã cúng dường vô lượng chư Phật và chư thiện tri thức, mới có thể tin giải được. Đó là những người đoạn xả 3 độc ‘tham, sân, si’ vậy.

Hỏi: *Nếu chưa vào được vô sanh pháp nhẫn thì là sao có thể đoạn được 3 độc?*

Đáp: “Đoạn” nói ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa. Đó là:

- Đoạn căn bản của ba độc.

- Đoạn hiện hạnh của ba độc.

Nếu chỉ mới đoạn hiện hạnh phiền não, thì chưa thể vào được thật tướng pháp. Vì sao? Vì do chưa đoạn được căn bản phiền não, nghĩa là chưa đoạn được tận gốc các phiền não, nên chưa quán triệt được pháp “không”. Do chưa quán triệt được pháp “không”, nên chưa vào được nơi thật tướng pháp vậy.

Phẩm Thứ Năm Mười Ba



Thú Nhất Thiết Trí (Hương Về Nhất Thiết Trí)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật này sẽ đến chỗ nào?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ đến Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hướng đến Nhất thiết chủng trí, nhằm làm chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh tu tập Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Tu Bát nhã Ba-la-mật là tu hết thảy các pháp.

Bạch Thế Tôn! Vô sở tu (chẳng chỗ tu) là tu Bát nhã Ba-la-mật, vô thọ tu (chẳng thọ tu) là tu Bát nhã Ba-la-mật, hoại tu là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Do pháp gì hư hoại, mà gọi “hoại tu” là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

- Vì sắc hư hoại... dẫn đến thức hư hoại nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì 12 nhập hư hoại, 18 giới hư hoại nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì ngã hư hoại... dẫn đến tri giả hư hoại, kiến giả hư hoại nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì Đàn Ba-la-mật hư hoại... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì nội không hư hoại... dẫn đến vô pháp hữu pháp không hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

- Vì 4 niệm xứ hư hoại... dẫn đến Nhất thiết chủng trí hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Vì sắc hư hoại... dẫn đến Nhất thiết chủng trí hư hoại, nên tu Bát nhã Ba-la-mật là “hoại tu”.

Lại nữa, Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật, phải tự nghiệm biết như vậy.

Nếu có vị Bồ tát nào ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú chấp, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Nếu có vị Bồ tát nào ở nơi Đàn Ba-la-mật... dẫn đến ở nơi Thiền Ba-la-mật, ở nơi 4 niệm xứ... dẫn đến ở nơi Nhất thiết chủng trí, mà chẳng trú chấp, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây nói “đến” và “chẳng đến” ở nơi hết thảy pháp là bất khả đắc, nên là “chẳng đến” cũng “chẳng phải chẳng đến”.

Nay vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật “Bồ tát tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ đến chỗ nào”? Vì sao Phật lại trả lời là “sẽ đến Nhất thiết chủng trí”?

Đáp: Hàng ngoại đạo chấp thường, nên cho rằng các pháp theo luật nhân quả đã tương tục truyền nối từ vô thi đến nay và cũng sẽ tương tục truyền nối mãi đến các đời sau.

Do vì muốn phá chấp thường đó, mà Phật dạy “chẳng đến” và cũng “chẳng phải chẳng đến”.

Ở nơi đây, ngài Tu Bồ Đề chẳng chấp tâm, chẳng thủ pháp, mà thưa hỏi Phật như trên. Bởi vậy nên Phật cũng dùng tâm vô trú mà đáp lại rằng: Bồ tát tín giải Bát nhã Ba-la-mật sẽ đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không. Ở nơi rốt ráo không, thì chẳng có gì chướng ngại, nên nhân và quả đồng nhất. Mà đã là chẳng có chướng ngại, thì tức là được giải thoát vậy.

Bởi vậy nên chư Bồ tát hướng tới Nhất thiết chủng trí, nhằm làm chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát tín giải thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ là chỗ nương tựa cho hết thảy chúng sanh?*

Đáp: Bồ tát phát đại từ bi tâm thương xót hết thảy chúng sanh, nên thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật, hướng đến Nhất thiết chủng trí, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật cứu độ chúng sanh.

Vì sao? Vì tu Bát nhã Ba-la-mật là tu hết thảy các pháp, biết rõ thật tướng của hết thảy các pháp. Vì tu Bát nhã Ba-la-mật là vô sở tu, tức là chẳng có chỗ tu, là vô thọ tu, tức là chẳng thọ hết thảy các quán, do hết thảy các pháp quán đều lỗi lầm. Vì tu Bát nhã Ba-la-mật là hoại tu, do biết rõ hết thảy các pháp đều là vô thường, là tán hoại. Phật ẩn chứng lời trình bày trên đây của ngài Tu Bồ Đề, và dạy thêm rằng: Bồ tát bất thối chuyển phải tự nghiệm biết như vậy.

Lời Phật dạy trên đây có nghĩa là “người tu tập Bát nhã Ba-la-mật phải biết rõ Bát nhã Ba-la-mật cùng hết thấy các pháp là rốt ráo không, mà chẳng nên thủ chấp tướng “không” đó”.

-o0o-

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát bất thối chuyển chẳng nên tin theo lời người khác, cho đó là thiết yếu, cũng chẳng y theo lời người khác mà hành động.

Bồ tát bất thối chuyển chẳng bị “tham, sân, si” dẫn dắt, chẳng bao giờ xa rời 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi nghe thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát bất thối chuyển chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, mà còn hoan hỷ ưa nghe, còn thọ trì đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và đúng như pháp tu hành.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, mà còn hoan hỷ ưa nghe, còn thọ trì đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, thì Bồ tát ấy phải thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là “Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là:

- Dùng “không” để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Dùng ‘vô tướng’, ‘vô tác’ để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Dùng “vô sở hữu, vô sanh, vô diệt, vô cấu, vô tịnh” để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Dùng “như mộng, như huyễn, như diệm, như hưởng, như ảnh, như hóa” để tùy thuận. Như vậy là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy thì “Bồ tát dùng không, vô tướng, vô tác... dẫn đến dùng như mộng, như huyễn, như diệm, như hưởng, như ảnh, như hóa để tùy thuận, là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật”.

Như vậy, Bồ tát ấy hành những pháp gì? Bồ tát ấy hành ‘sắc, thọ, tưởng, hành, thức’... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chỗ hành xứ của Bồ tát là pháp vô tác (chẳng phải được làm ra), vô hoại (chẳng thể hoại), vô khứ (chẳng có đi), vô lai (chẳng có đến), vô trú (chẳng có trú), nên chẳng có thể tư duy, trừ lượng được. Đã chẳng thể tư duy trừ lượng được, thì chẳng có thể nói hành sắc... dẫn đến chẳng có thể nói hành Nhất thiết chủng trí là hành Bát nhã Ba-la-mật được. Vì sao? Vì sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là sắc... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí.

Vì sắc như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì Nhất thiết

chúng trí như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

-o0o-

LUẬN:

Bồ tát bất thối chuyển chẳng tin theo lời người khác, cũng chẳng y theo lời người khác để làm các sự việc, chẳng khởi niệm chấp lời nói đó là thật hay là chẳng phải thật.

Vì sao? Vì ở trong thế gian có 2 hạng người mà lời nói chẳng thể tin được. Đó là:

- Hạng người chấp đắm dục lạc, bất tịnh trong giới tại gia.
- Hạng người chấp các tà kiến trong giới xuất gia.

Khi đã liễu đạt được các thật tướng pháp rồi, thì dù ma có hiện thân Phật nhằm phá hoại chánh pháp, thì Bồ tát cũng vẫn chẳng tin theo. Vì sao? Vì đã được vô vi pháp rồi nên tâm Bồ tát vẫn thường an ổn. Đây chính là trường hợp các Bồ tát tuy chưa được Phật đạo, mà đã uốn dẹp được các tham dục và các phiền não, nên chẳng còn bị động tâm, lại thường chẳng ly 6 pháp Ba-la-mật.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, trái lại còn hoan hỷ, thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật nữa.

Ví như sấm sét làm cho các loài chim nhỏ hoảng hốt, run rẩy, trái lại đại bàng, không tước thì hân hoan nhảy múa. Cũng như vậy, hàng phàm phu, do độn căn thiếu trí, nên nghe Bát nhã Ba-la-mật sanh tâm sợ hãi, trái lại hàng Bồ tát bất thối chuyển nghe Bát nhã Ba-la-mật thì rất vui mừng ưa nghe mãi, chẳng bao giờ nhàm chán.

Theo lời Phật dạy, thì chỉ có những vị Bồ tát ở thời quá khứ đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã gieo trồng thuần thực các thiện căn, đã có đại trí huệ, đã có đại oai đức, nên nghe thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật mới chẳng có sợ hãi.

Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề hỏi về Bồ tát dụng pháp tu hành khiến chẳng có sợ hãi, và được Phật giải đáp, tóm tắt như sau:

- Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

- Tùy thuận Nhất thiết chủng trí là tùy thuận rốt ráo không. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là tịch diệt tướng, pháp tịch diệt tướng là Nhất thiết chủng trí.

- Tùy thuận rốt ráo không là dùng “không, vô tướng, vô tác” để tùy thuận, dùng “vô sở hữu, vô sanh, vô diệt, vô cấu, vô tịnh” để tùy thuận, dùng “như mộng, như huyễn, như diệm, như hường, như ảnh, như hóa” để tùy thuận.

- Tùy thuận như vậy là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là vô pháp, là thật pháp, chẳng phải là hữu vi pháp. Bởi vậy nên nói chỗ hành xứ của Bồ tát là pháp vô tác (chẳng phải được làm ra), vô hoại (chẳng thể hoại), vô khứ (chẳng có đi), vô lai (chẳng có đến).

Như vậy là hết thấy các pháp chẳng theo 6 pháp Ba-la-mật mà đến, cũng chẳng vào trong Phật pháp, nên là chẳng từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu.

Lại nữa, hữu vi pháp là hư vọng, nên là chẳng có chỗ trú, vô vi pháp chẳng thể ức tướng phân biệt được, nên là chẳng có chỗ trú.

Do nơi 5 ấm hòa hợp mà khởi ra có 6 đường chúng sanh, khi 5 ấm chẳng còn tương tục nữa, thì cũng chẳng còn có 6

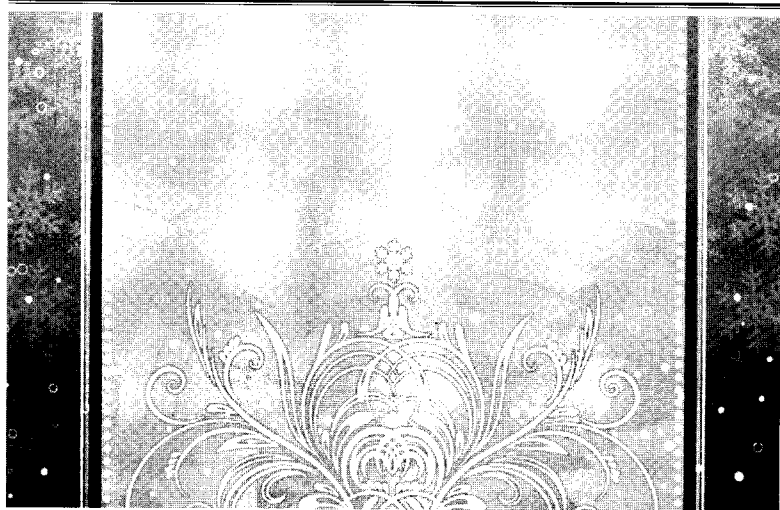
đường chúng sanh nữa. Lúc bấy giờ các tâm hành đều diệt, các ngôn ngữ đều đoạn.

Bởi vậy nên thật hành thâm Bát nhã Ba-la-mật là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng, cùng với Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

(Hết quyển 71)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 72



Phẩm Thứ Năm Mười Tư



Đại Như

KINH:

Lúc bấy giờ, chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đem hương chiên đàn và hoa sen tán giữa hư không để cúng dường Phật, đồng đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng sang một bên và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật thật là thâm thâm, vi diệu, khó thấy, khó giải, chẳng thể tư duy trừ lượng được.

Nếu dùng trí thế gian thì chẳng thể nào tin giải được. Vì sao? Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật giải rõ rằng: “Sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí”. Lại giải rõ rằng: “sắc như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay chư thiên tử! Sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí. Sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng và Bát nhã Ba-la-mật như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác.

Nay chư thiên tử! Bởi nghĩa ấy, nên khi Phật vừa thành đạo đã giữ yên lặng, chẳng muốn chuyển pháp

luân. Vì sao? Vì rằng Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá thâm thâm vi diệu, chẳng thể biết, chẳng thể thấy, chẳng thể tư duy trừ lượng được. Chỉ có những bậc thượng trí mới có thể biết được, nên người dùng trí thế gian chẳng sao có thể tin giải được.

Vì sao? Vì Vô Thượng Bồ Đề là chẳng có người đắc, chẳng có chỗ đắc, chẳng có thời đắc, là thậm thâm pháp cũng là bất nhị pháp vậy.

Này chư thiên tử! Vì hư không thậm thâm, nên pháp này thậm thâm, vì pháp như thậm thâm nên pháp này thậm thâm, vì pháp tánh thậm thâm, bất khả tư nghĩ tánh thậm thâm, vô biên thậm thâm, nên pháp này thậm thâm, vì vô khú thậm thâm, vô lai thậm thâm, nên pháp này thậm thâm, vì vô sanh thậm thâm, vô diệt thậm thâm, vô tri thậm thâm, vô đắc thậm thâm, nên pháp này thậm thâm.

Này chư thiên tử! Vì ngã thậm thâm... dẫn đến tri giả thậm thâm, kiến giả thậm thâm nên pháp này thậm thâm.

Này chư thiên tử! Vì sắc thậm thâm... dẫn đến thậm thức thậm thâm, Đàn Ba-la-mật thậm thâm... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, nội không thậm thâm... dẫn đến vô pháp hữu pháp không thậm thâm, 4 niệm xứ thậm thâm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí thậm thâm, nên pháp này thậm thâm.

Chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp này quá thậm thâm. Ở trong thế gian chẳng ai có thể tin giải được.

Bạch Thế Tôn! Pháp này thậm thâm vì chẳng thủ cũng chẳng xả sắc... dẫn đến chẳng thủ cũng chẳng xả Nhất thiết chủng trí.

Ở thế gian, hàng phàm phu hành sắc vì chấp sắc là ngã, là ngã sở... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí vì chấp Nhất thiết chủng trí là ngã, là ngã sở.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Đây chư thiên tử! Pháp thậm thâm này chẳng phải vì thủ hay vì xả sắc, mà được thuyết ra... dẫn đến chẳng phải vì thủ hay vì xả Nhất thiết chủng trí, mà được thuyết ra.

Này chư thiên tử! Nếu có Bồ tát nào vì thọ sắc... dẫn đến vì thọ Nhất thiết chủng trí mà tu hành, thì phải biết Bồ tát ấy chẳng thể nào thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thành tựu được 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến chẳng thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thậm thâm pháp này tùy thuận hết cả các pháp, và vô ngại đối với hết cả các pháp.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp này là “vô ngại tướng”, vì đồng như hư không, đồng như pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh. Lại nữa, cũng vì đồng như hư không nên pháp này là “vô tướng tướng”, là “vô tác tướng”.

Pháp này cũng là “vô sanh tướng”, vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng sanh. Pháp này cũng “vô xứ tướng”, vì xứ sở của sắc... dẫn đến xứ sở của Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc.

Lúc bấy giờ, chư thiên bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh. Vì sao? Vì những điều ngài Tu Bồ Đề nói ra đều hợp với tánh “không”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi chư thiên : Thừa chư vị thiên tử! Các ngài nói Tu Bồ Đề là Phật tử, là tùy Phật sanh chẳng?

* Thế nào gọi là tùy Phật sanh?

Do các pháp đều “như tướng”, nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh. Vì sao? Vì “Như Lai như tướng” là chẳng có đến, chẳng có đi, “Tu Bồ Đề như tướng” cũng là chẳng có đến, chẳng có đi. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Tu Bồ Đề từ trước đến nay đều tùy Phật sanh. Vì sao? Vì Như Lai như tướng tức là hết thấy pháp như tướng, hết thấy pháp như tướng tức là Như Lai như tướng. Trong “như tướng” cũng chẳng có tướng “như tướng”, nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai là “thường trú tướng”, Tu Bồ Đề cũng là “thường trú tướng”, Như Lai như tướng chẳng riêng khác, Tu Bồ Đề như tướng cũng chẳng riêng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh. Như Lai như tướng là vô ngại tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô ngại tướng, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Như Lai như tướng là vô tác tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô tác tướng, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai như tướng là vô niệm tướng, vô phân biệt tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô niệm tướng, vô phân biệt tướng, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai như tướng chẳng xả ly hết thấy pháp như tướng, nên chẳng phải như mà là nhất như. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh mà cũng chẳng có chỗ tùy.

Như Lai như tướng chẳng có quá khứ, hiện tại và vị

lai, hết thấy pháp như tướng cũng chẳng có quá khứ, hiện tại và vị lai. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Như Lai như tướng chẳng ở trong quá khứ như, quá khứ như cũng chẳng ở trong Như Lai như, Như Lai như tướng chẳng ở trong hiện tại như, hiện tại như cũng chẳng ở trong Như Lai như, Như Lai như tướng chẳng ở trong vị lai như, vị lai như cũng chẳng ở trong Như Lai như. Như Lai như cùng với quá khứ như, hiện tại như và vị lai như là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Sắc như... dẫn đến thức như, ngã như... dẫn đến tri giả như, kiến giả như, Đản Ba-la-mật như... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật như, nội không như... dẫn đến vô pháp hữu pháp không như, 4 niệm xứ như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như, cùng với Như Lai như là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề tùy Phật sanh.

Bồ tát Ma-ha-tát, do được “như”, nên được gọi là Như Lai.

-o0o-

Khi ngài Tu Bồ Đề thuyết về nghĩa “như tướng” xong, thì khắp cõi đại thiên thế giới đều dậy lên 6 điệu chấn động.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã tán thán Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm rồi. Vì sao nay còn tán thán nữa?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp thậm thâm vi diệu, khó tin, khó giải. Bởi vậy nên phải tùy theo căn trí của chúng sanh mà thuyết giảng có cạn, có sâu, khiến mọi người đều được lợi lạc.

Ví như nói “Hết thấy pháp đều là tánh không” là nói cạn, nói “Thế gian pháp tức là Phật pháp, là Niết bàn pháp” là nói sâu v.v...

Ví như dòng sông có khúc cạn, khúc sâu. Cũng như vậy, thuyết về Bát nhã Ba-la-mật có lúc phải nói cạn, có lúc phải nói sâu. Dù nói cạn hay nói sâu thì người nghe pháp vẫn có thể sanh tín tâm. Thế nhưng nếu chưa có đầy đủ trí huệ, thì cũng vẫn chẳng có thể lãnh hội được chỗ thâm nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật được.

Hỏi: *Nếu hàng chư thiên tán thán Bát nhã Ba-la-mật là thâm thâm, mà người thế gian vẫn chưa có thể lãnh hội được, thì nói ra làm gì?*

Đáp: Người thế gian nghe tán thán danh tự Bát nhã Ba-la-mật đã có thể tin được, nhưng đó chỉ mới là “sơ tín”. Nếu nghe xong mà dùng trí huệ để phân biệt rồi mới tin, thì đó mới là “chánh tín”.

Bởi vậy nên khi nghe nói về vi diệu, tịch diệt pháp, thì chỉ có người trí mới có thể tin giải mà thôi.

Hỏi: *Vì sao nghe nói về vi diệu, tịch diệt pháp, mà người trí có thể tin giải được?*

Đáp: Phật là đấng Chánh Biến Tri. Người thế gian chẳng sao có thể suy lường được chỗ hành xử của Phật. Người đã chứng được tịch diệt trí rồi cũng chỉ biết được có một phần ít mà thôi.

Ví như người đắc quả Tu-đà-hoàn, vì chỉ mới đoạn được 3 phần kiết sử, nên chỉ biết được một phần ít về Vô Thượng Bồ Đề. Cứ như vậy nếu hành giả tiến tu cho đến khi đắc quả A-la-hán, đoạn được 10 phần kiết sử, thì sẽ biết được rõ hơn về Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói người trí khi đã chứng được tịch diệt trí thì đã có thể tín giải được một phần về Nhất thiết chủng trí, về Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Người thế gian thường chỉ chấp danh tự, chấp tướng, nên chẳng có thể tín giải được, mà nếu tin thì cũng chỉ mới là “so tín” thôi.

-o0o-

Lại nữa, khi nói về “danh tự Bát nhã Ba-la-mật”, đối với hàng tân học Bồ tát thì đó là “Bát nhã Ba-la-mật”, thế nhưng đối với chư Phật và chư đại Bồ tát, thì đó chính là “Vô Thượng Bồ Đề”.

Bởi nhân duyên vậy, nên hàng chư thiên đã tán thán: Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật thâm vi diệu. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật giải rõ rằng: Sắc tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí. Sắc như tướng... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật như tướng, cùng với Bát Nhã La Mật như tướng là nhất như, là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Lời tán thán của chư thiên đã được Phật ấn chứng.

-o0o-

Lại nữa, hàng phàm phu do vì chấp danh, chấp tướng, nên mới khởi phân biệt các pháp có tướng sai khác. Ví như do so sánh cung điện nguy nga với nhà tranh mục nát, mà nảy sanh ý niệm về sang hèn, giàu nghèo, như do so sánh hương chiên đàn với mùi gỗ tạp mà nảy sanh ý niệm về tốt xấu v.v...

Thế nhưng, khi đã nhận rõ được thật tướng của các pháp rồi, thì sẽ thấy rõ hết thảy pháp đều là như tướng, là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác. Khi mới thành đạo, Phật chưa vội chuyên pháp luân. Vì sao? Vì Phật biết rõ hàng phàm phu khó tin, khó ngộ được thật tướng pháp, chẳng sao có thể hiểu được rằng hết thảy pháp đều là nhất như, là như hư không, là như pháp tánh, là chẳng phải hai chẳng phải khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thảy người ở thế gian chẳng có thể tin được, vì thậm thâm pháp này chẳng thủ hết thảy pháp, cũng chẳng xả hết thảy pháp.

Phật dạy: Bồ tát nào vì thọ sắc... dẫn đến vì thọ Nhất thiết chủng trí mà tu hành, thì chẳng sao thành tựu được các công đức, chẳng sao thành tựu được Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng sao thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật tùy thuận hết thảy pháp và vô ngại đối với hết thảy pháp. Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô ngại tướng, nên là đồng như hư không.

Ví như bức tường trước khi được xây, thì ở tại vị trí đó vốn là hư không. Khi bức tường đã được xây lên rồi, người ta có thể dùng đinh để đóng vào, tre nít yếu sức chỉ đóng vào được chút ít, còn người lớn mạnh khỏe có thể đóng lún cả cây đinh vào tường. Cũng như vậy, hết thảy các pháp đều là tự tướng không, mà người ít trí huệ chẳng có thể biết được như vậy. Trái lại, người có đại trí huệ biết rõ hết thảy các pháp, ở nơi thật tướng đều là bình đẳng, là vô tướng, là vô ngại, là như hư không, biết rõ hết thảy pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh... đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì

nếu các pháp là khả đắc (có thể được) thì chẳng phải là rốt ráo không, chẳng phải là vô ngại, chẳng phải là vô trú xứ vậy.

-o0o-

Lúc bấy giờ chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, tùy Phật sanh. Vì sao? Vì những điều ngài Tu Bồ Đề nói ra đều hợp với tánh “không”.

Nên biết “sanh” có ba nghĩa. Đó là:

- Tùy thuận sanh.
- Tùy thuận thắng sanh.
- Bất tùy thuận sanh.

Người thế gian, khi sanh con mong được tùy thuận sanh, và tùy thuận thắng sanh, nghĩa là mong con mình về sau sẽ hơn cha mẹ, cho đó là nhà có phước.

Ở trong Phật đạo chỉ có tùy thuận sanh. Vì sao? Vì Phật là bậc có trí huệ thù thắng nhất, chẳng có chúng sanh nào sánh kịp. Ở đây, cũng nên biết trong kinh có nói đến “từ miệng Phật sanh”, và “từ pháp sanh”. Đây là nói về các vị đã chứng được 4 quả Thanh Văn, hoặc đã vào Bồ Tát vị.

Bích Chi Phật tuy cũng từ pháp Phật sanh, nhưng khi ra đời chẳng gặp Phật, chỉ tự nghiệm pháp mà được đạo. Bởi vậy nên chẳng được gọi là “từ miệng Phật sanh”.

Ngài Tu Bồ Đề đã được lậu tận, lại khi ra đời được gặp Phật, nghe Phật thuyết pháp và bản thân cũng thường thuyết pháp “không”, nên được gọi là “tùy Phật sanh”.

Hỏi: Vì sao chẳng nói Bồ tát vào chánh vị là tùy Phật sanh?

Đáp: Có thuyết nói Bồ tát do còn lưu hoặc đề độ sanh, nên dù chưa lậu tận mà đã vào Vô Dư Niết bàn. Trái lại, A-la-hán đã được lậu tận rồi nhưng do còn chấp pháp nên chỉ vào Hữu Dư Niết bàn, để tiến nhập vô Dư Niết bàn.

Bởi vậy nên nói Bồ tát dù đã có đại trí huệ, đã vào pháp vị nhưng do còn lưu hoặc đề độ sanh, còn qua lại trong sanh tử nên chẳng được gọi là “tùy Phật sanh”.

Lại có thuyết nói rằng, có hai trường hợp thuyết kinh *Bát Nhã Ba La Mật*.

Đó là:

- Thuyết riêng cho hàng đại Bồ tát Đại thừa.

- Thuyết chung cho cả hai thừa, Bồ tát thừa và Thanh Văn thừa. Chỉ có hàng đại Bồ tát chẳng còn do nghiệp sanh mà chỉ do ứng hóa sanh, vì đã vượt ra ngoài 3 cõi, đã đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, mới được gọi là “tùy Phật sanh”. Các bậc “Pháp tánh sanh thân Bồ tát” này dù vẫn còn trú trong thế gian, mà vẫn chẳng dụng tâm trú.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề là “Pháp tánh sanh thân Bồ tát” thị hiện làm Thanh Văn, nên là “tùy Phật sanh”. Ngài có đại huệ lực, thường thuyết thâm thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên là “tùy Phật sanh”. Nếu ngài thủ chấp Niết bàn, thì chẳng thể được gọi là “tùy Phật sanh” được.

Thế nhưng khi chư thiên tán thán rằng “Ngài Tu Bồ Đề là Phật tử, là tùy Phật sanh, vì những điều ngài nói ra đều hợp với tánh không”, thì ngài Tu Bồ Đề chẳng thọ lời tán thán ấy mà giải thích rằng:

- Như Lai là như tướng, chẳng có đến, chẳng có đi, Tu Bồ Đề cũng là như tướng, chẳng có đến, chẳng có đi. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai là như tướng, là rốt ráo không, hết thấy pháp cũng đều là như tướng, là rốt ráo không. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng là vô ngại tướng, hết thấy pháp như tướng cũng là vô ngại tướng. Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng là vô tác tướng, vô niệm tướng, vô phân biệt tướng, là như hư không tướng, hết thấy pháp như tướng cũng đều là như vậy, Như Lai như tướng và hết thấy pháp như tướng là nhất như, chẳng hai, chẳng khác. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng chẳng xả ly hết thấy pháp như tướng nên chẳng phải như mà là nhất như. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng chẳng ức tướng phân biệt ba cõi, ba thời, hết thấy pháp như tướng cũng chẳng phân biệt ba cõi, ba thời. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

- Như Lai như tướng chẳng ở trong ba cõi, ba thời, hết thấy pháp như tướng cũng chẳng ở trong ba cõi, ba thời. Bởi vậy nên nói Tu Bồ Đề là tùy Phật sanh.

Vì sao? Vì Như Lai là rốt ráo không, quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều là rốt ráo không, nên Như Lai chẳng trú trong ba thời, ví như hư không chẳng trú trong hư không vậy. Lại nữa, Như Lai là vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt, là vô lượng, vô biên, ba thời cũng đều là như vậy, nên Như Lai

chẳng trú trong ba thời.

Dẫn đến mười phương ba cõi cũng là như vậy.

- Sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như, cùng với Như Lai như là nhất như, là chẳng hai, chẳng khác.

Vì sao? Vì hết thấy pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cùng với Như Lai đều do duyên hòa hợp mà giả danh có, đều là bất khả đắc, đều là rốt ráo không, là như pháp tánh thật tế cả. Sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như, cùng với Như Lai như là nhất như, là chẳng hai, chẳng khác. Phạm phu chấp tướng các pháp nên thấy có các pháp sai biệt, chẳng biết rằng hết thấy pháp đều bình đẳng, chẳng có phân biệt, chư Thánh Hiền vào trong “bất nhị pháp môn” rồi, nên thấy các pháp đều bình đẳng, đều là nhất như, là chẳng hai, là chẳng khác vậy.

-o0o-

Phật từ nơi thật tánh, “như” mà đến, nên được gọi là đấng Như Lai.

-o0o-

KINH:

Chư thiên cõi Dục và cõi Sắc đem hương chiên đàn tán giữa hư không để cúng dường Phật và ngài Tu Bồ Đề, rồi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Ngài Tu Bồ Đề y nơi Như Lai như mà tùy Phật sanh.

Ngài Tu Bồ Đề lại vì chư thiên nói về nghĩa “Pháp như”.

Ngài nói: Thừa chư vị thiên tử! Tu Bồ Đề chẳng từ

trong sắc, chẳng ly sắc, chẳng từ trong sắc như, chẳng ly sắc như mà tùy Phật sanh... dẫn đến chẳng từ trong Nhất thiết chủng trí, chẳng ly Nhất thiết chủng trí, chẳng từ trong Nhất thiết chủng trí như, chẳng ly Nhất thiết chủng trí như mà tùy Phật sanh.

Tu Bồ Đề chẳng từ trong vô vi, chẳng ly vô vi, chẳng từ trong vô vi như, chẳng ly vô vi như mà tùy Phật sanh.

Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc, nên là chẳng tùy người, chẳng tùy pháp.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Pháp như” là chân thật, chẳng phải hư vọng, là pháp trú, pháp vị, là thậm thâm vi diệu pháp. Trong “Pháp như” thì sắc bất khả đắc, sắc như bất khả đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, Nhất thiết chủng trí như bất khả đắc. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc, huống nữa là sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Xá Lợi Phất! “Pháp như” là chân thật, chẳng phải hư vọng, là pháp trú, pháp vị, là thậm thâm vi diệu pháp. Trong đó, sắc bất khả đắc, sắc như bất khả đắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, Nhất thiết chủng trí như bất khả đắc. Vì sao? Vì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là bất khả đắc, huống nữa là sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như.

Khi ngài Xá Lợi Phất vừa thuyết xong về nghĩa “Pháp như tướng” này, thì trong chúng hội liền có 200 vị Tỷ-kheo chẳng còn thọ hết thấy pháp, được lậu tận A-la-hán. Có 500 vị Tỷ-kheo ni được viễn ly trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, có 5.000 vị Bồ tát được vô sanh pháp

nhẫn, lại có 6.000 vị Bồ tát chẳng còn thọ hết thấy pháp, được lậu tận, tâm được giải thoát thành A-la-hán.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Số 6.000 vị Bồ tát thành A-la-hán trên đây, ở đời trước đã gặp 500 đức Phật, đã thân cận, cung kính, cúng dường các đức Phật ấy, đã thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Thế nhưng những Bồ tát này do chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên nghĩ rằng: “Đây là bố thí, đây là trì giới, đây là nhẫn nhục, đây là tinh tấn, đây là thiền định, đây là trí huệ”.

Do chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng vào được “Vô Nhị Tướng”, chẳng vào được Bồ tát vị, mà chỉ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán.

Này Xá Lợi Phất! Bồ tát nào khi thật hành Bồ tát đạo mà xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có được lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật, nên ở nơi thật tế mà lại tác chứng các quả vị Thanh Văn.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên gì mà cùng tu hành các pháp “Không, vô tướng và vô tác”, lại có người chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, khiến phải lạc về Thanh Văn địa, có người có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát nào tu “Không, vô tướng và vô tác” mà xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên phải bị lạc về Thanh Văn địa. Còn Bồ tát nào tu “Không, vô tướng và vô tác” mà thường chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật thì có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật. Do được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên Bồ tát này

chẳng lạc về Thanh Văn địa, vào được Bồ tát vị... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Xá Lợi Phát! Ví như có con chim có thân lớn cả hàng trăm do tuần, mà chẳng có đôi cánh, rơi từ cõi trời Đao Lợi xuống tận cõi Diêm Phù Đề. Ý ông nghĩ sao? Khi đang trên đường rơi, con chim ấy muốn trở về cõi trời Đao Lợi thì như vậy có thể được chăng?

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Con chim ấy muốn khi rơi xuống cõi Diêm Phù Đề vẫn giữ được thân hình nguyên vẹn, muốn chẳng bị đau đớn. Ý ông nghĩ sao? Con chim ấy muốn như vậy có được chăng?

Ngài Xá Lợi Phát bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy. Con chim ấy rơi từ trên cao xuống, ắt phải chịu đau đớn rất nhiều... dẫn đến phải chết. Vì sao? Vì chim có thân hình quá lớn, quá nặng, mà lại chẳng có đôi cánh vậy.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phát! Bồ tát cũng là như vậy. Dù đã trải qua vô lượng kiếp tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, dù đã phát đại tâm, đã hành đại sự để cầu Vô Thượng Bồ Đề, nhưng nếu Bồ tát xa rời lục phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng vẫn bị lạc về Thanh Văn địa hoặc Bích Chi Phật địa.

Này Xá Lợi Phát! Có Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, tưởng niệm các công đức thọ trì “giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến” của 3 đời chư Phật, mà thủ chấp tướng thọ trì, cũng như nghe các danh tự “Không, vô tướng, vô tác” mà thủ chấp các danh tự ấy để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Phải biết vị Bồ tát ấy chẳng có thể

vượt qua Thanh Văn và Bích Chi Phật địa được. Vì sao? Vì Bồ tát ấy do xa rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, mà thủ chấp các tướng thiện căn để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này Xá Lợi Phất! Có Bồ tát từ sơ phát tâm đến nay, tu tập 6 pháp Ba-la-mật, chẳng xa rời “Tát Bà Nhã đại bi tâm”, lại có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng thủ chấp tướng thọ trì “giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến” của 3 đời chư Phật, chẳng thủ chấp các danh tự “không, vô tướng, vô tác”. Phải biết vị Bồ tát ấy chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà thẳng tiến đến Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát ấy từ sơ phát tâm đến nay hành 6 pháp Ba-la-mật mà chẳng chấp tướng, chẳng chấp tướng thọ trì “giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến” của 3 đời chư Phật.

Này Xá Lợi Phất! Như vậy gọi là Bồ tát có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, dùng tâm ly tướng mà tu hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến dùng tâm ly tướng mà tu hành Nhất thiết chủng trí.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đã rõ về nghĩa Phật dạy. Nếu có Bồ tát nào trọn chẳng rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết vị Bồ tát ấy đã gần đến được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát ấy, từ sơ phát tâm đến nay, thấu rõ là chẳng có pháp biết được (khả tri), dù pháp đó là sắc, là thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Bồ tát đạo mà xa rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy chưa quyết định sẽ được, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ

ấy hành bố thí mà thủ chấp tướng... dẫn đến hành trí huệ mà thủ chấp tướng. Bởi vậy nên chẳng quyết định sẽ được, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Bạch Thế Tôn! Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải chẳng nên xa rời lục phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, lại phải dụng tâm “vô đắc, vô tướng” mà tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến phải dụng tâm “vô đắc, vô tướng” mà tu tập Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

LUẬN:

Khi tán hương chiêm đàn giữa hư không để cúng dường Phật và ngài Tu Bồ Đề, và tán thán ngài Tu Bồ Đề “y nơi Như Lai như mà tùy Phật sanh”, chư thiên đã nghĩ rằng: Ngài Tu Bồ Đề có đại trí huệ, nên những lời ngài nói ra đều là như lời Phật, ngài đúng là tùy Phật sanh.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chư thiên chưa thật hiểu rõ về thâm nghĩa của “Pháp Như”. Ngài muốn đoạn các nghi chấp đó, nên nói với chư thiên rằng: “Như” là rốt ráo không. Rồi ngài giải thích thêm:

- Tu Bồ Đề chẳng phải từ trong sắc... dẫn đến chẳng phải từ trong Nhất thiết chủng trí mà tùy Phật sanh.

- Tu Bồ Đề chẳng phải ly sắc... dẫn đến chẳng phải ly Nhất thiết chủng trí, mà tùy Phật sanh.

- Tu Bồ Đề chẳng phải từ trong sắc như... dẫn đến chẳng phải từ trong Nhất thiết chủng trí như, mà tùy Phật sanh.

- Tu Bồ Đề chẳng phải ly sắc như... dẫn đến chẳng phải ly Nhất thiết chủng trí như, mà tùy Phật sanh.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là vô sở hữu, đều là bất khả đắc, nên là chẳng tùy người, chẳng tùy pháp.

-o0o-

Ngài Xá Lợi bạch Phật rằng: “Pháp như” là chân thật, chẳng phải hư vọng, là thậm thâm vi diệu pháp. Trong “pháp như” thì sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng bất khả đắc huống nữa là sắc như... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như.

Hỏi: *Sắc pháp và sắc pháp như khác nhau như thế nào?*

Đáp: Sắc pháp là pháp thấy được. Sắc pháp như chỉ là “danh tự pháp”, nhưng đó là thật pháp, chẳng hư dối. Phàm phu mê muội, chẳng hiểu rõ “sắc pháp như” nên mới khởi ra các bất thiện nghiệp, khiến phải bị đọa vào 3 đường ác. Nếu khởi được các thiện nghiệp, thì cũng chỉ hưởng được phước báo cõi trời và cõi người.

-o0o-

Hành giả muốn được vô lậu nghiệp, thì phải hướng về Đại thừa pháp mới có được đại lợi ích. Nếu chỉ trú nơi Thanh Văn pháp thì chẳng có thể được rốt ráo thanh tịnh, chẳng vào được nơi “Như tướng pháp”, phàm phu điên đảo, vọng chấp các sắc pháp hữu vi, mà chẳng biết rằng hết thấy pháp, ở nơi thật tướng đều là “như”.

Nếu biết rõ được rằng hết thấy sắc pháp đều là “như” thì mới vào được nơi thật tướng pháp, mới có thể biết rõ hết thấy pháp đều là nhất như, chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề khiêm tốn nói rằng: Chẳng

phải chỉ riêng mình tôi là tùy Phật sanh, mà hết thầy pháp cũng đều là như vậy cả. Ngài Xá Lợi Phất tán thán ngài Tu Bồ Đề đã khai thị về nghĩa của “pháp như tướng”, khiến chúng hội được lợi ích.

Hỏi: *Đây là hội thuyết về Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao lại nói có 6.000 vị Bồ tát được quả A-la-hán?*

Đáp: Phật biết rõ sẽ có người vấn nạn về điểm này, nên đã vì chúng hội mà nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Những người này, do chẳng tu lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên bị lạc về Thanh Văn địa. Lại nữa, vì họ xa rời Bát nhã Ba-la-mật, thủ chấp các thiện pháp nên khi nghe Phật thuyết Bát nhã Ba-la-mật, tự biết mình chưa có được tâm từ bi rộng lớn. Do vậy mà họ nhàm chán thế gian, mong cầu tự lợi, chẳng thọ hết thầy pháp, khiến ở nơi thật tế mà tác chứng quả Thanh Văn, được quả A-la-hán vậy.

Hỏi: *Trong kinh nói rằng “6.000 vị Bồ tát này do chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật nên dù tu tập các pháp Ba-la-mật cũng chẳng vào được vô nhị tướng, mà chỉ chứng được quả A-la-hán.”*

Như vậy, nếu các vị Bồ tát này được vô vi pháp, thì có vào được Bồ tát vị chăng?

Đáp: Các vị Bồ tát này ở đời quá khứ đã tu tập các Ba-la-mật công đức, nhưng còn thủ chấp nên chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, chẳng vào được Bồ tát vị. Nay nghe Bát nhã Ba-la-mật, dù vào được vô vi pháp nhưng do chưa phát đại bi tâm làm lợi ích cho chúng sanh nên ở nơi thật tế mà chỉ tác chứng quả vị Thanh Văn.

Hỏi: *Vì sao cùng tu hành các pháp “Không, vô tướng, vô*

tác” mà có người đến được Vô Thượng Bồ Đề, có người lại chỉ chứng được quả vị Thanh Văn?

Đáp: Hạng người thứ hai nêu trên đây, vì ly Tát Bà Nhã đại bi tâm, vì chẳng có phát đại nguyện làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh, nên dù có tu tập “Không, vô tướng, vô tác”, cũng chẳng thể nào đến được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì tu như vậy là chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như con chim to lớn mà chẳng có đôi cánh, rơi từ trên cao xuống, ắt phải chịu đau đớn rất nhiều, dẫn đến có thể phải chết. Cũng như vậy, Bồ tát chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, ắt sẽ phải lụi sụt về Thanh Văn địa, đánh mất Bồ tát bốn nguyện công đức vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải chẳng nên xa rời lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, phải dụng tâm “vô đắc, vô tướng” mà tu tập Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

KINH:

Lúc bấy giờ chư thiên bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vô Thượng Bồ Đề rất khó được. Vì sao? Vì Bồ tát Ma-há-tát phải biết hết thấy pháp mới được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nhưng, pháp ấy lại là pháp bất khả đắc.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay chư thiên tử! Vô Thượng Bồ Đề rất khó được. Ta cũng được hết thấy pháp, được hết thấy trí rồi mới được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nhưng pháp ấy là pháp vô sở đắc (chẳng có chỗ đắc), vô năng tri (chẳng hay biết), vô sở tri (chẳng có

chỗ biết), vô tri giả (chẳng có người biết). Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Theo như lời Phật dạy, thì Vô Thượng Bồ Đề rất khó được, nhưng theo chỗ con hiểu, thì Vô Thượng Bồ Đề này rất dễ được. Vì sao? Vì chẳng có người được Vô Thượng Bồ Đề cũng chẳng có pháp gì để được cả.

Hết thấy pháp đều là không, đều là vô pháp, đều chẳng tăng, chẳng giảm, nên hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là vô sở đắc (chẳng có chỗ được), là chẳng có người năng đắc (hay được), chẳng có pháp khả đắc (để được) vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên con tự niệm rằng Vô Thượng Bồ Đề rất dễ được. Vì sao? Vì sắc và sắc tướng là không... dẫn đến Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tướng là không.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu hết thấy pháp đều là không, là như hư không, thì cũng chẳng nên dấy niệm “Ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề”.

Nếu Bồ tát tín giải được rằng các pháp đều là không, là như hư không, rằng Vô Thượng Bồ Đề là rất dễ được, thì vì sao hiện nay vẫn còn hằng sa Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề lại thoái chuyển? Thế nên, Vô Thượng Bồ Đề chẳng phải dễ được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Ý ngài nghĩ sao? Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, thì sắc có thoái chuyển chẳng? Thọ, tưởng, hành, thức có thoái chuyển chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có thoái chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, thì Nhất thiết chủng trí có thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, nếu ly sắc... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí, thì có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, thì sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng có thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, nếu ly sắc như tướng... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí như tướng thì có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề thì pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh, có thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề nếu ly pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh, thì có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có pháp gì thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Các pháp đều rốt ráo bất khả đắc, nên ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng có pháp gì thối chuyển cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo như lời ngài nói, thì Bồ tát khi đã vào trong pháp nhẫn rồi, thì ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng còn thối chuyển nữa. Lại theo lời Phật dạy, thì người cầu Thanh Văn đạo, người cầu Bích Chi Phật đạo và người cầu Phật đạo đều bình đẳng, chẳng có phân biệt. Như vậy, vì sao ngài lại nói chỉ có Bồ tát cầu Phật đạo mà thôi?

-o0o-

Lúc bấy giờ ngài Phú Lô Na nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Ngài nên hỏi ngài Tu Bồ Đề có phải chỉ có một thừa là Bồ tát thừa chăng?

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài muốn nói chỉ có một thừa duy nhất là Bồ tát thừa chăng?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi lại: Ở nơi “pháp như” mà ngài muốn có ba thừa là Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa và Phật thừa chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có được vậy.

Ngài Tu Bồ đề hỏi: Ở trong ba thừa sai biệt đó, thì “pháp như” là khả đắc (có thể được) chăng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng thể được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Như tướng” là một tướng hay là hai tướng, là ba tướng chăng...?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Như tướng” chỉ là một tướng, chẳng phải là hai, ba... tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong “Pháp như” ngài nghĩ rằng có một thừa... dẫn đến có nhiều thừa chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Chẳng có được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong tất cả bốn vấn đề nêu trên đây, ngài thấy rằng ba thừa đều bất khả đắc. Như vậy, vì sao ngài còn dấy niệm là có người cầu Thanh Văn thừa, có người cầu Bích Chi Phật thừa, có người cầu Phật thừa?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu có Bồ tát nào nghe “Pháp như tướng” này, mà chẳng kính, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi, thì phải biết vị Bồ tát ấy sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Lúc bấy giờ Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề rằng: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Lời của ông nói ra đó đều nhờ nơi Phật lực. Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào nghe thuyết “Như” là chẳng có các pháp sai biệt, mà chẳng kính, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi, thì phải biết vị Bồ tát đó sẽ thành tựu Vô Thượng bồ Đề.

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thành tựu Bồ Đề nào?

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Chư thiên dấy niệm nghĩ rằng “Vô Thượng Bồ Đề rất khó được”, nên đã bạch Phật rằng: Vô Thượng Bồ Đề là bất khả đắc, mà chư Bồ tát phải quán hành, phải tu tập để được Vô Thượng Bồ Đề, nhằm cứu độ chúng sanh. Phật ẩn chứng lời

của chư thiên, và dạy rằng: Ta ngồi đạo tràng, dùng hết thầy trí, được hết thầy pháp, nhưng chẳng có pháp nào là có định tướng, chẳng có pháp nào là khả đắc, vì các pháp đều là rốt ráo thanh tịnh.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Vô Thượng Bồ Đề dễ được, vì hết thầy pháp đều rốt ráo không, nên chẳng có pháp Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có chướng ngại, chẳng có chỗ tu, chẳng có chỗ được vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu Vô Thượng Bồ Đề dễ được, thì vì sao vẫn có hằng sa Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề lại phải thối tâm?

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên một số câu hỏi:

* Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề:

- Sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí có thối chuyển chăng?

- Sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng có thối chuyển chăng?

- Pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh có thối chuyển chăng?

* Ở nơi Vô Thượng Bồ Đề:

- Ly sắc... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí, có pháp gì thối chuyển chăng?

- Ly sắc như tướng... dẫn đến ly Nhất thiết chủng trí như tướng có pháp gì thối chuyển chăng?

- Ly pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, bất khả tư nghì tánh có pháp gì thối chuyển chăng?

Ngài Xá Lợi Phất biết rõ hết thảy pháp đều là tánh không nên đã trả lời rằng: Chẳng có thói chuyển vậy. Vì hết thảy pháp đều là “như”, là tợ như hư không, nên chẳng có thói chuyển.

-o0o-

Theo lời ngài Tu Bồ Đề thì Bồ tát nào đã vào được trong “pháp nhãn” rồi, chẳng còn thói chuyển nữa. Đây là một pháp môn tu, phải hành pháp “không” mới vào được pháp môn này.

Ngài Xá Lợi Phất, tuy đã lãnh hội được lời nói của ngài Tu Bồ Đề, nhưng vì Phật pháp mà ngài hỏi tiếp: Nếu chẳng có người cầu đạo thối tâm, thì người tu sẽ được thành Phật cả. Như vậy, vì sao còn phân biệt có ba thừa?

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên bốn câu hỏi để phá chấp về ba thừa.

Ngài hỏi ngài Xá Lợi Phất rằng:

- Ở nơi “pháp như” mà muốn có ba thừa sai biệt chẳng?
- Ở nơi 3 thừa sai biệt thì “Pháp như” là bất khả đắc chẳng?
- “Như tướng” là một tướng, hay là nhiều tướng chẳng?
- Trong “Pháp như” có một thừa... dẫn đến có nhiều thừa chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất đều đáp lại rằng: Chẳng có được vậy.

Phật tán thán ngài Tu Bồ Đề: Lành thay, lành thay!

Và Phật dạy rằng: Nếu có Bồ tát nào nghe thuyết “Như” mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì đó là Bồ tát sẽ thành tựu được Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: Vì sao ngài Xá Lợi Phất hỏi Phật “Thành tựu Bồ Đề nào”?

Đáp: Nên biết ở nơi mỗi thừa đều có quả Bồ Đề. Bởi vậy nên ngài Xá Lợi Phất mới hỏi như trên.

Nên biết Bồ Đề Đại thừa, tức là Bồ Đề của Phật, là quả vị tối thượng nên được gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên Phật đáp: Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề là vào nơi thật tướng pháp, nơi rất ráo không, biết rõ hết thấy pháp đều chẳng có định tướng, đều là nhất tướng, là vô tướng, là như tướng vậy. Nếu lý rất ráo không, thì mới thấy có ba thừa pháp phân biệt.

Phật tùy theo căn trí của chúng sanh, mà phân biệt thuyết có 3 thừa pháp. Đây chỉ là phương tiện nhằm dẫn dắt chúng sanh dần dần tiến đến Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Muốn thành tựu Vô thượng Bồ Đề, thì Bồ tát phải tu hành như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Khởi tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm bình đẳng, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm đại từ bi đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm đại từ bi, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm khiêm tốn đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm khiêm tốn, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm an ổn đối với hết thấy chúng sanh, lại phải dụng tâm an ổn, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm vô ngại đối với hết thầy chúng sanh, lại phải dụng tâm vô ngại, khi nói năng với họ.

- Khởi tâm vô não đối với hết thầy chúng sanh, chẳng làm não hại chúng sanh, lại phải dụng tâm vô não, khi nói chuyện với họ.

- Khởi tâm ái kính đối với hết thầy chúng sanh, xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, lại phải dụng tâm ái kính, khi nói năng với họ.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình chẳng sát sanh, dạy người khác chẳng sát sanh, tán thán pháp “không sát sanh”, hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh.

- ... dẫn đến tự mình chẳng tà kiến, dạy người khác chẳng tà kiến, tán thán pháp “không tà kiến”, hoan hỷ tán thán người chẳng tà kiến.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình tu 4 thiên, từ sơ thiên... dẫn đến đệ tứ thiên, tự mình tu 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, tự mình tu 4 Vô Sắc định, từ Không Vô Biên Xứ Định... dẫn đến Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng Xứ Định. Dạy người khác tu 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 Vô Sắc định, tán thán các pháp môn ấy và hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình tu 6 pháp Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, tự mình tu 18 pháp không, từ nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, tự mình tu 37 Phẩm Trợ Đạo, từ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo. dạy người khác tu 6 pháp Ba-la-mật, 18 pháp không,

37 Phẩm Trợ Đạo, tán thán các pháp môn ấy và hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình tu 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”, tự mình tu 8 bối xả, 9 thứ đệ định, tự mình tu 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi... dẫn đến tự mình tu 18 bất cộng pháp. Dạy người khác tu 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp, tán thán các pháp môn ấy hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình tu quán thuận và quán nghịch 12 nhân duyên, dạy người khác tu quán thuận và quán nghịch 12 nhân duyên, tán thán các pháp tu quán ấy và hoan hỷ tán thán người tu các pháp quán ấy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình biết dứt khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo. Dạy người khác biết dứt khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, tán thán các pháp môn ấy, và hoan hỷ tán thán người tu các pháp môn ấy.

- Tự mình chứng tri quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, mà chẳng thủ chứng các quả vị ấy, dạy người khác chứng tri mà chẳng thủ chứng các quả vị ấy, tán thán các quả vị ấy, và hoan hỷ tán thán người chứng tri mà chẳng thủ chứng các quả vị ấy.

- Tự mình vào Bồ tát vị, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, dạy người khác vào Bồ tát vị, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Hoan hỷ tán thán người vào Bồ tát vị, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

- Tự mình phát khởi thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí, dạy người khác phát khởi thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí, hoan hỷ tán thán người phát khởi thần thông, sanh Nhất thiết chủng trí.

- Tự mình đoạn dứt sạch tập khí kiết sử, dạy người khác đoạn dứt sạch tập khí kiết sử, hoan hỷ tán thán người đoạn dứt sạch tập khí kiết sử.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải:

- Tự mình giữ gìn thọ mạng thành tựu, dạy người khác giữ gìn thọ mạng thành tựu, hoan hỷ tán thán người giữ gìn thọ mạng thành tựu.

- Tự mình thành tựu pháp trụ, dạy người khác thành tựu pháp trụ, hoan hỷ tán thán người thành tựu pháp trụ.

Này Tu Bồ Đề! Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải tu hành như vậy, phải học lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Bồ tát nào học như vậy, hành như vậy sẽ được vô ngại ở nơi sắc, sẽ được vô ngại ở nơi thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến sẽ được vô ngại ở nơi pháp trụ. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng thọ sắc, ... dẫn đến chẳng thọ Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Khi Phật thuyết thời pháp về Bồ tát hạnh này xong, thì liền có 2.000 vị Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

LUẬN:

Khi ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải tu hành như thế nào?”, Phật đã đáp lại rằng:

Muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải khởi tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, chẳng được thiên vị.

Vì sao? Vì do 5 ấm hòa hợp mà giả danh có chúng sanh. Chúng sanh cũng như hết thảy pháp, ở nơi thật tướng đều là không, là bình đẳng, chẳng có phân biệt.

Vì chúng sanh thường khởi ba tâm “oán, thân, chẳng oán cũng chẳng thân”, nên Phật dạy chúng sanh phải khởi tâm bình đẳng, chớ nên khởi phân biệt giữa oán với thân, lại cũng chớ nên dùng, thờ ơ đối với người khác.

Vì chúng sanh thường khởi hai tâm “ái, tắng” (thương, ghét), nên Phật dạy chúng sanh phải xả ly “ái, tắng”. Vì sao? Vì ái (thương) cũng như tắng (ghét) đều là tham dục, là phiền não. Bởi vậy phải hành tâm từ ái bình đẳng.

Người thế gian thường khởi tâm thương cha mẹ, vợ chồng, con cháu, bà con, bạn bè của mình, dùng dung đối với những người khác, lại oán ghét kẻ xấu ác với mình. Trái lại, Bồ tát chuyển tâm thế gian thành tâm từ ái, vô phân biệt, nên khởi sanh pháp hỷ, tự mình xả tắng ái và cũng dạy người khác xả tắng ái.

Người thế gian thường lấy oán trả oán, khiến oán thù chồng chất. Trái lại Bồ tát xem chúng sanh bình đẳng nên chẳng khởi ác niệm, chẳng hại người, chẳng oán ghét người hại mình, mà còn khởi từ bi tâm, đem lại sự an ổn cho mọi người.

Xét về các hành động ác cũng như thiện, thì người thế gian thường xếp thành ba hạng: Hạng tiểu, hạng trung, hạng đại.

- Người tiểu ác là người chẳng biết đền ơn đáp nghĩa với người tốt với mình, hoặc ngu muội mà gây phiền não, khổ đau cho kẻ khác.

Người trung ác là người khởi ác âm hại người mà từ trước mình đã giao hảo. Nhưng vì một lý do nào đó mà có sự bất hòa, khiến trở thành thù nghịch. Người đại ác là người khởi ác tâm hại người lương thiện. Những ác hạnh như vậy gọi là ác trong ác.

- Người tiểu thiện là người biết đền ơn đáp nghĩa với người đã tốt với mình. Người trung thiện là người làm việc thiện giúp người, mặc dù những người ấy chưa bao giờ làm việc thiện cho mình. Người đại thiện là người sẵn sàng làm các việc thiện cho mọi người, kể cả những người muốn làm hại mình, ví như đem hết thầy nội ngoại vật sở hữu của mình để bố thí, cúng dường người khác.

Những thiện hạnh như vậy gọi là thiện trong thiện.

-o0o-

Bồ tát xả cả ba ác hạnh lỗi lầm, lại thường hành ba thiện hạnh. Như vậy gọi là hành sáu thiện tâm đối với hết thầy chúng sanh.

Hỏi: Nếu Bồ tát chưa có được “*pháp tánh thân*”, thì làm sao có thể hành rốt ráo 6 thiện tâm được?

Đáp: Vì câu Vô Thượng Bồ Đề nên Bồ tát phải hành vô thượng pháp. Do vậy mà Bồ tát phải làm những việc khó làm như vậy.

Ví như người lái buôn muốn kiếm được nhiều lời, thì phải trải qua nhiều thử thách cam go, nguy hiểm mới thành tựu được ý nguyện.

Cũng như vậy, Bồ tát nghe được chánh pháp của Phật, biết rõ hết thầy pháp đều rốt ráo không, đều là vô ngã, vô ngã sở, lại biết rõ pháp thế gian là như mộng, như huyễn, là hư

vọng, chẳng thật có, nên thâm tín chánh pháp, và sẵn sàng xả bỏ thân mạng mình để cúng dường người oán tặc.

Bồ tát biết rõ thân này do phiền não kết nghiệp dấy sanh, biết rõ sự thấy nghe hay biết đều là gốc tội lỗi, nên dù có người muốn làm hại thân mạng mình cũng vẫn an nhiên, tự tại, lại tự niệm rằng: Vì Vô Thượng đạo, ta nên hoan hỷ thọ nhận xả bỏ uế thân này, đây mới là đại lợi ích, chẳng có gì cao đẹp bằng.

Bồ tát phát tâm thâm ái hết thảy chúng sanh, nên sẵn sàng bố thí thân mạng mình, muốn chúng sanh cũng tu tập như mình để họ được lợi ích. Vì sao? Vì dùng lời thuyết pháp để giáo hóa chúng sanh chưa chắc họ đã hành theo, bởi vậy nên Bồ tát phải dùng đến thân giáo, khiến chúng sanh thâm tín thọ Phật pháp vậy.

Lại nữa, có nhiều chúng sanh phát tâm cầu Vô Thượng đạo, nhưng vẫn giải đãi, chưa muốn hạ thủ công phu, nên Bồ tát phải dùng đến thân mình để giáo hóa họ, khiến họ phát tâm hành các pháp sự khó hành, đưa họ mau đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

-o0o-

Các pháp sự khó làm như vậy, chúng sanh chẳng sao làm được. Nhưng vì muốn viên thành đạo nghiệp nên Bồ tát phát đại thệ nguyện làm các việc khó làm như vậy, để cứu độ chúng sanh.

Như vậy là có vô lượng nhân duyên khiến Bồ tát sẵn sàng đem thân mạng mình để cúng dường kẻ oán tặc. Đó là Bồ tát thứ lớp tu sáu tâm Ba-la-mật vậy.

Hỏi: *Tâm bình đẳng và tâm từ có gì khác nhau chẳng?*

Đáp: Tâm bình đẳng bao gồm cả 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, còn tâm từ chỉ là một trong 4 vô lượng tâm.

Có thuyết nói lúc ban đầu phải tu xả tâm, quán thân bình đẳng rồi sau đó mới có tâm từ.

Có thuyết nói tâm bình đẳng là tâm quán chúng sanh là pháp như, là pháp tánh, là thật tế, quán hết thấy pháp đều là vô vi, vô lượng. Do quán như vậy nên thấy rõ chúng sanh cùng các pháp đều bình đẳng. Còn thường ái niệm chúng sanh, nhớ nghĩ đến chúng sanh và thương xót chúng sanh nhiếp về tâm từ.

-o0o-

Ở đây chẳng nói đến tâm bi. Vì sao? Vì tâm bi là tâm muốn cứu khổ chúng sanh. Tâm bi chỉ khởi sanh khi nào chúng sanh gặp cảnh duyên bức bách.

Lại nữa, có những chúng sanh chẳng muốn thọ trì bi niệm như Bồ tát, vì họ tự nghĩ rằng: Ta lo cho tự thân ta là đủ rồi, việc gì phải lo cho người khác.

Như vậy là “tâm bi” khó nhiếp hóa chúng sanh. Trái lại “tâm từ” dễ nhiếp hóa chúng sanh hơn. Do vậy mà trên đây chỉ nói đến “tâm từ”.

Hỏi: *Bồ tát là bậc đại nhân, đầy đủ phước đức, trí huệ, còn chúng sanh thì uế tạp, bất định. Như vậy vì sao Bồ tát lại phải tự hạ mình lo cho chúng sanh?*

Đáp: Ban vui, cứu khổ cho hết thấy chúng sanh là bản nguyện của Bồ tát. Bởi vậy nên tâm Bồ tát duyên khắp chúng sanh, làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

1) *Bồ tát khởi tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát tự niệm rằng: Hết thảy pháp hữu vi đều vô thường, hết thảy chúng sanh đều thứ lớp sanh diệt. Chẳng nên phân biệt là đại nhân hay là tiểu nhân. Người thế gian điên đảo chấp các pháp có tướng sai khác, mà chẳng biết rằng các pháp đều chẳng có định tướng.

Ví như nước, lửa, tùy thời, tùy duyên mà có khi lớn, có khi nhỏ, chẳng thể định được. Cũng như vậy, chúng sanh tùy theo duyên nghiệp, có thể nay bần cùng hạ tiện, mà ở đời sau có thể trở thành giàu sang phú quý.

Lại nữa, Bồ tát tuy có đầy đủ công đức, mà vẫn biết rõ công đức là tánh không, là như mộng, như huyễn nên chẳng chấp trước, chẳng nghĩ công đức của mình là lớn, là nhỏ.

Lại nữa, ở nơi Phật đạo, chúng sanh như thế nào thì chỉ có Phật mới biết rõ được. Bởi vậy Bồ tát thường tự niệm rằng: Nếu ta dấy niệm khinh chê người hạ tiện, tướng mạo khó thương, tài năng thấp kém, thì như vậy là ta đã khinh chê Phật rồi vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm bình đẳng, chẳng có phân biệt.

2) *Bồ tát khởi tâm đại từ bi đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát thường tự niệm: Ta đã phát thệ nguyện rộng độ hết thảy chúng sanh. Nếu ta chẳng làm được gì lợi ích cho chúng sanh, thì như vậy là ta đã thối tâm rồi vậy.

Bồ tát dụng tâm bình đẳng, vô phân biệt, làm những việc rất khó làm để đem lại niềm vui cho chúng sanh, và làm vơi nỗi khổ của họ.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường trải rộng tâm từ bi.

3) *Bồ tát khởi tâm khiêm tốn đối với hết thầy chúng sanh.*

Bồ tát biết rõ rằng tâm tự cao là nhân duyên dẫn sanh sân hận, đốt sạch rừng công đức.

Như người chủ nhà khi có khách đến thăm, phải khiêm tốn, tự hạ mình để cung tiếp khách, nếu chẳng có gì để phục vụ khách, làm vui lòng khách thì người chủ nhà phải tự thẹn với mình. Cũng như vậy, đối với Bồ tát, chúng sanh là những vị khách mà Bồ tát phải phục vụ trong suốt quá trình hành Bồ tát đạo. Đối với chúng sanh, Bồ tát thường rất khiêm tốn, tạo nhân duyên dẫn dắt chúng sanh vào đạo.

Lại nữa, Bồ tát tự niệm rằng: Khởi hạ tâm có rất nhiều lợi ích cho việc tu hành. Nếu ta tự cao tự đại, thì khi bị chúng sanh đến mắng nhiếc nhục mạ, dẫn đến hành hung... ta sẽ khởi sân nhuế, chẳng thể viên thành đạo nghiệp được.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thầy chúng sanh, Bồ tát thường khởi tâm khiêm tốn.

4) *Bồ tát khởi tâm an ổn đối với hết thầy chúng sanh.*

Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, như thiện tri thức của mình, đem đến cho chúng sanh niềm vui rất ráo ở đời này, và cả đời sau.

Cha mẹ chỉ đem lại cho con cái niềm vui ở đời hiện tại. Còn Bồ tát dụng tâm bình đẳng, tâm từ bi, tâm khiêm tốn, nên đem lại cho chúng sanh niềm an lạc trong nhiều đời.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thầy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm an ổn, khiến chúng sanh được an ổn.

5) *Bồ tát khởi tâm vô ngại đối với hết thầy chúng sanh.*

Trong lúc hành Bồ tát hạnh, nếu gặp những người đến phi báng, chẳng tin theo lời mình, cho là mình dối trá, câu danh,

chẳng phải thật sự tu hành, thì Bồ tát biết đó chỉ là ma sự nhằm thử thách lòng mình. Do biết rõ như vậy nên đối với những kẻ ác tâm, Bồ tát vẫn vận dụng tâm bình đẳng vô ngại.

Do được tâm vô ngại nên dù chúng sanh có phạm trọng tội, Bồ tát vẫn muốn làm lợi ích cho họ mà chẳng khởi sanh phiền não.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm bình đẳng, vô ngại.

6) *Bồ tát khởi tâm vô não đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát thường xót chúng sanh nên trong lời nói, trong việc làm, chẳng bao giờ làm nào hại chúng sanh cả.

Lại nữa, vì muốn an ổn chúng sanh nên Bồ tát tự mình cũng chẳng khởi sanh phiền não, làm nào loạn tâm chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm vô não.

7) *Bồ tát khởi tâm ái kính đối với hết thảy chúng sanh.*

Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, như thiện tri thức của mình. Đối với người lớn tuổi thì tôn trọng, cung kính như người con có hiếu, tôn trọng, cung kính, hết lòng thương yêu, lo lắng cho cha mẹ. Đối với người ngang tuổi hay kém tuổi, thì cũng thương yêu lo lắng như thương yêu lo lắng cho anh chị em mình, chẳng dấy tâm xằng bậy. Đối với tất cả mọi người, Bồ tát đều ái kính, xem họ như bà con, bạn bè, thiện tri thức của mình cả.

Bồ tát vì chúng sanh thường giữ tâm từ hòa ái kính như vậy, nên vào được “chúng sanh nhẫn”, là sơ môn của pháp nhẫn vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên đối với hết thảy chúng sanh, Bồ tát thường giữ tâm ái kính.

Vận dụng các tâm nêu trên đây đối với hết thầy chúng sanh, Bồ tát lại còn tu tập hết thầy các thiện pháp, dạy cho chúng sanh tu tập hết thầy các thiện pháp, tán thán các thiện pháp ấy, và hoan hỷ tán thán người thành tựu các thiện pháp ấy.

- Bồ tát tu tập 10 thiện đạo, vì tự nghĩ rằng: Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì ở thế gian vẫn thường có các thiện pháp. Bởi vậy nên phải y theo 48 hạnh nguyện mà tu tập 10 thiện đạo. Ta phải thâm niệm thiện pháp, thâm niệm từ tâm, thâm niệm chúng sanh, thâm niệm ly dục, thâm niệm ly thế gian pháp.

- Bồ tát cũng tự quán thuận và quán nghịch 12 nhân duyên, y theo 48 hạnh nguyện mà tu tập 6 pháp Ba-la-mật, tu tập 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, tu tập 37 Phẩm Trợ Đạo, tu tập 18 pháp không... dẫn đến tu tập 18 bất cộng pháp. Bồ tát lại tự mình thành tựu các quả Thanh Văn, Bích Chi Phật, thành tựu Bồ tát vị, dẫn đến thành tựu pháp trụ. Vì sao? Vì Bồ tát tự nghĩ rằng: Mặc dù hết thầy các pháp đều là ngoại pháp, nhưng đều do Phật thuyết, ta phải tu tập đầy đủ hết thầy các pháp, để hiển dụng phương tiện cứu độ chúng sanh.

Trên đây đã nói rõ Bồ tát hành đầy đủ hết thầy các thiện pháp, gồm căn bản nội pháp và ngoại pháp.

Như vậy nên ở hiện đời, Bồ tát được đầy đủ các thiện căn công đức, được trí huệ minh liễu, vô ngại, đến khi xả bỏ sắc thân thì sẽ được pháp thân vô ngại, thanh tịnh, tùy nguyện ứng biến, chu khắp 10 phương để giáo hóa chúng sanh.

-o0o-

Khi Phật thuyết thời pháp Bồ tát hạnh này xong, thì có 2.000 vị Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn.

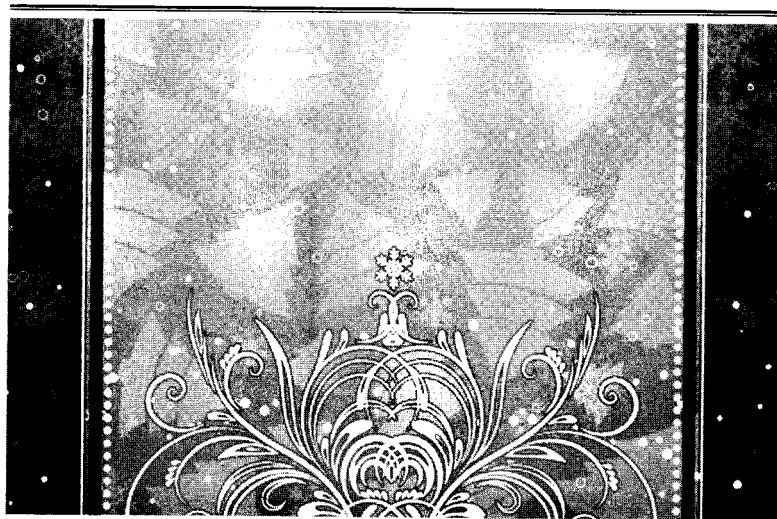
Qua thời pháp vi diệu này, Phật đã chỉ dạy cho chư vị Bồ tát tu tập đầy đủ cả về “thiện môn” lẫn “trí môn”, dẫn đến liễu đạt được về “như pháp”.

Lại nữa, Phật dạy Bồ tát phải nhiếp thân tâm, hành đầy đủ cả hai pháp, mới vào được vô sanh pháp nhẫn. Ví như chiếc xe phải có đầy đủ cả hai bánh mới có thể di chuyển được, cũng như vậy, Bồ tát phải liễu đạt cả hai “đế” mới có thể viên thành Bồ tát hạnh.

(Hết quyển 72)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 73



Phẩm Thứ Năm Mười Lăm



A Bệ Bạt Trí (Bất Thối Chuyển)

KINH:

Lúc bảy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tu hạnh gì, loại gì và tướng mạo ra sao mà được Bất Thối Chuyển địa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát biết rõ phạm phu địa, Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa, Phật địa đều là như tướng, chẳng hai, chẳng khác, nên chẳng niệm, chẳng phân biệt. Do đã vào trong pháp như, nên Bồ tát nghe biết thông suốt sự việc, mà chẳng khởi tâm nghi. Vì sao? Vì như tướng chỉ là một tướng (nhất tướng), chẳng phải là hai tướng (nhị tướng). Bởi vậy nên Bồ tát chẳng nói lời vô ích, mà chỉ nói toàn lời có ích, chẳng nhìn ngó chỗ hay cùng chỗ dở của người khác.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào tu hạnh như vậy, loại như vậy, và có tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch thế Tôn! Dùng hạnh như thế nào, loại như thế nào, tướng mạo như thế nào, để biết Bồ tát nào đã được bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát, ở nơi hết thấy pháp, chẳng có hạnh (vô hạnh), chẳng có loại (vô loại), chẳng có tướng mạo (vô tướng mạo), thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu ở nơi hết thấy pháp đều chẳng có hạnh, chẳng có loại, chẳng có tướng mạo, thì Bồ tát chuyển ở nơi pháp gì, mà gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát ở trong sắc mà chuyển... dẫn đến ở trong Vô Thượng Bồ đề mà chuyển, thì gọi là Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao? Vì sắc là tánh không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là tánh không, thì Bồ tát đâu có chỗ nào để trú!

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quán các ngữ ngôn của hàng ngoại đạo, của các hàng sa-môn và Bà-la-môn, mà chẳng chấp rằng họ thật biết, thật thấy, hoặc chẳng thật biết, chẳng thật thấy; chẳng chấp rằng tri kiến của họ là chánh tri kiến, hoặc chẳng phải là chánh tri kiến.

Bồ tát chẳng sanh nghi tâm, chẳng chấp giới thủ, chẳng đọa vào tà kiến, chẳng cầu các lạc thú ở thế gian. Bồ tát cũng chẳng vì cầu thanh tịnh, mà lễ lạy, cúng dường chư thiên.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng sanh vào nhà hạ tiện, chẳng sanh vào nơi có “8 nạn”, thường chẳng thọ thân người nữ.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thường hành 10 thiện đạo, tự mình chẳng sát sanh... dẫn đến chẳng sanh tà kiến, dạy người khác chẳng sát sanh... dẫn đến chẳng sanh tà kiến, hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh...

dẫn đến chẳng sanh tà kiến. Bồ tát, dù ở trong chiêm bao, cũng chẳng phạm 10 bất thiện đạo.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển, vì lợi ích chúng sanh, mà hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng... dẫn đến chánh ức niệm tất cả 12 bộ kinh, từ khế kinh... dẫn đến luận nghị. Mỗi khi thuyết pháp, Bồ tát thường nghĩ rằng: Do nhân duyên pháp thí này, mà tâm nguyện của chúng sanh được hoàn mãn. Ta phải đem công đức pháp thí này, đến với chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi thậm thâm pháp này, chẳng có nghi hối. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ, ở nơi hết thấy pháp, từ sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, chẳng có gì để nghi hối cả.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển biết rõ 3 nghiệp “thân, khẩu, ý” đều như huyễn, mà lại khéo dùng đức “từ ái” để thành tựu 3 nghiệp “thân, khẩu, ý” nhu nhuyến, thanh tịnh.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng bị 5 cái là “dâm dục, sân nhuế, thù miên, trạo cử và nghi pháp” ngăn che tâm tánh.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi hết thấy pháp, đều chẳng ái trước; khi đi đứng, nằm ngồi, nhắc chân hạ chân... đều nhất tâm tuần tự; khi đi thường nhìn xuống đất, nhất tâm cất bước.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển giữ y phục, mền nệm sạch sẽ, chẳng có dơ bẩn; lại vì do thường sạch sẽ, nên rất ít khi bị bệnh tật.

Thân thể người thường bị 8 vạn 4 ngàn trùng xâm phạm, phá hoại, còn thân thể của Bồ tát bất thối chuyển chẳng có các trùng xâm phạm, phá hoại. Vì sao? Vì Bồ tát có công đức thù thắng hơn người thế gian. Do thân thanh tịnh, nên tâm Bồ tát cũng thanh tịnh.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát bất thối chuyển được thân tâm thanh tịnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do tăng ích thiện căn mà Bồ tát diệt trừ được tâm tà vọng. Bởi vậy nên Bồ tát có được tâm thanh tịnh, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích

Chi Phật, vào được Bồ tát vị.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng quý lợi dưỡng, tuy thật hành 12 hạnh đầu đà mà chẳng quý chốn A-lan-nhã... dẫn đến chẳng quý 3 pháp y.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng sanh tâm xan tham, tâm sân nhuế, tâm tật đố, tâm ngu si, tâm phá giới, tâm giải đãi, tâm tán loạn.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát trú tâm trong bất động, thâm nhập trí huệ, nhất tâm tín thọ chánh pháp, vẫn nghe các pháp thế gian, làm các sự việc thế gian mà vẫn điều hợp với Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp nào mà chẳng vào trong pháp tánh, chẳng thấy có pháp nào mà chẳng điều hợp với Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Hỏi: Trước đây đã nói về tướng của Bồ tát bất thối chuyển rồi. Vì sao nay còn nói nữa?

Đáp: Trước đây chỉ lược nói. Nay ở trong phẩm này Phật rộng thuyết về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, nên phẩm này được gọi là phẩm “Bất thối chuyển”.

Lại nữa, trước đây khi giải về Bát nhã Ba-la-mật tướng,

Phật đã nói về các nhân duyên khiến ác ma phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, nay Phật muốn nói rộng về cách tín thọ Bát nhã Ba-la-mật để dẫn đến Bất Thối Chuyển địa.

Bởi vậy nên phải nói rộng về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển vậy.

Ở đoạn kinh trên đây có nói rõ Bồ tát phải có đầy đủ hạnh loại và tướng mạo như thế nào mới vào được Bất Thối Chuyển địa... dẫn đến mới được thọ ký thành Phật. Ví như một vị quan phải được sắc lệnh bổ nhiệm, có đủ ấn tín, thì mới chính thức nhậm chức được vậy.

Lại nữa, hàng Thanh Văn dù có tu hạnh đầu đà thì cũng chỉ cầu 4 quả sa-môn, còn hàng Bồ tát bất thối chuyển chẳng trú Nhị thừa địa, nên dù chưa được thành Phật vẫn trụ tại vào thế gian làm ruộng phước cho chúng sanh, để dẫn dắt chúng sanh vào Phật đạo.

Đây là pháp sự vi diệu, rất khó làm, nên ngài Tu Bồ Đề phải thưa hỏi Phật về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển để được Phật rộng giải thêm.

Hỏi: *Hạnh, loại và tướng mạo có gì khác nhau chăng?*

Đáp: Có thuyết nói rằng hạnh, loại và tướng mạo đều cùng một nghĩa với nhau.

Có thuyết cho rằng do 3 nghiệp “thân, khẩu, ý” của Bồ tát khác với người ở thế gian, nên phân biệt nói như sau:

- “Hạnh” nói về sự thâm nhập trí huệ của Bồ tát bất thối chuyển.

- “Loại” nói về sự phân biệt để nhận biết Bồ tát đã được vào Bất Thối Chuyển địa rồi, hay chưa vào được Bất Thối Chuyển địa.

- “Tướng mạo” nói về tất cả các nhân duyên khác dẫn đến Bất Thối Chuyển địa, ngoại trừ các nhân duyên nhiếp về “hạnh” và “loại” như đã nói trên đây.

Phật đã dạy rõ: Nếu Bồ tát hành đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, có đầy đủ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng trú chấp, lại thường quán thật tướng pháp, chẳng cho phàm phu địa và Nhị thừa địa là thấp hèn, chẳng cho Phật địa là cao quý, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển. Lại nữa, nếu Bồ tát đã thâm nhập được vào “pháp như” chẳng rơi vào “nhị pháp”, và từ “pháp như” nhập vào “Nhu Lai địa” mà chẳng trú các địa, chẳng chấp các tướng, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao? Vì “pháp như” là bình đẳng, nên nói người vào được “pháp như” là vào được “Phật pháp tạng”, chẳng còn nghi hối.

Trong kinh nói rằng: Phàm phu địa, Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa là nhất như, chẳng hai, chẳng khác.

Vào được trong “pháp như” rồi là đầy đủ hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, do vào được “pháp như”, nên Bồ tát hành các pháp thế gian, làm các sự việc thế gian mà vẫn được vô ngại tự tại, vì biết rõ hết thấy pháp đều rốt ráo là tánh không.

-o0o-

Bồ tát nghe pháp, thuyết pháp mà chẳng trú chấp pháp, chẳng sanh tâm nghi hối, chẳng niệm tướng. Vì biết rõ hết thấy pháp đều rốt ráo không, nên Bồ tát được tâm thuần thực, được tướng tịch diệt.

Do vậy mà Bồ tát chẳng nói những lời vô ích, khi nói thì chẳng bao giờ nói các điều “thị - phi” mà chỉ nói thật pháp.

Bồ tát cũng chỉ nói lời nhu nhuyễn, chẳng nói lời thô kệch, xằng bậy. Vì sao? Vì Bồ tát dụng tâm từ bi mà nói pháp vậy.

Lại nữa, do quán biết rõ chúng sanh tâm, nên Bồ tát nói pháp đúng thời, đúng đối tượng, dùng các phương tiện thiện xảo nói những lời hữu ích để đưa chúng sanh vào Phật đạo, khiến họ đời nay được 10 thiện đạo, được an vui, xa lìa tội cấu, xa lìa ác khẩu. Do trái rộng lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên chẳng bao giờ Bồ tát nào loạn chúng sanh, mà chỉ đem lại cho họ sự an lạc.

Hỏi: Hàng Thanh Văn chẳng quán tâm chúng sanh, chỉ tu tập để thăng đến Niết bàn, còn Bồ tát xem chúng sanh như cha mẹ, anh chị em, bà con, bạn bè, nên thường theo chúng sanh để giáo hóa họ.

Như vậy vì sao nói Bồ tát chẳng có chỗ quán?

Đáp: Bồ tát quán tâm chúng sanh để tùy phương tiện giáo hóa họ. Thế nhưng chúng sanh rất ráo là tự tánh không, nên nói chẳng có chỗ quán vậy.

Bồ tát biết rõ chúng sanh nào có thể độ, chúng sanh nào chẳng thể độ được.

Bởi vậy nên đối với hạng người chưa thể hóa độ được, chưa thể thuyết phục được, thì Bồ tát chưa vội nói pháp cho họ nghe. Vì như vậy, họ đã chẳng tin, mà còn khởi tâm nghi, gây mầm tội lỗi, chẳng lợi ích gì cho họ cả.

Bồ tát tự niệm rằng: Như chư Phật là những đấng Nhất thiết chủng trí mà còn chẳng độ hết chúng sanh được, huống nữa là ta chưa được đầy đủ lực thần thông, chưa được đầy đủ trí vô ngại, thì làm sao có thể độ khắp chúng sanh được.

Bởi vậy nên Bồ tát phải quán tâm hành của chúng sanh.

Hỏi: *Ngay từ đầu, ngài Tu Bồ Đề đã thưa hỏi Phật về hạnh, loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao Phật chẳng giải đáp ngay, mà đến nay mới rộng nói?*

Đáp: Trước đó chúng sanh chưa có khởi chấp tướng của Bồ tát bất thối chuyển, nên Phật chỉ dạy về “không tướng”. Nay chúng sanh muốn biết rõ Bồ tát tu hành như thế nào để có thể từ trong phàm phu mà trở thành bậc Bồ tát thối chuyển, nên Phật cần giải rộng về các hạnh, loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển.

Phật dạy ngài Tu Bồ Đề rằng: Ở nơi hết thảy pháp, Bồ tát bất thối chuyển chẳng có hạnh, chẳng có loại, chẳng có tướng mạo.

Vì sao? Vì ở nơi rốt ráo không thì “hạnh, loại, tướng mạo” là “vô hạnh, vô loại, vô tướng mạo” vậy.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu đã được pháp không rồi, thì còn dụng pháp gì để chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Nếu Bồ tát đã quán hết thảy pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, thì vẫn ở trong sắc mà chuyển chấp tâm... dẫn đến ở trong Vô Thượng Bồ đề mà chuyển chấp tâm. Như vậy gọi là Bồ tát bất thối chuyển.

Vì sao? Vì phải thường quán hết thảy pháp đều do duyên hòa hợp sanh, đều là hư vọng, chẳng nên trú, thì mới vào được thật tướng pháp, vào được pháp tánh không, mới tận chuyển được hết các chấp tâm. Do đã chuyển hết các chấp tâm mà Bồ tát vào được Bất Thối Chuyển địa.

Bồ tát bất thối chuyển là Bồ tát đã vào Bồ tát vị, nên tâm quyết định, chẳng nghi.

Trái lại, hàng ngoại đạo do còn tà chấp nên chẳng sao có được thật trí huệ.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật thuyết về “hạnh, loại và tướng mạo” của Bồ tát bất thối chuyển.

Hỏi: Trước đây đã có nói về “chẳng sanh nghi tâm”, nay nói về “chẳng nghi tâm pháp”. Như vậy thì hai trường hợp đó có sai khác nhau chăng?

Đáp: Trước đây nói “chẳng sanh nghi tâm” là nói đã đoạn nghi nơi “4 đế”. Ví như nói Tu-đà-hoàn do đã đoạn được 3 hạ phần kiết sử nên mới phát tín tâm, chẳng còn nghi nữa. Nay nói Bồ tát do đã vào được nơi Phật đạo nên ở nơi thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật, chẳng còn nghi nữa. Như vậy là được đầy đủ phước đức trí huệ, dù chưa được thành Phật mà đã vượt thoát hai điều nghi:

1) Nghi do giới thù của hàng ngoại đạo, khiến chẳng vào được Niết bàn.

2) Nghi do bốn kiến chấp, khiến còn sanh tà kiến.

Do chẳng sanh nghi tâm nên Bồ tát chẳng chấp giới thù, chẳng đọa vào tà kiến.

Bồ tát biết rõ các nhân duyên dẫn sanh quả báo, nên chẳng tham đắm lạc thú ở thế gian, chẳng cúng dường lễ lạy chư thiên để mong cầu phước lạc.

Bồ tát đã phá sạch gốc kiêu mạn nên thường chẳng sanh vào nhà hạ tiện, lại chẳng làm trở ngại việc thật hành công đức của chúng sanh, nên chẳng sanh vào các nơi có “8 nạn”

Bồ tát do đã dẹp tâm tham dục, đã xa lìa sự luồn cúi, siểm mị nên chẳng thọ thân người nữ.

Người tu 10 thiện đạo chẳng có được đầy đủ các hạnh này. Còn Bồ tát do có đại bi tâm, thâm ái thiện pháp, nên có đầy đủ các hạnh này.

-o0o-

Lại nữa, do thường hiển thị tu tập 10 thiện đạo, nên dù ở trong giấc mộng, Bồ tát cũng chẳng thấy các điều bất thiện.

Khác với phàm phu tu phước chỉ mong cầu tự lợi, Bồ tát tu tập được bao nhiêu phước đức, đều cùng với hết thảy chúng sanh hồi hướng tất cả về Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát dụng tâm vô sở đắc mà tu tập phước đức vậy.

Lại nữa, vì muốn hành pháp thí, nên Bồ tát học đầy đủ 12 bộ kinh nhằm giáo hóa chúng sanh, nhưng vẫn chẳng khởi tâm khả đắc.

Lại nữa, do căn tánh lạnh lợi lại đầy đủ tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, nên dù chưa thành Phật mà đã dung thông Phật pháp.

Phật dạy: Vì Bồ tát chẳng thủ chấp hết thảy pháp nên chẳng có sanh nghi tâm, lại thường hành từ bi nên ý nghiệp nhu nhuyễn, thân nghiệp và khẩu nghiệp an vui, thuận thực.

Hỏi: *Hàng ngoại đạo cũng có phát khởi tâm từ bi. Như vậy vì sao nói đó là tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển?*

Đáp: Hàng ngoại đạo tuy cũng có tâm từ bi, nhưng chẳng thường có, chẳng thâm sâu, vì chẳng có thường niệm chúng sanh. Vì sao? Vì họ chẳng liễu đạt được thật tướng pháp là vô tướng, nên thường đắm 5 dục lạc.

Trái lại, Bồ tát đã xả ly 5 dục, tận trừ 5 cái, vì biết rõ rằng

5 cái che lấp chân tâm, làm giảm sút trí huệ, phá hoại Phật đạo và khai mở ma đạo vậy.

Lại nữa, Bồ tát biết rõ các pháp hữu vi đều là hư dối, là như mộng, như huyễn, biết rõ ở nơi thật tướng thì các pháp hữu vi đều là tánh không, là vô sở hữu, là tịch diệt tướng. Bởi vậy nên ở nơi hết thảy pháp, dù là thiện pháp... dẫn đến Niết bàn pháp, Bồ tát cũng chẳng sanh tâm chấp đắm.

-o0o-

Bồ tát đã đoạn được các tội, từ thô đến tế nên chẳng còn cho Ái là khó đoạn.

Bồ tát thường thâm nhập vào thiền định, nên thường thù hộ chúng sanh, thường nhất tâm niệm chúng sanh.

Bồ tát chẳng não hại chúng sanh, nên chẳng hề phá giới, đi đứng nằm ngồi đều nhất tâm nhu nhuyễn, đặt chân cử bước đều nghiêm túc, an nhiên tự tại.

Bồ tát có công đức thù thắng hơn người thế gian, nên thân ít bệnh, chẳng bị các loại trùng xâm nhập vào thân, lại nữa, vì đã vào nơi thật tướng bình đẳng nên thân khẩu ý thường thanh tịnh, lời nói chân thật, nhu hòa. Vì thân tâm thường thanh tịnh nên dù hành các pháp thế gian mà chẳng dấy sanh phiền não, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Bồ tát chỉ quý Phật đạo, chẳng quý lợi dưỡng, chẳng thù chấp pháp, tuy hành hạnh đầu đà mà chẳng quý chốn A-lan-nhã... dẫn đến chẳng quý 3 pháp y.

-o0o-

Bồ tát nào đầy đủ các hạnh, loại và tướng mạo như vậy được gọi là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Hỏi: Nếu Bồ tát chưa được Vô sanh pháp nhẫn, chưa đoạn sạch phiền não, làm sao có thể tự chế, chẳng khởi ác tâm được?

Đáp: Bồ tát khi đã được vô sanh pháp nhẫn, tuy chưa đoạn sạch các vi tế tập khí phiền não, nhưng chẳng bao giờ sanh sân tâm. Vì sao? Vì nếu Bồ tát tu Đàn Ba-la-mật mà khởi tâm xan tham là trái với đạo tâm rồi vậy.

Có thuyết nói Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn, nên chẳng sanh sân tâm.

Có thuyết nói Bồ tát do tu tập 6 pháp Ba-la-mật mà được vô lượng công đức, nên phiền não cạn mỏng, do vậy mà chẳng sanh sân tâm.

Có thuyết nói Bồ tát qua rất nhiều kiếp đã tu tập thiện định, được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì nên được tâm bất động, thâm nhập trí huệ, do vậy mà chẳng sanh sân tâm.

-o0o-

Bồ tát biết rõ được vi diệu pháp nên càng thích nghe pháp, nhất tâm tín thọ vi diệu pháp ấy, khiến tâm cũng trở thành vi diệu. Vì sao? Vì lúc bấy giờ, tự tâm của Bồ tát đã tương ứng với Bát nhã Ba-la-mật, đã cùng với Bát nhã Ba-la-mật hòa hợp, nên chẳng chống trái với hết thảy pháp tướng vậy.

Ví như người khỏe mạnh ăn các thức ăn vào đều tiêu hóa được dễ dàng. Lại ví như bất cứ thức ăn gì được Phật ăn vào đều trở thành thượng vị cả.

Cũng như vậy, đối với vị Bồ tát đã được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì hết thảy các pháp đều dung nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật, đều trở thành thanh tịnh cả.

Bồ tát vì thương xót chúng sanh mà hành các pháp thế gian để phương tiện hóa độ chúng sanh. Dù ở trong thế gian, mà Bồ tát vẫn giữ “thân, khẩu, ý” thanh tịnh, nên lời nói cũng như việc làm của Bồ tát đều trở thành vi diệu cả.

Khi đi đứng, nằm ngồi, nói cười... Bồ tát đều tạo pháp lành, làm cho tâm chúng sanh được an ổn. Bồ tát làm nên sự nghiệp mà vẫn chẳng thấy mình có làm nên sự nghiệp, thâm nhập vào pháp tánh mà chẳng thấy mình thâm nhập vào pháp tánh.

-o0o-

Bồ tát nào đầy đủ các hạnh loại và tướng mạo như vậy thì được gọi là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

-o0o-

KINH:

Phật dạy tiếp: Nay Tu Bồ Đề! Ác ma đến trước Bồ tát bất thối chuyển, hóa tác ra 8 cảnh đại địa ngục, trong mỗi địa ngục đều có vô số Bồ tát đang bị thiêu đốt, nung nấu, vô cùng đau khổ. Rồi ác ma nói với Bồ tát rằng: Đây toàn là những vị Bồ tát bất thối chuyển, đã được Phật thọ ký mà nay cũng phải bị đọa. Dù ngài có được Phật thọ ký bất thối chuyển thì rồi cũng sẽ phải bị đọa vào đây thôi. Thế nên ngài hãy mau xả bỏ tâm Bồ tát, ngài sẽ chẳng còn bị đọa địa ngục, mà còn sẽ được sanh lên cõi trời.

Bồ tát bất thối chuyển thấy nghe như vậy mà tâm vẫn

chẳng sợ hãi, chẳng động, chẳng nghi, vì tự nghĩ rằng: Đã vào được Bất Thối Chuyển địa rồi thì chẳng bao giờ còn đọa vào địa ngục nữa.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo đến trước Bồ tát bất thối chuyển nói rằng: Hãy xả bỏ việc phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, xả bỏ lối tu tập 6 pháp Ba-la-mật, xả bỏ lối hồi hướng tất cả thiện căn công đức về Vô Thượng Bồ Đề, rồi tôi sẽ vì ngài nói lên pháp chân thật của Phật. Vì sao? Vì chỗ ngài nghe biết từ trước đến nay chẳng đúng theo lời Phật dạy, chỗ tôi sẽ nói mới thật là Phật pháp.

Nếu chưa được Phật thọ ký, chưa được bất thối chuyển mà nghe nói như vậy ắt sẽ sanh tâm sợ hãi.

Thế nhưng, Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy mà tâm vẫn chẳng sợ hãi, chẳng động, chẳng nghi, lại còn tùy thuận hành trì theo pháp: “Vô y chỉ”, “Vô tác”, “Vô sanh”, chẳng tin theo lời nói ấy. Ví như đối với vị lậu tận A-la-hán, ác ma chẳng có thể lay chuyển được cũng như vậy. Bồ tát bất thối chuyển do đã thấu rõ thật tướng pháp, nên khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến khi thật hành Vô Thượng Bồ Đề đều chẳng tin theo lời người khác, nên ác ma chẳng có thể lay chuyển được.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi đã quyết định trú nơi Bất Thối Chuyển địa rồi thì chẳng còn tin theo lời người khác, dù đó là của Phật cũng chẳng liền tin, huống nữa là lời của hành Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến của ác ma, ngoại đạo. Vì sao? Vì chẳng thấy có pháp nào có thể tin theo, chẳng thấy có sắc... dẫn đến chẳng thấy có Vô

Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có sắc như... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề như.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma giả làm Tỷ-kheo đến trước Bồ tát bất thối chuyển nói rằng: Pháp mà ngài đang hành là pháp sanh tử, chẳng phải là Nhất thiết chủng trí, ngài phải tu tập để tận thân dứt tận các khổ ngay ở đời này.

Thế rồi ác ma dùng thế gian hạnh mà thuyết “tợ đạo pháp”, như thuyết về Sơ thiên... dẫn đến thuyết về Phi Phi Tướng Xứ định, khuyên Bồ tát nên dùng đạo hạnh này để chứng 4 quả Thanh Văn, khiến dứt được các khổ ở hiện đời, lại nói với Bồ tát rằng: Vì sao ngài cứ phải chìm đắm mãi trong sanh tử, khổ đau để làm gì? Thân 4 đại là cội nguồn của khổ đau, sao ngài lại còn muốn thọ thân 4 đại này ở đời sau nữa?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy đã chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng nghi, mà còn hoan hỷ dấy niệm rằng: Vì Tỷ-kheo này làm lợi ích cho ta chẳng phải ít vậy. Ông đã vì ta nói lên những “chương đạo pháp”, nhờ vậy mà ta liễu thông được cả 3 thừa đạo.

Ác ma biết được tâm niệm của Bồ tát liền sanh tâm hoan hỷ, nói với Bồ tát rằng: Ngài biết chẳng, có đại Bồ tát đã từng cúng dường hằng sa đức Phật, đã thường theo chư Phật nghe pháp, đã thường tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến thường tu tập đại từ, đại bi đúng theo như lời Phật dạy, mà vẫn chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy ngài làm sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy đã chẳng kinh,

chẳng sợ, chẳng nghi, mà còn hoan hỷ đầy niệm rằng: Vị Tỷ-kheo này làm lợi ích cho ta chẳng phải ít vậy. Ông đã vì ta nói lên những “chứng đạo pháp”. Theo các chứng đạo pháp đó mà tu tập, thì Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật, đạo còn chẳng được hưởng nữa là được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc bấy giờ ác ma biết rõ Bồ tát chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng nghi nên liền hóa ra nhiều vị Tỷ-kheo và nói với Bồ tát rằng: Tất cả các vị Tỷ-kheo này đều phát tâm cầu Phật đạo, đều an trú nơi Bát Thối Chuyển địa. Thế nhưng, các vị ấy cũng chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy, ngài làm sao đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy, liền tự niệm rằng: đây chính là ác ma hiện ra nói tương tự đạo pháp. Ta quyết chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Ta thật hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến thật hành Nhất thiết chủng trí, lẽ nào mà chẳng đến được Vô Thượng Bồ Đề sao?

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải y theo lời Phật dạy mà tu tập chẳng xa rời Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng xa rời Nhất thiết chủng trí, trọn chẳng thối tâm Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát lại biết rõ các ma sự làm thối tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chuyển nói pháp gì, mà được gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi thức tướng mà chuyển; ở nơi 12 nhập tướng,

18 giới tướng, “dâm, nộ, si” tướng, tà kiến tướng, 4 niệm xứ tướng, Thanh Văn tướng, Bích Chi Phật tướng... dẫn đến Phật tướng mà chuyển. Do vậy mà được gọi là Bồ tát bất thối chuyển.

Vì sao? Vì do dụng pháp “tự tướng không”, mà Bồ tát vào được Bồ tát vị, được vô sanh pháp nhẫn, nên chẳng thấy có pháp nào là khả đắc (có thể được), là khả tác (có thể làm ra) cả. Bồ tát biết rõ các pháp là vô đắc, vô tác, nên cũng biết rõ các pháp là vô sanh, mà được vô sanh pháp nhẫn vậy.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Hỏi: Nếu ác ma đã biết tâm Bồ tát kiên cố, bất thối chuyển rồi, thì vì sao còn khởi ác tâm phá hoại nữa? Vì sao còn hóa hiện ra cảnh đại địa ngục để làm lay chuyển tâm Bồ tát? Vì sao còn hóa ra cảnh những người tu tập thiện pháp mà phải đọa vào địa ngục?

Đáp: Vì ác ma biết rõ Bồ tát phát đại thệ nguyện thay chúng sanh thọ khổ, nên mới hóa ra cảnh Bồ tát thọ khổ ở địa ngục, nhằm lay chuyển tâm Bồ tát, và khuyên Bồ tát nên hành các thiện pháp, tu phước, để được sanh lên cõi trời hưởng lạc thú. Có như vậy mới khiến Bồ tát xả đi nguyện đối với chúng sanh.

Bồ tát nào nghe thấy như vậy mà động tâm tin theo lời của ma nói, thì Bồ tát ấy chưa được thọ ký bất thối chuyển.

Trái lại, Bồ tát nào nghe thấy như vậy, mà tâm chẳng động, chẳng sợ, chẳng kinh, thì Bồ tát ấy đã được thọ ký bất thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ tát ấy tự niệm rằng: Vào Bất

Thối Chuyên địa là vào nơi thật tướng pháp, chẳng còn trú chấp các pháp tướng nữa; do vậy mà tội nhỏ còn chẳng mang hưởng nữa là phải đọa vào ba đường ác.

-o0o-

Lại có ác ma giả làm thân Tỳ-kheo, đến nói với Bồ tát rằng: Pháp của ông nghe và hành trì từ trước đến nay chẳng phải là thật pháp, chẳng đúng theo lời Phật dạy. Ông hãy xả bỏ hết các pháp đó đi, và nghe theo tôi, tôi sẽ vì ông lên pháp chân thật của Phật.

Bồ tát nào nghe nói như vậy mà động tâm, tin theo lời của ma nói, thì Bồ tát ấy chưa được thọ ký bất thối chuyển. Chỉ ví như loại vàng giả nung vào lửa là liền trở thành đen.

Trái lại, Bồ tát nào nghe như vậy mà tâm chẳng động, chẳng sợ, chẳng kinh, chẳng nghi thì Bồ tát đã được thọ ký bất thối chuyển. Vì sao? Vì Bồ tát ấy nghe như vậy, mà vẫn tùy pháp vô sanh, vô diệt, vô khởi, vô tác, tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật, nên chẳng tin theo lời nói của ác ma vậy.

Hàng Thanh Văn Tiểu Thừa khi đã được “lậu tận A-la-hán” rồi, thì ác ma chẳng thể phá hoại được. Bồ tát bất thối chuyển đã rõ được thật tướng pháp là vô tướng, nên dù ác ma hiện thân Phật, đến nói các sự việc, khác với thật tướng pháp thì Bồ tát vẫn chẳng tin theo. Ví như chó đội lột sư tử chỉ có thể làm cho các thú rừng sợ hãi, khi vừa thoáng thấy lúc ban đầu. Thế nhưng khi các thú đã nghe rõ tiếng sủa, biết rõ đó chẳng phải là sư tử thì chẳng còn sợ hãi nữa.

Trên đây Phật dạy các nhân duyên Bồ tát chẳng còn y chỉ nơi lời nói của người khác mà sanh sợ hãi, vì đã biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không cả.

Lại có ác ma giả làm thân Tỷ-kheo đến nói với Bồ tát rằng: 6 pháp Ba-la-mật đều là những pháp sanh diệt. Tu bố thí, tu thiên định chỉ dẫn sanh lên cõi trời Dục giới để thọ lạc; còn Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng. Tất cả các pháp ấy đều chỉ là pháp hư vọng xoay vần quanh quẩn trong vòng sanh tử. Ta khuyên ông hãy thủ chấp Niết bàn, đời đời thoát khỏi các khổ. Vì sao ông cứ mãi trú trong sanh tử?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy, sanh tâm hoan hỷ, tự niệm: Vị Tỷ-kheo này đem lại lợi ích cho ta. Nhờ người ấy mà ta biết được “tợ đạo pháp”, khiến ta có thể nhận chân được chánh đạo vậy.

Ví như người dẫn đường cần biết đường chánh và các đường rẽ, chẳng hề lầm lẫn; Bồ tát cần biết rõ các “chướng đạo”, nên chẳng cùng với ác ma tranh luận. Vì sao? Vì biết rõ các “chướng đạo” là điều rất quý, giúp Bồ tát nhận chân được chánh đạo vậy.

Ác ma thấy Bồ tát giữ im lặng tưởng rằng Bồ tát đã hoan hỷ tin theo mình, bèn nói với Bồ tát rằng: Có vô số lượng Bồ tát đã cúng dường hằng sa đức Phật, đã thưa hỏi và phụng hành 6 pháp Ba-la-mật, đã tinh tấn thật hành Bồ tát đạo, mà chỉ thành bậc A-la-hán, chẳng sao có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Ông muốn tận mắt trông thấy các vị đó chăng?

Tức thì ác ma hóa tác ra vô số Tỷ-kheo A-la-hán đến nói với Bồ tát rằng Tỷ-kheo chúng tôi đã lâu đời tu hành Vô Thượng đạo mà đến nay vẫn chỉ trú A-la-hán địa. Vì sao ông lại muốn làm Phật?

Bồ tát bất thối chuyển nghe như vậy sanh tâm hoan hỷ, tự niệm: Vị Tỷ-kheo này đem lại đại lợi ích cho ta. Nhờ người đó mà ta biết được các “tợ đạo pháp” và “chướng đạo pháp” khiến ta có thể nhận chân được “chánh đạo”. Đã thật thành

6 pháp Ba-la-mật, thì nhất định chẳng có thói chuyên, chẳng lạc về Nhị thừa địa nữa.

-o0o-

Do biết rõ các ma sự nên Bồ tát được đại lợi ích, chẳng hề bị tổn pháp, khiến tâm bồ đề được kiên cố, chẳng hề thói chuyên.

Vị Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như đã nêu trên đây được gọi là bậc Bồ tát bất thói chuyên, cũng gọi là Bồ tát A Bệ Bạt Trí.

-o0o-

Đến đây ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bồ tát chuyển nơi pháp gì mà được gọi là Bồ tát bất thói chuyên?

Phật dạy: Ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà chuyển, thì được gọi là “bất thói chuyên”.

Thế nào gọi là “Ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà chuyển”?

Đó là ở nơi sắc tướng... dẫn đến ở nơi Phật tướng mà hành “pháp tánh không”. Do hành pháp tánh không, nên được “vô sanh pháp nhẫn”. Ở nơi đây chẳng còn có pháp nào là khả đắc; hết thấy các pháp đều là bất khả đắc, dẫn đến vi tế pháp cũng đều là bất khả đắc cả.

Khi đã được “vô sanh pháp nhẫn” rồi, thì chẳng có tác “vô tác” cũng chẳng có khởi “vô khởi” các nghiệp báo nữa.

Tu hành được như vậy gọi là được “vô sanh pháp nhẫn”.

Bồ tát được “vô sanh pháp nhẫn” được gọi là Bồ tát bất thói chuyên, cũng được gọi là Bồ tát A Bệ Bạt Trí.

Phẩm Thứ Năm Mười Sáu



Chuyên, Bất chuyên
(Chuyên & Chẳng chuyên)

KINH:

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ác ma muốn phá hoại tâm Bồ tát, đến chỗ Bồ tát nói rằng:

Nhất thiết chủng trí cùng với hư không bình đẳng, nên là chẳng có tướng; các pháp cùng với hư không bình đẳng, nên là chẳng có tướng.

Vì các pháp cùng với hư không bình đẳng, là không tướng, là vô sở hữu tướng (chẳng có tướng), nên ở trong đó chẳng có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ông cần khổ, siêng năng tu tập cầu Vô Thượng Bồ Đề như vậy chỉ hoài công vô ích, vì đó chỉ là ma sự, chẳng phải là lời Phật dạy. Ông nên xả bỏ tâm nguyện ấy đi, chớ nên mãi chuốc lấy khổ não, lo âu, chớ nên ở mãi trong chỗ bất an ấy, mà phải đọa vào các đường ác. Lúc nghe những lời như vậy, Bồ tát phải tự niệm rằng:

Đây là ác ma muốn phá hoại tâm Vô Thượng Bồ Đề của ta. Hết thấy các pháp đều là tự tướng không, đều là vô sở hữu tướng (chẳng có tướng), mà chúng sanh chẳng thấy, chẳng biết, chẳng hiểu. Ta dùng không tướng, vô sở hữu tướng, như hư không tướng, mà phát đại thế trang nghiêm cầu được Nhất thiết chủng trí, để rồi vì chúng sanh thuyết pháp khiến họ được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào từ sơ phát tâm, nghe các pháp như vậy, mà vẫn giữ tâm kiên cố, chẳng động, chẳng chuyển, lại thường hành 6 pháp Ba-la-mật, thì phải biết Bồ tát ấy sẽ vào được Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì chẳng chuyển mà gọi là bất thối chuyển, hay vì chuyển mà gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng chuyển mà được gọi là bất thối chuyển, cũng vì chuyển mà được gọi là bất thối chuyển.

Vì sao?

Nếu Bồ tát ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chẳng bị chuyển, thì được gọi là Bồ tát bất thối chuyển. Lại nữa, nếu Bồ tát ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chuyển được các bậc Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì cũng được gọi là Bồ tát bất thối chuyển.

Nếu Bồ tát nào mà có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma chẳng có thể phá hoại được tâm Bồ tát bất thối chuyển, chẳng có thể khiến Bồ tát bất thối chuyển xa lìa Vô Thượng Bồ Đề. Cho nên Bồ tát muốn nhập Sơ Thiên... dẫn đến muốn nhập Diệt Tận Định đều được tự tại; muốn tu 4 niệm xứ... dẫn đến muốn tu 8 thánh đạo; muốn tu các tam muội “không, vô tướng và vô tác”... dẫn đến muốn tu 5 thần thông cũng đều được tự tại, dù thường được tự tại như vậy, nhưng Bồ tát chẳng thủ pháp 4 niệm xứ, chẳng thủ các thiên vị... dẫn đến chẳng thủ các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, cũng chẳng thủ Phật đạo. Vì sao? Vì Bồ tát này chỉ vì

chúng sanh mà thọ thân, vì chúng sanh mà thị hiện đến các cảnh giới nhằm làm lợi ích cho họ.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thường niệm Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng xả ly Tát Bà Nhã tâm. Vì trọn chẳng xả ly Tát Bà Nhã tâm, nên Bồ tát này chẳng quý sắc, chẳng quý tướng, chẳng quý quả Thanh Văn và Bích Chi Phật, chẳng quý 6 pháp Ba-la-mật, chẳng quý 4 thiên, 4 vô lượng tâm... dẫn đến chẳng quý 5 thần thông, chẳng quý 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng quý 8 thánh đạo, chẳng quý 10 Phật lực... dẫn đến chẳng quý 18 bất cộng pháp, chẳng quý thành tựu chúng sanh, chẳng quý thanh tịnh Phật độ... dẫn đến chẳng quý thấy Phật, chẳng quý gieo trồng thiện căn. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tướng không, đều là vô sở hữu tướng nên chẳng thấy có pháp nào đáng quý, khiến phải sanh tâm quý.

Bồ tát bất thối chuyển thành tựu tâm như vậy, nên ở nơi 4 oai nghi “đi, đứng, nằm, ngồi”, Bồ tát này đều nhất tâm bất loạn. Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển ở tại gia, thị hiện thọ 5 dục lạc, để phương tiện hành bố thí làm lợi ích cho chúng sanh, người cần ăn cho ăn, người cần uống cho uống, người cần y phục thuốc men, cho y phục thuốc men... dẫn đến người cần những vật gì khác đều cung cấp đầy đủ. Như vậy, Bồ tát này tự mình hành Đàn Ba-la-mật, dạy người khác hành Đàn Ba-la-mật, hoan hỷ tán thán người hành Đàn Ba-la-mật. Đối với 5 Ba-la-mật kia cũng đều là như vậy cả.

Lại nữa, Bồ tát này thường tu phạm hạnh, chẳng hiệp đáp, chẳng khinh chê người khác, cũng chẳng cướp giết của người khác, làm cho họ phải phiền lo.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thường được Cháp Kim Cang Thần theo hộ vệ và tự nguyện rằng: Bồ tát này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, nên ta phải thường ở bên thủ hộ, khiến các thiên ma, các người có thể lực ở thế gian chẳng có thể phá hoại được. Lại nữa, Bồ tát này thường chẳng ly Tát Bà Nhã tâm... dẫn đến chẳng ly Vô Thượng Bồ Đề tâm, thường đầy đủ 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” là bậc thượng nhơn, chẳng phải là kẻ hạ nhơn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là bậc thượng nhơn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nào nhất tâm hành Vô Thượng đạo mà tâm chẳng tán loạn, thì phải biết đó là bậc đại nhơn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát này nhất tâm niệm Phật đạo, thường hành tịnh mạng, nên chẳng dùng chú thuật pha trộn thuốc men để trị bệnh, chẳng dùng phù chú để sai khiến quỷ thần nhập vào thân nam hoặc thân nữ, nhằm hỏi các việc lành dữ, phước lộc, sống chết v.v... Vì sao? Vì biết rõ hết thấy pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có định tướng nên Bồ tát này chẳng hành tà mạng, mà chỉ hành chánh mạng.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Nên biết “Nhất thiết chủng trí” có nhiều tên gọi khác nhau. Có thể gọi là “Tát Bà Nhã”, là “Vô Lượng Phật pháp”, là “Bồ Đề” v.v...

Vì Nhất thiết chủng trí là Vô Thượng Bồ Đề nên hết thầy chư Bồ tát đều phát đại thệ nguyện đến Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên ác ma mới hiện thân Tỷ-kheo đến chỗ Bồ tát thuyết rằng: Nhất thiết chủng trí cùng với hư không bình đẳng, là không, là vô sở hữu. Bồ tát là không, là vô sở hữu, chỉ ví như hư không, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có thể hay biết được. Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy, cũng cùng với hư không bình đẳng. 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chỉ là những pháp trợ đạo.

Các pháp ấy đều rất ráo là không, là vô sở hữu tướng, đều chỉ có ở nơi danh tự, cho nên chẳng có pháp Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người đắc Vô Thượng Bồ Đề. Ông chẳng nên phí sức chịu cần khổ để cầu Vô Thượng Bồ Đề. Thầy của ông dạy ông phải xả ly ma sự, mà nguyện cầu được Vô Thượng Bồ Đề của ông chính là ma sự vậy. Vì sao ông chẳng thủ Niết bàn? Vì sao ông lại xả ly Niết bàn để thủ chấp lấy sanh tử? Các kinh mà ông học về nghĩa của 6 pháp Ba-la-mật chẳng phải đúng theo lời Phật dạy, đó chỉ do người tạo lập ra, ông hãy mau mau xả bỏ tâm Tát Bà Nhã, tâm cầu được Vô Thượng Bồ Đề, vì tâm ấy làm cho ông chẳng được an ổn, dẫn ông vào 3 đường ác.

Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy, biết rõ đó là lời ma hủy báng nhằm xúi dục xa lìa Vô Thượng đạo.

Bồ tát biết hết thầy pháp đều là không, là vô sở hữu tướng, nhưng chẳng phải như lời ngụy biện của ác ma.

Bồ tát biết rõ rằng chúng sanh do vô minh điên đảo che tâm, khiến chẳng biết, chẳng hiểu được thật nghĩa của pháp “không”. Bồ tát nguyện tự trang nghiêm Tát Bà Nhã tâm, để vì chúng sanh nói pháp. Bồ tát nói với chúng sanh rằng: Hết thấy pháp là không, là vô ngã, là thật trang nghiêm. Hết thấy pháp là không, thì trang nghiêm đó cũng là không, như vậy mới là tương ưng.

Bồ tát vì chúng sanh nói pháp như vậy, dẫn dắt chúng sanh tu tập để được 4 quả Thanh Văn, tận đoạn các kiết sử, ngộ được vô vi pháp, vào được 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, mà vẫn tương ưng với hữu vi pháp, ở nơi 3 giải thoát môn mà chẳng chấp vô vi cùng hữu vi, chẳng dấy tâm phân biệt các pháp. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là vô sanh tướng, vô trú tướng, vô diệt tướng, đều là tánh không cả. Dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.

-o0o-

Bồ tát bắt thối chuyển từ sơ phát tâm vẫn giữ tâm kiên cố, bất động, bất chuyển, khiến các mũi tên phiền não chẳng chạm đến tâm.

Bởi vậy nên các ác ma dù dùng lời lẽ xảo quyệt để phủ dụ cũng chẳng sao có thể lay chuyển được tâm Bồ tát.

Bồ tát dụng tâm “kiên cố, bất động, bất chuyển” tu tập 6 pháp Ba-la-mật, vào Bồ tát vị thẳng tiến đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng hề lùi sụt, nên được gọi là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì chuyển mà

được gọi là bất thối chuyển hay vì bất chuyển mà được gọi là bất thối chuyển?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chuyển mà được gọi là bất thối chuyển, cũng vì bất thối chuyển mà được gọi là bất thối chuyển.

Lời dạy của Phật có nội dung sau đây:

- Nói “chuyển” là nói về thế đế. Ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa mà Bồ tát chuyển được tâm của chư Thanh Văn và Bích Chi Phật, đưa họ vào Bồ tát vị.

- Nói “bất chuyển” là nói về đệ nhất nghĩa đế. Ở nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật địa mà Bồ tát vẫn giữ được tâm kiên cố, bất động của vị Bồ tát đã vào Bồ tát vị.

Lại nữa, hết thảy các pháp đều là nhất tướng, là vô tướng, cho nên chẳng có thừa nào là định tướng cả. Như vậy là ở nơi đệ nhất nghĩa đế thì cả 3 thừa đều chẳng có phân biệt (vô phân biệt), cho nên cũng chẳng có chuyển (vô sở chuyển) vậy.

Bồ tát bất thối chuyển tuy hành pháp ở cõi Dục để độ chúng sanh, nhưng vẫn luôn luôn tự tại ra vào các thiên định. Muốn giáo hóa hạng chúng sanh nào, thì Bồ tát hiện hành đúng theo hướng tâm của họ. Tâm Bồ tát thanh tịnh, nhu nhuyễn, chẳng thọ phước báo ở cõi trời Trường Thọ Thiên, thường phát tâm tu 4 niệm xứ mà chẳng chứng các quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng chứng quả Bích Chi Phật.

Bồ tát quán khắp các quốc độ ở trong 10 phương, biết cảnh giới nào có thể làm việc lợi ích cho chúng sanh, thì thị hiện thọ thân ở nơi đó để hành Bồ tát đạo.

Bồ tát luôn luôn nhất tâm niệm Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng quý các pháp khác.

Lại nữa, vì Bồ tát chẳng xả bỏ nguyện lợi sanh, nên

chẳng quý quả Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát thường dụng tâm “vô sở đắc” khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, nên đối với Bồ tát thì bố thí, trì giới... dẫn đến gieo trồng thiện căn còn chẳng quý, huống nữa là 5 dục lạc cùng các lợi dưỡng ở thế gian. Vì sao? Vì quán hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên Bồ tát chẳng thấy có pháp nào đáng quý cả.

Cũng nên biết rằng người thế gian do tham và quý của mà khởi động tâm muốn chiếm giữ, nếu chẳng giữ được thì sẽ khởi sanh phiền não. Bồ tát chẳng tham, chẳng quý nên tâm thường thanh tịnh, bất động. Do vậy mà thân hành và khẩu hành của Bồ tát vẫn thường nhu nhuyễn, an hòa, khiến ở nơi 4 oai nghi “đi, đứng, nằm, ngồi” Bồ tát vẫn thường nhất tâm bất loạn, chẳng hề có lỗi lầm.

Hỏi: Trong kinh nói Bồ tát phương tiện thọ 5 dục lạc để làm lợi ích cho chúng sanh. Như vậy, Bồ tát dùng những phương tiện gì khi ở trong 5 dục lạc?

Đáp: 5 dục là lửa thiêu đốt chúng sanh, nên Bồ tát thệ nguyện vào trong 5 dục để dùng phương tiện độ thoát chúng sanh.

Khi đã đầy đủ thiện căn công đức rồi, Bồ tát tự niệm rằng: Nếu ta xuất gia thì với một thân ta chẳng làm thế nào để nhiếp độ hết thấy chúng sanh được. Trong lúc đó thì có vô lượng chúng sanh trong các loài cần đến sự giúp đỡ của ta.

Vì phát tâm từ như vậy nên Bồ tát thị hiện sanh vào nhà phú quý, để có đủ các phương tiện thật hành hạnh bố thí. Ở tại gia, thì bố thí tài vật, khi xuất gia thì bố thí pháp. Tâm Bồ tát mênh mông vô lượng, ví như cánh đồng rộng, đầy đủ hoa màu, đem lại sự lợi ích cho người và cho chim thú vậy.

Người xuất gia hành 6 pháp Ba-la-mật, tán thán bố thí,

thường bị người đời chê rằng: Vị tu sĩ ấy chỉ có một thân, một mình, chẳng có tài vật gì để bố thí, mà lại dạy người bố thí, như vậy chỉ là nói suông, chẳng ích lợi gì. Làm sao có thể tin được.

Bởi nhân duyên vậy, nên để làm trợ đạo pháp cho hàng xuất gia hành pháp thí, Bồ tát đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thị hiện sanh vào nhà phú quý, ở tại gia, hành bố thí đúng như pháp, khiến nhiều người tín thọ. Có khi Bồ tát thị hiện làm vị Chuyển Luân Thánh Vương, đem tài vật bố thí cho cả cõi Diêm Phù Đề, có khi thị hiện làm Đánh Sanh Vương có của cải tùy ý để bố thí, có khi thị hiện làm Đế Thích, Phạm Vương rưới mưa báu đầy khắp cõi đại thiên thế giới để cúng dường chư Phật.

Bồ tát chỉ muốn làm cho chúng sanh được sung mãn, nhưng tự mình chẳng có tham đắm 5 dục lạc. Vì sao? Vì thủ thọ 5 dục lạc khiến tâm sanh kiêu mạn, khinh chê người khác. Nếu đoạn trừ được dâm dục, thì tâm sẽ ít sanh phiền não, ít bị chìm đắm.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Khi Bồ tát vào được vô sanh pháp nhẫn, vào được Bồ tát vị, thì sẽ được Phật thọ ký. Lúc bấy giờ Bồ tát được Chấp Kim Cang Thần thủ hộ. Lại nữa, khi Bồ tát quyết định được Phật đạo, thì các vị Thần tự phát nguyện: Nếu có ai xâm tổn đến Bồ tát, thì chúng tôi sẽ dùng thần lực phá tan ý đồ phá hoại của họ.

Hỏi: *Nếu nói Bồ tát được Kim Cang Thần thường theo để thủ hộ, thì như vậy xét riêng Bồ tát đâu có oai lực gì?*

Đáp: Bồ tát tự mình có đầy đủ công đức và có oai lực lớn, nên mới được Kim Cang Thần Vương theo bên để thủ hộ.

Ví như người chẳng có đôi mắt và 5 thức căn, thì chẳng khác gì loài cây đá, phải nhờ 5 thức căn mới có thể thấy nghe, hay biết được.

Cũng như vậy, Bồ tát có đầy đủ 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” nên có oai đức rất lớn, nên phàm phu chẳng thể nào tin hiểu được.

Hỏi: Trong kinh A Tỳ Đàm có nói: Người nào thành tựu được 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” thì chẳng mất thiện căn.

Như vậy thì hàng phàm phu đoạn mất thiện căn chẳng?

Đáp: Chúng sanh chẳng mất thiện căn, mặc dù dụng của 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” chưa phát khởi. Ví như đứa bé cũng đã có sẵn tâm dâm dục, nhưng chưa phát dụng vậy thôi.

-o0o-

Nói về 5 căn, phải nên phân biệt có 2 trường hợp:

- Trường hợp Thanh Văn và Bích Chi Phật.
- Trường hợp Bồ tát và Phật.

Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật thâm tín Niết bàn, nên thường dùng trí huệ quán thế gian là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Còn Bồ tát thâm tín từ bi tâm, nên dù ở nơi cảnh giới của chúng sanh mà vẫn thường quán thật tướng pháp, biết rõ các pháp đều là vô sanh, vô diệt. Tuy chưa làm Phật mà thường tín thọ các Phật sự. Có Bồ tát căn thì mới có thể thấy nghe, hay biết các thần thông lực của chư Phật. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có được như vậy.

Trong kinh “*Bát Khả Tư Nghi Giải Thoát*” có nói: Các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề... tuy ở gần bên

Phật, nhưng vì chưa có Bồ tát căn, nên chẳng nghe được Phật thuyết kinh ấy cho hàng Bồ tát nghe.

Bởi vậy nên nói Bồ tát có đầy đủ 5 căn “tín, tấn, niệm, định, huệ” thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

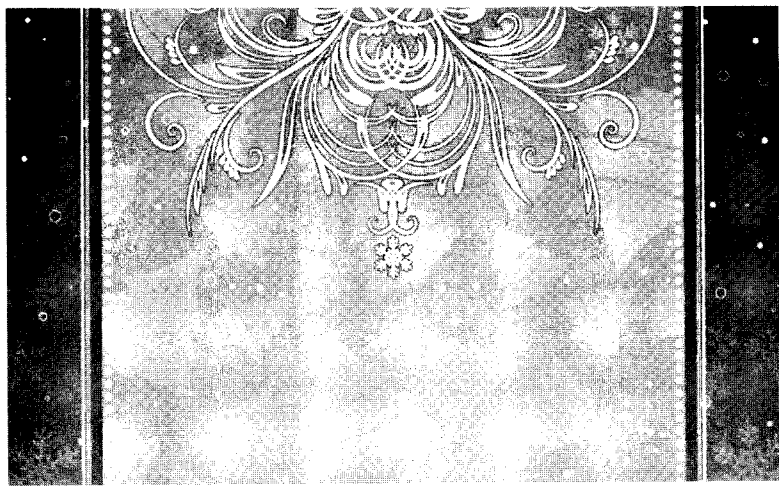
Hỏi: Trong các kinh đều nói thiện nam, thiện nữ nào giữ được “thân, khẩu, ý” thanh tịnh, thường biết ơn và báo ơn, thường vì chúng sanh xả thân mình để cho chúng sanh được an vui, thường làm lợi ích cho chúng sanh mà chẳng cầu báo, rất xứng đáng được gọi là bậc thượng nhân. Nay vì sao chỉ nói người nhất tâm bất loạn, hành vô thượng đạo mới là bậc thượng nhân?

Đáp: Phật dạy “Nhất tâm bất loạn là đã thủ nhiếp hết thảy các thiện pháp rồi. Vì sao? Vì chỉ nhất tâm bất loạn cầu Phật đạo là đã tiêu trừ sạch các phiền não.

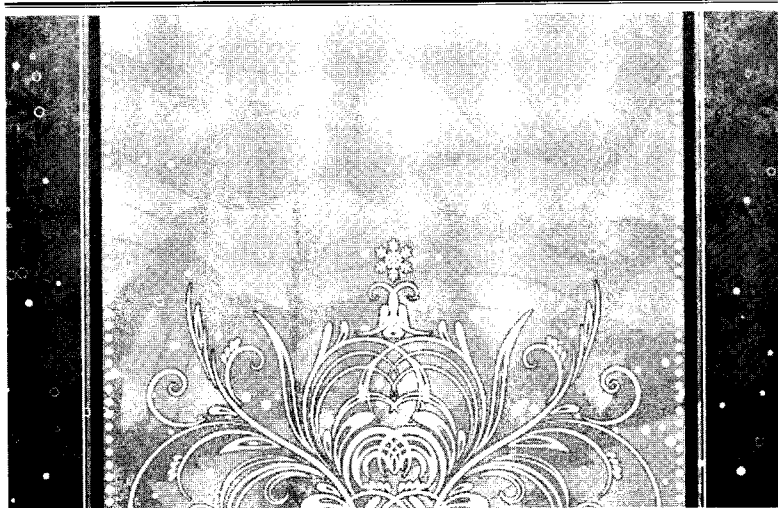
Bồ tát do thâm ái chúng sanh mà đem thân mình bỏ thí làm lợi ích cho chúng sanh, lại vì thường nhất tâm bất loạn niệm Vô Thượng Bồ Đề, nên thường trì giới thanh tịnh, chẳng hành tà mạng, chẳng làm bùa phép, chú thuật, chẳng cầu tài lợi, danh vọng.

Bởi vậy nên dù có người muốn biết các việc vị lai tốt hay xấu, muốn biết mình sẽ sanh con trai hay con gái, muốn biết thọ mạng của mình dài hay ngắn, muốn hỏi về các việc lành hay dữ, vui hay khổ, hơn hay thua v.v.... thì Bồ tát cũng chỉ tác hành nhằm nhiếp độ họ, phá trừ tâm xan tham, tâm kiêu mạn nơi họ mà thôi. Bồ tát làm như vậy chẳng phải vì tài lợi, danh vọng. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, chẳng thấy có các pháp tướng phân biệt, chẳng thấy có tướng nam, nữ, xấu, tốt... cho nên chẳng bao giờ Bồ tát hành tà mạng cả.

(Hết quyển 73)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 74



Phẩm Thứ Năm Mười Sáu (TIẾP THEO)



Chuyên, Bất chuyên (tiếp theo)

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Nay ta sẽ nói về hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển. Ông hãy nhất tâm lắng nghe.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thường chẳng xa lìa Vô Thượng Bồ Đề, nên:

- Chẳng ưa nói các sự việc về 5 ấm, 12 nhập, 18 giới? Vì thường quán 5 ấm, 12 nhập, 18 giới là tự tướng không.

- Chẳng ưa nói các sự việc về vua quan. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không, nên chẳng thấy có cao hạ, có sang hèn.

- Chẳng ưa nói các sự việc về trộm cướp. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không nên chẳng thấy có được, có mất.

- Chẳng ưa nói các sự việc về đấu tranh, giặc giã. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không, nên chẳng thấy có thương, có ghét.

- Chẳng ưa nói các sự việc về phái nữ. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không nên chẳng thấy có đẹp, có xấu.

- Chẳng ưa nói các sự việc về tụ lạc, thành ấp, xóm làng. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tướng không nên chẳng thấy có hợp, có tan.

- Chẳng ưa nói về quốc sự. Vì sao? Vì an trú nơi thật tế nên chẳng thấy có gì hệ thuộc nơi đó, hay chẳng hệ thuộc nơi đó.

- Chẳng ưa nói các sự việc về thành bại. Vì sao? Vì an trú nơi thật tế, nên chẳng thấy có hơn, có thua.

- Chẳng ưa nói các sự việc về chính mình. Vì sao? Vì an trú nơi pháp tánh, nên chẳng thấy có ngã, có vô ngã... dẫn đến chẳng thấy có tri giả, có kiến giả.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng ưa nói các sự việc thế gian, mà chỉ ưa nói Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng xa lìa Tát Bà Nhã tâm.

Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật nên chẳng có xan tham, hành Thi La Ba-la-mật nên chẳng có phá giới, hành Săn Đề Ba-la-mật nên chẳng có sân nhuế, hành Tỳ Lê Gia Ba-la-mật nên chẳng có giải đãi, hành Thiên Na Ba-la-mật nên chẳng có tán loạn, hành Bát nhã Ba-la-mật nên chẳng có ngu si.

Bồ tát tuy hành tất cả các pháp không, nhưng vẫn ưa chánh pháp và mền chánh pháp, tuy hành pháp tánh, nhưng vẫn tán thán bất hoại pháp, vẫn mền chư thiện tri thức, chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát và chư Phật, là những vị đã giáo hóa mình, dẫn dắt mình đến Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát thường nguyện được thấy chư Phật, nên khi nghe ở quốc độ nào có Phật, là liền nguyện vãng sanh về cõi nước đó, để ngày đêm thường được niệm Phật.

Bồ tát thường ở trong định, từ Sơ thiền... dẫn đến Phi Hữu Tướng Phi Vô Tướng định, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật phá hủy dục giới tâm, vì biết rõ ở đâu có chúng sanh tu tập 10 thiện đạo là ở nơi đó có Phật.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát an trú nơi nội không... dẫn đến nơi vô pháp hữu pháp không, an trú nơi 4 niệm xứ... dẫn đến nơi 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”. Ở nơi tự địa của mình, Bồ tát tự biết rõ, chẳng chút nghi ngờ rằng mình là, hay mình chẳng phải là bậc bất thối chuyển. Vì sao? Vì ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát chẳng thấy có pháp chuyển hay bất chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người được quả Tu-đà-hoàn, an trú nơi tự địa của mình tự biết rõ ràng, chẳng chút nghi ngờ gì cả. Cũng như vậy, Bồ tát bất thối chuyển an trú nơi tự địa của mình, tự biết rõ ràng, chẳng chút nghi ngờ gì cả.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người phạm tội “ngũ nghịch” thì tâm tội đó chẳng bao giờ rời bỏ người ấy, dù đến chết cũng chẳng thôi dứt được. Cũng như vậy, Bồ tát an trú trong bất thối chuyển địa thường giữ tâm bất động, chẳng gì lay chuyển được. Tất cả các hàng trời, người, A-tu-la, ở trong khắp 3 cõi chẳng có thể làm lay động tâm Bồ tát được. Vì sao? Vì Bồ tát này vượt lên trên tất cả hàng Trời, người và a-tu-la, vào chánh pháp vị, an trú nơi bất thối chuyển địa, đầy đủ các lực thần thông, thường thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Bồ tát này lại chu du khắp 10 phương, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác để gieo trồng thiện căn, tìm gặp chư thiện tri thức, thân cận và thưa hỏi chư Bồ tát và chư Phật. Bồ tát này an trú như vậy nên khi có ma sự dấy khởi liền hay biết, chẳng tùy theo ma sự, mà lại dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật đặt ma sự vào nơi pháp tánh thật tế, tự chúng

giải thoát cho chính mình. Vì sao? Vì ở nơi pháp tánh thật tế chẳng có nghi tướng, thật tế là chẳng phải một, chẳng phải hai. Bởi vậy, nên khi chuyển thân, Bồ tát này vẫn chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Ở nơi các pháp tự tướng không, Bồ tát này chẳng thấy có pháp sanh hay diệt, cũng chẳng thấy có pháp cấu hay tịnh.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chuyển thân mà trọn chẳng chút nghi ngờ rằng mình sẽ được, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì các pháp tự tướng không đó cũng chính là Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển chẳng nghe theo lời người khác, nên chẳng ai có thể phá hoại được. Vì sao? Vì Bồ tát này đã thành tựu được trí huệ bất động.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện thân Phật đến nói với Bồ tát rằng: Ông nên tu chứng quả vị A-la-hán. Ông chưa được vô sanh pháp nhẫn, chẳng có thể được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề đâu.

Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy, trọn chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, cũng chẳng nghi mà quyết định tự biết là mình sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát tự niệm rằng: Trong quá khứ chư Bồ tát đã tu pháp như vậy mà đã được thọ ký, nay ta tu pháp như vậy ắt sẽ được thọ ký vậy.

Này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện thân Phật đến thọ ký quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật cho Bồ tát.

Bồ tát bất thối chuyển thấy như vậy, liền tự niệm rằng: Đây là ma giả hiện thân Phật để tác pháp như vậy.

Chư Phật chẳng bao giờ khuyên Bồ tát xả ly Vô Thượng Bồ Đề để an trú nơi các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện thân Phật đến chỗ Bồ tát mà nói rằng: Kinh sách mà ông học bấy lâu nay chẳng phải là do Phật thuyết ra.

Bồ tát bất thối chuyển nghe nói như vậy, liền tự niệm rằng: Đây là ma giả hiện thân Phật đến bảo ta xả ly Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết vị Bồ tát này đã được chư Phật quá khứ thọ ký, đã an trú trong Bất Thối Chuyển địa. Vị Bồ tát này khi hành Bát nhã Ba-la-mật, thường hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng, tự niệm rằng: Ta hộ trì chánh pháp của một đức Phật là hộ trì chánh pháp của 10 phương 3 đời chư Phật. Bởi vậy nên ta phải xả thân làm các việc lợi ích cho chúng sanh, chẳng nên tiếc thân mạng.

Này Tu Bồ Đề! Phật thuyết hết thấy pháp đều rất ráo không. Người vô trí chẳng hiểu được thâm diệu nghĩa, nên chẳng tin thọ, cho đó chẳng phải là lời Phật. Bồ tát hộ pháp “không” mà chẳng tiếc thân mạng, vì tự niệm rằng, vào đời vị lai ta cũng được thọ ký làm Phật. Pháp chân thật đó cũng chính là pháp của ta. Bởi vậy nên ta phải hộ trì pháp ấy mà chẳng tiếc thân mạng.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển vừa nghe Phật thuyết pháp, liền thọ trì, chẳng nghĩ, nghe xong là liền ghi nhớ, chẳng có quên sót. Vì sao? Vì đã được đà la ni vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát được đà la ni gì mà vừa nghe Phật thuyết là liền ghi nhớ, chẳng nghĩ, chẳng quên sót?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát này được “Vấn trì đà la ni” nên nghe kinh pháp của ta liền ghi nhớ, chẳng nghĩ, chẳng quên sót.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát này chẳng nghĩ, chẳng quên kinh pháp của Phật dạy. Thế thì các kinh pháp của Thanh Văn và Bích Chi Phật, các lời nói của hàng Thiên Long Bát Bộ thì Bồ tát này nghĩ và quên chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do được “Vấn trì đà la ni”, nên khi nghe kinh pháp nào rồi, nghe lời nói nào rồi thì Bồ tát này liền ghi nhớ, chẳng nghĩ, chẳng quên sót nữa.

Nếu Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như trên đây, thì phải biết đó là bậc đại Bồ tát bất thối chuyển.

LUẬN:

Phật muốn nói rõ thêm về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, nên đã bảo ngài Tu Bồ đề hãy nhất tâm lắng nghe cho kỹ.

Bồ tát bất thối chuyển thường chẳng xa rời Vô thượng Bồ Đề, chỉ ưa tu tập pháp “không”, chẳng ưa nghe nói các sự việc về 5 ấm, về 12 nhập về 18 giới, chẳng ưa nghe nói các sự việc thế gian, như về vua quan, quyền thế, giặc giã...

Bồ tát biết rõ thế gian là vô thường là nhà lửa thiêu đốt

chúng sanh. Vì thương xót chúng sanh nên Bồ tát tự niệm: Ta chưa thành đạo chưa có đầy đủ các lực phương tiện để cứu độ chúng sanh, thì ta chớ nên buông lung, phóng tâm theo các việc thế gian, vô ích.

Bồ tát biết rõ hết thảy pháp đều là “không” là bất khả đắc, nên dù vẫn dùng 6 thức mà vẫn thường hướng về pháp “không”, thường hành và thường thuyết pháp “Không”. Bồ tát vẫn thường dụng tâm vô sở đắc, tu tập thiền định, trí huệ, hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát vẫn thứ lớp tu tập các pháp, trú trong pháp tánh không để phân biệt rõ các pháp, mà vẫn chẳng phá hoại các pháp tướng. Bồ tát chẳng chấp pháp tánh, nhưng vì thương xót chúng sanh, mà phân biệt nói có thiện pháp, có bất thiện pháp... Bồ tát vì chúng sanh nói rõ như vậy, mà vẫn tán thán thật tướng pháp bất hoại.

Vì muốn đưa chúng sanh vào nơi thật tướng pháp tánh, nên Bồ tát vẫn thường an trú nơi thật tướng pháp tánh, thân cận với người có công đức, có trí tuệ, để tùy phương tiện đưa họ an trú nơi thật tướng pháp tánh.

Bồ tát tuy thường hằng ở trong thiền định, nhưng thương xót chúng sanh nên phát thệ nguyện, thị hiện sanh về cõi Dục, lưu hoặc, để độ thoát chúng sanh.

Bồ tát thông đạt nội ngoại không, mà chẳng chấp “không”. Do đã thâm nhập Bát nhã Ba-la-mật nên Bồ tát vào được Bát Thối Chuyển địa.

-o0o-

Nên biết rằng, người chẳng thấy được chỗ chuyển và chỗ bất chuyển của các pháp thì mới sanh nghi tâm, trái lại, Bồ

tát đã thấy rõ chỗ chuyển và chỗ bất chuyển của các pháp rồi, nên chẳng sanh nghi tâm nữa.

Ví như người đi trong đêm tối, vừa thấy có bóng đen trước mặt đã nghi là có người đứng chặn đường mình. Trái lại, Bồ tát hành “vô tướng tam muội”, nên chẳng còn chấp tướng, chẳng khởi nghi tâm.

Phật nêu thí dụ hàng Thanh Văn, khi đã vào được sơ quả Tu-đà-hoàn, đã đoạn được 3 phần kiết sử, nên tự biết rõ là mình đã được vô lậu huệ, khiến ở nơi pháp Tứ Đế chẳng còn khởi nghi tâm nữa. Cũng như vậy, hàng Bồ tát bất thối chuyển đã vào được nơi thật tướng pháp, đã biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không, đều là vô sở hữu xứ, nên chẳng còn khởi nghi tâm nữa.

Bồ tát an trú nơi thật tướng pháp, mà giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ. Tâm Bồ tát kiên cố, chẳng gì lay chuyển được, chẳng có ma sự gì có thể phá hoại được.

Phật nêu thí dụ người phạm tội “ngũ nghịch”, trọn đời bị tâm tội ấy ám ảnh, mãi cho đến khi chết cũng chẳng thôi dứt được. Cũng như vậy, Bồ tát khi đã vào nơi Bất Thối Chuyển địa rồi, thì tâm trở nên kiên cố, bất động, khiến hàng trời, người, A-tu-la chẳng có thể làm lay động được.

Bồ tát này dùng lực Bát nhã Ba-la-mật quán hết thấy pháp, ở nơi thật tướng, đều là nhất tướng, là vô tướng, quán thân mình như thân Phật, nên đời đời chẳng lạc về Nhị thừa địa.

Bồ tát này lại biết rõ là mình sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, nên khi thấy ác ma giả hiện thân Phật đến thọ ký cho mình được quả Thanh Văn hay quả Bích Chi Phật, liền biết rõ đó chỉ là ma sự.

Bồ tát này lại biết rõ là mình đã được vô sanh pháp nhãn,

đã được Phật thọ ký bất thối chuyển, nên khi thấy ác ma giả hiện thân Phật đến khuyên vứt bỏ các kinh sách đã học bấy lâu nay, cho rằng đó chẳng phải là lời Phật dạy, thì cũng liền biết ngay đó là ma sự.

Bồ tát này, trong nhiều đời đã ái lạc Bát nhã Ba-la-mật, đã hộ trì thậm thâm pháp này, nên khi thấy có kẻ cuồng si manh tâm phá hoại, phỉ báng Bát nhã Ba-la-mật, liền thệ nguyện xả thân nhằm phá tán các tà kiến đó, đưa chúng sanh vào chánh đạo. Trên bước đường hành Bồ tát đạo, nếu bị kẻ tà kiến đến hành hung, giết hại, Bồ tát cũng nhẫn chịu, chẳng chút sợ hãi. Vì sao? Vì Bồ tát nhất tâm hộ pháp, biết chắc đời sau mình sẽ được gặp Phật, nghe pháp, nên tự niệm rằng: Nếu vì lợi ích cho chúng sanh, vì hộ trì Phật pháp, mà ta phải xả bỏ thân mạng này, thì ta phải nên hoan hỷ nhẫn thọ. Chết như vậy thù thắng hơn là sống mà chẳng làm được lợi ích gì cho chúng sanh, chẳng hộ trì được Phật pháp.

Bồ tát này đã được “văn tri đà la ni”, nên khi nghe Phật thuyết pháp, cũng như khi nghe các lời nói của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, của các hàng Thiên Long Bát Bộ, đều liền ghi nhớ, chẳng có nghi, chẳng có quên sót.

-o0o-

Dựa theo lời dạy của Phật trên đây, nếu có vị Bồ tát nào có hạnh loại và tướng mạo như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Hỏi: *Bồ tát thành tựu những pháp sự gì mới vào được Bất Thối Chuyển địa?*

Đáp: Kinh *A Tỳ Đàm* và luận *Tỳ Bà Sa* có nói: Bồ tát trải qua 3 A-tăng-kỳ kiếp tu tập mới vào được Bất Thối Chuyển địa.

Lại có thuyết nói: Phải như tiền thân đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thấy đức Phật Nhiên Đăng liền phát tâm cúng dường hương hoa và trải tóc để rước Phật đi qua, mới được thọ ký bất thối chuyển.

-o0o-

Các điều ghi trên đây mật ý nói rằng: Bồ tát nghe Bát nhã Ba-la-mật rồi, tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật, có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, trú ở trong pháp không mà chẳng chấp không. Lại nữa, phải quán hết thấy pháp đều là bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, bất khứ, bất lai, bất nhất, bất dị, bất thường, bất đoạn, phi hữu, phi vô. Lại nữa, phải dùng trí huệ quán, phải phá sanh diệt quán, phá vô thường quán; ở nơi bất sanh, bất diệt cũng chẳng chấp, chẳng đọa về không, về vô sở hữu. Được như vậy, Bồ tát sẽ thông đạt mười phương ba đời chư Phật, được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, an trú nơi Bất Thối Chuyển địa.

Nếu Bồ tát nào chưa được đầy đủ các tướng mạo như trên đây thì chưa được Phật thọ ký, chưa có thể an trú nơi Bất Thối Chuyển địa.

Ở đây, cũng nên phân biệt hai hạng Bồ tát. Đó là:

- Nhục thân Bồ tát.
- Pháp tánh thân Bồ tát.

Về nhục thân Bồ tát, cũng nên phân biệt có hai hạng. Đó là:

- Hạng nhục thân Bồ tát ra đời vào thời có Phật, và được Phật thọ ký.

- Hạng nhục thân Bồ tát ra đời vào thời không có Phật, mà được vô sanh pháp nhẫn.

Hỏi: Người đọc tụng, thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, đã tùy thuận vô sanh pháp nhẫn, nhưng chưa có được đầy đủ thiên định, còn có nghi tâm, thì cũng được bất thối chuyển chăng?

Đáp: Người chưa có đầy đủ thiên định còn khởi nghi tâm thì chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, chưa được bất thối chuyển.

Trong số người tu hành, nên phân biệt có hai hạng. Đó là:

- Hạng người tin ít mà nghi nhiều.
- Hạng người nghi ít mà tin nhiều.

Người tu hành đọc tụng, thọ trì... tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà nghi ít, tin nhiều, thì rất dễ được thiên định, dễ được “nhu thuận nhẫn”.

Thế nhưng phải đoạn dứt “ái pháp”, mới được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, được bất thối chuyển.

Phẩm Thứ Năm Mười Bảy



Thâm Áo
(Sâu thăm)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy là Bồ tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức.

Phật dạy: Đúng như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức. Vì sao?

Vì Bồ tát bất thối chuyển được vô lượng vô biên trí huệ, nên thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát an trú nơi trí huệ, nên khởi sanh 4 vô ngại trí. Do có được 4 vô ngại trí, nên tất cả hàng trời, người, chẳng có ai có thể sánh kịp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu khen ngợi các hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển, thì trải qua hằng sa kiếp cũng chẳng sao nói hết được.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất thối chuyển an trú nơi chỗ thâm áo nào, mà khi thật hành 6 pháp Ba-la-mật, thường được đầy đủ 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Này Tu Bồ Đề! Ông đã khéo vì hàng Bồ tát mà thưa hỏi về chỗ thâm áo đó.

Này Tu Bồ Đề! Chỗ thâm áo có nghĩa là chỗ không, vô

tướng, vô tác, vô khởi, vô sanh, vô diệt, vô nhiễm; là chỗ ly, tịch diệt; là chỗ pháp như, pháp tánh, thật tế; là Niết bàn. Nghĩa của chỗ thâm áo là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có phải chỉ có không, vô tướng, vô tác... dẫn đến Niết bàn là chỗ thâm áo, hay còn có các pháp nào nữa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là chỗ thâm áo cả. Sắc... dẫn đến thức, nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức, nhãn giới... dẫn đến ý thức giới, Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là chỗ thâm áo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều thâm áo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc như là thâm áo, nên nói sắc là thâm áo, ... dẫn đến vì Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo, nên nói Vô Thượng Bồ Đề là thâm áo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc như là thâm áo... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc như chẳng phải là sắc, mà cũng chẳng ly sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như chẳng phải là Vô Thượng Bồ Đề mà cũng chẳng ly Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật hy hữu bạch Thế Tôn! Do có lực phương tiện vi diệu mà Bồ tát bất thối chuyển ly sắc xứ Niết bàn... dẫn đến thức xứ Niết bàn; cũng ly hết thấy pháp xứ Niết bàn, dù là thế gian hay xuất thế gian, hữu tránh hay vô tránh, hữu lậu hay vô lậu pháp xứ Niết bàn.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Do có lực phương tiện vi diệu mà Bồ tát bất thối chuyển ly sắc xứ Niết bàn... dẫn đến ly hữu lậu pháp xứ Niết bàn, ly vô lậu pháp xứ Niết bàn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất thối chuyển hành các pháp thâm áo như vậy là cùng với Bát nhã Ba-la-mật tương ưng. An trú nơi Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát quán sát tư duy, trừ lượng, rồi tự niệm rằng: Ta phải hành như vậy, phải học như vậy, mới đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nào đúng như pháp mà hành, đúng như pháp mà học, đúng như pháp mà quán sát, lại đầy đủ tinh tấn và nhất tâm, thì chỉ phát khởi một niệm lợi sanh là vị ấy đã được vô lượng vô biên phước đức, siêu việt vô lượng kiếp, đến gần Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên nay vị Bồ tát ấy hành Bát nhã Ba-la-mật đúng với niệm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như có người đam mê dâm dục chuẩn bị cuộc hẹn hò với một cô gái xinh đẹp, nhưng đến giờ hẹn nàng gặp trở ngại, chẳng đến được. Ý ông nghĩ sao? Người ấy sẽ niệm tưởng như thế nào về cô gái ấy?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy luôn luôn niệm tưởng đến cô gái ấy mong sớm được gặp lại, để cùng nhau ân ái, thỏa mãn dục tính.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Trong một ngày đêm, người ấy khởi bao nhiêu niệm tưởng về người con gái?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong một ngày đêm, người ấy khởi rất nhiều niệm tưởng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát niệm tưởng về Bát

nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Nếu thật hành đúng như lời Phật dạy, trong Bát nhã Ba-la-mật, thì chỉ trong một ngày niệm cũng đã siêu việt được vô lượng kiếp.

Này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát nào xả ly được hết thảy các chấp, thì chỉ trong một ngày cũng đã thành tựu được vô lượng vô biên thiện căn công đức. Người hành Bát nhã Ba-la-mật trong vô lượng kiếp mà còn tâm chấp, tuy có nhiều công đức, nhưng công đức của người này chẳng sao bì kịp công đức của vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật với tâm ly chấp, dù chỉ trong một ngày, trong trăm, ngàn, muôn ức phần... chẳng sao bằng được một, ... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh được.

LUẬN:

Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã được nghe Phật nói đầy đủ về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển. Nay ngài lại được nghe Phật nói về các công đức của hàng Bồ tát bất thối chuyển, nên ngài sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất thối chuyển thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Phật tán thán lời tác bạch của ngài Tu Bồ Đề, rồi lần lượt nói về các công đức của hàng Bồ tát bất thối chuyển, như: Bồ tát có vô lượng trí huệ, vượt lên trên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, thường sanh 4 vô ngại trí, biết rõ thật tướng các pháp, nên chẳng còn nghi ngại.

-oOo-

Do được “từ vô ngại trí” và “nghĩa vô ngại trí” nên Bồ tát phân biệt được danh tự và nghĩa lý của các pháp một cách vô ngại.

Khi đã được “từ vô ngại trí” và “nghĩa vô ngại trí” rồi, thì thông đạt hết thảy các pháp và thuyết giảng thật nghĩa của hết thảy các pháp một cách vô ngại, nên Bồ tát cũng thành tựu viên mãn “pháp vô ngại trí” và “lạc thuyết vô ngại trí” vậy.

Bồ tát an trú trong 4 vô ngại trí, nên gặp bất cứ ai đến cầu pháp hay đến vấn nạn, Bồ tát đều lý giải thông suốt, rõ ràng, chẳng có gì ngăn ngại. Trí huệ của Bồ tát tựa như biển lớn mênh mông, sâu thẳm, chẳng bao giờ khô cạn.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật khai thị về 4 vô ngại trí cũng là tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, vì Bồ tát này được trí huệ vô lượng vô biên, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nên ngài đã hoan hỷ bạch Phật rằng: Nếu khen ngợi các hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển, thì trải qua hàng sa kiếp cũng chẳng sao nói hết được.

Phật tán thán lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Ông đã khéo vì hàng Bồ tát, mà thưa hỏi ta về chỗ thâm áo đó. Hết thảy các pháp, từ sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là “không”, là “như” và đều là chỗ thâm áo cả.

Hỏi: *Các pháp hữu vi có thể chia chẻ đến chỗ vi tế mà người thế gian chẳng sao có thể biết được, nên gọi đó là chỗ thâm áo. Còn các pháp “Không” đều là vô sở hữu. Vì sao lại gọi pháp “Không” là chỗ thâm áo?*

Đáp: Chẳng có thể dùng ngữ ngôn, danh tự mà diễn bày nghĩa của pháp “không”. Vì sao? Vì muốn giải rõ nghĩa về tướng “có”, mà phương tiện nói đến tướng “không”.

Tướng “không” cũng như tướng “có” chỉ là hai pháp đối đãi, chẳng thật có. Quán được như vậy thì sẽ biết rõ hết thảy

các pháp tướng đều là hư vọng. Cho nên khi đã dứt trừ hết các chấp, thì dù nguyện sanh vào trong 3 cõi cũng vẫn được đạo, cũng vẫn thành tựu được pháp “không”.

Nếu vào được “không” rồi mà còn chấp “không”, thì còn có lỗi lầm, chẳng đến được chỗ thâm áo.

Nếu trú trong “không” mà chẳng chấp “không”, thì mới gọi là thâm áo. Nếu dùng “không” nhằm phá các tà kiến chấp về “có - không” thì mới đến được chỗ thâm áo vậy.

Bồ tát quán 5 ấm sanh diệt, nhằm phá chấp thường, rồi quán 5 ấm rốt ráo không, nhằm phá chấp sanh diệt. Vì sao? Vì nơi tánh “không”, chẳng có vô thường hay thường, nên là bất sanh diệt.

Nơi đây nên biết có hai nghĩa về “bất sanh diệt”. Đó là:

- Do tà kiến, mà cho rằng thế gian là thường còn, là bất sanh diệt.

- Do muốn phá chấp về “sanh diệt”, nên nói “bất sanh diệt”.

Nếu phá được chấp về “sanh diệt” rồi mà cũng chẳng chấp “bất sanh diệt” thì mới gọi là thâm áo. Lại nữa, cũng nên biết:

- Phiền não khó đoạn mà đoạn được, thì gọi là thâm áo.

- Đam mê dục lạc thì dễ, mà ly dục thì rất khó, nên hành ly dục là thâm áo.

- Phóng tâm theo tà kiến thì dễ, mà định tâm hướng về thật tướng pháp, về chân thật pháp tánh thì rất khó, nên vào được pháp tánh thật tế là vào được chỗ thâm áo.

- 96 pháp ngoại đạo chẳng đưa đến giải thoát, chỉ có Niết bàn đạo đưa đến giải thoát, nên Niết bàn đạo là chỗ thâm áo.

- v.v...

Hỏi: Trên đây nói các pháp “không” đều là chỗ thâm áo. Như vậy nghĩa “không” là như thế nào?

Đáp: Có thuyết nói các tâm và các tâm sở đều có định tướng. Còn đối với các ngoại pháp, thì nếu dùng các tam muội “không, vô tướng và vô tác” để quan sát, sẽ thấy rõ các ngoại pháp đều là không.

Có thuyết nói: Ngoài tâm duyên sắc, thì các pháp đều là không. Các thuyết trên đây đều nói về “ngoại không”, nếu dùng các tam muội “không, vô tướng và vô tác” mà quan sát, thì sẽ thấy hết thấy các ngoại pháp đều là không.

Chẳng thể như vậy được. Vì sao? Vì nếu các ngoại pháp chẳng phải là thật không, mà phải dùng “không tam muội” quán sát mới thấy rõ là “không”, thì đó vẫn chỉ là hư vọng. Trái lại, nếu ngoại duyên thật sự là “không”, thì chẳng có sanh “không tam muội” nữa. Vì nếu sanh “không tam muội” thì ngoại duyên chẳng phải là “không”.

-oOo-

Ở đây Phật dạy về “trung đạo”, ly cả hai chấp “có - không”. Vì sao? Vì các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng phải là định pháp, nên nói các pháp đều là tự tánh không.

Các nhân duyên sanh pháp đều chẳng có tự tánh, nên hết thấy các pháp, ở nơi thật tướng đều rất ráo không. Từ vô thi đến nay các pháp bản lai đều là không, chẳng phải do Phật làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra cả.

Vì thương xót chúng sanh mà chư Phật giải rõ về tánh không của các pháp. Tánh không đó chính là pháp tánh thật tế của hết thấy pháp.

Cũng nên biết rằng chẳng phải do quán “nội pháp” hay “ngoại pháp” mà biết được tướng “không” của các pháp. “Không tướng” cũng chỉ là danh tự. Đã là danh tự thì “không tướng” là chẳng phải trú, chẳng phải bất trú, nên là vô tướng, là tịch diệt, là ly, là Niết bàn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề tuy biết rõ các Bồ tát đến phó hội đều rất lợi căn, nhưng vẫn có thể thâm chấp Niết bàn, nên ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có phải chỉ có không, vô tướng, vô tác,... dẫn đến Niết bàn là thâm áo, hay còn có các pháp khác nữa?

Phật dạy: Chánh quán hết thấy các sắc pháp là thành tựu được Niết bàn. Hết thấy các pháp đều là nhân dẫn đến Niết bàn, nên đều là chỗ thâm áo cả.

Hết thấy các pháp đều là như, nên đều là thâm áo.

Nghĩa “thâm áo” là “như”, là chẳng phải thị, cũng chẳng phải phi.

Sắc như là thâm áo, vì chẳng phải là sắc cũng chẳng phải ly sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như là thâm áo, vì chẳng phải là Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải ly Vô Thượng Bồ Đề.

-oOo-

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ “như” là chỗ thâm áo của các pháp, vào được trong pháp “như” là vào được trong biển lớn của trí huệ, nên ngài bạch Phật rằng: Thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn! Phật đã dùng lực phương tiện vi diệu, khiến chư Bồ tát bất thối chuyển xả ly sắc, vào Niết bàn mà chẳng chấp Niết bàn... dẫn đến xả ly hết thấy pháp vào Niết bàn mà chẳng chấp Niết bàn. Bồ tát trú trong thế gian mà chẳng nhiễm chấp

các dục lạc ở thế gian. Bồ tát thường tư duy như vậy, thường quán như vậy, thường hành như vậy nên có được đầy đủ các lực phương tiện vi diệu.

Phật ẩn chứng lời tán thán của ngài Tu Bồ Đề, và dạy: Bồ tát hành các pháp thâm áo như vậy nên được cùng với Bát nhã Ba-la-mật tương ưng. Khi quán sát, tư duy, Bồ tát thường nhất niệm, bình đẳng, nên vừa hiển thị pháp lợi sanh là liền được vô lượng vô biên phước đức.

Hỏi: *Hàng Nhị thừa tu vô lậu pháp còn chẳng có được quả báo phước đức. Nay vì sao nói Bồ tát quán pháp không mà được vô lượng vô biên phước đức?*

Đáp: Hàng Nhị thừa khi đã được vô lậu tâm, thì đã đoạn dứt phiền não, nên chẳng nói đến phước đức. Còn Bồ tát, vì phải lưu hoặc để độ sanh, mà chưa dứt sạch phiền não, nên mới nói đến thành tựu quả báo phước đức.

Lại nữa, hàng Nhị thừa thủ chứng Niết bàn, nên đã tiêu hủy các quả báo phước đức. Còn Bồ tát chẳng thủ chứng thật tế, vẫn còn khởi tâm niệm chúng sanh, nên còn có quả báo phước đức.

Người thế gian còn tà hạnh, nên chỉ được phước đức ít. Còn Bồ tát thường an trú nơi chánh hạnh nên còn được vô lượng vô biên phước đức.

Ví như bố thí cho hàng súc sanh được phước đức 100 lần hơn bố thí cho hàng người; bố thí cho người ác được phước đức 1.000 lần hơn cho bố thí người sanh thiện, 10.000 lần hơn bố thí cho người đã ly dục, 100.000 lần hơn bố thí cho người đã chứng được quả Thánh.

Người tu hành đã ly dục, đã hành từ bi tâm, nhưng nếu chưa vào được nơi thật tướng pháp, thì vẫn chưa có được

phước đức vô lượng. Còn Bồ tát bất thối chuyển, đã thâm nhập vào thật tướng pháp, nên chỉ vừa tác niệm lợi sanh, là đã có được vô lượng vô biên phước đức.

Ví như chúng sanh, do niệm niệm sanh diệt, mà phải mãi trầm luân trong dòng sanh tử. Ví như người khát vọng dâm dục, mà dục tính chưa được thỏa mãn, thì cứ khởi niệm tưởng nhớ mãi, tưởng chừng như thời gian chờ đợi kéo dài đến vô tận.

Bồ tát niệm tưởng về Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Do Bồ tát thật hành đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba-la-mật, nên chỉ trong một niệm đã siêu xuất được vô lượng kiếp.

Lại ví như người lâm bệnh cần phải uống thuốc. Nếu dùng loại thuốc xấu thì người ấy phải trải qua thời gian lâu dài mới có thể lành bệnh được. Trái lại, nếu biết dùng thuốc tốt, đúng bệnh, thì sẽ có được hiệu quả cao hơn rất nhiều; có thể chỉ trong thời gian rất ngắn là có thể được lành bệnh.

Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật cũng là như vậy. Nếu chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì thì phải trải qua nhiều A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật được. Trái lại, nếu có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì sẽ rất mau đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở đoạn kinh trên đây có ghi rõ: Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát nào xả ly được hết thảy các chấp, thì chỉ trong một ngày cũng đã thành tựu được vô lượng vô biên thiện căn công đức. Người hành Bát nhã Ba-la-mật trong vô lượng kiếp mà còn tâm chấp, tuy có nhiều công đức, nhưng công đức của người này chẳng sao bì kịp công đức của vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật với tâm ly chấp, dù chỉ trong một ngày. Trong trăm, ngàn, muôn, ức phần... chẳng sao bằng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được.

KINH:

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà cúng dường ba ngôi Tam Bảo trong hằng sa kiếp, do nhân duyên cúng dường như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ tát đúng như pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là đạo của chư đại Bồ tát; nương theo Thừa đạo này mà tu tập sẽ mau đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp cúng dường các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật, Bồ tát và Phật. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên cúng dường như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát đúng như pháp mà Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, lại mau đến Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà phải trải qua hằng sa kiếp hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Ý ông nghĩ sao? Do

nhân duyên hành 5 pháp Ba-la-mật như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ tát đúng như pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật tức chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí vậy. Bởi vậy nên, muốn được Vô Thượng Bồ Đề, thì chẳng nên xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến tu tập Nhất thiết chủng trí. Ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên tu tập như vậy, người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến tu tập Nhất thiết chủng trí, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng bao giờ thối chuyển Nhất thiết chủng trí.

Trái lại, nếu tu tập mà xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì rất dễ bị thối tâm.

Bởi vậy nên trong quá trình tu tập chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã

Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi tùy hỷ hồi hướng công đức về Vô Thượng Bồ Đề dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà hồi hướng mới là đệ nhất hồi hướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà trải qua hằng sa kiếp hòa hợp các thiện căn công đức của chư Phật trong ba đời của chư đệ tử Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề. Ý ông nghĩ sao? Người ấy có được phước đức nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người ấy được phước đức rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng sao bằng phước đức của vị Bồ tát chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, mà tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức của chư Phật và của chư đệ tử Phật về Vô Thượng Bồ Đề, dù chỉ trong một ngày. Vì sao? Vì chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà hồi hướng mới là đệ nhất hồi hướng vậy.

Bởi vậy nên, muốn tùy hỷ hồi hướng các thiện căn công đức về Vô Thượng Bồ Đề, thì phải dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tùy hỷ hồi hướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy, thì các pháp do nhân duyên khởi tác đều từ vọng tưởng sanh, đều chẳng thật có. Như vậy, vì sao các thiện nam, thiện nữ lại có được đại phước đức?

Bạch Thế Tôn! Nếu dùng pháp do nhân duyên tác khởi, thì chẳng được chánh kiến, chẳng vào được pháp vị, chẳng được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Nếu dùng pháp do nhân duyên tác khởi, thì chẳng được chánh kiến, chẳng vào được pháp vị, chẳng được 4 quả Thanh Văn... dẫn đến chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật biết rõ các pháp nhân duyên tác khởi cũng là không, là chẳng kiên cố, là hư vọng, là chẳng thật có. Vì Bồ tát khéo học nội không... dẫn đến học vô pháp hữu pháp không, an trú trong 18 pháp không, quán các pháp do nhân duyên tác khởi đều là không, nên chẳng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát tu tập như vậy, lần lần đến được vô số, vô lượng, vô biên phước đức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Vô số, vô lượng, vô biên có gì khác nhau chẳng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề!

- Nói “vô số” là nói chẳng ở trong danh số các pháp, dù là hữu vi tánh, dù là vô vi tánh.

- Nói “vô lượng” là nói chẳng thể lường được, vì lượng là bất khả đắc dù là ở quá khứ, ở hiện tại hay ở vị lai.

- Nói “vô biên” là nói các pháp chẳng có bờ mé, biên bờ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao các nhân duyên sanh ra sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô số, vô lượng, vô biên?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề ! Vì “sắc không”... dẫn đến “thức không” là vô số, vô lượng, vô biên.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có 5 ấm là không, hay là hết thấy các pháp cũng đều là không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải ta đã thường nói hết thấy các pháp đều là “không” ư?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật đã dạy “Hết thấy các pháp đều là không”. Đã là “không” thì các pháp đều là bất khả tận, đều là vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch Thế Tôn! Trong “không” thì “số”, “lượng” và “biên” đều là bất khả đắc. Bởi vậy nên nói “bất khả tận” cùng với “vô số”, vô lượng” và “vô biên” là chẳng khác nghĩa với nhau.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các nghĩa ấy chẳng có sai khác nhau.

Pháp nghĩa ấy là bất khả thuyết, chẳng thể dùng lời để diễn đạt ra được. Phật dùng lực phương tiện mà phân biệt nói đó là bất khả tận, là vô số, là vô lượng, là vô biên, là vô trước, là không, là vô tướng, là vô tác, là vô khởi, là

vô sanh, là vô diệt, là vô nhiễm, là Niết bàn v.v...

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn! Thật tướng các pháp là bất khả thuyết, mà Phật đã dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tuyên thuyết ra.

Bạch Thế Tôn! Theo như chỗ con được hiểu qua lời Phật dạy, thì hết thấy các pháp đều là bất khả thuyết.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp đều là bất khả thuyết, đều chẳng thể nói ra được. Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều là tự tướng không, mà “tướng không” là chẳng thể nói ra được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu là bất khả thuyết, thì pháp nghĩa có tăng, có giảm chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp nghĩa bất khả thuyết là chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp nghĩa bất khả thuyết, thì 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp v.v... cũng đều chẳng tăng chẳng giảm.

Bạch Thế Tôn! Nếu 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm, thì làm sao Bồ tát tu các pháp này mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Vì pháp nghĩa bất khả thuyết là chẳng tăng, chẳng giảm, nên Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tự niệm rằng mình chẳng có thể làm tăng Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có thể làm tăng Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp Ba-la-mật đều chỉ là danh tự.

Này Tu Bồ Đề! Ví như khi hành Đàn Ba-la-mật, Bồ tát tự niệm rằng: Tâm bố thí thiện căn công đức hành bố thí, Vô Thượng Bồ Đề, tùy hỷ hồi hướng thiện căn công đức hành bố thí về Vô Thượng Bồ Đề đều chỉ là danh dự cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Pháp gì là Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tất cả các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói tất cả các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc như tướng... dẫn đến Niết bàn như tướng đều là Vô Thượng Bồ Đề cả. Vì sao? Vì tướng “như” là chẳng tăng chẳng giảm.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma-ha-tát, trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thường quán “pháp như” ấy là chẳng tăng chẳng giảm.

Bởi nhân duyên vậy, nên “bất khả thuyết” cũng có hàm nghĩa là bất tăng bất giảm; Đàn Ba-la-mật cũng bất tăng bất giảm... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng bất tăng bất giảm.

Bồ tát Ma-ha-tát quán các pháp bất tăng bất giảm như vậy, nên được tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật hạnh.

LUẬN:

Đoạn kinh trên đây nói rằng nếu xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì dù trải qua hằng sa kiếp cúng dường 3 ngôi Tam bảo, tu tập các thiện pháp, hành 6 pháp Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn, tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề v.v... cũng chẳng sao bằng được hành Bát nhã Ba-la-mật đúng như pháp, dù chỉ trong một ngày.

Nơi đây, Phật nói lên các nhân duyên Bồ tát đúng như pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ trong một ngày, cũng đã có vô lượng công đức, thù thắng hơn hàng Nhị thừa. Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối diệu, đưa Bồ tát thẳng vào Vô Thượng đạo. Nếu xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì dù chỉ trải qua hàng sa kiếp tu tập 6 pháp Ba-la-mật cũng chẳng sao có thể bằng được một ngày an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối thượng, vi diệu đệ nhất. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật; từ nơi Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra 3 đời 10 phương chư Phật.

Bồ tát an trú Bát nhã Ba-la-mật được đầy đủ các Phật pháp. Do được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên Bồ tát tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều được công đức thù thắng, vi diệu. Trái lại, người xa lìa Bát nhã Ba-la-mật mà tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng sao có được công đức như vậy.

-o0o-

Liên hệ đến vấn đề này, ngài Tu Bồ Đề đã nêu lên các câu hỏi, và đã được Phật giải đáp, với nội dung như sau:

Pháp hữu vi là hư vọng, nên chẳng có thể dùng pháp hư vọng để được chánh kiến, vào chánh vị... dẫn đến chứng quả Vô Thượng Bồ Đề được. Khi đã vào được chánh đạo rồi, Bồ tát trở lại ở thế gian, để hành phước đức, nhưng vẫn biết rõ pháp hữu vi là hư vọng, là chẳng thật có, nên chẳng trú chấp phước đức hữu vi.

Bởi vậy nên nói phước đức vô lậu, thanh tịnh thù thắng hơn phước đức hữu lậu. Ví như kim cương tuy nhỏ, mà có thể phá vỡ được cả tảng đá lớn.

Bồ tát tu tập 18 pháp không, quán các pháp không, mà chẳng chấp “không” lại thường hành các công đức; tuy biết rõ Niết bàn, biết rõ Vô Thượng đạo là không, mà vì thương xót chúng sanh, vẫn thường tu tập các phước đức; tuy biết rõ hết thấy pháp đều bất khả thuyết, mà vẫn thường dùng các lực phương tiện, để vì chúng sanh thuyết pháp; tuy biết rõ pháp tánh là vô phân biệt, là nhất tướng, là vô tướng, nhưng vì thương xót chúng sanh mà vẫn phương tiện phân biệt thuyết có ác, có thiện, có tội, có phước, có thù, có xả v.v...

Nếu Bồ tát chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, mà hành Bồ tát đạo như vậy, thì sẽ được vô số vô lượng vô biên công đức. Vì sao? Vì khi Bồ tát mới bắt đầu tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì thể lực các phiền não còn hùng mạnh, khiến lực Bát nhã Ba-la-mật còn rất yếu kém, chưa có công năng tiêu trừ giặc phiền não; thế nhưng, khi Bồ tát đã tu tập thuần thực Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật trở nên hùng mạnh, tận diệt hết phiền não. Đến lúc bấy giờ, Bồ tát mới thành tựu được vô số vô lượng, vô biên phước đức.

Như trong kinh đã nói:

- Vô số là chẳng có trong danh số các pháp, dù là hữu vi hay là vô vi.

- Vô lượng là chẳng có thể lượng được.

- Vô biên là chẳng có bờ mé, biên bờ.

Chẳng phải chỉ có các nhân duyên sanh ra 5 ấm là vô số vô lượng, vô biên, mà hết thấy các nhân duyên sanh pháp đều là vô số, vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tự tướng “không”. Pháp “không” là bất khả tận, nên là vô số, vô lượng, vô biên. Ở nơi “không”, thì “số”, “lượng”, và “biên” đều là bất khả đắc, nên nói là vô số, vô lượng, vô biên vậy.

Pháp “không” là bất khả thuyết, chẳng thể nói ra được. Thế nhưng, vì thương xót chúng sanh, Phật đã phương tiện dùng ngôn ngữ và danh tự mà phân biệt thuyết ra các nghĩa về pháp “không”, để chúng sanh được biết rõ. Phật dạy nghĩa ấy là vô số, vô lượng, vô biên, là thật tướng bất sanh, bất diệt, bất khởi, bất tác... của các pháp, nên nói nghĩa ấy là bất khả tận vậy.

Các bậc Thánh đã vào nơi thật tướng pháp, nên chẳng còn đọa vào trong 6 đường chúng sanh.

Lại nữa, các bậc Thánh dùng thật trí huệ quán sát, biết rõ hết thảy pháp, ở nơi thật tướng, đều là rốt ráo “không”, nên chẳng còn đọa vào danh số hữu vi cũng như vô vi, đây là nghĩa “vô số”. Các ngài biết rõ pháp “không” là bất khả lượng, nên mặc dù vẫn phương tiện dùng trí huệ xứng lượng các pháp có tốt, có xấu, có lớn, có nhỏ, có nhiều có ít, có thì có phi... nhưng vẫn chẳng chấp các pháp tướng; đây là nghĩa “vô lượng”. Các ngài biết rõ pháp “không” là tịch diệt, nên chẳng còn chấp biên tế; đây là nghĩa “vô biên”.

Lại nữa, ở nơi thật tướng pháp, thì ngã và ngã sở đều là không. Vì là “không” nên nói các pháp đều là vô tướng, vô tác, vô khởi. Tuy là “không”, nhưng các pháp vẫn thường trú, bất hoại, nên nói là vô sanh, vô diệt.

Lại nữa, vì ở trong ba cõi, mà vẫn tự tại nên nói là “vô nhiễm”, vì các phiền não nghiệp báo là hư vọng, chẳng thật có, nên nói là Niết bàn.

Như vậy, là có rất nhiều danh từ chỉ rõ về thật tướng pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi Phật: Nếu các pháp đều là bất khả thuyết, thì có tăng có giảm chăng? Nếu các pháp chẳng có

tăng, chẳng có giảm, thì làm sao Bồ tát tu 6 pháp Ba-la-mật, mà đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật đáp lại ngài Tu Bồ Đề, với nội dung như sau:

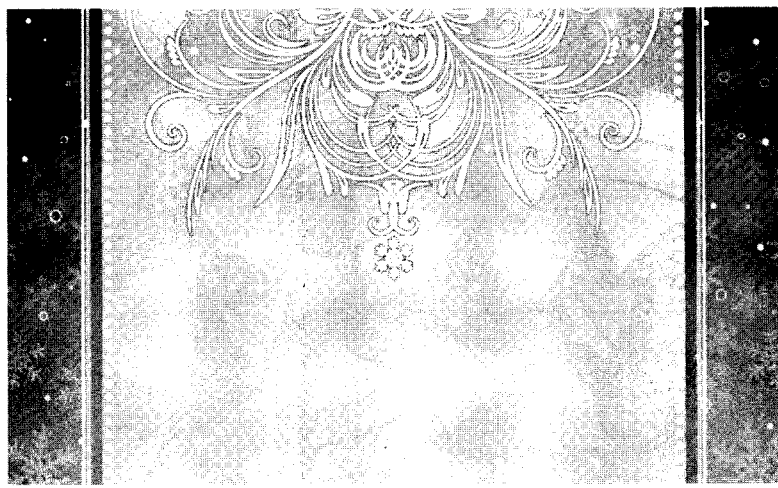
Nơi “bất khả thuyết” có hàm nghĩa bất tăng, bất giảm. Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, mà vẫn thường quán các pháp ấy chẳng tăng chẳng giảm. Ví như khi hành Đàn Ba-la-mật, nhằm phá chấp ngã, chấp pháp tiêu trừ xan tham, kiêu mạn, Bồ tát chẳng nên nghĩ rằng “Hành như vậy là đã làm tăng Đàn Ba-la-mật”. Vì sao? Vì ở nơi thật tướng, thì các pháp đều bình đẳng, chẳng còn phân biệt nội pháp hay ngoại pháp.

Ở nơi đây, tâm bố thí, công đức bố thí, hồi hướng công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều chỉ là danh tự, đều là như tướng cả. Các pháp như tướng là Vô Thượng Bồ Đề, vì tướng “như” là chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng động, chẳng hoại, là tịch diệt tướng vậy.

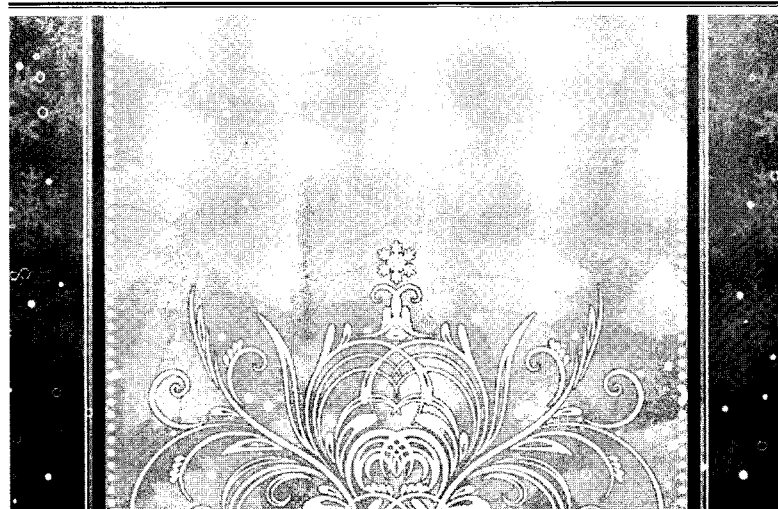
Bồ tát thường niệm Vô Thượng Bồ Đề như tướng, là tịch diệt tướng nên biết rõ hết thấy pháp cũng như là tướng, là tịch diệt tướng cả.

Bồ tát thường quán “bất khả thuyết” có hàm nghĩa bất tăng bất giảm, nên thấy 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hành pháp như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 75



Phẩm Thứ Năm Mười Bảy (TIẾP THEO)



Thâm Áo (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát dùng “sơ tâm” mà được Vô Thượng Bồ Đề hay dùng “hậu tâm” mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! “Sơ tâm” chẳng đến “hậu tâm”. “Hậu tâm” chẳng ở nơi “sơ tâm”.

Như vậy là các tâm và các tâm sở pháp chẳng cùng chung với nhau, thì làm sao mà tăng trưởng được thiện căn? Nếu chẳng tăng trưởng thiện căn thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta sẽ vì ông nói lên ví dụ. Người có trí huệ nghe thí dụ này sẽ được rõ nghĩa hơn.

Này Tu Bồ Đề! Ví như thấp đèn, thì phải dùng cái tim lúc ban đầu để thấp, hay phải dùng cái tim lúc sau cùng để thấp?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải dùng cái tim ban đầu để thấp đèn, cũng chẳng thể ly cái tim lúc ban đầu mà thấp đèn được. Chẳng phải dùng cái tim lúc sau cùng để thấp đèn, cũng chẳng thể ly cái tim lúc sau cùng mà thấp đèn được.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cái tim đèn là đèn chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Cái tim đèn chẳng phải là đèn, mà cũng chính là đèn vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Bồ tát chẳng dùng sơ tâm để được Vô Thượng Bồ Đề, mà cũng chẳng ly sơ tâm để được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng dùng hậu tâm để được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng ly hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát từ sơ phát tâm đã thật hành Bát Nhã Ba La Phật, khi đầy đủ 10 thượng sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát đầy đủ 10 địa, được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi vào được Càn Huệ Địa, mặc dù đã xa rời tâm tham dục và luyến ái, nhưng trí tuệ vẫn còn cạn mỏng, khô khan. Từ địa ban sơ này, Bồ tát thứ lớp tiến tu lên các địa, cho đến Bồ tát địa và Phật địa. Khi đã đầy đủ 10 địa rồi mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên, chẳng phải dùng sơ tâm hay ly sơ tâm, cũng chẳng phải dùng hậu tâm hay ly hậu tâm, mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Duyên pháp ấy rất thậm thâm, nên nói chẳng phải dùng sơ tâm hay ly sơ tâm, cũng chẳng phải dùng hậu tâm hay ly hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu tâm đã diệt rồi, thì có sanh trở lại chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng được như vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Tâm sanh” có tướng diệt chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có tướng diệt vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tướng tâm diệt, thì tâm có diệt chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm an trú như vậy chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tâm trú như vậy là “như như trú”.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm như như trú là chứng thật tể chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tâm như như trú là thậm thâm chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất thậm thâm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Như” là tâm chẳng? Ly “như” có tâm chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Như” có thấy được “như” chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thấy được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có phải Bồ tát thường hành “như” là hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Đúng như vậy! Bạch Thế Tôn! Bồ tát thường hành “Nhu” là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thường hành “Nhu” là hành như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành “Nhu” là hành, mà chẳng có chỗ hành. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, an trú nơi pháp “Nhu”, mà chẳng khởi niệm có pháp “Nhu”, chẳng khởi niệm có mình hành pháp “Nhu”, vì pháp “Nhu” là chẳng có trú xứ vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát y cứ vào đâu mà hành pháp “Nhu”?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát y cứ nơi “Đệ nhất nghĩa đế” mà hành pháp “Nhu”. Vì sao? Vì ở nơi “Đệ nhất nghĩa”, thì các tướng đều bất khả đắc, chẳng có sai biệt.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành “Đệ nhất nghĩa” là chẳng có niệm hành. Hành như vậy có tướng hành chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành như vậy là có tướng hoại chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khởi niệm hoại các tướng.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chưa đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ đại bi, 18 bất cộng pháp, thì phải biết vị Bồ tát ấy chẳng được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào có đầy đủ các lực phương tiện, thì ở nơi hết thấy pháp, vị Bồ tát ấy chẳng chấp thủ tướng, và cũng chẳng phá hoại tướng. Vì sao? Vì Bồ tát ấy biết rõ các pháp đều là tự tướng không. Vị Bồ tát ấy an trú nơi các tam muội “không, vô tướng và vô tác”, và dùng các tam muội này thành tựu chúng sanh.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát dùng 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” để thành tựu chúng sanh như thế nào?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong 3 tam muội này, thấy chúng sanh hành pháp, tác pháp như thế nào, rồi dùng các lực phương tiện dẫn họ vào trong “không, vô tướng và vô tác”

Nay Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát vào 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” và dùng 3 tam muội này để thành tựu chúng sanh.

LUẬN:

Hỏi: *Vì nhân duyên gì mà ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật “Bồ tát dùng sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề, hay dùng hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề?”*

Đáp: Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã nghe Phật dạy các pháp đều là chẳng có tăng, chẳng có giảm, khiến ngài dấy niệm nghĩ rằng: Nếu các pháp đều chẳng tăng, chẳng giảm, thì Bồ tát làm sao đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Lại nữa, ngài nghĩ rằng: Phật đầy đủ chánh hạnh mới được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát chưa trừ được vi tế vô minh, chưa đầy đủ chánh hạnh, thì làm sao vào được Vô Thượng Bồ Đề? Nếu từ sơ tâm đến hậu tâm mà các thiện căn chẳng được tăng trưởng, thì Bồ tát làm sao vào được Vô Thượng Bồ Đề?

Bởi các nhân duyên nêu trên đây, nên ngài Tu Bồ Đề mới thưa hỏi Phật về ý nghĩa thâm áo này.

Phật dạy: Chẳng phải y nơi sơ tâm, cũng chẳng ly sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì nếu y nơi sơ tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề, thì Bồ tát đã thành Phật, ngay khi mới sơ phát tâm rồi.

Thế nhưng, sơ tâm là căn bản. Nếu chẳng có sơ tâm, thì cũng chẳng có hậu tâm, sơ tâm chẳng ly hậu tâm, và hậu tâm cũng chẳng ly sơ tâm. Nhờ có sơ tâm mà các công đức được chứa nhóm. Do có chứa nhóm công đức mới dẫn đến sự đoạn trừ phiền não, tập khí, và cuối cùng mới dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề thưa hỏi Phật như trên đây, vì theo ngài sơ tâm và hậu tâm đều chẳng đầy đủ. Vì sao? Vì nếu quá khứ đã diệt thì chẳng có sự hòa hợp các thiện căn đang hiện hành. Nếu chẳng hòa hợp được các thiện căn, thì cũng chẳng thể chứa nhóm thiện căn được. Nếu chẳng chứa nhóm được thiện căn, thì cũng chẳng có thể làm sao được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật đã dùng ví dụ thực tiễn để giải nghi cho ngài Tu Bồ Đề. Phật dạy: Như khi cây đèn được thắp sáng, thì đèn và tim đèn phải là một chẳng phải riêng khác. Chẳng phải y nơi tim lúc ban đầu cũng chẳng ly nơi tim lúc ban đầu mà ngọn đèn được thắp sáng, chẳng phải y nơi tim lúc sau cùng cũng chẳng phải ly tim lúc sau cùng mà đèn được thắp sáng.

Rồi Phật bảo ngài Tu Bồ Đề rằng: Người thế gian, dùng nhục nhãn, thấy ngọn đèn chẳng phải do nơi tim ban đầu, hay do nơi tim sau cùng mà được thắp sáng, cũng chẳng phải ly tim ban đầu hay ly tim sau cùng mà được thắp sáng. Cũng

như vậy, ta dùng Phật nhãn thấy các Bồ tát chẳng phải do nơi sơ tâm, hay do nơi hậu tâm mà được đạo Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải ly sơ tâm hay ly hậu tâm mà được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ở ví dụ nêu trên đây, Phật đã dùng:

- Ngọn đèn dụ cho Bồ tát đạo.
- Tim đèn dụ cho vô minh, phiền não.
- Tim đèn cháy sáng dụ cho vô minh, phiền não được tiêu trừ.

Khi vào sơ địa, trí tuệ còn cạn mỏng, khô khan, nên chỉ mới là “càn huệ”. Phải tiến tu thêm nữa, cho đến khi vào được Kim Cang tam muội mới được chân trí huệ.

Như vậy, ngọn đèn trí huệ đốt cháy vô minh phiền não, chẳng phải do sơ tâm trí, cũng chẳng phải do hậu tâm trí. Suốt quá trình tu tập, từ sơ tâm dẫn đến hậu tâm, vào Bồ tát vị, Bồ tát tương tục dùng đèn trí huệ đốt cháy vô minh phiền não. Đến khi đốt cháy hết vô minh phiền não, mới được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Nơi đây cũng nên biết “Càn Huệ Địa” có 2 bậc, đó là:

- Càn Huệ địa của Thanh Văn.
- Càn Huệ địa của Bồ tát.

Càn Huệ địa của Thanh Văn dẫn vào Niết bàn. Hàng Thanh Văn tinh tấn trì giới thanh tịnh, tinh tấn tu tập các tam

muội, tinh tấn hành các pháp quán, như quán bất tịnh..., tinh tấn tu tập để biết rõ vô thường, vô ngã, để chứa nhóm các thiện pháp, xả bỏ các bất thiện pháp v.v... thì vào được địa này. Tuy đã có trí huệ, nhưng vì chưa có được thiền định, khiến trí huệ còn cạn mỏng, khô khan, nên gọi là “càn huệ địa”.

Còn Bồ tát, do từ sơ phát tâm đã tu tập “nhu nhuận nhãn”, thân ái thật tướng pháp, tu tập thiền định, nên vào “càn huệ địa”.

Vào địa này rồi, Bồ tát lại tu tập “khổ pháp nhãn”... dẫn đến tu tập “đạo trí nhãn”, được 15 tâm nhãn, được vô sanh pháp nhãn, vào Bồ tát vị.

Cũng nên biết, khi vào được “kiến địa” là đã vào dòng Thánh, bắt đầu chứng các quả Thánh. Từ địa này còn phải tinh tấn tu tập để tận đoạn các phiền não, xả trừ các tập khí kiết sử, vào “ly dục địa”.

Từ “càn huệ địa” dẫn đến “ly dục địa”, Bồ tát phải thứ lớp tu tập từ “sơ địa” dẫn đến “thập địa” của Đại thừa Bồ tát thập địa.

* Về Thập địa (10 địa), nên phân biệt có 3 loại. Đó là:

1) *Tam Thừa Thập Địa*: (10 địa chung cho cả 3 thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát), gồm: Càn huệ địa - Tánh địa - Nhập nhơn địa - Kiến địa - Bạc địa - Ly Dục địa - Dĩ biện địa - Bích Chi Phật địa - Bồ tát địa - Phật địa.

2) *Đại thừa Bồ tát Thập địa* (10 địa riêng của Bồ tát thừa) gồm: Hoan hỷ địa - Ly cấu địa - Phát quang địa - Diễm huệ địa - Cực nan thắng địa - Hiện tiền địa - Viễn hành địa - Bất động địa - Thiện huệ địa - Pháp vân địa.

3) *Tứ thừa thập địa*: Trong 4 thừa (Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ tát thừa và Phật thừa) mỗi thừa có 10 địa riêng biệt.

Có thuyết nói: Được “Kim Cang tam muội” rồi, mới gọi là vào Bồ tát địa, được “Nhất thiết chủng trí” rồi, mới được quả vị Phật.

Bồ tát phải tu đầy đủ 10 địa, luôn hành pháp tự lợi và lợi tha, mới được đầy đủ Bồ tát hạnh.

Bồ tát, khi vào được “ly dục địa” rồi, là ly sạch các dục và các phiền não của cõi Dục, nên được đầy đủ 5 thần thông.

Hàng Thanh Văn, khi được tận trí, vô sanh trí, là chứng được quả vị A-la-hán. Còn Bồ tát, do muốn thành tựu Phật địa, nên còn phải tu quả Bích Chi Phật địa, dùng pháp quán 12 nhân duyên để thông quán các duyên pháp. Khi đã thành tựu Bích Chi Phật đạo, Bồ tát còn phải viên thành Bồ tát hạnh, tiến tu lên đến Phật địa.

Hỏi: Vì sao Bồ tát, trong khi hành Bồ tát hạnh, mà còn phải tu tập Bích Chi Phật đạo nữa?

Đáp: Trong 10 địa chung của 3 thừa giáo, có nói đến Bích Chi Phật địa. Vì sao? Vì Bồ tát phải tu học dẫn đến 12 nhân duyên, nơi Bích Chi Phật đạo, để phương tiện độ thoát chúng sanh. Bởi vậy nên, Bồ tát vẫn phải tu tập đầy đủ giáo pháp của Thanh Văn thừa và của Bích Chi Phật thừa.

Như trong kinh *Thủ lãng Nghiêm* có ghi: Ngài Văn Thù Sư Lợi là vị đại Bồ tát đã trải qua 12 ức kiếp là Bích Chi Phật.

Như vậy là Bồ tát phải đầy đủ 10 địa, phải tu tập hết thảy Phật pháp, phải đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ đại bi... dẫn đến 18 bất cộng pháp, mới có thể được thọ ký thành Phật.

Ngài Tu Bồ Đề, biết rõ các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, nên chẳng phải dùng sơ tâm... dẫn đến chẳng phải dùng hậu tâm mà được Vô Thượng Bồ Đề. Ngài bạch Phật: Duyên pháp ấy rất thâm thâm; nên nói “chẳng phải dùng sơ tâm hay hậu tâm, cũng chẳng phải ly sơ tâm hay hậu tâm mà vào được Vô Thượng Bồ Đề”.

Phật hỏi lại ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Tâm đã diệt rồi có sanh trở lại chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng các pháp rốt ráo là không, là bất sanh, bất diệt, chỉ vì chúng sanh chấp 6 tình mà thấy có sanh, có diệt vậy thôi. Nếu nói tâm đã diệt rồi mà còn sanh lại, thì đó là chấp thường. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng được vậy.

Phật lại hỏi: Tâm sanh có tướng diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng trước đây Phật hỏi về tâm quá khứ, nay Phật hỏi về tâm hiện tại. Vì sanh và diệt là 2 pháp đối đãi, đã có sanh ắt phải có diệt. Tướng tâm trước là không, nay trở thành có, có rồi cũng lại trở thành không vậy. Nghĩ như vậy nên ngài đáp có tướng diệt vậy.

Phật lại hỏi: Tướng tâm diệt, thì tâm có diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng nếu nói tâm diệt, thì nơi một tâm có hai thời, gồm một thời sanh, một thời diệt. Còn nếu nói tâm là vô thường, thì tâm chẳng trú quá 1 niệm. Lại nữa, kinh *A Tỳ Đàm* nói có sanh pháp, có diệt pháp, có bất sanh pháp, có bất diệt pháp, có dục sanh pháp, có dục diệt pháp, ngay ở hiện tại, trong một tâm có hai thời, là thời sanh và thời muốn diệt; mà tướng muốn diệt là chẳng phải là sanh. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp chẳng có vậy.

Phật lại hỏi: Tâm có trú chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng nếu chẳng phải là có tướng diệt, thì phải là tướng trú; nếu đã là thường trú, thì chẳng phải là có tướng diệt. Nếu nói có tướng diệt, thì phạm lỗi lầm là nơi một tâm có hai thời. Nếu nói chẳng có tướng diệt, mà thật sự có tướng ấy, thì làm sao nói là chẳng diệt được. Cả hai điều nêu trên đây đều lỗi lầm cả. Nghĩ như vậy rồi ngài tự chứng trí mà đáp tâm trú nơi như như tánh.

Phật lại Hỏi: Nếu tâm trú nơi như như tánh, thì tâm đó có phải là thật tế chăng?

Mặc dù ngài Tu Bồ Đề từ lâu đã thấu rõ về pháp tánh thật tế, biết rõ như như tánh tức là pháp tánh thật tế trú nơi như như tánh tức là trú nơi pháp tánh thật tế rồi vậy. Thế nhưng, ngài nghĩ rằng tâm tướng là pháp hư vọng, chẳng thể là thật tế được. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy.

-o0o-

Ở đây, cần đặt vấn đề vì sao Phật lại hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu tâm trú nơi như như tánh, thì có phải là thật tế chăng?

Nên biết rằng “như như” là thật tướng của hết thảy pháp. Vậy nên, ở nơi thật tướng, thì tâm là tự tướng không, là như pháp tánh thật tế, là Niết bàn tướng.

Do vì ngài Tu Bồ Đề, nơi pháp Thanh Văn, còn quý trọng Niết bàn, nên chẳng có chấp nhận rằng “tâm sanh diệt cũng tức là Niết bàn”. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy.

Lại nữa, ngài nghĩ rằng “thật tế là vô tướng”, nên chẳng dám nói “tâm tướng là thật tế” vậy.

-o0o-

Phật lại hỏi: Tâm như như trú là thậm thâm chăng?

Phật nêu lên câu hỏi này vì ngài Tu Bồ Đề đã nói “tâm như như trú” rồi sau lại nói “tâm như như trú chẳng phải là thật tế”.

Do vì ngài chưa khắp biết, nên đã đáp: Tâm như như trú là rất thậm thâm.

Phật lại hỏi: “Nhu” là tâm chăng? Ly “nhu” có tâm chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng “nhu” là thật tướng, nên là nhất tướng, là vô tướng, chẳng có đối đãi, tâm tướng là tướng duyên hợp, đối đãi; “nhu” là chẳng có chỗ biết, tâm là có chỗ biết; “nhu” là rất ráo thanh tịnh, tâm là có hay biết. Nên nói, “nhu” chẳng phải là tâm. Thế nhưng, thật tướng của tâm là “nhu”. Nên nói, ly “nhu” thì chẳng có tâm.

Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng phải vậy?

Phật lại hỏi: “Nhu” có thấy được “nhu” chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng “nhu” là vô phân biệt. Nếu Bồ tát trú trong như pháp tánh thật tế, thì chẳng thể hành thâm Bồ tát đạo được. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng thấy được vậy.

Phật lại hỏi: Nếu Bồ tát thường hành “nhu”, thì có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát hành “nhu” là hành Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, có nhiều vị Bồ tát sơ phát tâm nghe ngài Tu Bồ Đề đáp như vậy, cho rằng mình đã vượt khỏi Nhị thừa và đã vào được Đại thừa.

Phật muốn phá cao tâm của các vị này, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề: Bồ tát hành “như” là hành như thế nào?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ: Bồ tát an trú trong như pháp tánh thật tế, nên chẳng còn khởi niệm phân biệt. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp Hành “như” là hành mà chẳng có chỗ hành.

Phật sợ rằng các vị Bồ tát sơ phát tâm, khi nghe ngài Tu Bồ Đề đáp như vậy, sẽ có thể đọa về đoạn diệt, nên lại hỏi: Bồ tát y cứ vào đâu mà hành pháp “như”?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Bồ tát y cứ nơi “đệ nhất nghĩa” mà hành “như”. Vì ở nơi đây chẳng có tướng sai biệt; các tướng đều bất khả đắc.

Phật lại hỏi: Ở nơi “đệ nhất nghĩa”, Bồ tát hành mà chẳng có niệm hành. Hành như vậy có tướng hành chăng?

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ Bồ tát biết rõ các pháp tướng rốt ráo là không, nên chẳng còn có ức niệm, chẳng còn trú tướng hành. Nghĩ như vậy, nên ngài đáp: Chẳng có vậy.

Phật lại hỏi: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có khởi niệm hoại các pháp chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng có dấy niệm phá hoại pháp tướng. Bồ tát đầy đủ các Phật pháp, được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên chẳng thủ tướng “có”, cũng chẳng thủ tướng “không”, biết rõ pháp tướng là hư vọng, thủ tướng là lầm lỗi. Bồ tát lại biết rõ phá tướng thì rơi về đoạn diệt, cũng là lầm lỗi. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng chấp thủ tướng “có”, chẳng chấp thủ tướng “không”. Ly cả hai chấp “có - không” mới là “đệ nhất nghĩa”.

Đến đây, Phật khai thị thêm rằng: Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp đều là tự tướng không, nên chẳng thủ pháp tướng, chẳng hoại pháp tướng.

Bồ tát trú nơi tự tướng không, mà vào 3 tam muội “Không, vô tướng là vô tác” để làm lợi ích cho chúng sanh.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát thị hiện thọ thân vào trong 6 đường chúng sanh, nhằm hóa độ chúng sanh.

Bồ tát quán biết trong số chúng sanh, có kẻ chẳng tu phước, buông lung phóng túng, tạo nên bao nhiêu nghiệp tội, khiến phải đọa vào các cảnh địa ngục, từ cõi địa ngục này chuyển sang cõi địa ngục khác, hoặc sanh làm ngựa quý, súc sanh, xoay vần mãi trong các đường ác; dẫn đến khi thọ tội xong, được sanh lại làm người, thì cũng chỉ sanh vào nhà bần cùng hạ tiện.

Bồ tát lại quán biết có chúng sanh tu bố thí, xả bỏ xan tham, tu trì giới, được sanh về cõi trời Dục giới, hoặc sanh làm người vào nhà giàu sang, phú quý.

Bồ tát lại quán biết có chúng sanh tu ly dục, trừ 5 cái, được 5 căn, tu thiền quán, được sanh về cõi trời Sắc giới.

Bồ tát lại quán biết có chúng sanh xả sắc tướng, chẳng niệm các tạp tướng, vào vô biên hư không xứ định, được sanh về cõi trời Vô Sắc Giới.

Bồ tát biết rõ tất cả các sự kiện nêu trên đây đều phát xuất từ tà niệm cả. Vì sao? Vì chưa có được giải thoát, dù được sanh lên các cõi trời, nhưng khi hưởng hết phước báo rồi thì cũng vẫn bị đọa lạc, xoay vần lên xuống trong 6 nẻo đường sanh tử. Ví như lấy một sợi dây dài buộc vào chân một con chim rồi thả cho nó bay bổng lên cao, thì cuối cùng chim vẫn bị sợi dây kéo nó về chỗ cũ.

Bồ tát dùng “Vô tác tam muội” dẫn dắt chúng sanh vào nơi vô tác, vô nguyện, dạy chúng sanh biết rõ thân này chỉ là như huyễn, như hóa, chỉ là một tập hợp da, thịt, xương, gân, máu huyết v.v... toàn là những thứ bất tịnh, còn tâm thì luôn luôn động, chẳng có được an, niệm niệm sanh diệt chẳng có định tướng, nên cũng chỉ là như huyễn như hóa.

Lại nữa, do chúng sanh trú chấp vào các tướng ăn uống, nằm, ngồi, đi, đứng v.v... chấp có ngã và ngã sở rồi ức tướng phân biệt giữa ta với người, khởi sanh bao nhiêu tội lỗi.

Bồ tát lại dùng “Không tam muội” dạy chúng sanh đoạn chấp ngã và chấp pháp, dẫn dắt họ an trú nơi pháp “Không”.

Bồ tát lại dùng “Vô tướng tam muội” dạy chúng sanh đoạn hết thấy các chấp tướng, dẫn dắt họ vào nơi thật tế vô tướng. Bồ tát dạy chúng sanh biết rõ hết thấy các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng thật có. Chúng sanh do phân biệt chấp có các pháp tướng, như các tướng nam, nữ, tốt xấu, vui buồn, thương ghét v.v... mà khởi sanh bao nhiêu tội lỗi, nên Bồ tát dạy họ phải đoạn trừ các chấp tướng vậy.

Hỏi: *Giáo hóa chúng sanh khiến họ vào được nơi pháp “Không” là đủ rồi. Vì sao lại phải dạy họ đầy đủ cả ba tam muội “không, vô tướng và vô tác” làm gì?*

Đáp: Căn trí của chúng sanh chẳng có đồng đều nhau.

Hạng người lợi căn thượng trí, nghe thuyết về các pháp “không, vô tướng và vô tác” có thể tín giải, dẫn đến chánh ức niệm, tu tập.

Hạng người độn căn thiếu trí, vừa nghe thuyết về pháp “Không”, liền chấp “không”. Bởi vậy nên phải vì họ thuyết rõ thêm về “vô tướng”, cho họ biết rõ ở nơi thật tướng hết thấy pháp đều là “không”, là “vô tướng”.

Có hạng người tuy đã biết được “không” và “vô tướng”, nhưng lại vẫn chấp thân hữu vi, khiến khởi sanh bao nhiêu tội lỗi. Đối với hạng người này, thì phải nên vì họ thuyết về “vô tác”, dạy họ biết rõ thân là hư vọng, chẳng thật có, chẳng có gì phải chấp đắm.

Trong kinh có dạy: Ngoài thân Bồ tát ra thì hết thảy thân của các loại chúng sanh đều chẳng có được một niềm vui nhỏ trong khoảnh khắc, huống nữa là được hưởng sự an vui lâu dài. Bởi vậy nên đối với hạng người chấp đắm sắc thân, Bồ tát phải vì họ thuyết về “vô tác”, dạy cho họ biết rõ có thân là có khổ, chẳng nên chấp đắm thân này.

Tóm lại, tùy theo căn trí của chúng sanh, mà Bồ tát phải phương tiện dùng 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác” để giáo hóa họ.

Phẩm Thứ Năm Mười Tám



Mộng Hành (Hành Trong Mơ)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào trong giấc chiêm bao mà nhập vào 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác” thì vị Bồ tát ấy có được lợi ích gì nơi Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu lúc thức tỉnh Bồ tát nhập vào 3 tam muội này mà được lợi ích nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì trong giấc chiêm bao, nếu nhập vào 3 tam muội này, cũng sẽ được lợi ích như vậy. Vì sao? Vì hành Bát nhã Ba-la-mật lúc tỉnh hay trong chiêm bao chẳng có gì khác nhau cả. Nếu trong thức, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật có được lợi ích thì trong giấc chiêm bao, nếu vị Bồ tát ấy hành Bát nhã Ba-la-mật cũng vẫn được lợi ích như vậy.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu Bồ tát trong giấc chiêm bao tác hành các nghiệp, thì các hạnh nghiệp đó có tập thành chăng?

Theo như lời Phật dạy, thì hết thấy pháp đều như mộng, nên đều chẳng tập thành. Vì sao? Vì trong chiêm bao là chẳng có thật pháp, mà chẳng có thật pháp thì chẳng có sự tập thành. Cho đến khi thức tỉnh, niệm tướng phân biệt về cảnh mộng mới có sự tập thành. Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu có người trong giấc chiêm bao thấy mình giết

chết người, đến khi thức tỉnh, người ấy niệm nghĩ, phân biệt hành động giết người trong mộng, rồi cho rằng: “Tôi có giết người”. Ý ngài nghĩ sao?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Nếu chẳng có duyên nghiệp thì chẳng có nghiệp sanh, nếu chẳng có nghiệp sanh thì chẳng sanh tư duy về nghiệp. Phải có duyên nghiệp sanh mới có nghiệp sanh, dẫn đến mới có tư duy về nghiệp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nếu chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp. Phải có duyên nghiệp thì mới có nghiệp sanh, dẫn đến mới có tư duy về nghiệp.

Lại nữa, tâm sanh theo chỗ “thấy, nghe, hay, biết” (kiến, văn, giác, tri), chẳng phải tâm sanh theo chỗ không thấy, không nghe, không hay, không biết. Ở nơi đây tâm có tịnh, có cấu.

Bởi vậy nên có cảnh duyên thì có nghiệp sanh, dẫn đến có tư duy, niệm nghĩ về nghiệp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Theo như lời Phật dạy thì tất cả các nghiệp, tất cả các tư duy đều là tự tướng ly. Như vậy, vì sao có duyên thì có nghiệp sanh, dẫn đến có tư duy về nghiệp, và chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Vì chấp tướng, nên nói có duyên thì có nghiệp sanh, dẫn đến có tư duy về nghiệp, và nói chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu có Bồ tát trong giác chiêm bao thấy mình hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ, rồi tùy hỷ các công đức ấy để hỏi

hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy có thật là hồi hướng chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Hiện nơi đây có ngài Bồ tát Di Lặc đã được Phật thọ ký bất thối chuyển, và ở đời vị lai sẽ thành Phật. Xin ngài hãy hỏi ngài Di Lặc để được rõ hơn.

Ngài Xá Lợi Phất bạch với ngài Di Lặc: Bạch ngài! Như lời ngài Tu Bồ Đề nói hiện nơi đây có Bồ tát Di Lặc đã được Phật thọ ký bất thối chuyển, và ở đời vị lai sẽ thành Phật. Nên hỏi ngài Di Lặc để được ngài giải đáp cho.

Bồ tát Di Lặc hỏi ngài Xá Lợi Phất: Thưa ngài Xá Lợi Phất! Tôi sẽ phải dùng danh tự Bồ tát Di Lặc này để đáp chăng? Hay tôi sẽ phải dùng danh tự sắc... dẫn đến dùng danh tự thức để đáp? Hay tôi sẽ phải dùng danh tự sắc không... dẫn đến dùng danh tự thức không để đáp?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Nếu dùng danh tự sắc... dẫn đến thức, dùng danh tự sắc không... dẫn đến thức không, mà chẳng thể đáp được, thì tôi chẳng thấy có pháp gì có thể dùng để đáp cả. Tôi chẳng thấy có người đáp (năng đáp), chẳng thấy có người được thọ ký, chẳng thấy có pháp thọ ký, chẳng thấy có chỗ thọ ký. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Di Lặc: Bạch ngài! Theo như chỗ ngài nói thì như vậy là đặc pháp tác chứng chăng?

Bồ tát Di Lặc đáp: Chỗ tôi nói đó chẳng phải là tác chứng.

Lúc bấy giờ ngài Xá Lợi Phất tự niệm rằng: Bồ tát Di Lặc có trí huệ thậm thâm, đã từ lâu dụng vô sở đắc mà hành 6 pháp Ba-la-mật, nên mới nói được như vậy.

Biết rõ tâm niệm của ngài Xá Lợi Phất, Phật dạy: Nay

Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Ông đã hành pháp gì để đáp A-la-hán, và khi đắc quả vị A-la-hán rồi, ông có thấy pháp ấy chẳng?

Ngài Xá Lợi Phất bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Này Xá Lợi Phất! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm nghĩ rằng do hành pháp ấy mà đã được thọ ký hay sẽ được thọ ký, do hành pháp ấy mà sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng có khởi tâm nghĩ rằng mình sẽ được hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề, mà Bồ tát tự biết mình sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao ngài Xá Lợi Phất lại đem vấn đề “Bồ tát nằm mộng, thấy mình hành 3 tam muội” để vấn nạn ngài Tu Bồ Đề?*

Đáp: Có rất nhiều quan niệm bàn về vấn đề mộng:

- Có thuyết cho rằng mộng là hư vọng, chẳng thật có, nhưng lại cho rằng 3 tam muội “Không, vô tướng và vô tác” là thật pháp.

- Có thuyết cho rằng mộng có thiện, bất thiện và vô ký. Cho nên Bồ tát trong mộng thấy mình hành 3 pháp tam muội, ắt phải có lợi ích.

- Có thuyết cho rằng mộng chỉ là pháp cuồng si, chẳng phải là thắng hạnh, nên pháp như vậy chẳng thể có quả báo. Vì sao? Vì nếu thật có thấy nghe như khi tỉnh thức thì chẳng gọi là mộng. Đây là lý do vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi ngài Xá Lợi Phất “Bồ tát trong lúc chiêm bao thấy mình hành 3 tam

muội “Không, vô tướng và vô tác”, có tăng ích Bát nhã Ba-la-mật chăng? Có chứa nhóm thiện căn, có gần Phật đạo chăng?

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói sự lợi ích ở trong mộng chỉ là hư vọng. Như vậy làm sao có thể tăng ích Bát nhã Ba-la-mật được. Nhưng nếu nói chẳng tăng ích Bát nhã Ba-la-mật, thì vì sao trong mộng lại thấy có hành các thiện pháp? Do vậy, chẳng có thể nói có tăng ích hay chẳng có tăng ích vậy.

Ở nơi đây, ngài Tu Bồ Đề đã ly cả hai bên khi nêu lên lời vấn nạn. Vì sao? Vì ngài biết rõ trong tinh thức Bồ tát hành thiện pháp mà còn chẳng trú, huống nữa là trong mộng.

Bởi vậy nên ngài nói với ngài Xá Lợi Phất rằng: Nếu Bồ tát, trong tinh thức hành Bát nhã Ba-la-mật mà có tăng ích thì khi nằm mộng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật cũng phải có tăng ích. Nếu trong tinh thức, hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng có tăng ích, thì khi nằm mộng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có tăng ích như vậy. Vì sao? Vì ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì tinh và mộng chẳng có gì sai khác cả.

Ngài Xá Lợi Phất tự niệm: Nếu đã biết rõ Bát nhã Ba-la-mật là bất tăng, bất giảm thì chẳng cần nạn vấn nữa. Như vậy, vì sao ngài Tu Bồ Đề lại hỏi việc trong mộng.

Nghĩ như vậy, nên ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Nếu trong mộng có tác nghiệp, thì nghiệp ấy có tập thành chăng? Nếu thật có nghiệp, thì có tập thành quả báo chăng? Nếu thật có nghiệp, thì vì sao Phật thường dạy hết thảy pháp đều rốt ráo là không, là như mộng? Nếu hết thảy pháp đều là như mộng thì làm sao có thể thành đạo được?

Vì sao? Vì ở trong mộng, tâm chẳng có tác lực mạnh mẽ, nên chẳng thể tập thành nghiệp được. Khi tỉnh táo, mà tâm chẳng được chuyên nhất, chẳng có tác lực mạnh mẽ, vẫn còn

chẳng tập thành nghiệp được hưởng nữa là trong mộng. Chỉ sau khi tỉnh thức, phân biệt cảnh mộng mà sanh tâm thiện hay tâm bất thiện, thì lúc bấy giờ nghiệp mới có thể tập thành được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Như người nằm mộng thấy mình phạm tội giết người, đến khi tỉnh giấc, tư duy về cảnh mộng rồi cho rằng mình thật có giết người. Ý ngài nghĩ sao?

Ngài Xá Lợi Phất đáp: Hết thảy nghiệp đều do cảnh duyên tác sanh. Chẳng có cảnh duyên thì nghiệp chẳng sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp được. Có cảnh duyên thì nghiệp mới sanh, dẫn đến mới có tư duy về nghiệp. Trong khi thức tỉnh cũng như trong khi nằm mộng đều là như vậy cả.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Đúng như vậy. Nghiệp dẫn từ thân và khẩu gọi là thân nghiệp và khẩu nghiệp, nghiệp do tư duy, phân biệt gọi là ý nghiệp. Cả 3 nghiệp đều phát sanh từ 4 sự: Thấy, nghe, hay và biết.

Do 4 sự ấy mà có tâm sanh. Như vậy, tâm cũng tùy duyên sanh nên mới có tịnh, có bất tịnh.

Tâm bất tịnh dẫn đến nghiệp tội, tâm tịnh dẫn đến nghiệp phước. Cảnh mộng là do nơi chỗ thấy, nghe, hay, biết mà người nằm mộng đã có sẵn từ trước. Tuy nhiên, vì ở trong mộng tâm thức chẳng được tự tại, khiến chỗ thấy, nghe, hay, biết bị chìm đắm, chẳng có thể lực nên chẳng có thể tập thành nghiệp quả báo được. Trái lại, nếu hành nghiệp trong khi tỉnh táo, thì các duyên nghiệp được các tâm thiện hay ác hòa hợp trở nên rất mạnh mẽ, dẫn đến tập thành nghiệp quả báo vậy.

Ý ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng: Tác nghiệp ở trong mộng cũng có sự tập thành. Vì sao? Vì cũng có duyên khởi. Cho nên tác nghiệp trong khi thức cũng như trong khi ngủ chẳng có khác nhau. Ở cả hai trường hợp đều phát sanh từ 4 sự “thấy, nghe, hay, biết” vậy.

Đến đây, ngài Xá Lợi Phất lại dùng pháp “không” để nạn vấn ngài Tu Bồ Đề: Hết thầy nghiệp đều là tự tướng ly. Như vậy, vì sao có duyên thì mới có nghiệp sanh, dẫn đến, có tư duy về nghiệp, chẳng có duyên thì chẳng có nghiệp sanh, dẫn đến chẳng có tư duy về nghiệp?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Các nghiệp tuy là tướng không, là tướng ly, nhưng vì phạm phu chấp tướng, nên duyên nghiệp mới sanh. Nếu chẳng chấp tướng, thì duyên nghiệp chẳng sanh. Vậy nên biết hết thầy nghiệp đều do chấp tướng dẫn sanh, nên khi thức và khi ngủ chẳng có gì khác nhau.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Nếu Bồ tát, trong khi nằm mộng thấy mình có hành 6 pháp Ba-la-mật, rồi hỏi hướng công đức ấy về Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy có thật là hỏi hướng chăng?

Vì lời vấn nạn của ngài Xá Lợi Phất thâm sâu, khó giải, nên ngài Tu Bồ Đề nói ngài Xá Lợi Phất nên hỏi Bồ tát Di Lặc, hiện có mặt trong chúng hội, để được Bồ tát giải đáp cho.

Hỏi: *Vì sao ngài Bồ tát Di Lặc chẳng đáp trực tiếp câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất?*

Đáp: Cả hai vị đại đệ tử của Phật đều muốn làm lợi ích cho chúng sanh, nên đã phân biệt về chỗ đồng và chỗ khác của sự tác nghiệp lúc tỉnh và lúc nằm mộng. Lại nữa, vì 2 ngài đều nghe Phật dạy hết thầy pháp là như mộng, như huyễn. Như vậy là hành đạo lúc tỉnh hay hành đạo trong mộng cũng đều là hành đạo cả. Do vậy mới dẫn đến sự vấn nạn lẫn nhau.

Ngài Bồ tát Di Lặc nhận thấy tri kiến của 2 vị còn chỗ chấp, nên chẳng đáp trực tiếp câu hỏi của ngài Xá Lợi Phất.

Có thuyết cho rằng như vậy là ngài Di Lặc đã dùng pháp “không” để đáp rồi.

Ngài Xá Lợi Phát lại hỏi ngài Di Lặc: Chỗ “không” mà ngài nêu lên đó có phải là pháp tác chứng chẳng?

Ý ngài Xá Lợi Phát muốn nói rằng: Ngài Di Lặc lấy pháp “không” để làm pháp tác chứng chẳng?

Như vậy là ngài Xá Lợi Phát lại đưa ra một lời vấn nạn khác, “Nếu nói chẳng chứng đắc, thì vì sao Bồ tát Di Lặc lại nói về pháp không?”

Ngài Bồ tát Di Lặc biết được tâm niệm của ngài Xá Lợi Phát, nên nói: Ông lấy Niết bàn làm chỗ chứng đắc; còn tôi nói Niết bàn là không, là vô sở đắc. Pháp tôi nói đó là chẳng có chỗ đắc. Hết thầy pháp đều là không, đều chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phát tự niệm rằng: Ngài Bồ tát Di Lặc có trí huệ rất thậm thâm, nên mới nói như vậy. Ngài biết rõ Niết bàn mà chẳng tác chứng Niết bàn; như vậy mới thật là thậm thâm.

-o0o-

Đến đây, Phật hỏi ngài Xá Lợi Phát: Ông đã hành pháp gì để chứng quả A-la-hán? Đắc quả A-la-hán rồi, ông có thấy được pháp ấy chẳng?

Ngài Xá Lợi Phát tự nghĩ rằng: Hết thầy pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác, thì như vậy làm sao thấy được. Nếu nói thấy được, thì như vậy là có trú nơi pháp tướng rồi. Sự thấy đó chỉ hạn lượng trong phạm trù của nhục nhãn và thiên nhãn mà thôi. Nếu dùng huệ nhãn, thì sẽ thấy rõ hết thầy các pháp tướng đều rớt ráo vô phân biệt. Vì các pháp tướng đều chẳng phân biệt, nên là chẳng thấy vậy.

Do nghĩ như vậy nên ngài đáp: Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Bồ tát cũng như vậy. Khi được vô sanh pháp nhãn rồi, thì cũng chẳng có tác ý rằng “Ta được pháp, Ta thấy pháp”. Bồ tát cũng chẳng có khởi nghi tâm rằng “Ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay sẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề”. Bồ tát tự biết rõ rằng mình sẽ đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

KINH:

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Đản Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh đói rét, áo quần rách nát, thì phải nghiệm rằng: Ta nay hành Bồ thí Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn cảnh đói rách, bần cùng như vậy, ta sẽ khiến họ được đồ ăn, thức uống, áo quần, chăn mền... đầy đủ như ở trên các cõi trời.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Đản Ba-la-mật gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Thi la Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh phạm tội sát sanh, trộm cướp, tà dâm... dẫn đến khởi sanh tà kiến, khiến phải bị chết non, bị nhiều bệnh tật, thọ thân tướng xấu xí, chẳng có oai đức, chịu nghèo khổ, đói rách, cùng cực, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Trì giới Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn chịu những nghiệp quả báo xấu ác như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Thi la Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Săn đề Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh sân hận, thù oán, mắng nhiếc, đánh đập, tàn sát nhau, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Nhẫn nhục Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng phạm những ác hạnh như vậy. Ta sẽ khiến họ thương yêu nhau, hòa thuận với nhau, xem nhau như cha mẹ, anh chị em, bạn bè, thân thuộc của nhau.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Săn đề Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Tỳ lê gia Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh biếng nhác, chẳng siêng năng tu tập thiện pháp, xa rời 3 thừa pháp, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Tinh tấn Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn giải đãi; biếng nhác như vậy; khiến họ tinh tấn tu hành 3 thừa đạo, dẫn đến được giải thoát.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Tỳ lê gia Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Thiên Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh bị 5 triền cái “tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi pháp” che tâm, khiến mất thiền định, xa rời “từ, bi, hỷ, xả” thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Thiên Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn ác sự như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Thiên Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh si muội, chẳng có được chánh kiến

thế gian và xuất thế gian, hoặc cho rằng chẳng có nghiệp, chẳng có nghiệp nhân duyên, hoặc chấp thường, hoặc chấp đoạn, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành Bát nhã Ba-la-mật. Đến khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn các ác sự như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh an trụ trong 3 tụ, là chánh định tụ, tà định tụ, và bất định tụ, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng rơi vào tà định tụ, dẫn đến ở cõi nước của ta cũng chẳng còn danh tụ “tà định tụ” nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng ở chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn bị đọa vào 3 đường ác, dẫn đến ở cõi nước của ta cũng chẳng còn danh tụ “3 đường ác” nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy đất đai gồ ghề, đầy hầm hố, chông gai, xú uế, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến đất đai ở cõi nước

của ta bằng phẳng, màu mỡ, phì nhiêu, chẳng có những chỗ gồ ghề, đầy hầm hố, chông gai, xấu xí, ứ đọng như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy cõi nước chẳng có vàng bạc châu báu, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến đất cát ở khắp nơi trong cõi nước của ta đều toàn bằng vàng ròng. Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh đắm mê luyến ái, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng có đắm mê luyến ái như vậy. Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy 4 giai cấp trong cõi nước chia rẽ, đấu tranh lẫn nhau, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến 4 giai cấp trong cõi nước của ta chẳng có chia rẽ, đấu tranh, dẫn đến ở cõi nước của ta cũng chẳng có danh tự “4 giai cấp” nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh trong cõi nước chia ra làm 3 hạng “thượng, trung và hạ”, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng có các hạng hơn thua như vậy.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chia rẽ nhau vì thân tướng và màu da, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn chia rẽ nhau vì thân tướng và màu da; khiến hết thấy đều có thân tướng đoan nghiêm, xinh đẹp.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh phân biệt chúa với tôi, chủ với tớ, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có các danh tự chúa tôi, chủ tớ; chỉ trừ danh tự Pháp Vương dành riêng cho đức Phật.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh ở trong 6 đường, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng có 6 đường chúng sanh sai khác, dẫn đến chẳng có các danh tự địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người, thần tiên nữa; hết thấy chúng sanh đều đồng hạnh nghiệp, đều tu tập 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo.

Bồ tát tu tập như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh thọ sanh ở 4 loài “thai, noãn, thấp, hóa” thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến ở cõi nước của ta chẳng có bốn loài sai khác mà chỉ có loài hóa sanh mà thôi.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chẳng có 5 thần thông, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều được 5 thần thông.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh đại tiểu tiện, ô uế, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều lấy thiên duyệt thực và pháp hỷ làm thức ăn, chẳng còn đại tiểu tiện ô uế nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chẳng có quang minh, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều có được quang minh.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy có mặt trời, mặt trăng, thời tiết, năm tháng..., thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có danh tự mặt trời, mặt trăng, thời tiết, năm tháng... nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chết non, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều được thọ mạng vô lượng.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chẳng có thân tướng tốt thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều được 32 tướng tốt nơi thân.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh xa lìa thiện căn thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta đều thành tựu thiện căn công đức; do công đức ấy mà được thân cận, và cúng dường 10 phương chư Phật. Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh bị ba độc tham, sân, si, 4 bệnh nóng, lạnh, phong, đàm nhiều loạn tâm thân, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn bị 3 độc và 4 bệnh nữa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh chấp có 3 thừa, thì phải nguyện rằng: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có danh tự Nhị thừa, mà chỉ thuần có Đại thừa.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, mà thấy chúng sanh khởi tăng thượng mạn, thì phải nguyện: Ta nay hành 6 pháp Ba-la-mật. Khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ khiến chúng sanh trong cõi nước của ta chẳng còn có chúng sanh tăng thượng mạn, dẫn đến chẳng còn có danh tự tăng thượng mạn.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, phải phát nguyện rằng: Khi ta thành Phật ta sẽ khiến cho quang minh và thọ mạng của ta vô hạn lượng; sẽ khiến cho cõi nước của ta giống như hằng sa cõi nước của chư Phật.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi hành 6 pháp Ba-la-mật, phải phát nguyện rằng: Dù biết đường sanh tử rất dài, dù biết chúng sanh rất nhiều chủng tánh, ta phải xả ly các niệm ấy; có như vậy, ta mới vào được chánh niệm. Ta phải xem bờ sanh tử như là hư không, chúng sanh cũng là như hư không. Vì sao? Vì thật chẳng có ai qua lại trong sanh tử, cũng thật chẳng có ai giải thoát cả.

Bồ tát tu hành như vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, gần được Nhất thiết chủng trí.

LUẬN:

Hỏi: Bồ tát thứ lớp tu tập như thế nào mà quán được các cảnh chúng sanh đói khát lạnh lẽo v.v..., như được mô tả ở đoạn kinh trên đây?

Đáp: Bồ tát tu tập hết thấy các pháp, từ Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp dẫn đến Bồ tát pháp, được vô sanh pháp nhẫn, và được thọ ký bất thối chuyển. Được thọ ký bất thối chuyển rồi, Bồ tát nguyện thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát thứ lớp quán các cảnh bất tịnh của thế giới mà mình đang trú, rồi phát nguyện khi thành Phật sẽ khiến ở cõi nước của mình chẳng còn có các cảnh như vậy nữa.

Khi hành bố thí, thấy chúng sanh đói khát, lạnh lẽo..., Bồ tát liền tự niệm rằng, vì ta tu phước, chưa có trí huệ đầy đủ, nên chẳng có thể cung cấp đầy đủ các vật dụng cần thiết cho hết thấy chúng sanh. Nếu ta chỉ hành bi tâm mà thôi, thì chúng sanh chẳng có được nhiều lợi lạc. Ta phải hành bố thí Ba-la-mật mới có thể làm cho chúng sanh thật đầy đủ. Nếu ta làm vị Chuyển Luân Thánh Vương hay vị Thiên Vương, ta cũng đã có được lực phương tiện để dẫn dắt chúng sanh phá xan tham, khiến họ an trú trong bố thí rồi.

Thế nhưng, vì nhân duyên giáo hóa, cứu độ hết thảy chúng sanh, mà ta nguyện khi thành Phật, ta sẽ khiến chúng sanh ở trong cõi nước ta đều thoát khỏi cảnh khổ khổ, bần cùng; ai mong tâm cầu được vật dụng gì, liền được như ý muốn.

Bồ tát hành bố thí, và dạy chúng sanh hành bố thí sẽ được nhiều phước đức. Vì sao? Vì các phước đức hữu vi đều do nhân duyên hành thiện pháp. Phải thành tựu đầy đủ nhân duyên thì phước quả mới được đầy đủ. Ví như chư thiên ở cõi Lục Dục Thiên mong muốn vật dụng gì, liền được như ý.

Bồ tát quán chúng sanh, do nhân duyên phá giới, mà phải chết non, phải mắc nhiều bệnh, chẳng có được oai đức, nên phát nguyện tự mình trì giới đầy đủ, và dạy cho chúng sanh trì giới đầy đủ. Bồ tát, tùy đối tượng chúng sanh, mà phân biệt thuyết các giới pháp, khiến họ dễ hiểu. Do nguyện giáo hóa chúng sanh như vậy, nên Bồ tát chẳng nhằm chán thế gian, mà vẫn sống chung với chúng sanh, khởi đạo tâm, tu tập vô lượng, vô số hạnh công đức, làm lợi lạc cho vô lượng, vô số chúng sanh v.v ...

-o0o-

Phật khai thị cho chúng sanh biết rõ đại tâm, đại nguyện của Bồ tát như sau:

Dù biết rõ đường sanh tử rất dài, biết rõ chúng sanh tương tục chìm đắm trong sanh tử, chịu rất nhiều khổ đau, biết rõ chúng sanh vô lượng vô số ở trong khắp vô lượng vô biên thế giới, cũng biết rõ chúng rất khó độ, nhưng Bồ tát chẳng hề thoái tâm. Bồ tát biết rõ thoái tâm Bồ Đề là tà niệm, là chướng viên thành được bản nguyện độ sanh. Bởi vậy Bồ tát thường hành chánh niệm, xem tất cả các sự việc, nêu trên đây đều là như mộng như huyễn là như hư không.

Vì xem chúng sanh là như hư không, xem bờ sanh tử cũng là như hư không, nên Bồ tát phát nguyện ở trong thế gian, chung sống với các loài chúng sanh, nhằm giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh như vậy, độ thoát chúng sanh như vậy, mà Bồ tát thật chẳng thấy có chúng sanh nào được độ cả, vì thật chẳng có chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, cũng chẳng có chúng sanh nào được giải thoát cả. Bồ tát thấy vô lượng đời vị lai chỉ như trong một niệm, chẳng có lâu xa. Do vậy mà Bồ tát được đủ trí huệ lực, phước đức lực, vượt qua vô lượng kiếp gần đến Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy là Phật nêu lên đầy đủ các duyên pháp, khiến Bồ tát chẳng nhầm chán sinh tử, chẳng rời bỏ chúng sanh. Bồ tát thấy chúng sanh như huyễn, như hóa, như hư không, nên tuy chúng sanh là vô số vô lượng, mà thật chẳng có chúng sanh để độ thoát; lại nữa nếu chúng sanh là vô số vô lượng, thì trí huệ của Bồ tát cũng vô lượng vô biên, khiến Bồ tát chẳng thấy việc độ thoát chúng sanh là việc khó làm vậy.

Phẩm Thứ Năm Mười Chín



Hằng Già Đê Bà

KINH:

Lúc bấy giờ, trong đại chúng có một người nữ tên là Hằng Già Đê Bà, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Con xin hành trì 6 pháp Ba-la-mật, để thanh tịnh Phật độ, đúng như lời Phật dạy trong Bát nhã Ba-la-mật.

Vị thiện nữ này đem hoa vàng, hoa bạc, các thứ hoa tươi cùng các vật báu trang nghiêm khác và hai tấm thảm dệt bằng chỉ vàng đến cúng dường Phật. Ở phía trên đánh Phật, các thứ hoa cùng các vật báu do thiện nữ này cúng dường Phật liền kết thành bốn trụ đài trang nghiêm, đẹp đẽ, trụ giữa hư không.

Vị thiện nữ này xưng dương, tán thán công đức của Phật, rồi tùy hỷ hết thấy công đức ấy, để cùng với hết thấy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Phật biết rõ tâm niệm của vị thiện nữ, nên liền mỉm cười. Từ kim khẩu của Phật phóng ra vô lượng quang minh, đủ màu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng, hồng... Các quang minh ấy chiếu đến vô lượng thế giới Phật ở 10 phương, rồi lại trở về diễn 3 vòng quanh Phật, xong nhập vào đánh Phật.

Ngài A Nan thấy như vậy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quì xuống và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Do nguyên

nhân gì mà Phật mỉm cười? Pháp Phật thâm diệu nên con nghĩ chẳng phải chẳng có nhân duyên mà Phật mỉm cười như vậy.

Phật dạy: Này A Nan! Vị thiện nữ Hằng Già Đề Bà này, trong đời vị lai, sẽ thành Phật, vào kiếp Tinh Tú, với hiệu là Kim Hoa.

Này A Nan! Thiện nữ này sau khi mạng chung, sẽ thọ thân nam, sanh về nước Diệu Hỷ của đức Phật A Súc Bệ, tịnh tu phạm hạnh.

Này A Nan! Ở cõi nước Phật ấy, thiện nữ này thành vị Bồ tát có hiệu là Kim Hoa. Từ cõi Phật ấy, sau khi mạng chung, Bồ tát Kim Hoa lại sanh về cõi Phật khác; chuyển từ cõi Phật này sang cõi Phật khác, mãi chẳng hề xa rời đức Phật.

Này A Nan! Ví như vị Chuyển Luân Thánh Vương, trong suốt cuộc đời, di chuyển từ lâu đài này sang lâu đài khác, mà chân chẳng hề bao giờ chạm đất. Cũng như vậy, Bồ tát Kim Hoa chuyển thân từ cõi Phật này sang cõi Phật khác, mãi mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề mà chẳng bao giờ chẳng thấy Phật.

Lúc bấy giờ ngài A Nan tự nghĩ: Khi Bồ tát Kim Hoa thành Phật, ất Phật hội của ngài cũng như Phật hội hôm nay.

Phật biết rõ tâm niệm của ngài A Nan, nên dạy rằng: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A Nan như chỗ ông nghĩ. Bồ tát Kim Hoa khi thành Phật, cũng sẽ thành lập Phật hội y như Phật hội của ta hôm nay.

Này A Nan! Phật Kim Hoa sẽ có vô lượng Tỳ Kheo chẳng thể đếm xiết được; cõi nước của Phật Kim Hoa sẽ chẳng có những ác sự, như đã nói trước đây.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vị thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ đời đức Phật nào?

Phật dạy: Đây A Nan! Thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ thời đức Phật Nhiên Đăng. Từ khi mới sơ phát tâm, thiện nữ này đã cùng với ta đem hoa cúng dường đức Phật Nhiên Đăng, xung dương, tán thán công đức của đức Phật, rồi tùy hỷ công đức của Phật, cùng với hết thấy chúng sanh, đồng thời hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Đức Phật Nhiên Đăng biết rõ thiện căn của ta đã thành tựu, nên đã thọ ký Vô Thượng bồ Đề cho ta.

Vị thiện nữ này thấy ta được thọ ký liền phát nguyện rằng: Ở đời vị lai, tôi cũng sẽ được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề như vậy.

Này A Nan! Ông nên biết vị thiện nữ này đã sơ phát tâm Bồ Đề từ thời đức Phật Nhiên Đăng

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch thế Tôn! Vị thiện nữ này đã lâu đời hành Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A Nan! Vị thiện nữ này đã lâu đời hành Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hỏi: *Cả đại chúng đều được nghe Phật thuyết về hạnh thanh tịnh Phật độ. Vì sao chẳng có ai bạch Phật về nguyện thanh tịnh Phật độ của mình, mà chỉ có một mình vị thiện nữ này đứng lên bạch Phật như vậy?*

Đáp: Có thuyết nói: Trong chúng hội có rất nhiều người phát nguyện thanh tịnh Phật độ, nhưng chẳng bạch Phật.

Có thuyết nói: Do thiện nữ này nhẹ tánh, háo thắng nên mới đứng lên bạch Phật như vậy.

Có thuyết nói: Thiện nữ này đã thành tựu được đạo phần, còn các người khác chưa có được đạo phần. Đây là vấn đề nghiệp duyên nhân quả. Thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ lâu, nên nay mới được thiện quả báo như vậy. Ví như thuốc hay, trị được lành bệnh, chẳng có phân biệt sang hèn, giàu nghèo. Cũng như vậy, thiện nữ này, tuy đời nay thọ thân nữ, nhưng do nghiệp duyên gieo trồng thiện căn ở nhiều đời trước nên mới được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề ở đời vị lai vậy.

Vì trong chúng hội có rất nhiều người nghi về nhân duyên dẫn đến Phật thọ ký cho vị thiện nữ này, nên Phật dạy: Vị thiện nữ này đã từ lâu tu tập Vô Thượng Bồ Đề, nên được thọ ký.

Cũng nên biết rằng có rất nhiều trường hợp Phật chỉ im lặng thọ ký, chẳng có nói ra như trường hợp này.

Hỏi: Tên “*Hằng Già Đề Bà*” này mang ý nghĩa gì?

Đáp: Tên đặt riêng cho mỗi người chỉ là danh tự để phân biệt người này với người khác. Chớ nên cầu nghĩa nơi tên gọi.

Có thuyết nói: “Người nữ này, khi vừa mới sanh ra đời, đã được cha mẹ đem dâng gửi cho thần sông Hằng. Bởi vậy nên đặt tên nàng là Hằng Già Đề Bà. Hằng Già là tên sông, còn Đề Bà là tên một cõi trời.

Lại có thuyết nói: “Vì nhân duyên, phước đức từ đời trước, mà người nữ này được sanh vào một gia đình trưởng giả; lớn lên lại được nghe pháp Phật, hoan hỷ tín thọ, nên thường dùng vàng bạc, châu báu... để cúng dường Phật.

Phật bảo ngài A Nan rằng: “Vị thiện nữ này do đã từ lâu đời tu tập Vô thượng Bồ Đề, nên nay mới được thọ ký”.

Vì đại sự nhân duyên thọ ký cho người nữ này mà Phật mỉm cười. Nên biết Phật chỉ mỉm cười khi có đại sự nhân duyên, và sự mỉm cười như vậy mang một ý nghĩa rất quan trọng.

Hỏi: *Vị thiện nữ này đã được phước đức sâu dày. Như vậy tại sao phải thọ thân nữ? Vì sao phải đợi đến đời Phật A Sóc Bệ mới chuyển thân nữ thành thân nam?*

Đáp: Có thuyết nói: “5 dục ở thế gian rất khó trừ. Vị thiện nữ này do còn chấp dục tính, nên dù đã nhiều đời hành các phước đức, mà vẫn chưa thọ được thân nam. Nay, người này đã sạch phiền não, được Phật thọ ký, nên về sau này, ở cõi nước của Phật A Sóc Bệ, sẽ được chuyển thân nữ thành thân nam”.

Lại có thuyết nói: “Người nữ này thấy có nhiều người trọng nam khinh nữ, nên đã nguyện thọ thân nữ. Sự kiện Phật thọ ký cho một người nữ chứng tỏ sự chứng đạo chẳng có phân biệt nam hay nữ”.

Trên đây, lược nói về các nhân duyên thiện nữ này vẫn giữ thân nữ mà vẫn được Phật thọ ký.

-o0o-

Ngài A Nan hỏi Phật: “Vì nhân duyên gì mà Phật mỉm cười?”

Phật dạy: “Trong đời vị lai, vị thiện nữ này sẽ thành Phật, hiệu là Kim Hoa Như Lai. Sau khi mạng chung ở nơi đây, vị thiện nữ này sẽ sanh về thế giới Phật A Sóc Bệ, thành vị Bồ tát, hiệu là Kim Hoa. Mạng chung ở thế giới Phật đó, lại

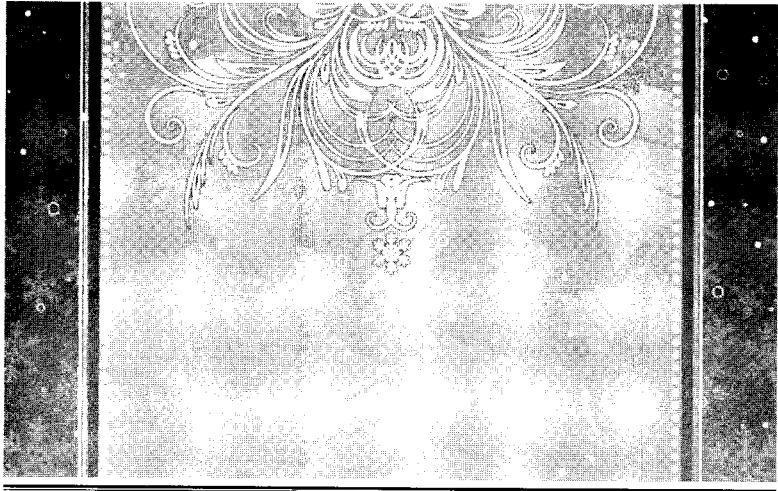
sanh về thế giới Phật khác, tịnh tu phạm hạnh, mãi mãi cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng xa rời đức Phật.

Thế nhưng ở trong chúng hội có nhiều người khởi tâm nghi rằng: “Thiện nữ này chỉ nghe được ít pháp, mà vì sao được đại quả báo như vậy?”

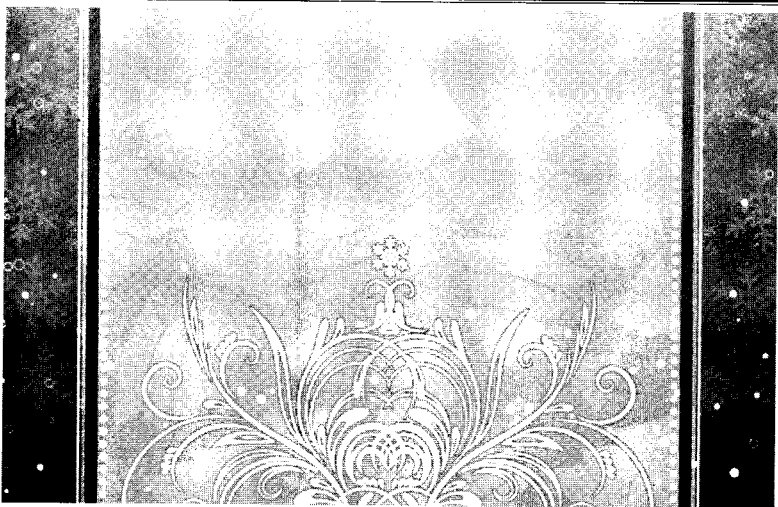
Đề giải nghi cho đại chúng, ngài A Nan hỏi Phật: “Vị thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn này từ bao giờ?”

Phật dạy: “Người thiện nữ này, vào thời đức Phật Nhiên Đăng, đã cùng với ta đem các thứ hoa và các vật báu cúng dường Phật, để cầu Vô Thượng Bồ Đề. Phật Nhiên Đăng biết rõ thiện căn của ta đã thuần thực, nên đã thọ ký Vô Thượng Đề cho ta. Thấy như vậy, vị thiện nữ này đã phát nguyện ở đời vị lai cũng sẽ thành Phật. Do thiện nữ này đã gieo trồng thiện căn từ lâu xa như vậy, nên nay mới được đại quả báo, được ta thọ ký Vô thượng Bồ Đề.

(Hết quyển 75)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 76



Phẩm Thứ Sáu Mười



Học Không, Bất Chứng (Học Không, Chẳng Chứng)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải học “không tam muội” và nhập vào “không tam muội” như thế nào? Bồ tát phải học “vô tướng tam muội”, vô tác tam muội, và nhập vào các tam muội này như thế nào? Phải học 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, và nhập vào các pháp môn này như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải quán 5 ấm là không; phải quán 12 nhập, 18 giới là không... dẫn đến quán cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc đều là không cả. Khi quán như vậy, Bồ tát chẳng nên để tâm tán loạn.

Vì sao? Vì nếu tâm chẳng tán loạn, thì Bồ tát chẳng thấy các pháp ấy; nếu chẳng thấy các pháp ấy, thì cũng chẳng có tác chứng các pháp ấy.

Vì sao? Vì nếu Bồ tát khéo học các phép không, thì chẳng thấy có người chứng, cũng chẳng thấy có pháp để chứng.

Ngài Tu Bồ Đề Bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, “Bồ tát chẳng nên trú nơi pháp không, mà tác chứng”.

Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát trú nơi pháp không, mà chẳng tác chứng?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn được đầy đủ pháp quán không, thì phải tự nguyện rằng: “Ta chẳng nên trú nơi pháp không, mà tác chứng; nay là lúc ta học, chẳng phải là lúc ta chứng”.

Bồ tát chẳng nên chuyên nhiếp tâm nơi pháp không, mà phải duyên các pháp sự, khiến ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng có thói chuyên, ... dẫn đến chẳng tác chứng quả vô lậu.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát thành tựu được vi diệu pháp. Vì sao? Vì Bồ tát trú nơi pháp không, mà tự niệm rằng: “Nay là lúc ta học, chẳng phải lúc ta chứng”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cũng phải tự nguyện rằng: “Nay là lúc ta học Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, học 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, học nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, học 10 Phật lực... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, v.v... mà chẳng phải là lúc ta chứng quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát học không và trú trong không, học vô tướng và trú trong vô tướng, học vô tác và trú trong vô tác, học 4 niệm xứ và trú trong 4 niệm xứ... dẫn đến học 8 thánh đạo và trú trong 8 thánh đạo, mà chẳng tác chứng 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng tác chứng 8 thánh đạo. Bồ tát, dù học, dù hành 37 pháp trợ đạo, mà vẫn chẳng tác chứng quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến chẳng tác chứng quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người tráng sĩ dũng mãnh, thâm hiểu cả 64 môn binh pháp, tài điều binh xuất chúng, tướng mạo oai nghiêm. Ở giữa bãi chiến trường, tráng sĩ này nắm vững tay gươm đứng im bất động, chỉ dụng binh

có giới hạn mà thắng lợi rất nhiều, khiến cả ba quân đều thán phục, cung kính. Với oai lực sẵn có, tráng sĩ này đi đến đâu cũng đem lại lợi ích cho mọi người, như bảo bọc người già yếu, cứu thoát người đang gặp nạn hiểm nghèo, an ủi người bị kẻ khác khùng bố, cướp bóc v.v... Do tráng sĩ này có đầy đủ trí lực, nên những ai được tráng sĩ ra tay tế độ đều được thoát hiểm an toàn.

Cũng như vậy, vì muốn làm lợi ích cho chúng sanh, mà Bồ tát hành 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả”, an trú trong bốn lượng vô tâm, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng tác chứng quả vô lậu; học Nhất thiết chủng trí, nhập 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”, mà chẳng tùy pháp tướng, chẳng chứng “vô tướng tam muội”. Do chẳng chứng “vô tướng tam muội” nên chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Này Tu Bồ Đề! Ví như con chim có đầy đủ đôi cánh ung dung bay lượn giữa hư không mà chẳng bị rơi rớt, cũng chẳng an trú trong hư không.

Cũng như vậy, Bồ tát học 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” mà chẳng tác chứng; vì chẳng tác chứng, nên chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Dù chưa được đầy đủ 10 Phật lực, đại từ, đại bi, chưa đầy đủ hết thấy pháp và hết thấy trí, mà Bồ tát vẫn chẳng tác chứng “không, vô tướng, vô tác”.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người xạ thủ tài ba, bắn liên tục các mũi tên lên hư không; mũi tên sau ghim vào mũi tên trước, và cứ như vậy nối liền với nhau mãi mà lao vút lên không trung, cho đến khi người xạ thủ ngưng bắn, thì mới rơi xuống mặt đất.

Cũng như vậy, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chỉ

dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật để tu tập các thiện căn, mà chẳng tác chứng thật tế; mãi như vậy cho đến khi đầy đủ các thiện căn rồi, mới tác chứng thật tế vậy. Bởi vậy nên nói: “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà vẫn phải thường quán các pháp tướng”.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành các pháp thậm thâm, rất khó hành. Vì sao? Vì dù thường quán các pháp tướng, dù học đầy đủ pháp như, pháp tánh, thật tế, học rốt ráo không... dẫn đến tự tướng không, học 3 giải thoát môn, mà ở chặng giữa đường Bồ tát vẫn chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Hạnh nguyện của Bồ tát như vậy thật là hy hữu.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chẳng xả ly chúng sanh, nên Bồ tát phát nguyện tu học như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát tự niệm rằng: “Ta chớ nên xả bỏ chúng sanh, mà phải cứu độ họ, vì họ chẳng biết được các pháp là vô sở hữu”. Tự niệm như vậy rồi, Bồ tát liền nhập vào 3 giải pháp môn, thành tựu các lực phương tiện nhằm cứu độ chúng sanh. Thế nhưng, vì chưa được Nhất thiết chủng trí, nên Bồ tát hành 3 giải thoát môn, mà ở chặng giữa đường chẳng có tác chứng thật tế.

Bồ tát quán hết thấy các pháp thậm thâm, như: nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 3 giải thoát môn. Rồi Bồ tát tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp ngã... dẫn đến chấp tri giả, kiến giả, dụng tâm sở đắc mà trú nơi các pháp. Từ nay cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, ta phải vì chúng sanh thuyết pháp, để dứt trừ hết thấy sự chấp thủ pháp tướng ở nơi họ.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát hành đầy đủ 3 giải thoát

môn, mà ở chặng giữa đường chẳng tác chứng thực tế. Vì chẳng tác chứng thật tế, nên Bồ tát chẳng lạc về Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn thành tựu đầy đủ thiện căn, nên ở chặng giữa đường chẳng tác chứng thật tế, cũng chẳng mất 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp.

Bồ tát thành tựu hết thấy các pháp trợ đạo... dẫn đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, mà trọn chẳng tổn giảm. Bồ tát có được các lực phương tiện như vậy, nên tăng ích thiện pháp, được căn trí thông lợi, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát lại tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp thường, chấp lạc, chấp ngã, chấp tịnh, là 4 tà kiến điên đảo. Ta phải vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề. Khi được Vô Thượng Bồ Đề rồi, ta sẽ vì họ thuyết về vô thường, về khổ, về vô ngã, về bất tịnh.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật niệm Phật tam muội, tu tập đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi ... dẫn đến 18 bất cộng pháp, ta sẽ nhập vào 3 giải thoát môn. Thế nhưng, vì chưa được Nhất thiết chủng trí, nên Bồ tát hành 3 giải thoát môn, mà ở chặng giữa đường chẳng tác chứng thật tế.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát lại tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp các pháp tướng, chấp tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng tri giả, tướng kiến giả... dẫn đến chấp tướng 5 ấm, tướng

12 nhập, tướng 18 giới; rồi dùng tâm hữu sở đắc mà tu tập 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định v.v... Ta phải vì chúng sanh cầu Nhất thiết chủng trí.

Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ vì họ thuyết pháp “vô sở đắc” khiến họ xả ly được các chấp về pháp tướng đó.

Bồ tát lại tự niệm rằng: Hết thấy chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp tướng nam, tướng nữ, tướng sắc, tướng vô sắc v.v... Ta phải vì họ cầu Nhất thiết chủng trí. Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ vì họ thuyết pháp “vô sở đắc”, khiến họ xả ly các chấp về pháp tướng đó.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tu đầy đủ các pháp trợ đạo, nhập vào 3 giải thoát môn. Thế nhưng, vì chưa được Nhất thiết chủng trí, nên Bồ tát hành 3 giải thoát môn, mà chẳng tác chúng thật tế.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát tu tập Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không ... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 10 Phật lực... dẫn đến 18 bất cộng pháp, đại từ đại bi, 3 giải thoát môn... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, thành tựu vi diệu trí huệ, mà chẳng có bao giờ chấp trước có hành các pháp ấy trong 3 cõi... dẫn đến chẳng bao giờ chấp trước có 3 cõi.

Trong lúc Bồ tát học các pháp trợ đạo, hành các pháp trợ đạo, nếu có ai hỏi Bồ tát rằng: “Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề, mà học pháp không; nhưng vì sao lại chẳng tác chúng thật tế?”, thì Bồ tát đáp rằng, “Nếu tác chúng thật tế, thì sẽ lạc ngay vào Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chẳng có thể thật hành được thâm Bát nhã Ba-la-mật”.

Lại nữa, nếu có ai hỏi về hạnh tu của Bồ tát, thì Bồ tát đáp rằng: “Hạnh tu của Bồ tát là quán các pháp đều là không, là vô tướng, là vô tác, là vô sanh, là vô khởi, là vô diệt, là vô sở hữu”. Nếu Bồ Tát chẳng đáp được như vậy, mà nói nên học các pháp trợ đạo, nên chú chứng các pháp trợ trợ đạo đó, thì phải biết đó là hạng Bồ tát chưa được Phật thọ ký. Vì sao? Vì hạng Bồ tát đó chưa biết rõ chỗ hành pháp của chư Bồ tát bất thối chuyển, nên chẳng sao có thể giải đáp được. Trái lại, nếu Bồ tát liễu giải được chỗ hành pháp của bậc Bồ tát bất thối chuyển, thì phải biết đó là hạng Bồ tát đã hành đầy đủ Bồ tát đạo, đã vào được Bất Thối Chuyển địa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có Bồ tát nào chưa được bất thối chuyển, mà có thể giải đáp được chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có trường hợp như vậy. Có Bồ tát đã tu tập thuần thục 6 pháp Ba-la-mật rồi, nên dù có nghe hoặc dù chưa nghe nói đến các pháp sự đó, cũng có thể giải đáp được, y như hàng Bồ tát bất thối chuyển vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Có rất nhiều Bồ tát cầu Phật đạo, mà rất ít vị giải đáp được như vậy. Vì sao? Vì ngoài số ít vị đã được Vô học, các vị khác vẫn còn trong Hữu học đạo.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Có rất ít Bồ tát giải đáp được như vậy. Vì sao? Vì suốt quá trình tu tập, từ Càn Huệ địa... dẫn đến Bất Thối Chuyển địa, chỉ có những Bồ tát nào được thọ ký mới giải đáp được như vậy. Phải biết những vị Bồ tát đó đã thành tựu đầy đủ thiện căn, chẳng ai có thể phá hoại được. Các vị Bồ tát ấy xứng đáng được các hàng trời, người cung kính, cúng dường.

LUẬN:

Hỏi: Học pháp “không” và nhập vào pháp “không” có gì khác nhau chăng?

Đáp: Lúc ban đầu phải học pháp “không”, rồi sau đó mới được vào pháp “không”. Học “không” là phương tiện để nhập vào “không”. Khi đã nhập vào “không” rồi, thì Bồ tát dụng “vô tướng” và “vô tác” để học và hành 37 phẩm trợ đạo cùng 3 giải thoát môn.

Tuy rằng 37 phẩm trợ đạo là pháp của Thanh Văn, nhưng đó cũng là đường dẫn vào Niết bàn, nên Phật dạy Bồ tát cũng phải học và hành các pháp đó.

Ngài Tu Bồ Đề dấy niệm rằng, “37 phẩm trợ đạo là pháp dẫn đến Niết bàn. Như vậy, vì sao Bồ tát hành pháp ấy, mà lại chẳng tác chứng Niết bàn?”.

Phật dạy: Bồ tát quán hết thấy các sắc pháp đều là không. Nhờ vậy mà thâm nhập được vào thâm thiên định, khiến tâm chẳng loạn động, được trí huệ vô ngại để hành các thiện pháp làm lợi lạc cho chúng sanh. Thế nhưng, Bồ tát chẳng chấp pháp không, chẳng tác chứng đạo Nhị thừa, chẳng ái trước vô ngã, thẳng vào Niết bàn, mà chẳng thấy có pháp Niết bàn để tác chứng.

Bồ tát biết rõ, nếu chia chẻ sắc pháp, thì sẽ dẫn đến cực vi trần. Thế nhưng, Bồ tát chẳng chấp cực vi trần, vì biết rõ sắc pháp dẫn đến cực vi trần đều là tự tướng không. Cho nên ở nơi pháp vô sắc cũng chẳng lưu niệm, thẳng vào “không”, mà chẳng tác chứng “không”. Phật dạy như vậy, nhưng ngài Tu Bồ Đề chưa thấu triệt ý của Phật, nên hỏi: Bồ tát chẳng nên trú nơi pháp không, mà tác chứng. Như vậy, vì sao nói Bồ tát trú nơi pháp không, mà chẳng tác chứng?

Phật dạy: Vì Bồ tát đã thâm nhập vào pháp tánh, nên chẳng tác chứng vậy.

Ví như người cắt cỏ tranh, nếu nắm quá chặt thì cạnh lá tranh có thể cắt đứt tay; trái lại, nếu khéo léo nắm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn thì chẳng bị đứt tay. Cũng như vậy, người học pháp không mà chưa vào được pháp tánh, thì còn chấp pháp không, và còn thấy các tác chứng; trái lại, Bồ tát đã thâm nhập vào pháp tánh, nên biết rõ “pháp không” cũng là “không”, Niết bàn cũng là “không”, là chẳng có chỗ chứng (vô sở chứng).

Khi chưa vào pháp không, Bồ tát đã tự niệm rằng: Ta nên quán các pháp đều là tự tướng không, mà chẳng nên thủ chứng. Khi vào thiền định, ta chớ nên chuyên tâm nhiếp niệm nơi pháp không, là ta đã buộc tâm vào “không”, chẳng thể nào thoát ly ra khỏi “không” được. Nếu chấp “không” như vậy, thì chẳng sao có thể nhiếp độ chúng sanh được.

Hỏi: Trước đây nói rằng: “Vào thiền định khiến tâm chẳng bị tán loạn”. Nay vì sao lại nói: “chẳng nên chuyên nhiếp tâm”?

Đáp: Hành giả lúc ban đầu vào thiền định phải thâm nhập vào pháp không; rồi lại phải quán biết “không” đó cũng là “không”. Có như vậy thì tâm mới chẳng còn chuyên nhiếp nơi “không”, chẳng còn bị trói buộc nơi thiền định. Do vậy mà được tâm chẳng tán loạn.

Lại nữa, Bồ tát phải tự niệm: Ta phải tu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp; tu đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí ... cùng tất cả các Phật pháp. Do vậy mà chẳng trú Niết bàn.

Lại nữa, Bồ tát phải tự niệm: Ta phải thành tựu các lực phương tiện, học đầy đủ các pháp môn, để giáo hóa chúng sanh, dẫn dắt họ vào Phật đạo.

Tự niệm như vậy, nên Bồ tát phát nguyện rằng: “Nay là lúc ta học, chẳng phải lúc ta chứng. Bao giờ ta được đầy đủ hết thầy Phật sự rồi, thì lúc bấy giờ ta mới chứng”. Do phát nguyện như vậy, nên Bồ tát vào 3 giải thoát môn, mà chẳng thủ chứng các pháp ấy.

Trong kinh có nêu thí dụ về người tráng sĩ dũng mãnh. Người tráng sĩ dụ cho Bồ tát; những người được tráng sĩ giúp đỡ, hay được tráng sĩ cứu thoát khỏi cảnh nguy khốn ... dụ cho chúng sanh được Bồ tát giáo hóa cứu độ; những chôn nguy hiểm, giặc giã, trộm cướp dụ cho 3 cõi; những phùng xấu ác, cướp bóc, khủng bố v.v... dụ cho “sanh tử”; những khí cụ như gươm, đao v.v... mà kẻ ác dùng để khủng bố, cướp bóc người, dụ cho phiền não; tráng sĩ nắm vững tay gươm, đứng yên bất động giữa trận mạc dụ cho Bồ tát dùng gươm trí huệ, an lạc chúng sanh đang chìm đắm trong sanh tử, mà vẫn bất động. Vì sao? Vì Bồ tát trú nơi rốt ráo không, dùng 4 vô lượng tâm “từ, bi, hỷ, xả” độ chúng sanh, đưa chúng sanh về nơi an lạc Niết bàn.

-o0o-

Ngài Bồ Đề lại khởi nghi rằng: “Ở nơi không, nơi vô sở hữu, thì làm sao Bồ tát có thể tu hành được”.

Nhân đây, Phật nêu ví dụ về con chim bay giữa hư không. Ở giữa hư không, tuy chẳng có chỗ dựa, nhưng con chim vẫn ung dung bay lượn, chẳng bị rơi xuống đất. Nếu chưa đến chỗ đậu, thì con chim chẳng dừng bay.

Cũng như vậy, Bồ tát du học pháp không, nhằm đoạn phiền não cho chính mình và cho chúng sanh. Bồ tát học không, mà chẳng tác chứng, nên chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Lại nữa, Phật muốn Bồ tát thông đạt hết thầy pháp, nên nêu lên thí dụ về người xạ thủ tài giỏi.

Nơi thí dụ này: Người xạ thủ tài giỏi dụ cho Bồ tát; cái cung dụ cho thiền định; mũi tên dụ cho trí huệ; hư không dụ cho 3 giải thoát môn; mặt đất dụ cho Niết bàn. Bồ tát dùng cung “thiền định” bắn mũi tên “trí huệ” lên hư không “giải thoát môn”, rồi lại dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật khiến cho mũi tên sau đẩy mũi tên trước, nối liền nhau mãi, chẳng để rơi xuống mặt đất “Niết bàn”.

Cũng như vậy, khi chưa đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, cùng hết thầy Phật pháp, thì Bồ tát chẳng thủ chứng Niết bàn.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề, sau khi nghe Phật dạy, sanh tâm hoan hỷ, và bạch với Phật rằng: Thật là hy hữu! Chỗ hành pháp của Bồ tát thật là thâm thâm, vi diệu, rất khó hành. Bồ tát hành “không” mà chẳng thủ chứng “không”.

Phật dạy: Bồ tát phát bốn nguyện độ thoát hết thầy chúng sanh, khiến họ dứt trừ được ưu bi, khổ não. Do bốn nguyện đại từ bi như vậy, nên Bồ tát hành “không” mà chẳng chấp “không”. Bồ tát biết chúng sanh chìm đắm trong đêm dài vô minh, chấp ngã, chấp pháp, nên dùng 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” độ thoát họ ra khỏi các tà kiến chấp.

Nhờ lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên Bồ tát thường hành 3 giải thoát môn, mà vẫn chẳng xả ly chúng sanh. Bồ tát biết rõ chúng sanh, từ vô thi đến nay, bị vô minh che tâm, nên chấp ngã, chấp pháp, mà chẳng biết rằng ngã và pháp đều là tự tướng không, đều là bất khả đắc; do vậy mà khởi sanh phiền não, tà kiến, lạc về tà đạo.

Bồ tát lại biết rõ người tu hành, dù đã biết được ngã không và pháp không, nhưng thường còn chấp không; do vậy mà lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Biết rõ như vậy, nên Bồ tát phát nguyện: Ta vì chúng sanh phải tu tập thành Phật đạo, để đoạn trừ các chấp điên đảo nơi chúng sanh; do vậy mà ta phải hành 3 giải thoát môn, mà chẳng tác chứng thật tế. Tuy chẳng tác chứng thật tế, nhưng Bồ tát chẳng mất các công đức thiên định. Do thường ở trong định, thường thâm nhập pháp không, nên Bồ tát được căn trí thông lợi, thù thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bồ tát hành đầy đủ các pháp môn tu, thành tựu được vi diệu trí huệ như vậy, mà chẳng bao giờ chấp có hành các pháp ấy trong 3 cõi... dẫn đến chẳng chấp 3 cõi, vì biết rõ 3 cõi là hư vọng. Bồ tát biết rõ các pháp đều bình đẳng, nhất như, nên thường quán “không”, mà chẳng chấp “không”, chẳng tác chứng thật tế.

Hỏi: *Làm thế nào để có thể nhận biết những vị Bồ tát chưa được đạo, mà đã có thể hành thậm thâm pháp không?*

Đáp: Theo như đoạn kinh trên đây, nếu muốn biết như vậy, thì nên hỏi Bồ tát rằng: “Vì sao Bồ tát học không mà chẳng tác chứng không?”.

- Nếu Bồ tát đáp lại rằng: “Ta chỉ chuyên nhiếp niệm nơi pháp không, để tu tập các hạnh Thanh Văn và Bích Chi Phật; ta chỉ quán không, vô tướng, vô tác, vô khởi... dẫn đến quán vô sở hữu, để biết mà thôi”. Phải biết đây là hạng Bồ tát chưa được thọ ký.

- Hạng Bồ tát này chưa có được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên chỉ quán “không”, mà chẳng vào được “không”.

- Nếu Bồ tát liễu giải được chỗ hành pháp của Bồ tát bất thối chuyển, thì phải biết đó là hạng Bồ tát đã vào được Bạc

Địa, gần được thọ ký bất thối chuyển.

Cũng nên biết, Bồ tát phải tu tập pháp “không” cho đến khi phiền não đã mỏng, rồi mới vào được Bạc Địa, để tiến tu lên Bất Thối Chuyển Địa.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói về tướng, và về phi tướng (chẳng phải tướng) của Bồ tát bất thối chuyển, nên liền bạch Phật: Có Bồ tát nào chưa được bất thối chuyển, mà có thể giải đáp được y như bậc Bồ tát bất thối chăng?.

Phật dạy: Có Bồ tát, tuy chưa đầy đủ Bồ tát địa, nhưng đã nghe và hiểu được lời Phật dạy, nên có thể giải đáp được.

Lại có Bồ tát, dù chưa được nghe Phật dạy, nhưng đã có chánh tư duy, chánh ức niệm, nên dù chưa được vô sanh pháp nhãn, mà đã nhất tâm cầu thật tướng pháp. Hạng Bồ tát này cũng có thể giải đáp được.

Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Có rất nhiều Bồ tát cầu Phật đạo, mà rất ít vị giải đáp được như vậy. Vì sao? Vì ngoại trừ các Bồ tát đã được vô sanh pháp nhãn, đã vào Vô Học đạo, còn đa số các Bồ tát khác vẫn chưa được vô sanh pháp nhãn, vẫn còn ở trong Hữu học đạo.

Phật dạy: Đúng như vậy! Số Bồ tát giải đáp được rất ít. Vì sao? Vì chỉ có các Bồ tát đã được thọ ký rồi mới giải đáp được. Chỉ có Phật mới biết rõ Bồ tát nào đã vào được nơi thật tướng pháp, đã giải đáp đúng như pháp, để cho họ dự vào chúng được thọ ký. Bồ tát giải đáp được đúng như pháp là Bồ tát đã thành tựu đầy đủ thiện căn công đức, đã thâm nhập pháp không, nên có đầy đủ các lực phương tiện để làm các việc lợi ích cho chúng sanh.

Phẩm Thứ Sáu Mười Mốt



Mộng Trung Bất Chứng (Trong Mộng, Chẳng Chứng)

KINH:

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Tu Bồ Đề: Này Tu Bồ Đề! Dẫn đến có Bồ tát, ngay ở trong mộng, cũng chẳng tham đắm Thanh Văn và Bích Chi Phật pháp, chẳng tham đắm 3 cõi; cũng quán các pháp là như mộng, như huyễn, chẳng nên tác chứng.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy Phật, và thấy vô số Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng hàng Thiên Long Bát Bộ đến nghe Phật thuyết pháp. Bồ tát ấy được nghe Phật thuyết pháp, liền hiểu rõ nghĩa lý, rồi như pháp hành trì. Phải biết đó là tướng mạo của Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, phóng đại quang minh, hiện giữa hư không thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo nghe; dùng thần lực hóa hiện các “hóa nhân” từ cõi Phật khác đến nghe pháp và làm Phật sự.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy cảnh đao binh giặc giã, đánh phá xóm làng; hoặc thấy cảnh lửa cháy ngập trời hoặc thấy ác thú, sư tử, cọp, sói;

hoặc thấy cảnh cha mẹ, anh chị em, bạn bè chết v.v... Bồ tát này thấy các cảnh rùng rợn như vậy mà bình thản, chẳng kinh sợ, chẳng buồn lo. Sau khi tỉnh giấc, Bồ tát này liền dấy niệm rằng: “3 cõi đều là hư vọng là như mộng, như huyễn”, rồi phát nguyện: Khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, ta sẽ vì chúng sanh thuyết giảng cho họ biết 3 cõi là hư vọng, là như mộng như huyễn.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy 3 đường ác, liền dấy niệm rằng: “Ta phải siêng năng, tinh tấn tu tập để được Vô Thượng Bồ Đề, khiến cho ở cõi nước của ta chẳng có 3 đường ác”. Vì sao? Vì Bồ tát ấy biết rõ cảnh mộng cùng các pháp là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, ngay ở trong mộng, thấy lửa địa ngục thiêu đốt chúng sanh, liền phát nguyện: Nếu ta thật là bậc bất thối chuyển, thì ngọn lửa kia hãy tự diệt.

Nếu nguyện xong mà lửa liền diệt, thì phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Lại nữa, khi thức, nếu Bồ tát ấy thấy cảnh lửa thiêu đốt xóm làng, và cũng nguyện cho lửa tự diệt như lửa thấy trong mộng, mà lửa diệt, thì phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Nếu trước khi tự diệt, lửa còn đốt thêm một số nhà nữa, thì phải biết chủ nhân các nhà đó, ở đời trước nặng tội phá pháp nên nay mới phải chịu quả báo như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nay ta lại vì ông nói thêm về hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát thấy có thiện nam, thiện nữ bị ma nhập liền tự nguyện rằng: “Nếu ta đã được chư Phật quá khứ thọ ký, ta đã được làm thanh tịnh cầu Vô Thượng Bồ Đề, ta đã xả ly pháp Nhị thừa, thì chắc chắn ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chư Phật hiện tại ở khắp 10 phương biết rõ tâm chí thành của ta rồi, nên nay ta nguyện các loài phi nhân phải mau mau rời bỏ ác tâm nào hại thiện nam, thiện nữ này”.

- Nếu nguyện như vậy rồi, mà loài phi nhân chẳng y theo, thì phải biết vị Bồ tát ấy chưa được chư Phật quá khứ thọ ký.

- Nếu nguyện như vậy rồi, mà loài phi nhân liền bỏ đi nơi khác, thì phải biết vị Bồ tát ấy đã được chư Phật quá khứ thọ ký.

Phải biết đó là tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát xa lìa 6 pháp Ba-la-mật, xa lìa các lực phương tiện, mà tu 4 niệm xứ ... dẫn đến 3 giải thoát môn, chưa vào được Bồ tát vị. Bồ tát ấy thấy ác ma đến quấy nhiễu cũng liền tự niệm rằng: “Nếu ta đã được thọ ký, thì các quỷ thần phải xa lánh ngay”. Lúc bấy giờ, ác ma biết được tâm niệm của Bồ tát ấy liền bảo quỷ thần lánh xa. Vì ác ma có oai lực hơn quỷ thần.

Bồ tát ấy thấy quỷ thần lánh xa, tưởng rằng đó là do oai lực của mình, chẳng phải là do oai lực của ác ma, nên khởi tâm kiêu mạn, tưởng rằng mình đã được chứng đắc, khinh miệt các Bồ tát khác, cho rằng mình đã được thọ ký, các Bồ tát khác chẳng được như mình. Do khởi tâm tăng thượng mạn như vậy, mà Bồ tát ấy xa lìa Nhất thiết chủng trí, xa lìa Vô Thượng Bồ Đề.

Phải biết Bồ tát ấy đã lạc về Nhị thừa địa.

Bồ tát ấy ít được thân cận chư thiện tri thức, chẳng học hỏi về hành tướng của Bồ tát bất thối chuyển, chẳng có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên mới bị ma trói buộc kiên cố như vậy.

Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Có ác ma hiện đủ các thân, đến nói với Bồ tát rằng: “Ở trong quá khứ, ông đã được chư Phật thọ ký. Ta biết rõ, vào lúc bấy giờ, tên ông là gì, tên cha mẹ ông là gì, tên anh chị em ông là gì; ta biết rõ ông sanh ở đâu, ở tụ lạc nào, thành nào, nước nào..., ta cũng biết đời trước ông đã hạnh nguyện như thế nào, đã có công đức như thế nào. Ông thật đã được chư Phật quá khứ thọ ký”.

Hoặc có ác ma hiện thân Tỷ-kheo, hoặc thân cư sĩ, hoặc thân cha mẹ, đến nói với Bồ tát ấy rằng: “Ông đã được chư Phật quá khứ thọ ký. Vì sao? Vì ông đã đầy đủ các hạnh loại và tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy chẳng có được hạnh loại và tướng mạo chân thật của Bồ tát bất thối chuyển, nên mới bị ác ma đến nhiễu loạn. Vì sao? Vì do nghe khen ngợi, ca tụng, mà khởi tâm kiêu mạn, khinh miệt người khác.

Phải biết đó là ma sự của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát mới hành 6 pháp Ba-la-mật chưa được bao lâu, nên chẳng biết danh tự tướng, chẳng biết sắc tướng... dẫn đến thức tướng v.v... đều là như mộng, như huyễn, khiến các ma có cơ hội tốt để nhiễu loạn. Ác ma đến nói với Bồ tát ấy rằng: “Đời sau, lúc ông được Vô Thượng Bồ tát, ông sẽ có danh hiệu như vậy này”. Đó là ác ma y theo chỗ niệm tướng của Bồ tát ấy mà

đặt ra danh hiệu, nhưng vì vô trí. Vì chẳng có lực phương tiện, nên Bồ tát ấy tin theo lời ác ma, mà tự xa rời Bát nhã Ba-la-mật, tự xa rời Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát ấy xa rời chư thiện tri thức, nên mới bị ác tri thức dẫn dắt, mà phải lạc về Nhị thừa địa, qua lại trong sanh tử.

Thế nhưng, sau này, nếu gặp được thiện tri thức, nếu y chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng có thể được Vô Thượng Bồ Đề. Trái lại, nếu chẳng chịu sám hối, thì Bồ tát ấy chắc chắn phải bị lạc về Nhị thừa địa.

Này Tu Bồ Đề! Trong luật Tỷ-kheo có 4 giới trọng^(*), nếu phạm 1 giới trong 4 giới đó, thì chẳng phải là sa môn, chẳng phải là Thích tử, và ở hiện đời cũng chẳng thành tựu được 4 quả sa môn.

4 giới trọng gồm: Dâm dục – trộm cắp – Giết người hay xúi dục người khác giết người – đại vọng ngữ (nói những lời làm suy hại giáo pháp, nói mình là bậc Thánh để gạt người khác).

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy ham thích hư danh, mà khởi tâm kiêu mạn khinh miệt người khác; tội như vậy còn nặng hơn tội phạm 4 giới trọng của Tỷ-kheo. Chẳng những tội như vậy nặng hơn tội phạm 4 giới trọng, mà còn nặng hơn cả 5 tội phản nghịch (ngũ nghịch) nữa. Vì sao? Vì ham hư danh mà khinh miệt người khác là ma sự. Bồ tát phải cảnh giác về các loại ma sự này.

Này Tu Bồ Đề! Lại có Bồ tát thích ở nơi hoang vắng,

*. 4 giới trọng còn được gọi là 4 trọng cấm, hay 4 giới cấm, hay 4 trọng tội, hay 4 Ba-la-di.

giữa rừng núi, nơi đồng trống. Ác ma tìm đến Bồ tát ấy mà tán thán rằng: “Ông tu hạnh viễn ly mà Phật thường tán thán”.

Này Tu Bồ Đề! Phật chẳng tán thán hạnh viễn ly như vậy. Chẳng phải chỉ có ở nơi hoang vắng như vậy mà gọi là hạnh viễn ly được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi hoang vắng như vậy mà chẳng phải là tu hạnh viễn ly, thì phải như thế nào mới gọi là tu hạnh viễn ly?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Viễn ly có nghĩa là xả ly tâm Nhị thừa, chẳng phải là xa lìa chúng sanh. Bồ tát ở nơi chỗ hoang vắng, tu tập pháp không, xả ly tâm Nhị thừa, mà chẳng xả ly chúng sanh. Phật tán thán hạnh viễn ly như vậy. Bồ tát phải tu tập ngày đêm hạnh viễn ly như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ác ma chỉ nói viễn ly theo nghĩa ở nơi chỗ hoang vắng. Nếu Bồ tát trú nơi chỗ hoang vắng đó mà tâm động, chẳng có xả ly tâm Nhị thừa, chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật, chẳng tu Nhất thiết chủng trí, thì phải biết Bồ tát ấy rất dễ bị ma cám dỗ.

Bồ tát hành pháp viễn ly như vậy, chẳng giữ được tâm thanh tịnh, nên thường khinh khi các Bồ tát khác đang sống ở các thành ấp, tụ lạc. Bồ Tát ấy chẳng biết rằng có rất nhiều Bồ tát sống giữa chốn ồn ào, náo động mà vẫn giữ được tâm thanh tịnh, chẳng có loạn động, chẳng có tâm Nhị thừa, chẳng có tâm tạp ác, mà trái lại có đầy đủ thiên định, trí huệ, giải thoát và đầy đủ các thần thông.

Bồ tát ấy xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có được các lực phương tiện, nên dù ở chỗ hoang vắng trong thời gian lâu dài, suốt cả năm ... dẫn đến suốt cả trăm ngàn năm,

cũng vẫn chẳng sao biết được thâm nghĩa của hạnh viên ly của Bồ tát. Vì sao? Vì tu hạnh viên ly của Bồ tát là phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có hành các tạp hạnh. Phật chẳng bao giờ dạy Bồ tát tìm nơi hoang vắng, chỉ vì muốn xa lìa chúng sanh, xa lìa nơi náo nhiệt, ồn ào.

Này Tu Bồ Đề! Phật dạy pháp viên ly chân thật. Bồ tát ấy chẳng vào được pháp viên ly đó, chẳng biết được tướng của pháp viên ly đó.

Ác ma lại hiện giữa hư không, nói với Bồ tát ấy rằng, “Lành thay, lành thay! Ông hành pháp viên ly như vậy, sẽ mau đến Vô Thượng Bồ Đề”. Bồ tát ấy tin theo lời khen ngợi của ác ma, liền khởi niệm chấp hạnh viên ly của mình, và khinh miệt các Bồ tát đang cầu Phật đạo ở chốn thành ấp, tụ lạc ồn ào, náo nhiệt.

Bồ tát ấy chẳng biết rằng người ở chốn huyên náo mà tâm chẳng loạn động, đáng kính trọng hơn người ở chốn tĩnh lặng mà tâm vẫn thường loạn động. Do chẳng biết như vậy, nên Bồ tát ấy tự nghĩ rằng, “Hành viên ly như ta mới là chân thật, đáng được ca ngợi; còn người trú ở chốn huyên náo chẳng đáng được ca ngợi vậy”. Do suy như vậy mà Bồ tát ấy khởi tâm kiêu mạn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy làm ô nhiễm chúng Bồ tát. Bồ tát ấy tuy có hình tướng của Bồ tát, nhưng thật sự là kẻ giặc trong hàng trời, người, kẻ giặc trong hàng Sa môn. Người cầu Phật đạo chẳng nên gần gũi, chẳng nên cúng dường hàng Bồ tát tăng thượng mạn như vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát nào muốn được Vô Thượng Bồ Đề, nhất tâm muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, nhất tâm muốn làm lợi ích cho chúng sanh, thì chẳng nên gần gũi, cúng dường hạng người cầu tự lợi như vậy; phải

thường hành Bồ tát đạo, xả ly tâm thế gian, xả ly 3 cõi; phải khởi tâm từ bi hỷ xả; phải thường tự nhắc nhở mình hành Bồ tát đạo, chẳng khởi sanh các lỗi lầm như trên; nếu có phạm lỗi lầm như vậy, thì phải mau mau sám hối để kịp dứt trừ.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải khéo tự cảnh giác về các ma sự như vậy. Nếu chẳng may bị rơi vào trong ma sự đó, thì phải mau mau vượt ra khỏi.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát thâm tâm muốn được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải gần gũi, cúng dường chư thiện trí thức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những ai là thiện trí thức của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chư Phật, chư đại Bồ tát, chư A-la-hán là những vị thiện trí thức của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật là thiện trí thức của Bồ tát; 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp là thiện trí thức của Bồ tát; pháp như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghi tánh là thiện trí thức của Bồ tát.

Này Tu Bồ Đề! 6 pháp Ba-la-mật là Thế Tôn, là đạo, là đại minh, là đại trí, là đại huệ; cũng là pháp cứu cách, là chỗ quy y, là còn đảo, là cha, là mẹ của Bồ tát. 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều là như vậy.

Vì sao? Vì 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là cha mẹ của chư Phật quá khứ, hiện tại là vị lai. Vì từ nơi 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp mà xuất sanh ra chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên Bồ tát muốn

được Vô Thượng Bồ Đề, muốn thành tựu chúng sanh, muốn thanh tịnh Phật độ, thì phải học 6 pháp Ba-la-mật, học 37 Phẩm Trợ Đạo ... dẫn đến học 18 bất cộng pháp. Bồ tát lại còn phải học 4 nhiếp pháp gồm có bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự, để nhiếp thủ chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Vì các lợi ích như vậy, nên ta nói 6 pháp Ba-la-mật, 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là Thế Tôn, là đạo, là đại minh, là đại trí, là đại huệ; cũng đều là pháp cứu cách, là chỗ quy y, là cội đấng, là cha, là mẹ của Bồ tát tất cả.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên như vậy, nên Bồ tát muốn trú tâm, chẳng nghe theo lời người khác, muốn đoạn nghi cho người khác, muốn thành tựu chúng sanh, muốn thanh tịnh Phật độ, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thấy các pháp, mà chư Bồ tát phải học.

LUẬN:

Hỏi: Ở phẩm “Bất thoải chuyển”, Phật đã rộng giải về hạnh loại và tướng mạo của Bồ tát bất thoải chuyển rồi. Sao nay Phật còn nói thêm nữa?

Đáp: Ở phẩm này nói: “Nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật cũng là tướng bất thoải chuyển”. Còn ở phẩm trước, thì nói nhiều về tướng ấy.

Lại nữa, ở trong chúng hội, có người đến trước, có người đến sau, có người căn trí thông lợi, có người căn trí chậm lụt, nên phải nói nhiều lần để mọi người đều được rõ nghĩa.

Nơi đây cũng nên biết, có hai hạng Bồ tát bất thoải chuyển. Đó là:

- Hạng Bò tát bất thối chuyển, đã được thọ ký.

- Hạng Bò tát bất thối chuyển chưa được thọ ký, nhưng đã liễu nghĩa pháp Đại thừa.

Bồ tát được thọ ký cũng có hai hạng. Đó là:

- Hạng Bò tát hiện tiền được thọ ký.

- Hạng Bò tát được thọ ký, nhưng chẳng ở hiện tiền.

Bồ tát hiện tiền được thọ ký cũng có hai hạng. Đó là:

- Hạng Bò tát đã đầy đủ duyên để được thọ ký.

- Hạng Bò tát chưa đủ duyên, mà được thọ ký.

Người đầy đủ duyên để được thọ ký là người đã biết rõ thật tướng pháp, đã đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Người chưa đầy đủ duyên mà được thọ ký là người tuy chưa đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, chưa khắp biết rõ thật tướng của hết thảy các pháp, chỉ mới vào được một phần trong Bát nhã Ba-la-mật, nhưng đã thâm nhập vào các tướng của bậc Bồ tát bất thối chuyển.

Ví như ở phẩm kinh trước đã có nêu vài trường hợp như: Bồ tát ở trong mộng thấy mình hành 6 pháp Ba-la-mật, mà chẳng khởi tâm tác chứng; do chẳng khởi tâm tác chứng, nên chẳng lạc về Nhị thừa địa. Bồ tát này, dù chưa được đầy đủ bất thối chuyển, nhưng đã được xem như vị Bồ tát bất thối chuyển rồi vậy.

Nay cần nói rõ hơn nữa. Ví như nói Bồ tát thường tu tập pháp không, nên khi nằm mộng, thấy cảnh mộng thù thắng vẫn chẳng sanh tâm chấp đắm cảnh mộng... dẫn đến chẳng chấp đắm 3 cõi.

Bồ tát hành như vậy là phát khởi tâm đại bi, thâm nhập

vào Phật pháp, nên chẳng bị lạc về Nhị thừa địa. Khi thức tỉnh cũng như trong mộng, Bồ tát luôn nhận rõ hết thấy pháp đều là như mộng, như huyễn. Do vậy mà, dù ở hiện tiền chưa được đầy đủ Bồ tát hạnh, mà đã được xem như bậc Bồ tát bất thối chuyển. Vì sao?

Vì Bồ tát ấy chẳng còn rơi về 2 chấp. Đó là:

- Chấp thể gian lạc.
- Chấp pháp Nhị thừa.

Do Bồ tát kiên tâm thâm nhập pháp không, nên được đầy đủ từ bi tâm, khiến ở trong mộng cũng chẳng còn tham chấp 3 cõi, chẳng còn tham chấp Nhị thừa hưởng nữa là khi tỉnh thức.

-o0o-

Bồ tát, ở trong mộng, thấy chư Phật thuyết pháp, dạy về thật tướng nghĩa. Nghe nghĩa ấy xong, liền thâm nhập.

Bồ tát ở trong mộng, thấy Phật thân vô lượng, thấy thân Phật như núi Tu Di, thấy thân Phật sắc vàng như vàng ròng, thấy chư Phật phóng vô lượng quang minh, từ nơi mỗi lỗ chân lông đều có quang minh; ở nơi mỗi quang minh đó đều có một vị Hóa Phật đang thuyết pháp và hành các Phật sự để độ thoát chúng sanh.

Nếu ở trong mộng, Bồ tát thấy các cảnh như vậy, mà vẫn giữ tâm thanh tịnh, bất động, lại thấu rõ được thật tướng của các pháp, thì phải biết Bồ tát ấy đã hiển thị tướng mạo của bậc Bồ tát bất thối chuyển .

Bồ tát thường hành rốt ráo không, nên chẳng còn chấp ngã và ngã sở, chẳng còn tiếc thân mạng, chẳng còn khởi sanh phiền não. Bởi vậy nên, khi nằm mộng, thấy chính

mình hoặc thấy cha mẹ, anh chị em mình bị giết, hoặc thấy làng xóm, thôn ấp mình bị lửa thiêu rụi, Bồ tát vẫn giữ tâm tỉnh giác, bất động. Khi tỉnh thức, Bồ tát tự niệm cảnh mộng cùng hết thấy pháp trong 3 cõi đều là chẳng phải hai, chẳng phải khác; tất cả đều là mộng. Rồi Bồ tát tự niệm, “Ta phải vì chúng sanh thuyết pháp “không”, như huyễn, chớ nên chấp ngã chấp pháp, mà phải bị trầm luân mãi trong bể khổ sanh tử”.

Bồ tát, ở trong mộng, thấy chúng sanh bị đọa lạc vào trong 3 đường ác, nên tự niệm: “Khi ta được Vô Thường Bồ Đề, ta sẽ khiến cho cõi nước của ta chẳng còn 3 đường ác”.

Bồ tát, ở trong mộng, thấy lửa địa ngục thiêu đốt chúng sanh, liền tự nguyện làm cho lửa địa ngục tự tiêu diệt, để cứu thoát chúng sanh. Khi thức tỉnh, thấy lửa thiêu đốt thành ấp, xóm làng cũng tự nguyện như vậy, khiến lửa tự tiêu diệt. Vì sao? Vì Bồ tát trải qua vô lượng kiếp đã tu tập phước đức, đã thâm nhập vào thật tướng pháp, nên hàng Thiên Long Bát Bộ thường theo bên hộ trì, khiến ý nguyện của Bồ tát được thành tựu, khiến lửa tự diệt.

Nếu ở nơi nào có nạn lửa, mà có nhà bị lửa thiêu cháy rụi, có nhà chẳng bị thiệt hại gì cả, thì phải biết chủ nhân của những nhà bị lửa thiêu rụi, ở đời trước đã phạm tội phá pháp, nên ở đời nay mới chịu quả báo như vậy; còn chủ nhân của những nhà được an ổn, ở đời trước đã gieo trồng phước đức, nên đời này mới được hưởng phước báo như vậy. Lại nữa, tuy Bồ tát đã phát nguyện và đã được Thiên Long Bát Bộ hộ trì, nhưng vẫn chẳng sao cứu được những trường hợp của những người đã phạm tội nặng ở đời trước, mà đời nay đã đến thời kỳ phải trả nghiệp quả báo.

Có Bồ tát chưa được vô sanh pháp nhãn, bị quỷ thần đến quấy nhiễu, đã phát nguyện khiến các quỷ thần tản đi nơi khác, mà vẫn được như nguyện. Đây là ác ma dùng oai lực khiến các quỷ thần phải tản đi nơi khác, chẳng phải là oai lực của Bồ tát ấy vậy. Thế nhưng, vị Bồ tát ấy khởi niệm, “Ta có oai lực, khiến quỷ thần phải sợ hãi lánh đi nơi khác”. Tự niệm như vậy rồi, Bồ tát ấy dấy niệm khinh khi các Bồ tát khác, khiến phải bị ác ma sai sử, dẫn dắt vào Nhị thừa địa.

-o0o-

Lại có Bồ tát chưa được chánh định, nhưng nghe các ác ma tán thán rằng mình đã được thọ ký, nên dấy tâm kiêu mạn, khinh khi các Bồ tát khác, khiến phải xa rời Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Lại có Bồ tát chưa được vào nơi thật tướng pháp, chẳng biết rõ hết thảy các pháp đều là như mộng, như huyễn, nhưng khi nghe các ác ma tán thán mình đã được thọ ký, mình sẽ thành Phật có hiệu đó, ở quốc độ đó v.v... liền tưởng là mình đã được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Do lầm tưởng như vậy, nên Bồ tát ấy dấy niệm khinh khi các Bồ tát khác, xa rời Vô Thượng Bồ Đề, lạc về Nhị thừa địa.

Thế nhưng, nếu Bồ tát ấy biết thành tâm sám hối, biết trở lại ý chỉ nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì nghiệp tội sẽ được tiêu trừ, và Bồ tát ấy cũng có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Trái lại, nếu Bồ tát ấy khởi tâm chấp danh vị do ác ma thọ ký cho, thì sẽ bị phạm trọng tội. Vì sao? Vì tội chấp danh vị, cho mình là Phật như vậy, còn nặng hơn 4 trọng tội của giới Tỷ-kheo, nặng hơn cả năm tội phản nghịch nữa.

Lại có Bồ tát tìm chỗ hoang vắng, xa lìa bà con thân thuộc, xa lìa hết thầy các người khác, và cho rằng như vậy là mình hành hạnh viễn ly. Ác ma thường đến với Bồ tát ấy, tán thán rằng hạnh viễn ly đó là chân thật, được chư Phật khen ngợi. Bồ tát ấy nghe nói như vậy, liền dấy tâm kiêu mạn, khinh khi các Bồ tát khác tu tập ở chốn thành ấp, ồn ào, náo nhiệt. Do dấy niệm như vậy, nên xa lìa Vô Thượng Bồ Đề, lạc về Nhị thừa địa.

Phật dạy: “Hành viễn ly chân thật là viễn ly tâm Nhị thừa, viễn ly ba cõi, chẳng phải là trốn tránh chúng sanh, xả bỏ chúng sanh như vậy. Người ở chốn huyên náo mà tâm chẳng loạn động đáng kính trọng hơn người ở chốn tĩnh lặng mà tâm vẫn thường loạn động.

-o0o-

Cả 4 trường hợp vừa nêu trên đây đều là vi tế ma sự. Vì sao? Vì nơi đây ác ma chẳng có làm trái ý các Bồ tát ấy, chỉ nương theo tưởng niệm của họ, mà chuyển tâm họ thành tâm ma.

Kinh dạy: “Những Bồ tát như vậy là kẻ giặc trong hàng sa môn, chớ nên thân cận”.

-o0o-

Phật dạy: “Bồ tát muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề phải nhất tâm thâm ái Phật pháp, xa lìa các lạc thú thế gian, và phải thân cận thiện tri thức”.

Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải tác hành hai việc. Đó là:

- Phải trú tâm trong chánh niệm.

- Phải gần gũi thiện tri thức.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Những ai là thiện tri thức của Bồ tát?”.

Phật dạy: “Chư Phật, chư Bồ tát, chư A-la-hán là thiện tri thức của Bồ tát. 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là thiện tri thức của Bồ tát. Vì sao? Vì nếu Bồ tát thuận hành theo chư thiện tri thức đó, thì sẽ được Phật thọ ký bất thối chuyển.

Hỏi: *Bồ tát hành Bồ tát đạo nên nhận 6 pháp Ba-la-mật là thiện tri thức của mình. Còn chư vị A-la-hán là Thanh Văn, vì sao nói chư vị ấy cũng là thiện tri thức của Bồ tát được?*

Đáp: Có người, tuy nay là A-la-hán, nhưng từ trước đã có tâm cầu đạo Vô Thượng, đã trải rộng đại từ bi thương xót các loài chúng sanh. Chư vị ấy ắt sẽ được Phật thọ ký, khiến hạt giống Phật chẳng đoạn dứt ở thế gian này.

Ví như các ngài Xá Lợi Phất, Tu Bồ Đề... vẫn thường vì hàng Bồ tát nói về Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như ngài Tu Bồ Đề thường hành vô tránh tam muội, thường hành từ bi tâm, nên vẫn thường thuyết pháp “không” để giáo hóa hàng Bồ tát.

Ví như ngài Ma Ha Ca Diếp đã dùng thần thông, giữ cho thân của ngài chẳng hoại ở trong núi Kỳ Xà Quật, cho đến thời Phật Di Lặc ngài mới ra khỏi núi, để cùng với Phật Di Lặc, vì đại chúng, tác hành các Phật sự.

Hỏi: *Trọng kinh có nói rằng 6 pháp Ba-la-mật nhiếp trọn hết thấy các pháp. Như vậy vì sao còn phải nói đến 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến như pháp tánh thật tế đều là thiện tri thức của Bồ tát làm gì nữa?*

Đáp: Khi thuyết về 6 pháp Ba-la-mật, Phật rộng thuyết tất cả các hạnh Ba-la-mật, nhưng đặc biệt đã thuyết nhiều về Thiên Ba-la-mật và Bát nhã Ba-la-mật, vì hai Ba-la-mật này là tối diệu, tối trọng.

Khi thuyết 6 pháp Ba-la-mật, Phật cũng đã có nhắc đến 37 phẩm trợ đạo... dẫn đến Nhất thiết chủng trí. Ở nơi 37 Phẩm Trợ Đạo, Phật đặc biệt thuyết về 4 niệm xứ. Vì sao? Vì hành 4 niệm xứ, giúp Bồ tát vượt ra khỏi các pháp hư vọng.

Bởi vậy nên nói ngoài 6 pháp Ba-la-mật ra, thì 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến Nhất-thiết chủng trí đều là thiện tri thức của Bồ tát cả.

-o0o-

Lại nữa, 6 pháp Ba-la-mật là thật pháp, chẳng thể phá hoại. Bởi vậy nên nói 6 pháp Ba-la-mật là Thế Tôn. Người tu hành 6 pháp Ba-la-mật sẽ được vô lượng Phật pháp. Y theo 6 pháp Ba-la-mật mà tư duy... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập, thì sẽ có được đại trí huệ, sẽ phá được lớp vỏ vô minh, nên nói Bát nhã Ba-la-mật là đại minh, đại trí, đại huệ; cũng là pháp cứu cánh, là chỗ quy y, là cội đản, là cha, là mẹ của Bồ tát.

Trước đây đã nói Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật và chư Bồ tát; nay nói thêm 5 Ba-la-mật kia là cha. Bát nhã Ba-la-mật hòa hợp với 5 Ba-la-mật kia là cha mẹ của 10 phương 3 đời chư Phật.

Trong quá trình hành Bồ tát đạo, Bồ tát phải học 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến học Nhất thiết chủng trí, nên Phật dạy rằng, “6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều là Thế Tôn, là đạo, là đại minh, là đại trí,

là đại huệ; cũng đều là pháp cứu cánh, là chỗ quy y, là còn đảo, là cha, là mẹ của Bồ tát”.

Lại nữa, muốn tự độ và độ tha, muốn thành tựu chúng sanh, và thanh tịnh Phật độ, thì Bồ tát còn phải học và hành đầy đủ 4 nhiếp pháp, gồm có bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

-o0o-

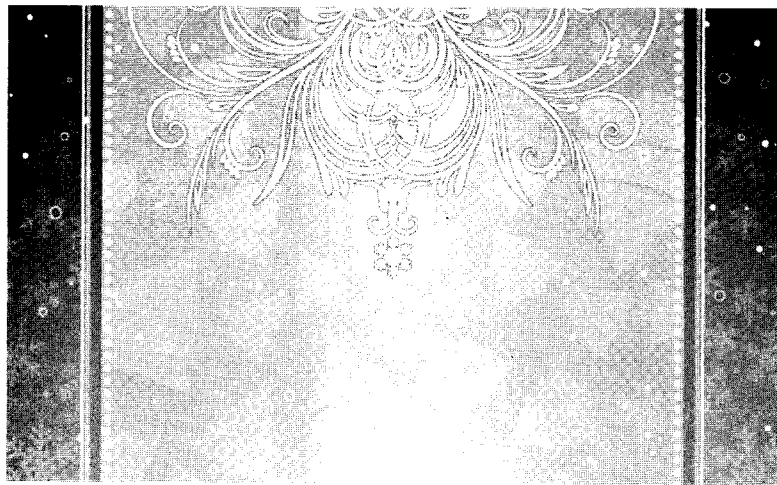
Muốn chẳng bị làm pháp, thì Bồ tát phải tự mình thâm nhập vào nơi thật tướng pháp, phải học đầy đủ các pháp môn như vậy, nên chẳng tin theo lời ác ma khuyến dụ.

Tu học như vậy, Bồ tát sẽ dần dần được đầy đủ các Phật pháp, đầy đủ thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

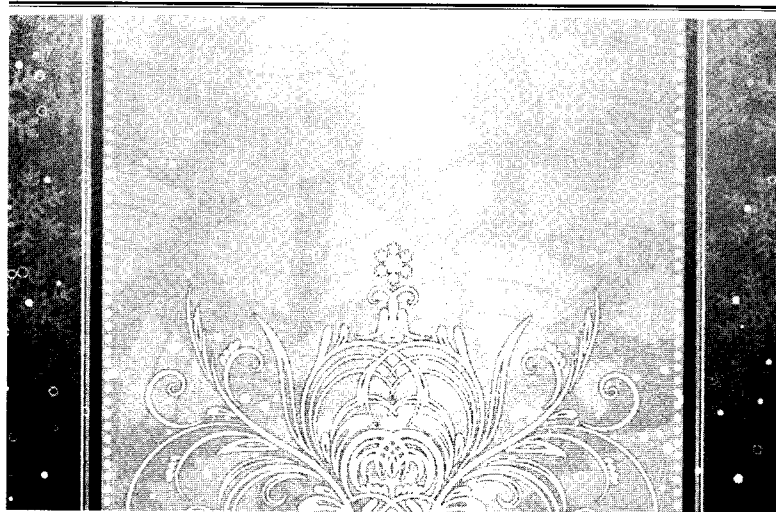
Khi đã được Phật đạo rồi, Bồ tát sẽ dùng các lực phương tiện, nhằm đoạn nghi cho chúng sanh, giáo hóa học, và dẫn họ vào đạo.

Bồ tát học tất cả các pháp, hành tất cả các pháp. Trong lúc học và hành như vậy, Bồ tát trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật thu nhiếp hết thấy pháp, từ thế gian đến xuất thế gian, từ Tiểu thừa đến Đại thừa; chẳng có pháp nào mà chẳng được giải rõ trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

(Hết quyển 76)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 77



Phẩm Thứ Sáu Mười Mốt (TIẾP THEO)



Mộng Trung Bất Chứng (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những gì là tướng của Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hư không tướng là tướng Bát nhã Ba-la-mật. Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các pháp đều tùy duyên sanh. Như vậy, tướng của các pháp cũng đồng như tướng của Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Tướng của các pháp cũng đồng như tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp đều là ly tướng, đều là vô tướng. Bởi vậy nên nói tướng của các pháp cũng đồng như tướng của Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là ly tướng, đều chẳng có tướng, thì làm sao có thể biết được tâm chúng sanh là cấu hay là tịnh?

Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp là ly tướng, là chẳng có tướng, thì cũng là chẳng cấu, chẳng tịnh. Như vậy, thì cũng chẳng có Vô Thượng Bồ Đề. Vì ly tướng và chẳng có tướng, thì chẳng có pháp nào có thể đắc được vậy.

Bạch Thế Tôn! Trong ly tướng, trong vô tướng, thì chẳng có Bồ tát đắc Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy làm sao con có thể hiểu được pháp nghĩa mà Phật vừa dạy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Chúng sanh có hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Đúng như vậy, đúng như vậy! **Bạch Thế Tôn!** Chúng sanh vẫn thường hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ngã tâm và ngã sở tâm có phải là ly tướng, có phải là vô tướng chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngã tâm và ngã sở tâm là ly tướng, là vô tướng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ngã tâm và ngã sở tâm có qua lại trong các nẻo đường sanh tử chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngã tâm và ngã sở tâm của chúng sanh có qua lại trong các nẻo đường sanh tử.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm, khiến phải qua lại trong các nẻo đường sanh tử, nên là có cấu, có não.

Nếu chúng sanh chẳng có hiện hành ngã tâm và ngã sở tâm, chẳng chấp trước các tâm ấy, thì chẳng còn qua lại trong các nẻo đường sanh tử. Nếu chẳng qua lại trong các nẻo đường sanh tử, thì cũng chẳng có cấu, chẳng có não. Như vậy là được tâm thanh tịnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành thức, chẳng hành nội không... dẫn đến

chẳng hành vô pháp hữu pháp không, chẳng hành 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng hành 8 thánh đạo, chẳng hành 10 Phật lực... dẫn đến chẳng hành Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì hết thấy đều là bất khả đắc. Như vậy là chẳng có người hành pháp, chẳng có chỗ hành pháp, chẳng có pháp để hành.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên hết thấy thế gian, trời, người, a-tu-la chẳng thể hàng phục được; hết thấy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể bằng được. Vì sao? Vì Bồ tát này trú ở nơi “vô sở trú”, nên chẳng có ai sánh kịp. Đó là Bồ tát vị.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát này hành đúng với Tác Bà Nhã tâm, nên chẳng có ai sánh kịp.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát này hành như vậy, nên mau được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao! Nếu hết thấy chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề đều được thân người, đều hành nhân đạo, ... dẫn đến đều được Vô Thượng Bồ Đề; lại có thiện nam, thiện nữ suốt đời cung kính, tôn trọng, cúng dường, tán thán chư Phật, rồi tùy hỷ hồi hướng các thiện căn về Vô Thượng Bồ Đề.

Phước đức của những người ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phước đức của những người ấy nhiều vô lượng.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Phước đức của những người ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ, ở giữa đại chúng, thuyết giảng kinh Bát nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt để cho đại chúng hiểu rõ nghĩa kinh; và tự mình đúng theo nghĩa kinh mà thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập.

Phước đức của thiện nam, thiện nữ này rất thù thắng. Phước đức của hết thảy chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới, hành pháp như những người nói trên, cộng hợp lại, cũng chẳng sao bằng được.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu hết thảy chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề đều được thân người; lại nếu có thiện nam, thiện nữ dạy cho họ hành 10 thiện đạo, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, khiến họ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, rồi tùy hỷ hết thảy thiện căn công đức ấy, để hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phước đức của người ấy rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của người ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, vì chúng sanh thuyết giảng, khai thị, phân biệt để chúng sanh được rõ nghĩa kinh.

Phước đức của thiện nam, thiện nữ này rất thù thắng. Phước đức của hết thảy chúng sanh cõi Diêm Phù Đề cùng với phước đức của thiện nam, thiện nữ kia, cộng hợp lại, cũng chẳng sao bằng được.

Vì sao? Vì Thiện nam, thiện nữ này, trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, mà hành Bát nhã Ba-la-mật, là bờ mé tốt cùng của các phước điền. Ngoại trừ Phật ra, chẳng có ai có được thế lực bằng vị đại Bồ tát này.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát này trọn chẳng ly

tâm đại từ đối với chúng sanh; vì thấy chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, nên khởi tâm đại bi; vì khởi tâm đại bi đối với hết thảy chúng sanh, nên khi hành Bồ tát đạo vẫn thường giữ tâm hoan hỷ; vì chẳng chấp niệm tướng, nên thường được tâm đại xả.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy là Bồ tát được đại trí quang minh, tức là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát này, dù chưa thành Phật mà đã là ruộng phước lớn nhất cho hết thảy chúng sanh, chẳng hề thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề. Khi thọ sự cúng dường, Bồ tát này cũng hành đúng như thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật, quyết định đền báo ơn của hàng tín thí. Bồ tát này hành pháp như vậy, nên mau đến được Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát này chẳng muốn thọ sung sự cúng dường, nên nguyện báo ơn hàng tín thí, nguyện khai thị 3 thừa đạo cho chúng sanh, nguyện làm ngọn đuốc sáng để dẫn đạo chúng sanh, nguyện cứu vớt chúng sanh ra khỏi ngục tù 3 cõi, nguyện khiến chúng sanh có được mắt trí huệ. Bồ tát muốn nguyện như vậy, phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật, phải thường chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật. Khi thuyết pháp, Bồ tát cũng phải y theo Bát nhã Ba-la-mật mà thuyết, chẳng để cho các tạp niệm khởi sanh, tâm luôn luôn hướng về Bát nhã Ba-la-mật, chẳng bao giờ ngưng nghỉ.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người cầu được ngọc ma ni mà được nắm giữ bảo vật ấy trong tay, thì rất vui mừng, hơn hờ. Nếu chẳng may bị đánh mất, ắt sẽ rất đau buồn, tâm thường nhớ nghĩ đến bảo vật đó, và tự niệm rằng, “Nếu ta tìm lại được viên ngọc quý này, ta quyết định chẳng

bao giờ xa rời nữa”. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng bao giờ xa rời Tát Bà Nhã tâm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy niệm đều là tự tánh ly, tự tánh không. Như vậy làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng ly Tát Bà Nhã tâm được? Vì nếu các pháp là tánh ly, là tánh không, thì cũng chẳng có Bồ tát, chẳng có niệm, chẳng có Nhất thiết chủng trí vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chính vì Bồ tát biết rõ hết thấy các pháp là như vậy, là tự tánh ly, là tự tánh không, chẳng phải do Thanh Văn làm ra, chẳng phải do Bích Chi Phật làm ra, chẳng phải do Bồ tát làm ra... dẫn đến chẳng phải do Phật làm ra, lại biết rõ hết thấy các pháp tướng là thường trú, là pháp như, là pháp tánh, là thật tế nên mới hành Bát nhã Ba-la-mật, mà trọn chẳng ly Tát Bà Nhã tâm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là tánh ly, là tánh không, là chẳng tăng, chẳng giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là tự tánh ly, tự tánh không, thì làm sao Bồ tát hợp cùng với Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cùng với Bát nhã Ba-la-mật là bình đẳng, là bất tăng, bất giảm. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp như, pháp tánh, thật tế, là chẳng tăng, chẳng giảm là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Bồ tát nào nghe nói tướng của Bát nhã Ba-la-mật là như vậy, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, thì phải biết đó là Bồ tát đã thành thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã an trú nơi bậc bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành không, hành vô sở hữu là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ly không có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi Bát nhã Ba-la-mật có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ly Bát nhã Ba-la-mật có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi 5 âm có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ly 5 âm có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi 6 pháp Ba-la-mật có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi 4 niệm xứ... dẫn đến trú nơi 18 bất cộng pháp có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hành 5 âm không... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp không, hành pháp vô sở hữu, hành pháp như, hành pháp tướng, hành

pháp tánh, hành pháp trụ, hành pháp vi, hành thật tế có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hành tất cả các pháp đó mà chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật, thì Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông có thấy pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, và có người hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp mà ông chẳng thấy có phải là pháp khả đắc chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là pháp khả đắc vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu pháp ấy là bất khả đắc, thì pháp ấy có sanh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng sanh vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu được vô sanh pháp nhẫn như vậy, nên được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Chư Phật hành pháp như vậy, nên được vô sở úy, vô ngại trí. Bởi vậy nên, nếu Bồ tát tinh tấn, nhất tâm hành pháp như vậy, thì sẽ được Nhất thiết chủng trí, được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát được vô sanh pháp nhẫn... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề là bất tăng, bất giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các

pháp đều chẳng sanh, thì có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều chẳng sanh, cũng chẳng phải chẳng sanh, thì có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy, làm sao Bồ tát biết có pháp được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề để thọ ký chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng có thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký, chẳng thấy có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có người được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nếu ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều vô sở đắc, đều chẳng khởi niệm mình được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng khởi niệm dùng các pháp đó để được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng khởi niệm có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy mới gọi là Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng khởi ức tướng phân biệt, do biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ ức tướng phân biệt vậy.

LUẬN

Hỏi: Trước đây đã nói nhiều về tướng của Bát nhã Ba-la-mật rồi. Sao nay còn nói nữa?

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là pháp vi diệu đệ nhất, nên

người nghe chẳng có khi nào nhầm chán. Vì sao? Vì pháp thâm diệu này là vô tướng pháp.

Nên biết các bậc Bồ tát bất thối chuyển, ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, còn chưa biết đầy đủ thâm nghĩa, huống nữa là ngài Tu Bồ Đề.

Vì ngài Tu Bồ Đề nghe Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật, nên mới thưa hỏi thêm, để xin Phật rộng giải thêm về các tướng của thâm pháp Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

Phật dạy: Như hư không tướng là tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Vì hư không tướng là vô sắc tướng, là phi vô sắc tướng, là vô sở hữu tướng; Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Vì sao nói hết thảy pháp tướng đều là Bát nhã Ba-la-mật tướng?

Phật dạy: Vì hết thảy pháp tướng đều rốt ráo là không, rốt ráo là ly, cho nên nói hết thảy pháp tướng đều là Bát nhã Ba-la-mật tướng. Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu hết thảy pháp đều là ly tướng, đều là chẳng có tướng, thì làm sao biết được tâm chúng sanh là cấu hay là tịnh? Lại nữa, trong ly tướng, trong vô tướng, thì làm sao Bồ tát tu tập có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Vì chúng sanh chấp ngã và ngã sở, nên bị vô minh che tâm, khiến thấy tâm có cấu, có tịnh.

Trên đây, Phật muốn dạy rằng: “Ngã và ngã sở đều rốt ráo là không, rốt ráo là ly, nhưng chúng sanh, do cuồng vọng điên đảo, mà chấp có ngã và có ngã sở, rồi khởi sanh các tướng phiền não. Vì có các phiền não như vậy, nên mới khởi

sanh các nghiệp, cùng các nghiệp chủng nhân duyên, khiến chúng sanh cứ phải luân chuyên mãi trong các nẻo đường sanh tử, mà chẳng biết rằng phiền não cũng là rốt ráo không. Vì sao? Vì do tâm hư vọng chấp, mà thấy có ngã và ngã sở; do ngã và ngã sở tác duyên, mà khởi sanh các pháp hư vọng.

Dùng lực phương tiện của Bát nhã Ba-la-mật, mà quán 5 ấm là vô thường, vô khổ, là vô ngã, là tự tướng không, là tự tướng ly, thì sẽ biết rõ rằng ngã và ngã sở, từ vô thi đến nay, vẫn là rốt ráo bất sanh; khi tâm và tâm sở đều diệt, thì các phiền não cũng diệt, khiến các duyên nghiệp tác khởi qua lại trong các đường sanh tử cũng đoạn; lúc bấy giờ, sẽ được tâm thanh tịnh. Lại cũng nên biết, vì các pháp tướng rốt ráo không, nên là chẳng có cấu, chẳng có tịnh.

Đến đây, ngài Tu Bồ Đề tư duy về lời Phật dạy, rồi bạch Phật: Bồ tát hành như vậy là chẳng hành sắc... dẫn đến chẳng hành thức, chẳng hành 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng hành 8 thánh đạo v.v...

Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp để hành, chẳng thấy có pháp để chứng, chẳng thấy có người chứng.

Bồ tát hành như vậy, thì các hàng trời, người, A-tu-la đều chẳng có thể hàng phục được. Vì sao? Vì hàng trời, người còn chấp có danh pháp, khiến khởi sanh các quả báo hư vọng; còn Bồ tát trú nơi rốt ráo không, mà chẳng chấp không, huống nữa là chấp các pháp, nên chẳng ai có thể hàng phục được vậy.

Bồ tát hành pháp như vậy, nên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng sao sánh kịp. Bởi vậy nên Bồ tát vào pháp vị bất thối chuyển rồi, thì ma chẳng còn có thể phá hoại được.

Bồ tát thường hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ly Tát Bà

Nhã tâm, nên mau đến đợc Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát, tuy chẳng chấp hết thấy pháp, mà vẫn tinh tấn tu tập hết thấy các trợ đạo pháp.

Phật ấn chứng lời của ngài Tu Bồ Đề, và tán thán các công đức tự lợi và lợi tha của Bồ tát.

-o0o-

Sau đó, Phật muốn phân biệt các phước đức quả báo của Bồ tát, nên hỏi ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Nếu hết thấy chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề đều đợc làm thân người, và đều đợc Vô Thượng Bồ Đề; lại nếu có người trọn đời cung kính, cúng dường, tán thán chư Phật, và đem hết thấy thiện căn hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Phước đức của những người ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Rất nhiều.

Phật dạy: Phước đức của những người ấy chẳng sánh bằng đợc phước đức của Bồ tát, ở giữa đại dương, thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt rõ ràng để mọi người đợc rõ; và tự mình theo đúng như pháp mà thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập.

Đây mới là phước đức thù thắng nhất, mới là bờ mé tội cùng của các phước điền. Vì sao? Vì y theo Bát nhã Ba-la-mật mà hành, thì sẽ đợc phước đức vô lượng, vô biên... dẫn đến sẽ đợc thành Phật đạo. Tất cả các phước đức khác, do ly Bát nhã Ba-la-mật, nên phải có ngày đoạn tận; còn phước đức xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật là phước đức vô tận.

Bồ tát hành bình đẳng nhĩn, nên dù hành pháp không, mà vẫn dùng 4 vô lượng tâm, để làm lợi ích cho chúng sanh.

Trong 4 vô lượng tâm, thì tâm đại bi là căn bản. Bồ tát thấy chúng sanh chìm đắm trong sanh tử, chịu bao nhiêu khổ đau như kẻ tử tội sắp bị hành hình, nên phát đại bi, muốn làm phước điền cho chúng sanh. Bồ tát chẳng muốn thọ ơn suông của quốc gia, của tín thí, nên nguyện dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật độ chúng sanh thoát khổ, khiến họ được phước đức vô tận. Đó là cách đền ơn cao cả nhất. Như vậy, từ sơ phát tâm... dẫn đến khi vào Niết bàn, Bồ tát thường vì chúng sanh, khai thị 3 thừa đạo, và vì chúng sanh khai thị Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, Bồ tát muốn cứu thoát chúng sanh ra khỏi ngục tù 3 cõi, muốn cứu thoát chúng sanh ra khỏi các triền phược, muốn khiến chúng sanh được 5 nhãn, nên phải thường hành Bát nhã Ba-la-mật, phải thường giữ tâm tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật; khi diễn nói cũng phải diễn nói đúng theo như Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy các pháp tử: “Khi sống chung với nhau, phải giữ hòa hợp; khi sống chung với quần chúng, phải giữ im lặng như bậc Thánh Hiền, hoặc phải nói pháp Thánh Hiền. Khi giữ im lặng, phải tùy Bát Nhã tâm; khi nói pháp, phải tùy Bát Nhã hạnh. Thuyết Bát nhã Ba-la-mật rồi, lại quay về Bát nhã Ba-la-mật tâm, chẳng bao giờ để tâm duyên theo pháp trần. Bồ tát ngày đêm vẫn thường hành như vậy, chẳng bao giờ ngưng nghỉ”.

Phật nêu thí dụ về người nghèo, khi nắm ngọc ma ni trong tay, tự nghĩ chẳng bao giờ rời bỏ vật ấy. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng bao giờ ngưng nghỉ, trọn chẳng bao giờ ly Tát Bà Nhã tâm, ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy liền bạch Phật: Nếu hết thấy niệm đều là không, thì vì sao nói Bồ tát chẳng bao giờ ly Tát Bà Nhã tâm được?

Trong “không”, thì Bồ tát là bất khả đắc, Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc vậy.

Phật dạy: Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là tự tánh không, là tự tánh ly, là chẳng do Thanh Văn, Bích Chư Phật, Bồ tát làm ra... dẫn đến chẳng do Phật làm ra, biết rõ hết thấy pháp đều là pháp như, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế. Phải biết đó là Bồ tát chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật hạnh, vì Bát nhã Ba-la-mật là không, là ly, là bất tăng, bất giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu Bát nhã Ba-la-mật là tánh không, thì làm sao Bồ tát hợp cùng với Bát nhã Ba-la-mật, mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát cùng với Bát nhã Ba-la-mật là chẳng tăng, chẳng giảm, là chẳng phải hai, chẳng phải khác. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là pháp như, pháp tánh, thật tế; và pháp như, pháp tánh, thật tế là Bát nhã Ba-la-mật. Hết thấy pháp đều là như, chẳng phải hai, chẳng phải khác; Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô biên, vô tướng, vô tác là bất tăng, bất giảm.

Nếu Bồ tát thấu triệt được như vậy, thể nhập được như vậy là đã gần đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu Bồ tát nghe được như vậy, mà thông đạt vô ngại, thì dù chưa được thành Phật, cũng đã vào được thật trí huệ. Do đã có được thật trí huệ như vậy, đã có tín lực như vậy, nên ở nơi Phật pháp Bồ tát chẳng còn nghi, chẳng còn sợ hãi. Vì sao? Vì phàm phu còn chấp ngã và ngã sở, nên mới sợ hãi. Trái lại, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy nên an trú nơi bậc bất thối chuyển, và thành tựu đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật hạnh.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật khai thị về chánh hạnh Bát nhã Ba-la-mật, nên hỏi Phật: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát quán hết thấy pháp đều là không, là vô sở hữu, là chẳng kiên cố. Như vậy, thì hành không, hành vô sở hữu là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì nếu là không, là vô sở hữu, thì chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ly không là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì nếu hết thấy pháp là không, là vô tướng, là vô tác, thì ly không cũng chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ: “Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thấy pháp”, nên lại hỏi: Trú nơi Bát nhã Ba-la-mật là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì pháp chẳng tự hành, mà phải nương nơi các pháp khác mới hành được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Ly Bát nhã Ba-la-mật, thì có pháp để hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì hết thấy pháp đều nhiếp trong Bát nhã Ba-la-mật cả.

Ngài Tu Bồ Đề lại nghĩ về danh tự, và về nhân duyên, nên hỏi Phật: Trú nơi 5 âm là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì 5 âm là hư vọng. Do duyên hòa hợp sanh, nên 5 âm là chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi 5 âm mà hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trú nơi 6 pháp Ba-la-mật là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì cũng như 5 âm, các pháp Ba-la-mật cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi 6 pháp Ba-la-mật mà hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trú nơi 4 niệm xứ ... dẫn đến trú nơi 18 bất cộng pháp là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì cũng như 5 âm, 4 niệm xứ... dẫn đến 18 bất cộng pháp cũng đều do duyên hòa hợp sanh, nên cũng chẳng có tự tại. Chẳng thể trú nơi các pháp ấy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Hành 5 âm không... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp không, hành pháp vô sở hữu, hành pháp không, hành pháp như, hành pháp tướng, hành pháp tánh, hành pháp trụ, hành pháp vị, hành thật tế có phải là hành Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì hết thảy pháp ấy đều bất sanh, bất diệt, đều là tự tánh không, nên chẳng thể hành Bát nhã Ba-la-mật được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu nói Bồ tát chỉ là giả danh, chẳng hành được Bát nhã Ba-la-mật, nếu nói các pháp đều do duyên hòa hợp sanh, chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được, thì như vậy ai là người hành Bát nhã Ba-la-mật?

Nếu nói chẳng có người hành Bát nhã Ba-la-mật thì vì sao nói Bồ tát do hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông dùng huệ nhãn có thấy pháp nào quyết định hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng.

Vì ngài Tu Bồ Đề đã vào được 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”, nên biết rõ thật tướng pháp, biết rõ hết thấy pháp đều là bất khả đắc, huống nữa là có pháp để tác chứng, và có người tác chứng. Nghĩ như vậy, nên ngài bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, và cũng chẳng thấy có người hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Ông có thấy chỗ hành xứ của Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy.

Vì sao? Vì vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì hết thấy quán hạnh đều diệt khiến chẳng thấy có một định pháp nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật cả. Bởi vậy nên chẳng thể chỉ bày được.

Phật dạy: Nếu dùng huệ nhãn mà chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật, thì pháp ấy là có hay là chẳng có?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng có vậy.

Vì sao? Vì Phật đã dạy huệ nhãn là thật trí huệ, còn nhục nhãn và thiên nhãn đều là hư dối, mà ngài Tu Bồ Đề dùng huệ nhãn chẳng thấy có định pháp nào gọi là Bát nhã Ba-la-mật, nên ngài đáp: “Chẳng có vậy”.

Phật lại hỏi: Nếu pháp ấy là không, là bất khả đắc, thì pháp ấy có sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng sanh vậy.

Vì sao? Vì ngài nghĩ rằng: “Từ vô thi đến nay, các pháp vẫn là không, là vô sở hữu. Dù nói các pháp là không, hay nói các pháp là có, thì cũng đều là hý luận cả. Lại nữa, pháp diệt rồi, thì làm sao có sanh lại được nữa?”.

Phật dạy: Nếu ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều thông đạt như vậy, mà chẳng nghi, chẳng sợ, thì Bồ tát sẽ đủ trí lực và huệ lực, để vẫn an trú trong pháp ấy, mà vào được vô sanh pháp nhẫn.

Tuy ở nơi 5 âm giả danh, mà Bồ tát vẫn an trú nơi pháp ấy để hành Bát nhã Ba-la-mật.

Tuy rằng pháp thế gian chẳng có nói đến đệ nhất nghĩa đế, chẳng có nói đến vô sanh pháp, nhưng vì đệ nhất nghĩa đế dung nhiếp hết thấy pháp, nên Bồ tát thường an trú nơi đệ nhất nghĩa đế, thường an trú nơi vô sanh pháp, mà vào được vô sanh pháp nhẫn... dẫn đến được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phật lại dạy: Nếu Bồ tát nhất tâm, tinh tấn thành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng sợ, chẳng nghi, chẳng hề hối chuyên, lại tuy vô sanh pháp mà hành trì, thì sẽ được đại trí huệ.

Vì sao? Vì trong kinh nói: “Nếu chẳng có nhân, chẳng có duyên, thì chẳng có quả báo”. Nếu nhân duyên chưa đầy đủ, thì quả báo chưa có thể thành tựu được. Nay Bồ tát đã được vô sanh pháp nhẫn là đã hội đủ các nhân duyên để được quả báo “Bồ tát vị” vậy. Bồ tát gieo nhân “xả thân sanh tử”, và được quả là “pháp tánh nhân”.

Bồ tát đầy đủ các nhân duyên Phật pháp như vậy, thì ở nơi thân rốt sau sẽ tọa đạo tràng... dẫn đến được đầy đủ quả Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Vì Bồ tát được vô sanh pháp nhãn rồi, thì chỉ nhất tâm thẳng tiến, chẳng bao giờ thoái chuyển. Trái lại, người chưa vào được vô sanh pháp nhãn, thì còn ái chấp các pháp thế gian, nên còn bị các phiền não ngăn che tâm trí. Người chưa được vô sanh pháp nhãn, thì dụng lực rất gian nan; còn Bồ tát được vô sanh pháp nhãn rồi, nên dụng lực rất tự tại.

Bởi vậy nên Bồ tát rất quý vô sanh pháp nhãn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Được vô sanh pháp nhãn là được thọ ký chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì vô sanh pháp nhãn là bất sanh, bất diệt, là bất khả đắc. Tướng của vô sanh pháp nhãn đã là bất khả đắc, thì làm sao có tướng thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp chẳng sanh, thì có được thọ ký chăng?

Phật dạy: Chẳng được như vậy.

Vì sao? Vì pháp chẳng sanh cũng là hư vọng, nên chẳng thể được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp chẳng sanh cũng chẳng phải chẳng sanh, thì có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chăng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì cả hai bên đều là lầm lỗi cả.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu như vậy, thì ai được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông dùng huệ nhãn có thấy pháp thọ ký, và người được thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Con chẳng thấy vậy.

Vì sao? Vì pháp, từ vô thi đến nay, vẫn là tịch diệt. Ở nơi tịch diệt, thì chẳng thể nói là thấy hay chẳng thấy, được thọ ký hay chẳng được thọ ký vậy. Bởi vậy nên nói chẳng thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy có người đắc Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây, Phật muốn phá trừ mọi ức tướng phân biệt.

Bởi vậy nên khi ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Bồ tát được vô sanh pháp nhãn rồi, có được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề chăng?”. Phật đã đáp lại rằng: “Chẳng được vậy”.

Vì sao? Vì khi Bồ tát đã hiểu được lý vô sanh rồi, thì hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn khởi ức tướng phân biệt nữa.

Đây là Phật mật ý nói: “Bồ tát phải được vô sanh pháp nhãn rồi, thì mới được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề”.

Vì trong chúng hội nhiều người chưa rõ lý vô sanh, còn thấy có chỗ đắc “vô sanh pháp nhãn”, nên Phật đã đáp như trên.

Trường hợp này cũng giống như trường hợp ông Phạm Chí Bà Sa hỏi Phật về ngã và vô ngã.

Ông Phạm Chí hỏi Phật: “Có ngã chăng?”. Phật giữ im lặng. Ông Phạm Chí lại hỏi Phật: “Có vô ngã chăng?”. Phật

cũng vẫn giữ im lặng. Sở dĩ Phật giữ im lặng, chẳng đáp lời ông Phạm Chí, vì Phật biết ông Phạm Chí đã dụng tâm chấp ngã khi nêu lên hai câu hỏi này, và muốn hý luận về ‘ngã và vô ngã’. Phật giữ im lặng để ông Phạm Chí biết rằng: “Ngã và vô ngã đều chẳng nên chấp”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề biết có việc thọ ký Vô Thượng Bồ Đề, nhưng còn nghi chưa rõ là “Có định pháp Vô Thượng Bồ Đề chẳng?”. Do vậy mà ngài mới hỏi Phật: Làm sao Bồ tát biết có pháp được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký chăng?

Ngài Tu Bồ Đề, trú trong 3 giải pháp môn, dùng huệ nhãn quán thấy các pháp đều là không, là vô tướng, là pháp như, là pháp tánh... nên chẳng có định pháp Vô Thượng Bồ Đề để được thọ ký, chẳng có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề... dẫn đến chẳng có người được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề. Tự niệm như vậy, tâm ngài liền tự giải, chẳng còn nghi nữa, nên ngài bạch Phật: Con chẳng thấy có pháp Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có chỗ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có người được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật ấn chứng lời ngài Tu Bồ Đề, và dạy rằng: Như chỗ ông nói ra: “Chẳng có pháp để đắc, chẳng có người đắc pháp” mới là thật pháp. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ ức tướng phân biệt vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Sáu Mười Hai



Đồng Học

KINH:

Lúc bấy giờ ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm, chẳng có thể ức tướng, phân biệt, vì là rốt ráo không vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mãi cho đến khi được quả Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng xen các tạp tâm và tạp tâm sở, thì phải biết vị ấy chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà đến vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Kiều Thi Ca! Người nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng để xem tạp tâm và tạp tâm sở, thì phải biết người ấy chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà đến được.

Này Kiều Thi Ca! Ý ông nghĩ sao! Nếu trong cõi Diêm Phù Đề có chúng sanh thành tựu 10 thiện đạo, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, lại có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết công đức của thiện nam, thiện nữ này so với công đức của người trước bằng trăm, ngàn, muôn, ức lần... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để so sánh được.

Lúc bấy giờ, có một vị Tỷ-kheo nói với vị Đệ Thích

rằng: Công đức của thiện nam, thiện nữ ấy còn thù thắng hơn công đức của ngài rất nhiều.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn nói: Bạch Đại đức! Ngay từ khi Vô Thượng Bồ Đề tâm thì thiện nam, thiện nữ ấy cũng đã có công đức thù thắng hơn tôi rất nhiều, huống nữa là đã nghe Bát nhã Ba-la-mật, đã thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật. Thiện nam, thiện nữ ấy chẳng phải chỉ hơn tôi, mà còn hơn tất cả các hàng trời, người, A-tu-la, hơn cả các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, hơn cả các Bồ tát hành 5 Ba-la-mật kia nhưng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, hơn cả các Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật nhưng chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ ấy theo đúng như thuyết mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng đoạn giống Phật, thường thấy chư Phật, thường tọa đạo tràng, gần đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Thưa đại đức! Bồ tát ấy học Bát nhã Ba-la-mật, nhằm cứu độ hết thảy chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử. Bồ tát ấy học Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chẳng học Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Bồ tát ấy học như vậy, nên 4 vị thiên vương đều đến chỗ Bồ tát, và thưa rằng: “Ngài nên tinh tấn tọa đạo tràng, tinh tấn tu hành sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề. Chúng tôi sẽ dâng bát cúng dường ngài, như chúng tôi đã dâng bát cúng dường chư Phật trong quá khứ. Chư vị thiên tử khác... dẫn đến Đại Tự Tại Thiên cũng sẽ đến cúng dường, và hộ niệm ngài. Ngài sẽ chẳng còn bị 404 thứ bệnh do các loại trùng gây ra nơi thân thể”. Vì sao? Vì do tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mà Bồ tát ấy, ở hiện đời, được công đức như vậy.

Ngài A Nan tự niệm: Vị Đế Thích đã tự mình nói ra như vậy, hay là phải nhờ Phật lực mới nói được như vậy?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn biết rõ tâm niệm của ngài A Nan, nên nói: Thừa đại đức A Nan! Những lời tôi vừa nói đều nhờ oai thần của Phật.

Phật bảo ngài A Nan: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này A Nan! Các lời mà vị Đế Thích vừa nói ra đó đều do nơi thần lực của Phật.

Này A Nan! Khi biết có vị Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì trong khắp cõi đại thiên thế giới, các ác ma đều sanh lòng nghi rằng: “Bồ tát sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay giữa đường sẽ tác chứng quả Thanh Văn hay quả Bích Chi Phật đây!”.

Này A Nan! Nếu biết Bồ tát ấy chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma sẽ rất sầu khổ, đau nhói như bị tên bắn thủng tim. Thế rồi, ác ma sẽ khiến gió, lửa nổi lên ở khắp cả 4 phương, nhằm làm cho Bồ tát ấy phải khiếp sợ, mà giải đãi việc tu tập, xa rời Tát Bà Nhã tâm... dẫn đến khởi các niệm loạn động.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào gọi là Bồ tát bị ma nhiễu loạn?

Phật dạy: Này A Nan! Ở đời trước, có Bồ tát đã được nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng tín giải, nên nay bị ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát khi nghe Bát nhã Ba-la-mật, mà khởi tâm nghi, chẳng rõ Bát nhã Ba-la-mật là thật pháp, hay chẳng phải là thật pháp.

Do khởi tâm nghi như vậy, nên bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát xa lìa thiện tri thức, gần gũi ác tri thức, nên chẳng nghe Bát nhã Ba-la-mật. Vì chẳng nghe Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng biết, chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng nói về Bát nhã Ba-la-mật. Vì chẳng hỏi, nên chẳng biết phải tu hành như thế nào. Do vậy mà bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, để thọ trì các pháp khác, nên bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma nghĩ rằng: “Bồ tát này là bè đảng của ta, làm cho ta mãn nguyện”. Vì sao? Vì Bồ tát này tự mình lạc vào Nhị thừa địa, và cũng khiến người khác lạc về Nhị thừa địa, nên bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, rồi nói với người khác rằng: “Ta còn chẳng thấu hiểu được thâm pháp này; các người học làm gì?”. Do vậy mà bị ác ma nhiễu loạn.

Có Bồ tát khinh khi các Bồ tát khác mà nói rằng “Ta hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp viễn ly, các người chẳng có được công đức như ta”. Do vậy mà bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma nghe Bồ tát nói như vậy rất vui mừng, hớn hở, vì biết rằng: “Bồ tát này ý danh tánh mình được nhiều người biết đến, nên khinh khi các Bồ tát khác. Bồ tát này thật chẳng có công đức của bậc bất thối chuyển. Do chẳng thật có công đức, nên dễ khởi sanh phiền não, chi chấp lấy hư danh, mà khinh khi các Bồ tát khác, cho là họ chẳng có chỗ chứng đắc như mình”. Ác ma biết như vậy, nên liền nghĩ: “Cung điện của ta sẽ chẳng còn trống rỗng nữa; 3 đường ác rồi đây sẽ đông đúc thêm”. Nghĩ như vậy, ác ma giúp thêm oai lực cho Bồ tát này, khiến số người do tin theo Bồ tát này mà bị làm lạc càng lâu càng thêm đông đảo.

Có Bồ tát cùng những người hàng Thanh Văn đạo khởi cạnh tranh, nên bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma tự nghĩ rằng: “Như vậy là Bồ tát này đã xa lìa Tát Bà Nhã tâm”.

Có Bồ tát cùng Bồ tát khởi cạnh tranh, mắng nhiếc lẫn nhau, sân hận nhau, nên bị ác ma nhiễu loạn. Ác ma tự nghĩ rằng: “Cả hai Bồ tát này đều đã xa lìa Tát Bà Nhã tâm”.

Này A Nan! Nếu có Bồ tát chưa được thọ ký mà khởi cạnh tranh, mắng nhiếc Bồ tát đã được thọ ký, thì tùy theo chỗ khởi niệm nhiều hay ít, mà sẽ trải qua số kiếp thọ lãnh tội báo lâu hay mau, mới được tiêu tội. Nếu chẳng xả tất bà nhã tâm thì đến kiếp Đại Trang Nghiêm mới được bố xứ.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khởi ác tâm như vậy trải qua rất nhiều kiếp mới được tiêu tội. Như vậy ở chạng giữa có trường hợp nào tội được xuất trừ chăng?

Phật dạy: Này A Nan! Chẳng phải ta chỉ nói người cầu Bồ tát đạo đấu tranh với người cầu Thanh Văn đạo là có tội, mà ta còn nói người cầu Bồ tát đạo đấu tranh với người cầu Bồ tát đạo cũng là có tội. Bồ tát cùng Bồ tát đấu tranh, sân hận, mắng nhiếc lẫn nhau, mà chẳng ăn năn, sám hối, thì phải trải qua nhiều số kiếp thọ tội mới được tiêu tội. Nếu Bồ tát này muốn ăn năn, sám hối, thì phải tự niệm rằng: “Tôi đã phạm tội rất lớn; tôi phải thành tâm sám hối với hết thầy chúng sanh, và phải tự nguyện từ nay cho đến mãi mãi về sau tôi giữ được hòa hợp với hết thầy chúng sanh; tôi sẽ nhận mọi sự dẫm đạp của tất cả chúng sanh, y như là họ giẫm đạp trên chiếc cầu bắc ngang qua sông; tôi sẽ xem mình như kẻ điếc, người câm. Vì trước đây tôi đã mắng nhiếc người tức là tôi đã phá hoại Bát nhã Ba-la-mật, đã tự phá hoại tâm

cầu Vô Thượng Bồ Đề của tôi rồi vậy. Bởi vậy nên tôi phải nguyện khi được Vô Thượng Bồ Đề, thì tôi phải độ hết tất cả chúng sanh ra khỏi các khổ não, chẳng bao giờ khởi sân nhuế, mắng nhiếc chúng sanh”.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát cùng sống chung với Bồ tát khác, phải xử sự như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát cùng sống chung với nhau phải xem nhau như là Phật. Vì sao? Vì Bồ tát phải tự niệm rằng, “Đây là pháp lữ của tôi, cùng nhau ngồi chung trên một chiếc thuyền, cùng nhau tu tập 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến sẽ cùng nhau đến Nhất thiết chủng trí. Nếu Bồ tát pháp lữ của tôi có tạp hạnh, ly Tát Bà Nhã tâm, thì tôi chẳng nên học theo như vậy. Nếu pháp lữ của tôi chẳng có tạp hạnh, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, thì tôi phải học theo như vậy.

Này A Nan! Bồ tát cùng học với nhau như vậy gọi là bạn đồng học.

LUẬN:

Vị đế thích nói rằng: Nếu thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng, chánh ức niệm... dẫn đến đúng như pháp mà tu tập Bát nhã Ba-la-mật, mãi cho đến khi được quả Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng xen tạp tâm, thì sẽ được vô lượng công đức. Nếu trong khi hành Bát nhã Ba-la-mật mà có xen tạp tâm, thì chẳng có được công đức như vậy.

Có thuyết nói: Chẳng để xen tạp tâm là chẳng khởi tâm xan tham, sân hận.

Có thuyết nói: Chẳng để xem tạp tâm là chẳng để cho các ác tâm tăng trưởng. Khi móng khởi ác tâm, thì phải quyết dứt trừ ngay.

Có thuyết nói: Chẳng để xen tạp tâm là chẳng khởi tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật.

Có thuyết nói: Chẳng để xem tạp tâm là chẳng để tâm tán loạn hoặc vô ký. Tâm vô ký, dù chẳng khởi ác niệm, nhưng vẫn làm chướng ngại cho sự tu học Bát nhã Ba-la-mật.

Vị Đế Thích nói thêm rằng: Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng xen tạp tâm, thì phải biết vị Bồ tát ấy chẳng phải từ nơi công đức nhỏ mà đến.

Phật ấn chứng lời của vị Đế Thích, nhưng vì muốn phân biệt thể lực của các hạnh thanh tịnh, nên dạy rằng: Nếu hết thấy người trong cõi Diêm Phù Đề đều thành tựu 10 thiện đạo, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, thì công đức đó đem so sánh với công đức của người Thiện nam, thiện nữ thọ trì... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật, thì trong trăm, ngàn, muôn, ức phần chẳng sao bằng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để sánh kịp.

Vì sao? Vì những người trong cõi Diêm Phù Đề tuy thành tựu được nhiều công đức như vậy, nhưng vì xa lìa thật tướng pháp, nên các công đức kia cũng vẫn chỉ là công đức hữu vi, vẫn là hư vọng, chẳng kiên cố, vẫn chịu sự chi phối của luật vô thường. Ví như cỏ rác, tuy nhiều vô lượng, mà chẳng có giá trị bằng hạt kim cương nhỏ bé.

Hỏi: *Vì sao có Tỳ-kheo nói: “Công đức của thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm, tu tập Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn công đức của vị Đế Thích rất nhiều”?*

Đáp: Thiên Đế Thích là vị Thiên chủ có quả báo phước đức rất lớn, có uy đức thù thắng trong các hàng trời, người. Thế nhưng công đức của vị Thiên chủ đó cũng chỉ là hữu lậu, chẳng sao bằng được công đức của Bát nhã Ba-la-mật.

Vị Tỷ-kheo đã biết rõ công đức tối diệu của Bát nhã Ba-la-mật, lại vì đã có nghe nói vị Thiên chủ này chỉ mới được đạo Thanh Văn, nên mới nói như vậy.

Thiên Đế Thích, do đã được đạo, đã thâm nhập vào Phật pháp, nên khi nghe vị Tỷ-kheo nói: “Phước đức của các vị Đế Thích chẳng bằng được phước đức của người thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và đúng như pháp tu tập Bát nhã Ba-la-mật”, ngài đã chẳng sanh tâm đố kỵ, mà còn tán thán rằng: “Bồ tát chi phát tâm Vô Thượng Bồ Đề đã có công đức thù thắng hơn tôi rất nhiều, huống nữa là thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm và đúng như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Vì sao? Vì Thiên Đế Thích tự biết phước báo của mình còn cạn mỏng, còn hữu lậu, là vô thường; lại biết rõ phước đức của vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy rất là thâm hậu.

Nên biết rằng, vị Thiên Đế thích hưởng phước đức trong cảnh lạc thú cõi trời, nên chỉ là phước đức hữu lậu, vô thường; Bồ tát, vì hết thấy chúng sanh, đem công đức hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, nên phước đức của Bồ tát là vô lậu, thậm thâm.

-o0o-

Trong chúng hội có rất nhiều người nghe vị Tỷ-kheo nói về Thiên Đế Thích như vậy, mà ngài vẫn hoan hỷ nhẫn thọ, nên khởi tâm nghi.

Bởi vậy nên Thiên Đế Thích lại nói thêm rằng: “Chẳng những thù thắng hơn tôi, mà còn thù thắng hơn các Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chưa có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật; miệng nói mình đúng như pháp tu hành, mà tâm vẫn chẳng ly các tâm và tâm sở pháp”.

Trên đây, vị Đế Thích nêu lên các nhân duyên Bồ tát đúng như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng đoạn dứt giống Phật; do vậy mà thành tựu được công đức ngay ở hiện đời.

Hỏi: *Vì sao ngài A Nan lại nghĩ rằng: “Chẳng biết lời của vị Đế Thích nói ra là do tự lực, hay là phải nương theo Phật lực?”*

Đáp: Thiên Đế Thích chỉ chứng quả Thanh Văn, mà chỗ nói ra lại quá thâm sâu, vượt quá trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Bởi vậy nên ngài A Nan sanh nghi mà hỏi như vậy.

Hỏi: *Thiên Đế Thích có thể tự dùng trí để đáp được; sao lại phải nhờ đến Phật lực?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm vô lượng, vô biên, rất khó nói ra. Ở nơi khác mà diễn nói còn khó thay, huống nữa là tại giữa chúng hội, và trước đức Thế Tôn. Bởi vậy nên Thiên Đế Thích mới nói là “nhờ Phật lực gia trì”.

Có thuyết nói: “Do Phật dùng quang minh vi diệu gia bị cho vị Đế Thích, nên ngài mới nói được như vậy”.

Phật dạy: Này A Nan! Vị Đế Thích nói ra được như vậy là nhờ ông ấy đã hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Khi thấy có Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma thường khởi tâm nghi: “Chẳng biết Bồ tát này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, hay sẽ tác chứng thật tế, khiến sẽ bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa”.

Vì sao? Vì ác ma là oán tặc của Bồ tát, chớ có dịp thuận tiện để nhiễu loạn Bồ tát.

Khi thấy có Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì ác ma sầu khổ, sợ hãi. Bởi vậy, nên ác ma liền hóa hiện ra gió

mạnh, lửa lớn, để làm nao núng tâm Bồ tát, khiến Bồ tát khiếp sợ... dẫn đến thối tâm, giải đãi.

Trái lại, nếu thấy Bồ tát giải đãi, thì ác ma vô cùng hoan hỷ, vì biết rằng Bồ tát ấy rồi đây sẽ bị đọa lạc.

-o0o-

Có thuyết nói: “Tất cả các Bồ tát theo đúng như pháp tu hành đều bị ác ma nhiễu loạn”. Cũng vì lý do đó mà ngài A Nan hỏi Phật: Bồ tát phải làm như thế nào để khỏi bị ác ma nhiễu loạn?

Phật dạy: Nếu Bồ tát thâm tâm thanh tịnh hành Bồ tát đạo, thì chẳng bị ác ma nhiễu loạn. Nếu trái lại, thì sẽ bị ác ma nhiễu loạn.

Hỏi: *Phật thường dạy: “Hết thấy các pháp hữu vi đều có thể chuyển, có thể xả. Vì sao ngài A Nan còn khởi tâm nghi, mà hỏi Phật rằng, “Bồ tát khởi ác tâm mắng nhiếc, khinh khi Bồ tát khác phải trải qua nhiều kiếp mới được tiêu tội. Như vậy, ở chặng giữa có trường hợp nào tội được xuất trừ chăng?”.*

Đáp: Ngài A Nan biết rõ công đức của Bát nhã Ba-la-mật vô lượng, vô biên. Bồ tát nào tôn trọng, cung kính, cúng dường Bát nhã Ba-la-mật đúng như pháp tu hành Bát nhã Ba-la-mật sẽ được vô lượng công đức. Công đức cứ như vậy tăng trưởng mãi cho đến khi Vô Thượng Bồ Đề, nên tội sân hận, mắng nhiếc để hành Bồ tát đạo cũng vô lượng, vô biên. Đây là lý do vì sao ngài A Nan nêu lên câu hỏi này.

Phật dạy: Trong pháp của ta có nói đến nhiều trường hợp xuất tội. Thế nhưng, nếu Bồ tát cùng nhau khởi sân hận, đấu tranh, mà chẳng liền xả ác tâm đó, thì chẳng thể xuất tội

được. Vì sao? Vì như vậy là trong tâm tâm vẫn còn si mạn. Do vậy nên dù có tạo tác rất nhiều công đức, mà tâm vẫn chẳng được thanh tịnh. Vì chẳng thanh tịnh, nên chẳng có được các công đức lực. Vì chẳng có các công đức lực, nên chẳng sao tiêu tội được. Nếu Bồ tát đã phạm tội, mà nay muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, thì cũng phải thành tâm sám hối trải qua nhiều số kiếp, mãi cho đến kiếp Đại Trang Nghiêm mới được bỏ xứ.

Hỏi: *Nếu trong tâm tâm còn sân hận, thì phải làm sao để diệt được?*

Đáp: Phải tu tập các nhân duyên phá sân hận, như trong kinh đã dạy.

Ngài A Nan biết rõ chúng sanh bị nghiệp duyên trói buộc, chẳng có được tự tại, nên thường ôm ấp trong tâm niềm lo âu, sợ hãi, khó có thể thoát ly ra khỏi các khổ được. Do vậy mà ngài hỏi Phật: Bồ tát cùng chung sống với nhau phải xử sự với nhau như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát phải xem nhau như Phật; phải cung kính, cúng dường nhau như cung kính, cúng dường Phật. Bồ tát phải xem Bồ tát cùng sống chung với mình như là pháp lữ của mình, cùng nhau đi trên thuyền Bát Nhã, nương theo dòng nước vô lậu, để đến bờ giải thoát.

Bồ tát phải xem người hành Bát nhã Ba-la-mật như pháp lữ của mình, như anh em ruột thịt của mình, chẳng nên cùng nhau khởi đấu tranh. Nếu Bồ tát pháp lữ chẳng có tạp hạnh, chẳng ly Tát Bà Nhã tâm, thì phải học theo họ; trái lại, nếu Bồ tát lữ có tạp hạnh, thường ly Tát Bà Nhã tâm, thì chẳng nên học theo họ.

Nếu Bồ tát học được như vậy, thì tâm khinh mạn, tâm sân hận liền tự diệt. Như vậy gọi là đồng học.

Phẩm Thứ Sáu Mười Ba



Đẳng Học

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là đẳng pháp mà Bồ tát phải học?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là đẳng pháp của Bồ tát. Sắc và sắc tướng không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Vô Thượng Bồ Đề tướng không là đẳng pháp của Bồ tát.

Bồ tát học các pháp bình đẳng mà đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát vì sắc tận, sắc ly, sắc diệt, sắc bất sanh nên học. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Bồ tát vì 4 niệm xứ tận, 4 niệm xứ ly, 4 niệm xứ diệt, 4 niệm xứ bất sanh... dẫn đến vì 18 bất cộng pháp tận, 18 bất cộng pháp ly, 18 bất cộng pháp diệt, 18 bất cộng pháp bất sanh nên học. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến 18 bất cộng pháp là tận, là ly, là diệt, là bất sanh nên Bồ tát học. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc như... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như, Phật như. Các pháp như là có tận, có diệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học các pháp như ấy có phải là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy.

Phật dạy: Bồ tát học các pháp như ấy là học Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì học các pháp như, nên chẳng có tác chứng, chẳng diệt, chẳng đoạn vậy. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học như vậy là học 6 pháp Ba-la-mật, học 4 xứ niệm... dẫn đến học 18 bất cộng pháp. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí. Học như vậy là học đến tận bờ mé của các môn học. Học như vậy thì ma cùng thiên ma chẳng phá hoại được. Học như vậy là thẳng đến Bất Thối Chuyển địa. Học như vậy là học đạo sở hành của chư Phật. Học như vậy là học đại từ bi, học thành tựu chúng sanh, học thanh tịnh Phật độ.

Này Tu Bồ Đề! Học như vậy là học 3 phen chuyển 12 hạnh pháp luân. Học như vậy là học độ chúng sanh. Học như vậy là chẳng đoạn dứt hạt giống Phật. Học như vậy là mở cửa Cam Lồ. Học như vậy là khai thị vô vi tánh.

Này Tu Bồ Đề! Hạng người hạ liệt chẳng thể học như vậy được.

Người học như vậy là người muốn cứu vớt chúng sanh đang chìm đắm trong sanh tử.

Người học như vậy thì trọn chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; trọn chẳng sanh ở biên địa; trọn chẳng sanh vào nhà hạ tiện; trọn chẳng bị các tật bẩm sanh như đui, điếc, câm, ngọng, què, thọt..., mà được sanh với các căn đầy đủ, quyến thuộc thành tựu; trọn chẳng bị cô độc, bần cùng.

Người học như vậy thì trọn chẳng sát sanh, chẳng có tà kiến, chẳng có tà mạng... dẫn đến chẳng gần người xấu ác, chẳng gần người phá giới.

Người học như vậy là có đầy đủ các lực phương tiện, nên chẳng sanh lên cõi trời Trường Thọ thiên.

* Thế nào là có lực phương tiện?

Này Tu Bồ Đề! Như trước đây đã rộng giải: “Bồ tát do có được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, nên tự tại nhập vào 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, mà chẳng tùy theo thiên vị dẫn sanh.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát, do học như vậy, mà ở nơi hết thấy pháp đều được thanh tịnh, như thanh tịnh tâm Thanh Văn, thanh tịnh tâm Bích Chi Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy pháp vốn đã thanh tịnh rồi. Như vậy vì sao còn nói ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều được thanh tịnh?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp vốn thanh tịnh. Nếu Bồ tát, ở nơi hết thấy pháp, mà tâm được thông đạt, chẳng vướng mắc, chẳng mê muội, thì vào được Bát nhã Ba-la-mật. Phạm phu chẳng có biết, chẳng có thấy hết thấy các pháp đều thanh tịnh như vậy, nên Bồ tát này vì họ mà tu Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tu Bát nhã Ba-la-mật, tu 4 niệm xứ... dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học như vậy, nên được 10 trí lực, 4 vô sở úy, 4 ngại trí. Bồ tát học như vậy, nên biết rõ tâm hết thấy chúng sanh, nhằm dẫn dắt học vào Phật đạo.

Ví như ở trong quả đất có rất ít khu vực có vàng, có bạc, có các châu báu khác. Cũng như vậy, trong chúng

sinh chỉ có số ít người học được Bát nhã Ba-la-mật, còn phần đông lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Ví như trong loài người chỉ có số ít tạo duyên nghiệp Chuyển Luân Thánh Vương, còn số người tạo duyên nghiệp Tiểu Vương thì lại nhiều hơn. Cũng như vậy, chỉ có số ít người hành Bát nhã Ba-la-mật, cầu Nhất thiết chủng trí, còn phần đông chỉ muốn hành đạo Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Này Tu Bồ Đề! Trong hàng Bồ tát cầu Vô Thượng Bồ Đề, thì cũng rất ít Bồ tát theo đúng như pháp mà tu hành. Trong khi đó, thì có rất nhiều Bồ tát lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa; có rất nhiều Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng có lực phương tiện, nên rất ít Bồ tát trú được nơi Bát Thối Chuyển địa.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên này, nên Bồ tát muốn trú Bát Thối Chuyển địa thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Khi học Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng nên khởi niệm tham lam, sân hận, giải đãi, tán loạn, phá giới; chẳng nên sanh tâm thủ chấp 5 tướng, thủ chấp 4 niệm xứ... dẫn đến thủ chấp Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì hành Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có pháp khả đắc.

Vì chẳng có pháp khả đắc, nên ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát chẳng sanh tâm chấp thủ tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy là tổng nhiếp hết thấy các pháp Ba-la-mật, khiến hết thấy các pháp Ba-la-mật đều được tăng trưởng. Vì sao? Vì hết thấy các pháp Ba-la-mật đều tùy thuộc Bát nhã Ba-la-mật; vì Bát nhã Ba-la-mật thâm nhiếp hết thấy các pháp Ba-la-mật khác vào bên trong.

Ví như “ngã kiến” thâm nhiếp hết thấy 62 tà kiến chấp. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật thâm nhiếp hết thấy các pháp Ba-la-mật.

Ví như khi người chết, thì mạng căn hoại diệt, cho nên các căn khác cũng tùy đó mà diệt theo. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì các pháp Ba-la-mật khác đều tùy tùng theo.

Này Tu Bồ Đề! Bởi nhân duyên vậy, nên muốn các Ba-la-mật khác được thành tựu rốt ráo, thì Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, sẽ vượt lên trên hết thấy chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Trong cõi đại thiên thế giới, chúng sanh có nhiều chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề còn rất nhiều, huống nữa là trong cõi đại thiên thế giới.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu hết thấy chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới đều được thân người, và đều được Vô Thượng Bồ Đề; lại có vị Bồ tát suốt đời cúng dường “tứ sự” cho từng ấy vị Phật. Ý ông nghĩ sao? Phước đức của vị Bồ tát ấy có nhiều chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức ấy chẳng bằng được phước đức của thiện nam, thiện nữ học Bát nhã Ba-la-mật, chánh ức niệm và đúng như thuyết tu hành.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật có thể lực làm cho Bồ tát được Vô Thượng Bồ Đề.

Bởi vậy nên, Bồ tát muốn vượt lên hết thấy chúng sanh, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật; muốn cứu độ chúng sanh, muốn làm chỗ quy y cho chúng sanh, muốn làm con đường cứu cánh cho chúng sanh, muốn làm đôi mắt sáng cho những chúng sanh mù, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bồ tát muốn được hết thấy công đức như Phật, muốn làm Phật, muốn được tự tại du hý, muốn có tiếng nói uy hùng như sư tử rống, muốn đánh trống pháp, muốn thổi loa pháp, muốn tọa đạo tràng thuyết pháp, muốn đoạn nghi cho hết thấy chúng sanh, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát học thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng có công đức lành nào mà chẳng thành tựu được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy cũng thành tựu được công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy được hết thấy công đức của Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhưng chẳng an trú trong đó, mà chỉ dùng trí quán, rồi liền nhập thẳng vào Bồ tát vị.

Bồ tát học như vậy là gần được Nhất thiết chủng trí, mau được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát học như vậy là làm phước điền cho hết thấy thế gian, Trời, người và a-tu-la. Bồ tát học như vậy là vượt lên trên hết thấy hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, gần được Nhất thiết chủng trí. Bồ tát học như vậy là chẳng xa, chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát nào học và hành thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất

thôi chuyển, gần được Nhất thiết chủng trí; là bậc Bồ tát đã xa rời Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, gần được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát khởi niệm rằng: “Đây là Bát nhã Ba-la-mật; do hành Bát nhã Ba-la-mật này mà sẽ được Nhất thiết chủng trí”, thì phải biết đó chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát khởi niệm nghĩ rằng: “Đây là Bát nhã Ba-la-mật, đây là người hành Bát nhã Ba-la-mật, đây là pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, đây là người hành Bát nhã Ba-la-mật gần được Vô Thượng Bồ Đề”, thì phải biết đó chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Khi thật hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu Bồ tát tự niệm rằng: “Chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có người hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có người hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề”, thì phải biết đó mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là pháp như, pháp tánh, thật tế, đều là thường trú. Bồ tát hành như vậy mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

-o0o-

LUẬN:

Trước đây ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật về sự tác nghiệp của những người cầu Phật đạo đấu tranh lẫn nhau. Ngài đã được Phật dạy rằng: “Nếu đã đồng học với nhau, thì phải giữ tâm thanh tịnh, hòa hợp với nhau, chẳng khởi đấu tranh với nhau, khinh khi lẫn nhau”.

Nay ngài hỏi Phật về chỗ Bồ tát dụng tâm bình đẳng học các pháp; tức là hỏi về thâm nghĩa của chỗ Bồ tát sát sở hành.

Phật dạy: Nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là đẳng pháp của Bồ tát. Sắc và sắc tướng không... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Vô Thượng Bồ Đề tướng không là đẳng pháp của Bồ tát. Bồ tát học các pháp bình đẳng, mà đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

“Đẳng nhãn” ở đây có hai nghĩa. Đó là:

- Thượng phẩm đẳng pháp nhãn.
- Chúng sanh đẳng pháp nhãn.

Ở phẩm này rộng nói về “đẳng pháp nhãn”.

Ví như hai đầu cân phải bằng nhau. Cũng như vậy. Bồ tát phải dụng tâm bình đẳng mà học các pháp.

Vì nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, cùng hết thấy các pháp đều là không, nên Bồ tát phải dụng tâm bình đẳng để học các pháp vậy.

Phàm phu thấy các pháp, mỗi mỗi đều sai khác, còn người tu khi đã vào được pháp không, thì sẽ thấy hết thấy các pháp đều bình đẳng, chẳng có gì sai khác, biết rõ hết thấy các pháp đều là tự tướng không.

Bồ tát dụng tâm bình đẳng, trú trong bình đẳng pháp như vậy, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bồ tát vì sắc tận, vì sắc ly, vì sắc diệt, vì sắc bất sanh, nên học. Học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật chăng?

Phật dạy: Vì sắc là vô thường, vì niệm sanh diệt, chẳng trú, nên khi đã quán tâm bình đẳng, thì ly được sắc; khi đã ly được sắc rồi, thì các phiền não liền diệt, khi tận diệt các phiền não rồi, thì được vô sanh pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao? Sắc như ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề như, Phật như. Các pháp như đó có tận, có diệt, có đoạn chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng phải vậy.

Vì sao? Vì các pháp đều là tánh như. Pháp như, từ vô thi đến nay, chẳng có tập tán, nên là chẳng tận; vốn là chẳng sanh (vô sanh), nên là chẳng diệt (vô diệt); vốn chẳng có định tướng, nên là chẳng đoạn.

Phật dạy: Bồ tát học các pháp như đó là học Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì như là chân thường, là chẳng thể chứng, chẳng thể diệt, chẳng thể đoạn. Nói tận, nói ly, nói đoạn v.v... là chỉ nhằm tận trừ các phiền não, chẳng phải là rốt ráo. Nay nói về nghĩa rốt ráo, chẳng hư vọng, chẳng điên đảo, nên nói chẳng chứng, chẳng diệt, chẳng đoạn.

-o0o-

Lúc bấy giờ, Phật tán thán: Bồ tát học như vậy là học 6 pháp Ba-la-mật, học 4 niệm xứ... dẫn đến học 18 bất cộng

pháp. Học như vậy là học Nhất thiết chủng trí, học đến chỗ bờ mé của sự học.

Người học được như vậy được vô lượng công đức được đầy đủ huệ trí, nên ma vương, ma dân chẳng có thể phá hoại được.

Học như vậy là chánh học, nên người học như vậy thăng tiến vào Bất Thối Chuyển địa, mau thành Phật đạo.

Người học như vậy được chư Phật và chư Đại Bồ tát trong khắp 10 thường hộ niệm.

Người học như vậy là người chẳng có tà kiến, chẳng có tà mạng. Là người thường khởi đại bi niệm đối với hết thảy chúng sanh, thường giáo hóa chúng sanh, nhằm dẫn dắt họ vào Phật đạo.

Người học như vậy được tâm thanh tịnh, nên được Phật giới thanh tịnh. Được Phật giới thanh tịnh là thành tựu được 3 phen chuyển 12 hạnh pháp luân; dùng 3 thừa pháp để giáo hóa vô lượng chúng sanh; dùng Đại thừa Pháp giáo hóa hàng Bồ tát, khiến giống Phật chẳng đứt đoạn. Vì chẳng đoạn giống Phật, nên ở nơi hết thảy chúng sanh thường khai thị pháp Cam Lô, chỉ cho chúng sanh thấy được tự tánh vô vi của các pháp. Đó là pháp như, pháp tánh, thật tế, là Niết bàn tịch tịnh vậy.

-o0o-

Vào được trong “vô vi tánh” rồi là vào được 3 giải thoát môn. Người căn tánh hạ liệt, giải đãi, phóng dật, chẳng ưa nghe Phật pháp, chẳng nhất tâm cầu Phật đạo. Hạng người này chẳng có thể học được pháp môn này, vì họ nghĩ rằng: “Ta lo cho thân ta, lo giúp đỡ cho các thân bằng quyết thuộc của ta là đủ rồi. Bao nhiêu chúng sanh khác chẳng có liên

hệ gì với ta đâu, mà ta phải xả thân bỏ thí để cho họ được an vui? Hết thầy người ở trên thế gian này đều tìm đủ mọi phương tiện để cầu vui; vì sao ta lại phải bỏ vui, mà cầu khổ?”. Hoặc họ sanh tà kiến mà nghĩ rằng: “Chúng sanh vô lượng, vô biên, thì làm sao có thể độ hết được?”.

Hoặc họ sanh tà kiến mà nghĩ rằng: “Phật thuyết hết thầy pháp đều là không, là chẳng sanh, chẳng diệt, thì ta còn cầu Phật đạo để làm gì nữa? Phật đạo là như mộng, như huyễn, thì cầu Phật đạo cũng chẳng có lợi ích gì”.

Người căn tánh hạ liệt dùng các tà kiến như vậy, để tự biện minh cho sự si mê, nhiễm chấp của mình. Hạng người như vậy chẳng có thể học được đại pháp.

Trái lại, các bậc đại trí, do vào được nơi thật tướng pháp, nên biết rõ các pháp đều chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải có biên (phi hữu biên), chẳng phải chẳng có biên (phi vô biên), chẳng phải có (phi hữu), chẳng phải không (phi vô). Do tư duy như vậy, nên phá được các tướng điên đảo, thẳng vào pháp tánh thường trú, được tâm thường thanh tịnh.

Vì chúng sanh chẳng biết rõ như vậy, nên Bồ tát khởi đại bi tâm, thương xót chúng sanh, mà tinh tấn tu tập 6 pháp Ba-la-mật, thành tựu các lực công đức Ba-la-mật mãi cho đến khi được thân thông tự tại, được trí huệ vô ngại giải thoát, ... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát phương tiện dùng mọi pháp môn để rộng độ chúng sanh. Hạng người như vậy, ở thế gian này, rất ít có vậy.

Hỏi: Trước đây đã nói chúng sanh vô lượng, vô biên; nay lại nói chúng sanh là không. Như vậy thì còn có chúng sanh đâu để mà độ nữa?

Đáp: Hạng người căn trí hạ liệt mới nói như vậy.

Hạng người căn trí hạ liệt, là hạng người nhiều tà kiến, hoặc chấp các pháp là thường, là thật có, hoặc chấp các pháp có biên bờ hay chẳng có biên bờ, hoặc chấp các pháp là không, là vô sở hữu v.v... Tất cả các tà kiến chấp đó đều ở trong 62 tà kiến chấp, nhằm bênh vực cho tâm tham dục cá nhân.

Hạng người tham dục lúc nào cũng mong cầu lợi lạc riêng cho mình. Còn bậc đại nhân chẳng có các tà kiến điên đảo, nên thường an trú trong pháp tánh thật tế, khởi tâm đại bi, thường làm các việc lợi ích cho chúng sanh. Ví như thường hành tài thí và pháp thí.

Người hành Bồ tát đạo, khi hành bố thí, chẳng trú tâm chấp, nên được đại công đức. Vậy nên, muốn cứu độ chúng sanh ra khỏi vũng lầy sanh tử, Bồ tát phải học như vậy.

-o0o-

Bồ tát học như vậy, nên thường thương xót chúng sanh, thường quán thật tướng pháp, chẳng sanh sân tham, sân hận, nên chẳng bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Bồ tát học như vậy, nên khi nghe Phật thuyết 12 bộ kinh, 8 vạn 4 ngàn pháp môn, thường hiểu rõ chẳng có lầm lẫn.

Bồ tát học như vậy, nên chẳng sanh vào nơi biên địa. Lại nữa, vì thường cúng dường, tôn trọng các bậc thiện nhân, nên phá được tâm kiêu mạn; do vậy mà chẳng sanh vào nhà bản cùng, hạ tiện.

Bồ tát học như vậy, nên thâm tâm thường thương xót chúng sanh, nhớ nghĩ đến chúng sanh, làm đầy đủ các hạnh lợi tha; do vậy mà được thân đầy đủ, chẳng có tật nguyên.

Bồ tát học như vậy, thường được thật pháp giáo hóa chúng sanh, nên được quyền thuộc thành tựu; thường thâm ái giới pháp, nên chẳng tác thành ác đạo; chẳng riêng tự lợi, chẳng gần người xấu ác, chẳng gần người phá giới, thường giữ giới, thường giữ thân, khẩu, ý thuần thiện.

Hỏi: *Vì như thuốc hay được dùng để trị các bệnh nan y, khó chữa; Bồ tát ra đời để cứu độ chúng sanh. Như vậy, vì sao nói Bồ tát chẳng nhiếp độ kẻ xấu ác, kẻ phá giới?*

Đáp: Có kẻ xấu ác, phá giới chẳng thể độ được. Nếu nhiếp thủ họ, cùng ở chung với họ, là tự hoại mình và hoại đạo pháp. Đối với hạng người đó, thì muốn nhiếp độ họ cũng chẳng có ích gì.

Ví như đang ở ngoài biển khơi chẳng may thuyền gặp nạn, nếu người chỉ biết bơi chút ít mà ra sức cứu người khác, thì cả hai đều bị chết chìm cả. Cũng như vậy, người mới tu hành, chưa có đầy đủ lực công đức, mà thường gần gũi hạng người xấu ác, thì rất dễ bị lôi cuốn theo. Bởi vậy nên Phật dạy các Bồ tát sơ phát tâm: “Phải xa lìa kẻ xấu ác mới tu hành được”.

-o0o-

Người hành thiền định, khi đã được tâm nhu nhuyễn rồi, thì mới chẳng còn đắm chấp thiên vị, dẫn đến khi mạng chung cũng chẳng tùy theo thiên cảnh dẫn sanh.

Phật dạy ngài Tu Bồ Đề: Bồ tát học như vậy thì ở nơi hết thảy các pháp vẫn giữ được tâm thanh tịnh, nhiếp phục được tâm Nhị thừa, nên chẳng bị lạc về Nhị thừa địa. Vì sao? Vì Nhị thừa chưa được rốt ráo thanh tịnh, xa rời rốt ráo không, xa rời vô sở hữu vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu nói các pháp, từ vô thi đến nay, vốn thanh tịnh, vốn rớt ráo không, thì vì sao còn nói ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều được thanh tịnh?

Phật dạy: Đúng như vậy! Các pháp, từ xưa đến nay, vốn là rớt ráo không, là rớt ráo thanh tịnh. Nếu Bồ tát ở nơi hết thấy các pháp mà tâm được thông đạt, chẳng vướng mắc, chẳng nghi, chẳng sanh tà kiến, thì mới vào được Bát nhã Ba-la-mật. Phạm phu do chẳng biết, chẳng thấy các pháp bản lai thanh tịnh, nên mới phải chìm đắm trong khổ đau. Bồ tát biết rõ như vậy, nên mới vì chúng sanh hành 6 pháp Ba-la-mật, hành các trợ đạo pháp, để phương tiện giáo hóa chúng sanh.

Bồ tát phải được thanh tịnh ở nơi hết thấy pháp, thì mới xa lìa được 3 cõi hư vọng, mới vượt lên hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật được. Do được thanh tịnh ở nơi hết thấy các pháp, nên Bồ tát được vô lượng các lực công đức, thấu rõ tâm nguyện của chúng sanh ở khắp 10 phương, để tùy thuận theo căn trí của từng đối tượng, mà thuyết pháp, nhằm khai hóa họ, dẫn dắt họ vào Phật đạo, khiến họ được nhiều lợi ích”.

Bồ tát được các công đức như vậy là nhờ học Bát nhã Ba-la-mật. Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là chỗ tận cùng của sự tu học.

Vì có rất ít người học được như vậy, nên Phật nêu các thí dụ để chúng hội hiểu rõ nghĩa: Ví dụ trong quả đất ít chỗ có vàng, có bạc, có các châu báu khác; ví như trong loài người có rất người gieo nghiệp duyên Chuyển Luân Thánh Vương. Cũng như vậy trong số các người tu hành, chỉ có số ít người học Bát nhã Ba-la-mật, cầu Nhất thiết chủng trí, còn phần đông chỉ muốn hành đạo Thanh Văn và đạo Bích Chi Phật vậy.

Khi học Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng khởi tâm xan tham, tật đố. Vì sao? Vì học Bát nhã Ba-la-mật là tiêu trừ được xan tham, tật đố, cùng các phiền não khác.

Dù phiền não chưa được tận đoạn, nhưng chẳng còn sanh khởi nữa. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, nên biết rõ các pháp tướng đều là hư vọng, chẳng nên chấp. Bồ tát chẳng chấp sắc... dẫn đến chẳng chấp Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát chẳng trú chấp “có -không”, mà theo “trung đạo” để tu tập Bồ tát hạnh.

Phật dạy: “Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy chẳng có pháp đặc, chẳng thấy có người đặc pháp. Vì dụng tâm vô sở đắc như vậy, nên Bồ tát tu tập hết thấy các pháp, mà chẳng chấp các pháp tướng, dù đó là thiện pháp”.

Bồ tát học như vậy là học Bát nhã Ba-la-mật, là tổng nhiếp hết các Ba-la-mật khác, là ly hết thấy tà kiến.

Hỏi: *Ngã kiến và mạng căn có khác nhau chăng?*

Ngã kiến cũng như các tà kiến khác đều có tướng riêng khác. Vì sao nói: “Hết thấy các kiến chấp đều nhiếp ở trong ngã kiến cả?”

Đáp: Tuy rằng biệt tướng có sai khác, nhưng tất cả các kiến chấp đều y nơi ngã kiến làm gốc. Lại nữa, do vô minh duyên khởi mà có chấp ngã.

Bồ tát biết rõ ngã kiến cùng các kiến chấp khác đều là hư vọng, chẳng có thật. Phạm phu, do chấp 5 âm thân, mà dẫn sanh ngã kiến; từ đó khởi sanh các chấp khác, như: Chấp thường, chấp đoạn, chấp 5 dục lạc thế gian, chấp chẳng có nhân quả v.v... Tất cả các chấp như vậy đều là điên đảo, là tội lỗi.

Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật, nên là thù thắng bậc nhất trong thế gian, vượt trên các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Bởi vậy nên dạy ngài Tu Bồ Đề rằng: Chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới nhiều vô lượng. Nếu hết thấy chúng sanh đều được thân người và đều được Vô Thượng Bồ Đề, và nếu có người suốt đời cúng dường “tứ sự” cho từng ấy đức Phật, thì phước đức của người ấy cũng chẳng sao bằng được phước đức của vị Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật, chánh ức niệm và như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Do học như vậy nên Bồ tát ấy xa lìa tâm Nhị thừa, gần được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật lại dạy: Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà còn đầy niệm: “Ta có tu Bát nhã Ba-la-mật; do tu Bát nhã Ba-la-mật, mà ta sẽ được Nhất thiết chủng trí”, thì như vậy là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ tát chẳng biết rõ do 5 ám thân hòa hợp mà giả danh có ngã, có Bồ tát, lại trú chấp vào cái TA đó, thì như vậy cũng xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì trú chấp vào pháp tu, vào quả tu chứng, vào người tu được chứng quả, là đã xa lìa Bát nhã Ba-la-mật rồi. Pháp Bát nhã Ba-la-mật là pháp vô đắc, vô trước, là đệ nhất nghĩa đế vậy.

Nếu Bồ tát tùy nơi pháp ấy mà sanh ngã tâm, muốn Bát nhã Ba-la-mật có sở tác tướng, chấp mình học Bát nhã Ba-la-mật sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, thì phải biết Bồ tát tác niệm như vậy là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, là chẳng phải hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng tác niệm như vậy, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Trước đây đã hai lần nói về “tác niệm và chẳng tác niệm” rồi. Sao nay còn nói thêm nữa?

Đáp: Vấn đề này tuy được nói đến ba lần, nhưng mỗi lần đều có mục đích riêng khác.

Có thể nói là:

- Lần thứ nhất: Nói về tà hạnh tướng.

- Lần thứ hai: Nói về sự ngăn tà hạnh tướng, nhưng chưa nói về chánh hạnh tướng.

- Lần thứ ba: Nói về chánh hạnh tướng.

Cũng có thể nói là:

- Lần thứ nhất: Nói về chấp thủ tướng.

- Lần thứ hai: Nói về phá chấp tướng, nhưng chưa nói về thật tướng pháp.

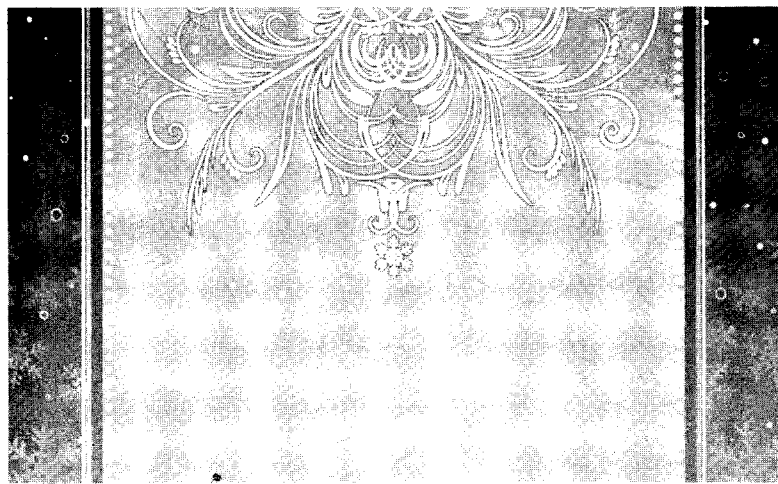
- Lần thứ ba: Nói về phá tà chấp, và hiển bày thật tướng pháp.

Bồ tát phải biết rõ, ở nơi hết thấy Bát nhã Ba-la-mật đều chẳng có sở tác tướng.

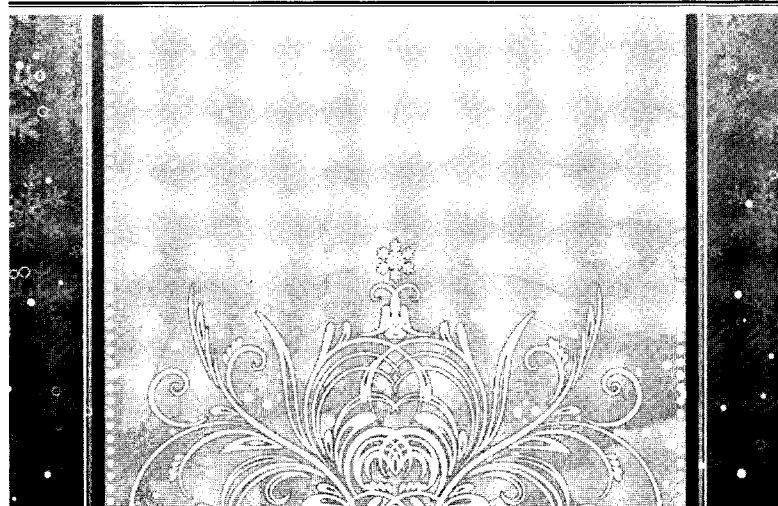
Bồ tát cũng chẳng nên sanh tâm chấp ngã, chẳng nên tác niệm mình có hành Bát nhã Ba-la-mật, mình hành Bát nhã Ba-la-mật sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát phải biết rõ hết thấy pháp tướng đều là thường trú, là như pháp tánh thật tế, mà ở nơi đó thì chẳng có sự tương đãi.

Bởi nhân duyên này, nên phải nói thêm lần thứ ba.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 78



Phẩm Thứ Sáu Mười Bốn



Tịnh Nguyên
(Nguyễn Thanh Tịnh)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn tự niệm rằng: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, hành 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến hành 18 bất cộng pháp, đã vượt lên trên hết thấy chúng sanh rồi, huống nữa là khi đã được Vô Thượng Bồ Đề.

Trong các chúng sanh, nếu có người nghe thuyết về Nhất thiết chủng trí mà tin giải được, thì phải biết, ở trong loài người, người ấy được nhiều phước lành, được thọ mạng lâu dài, huống nữa là còn phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề. Nếu có chúng sanh nào phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì những chúng sanh khác phải nên vui mừng, nên mong ước được như vậy.

Rồi ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đem hoa “mạn đà la” tán lên Phật, và phát nguyện rằng: Bạch Thế Tôn! Con xin đem công đức này để nguyện cho người phát Vô Thượng Bồ Đề tâm được đầy đủ các Phật pháp, đầy đủ nhất thiết trí, đầy đủ tự nhiên trí, nguyện cho người cầu Thanh Văn đạo được đầy đủ Thanh Văn pháp.

Bạch Thế Tôn! Con nguyện cho Bồ tát đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm trọn chẳng mong lên một niệm thối chuyển, chẳng sanh một niệm trở về với Thanh Văn tâm và Bích Chi Phật tâm.

Bạch Thế Tôn! Con nguyện cho chư Bồ tát càng thêm tinh tấn ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, để cứu độ hết thảy chúng sanh đang chịu khổ đau trong các nẻo đường sanh tử, để đem lại lợi ích cho hết thảy thế gian, trời, người, a-tu-la, với tâm niệm rằng: “Khi được tự độ rồi, tôi sẽ giải người chưa được độ; khi được giải thoát rồi, tôi sẽ giải thoát người chưa được giải thoát; khi được an ổn rồi, tôi sẽ an ổn người chưa được an ổn; khi được diệt độ rồi, tôi sẽ làm cho người chưa được diệt độ cũng được diệt độ”.

Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ tùy hỷ công đức của vị Bồ tát sơ phát tâm, thì được bao nhiêu phước đức? Nếu tùy hỷ công đức của vị Bồ tát đã phát tâm từ lâu, thì bao nhiêu phước đức? Nếu tùy hỷ công đức của vị Bồ tát Bất Thối Chuyển, thì được bao nhiêu phước đức? Nếu tùy hỷ công đức của vị Bồ tát nhất sanh bất xứ, thì được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy: Nay Kiều Thi Ca! Cả 4 châu thiên hạ có thể cân lường mà biết được; còn phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường được. Cõi đại thiên thế giới có thể cân lường mà biết được; còn phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường được.

Nay Kiều Thi Ca! Nếu cõi đại thiên thế giới đều tràn đầy nước biển, và nếu đem một sợi tóc chẻ ra làm trăm phần, rồi lấy một phần sợi tóc đó nhúng vào trong nước biển, để cho nhỏ giọt, thì còn có thể đếm được số giọt nước nhỏ xuống. Thế nhưng, phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường mà biết được.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh nào chẳng sanh tâm tùy hỷ công đức của người cầu Vô Thượng Bồ Đề đều là quyến thuộc của ma.

Các chúng sanh ấy đều từ cõi ma sanh về đây. Vì sao? Vì những người muốn phá cảnh giới ma, mới phát tâm tùy hỷ công đức của Bồ tát. Thế nên, người ái kính Tam bảo ắt phải sanh tâm tùy hỷ, và đem tâm tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, vì tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng là chẳng phải một tướng, cũng chẳng phải hai tướng vậy.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Nếu có người nào đem công đức của Chư Bồ tát mà tùy hỷ hồi hướng như vậy, thì phải biết người ấy đã thường gặp chư Phật; trọn chẳng thấy ác sắc, chẳng nghe ác thanh, chẳng ngửi ác hương, chẳng nếm ác vị, chẳng chạm ác xúc, chẳng khởi ác niệm; trọn chẳng xa rời chư Phật. Người ấy đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, thân cận, cúng dường chư Phật, gieo giống các thiện căn.

Vì sao? Vì trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, người ấy đã tùy hỷ công đức của chư vị Bồ tát sơ phát tâm, của chư vị Bồ tát từ Nhị Địa... dẫn đến Thập địa, của chư vị Bồ tát nhất sanh bất tử, rồi đem các công đức ấy hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Do nhân duyên gieo trồng thiện căn như vậy, nên người ấy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát ấy, khi được Vô Thượng Bồ Đề, sẽ độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh.

Này Kiều Thi Ca! Bởi vậy nên thiện nam, thiện nữ tùy hỷ công đức của chư Bồ tát sơ phát tâm, rồi hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì tâm tùy hỷ hồi hướng đó là chẳng phải tâm (phi tâm), chẳng phải rời tâm (phi ly tâm). Dẫn đến tùy hỷ công đức của chư Bồ tát đã phát tâm từ lâu, của chư Bồ tát bất thối chuyển, của chư Bồ tát nhất sanh bất tử, rồi hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, thì tâm tùy hỷ

hồi hướng đó cũng chẳng phải tâm (phi tâm), chẳng phải rời tâm (phi ly tâm).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tâm là như huyền. Như vậy, tâm đó làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ông có thấy tâm như huyền chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy huyền cũng chẳng thấy tâm như huyền.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng thấy có huyền, cũng chẳng thấy có tâm như huyền thì ông có thấy tâm đó chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ly huyền và ly tâm như huyền, thì ông có thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Con chẳng thấy ly huyền và ly tâm như huyền lại có pháp được Vô Thượng Bồ Đề.

Con chẳng thấy có pháp nào là được, hay là chẳng được, vì pháp tướng là rốt ráo ly, nên chẳng đọa về CÓ (hữu), cũng chẳng đọa về KHÔNG (vô). Nếu pháp là rốt ráo ly, thì chẳng có pháp được Vô Thượng Bồ Đề.

Vậy nên, Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, 5 pháp Ba-la-mật rốt ráo ly, ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly. Nếu pháp là rốt ráo ly, thì chẳng nên tu, chẳng nên hoại. Hành Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng chẳng có pháp khả đắc (có thể được), vì là rốt ráo ly vậy.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly,

thì làm sao có thể do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề?

Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề cũng rốt ráo ly. Trong hai pháp ly đó, vì sao lại có pháp khả đắc?

Phật dạy: Lành thay, lành thay! Nay Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, 5 pháp Ba-la-mật kia rốt ráo ly... dẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo ly.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo ly, nên có thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là rốt ráo ly... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng phải rốt ráo ly, thì chẳng gọi là Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là rốt ráo ly, nên chẳng phải do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng phải do nơi ly mà được ly.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỗ sở hành của Bồ tát có nghĩa rất thâm sâu.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Chỗ sở hành của Bồ tát có nghĩa quá thâm sâu. Chư Bồ tát Ma-ha-tát làm những việc rất khó làm. Đó là hành chỗ thâm nghĩa, mà chẳng tác chứng Thanh Văn và Bích Chi Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo nghĩa mà con được nghe Phật dạy, thì sở hành của Bồ tát chẳng phải là khó. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng đắc thâm nghĩa đó để tác chứng, chẳng đắc Bát nhã Ba-la-mật để tác chứng, cũng chẳng có người tác chứng.

Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều chẳng thể đắc, thì tác chứng có nghĩa gì; thế nào là Bát nhã Ba-la-mật tác chứng; thế nào là người tác chứng, và tác chứng rồi được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! Như vậy gọi là Bồ tát, ở nơi vô sở đắc, mà hành Bồ tát hạnh. Bồ tát hành như vậy, nên ở nơi hết thấy pháp đều được minh liễu.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nghe thâm pháp như vậy, mà chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, chẳng trầm một, thì đó mới gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng thấy hành Bát nhã Ba-la-mật ắt sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng dấy niệm: “Thanh Văn và Bích Chi Phật cách xa ta, cách xa Bát nhã Ba-la-mật; còn ta thì gần Nhất thiết chủng trí, gần Thế Tôn”.

Bạch Thế Tôn! Ví như hư không chẳng dấy niệm phân biệt có pháp ở xa, có pháp ở gần, vì hư không là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng dấy niệm phân biệt rằng: “Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta”, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như người huyền chẳng dấy niệm phân biệt rằng: “Huyền sư ở gần ta, các khán giả ở cách xa ta”, vì người huyền là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm phân biệt rằng “Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta”, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như ảnh trong gương chẳng dấy niệm phân biệt vật ở trước gương là xa hay là gần, vì ảnh là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm phân biệt rằng: “Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta”, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng thương, cũng chẳng ghét. Vì sao? Vì tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Ví như Phật chẳng có tâm thương ghét, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có thương ghét.

Bạch Thế Tôn! Ví như Phật đã đoạn sạch các niệm tướng phân biệt, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Vì sao? Vì các niệm tướng đều là rốt ráo không.

Bạch Thế Tôn! Ví như Phật hóa hiện ra các hóa nhân. Những hóa nhân đó chẳng dấy niệm rằng: “Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta”, vì các hóa nhân đó đều là vô phân biệt. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng dấy niệm rằng: “Thanh Văn xa ta, Nhất thiết chủng trí gần ta”, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như do có chỗ làm nên hóa tác ra các việc, mà các việc hóa tác ra đó đều là vô phân biệt. Cũng như vậy, do có các việc phải làm, mà phải tu tập, khiến các việc ấy được thành tựu, mà Bát nhã Ba-la-mật cũng vẫn là vô phân biệt.

Bạch Thế Tôn! Ví như người thợ có chỗ đặt hàng, mới cùng với học trò bỏ công ra làm người gỗ, ngựa gỗ, trâu gỗ, dê gỗ v.v... Các tượng gỗ đó cũng làm nên việc, nhưng

đều là vô phân biệt. Bát nhã Ba-la-mật cũng vậy. Vì có các việc phải làm, nên nói Bát nhã Ba-la-mật thành tựu các việc, nhưng Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Lúc bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất hỏi: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt, hay 5 Ba-la-mật kia cũng là vô phân biệt?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài Xá Lợi Phất! 5 Ba-la-mật kia cũng đều là vô phân biệt cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Sắc... dẫn đến thức, nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức, nhãn xúc... dẫn đến ý xúc, nhãn xúc nhân duyên sanh thọ... dẫn đến ý xúc nhân duyên sanh thọ cũng đều là vô phân biệt chăng?

4 thiền, 4 vô lượng, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp, Vô Thượng Bồ Đề, vô vi tánh cũng đều là vô phân biệt chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Sắc... dẫn đến vô vi tánh cũng đều là vô phân biệt cả.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu hết thấy các pháp đều là vô phân biệt, thì làm sao phân biệt được 6 đạo chúng sanh; làm sao phân biệt được 4 quả Thanh Văn; làm sao phân biệt được quả Bích Chi Phật, quả Phật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Do nhân duyên chúng sanh điên đảo tạo 3 nghiệp ở thân khẩu và ý, rồi tùy theo nghiệp dẫn mà thọ thân vào 6 đạo chúng sanh, gồm: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người và a-tu-la.

* Làm sao phân biệt quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có quả Phật chăng?

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Do vô phân biệt mà có quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật, ... dẫn đến cũng do vô phân biệt mà có quả Phật.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Chư Phật trong quá khứ cũng do vô phân biệt, do dứt đoạn phân biệt nên có vậy.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Phải biết rằng hết thấy pháp đều là vô phân biệt, vì đều chẳng có tướng hoại, đều là như pháp tánh thật tế.

Thưa ngài Xá Lợi Phất! Bởi vậy nên Bồ tát phải hành vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật. Hành vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật rồi là liền được vô phân biệt Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Thiên Đế Thích hoan hỷ, tự niệm rằng: “Bồ tát hành Bồ tát đạo đã có công đức thù thắng hơn hết thấy thế gian, hưởng nữa là khi được đạo Vô Thượng Bồ Đề”.

Tự niệm như vậy rồi, ngài tự nguyện thủ hộ chư Bồ tát, khiến được tinh tấn, chẳng bao giờ thoái chuyển.

-o0o-

Nên biết trong chúng sanh, có hạng đã phát tâm, có hạng chưa phát tâm. Trong số người đã phát tâm, thì Bồ tát là thù thắng hơn hết. Vì sao? Vì Bồ tát phát nguyện học hết thấy Phật pháp, nhằm cứu độ chúng sanh, khiến họ xa lìa được các khổ, hưởng được an vui. Chư vị A-la-hán, dù đã được lậu tận, cũng chẳng bằng được Bồ tát sơ phát tâm. Ví như thái tử, tuy chưa được lên ngôi vua, mà đã thù thắng hơn vị đại thần.

Cũng như vậy, Bồ tát, tuy chỉ mới sơ phát tâm, đã thắng hơn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật.

-o0o-

Có hai hạng Bồ tát sơ phát tâm. Đó là:

- Hạng người phát tâm làm Bồ tát hạnh, hành 6 pháp Ba-la-mật.

- Hạng người chưa phát tâm, mà đã làm Bồ tát hạnh, hành 6 pháp Ba-la-mật.

Cả hai hạng người này, tuy chưa thành tựu được Bồ tát đạo, nhưng đã thắng hơn hết thầy chúng sanh.

Ví như chim Ca Lăng Tần Già, vừa mới từ trong trứng ra, mà đã thắng hơn các loài chim khác. Cũng như vậy, Bồ tát, tuy chưa thành Phật đạo, nhưng khi hành Bồ tát đạo đã nói ra thật tướng các pháp phá tan hàng ma vương, ngoại đạo; tuy chưa đoạn sạch phiền não, mà các nghiệp thân khẩu ý đã được thanh tịnh. Bởi vậy nên Bồ tát thù thắng hơn hết thầy chúng sanh.

Chúng sanh chỉ cầu vui cho riêng mình; Thanh Văn chỉ tự diệt khổ, cầu vui Niết bàn; Thanh Văn tu hành vì tự độ hơn vì độ tha.

Trái lại, Bồ tát trái rộng tâm đại bi, thương xót chúng sanh và nguyện độ hết thầy chúng sanh, nên thù thắng hơn nhiều.

Trong kinh có ghi mẫu chuyện sau đây:

Có một vị Sa-di làm thị giả cho một vị A-la-hán, thường theo sát bên thầy.

Một hôm, vị Sa-di mong tâm cầu Vô Thượng đạo, cầu được chứng Niết bàn Phật thừa. Vị A-la-hán biết được tâm

niệm của vị Sa-di, liền lùi lại, ôm đấm đưng y bát theo sau vị Sa-di. Một lúc sau, vị Sa-di suy nghĩ Phật đạo khó thành, chúng sanh ở trong các nẻo đường sanh tử đang thọ vô lượng khổ, nên mong tâm cầu chứng Niết bàn Thanh Văn. Vị A-la-hán lại trao đũa đưng y bát cho vị Sa-di, và bảo vị này đi theo sau mình.

Vị Sa-di thưa: Bạch thầy, vì sao thầy mới bảo con đi trước, nay lại đổi ý bảo con đi sau?

Vị A-la-hán đáp: Trước con đã phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, muốn được làm Phật. Tâm ấy rất quý, vì đó là tâm Phật, nên ta phải nhường con đi trước, Bích Chi Phật còn cung kính, cúng dường Phật, huống nữa là ta chỉ mới là A-la-hán. Thế nhưng ngay sau đó con lại thôi chuyển, muốn trở lại với tâm Thanh Văn, nên con phải đi theo ta vậy.

Vị Sa-di nghe thầy nói sanh tâm sợ hãi, biết rằng thầy đã biết mình đã có lần phát Bồ tát tâm, cũng biết rằng Bồ tát chi mới phát tâm cũng đã thù thắng hơn A-la-hán rồi, huống nữa là thành tựu Vô Thượng Đạo.

Bởi vậy nên biết rằng chỉ một phen phát tâm muốn thành Phật để độ thoát chúng sanh, là đã thù thắng hơn biết bao nhiêu người tu thiên định, giải thoát rồi vậy.

Trong kinh *Ma Ha Diễn* luận rằng: Có người phát Đại thừa tâm, tuy còn trong hàng tặc, tiểu nhân, mà đã thù thắng hơn hàng Nhị thừa. Vì Bồ-tát Đại thừa là người đại giải thoát, ly nhị biên, hành trung đạo. Bởi vậy nên, ngay khi vừa phát tâm đã thù thắng hơn hết thầy chúng sanh, huống nữa là khi thành Phật quả. Người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà sanh được tín tâm thanh tịnh là đã có được đại lợi ích vậy. Có thuyết nói: Bồ tát khi đã được bất thối chuyển rồi, thì chẳng còn bị đọa vào các đường ác.

Có thuyết nói: Bồ tát trú trong quả báo thân thông, đi khắp cả 10 phương, cúng dường chư Phật, giáo hóa chúng sanh. Bồ tát dùng mọi phương tiện để giáo hóa chúng sanh, nên được thọ mạng lâu dài.

“Mạng” nói trên đây có hai nghĩa. Đó là:

- Mạng căn.

- Huệ mạng.

Người được “trí huệ mạng” được người đời quý trọng, nên nói là được thọ mạng lâu dài. Người phát tâm Đại thừa được quý kính. Vì sao? Vì do nhân duyên xả bỏ sự an vui của chính mình, và nguyện đem lại sự an vui cho người khác.

Bởi nhân duyên vậy, nên vị Đế Thích sanh tâm đại hoan hỷ, đem hoa Mạn Đà La cúng dường Phật.

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích đem phước đức của mình để nguyện cho những người cầu Phật đạo đều được đầy đủ Phật pháp?*

Đáp: Tuy chẳng có thể đem phước đức của mình cho người khác được, nhưng vị Đế Thích đã dùng hảo tâm của mình để tùy hỷ công đức của những người cầu Phật đạo.

Vị Đế Thích bạch Phật rằng: “Tuy rằng con chỉ được Thanh Văn đạo, nhưng con trọn chẳng sanh niệm muốn Bồ tát thối tâm về Nhị thừa, vì Bồ tát thấy chúng sanh chịu khổ đau trong các đường sanh tử, mà nguyện độ chúng sanh thoát khổ, khiến họ được giải thoát.

-o0o-

Trong chúng hội, có người dấy niệm nghĩ rằng, “Tùy hỷ công đức của người sơ phát tâm Bồ tát, và tùy hỷ công đức

của Bồ tát đã phát tâm lâu có sai khác”, nên Thiên Đế Thích bạch Phật: Người tùy hỷ công đức của Bồ tát sơ phát tâm được bao nhiêu phước đức? ... Dẫn đến người tùy hỷ công đức của Bồ tát nhất sanh bồ xứ được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy: Phước đức của sự tùy hỷ chẳng sao có thể suy lường mà biết được.

Thiên Đế Thích bạch Phật: Người nào biết được công đức của Bồ tát mà chẳng tùy hỷ, đều là quyến thuộc của ma. Vì do tu tập ác tâm, nên chẳng tùy hỷ công đức của người tu Bồ tát hạnh. Trái lại, người cầu Phật đạo là người đã quyết tâm phá cảnh giới ma, phá ái dục, thâm kính Tam Bảo, nên mới đem tâm tùy hỷ công đức của chư Bồ tát, và hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng là chẳng phải một, và cũng chẳng phải hai.

Vì sao? Vì các pháp chẳng có định hướng, và đều do nhân duyên sanh, nên nói hai tâm là chẳng phải một. Nhưng tâm tùy hỷ chẳng có phân biệt với tâm hồi hướng, nên nói hai tâm là chẳng phải hai.

Phật dạy: Người nào đem công đức của chư Bồ tát, của chư Phật ở trong 10 phương mà tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, sẽ được sanh vào thời có Phật, trọn chẳng thấy ác sắc... dẫn đến chẳng chạm ác xúc, trọn chẳng xa rời chư Phật, chẳng đoạn Phật chủng.

Ở đây, Phật nói lên các nhân duyên người phát Bồ Đề tâm được đại quả báo, sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề, độ vô lượng chúng sanh.

Phật lại nói thêm rằng: Nếu y nơi thật tướng pháp mà tùy hỷ hồi hướng, và biết rõ thật tướng tâm cũng là bất khả đắc, thì sẽ thấy rõ tâm tùy hỷ và tâm hồi hướng là chẳng phải một,

chẳng phải hai, là chẳng phải tâm (phi tâm), là chẳng phải rời tâm (phi ly tâm).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Tâm là chẳng phải tâm (phi tâm), là không, là vô sở hữu, là như huyễn. Như vậy, tâm đó làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Ông có thấy tâm như huyễn chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: “Nếu tâm là không, là như huyễn, thì chẳng có thể thấy được; còn trái lại, nếu thấy được tâm, thì tâm chẳng phải là không, là như huyễn”. Nghĩ như vậy nên ngài đáp: Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Nếu tâm là không, là vô sở hữu, là như huyễn, thì nơi đó có thấy CÓ, có thấy KHÔNG chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy vậy.

Phật dạy: Ly huyễn và ly tâm như huyễn, ông có thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Con chẳng thấy có pháp nào được Vô Thượng Bồ Đề cả, chẳng thấy có pháp nào khả đắc cả. Vì các pháp là rốt ráo không, rốt ráo ly, nên chẳng đọa về CÓ, cũng chẳng đọa về KHÔNG. Nếu chẳng đọa về CÓ, chẳng đọa về KHÔNG, thì là vô sở hữu, nên chẳng có pháp được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Phật dạy: Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly tướng. Thấy CÓ hoặc thấy KHÔNG đều là lỗi lầm cả. 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng đều là như vậy cả. Nếu đều là rốt ráo ly tướng thì đều là bất khả đắc vậy.

Cho nên, thấy là bất khả đắc, tu là bất khả đắc, đoạn là bất khả đắc, chứng cũng là bất khả đắc vậy. Chứng đắc pháp như vậy là vô sở đắc, là rốt ráo ly vậy.

Ngài Bồ đề bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly. Như vậy làm sao có thể dùng rốt ráo ly để được rốt ráo ly? Nếu một pháp rốt ráo ly là đã chẳng được rồi, huống nữa là cả hai pháp đều rốt ráo ly. Ví như lấy ngón tay chạm vào hư không, mà hư không chẳng có chỗ chạm xúc, thì ngón tay cũng chẳng có thể xúc được. Hơn thế nữa, nếu Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly, Niết bàn rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly, thì làm sao có thể dùng Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly để được Niết bàn rốt ráo ly, được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly?

Phật biết ngài Tu Bồ Đề đã dùng thật tướng pháp để nói, nên Phật tán thán: “Lành thay, lành thay! Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly và Vô Thượng Bồ Đề là rốt ráo ly, nên chẳng phải do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng phải do nơi ly mà được ly”.

Vì sao? Vì nếu pháp có định tướng, thì chẳng phải là không, tức là thường; mà đã là thường, thì chẳng có sanh tướng. Nếu các pháp ở quá khứ, hiện tại và vị lai là không thì cũng chẳng có sanh tướng. Nếu chẳng có sanh tướng thì cũng chẳng có diệt tướng. Nếu chẳng có sanh diệt tướng thì chẳng có 4 thánh đế “khổ, tập, diệt, đạo” vậy.

Lại nữa, nếu nói “vô pháp” là thật pháp, là rốt ráo không, thì chẳng có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có Phật bảo, chẳng có Pháp bảo, chẳng có Tăng bảo.

Bởi các lỗi lầm trên đây, nên nói là rốt ráo ly tướng vậy.

Bồ tát biết rõ như vậy, nên ở nơi hết thảy pháp được thông đạt vô ngại. Rốt ráo ly là ly hết thảy tướng, kể cả “không tướng”. Vì sao? Vì nếu chẳng ly “không”, thì chẳng gọi là rốt ráo ly được vậy.

Bởi vậy nên nói Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo ly, Vô Thượng Bồ Đề là rốt ráo ly, chẳng phải do nơi Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề, lại cũng chẳng phải do nơi ly mà được ly; Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật rốt ráo ly mà được Vô Thượng Bồ Đề rốt ráo ly; cả hai pháp ly đó đều rốt ráo không, rốt ráo bất khả đắc cả.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Phật dạy chỗ thâm tướng nên bạch Phật: Bồ tát hành đạo như vậy là hành thậm thâm nghĩa.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát thường làm các việc rất khó làm, thường được thậm thâm nghĩa, nên chẳng tác chứng Nhị thừa. Vì sao? Vì Bồ tát nhất tâm làm việc lợi ích cho chúng sanh thâm nhập vào pháp không, mà chẳng chứng Niết bàn. Thật là việc rất khó làm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Như chỗ con hiểu, nương theo lời Phật dạy thì việc làm của Bồ tát chẳng phải là việc khó làm. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng đắc thậm nghĩa đó để tác chứng, chẳng đắc Bát nhã Ba-la-mật để tác chứng, cũng chẳng phải là người tác chứng vậy. Người chứng được thậm nghĩa, mà chẳng tác chứng, mới là chứng thậm nghĩa vậy.

Người dụng vô sở đắc mà hành Bồ tát đạo, mới là người sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Bồ tát hành đạo như vậy, nên minh chiếu được hết thấy các pháp.

Hỏi: Phật nói Bồ tát làm những việc rất khó làm; ngài Tu Bồ Đề lại nói việc làm của Bồ tát chẳng phải là việc khó làm. Như vậy, giữa Phật và vị đại đệ tử của Phật có quan điểm sai khác nhau chăng?

Đáp: Phật vì đại chúng đã dùng thế đế, nên nói là khó làm. Ngài Tu Bồ Đề dùng đệ nhất nghĩa đế, nên nói là chẳng khó làm. Phật vì chúng sanh nói: “Bồ tát làm những việc rất

khó làm”. Có người nghe nói như vậy liền phát tâm. Nhưng cũng có người nghe nói việc khó làm, liền thối tâm.

Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nói: “Chỗ sở hành của Bồ tát chẳng phải là khó”.

Bồ tát dụng tâm vô sở đắc tu Bồ tát hạnh, trú trong hạnh vô sở đắc, nên ở nơi hết thảy pháp được thông đạt vô ngại. Nếu có Bồ tát nào nghe các pháp rốt ráo ly, chẳng có pháp khả chứng, chẳng có người thù chứng, chẳng có Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng sanh tâm sợ hãi, thì phải biết vị Bồ tát ấy, ở nơi hết thảy pháp, đều được thông đạt, vô ngại vậy. Hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chánh hành thâm Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì hành như vậy, Bồ tát chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy mình hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có pháp Vô thượng Bồ Đề để đắc, vì hết thảy pháp đều là vô phân biệt.

Bồ tát trú trong thật tướng pháp, nên chẳng có dấy tâm phân biệt, chẳng nghĩ rằng: “Nhị thừa xa ta, ta gần Phật đạo”. Ví như hư không, chẳng dấy niệm phân biệt, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng dấy niệm phân biệt, vì Bát nhã Ba-la-mật cũng như hư không đều là vô phân biệt. Ví như người thợ làm gỗ, do có chỗ đặt hàng mới làm ra các người gỗ, ngựa gỗ, dê gỗ v.v...; các tượng gỗ ấy tùy theo công việc mà được làm ra, nhưng đều là vô phân biệt. Cũng như vậy, do có chỗ tu tập mà thành tựu các công đức, nhưng Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt vậy.

Đến đây, ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Tu Bồ Đề: Chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt, hay 5 Ba-la-mật kia cũng là vô phân biệt?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tất cả 5 Ba-la-mật kia cũng là vô phân biệt. Thế nhưng, đối với hàng Bồ tát sơ phát tâm, do

chưa được vô sanh pháp nhãn, nên còn thấy có phân biệt. Ví như nhiều con sông chảy về biển; khi còn đang trên đường chảy về biển, thì mỗi con sông đều phân biệt, đều có tên riêng khác, khi đã chảy vào biển rồi, thì nước từ các con sông ấy đã hòa đồng với nhau, chẳng còn sai khác nhau nữa. Bồ tát cũng vậy, khi còn ở trong thế tục, thì còn thấy các pháp có sai khác; khi đã vào trong đệ nhất nghĩa đế rồi, thì chẳng còn thấy có sai khác nữa, chẳng còn có phân biệt nữa.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Nếu sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, vô vi tánh đều vô phân biệt, thì làm sao phân biệt được chúng sanh trong 6 đường sanh tử?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tuy các pháp là rốt ráo không, là vô phân biệt, nhưng chúng sanh điên đảo tạo nên 3 nghiệp ở thân khẩu và ý, rồi tùy theo nghiệp dẫn mà thọ thân vào trong 6 đường chúng sanh vậy. Các nghiệp báo mà chúng sanh gây nên đều do tham dục làm gốc. Chỉ vì bị dục tâm bức bách, mà chúng sanh khởi tâm chấp, chẳng biết rằng các pháp vốn là tự tướng không, chẳng có định tướng. Đã tạo nghiệp, thì phải thọ quả báo sanh vào 6 đường chúng sanh vậy.

Ngài Xá Lợi Phất lại hỏi: Làm sao phân biệt có quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến có quả Phật?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Tu-đà-hoàn là quả vị Thánh đầu tiên. Hành giả tu rốt ráo không, tu vô phân biệt, nên đoạn được 3 kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn. Đoạn 3 kiết sử tức là đoạn tâm điên đảo, tức là vào được nơi không, nơi vô sở hữu, nơi vô phân biệt vậy.

Do thế đế mà giả danh nói có quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả vị Phật vậy. Do thế đế mà giả danh nói có quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán,

quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật vậy. Tất cả các quả đó đều là rốt ráo không, đều là vô phân biệt cả. Chẳng phải chỉ hiện tại là vô phân biệt, mà quá khứ và vị lai cũng đều như vậy cả. Chư Phật trong quá khứ cũng do vô phân biệt mà vào được Vô Dư Niết bàn; chư Phật trong vị lai cũng sẽ do vô phân biệt, mà vào được Vô Dư Niết bàn. Chẳng có một pháp nào có thể phân biệt được, vì hết thảy các pháp rốt ráo không. Nếu biết được như vậy là vào được nơi thật tướng pháp, nơi như pháp tánh thật tế vậy. Bởi vậy nên Bồ tát phải hành vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật. Hành được vô phân biệt Bát nhã Ba-la-mật rồi, là liền được vô phân biệt Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Phẩm Thứ Sáu Mười Lăm



Độ Hư Không

KINH:

Ngài Xá Lợi Phát hỏi ngài **Tu Bồ Đề**: Thưa ngài **Tu Bồ Đề**! **Bồ tát** hành **Bát nhã Ba-la-mật** là hành pháp chân thật; hay là hành pháp không chân thật.

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Thưa ngài **Xá Lợi Phát**! **Bồ tát** hành **Bát nhã Ba-la-mật** là hành pháp không chân thật. Vì sao? Vì **Bát nhã Ba-la-mật** là pháp không chân thật... dẫn đến **Nhất thiết** chủng trí là pháp không chân thật.

Bồ tát hành **Bát nhã Ba-la-mật** là hành pháp không chân thật, là hành pháp chẳng thể đắc... dẫn đến hành **Nhất thiết** chủng trí là hành pháp không chân thật, là hành pháp chẳng thể đắc vậy.

Lúc bấy giờ, hàng chư thiên cõi **Dục** và cõi **Sắc** nghĩ rằng: Các thiện nam, thiện nữ phát **Vô Thượng Bồ Đề**, đúng như thuyết, hành thâm **Bát nhã Ba-la-mật**, trú nơi bình đẳng pháp, nên chẳng tác chứng thật tế, chẳng lạc về **Thanh Văn** và **Bích Chi Phật** địa. Những người như vậy đáng được chúng ta cung kính, đánh lễ.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa chư vị thiên tử! Chư đại **Bồ tát** trú nơi bình đẳng pháp, mà chẳng lạc về **Thanh Văn** và **Bích Chi Phật** địa chẳng có gì là khó. Chư đại **Bồ tát** phát nguyện trang nghiêm “đại ngã”, là độ vô lượng, vô biên chúng sanh; biết rõ chúng sanh là bất khả đắc, mà

nguyện độ vô lượng vô biên chúng sanh như vậy mới thật là khó.

Thưa Chư vị thiên tử! Chư đại Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, thệ nguyện rằng: “Ta phải độ hết thấy chúng sanh”. Chúng sanh là bất khả đắc, mà Bồ tát muốn độ hết thấy chúng sanh chẳng khác gì muốn độ hư không vậy.

Vì sao? Vì hư không là ly, cho nên biết chúng sanh cũng là ly; hư không là không, cho nên biết chúng sanh cũng là không; hư không là chẳng kiên cố, cho nên biết chúng sanh cũng là chẳng kiên cố, hư không là hư vọng, cho nên biết chúng sanh cũng là hư vọng.

Này Chư vị thiên tử! Bởi nhân duyên vậy, nên biết chỗ làm của Bồ tát rất khó. Chúng sanh là chẳng có, nên làm lợi ích cho chúng sanh là đại trang nghiêm. Bồ tát vì chúng sanh mà kết thệ nguyện muốn cùng hư không đấu tranh. Khi đã kết thệ rồi, Bồ tát rõ chúng sanh là bất khả đắc, mà vẫn vì chúng sanh kết thệ.

Vì sao? Vì chúng sanh là ly, cho nên biết lời thệ nguyện cũng ly; vì chúng sanh là như hư không, cho nên biết lời thệ nguyện cũng như hư không.

Nếu Bồ tát nào nghe vậy, mà tâm chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì 5 ấm ly tức là chúng sanh ly; 5 ấm ly tức là 6 pháp Ba-la-mật ly; dẫn đến Nhất thiết chủng trí ly tức là 6 pháp Ba-la-mật ly.

Nếu Bồ tát nào nghe vậy, mà tâm chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nhân duyên gì mà Bồ tát ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng sợ hãi, chẳng chìm đắm?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sở hữu, nên Bồ tát ở nơi thâm Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chìm đắm. Vì Bát nhã Ba-la-mật là ly, là tịch diệt, nên Bồ tát ở nơi Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chìm đắm. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có nhân duyên khả đắc, có pháp khả đắc, có trú xứ khả đắc, có người đắc pháp, vì hết thấy pháp đều là bất khả đắc.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nào nghe vậy, mà tâm chẳng sợ hãi chẳng chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì người, việc và xứ đều là bất khả đắc cả.

Nếu Bồ tát nào y như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật, thì các chư thiên cùng các vị thiên chủ đều đánh lễ.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng những hàng chư thiên và chư thiên chủ đều đánh lễ; mà hiện tại ở trong khắp 10 phương, chư Phật cũng đều hộ niệm vị Bồ tát ấy.

Này Tu Bồ Đề! Phải biết vị Bồ tát ấy là như Phật rồi.

Nếu trong hằng sa thế giới đều có vô lượng ma biến hóa ra các thân đến quấy nhiễu vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật ấy, thì cũng chẳng sao có thể gây lưu nạn được.

LUẬN:

Nghe nói pháp tướng là vô phân biệt, ngài Xá Lợi Phất hết sức vui mừng, và hỏi ngài Tu Bồ Đề rằng: Hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp chân thật, hay là hành pháp chẳng chân thật?

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng: “Pháp chân thật là định pháp,

chẳng có biến đổi, có thể thủ, có thể chấp; còn pháp chẳng chân thật là pháp hư dối. Lại nữa, ngài Tu Bồ Đề thường ưa hành pháp không, tâm chẳng chướng ngại, nên đáp lại: Hành Bát nhã Ba-la-mật tức là hành pháp chẳng chân thật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có định tướng, là vô phân biệt... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy. Bồ tát đã từ nhiều đời trước tu tập Bát nhã Ba-la-mật, nên nay trở lại trong sanh tử cũng tiếp tục hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát biết rõ pháp hữu vi là bất khả đắc, biết rõ 3 đời đều do nhân duyên sanh, đều là hư vọng, lại biết rõ Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải là pháp chẳng thể chấp, nên quán hết thấy chúng sanh đều là chẳng chân thật, chẳng thể chấp. Bồ tát cũng biết rõ Bát nhã Ba-la-mật, xét về thể đế, là pháp chân thật, còn xét về đệ nhất nghĩa đế là pháp bất khả đắc, chẳng chân thật.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội có nhiều người phát Bồ Đề tâm, muốn đánh lễ vị Bồ tát làm việc khó làm, đó là hành đệ nhất thâm nghĩa mà chẳng tác chúng. Hành đệ nhất nghĩa, ở nơi đây, cũng là hành bình đẳng pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bèn nói với hàng chư thiên rằng: Bồ tát trú trong bình đẳng pháp mà chẳng tác chúng, chưa phải là việc khó; biết chúng sanh là bất khả đắc, mà muốn độ vô lượng chúng sanh mới thật là khó làm. Vì sao? Vì Bồ tát muốn độ chúng sanh như độ hư không, mà hư không là ly, là không, là chẳng kiên cố, là hư vọng, nên chúng sanh cũng là như vậy.

Hỏi: “Trú nơi bình đẳng pháp mà chẳng tác chúng”, “Biết chúng sanh là bất khả đắc mà muốn độ vô lượng chúng sanh” đều là những việc làm rất ráo không. Vì sao nói có việc dễ làm, có việc khó làm?

Đáp: Chúng sanh là hư dối, giả danh có, nên còn có chỗ chấp; bình đẳng pháp là vô vi, nên chẳng có chỗ chấp. Lại

nữa, chúng sanh từ nơi hữu vi mà giả danh sanh; còn vô vi là đệ nhất nghĩa. Như vậy, ở nơi chỗ điên đảo chấp, mà thường chẳng chấp mới là khó; còn ở nơi vô chấp mà chấp là chẳng thể có được vậy.

Vì sao? Vì chúng sanh là không, nên đại trang nghiêm cũng không. Nếu ở nơi đại trang nghiêm không, mà thường phát tâm mới thật là việc khó làm.

Bồ tát nghe “đệ nhất bình đẳng nghĩa” và “đại trang nghiêm độ vô lượng chúng sanh” đều rất ráo là không, mà chẳng sanh tâm sợ hãi.

Ví như chim đà điều thấy bóng mình in trên mặt đất mà chẳng sợ hãi, vì biết rõ bóng từ nơi thân nó mà có.

Cũng như vậy, Bồ tát biết rõ các pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp mà hư vọng được tạo lập ra, nhưng đều rất ráo là không, là bất khả đắc, nên nghe nói đến các sự việc như trên mà chẳng sanh tâm sợ hãi.

Như vậy là Bồ tát do hành Bát nhã Ba-la-mật mà biết rõ các sắc pháp đều là ly, nên chúng sanh cũng là ly. Ly có nghĩa không. Nếu chúng sanh không mà các pháp chẳng phải là không, thì mới sợ hãi. Nay biết chúng sanh cùng hết thảy các pháp đều không, nên chẳng có sợ hãi vậy.

Bồ tát nào nghe nói hết thảy pháp đều ly tướng mà chẳng sanh tâm sợ hãi, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Các vị đệ tử của Phật đều là những bậc đại trí. Như vậy vì sao Phật còn nói: “Bồ tát nào nghe như vậy mà chẳng sanh tâm sợ hãi mới là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật?”.

Đáp: Vì trong chúng hội có nhiều người nghe nói đến

chỗ sở hành của Bồ tát như vậy, còn nghi, nhưng chẳng dám hỏi Phật, nên Phật phải nói như trên đây.

“Đệ nhất bình đẳng nghĩa” rất thâm sâu, khó biết, nên người nghe sanh tâm chìm đắm. Vì chẳng thấu hiểu được thâm nghĩa đó, nên người nghe sanh tâm sợ hãi. Chỉ có những bậc thượng trí mới biết chỗ nào cần thưa hỏi vậy.

Bởi nhân duyên vậy, nên Phật cử ngài Tu Bồ Đề làm vị pháp chủ, để những người tham dự pháp hội dễ dàng thưa hỏi.

Hỏi: *Phật là bậc Nhất Thiết Trí, sao chẳng tự làm vị pháp chủ, mà lại cử ngài Tu Bồ Đề làm thay?*

Đáp: Vì trong chúng hội có nhiều người nghĩ rằng, “Phật có trí huệ vô lượng, vô biên, mà mình chỉ có trí huệ hạn lượng”, nên sợ chẳng dám thưa hỏi.

Lại nữa, có người thưa rằng: “Chư vị A-la-hán và Bích Chi Phật đã được lậu tận, nói pháp dễ được người nghe theo; còn chư vị Bồ tát, tuy đã tu tập vô lượng công đức, nhưng chưa sạch kiết sử, nên nói pháp ít được người nghe theo. Người độn căn nghe Bồ tát nói pháp khó sanh tâm tín thọ”.

Hỏi: *Ngài Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất. Vì sao Phật chẳng bảo ngài làm vị pháp chủ?*

Đáp: Vì ngài Tu Bồ Đề thường ưa nói về pháp không, mà Bát nhã Ba-la-mật giải rộng về pháp không, nên Phật bảo ngài Tu Bồ Đề làm vị pháp chủ, nói về pháp không.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Hết thấy pháp đều là rốt ráo không, đều là vô sở hữu, nên đều là tự tướng ly. Vì là ly

tướng, nên thường tịch diệt; vì là tịch diệt, nên chẳng có ức tướng phân biệt vậy. Bồ tát biết rõ như vậy nên chẳng có sợ hãi, chẳng có chìm đắm. Bồ tát nào biết rõ các pháp đều là bất khả đắc, mà chẳng có sợ hãi, chẳng có chìm đắm, thì phải biết đó là vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành như vậy, thì các hàng chư thiên cùng các vị Thiên chủ đều phải đánh lễ.

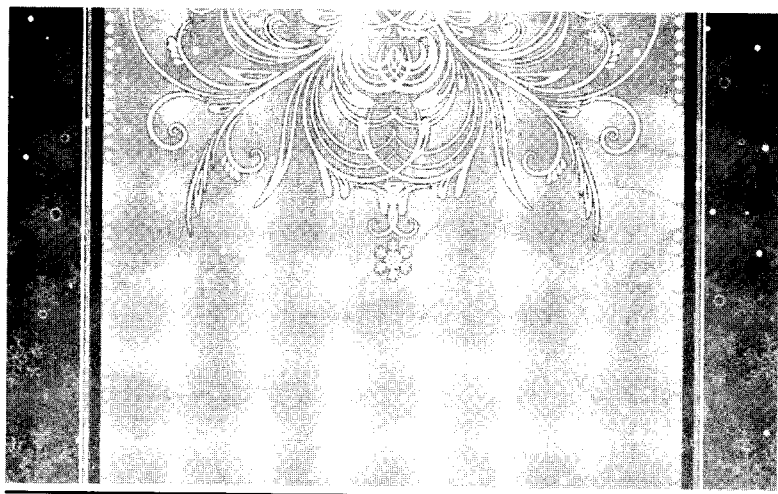
Vì sao? Vì chư thiên ở cõi Dục gần với chúng sanh, và được chúng sanh tôn kính, nên ngài Tu Bồ Đề nói: “Chư thiên phải đánh lễ”, để tạo niềm tin nơi chúng sanh, khiến họ sanh tâm tin kính chư vị Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Lại nữa, Bồ tát bỏ niềm vui riêng của mình, để làm việc lợi ích cho chúng sanh, khiến họ được an vui; còn hàng chư thiên thì thường chỉ cầu lợi ích cho riêng mình. Bởi vậy nên Bồ tát xứng đáng được sự cung kính, cúng dường của chư thiên, xứng đáng được chư thiên đánh lễ vậy.

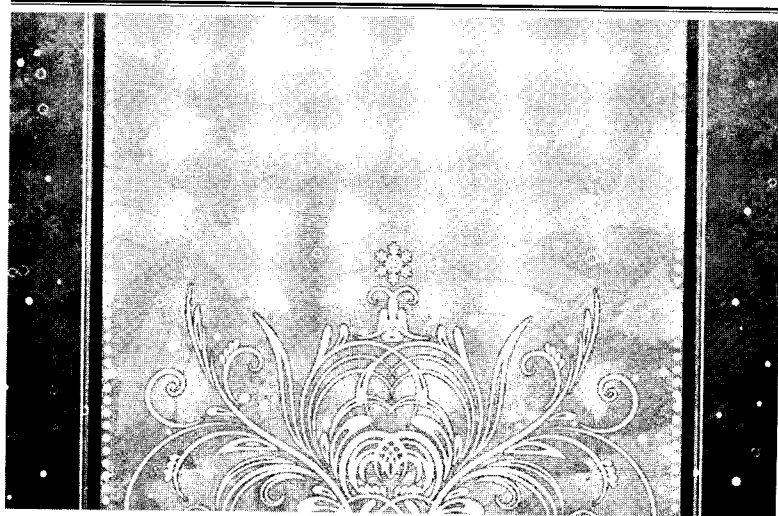
Phật dạy: Chẳng những hàng chư thiên ở cõi Dục, mà chư thiên ở các cõi khác, đã tu thanh tịnh hạnh, đều phải đánh lễ chư Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì chư thiên ở cõi Dục chỉ mới được Sơ Thiên, giác quán còn tán loạn, có đến đánh lễ Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thì đó chưa thể gọi là diệu. Chư thiên tu hành thanh tịnh ở các cõi khác, vì thân phục công đức của Bồ tát ấy, mà đến chúc lễ, mới là vi diệu. Phật dạy thêm: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, được chư Phật ở khắp 10 phương thường hộ niệm. Bồ tát tu tập như vậy được quả báo sẽ được làm Phật, nên được xem như là Phật rồi vậy. Bồ tát tu tập như vậy, quyết định sẽ đến Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng còn thoái chuyển, khiến các ác ma chẳng còn có thể phá hoại được nữa.

(Hết quyển 78)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 79



Phẩm Thứ Sáu Mười Lăm



Độ Hư Không (tiếp theo)

KINH:

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu hai pháp, khiến ác ma chẳng phá hoại được. Đó là:

- Quán hết thấy pháp không.
- Chẳng xả bỏ hết thấy chúng sanh.

Bồ tát lại thành tựu hai pháp nữa khiến ác ma chẳng phá hoại được. Đó là:

- Làm đúng như nói.
- Được chư Phật hộ niệm.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành như vậy, nên chư thiên đến thân cận, thăm hỏi và thưa rằng: Chẳng bao lâu nữa ngài sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, nên ngài phải hành “không, vô tướng và vô tác”.

Vì sao? Vì hành các hạnh đó, ngài sẽ hộ cho những chúng sanh chẳng được hộ; sẽ làm chỗ y chỉ cho những chúng sanh chẳng có chỗ y chỉ; sẽ cứu những chúng sanh chẳng được cứu; sẽ làm con đường cứu cánh cho những chúng sanh chẳng có chỗ cứu cánh; sẽ làm chỗ quy y cho những chúng sanh chẳng có chỗ quy y; sẽ làm chỗ cõn đảo cho những chúng sanh chẳng có nơi trú ngụ; sẽ làm đuốc sáng cho những chúng sanh mê muội; sẽ làm đôi mắt sáng cho những chúng sanh bị đui mù.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy. Chư Phật trong khắp 10 phương, khi thuyết pháp trước đại chúng, đều xưng dương và tán thán danh tánh của vị Bồ tát ấy.

Vì sao? Vì do hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà Bồ tát ấy thành tựu được vô lượng công đức, khiến hạt giống Phật chẳng đoạn dứt.

Này Tu Bồ Đề! Như khi ta thuyết pháp trước đại chúng, ta cũng xưng dương và tán thán danh tánh của Bồ tát Bảo Tướng, Bồ tát Thi Khí... Lại nữa, ở thế giới Phật A Súc Bệ, có những Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, tịnh tu phạm hạnh, ta cũng xưng dương và tán thán các Bồ tát ấy. Ở các thế giới Phật về bốn phương Đông, Tây, Nam và Bắc, về hai phương Trên và Dưới, về bốn phương chéo, ta cũng làm như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát, từ sơ phát tâm, đã muốn được đầy đủ Phật đạo, muốn được Nhất thiết chủng trí, nên khi chư Phật thuyết pháp thường xưng dương và tán thán các Bồ tát ấy.

Vì sao? Vì do hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, mà các Bồ tát ấy thành tựu được vô lượng công đức, khiến giống Phật chẳng đoạn dứt.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là các vị Bồ tát bất thối chuyển.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất thối chuyển nào được chư Phật xưng dương và tán thán?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tu tập như đức Phật A Súc

Bệ khi còn là Bồ tát. Chư Bồ tát bất thối chuyển cũng phải tu tập như vậy. Chư Bồ tát bất thối chuyển này được chư Phật, khi thuyết pháp xung dương và tán thán.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Có Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chưa được vô sanh pháp nhẫn, nhưng đã tín giải hết thấy pháp vô sanh, tín giải hết thấy pháp không, biết rõ hết thấy pháp đều là hư vọng, đều chẳng thật có, đều chẳng kiên cố.

Này Tu Bồ Đề! Các Bồ tát này được chư Phật, khi thuyết pháp, xung dương và tán thán.

Này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp xung dương và tán thán, thì phải biết vị Bồ tát ấy đã diệt hẳn tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật, sẽ được được thọ ký Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp, xung dương và tán thán, sẽ được an trú trong Bất Thối Chuyển địa; trú ở địa này rồi sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu có Bồ tát nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà tâm được bừng sáng, chẳng nghi, lại tự niệm rằng: “Sự việc như vậy, nên Phật nói ra đúng như vậy”, thì phải biết vị Bồ tát ấy đã được nghe Phật A súc cùng hàng Bồ tát rộng nói về Bát nhã Ba-la-mật. Nghe xong, Bồ tát ấy liền tín giải, rồi đúng như thuyết tu hành, dẫn đến an trú trong Bất Thối Chuyển địa.

Này Tu Bồ Đề! Chỉ nghe Bát nhã Ba-la-mật đã được nhiều lợi ích, huống nữa là còn tín giải và đúng như thuyết tu hành. Người nghe, rồi tín giải, đúng như thuyết tu hành sẽ được bất thối chuyển... dẫn đến sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phật dạy: “Nếu Bồ tát đúng như thuyết mà trú, đúng như thuyết mà hành, thì đó là trú trong Nhất thiết chủng trí”. Như vậy, nếu Bồ tát chẳng đắc hết thấy pháp, thì làm sao mà trú trong Nhất thiết chủng trí được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát trú trong pháp “như” là trú trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trừ “như” ra, thì chẳng có pháp nào khả đắc. Như vậy, thì ai trú trong “như”, và trú trong “như” rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; ai trú trong “như” để thuyết pháp? “Như” còn bất khả đắc; huống nữa là trú trong “như” sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng có ai trú trong “như” để thuyết pháp vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Trừ “như” ra, thì chẳng có pháp nào khả đắc cả. Chẳng ai trú trong như; chẳng ai trú trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng ai trú trong như rồi sẽ thuyết pháp. “Như” là bất khả đắc, huống nữa là trú trong như mà sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì “như” là chẳng sanh, chẳng trú, chẳng diệt, chẳng diệt. Nếu pháp “như” là chẳng sanh, chẳng trú, chẳng diệt, chẳng diệt thì chẳng ai có thể trú trong như, chẳng ai có thể trú trong như rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng ai có thể trú trong như rồi sẽ thuyết pháp vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát làm việc rất khó làm, đó là trú trong thâm Bát nhã Ba-la-mật, mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Vì trong “như” chẳng có người trú, chẳng có

người trú rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người trú rồi sẽ thuyết pháp. Chư đại Bồ tát, ở nơi đây, chẳng sanh tâm sợ hãi, chẳng nghi ngờ, chẳng chìm đắm.

Ngài Tu Bồ Đề nói: Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài nói đại Bồ tát làm các việc rất khó làm. Ở trong thâm pháp đó mà Bồ tát chẳng sợ hãi, chẳng nghi ngờ, chẳng chìm đắm.

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Trong các pháp không, thì có ai sợ hãi, có ai nghi ngờ, có ai chìm đắm chẳng?

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn đáp: Thưa ngài Tu Bồ Đề! Ngài chỉ thuyết về pháp “không”, nên chẳng có gì chướng ngại. Ví như hướng lên không trung mà bắn tên, thì các mũi tên bay đi chẳng có gì chướng ngại. Ngài Tu Bồ Đề thuyết pháp “không” cũng được vô ngại vậy.

LUẬN:

Trong chúng hội có nhiều người khởi tâm nghi, chẳng hiểu vì nhân duyên gì mà Bồ tát có đại lực, khiến chúng ma chẳng phá hoại được, Phật nêu lên 2 nhân duyên làm cho Bồ tát có đại lực, khiến các ác ma chẳng phá hoại được. Đó là:

- Bồ tát thường quán các pháp không.
- Bồ tát chẳng xả bỏ chúng sanh.

Phải có đủ mặt trời lẫn mặt trăng, thì vạn vật mới sanh trưởng được. Nếu chỉ có mặt trăng mà chẳng có mặt trời, thì vạn vật sẽ bị ẩm ướt, khiến phải bị hư hoại. Nếu chỉ có mặt trời mà chẳng có mặt trăng, thì vạn vật sẽ bị thiêu cháy, khiến phải bị hư hoại.

Nếu mặt trăng và mặt trời hòa hợp, thì vạn vật mới được thấm nhuần lợi lạc.

Cũng như vậy, trong khi hành Bồ tát đạo, Bồ tát phải

khéo hòa hợp “bi tâm” và “không tâm” mới đem lại đại lợi ích cho chúng sanh.

Có “bi tâm” mới lân mẫn chúng sanh, mới thệ nguyện độ hết thầy chúng sanh. Có “không tâm” mới diệt được tâm chấp có lân mẫn, có độ thoát chúng sanh. Vì sao? Vì nếu chỉ có “bi tâm” mà chẳng có “không tâm”, chẳng dùng trí huệ để xả tâm chấp có lân mẫn, có cứu độ chúng sanh thì sẽ rơi về đoạn diệt. Bởi vậy nên Phật dạy: “phải song tu cả hai tâm”, nghĩa là phải thường xuyên quán hết thấy pháp đều là không, mà chẳng rời bỏ chúng sanh. Tuy lân mẫn chúng sanh, mà chẳng rời bỏ hết thấy pháp không; tuy quán hết thấy pháp không, mà chẳng chấp không; vì chẳng chấp không, nên chẳng ngại việc lân mẫn chúng sanh.

Lại nữa, quán lân mẫn chúng sanh, mà chẳng chấp chúng sanh, chẳng chấp tướng chúng sanh, mà chỉ vì lân mẫn chúng sanh, muốn dẫn dắt chúng sanh vào nơi thật tướng pháp, vào nơi rốt ráo không.

Bởi vậy nên, tuy hành “bi tâm”, lân mẫn chúng sanh, mà chẳng ngăn ngại “không tâm”; tuy hành “không tâm” mà chẳng chấp “không”, nên chẳng ngăn ngại “bi tâm”, chẳng ngăn ngại việc lân mẫn chúng sanh. Ví như mặt trăng và mặt trời hòa hợp với nhau khiến vạn vật được sanh tồn và tăng trưởng vậy.

Chư thiên cũng như chư Thần thường khinh dễ người nói dối, người làm các việc chẳng đúng như lời nói. Còn Bồ tát thì y như chỗ nói mà hành, nên chấp Kim Cang Thần thường thù hờ, khiến các ác ma chẳng tìm được chỗ tiện để gây tác hại. Các ác ma thường sanh ác tâm phá hoại tâm của người hành Bồ tát đạo. Nếu Bồ tát chẳng nhờ chư Phật hộ niệm, thì các ác ma có thể đến quấy nhiễu, khiến thiện căn của Bồ tát

bị hư nát vậy. Ví như trứng cá, nếu chẳng được cá mẹ chăm sóc, thì cũng sẽ bị hư thối, chẳng nở thành cá con được.

Bởi vậy nên nói, “Nếu Bồ tát y như chỗ nói mà hành, thì được chư Phật hộ niệm”. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên được Bát nhã Ba-la-mật công đức, chẳng bị phá hoại, được trí huệ tăng trưởng, được chư thiên thân cận, thăm hỏi và khuyến dụ rằng, “Ngài sắp được Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên ngài phải thường hành không, vô tướng và vô tác”.

Hỏi: *Chư thiên chưa được Nhất thiết chủng trí, làm sao có thể tham dự việc thọ ký cho Bồ tát?*

Đáp: Chư thiên ở cõi trời Trường Thọ Thiên, ở trong quá khứ, đã được nghe nói, “Hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là nhân duyên dẫn đến việc được thọ ký”. Nay chư thiên thấy có Bồ tát có hạnh như vậy, có nhân tu như vậy, nên biết rõ các vị Bồ tát ấy sẽ được thọ ký.

Chư thiên thấy các vị Bồ tát ấy hành ba giải thoát môn, là 3 pháp ấn, lại thường hành từ bi tâm đối với hết thảy chúng sanh, nên tán thán rằng: “Chẳng bao lâu nữa ngài sẽ thành Phật. Ngài sẽ hộ những chúng sanh chẳng được hộ; sẽ làm chỗ y chỉ cho những chúng sanh chẳng có chỗ y chỉ; sẽ làm chỗ quy y cho những chúng sanh chẳng có chỗ quy y v.v...

Nếu Bồ tát nào thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì sẽ được chư thiên hộ niệm; được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán danh tánh. Ví như trường hợp Bồ tát Bảo Tướng, và Bồ tát Thi Khí đã được Phật Thích Ca Mưu Ni, khi thuyết pháp xưng dương và tán thán vậy. Ở thế giới Phật A Súc Bệ, cũng như các thế giới Phật khác ở khắp trong 10 phương, cũng có những vị Bồ tát hành thâm

Bát nhã Ba-la-mật như vậy, và cũng được các đức Phật khi thuyết pháp xưng dương và tán thán như vậy. Do các vị Bồ tát ấy hành đúng như chỗ nói, nên danh tánh được chư Phật, khi thuyết pháp, nêu lên để làm thí dụ: “Ở thế giới Phật đó... có vị Bồ tát đó... tuy chưa thành Phật, mà đã được thâm Bát nhã Ba-la-mật như vậy. Thật là rất ít có!”.

Ví như viên đại tướng chẳng tiếc thân mạng, xông pha vào giữa trận mạc dẹp phá quân địch, nên thường được vị quốc vương xưng dương và tán thán. Cũng như vậy, Bồ tát thường quán các pháp không, dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật tận dẹp các phiền não mà chẳng tác chứng Niết bàn, ra vào sanh tử để cứu độ chúng sanh mà chẳng tiếc thân mạng, nên được chư Phật xưng dương và tán thán danh tánh vậy.

Tuy các đức Phật chẳng có tâm chấp đắm, chẳng phân biệt thiện pháp hay bất thiện pháp; đối với chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, cũng như đối với hàng ngoại đạo chẳng có thương ghét; nhưng vì lợi ích cho chúng sanh, mà thường tán thán thiện nhân, xưng dương thiện pháp. Vì sao? Vì muốn chúng sanh y nơi người có thiện tâm, tùy thiện pháp mà tu tập, nhằm vượt ra khỏi ngục tù 3 cõi.

Hỏi: Kinh nào nói chư Phật, chư đại Bồ tát tán thán và xưng dương các vị Bồ tát ấy?

Đáp: Sự việc này được nói trong kinh *Vô Lượng*. Thế nhưng, sau khi Phật nhập Niết bàn, có các vị vua tàn ác, tà kiến đem đốt phá rất nhiều kinh điển, phá hoại rất nhiều pháp tự, giết hại rất nhiều Sa môn, nên 500 năm sau, vào thời Tượng Pháp, có rất ít các vị đắc A-la-hán có đầy đủ thần thông, cũng như có rất ít các vị đại Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Bởi vậy nên các thâm kinh chẳng còn đủ ở cõi Diêm Phù Đề, người tu thọ trì, và hành thâm pháp cũng rất ít, khiến chư Thiên Long, Thiên Thần Hộ Pháp phải đem các thâm kinh cất giữ ở cõi khác.

Hỏi: *Vì sao chẳng tán thán các đại Bồ tát như Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Di Lặc... mà chỉ tán thán hai vị Bồ tát Bảo Tướng và Thi Khí.*

Đáp: Hai vị Bồ tát ấy, tuy chưa được vô sanh pháp nhẫn, mà thường hành pháp tương tự như Bồ tát đã được vô sanh pháp nhẫn. Vì hai Bồ tát ấy hành pháp như vậy, nên ma chẳng thể phá hoại tâm của các vị ấy. Do vậy, mà được Phật tán thán.

Lại nữa, vì hai vị Bồ tát ấy đại nguyện thanh tịnh hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, và phát tâm đại bi vô kỳ hạn, nên sẽ mau được thành Phật, độ thoát chúng sanh. Do vậy, mà được Phật tán thán.

Lại nữa, chư Bồ tát Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí v.v..., tuy có công đức vô lượng, nhưng công đức và danh tánh của các ngài đều được chúng sanh cõi Diêm Phù Đề biết đến, nên Phật chẳng nói đến.

Còn hai vị Bồ tát ấy chưa ai biết đến, nên Phật mới tán thán vậy, Phật nói thêm rằng, ở thế giới Phật A Súc, cũng như các thế giới Phật trong khắp 10 phương, có những vị Bồ tát, từ sơ phát tâm đã muốn được đầy đủ Phật đạo, muốn được Nhất thiết chủng trí, thường tu phạm hạnh, thường hành Bát nhã Ba-la-mật, nên được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán. Các vị Bồ tát ấy làm những việc khó làm như vậy, khiến hạt giống Phật chẳng đoạn dứt, nên được chư Phật xưng dương danh tánh và tán thán công đức vậy.

Hỏi: *Phật đã nêu những trường hợp Bồ tát được chư Phật xưng dương và tán thán rồi. Vì sao ngài Tu Bồ Đề còn hỏi: “Những Bồ tát nào được chư Phật, khi thuyết pháp, xưng dương và tán thán”?*

Đáp: Lúc ban đầu, Phật nói đến các vị đại Bồ tát, rồi sao Phật nói đến hết thấy các Bồ tát, từ sơ phát tâm... dẫn đến thập địa, nên ngài Tu Bồ Đề sanh nghi mà hỏi như trên.

Phật ái niệm hết thấy các Bồ tát, nhưng các vị Bồ tát nào có công đức thù thắng hơn, thì Phật mới xưng dương danh tánh, và tán thán công đức. Ví như, ở thế giới Phật A Súc Bệ có những Bồ tát, từ sơ phát tâm đã thường tịnh tu phạm hạnh; ở các thế giới Phật khác trong khắp 10 phương cũng có những vị Bồ tát, từ khi sơ phát tâm tịnh tu phạm hạnh như vậy, nên được chư Phật xưng dương và tán thán.

Lại nữa, có những vị Bồ tát, tuy chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, chưa vào được Bồ tát vị, nhưng nhờ hành Bát nhã Ba-la-mật mà thường tư duy, trừ lượng, cầu thật tướng pháp, thường tín giải nhãn pháp, thông đạt hết thấy pháp không, biết rõ sanh tướng là hư vọng, là chẳng kiên cố. Các vị Bồ tát như vậy đều được chư Phật xưng dương và tán thán.

Lại nữa, khi mới tu tập, Bồ tát còn thấy 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” có sai khác; khi đã vào được thật tướng pháp rồi, biết rõ hết thấy pháp đều là vô sanh, thì đoạn được hết các quán môn. Khi mới được nhu thuận nhẫn, chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, Bồ tát mới chỉ ra khỏi phạm phu pháp, tuy chưa tín giải và thọ Thánh Pháp, nhưng chưa vào được Thánh vị. Bởi vậy nên Phật tán thán Bồ tát vào được Thánh pháp như vậy thật là rất có ít; Bồ tát ấy đã được bất thối chuyển, đã đoạn dứt Nhị thừa tâm, được Phật dự thọ ký. Những Bồ tát, dù chưa được vô sanh pháp nhẫn,

nhưng đã có được trí huệ lực của bậc Bồ tát bất thối chuyển, có thắng tín lực cũng được Phật xưng dương và tán thán.

Hết thầy các Bồ tát nói trên đây nghe thuyết Bát nhã Ba-la-mật rồi, liền minh liễu, chẳng có nghi, chẳng có sợ, vì tự niệm rằng: “Sự việc như vậy, nên Phật nói ra đúng như vậy”.

Hỏi: *Vì sao có những vị Bồ tát đã thâm tín giải Bát nhã Ba-la-mật, mà còn theo đức Phật A Súc Bệ để được nghe nữa?*

Đáp: Những vị Bồ tát ấy, từ khi mới hành Bồ tát đạo, đã theo Phật A Súc Bệ tu tập, hành thanh tịnh phạm hạnh. Những Bồ tát ấy thường chẳng rời Phật A Súc Bệ, để học theo hạnh của ngài, nên được tín lực và trí huệ lực của bậc Bồ tát bất thối chuyển; dù chưa được vô sanh pháp nhãn, nhưng cũng được Phật xưng dương và tán thán.

Phật dạy rằng: “Những người nghe Bát nhã Ba-la-mật mà còn được đại lợi ích như vậy, huống nữa là người tín thọ, đúng như thuyết tu hành Bát nhã Ba-la-mật. Những người như vậy sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thầy pháp đều là không tướng, đều là bất khả đắc, thì vì sao nói Bồ tát trú trong “như” tức là trú trong Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Bồ tát trú trong “như”, mà “như” là không; trú trong “như” là trú trong rốt ráo không. Bởi vậy nên nói Bồ tát trú trong “như” là trú trong Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Trừ “như” ra, thì chẳng có pháp nào khả đắc cả. Như vậy thì ai trú trong “như” sẽ được Vô Thượng Bồ Đề? Thật là vô lý vậy.

Phật ẩn chứng lời nói của Tu Bồ Đề: “Nhu” là không, vì trong “nhu” chẳng có các tướng “sanh, trú, dị, diệt”. Nếu chẳng có các tướng “sanh, trú, dị, diệt”, thì chẳng có ai trú trong nhu; chẳng có ai trú trong nhu rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; chẳng có ai trú trong nhu, rồi sẽ thuyết pháp vậy. “Nhu” đã là bất khả đắc rồi, huống nữa là trú trong “nhu” để được Vô Thượng Bồ Đề, để thuyết pháp.

-o0o-

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn, do còn chấp Bát nhã Ba-la-mật là có định tướng, nên khi nghe Phật và ngài Tu Bồ Đề nói Bát nhã Ba-la-mật là vô tướng, là bất khả đắc, liền bạch Phật rằng: Thật là hy hữu! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Bồ tát làm việc rất khó làm, đó là trú trong Bát nhã Ba-la-mật, mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề.

Vì sao? Bát nhã Ba-la-mật là “nhu”, mà “nhu” là rốt ráo không; ở trong “nhu” chẳng có người trú, chẳng có người trú rồi sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có người rồi sẽ thuyết pháp, chẳng có chúng sanh để độ, chẳng có việc độ chúng sanh, chẳng có việc đưa chúng sanh vào Niết bàn, vì hết thấy các pháp tướng là thường trú, là “nhu tướng” vậy.

Bồ tát nghe như vậy mà chẳng nghi, chẳng sợ là việc rất khó làm. Bồ tát tuy biết rõ hết thấy các pháp rốt ráo là không, mà vẫn câu Vô Thượng Bồ Đề, vẫn tinh tấn tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng ngưng nghi, thật là việc rất khó làm vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nói với Đế Thích: Nếu các pháp đều là không, là vô sở hữu, thì chẳng có gì để nghi, chẳng có gì để sợ. Như vậy thì chẳng có gì gọi là việc khó làm cả.

Vị Đế Thích hoan hỷ đầy niệm rằng: Ngài Tu Bồ Đề ưa

nói pháp không; những gì ngài nói ra đều y nơi pháp không. Tuy nói có sắc, có các sự việc, mà pháp nghĩa đều dẫn đến “không”, cho nên dù có người đến vấn nạn cũng chẳng thấy có gì ngăn ngại cả. Vì sao? Vì pháp không cũng là không. Nếu có đặt nghi vấn về “không”, thì cũng tức là đã phá pháp “không” rồi vậy. Bồ tát biết rõ như vậy nên ở nơi CÓ, cũng như ở nơi KHÔNG đều được vô ngại. Ví như bắn tên lên không trung, thì mũi tên chẳng có bị ngăn ngại. Đến khi sức đẩy yếu hẳn, thì mũi tên mới rơi trở lại mặt đất; thế nhưng đó chẳng phải là vì hư không đã cùng tận vậy.

Cũng như vậy, ngài Tu Bồ Đề nói pháp chẳng có gì ngăn ngại. Khi các nhân duyên của sự biện thuyết đã xong, thì ngài liền dứt, chẳng nói thêm nữa; thế nhưng đó chẳng phải là pháp đã tận cùng rồi vậy.

Trên đây, mũi tên bắn lên không trung dụ cho mũi tên trí huệ của ngài Tu Bồ Đề thâm nhập vào pháp không. Nếu có người hướng mũi tên vào vách tường, thì mũi tên sẽ bị vách tường ngăn ngại, chẳng xuyên qua được, nên chẳng đi xa hơn được. Cũng như vậy, người có lợi trí, mà có tà kiến chấp, thì vẫn bị các tà kiến đó ngăn ngại, chẳng sao thông đạt được các pháp. Ngài Tu Bồ Đề thường trú trong pháp không, chẳng có gì ngăn ngại, nên thông đạt được pháp vô ngại vậy.

Phẩm Thứ Sáu Mười Sáu



Chúc Lụy
(Phó Chúc)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Con đáp như vậy có phải là tùy thuận theo pháp chăng? Có phải là chánh đáp chăng?

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Chỗ ông đáp đó đều tùy thuận theo pháp cả.

Ngài Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật! Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Chỗ nói của ngài Tu Bồ Đề là không, là vô tướng, là vô tác, là 4 xứ niệm... dẫn đến là Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Này Kiều Thi Ca! Ông Tu Bồ Đề là vị Tỷ-kheo thường hành pháp không, nên biết rõ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều bất khả đắc, huông nữa là người hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật ; biết rõ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo bất khả đắc, huông nữa là người hành 4 niệm xứ... dẫn đến hành 8 thánh đạo, biết rõ thiên giải thoát tam muội bất khả đắc, 10 Phật lực bất khả đắc, 4 vô sở úy bất khả đắc, 4 vô ngại trí bất khả đắc, đại từ đại bi bất khả đắc, 18 bất cộng pháp bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, huông nữa là người hành các pháp ấy; biết rõ Như Lai bất khả đắc, vô

sanh pháp bất khả đắc, 32 tướng tốt bất khả đắc, 80 vẻ đẹp bất khả đắc, huống nữa là người đắc các pháp ấy... Vì sao? Nay Kiều Thi Ca! Vị Tỷ-kheo Tu Bồ Đề ở nơi hết thấy pháp, thường hành ly, hành vô sở đắc, hành không, hành vô tướng, hành vô tác.

Nay Kiều Thi Ca! Thế nhưng, chỗ hành pháp của Tỷ-kheo Tu Bồ Đề, nếu đem so sánh với chỗ hành pháp của Bồ tát Ma-ha-tát, thì ở trong trăm phần, ngàn phần, muôn ức phần... chẳng bằng được một; dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể dùng để sánh được.

Vì sao? Vì trừ công hạnh của Phật ra, thì công hạnh của Bồ tát Ma-ha-tát, so với công hạnh của hành Thanh Văn và Bích Chi Phật, là tối tôn, tối diệu, tối thượng. Vậy nên, Bồ tát muốn độ hết thấy chúng sanh, muốn có công hạnh tối thượng trong hết thấy chúng sanh, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Lúc hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nhập vào Bồ tát vị, được đầy đủ các Phật pháp, được Nhất thiết chủng trí, đoạn sạch các phiền não tập khí... dẫn đến thành tựu Phật đạo.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, chư thiên cõi trời Đạo Lợi đem hoa mạn đà la tán Phật và chúng tăng. Lại có 800 vị Tỷ-kheo, từ tòa đứng dậy, đem hoa cúng dường Phật, trích vai, quỳ gối, chấp tay bạch Phật rằng: Chúng con nguyện hành vô thượng hạnh, là hạnh mà hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng có thể hành được.

Phật biết rõ tâm niệm của các Tỷ-kheo này, liền mỉm cười. Tức thì, từ kim khẩu của Phật phóng ra vô lượng ánh sáng đủ màu sắc như xanh, vàng, đỏ, tím, hồng...

Các quang minh đó chiếu suốt khắp cõi đại thiên thế giới, trở về điếu 3 vòng quanh Phật rồi nhập vào đánh Phật.

Lúc bấy giờ, ngài A Nan từ tòa đứng dậy, trịch vai, quỳ gối và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn mỉm cười? Phật mỉm cười ắt là có đại sự nhân duyên, chẳng phải chẳng có nhân duyên vậy.

Phật dạy: Này A Nan! 800 vị Tỷ-kheo này, trong kiếp Tinh Tú, sẽ thành Phật, đồng một hiệu là Ngũ Sắc Thiên Hoa. Chúng sanh ở khắp thế giới các đức Phật này sẽ được thọ mạng đồng đều nhau, sau 10 vạn năm sẽ đều xuất gia làm Phật. Ở thế giới các đức Phật này thường mưa hoa trời 5 sắc.

Vậy nên, Bồ tát muốn có công hạnh tối thượng thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy đời trước đã từng ở trong loài người, đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung, lại trở về đây, sanh lại làm người; hoặc từ trên cung trời Đâu Suất, đã được nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung, về đây, sanh làm người.

Này A Nan! Ta thấy các Bồ tát ấy thường hành thâm Bát nhã Ba-la-mật.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, liền thọ trì, đọc tụng, biên chép... dẫn đến chánh ức niệm, rồi lại đem thâm Bát nhã Ba-la-mật dạy cho người khác tu Bồ tát đạo, thì phải biết người ấy đời trước đã từng nghe chư Phật thuyết về thâm Bát nhã Ba-la-mật, đã từng thân cận chư Phật, gieo trồng thiện

căn, và tự niệm rằng: “Ta chẳng tu theo hạnh Thanh Văn, mà phải nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật”.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng thâm Bát nhã Ba-la-mật, lại tùy nghĩa và tùy pháp hành thâm Bát nhã Ba-la-mật mà được tín tâm thanh tịnh, thì phải biết người ấy đã từng ở trước chư Phật, nghe thuyết thâm Bát nhã Ba-la-mật rồi vậy.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát nhã Ba-la-mật mà được tín tâm thanh tịnh, thì phải biết người ấy đã từng cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn và đã từng cúng chư thiện tri thức trang đấc.

Này A Nan! Người trồng thiện căn nơi phước điền Phật, phải tu qua Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo, mà vẫn phải cầu được giải thoát, nên phải biết rõ ràng 6 hạnh Ba-la-mật... dẫn đến biết rõ ràng Nhất thiết chủng trí. Người ấy thường hướng về giải thoát, ắt sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có thể bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Này A Nan! Nay ta đem thâm Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ông. Nếu thọ trì hết thấy các pháp khác mà có quên sót, thì chưa phải là lỗi lầm lớn. Nếu thọ trì thâm Bát nhã Ba-la-mật mà quên sót, dù chỉ là một câu, thì đó là lỗi lầm rất lớn.

Bởi nhân duyên vậy, nên nay ta đem thâm Bát nhã Ba-la-mật này chúc lụy cho ông. Ông phải khéo thọ trì, đọc tụng.

Này A Nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết đó là người thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật trong 3 đời.

Này A Nan! Người mến thích Phật, chẳng muốn xa lìa Phật, phải là người mến thích thâm Bát nhã Ba-la-mật, chẳng muốn xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, dẫn đến một câu trong kinh Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng để quên sót.

Này A nan! Ta có nhiều nhân duyên để chúc lụy cho ông. Nhưng ta chỉ lược nói: Ta là Thế Tôn, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là Thế Tôn.

Này A Nan! Nay giữa hết thấy thế gian, trời, người và a-tu-la, ta chúc lụy cho ông: Những ai chẳng muốn xa lìa Phật, chẳng muốn xa lìa Pháp, chẳng muốn xa lìa Tăng, chẳng muốn xa lìa Vô Thượng Bồ Đề của ba đời chư Phật, thì phải cần thận chớ xa lìa Bát nhã Ba-la-mật.

Này A Nan! Đây là chánh pháp mà ta truyền dạy cho hàng đệ tử. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng... dẫn đến chánh ức niệm thâm Bát nhã Ba-la-mật, rồi lại vì người khác rộng nói nghĩa, khai thị, phân biệt, khiến họ dễ hiểu, thì phải biết người ấy mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau gần Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì từ Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra ba đời chư Phật; xuất sanh ra Vô Thượng Bồ Đề của ba đời chư Phật. Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai ở trong khắp mười phương đều từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra. Bởi vậy nên muốn được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải học sáu pháp Ba-la-mật.

Này A Nan! Vì sáu pháp Ba-la-mật là mẹ sanh ra chư Bồ tát, nên các Bồ tát học sáu pháp Ba-la-mật sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Do vậy mà nay ta đem 6 pháp Ba-la-mật chúc lụy thêm cho ông.

Này A Nan! Sáu pháp Ba-la-mật này là pháp tạng vô tận của chư Phật. Ở hiện tại, trong khắp 10 phương, khi

thuyết pháp, chư Phật đều y trong pháp tạng này mà nói ra. Chư Phật quá khứ, khi thuyết pháp, cũng đã y trong pháp tạng này mà nói ra; chư Phật vị lai, khi thuyết pháp, cũng sẽ y trong pháp tạng này mà nói ra. Chư Phật 3 đời cùng hàng đệ tử đều học theo 6 pháp Ba-la-mật này mà được diệt độ; hoặc đã diệt độ, hoặc đang diệt độ, hoặc sẽ được diệt độ vậy.

Này A Nan! Nếu ông, vì hàng Thanh Văn, mà thuyết pháp, khiến chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới đều thành A-la-hán; đó chưa phải là việc làm của đệ tử của ta. Nếu ông đem một câu trong Bát nhã Ba-la-mật, đúng như thuyết mà dạy cho hàng Bồ tát, thì như vậy mới là việc làm của đệ tử của ta. Thấy như vậy, ta vui mừng hơn là thấy ông dạy cho chúng sanh khắp cõi đại thiên thế giới được quả A-la-hán nữa.

Này A Nan! Nếu hết thấy chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới đều được quả A-la-hán; được A-la-hán rồi lại hành bố thí, trì giới, thiên định, thì công đức ấy có nhiều chăng?

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Công đức ấy rất nhiều.

Phật dạy: Này A Nan! Công đức ấy chẳng sao bằng được công đức của người đệ tử của ta, đúng như pháp mà thuyết cho hàng Bồ tát nghe. Dù chỉ thuyết giảng trong một ngày, trong nửa ngày, trong một thời gian một bữa ăn... dẫn đến trong chót lát, dù chỉ thuyết giảng một câu, thì cũng thành tựu được rất nhiều công đức. Vì sao? Vì công đức của Bồ tát này thù thắng hơn công đức của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, do Bồ tát này muốn được Vô Thượng Bồ Đề, và muốn làm lợi ích cho chúng sanh, dạy cho họ cũng được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Này A Nan! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, hành bốn niệm xứ... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí như vậy, nên thiện căn càng lâu càng thêm tăng trưởng, ắt sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Khi nói phẩm kinh Bát nhã Ba-la-mật này, trước đại chúng, Phật hiện thần lực biến hóa, làm cho cả đại chúng đều được thấy đức Phật A Súc, với chúng Tỷ-kheo tăng vây quanh, đang thuyết pháp. Ở đây, chư Tỷ-kheo tăng nhiều vô lượng, đều là bậc lậu tận A-la-hán, đều được tự tại giải thoát, tâm giải thoát, huệ giải thoát, tâm ý đã được điều phục nhu nhuyến; lại cũng có chư đại Bồ tát đã thành tựu vô lượng công đức.

Thuyết xong, Phật lại thu nhiếp thần lực, khiến đại chúng chẳng còn thấy thế giới Phật A Súc, như trước nữa.

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài A Nan: Này A Nan! Chẳng phải mắt nào cũng thấy được hết thấy các pháp, mà các pháp cũng chẳng thấy nhau, chẳng biết nhau. Thế nên, thế giới của Phật A Súc và hàng đệ tử Phật chẳng còn hiện ra trước mắt ông nữa, vì các pháp chẳng thấy nhau, chẳng biết nhau vậy.

Vì sao? Vì hết thấy các pháp đều chẳng biết (vô tri), chẳng thấy (vô kiến), chẳng làm (vô tác), chẳng động (vô động), đều chẳng thể nghĩ bàn được (bất khả tư nghì) vậy.

Ví như người huyễn chẳng thọ, chẳng cảm giác, chẳng phải chân thật. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng chấp hết thấy pháp.

Này A Nan! Bồ tát học như vậy gọi là học Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì học như vậy là học đến chỗ đệ nhất, tối

thượng, vi diệu của sự học; học như vậy là an lạc hết thấy chúng sanh, là cứu độ những chúng sanh chẳng được ai cứu độ; học như vậy là học chỗ sở học của chư Phật. Chư Phật, trú nơi chỗ sở học đó, mà có thể dùng tay nâng cả đại thiên thế giới, rồi đặt lại chỗ cũ mà chúng sanh chẳng hay biết gì cả.

Vì sao? Vì Chư Phật, do học Bát nhã Ba-la-mật, mà thành tựu được tri kiến vô ngại nơi hết thấy các pháp ở quá khứ, ở hiện tại và ở vị lai.

Này A Nan! Trong hết thấy các môn học, thì Bát nhã Ba-la-mật là đệ nhất, tối thượng, vi diệu.

Này A Nan! Người muốn biết Bát nhã Ba-la-mật đến tận bờ mé là người muốn biết hư không đến tận bờ mé.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô hạn lượng, nên chẳng có danh tự, ngữ ngôn nào có thể diễn đạt được. Bát nhã Ba-la-mật là vô hạn lượng, còn danh tự, ngữ ngôn đều là hạn lượng vậy.

Ngài A Nan bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật là vô hạn lượng?

Phật dạy: Này A Nan! Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô tận, nên là vô hạn lượng. Vì Bát nhã Ba-la-mật là ly, nên là vô hạn lượng.

Này A Nan! Chư Phật quá khứ, do học Bát nhã Ba-la-mật, mà được độ, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô tận. Chư Phật hiện tại và vị lai cũng do học Bát nhã Ba-la-mật, mà đang được độ, sẽ được độ, nên Bát nhã Ba-la-mật là vô tận.

Này A Nan! Như hư không chẳng cùng tận, Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng cùng tận, 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng cùng tận.

Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là vô sanh; mà đã là vô sanh, thì cũng tức là vô tận vậy.

Lúc bấy giờ, Phật hiện tướng lưới rộng dài, trùm cả mặt, và bảo ngài A Nan rằng: Từ nay, ở giữa 4 chúng, ta sẽ thuyết giảng rộng rãi Bát nhã Ba-la-mật, khai thị, phân biệt, khiến tất cả đều hiểu được dễ dàng.

Vì sao? Vì thâm Bát nhã Ba-la-mật rộng nói hết thấy các pháp tướng. Người cầu Thanh Văn đạo... dẫn đến người cầu Phật đạo đều cần phải học, và học ở trong đó, tất cả đều được thành tựu.

Này A Nan! Thâm Bát nhã Ba-la-mật này nhiếp hết thấy các “tự môn”; hành thâm Bát nhã Ba-la-mật sẽ vào được các đà la ni môn; Bồ tát được các đà la ni môn rồi, sẽ được biện tài vô ngại.

Này A Nan! Bát nhã Ba-la-mật là diệu pháp của chư Phật trong ba đời. Bởi vậy nên ta, vì ông, giảng dạy rõ ràng rằng: “Nếu có người nào thường thọ trì, đọc tụng, biên chép thâm Bát nhã Ba-la-mật này, thì phải biết đó là người thường thọ trì Vô Thượng Bồ Đề, là pháp tạng của chư Phật trong ba đời”.

Này A Nan! Ta nói Bát nhã Ba-la-mật là đôi chân của người tu hành; người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là người vào được các đà la ni, thọ trì được hết thấy các pháp.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao vị Đế Thích hỏi Phật rằng, “Những lời ông đáp có tùy thuận theo pháp, có phải là chánh đáp chăng”? Vì sao Phật dạy: “Chỗ vị Đế Thích đáp đều tùy thuận theo pháp cả”?*

Đáp: Vì Đế Thích tự niệm rằng mình tuy có nhiều phước

đức, nhưng vì chưa được lậu tận, chưa khắp biết các pháp, lại sợ có lầm lỗi, nên đã thưa hỏi Phật như vậy. Hơn nữa, vì trong chúng hội có nhiều Bồ tát sơ phát tâm, nhiều vì chur thiên chưa ly dục, còn khởi nghi tâm, lại vì chính bản thân của mình cũng còn có chỗ nghi, nên vị Đế Thích mới đứng lên thưa hỏi Phật như vậy.

Phật biết rõ vị Đế Thích, tuy chỉ mới Tu-đà-hoàn, tuy chưa được Nhất thiết chủng trí, nhưng đã nhiều phen theo Phật nghe thuyết giảng về Bát nhã Ba-la-mật, đã từng thọ trì, đọc tụng Bát nhã Ba-la-mật, nên đã y theo lý trong Bát nhã Ba-la-mật mà nói ra. Do vậy mà Phật bảo vị Đế Thích rằng, “Chỗ ông đáp đó đều tùy thuận theo chánh pháp, đều đúng theo chánh lý”.

Ở đây, nên biết rằng: “Có 3 thứ huệ. Đó là văn huệ, tư huệ, và tu huệ.”

Người đã được “văn huệ” và “tư huệ” là người đã minh liễu được các pháp, nên có thể cùng người “tu huệ” pháp đàm vậy. Ví như người đi thuyền theo dòng nước, dù chẳng có dùng nhiều sức, cũng đã có thể đi mau hơn người đi bộ. Cũng như vậy, ví như ngài A Nan, tuy chưa ly dục, chưa vào được thâm thiền định, nhưng do đã có đầy đủ văn huệ và tư huệ, nên thường thưa hỏi Phật về nghĩa lý thâm sâu của Bát nhã Ba-la-mật, và những lời ngài nói ra đều tùy chánh pháp, chẳng có sai trái.

Vị Đế Thích bạch Phật: Trong hàng đại đệ tử của Phật, ngài Tu Bồ Đề là vị “đệ nhất không hành”. Ngài Tu Bồ Đề ưa nói về pháp “không” nên chỗ ngài nói ra đều là không, là vô tướng, là vô tác. Khi ngài thuyết về 4 niệm xứ... dẫn đến khi ngài thuyết về Vô Thượng Bồ Đề ngài đã khéo hòa hợp với rốt ráo không.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ ở đời nay, mà trong nhiều đời trước, Tỷ-kheo Tu Bồ Đề đã từng tu pháp “không”. Ông Tu Bồ Đề đã do “Không giải thoát môn” mà vào được đạo; rồi ông cũng dùng pháp môn ấy mà giáo hóa chúng sanh. Ông biết rõ 6 pháp Ba-la-mật bất khả đắc, 37 Phẩm Trợ Đạo bất khả đắc, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến Nhất thiết chủng trí bất khả đắc, huống nữa là người hành các pháp các pháp ấy; ông biết rõ Như Lai bất khả đắc, 32 tướng tốt bất khả đắc, 80 vẻ đẹp bất khả đắc, huống nữa là người đắc các pháp ấy.

Thế nhưng công hạnh của ông Tu Bồ Đề chẳng sao sánh bằng công hạnh của Bồ tát Ma-ha-tát hành Bát nhã Ba-la-mật; trong trăm phần, ngàn phần, muôn ức phần... chẳng sao bằng được một.

Hỏi: *Đã nói “pháp không” và “chúng sanh không”, thì còn gì nữa nói đến chỗ tận cùng. Như vậy, vì sao còn nói trong trăm phần, ngàn phần v.v... chẳng sao bằng được một?*

Đáp: Trên đây nói trong hàng Thanh Văn, thì ngài Tu Bồ Đề là vị Tỷ-kheo hành pháp “không” vào bậc nhất. Thế nhưng, ngài cũng chưa thể nhập được vào nơi thật tướng pháp, vào nơi rốt ráo không. Phật dạy: Trừ Phật ra, thì các vị đại Bồ tát thù thắng hơn các vị Thanh Văn hành pháp “không”.

Vì sao? Vì trí huệ có chỗ cạn, có chỗ sâu, nên vào pháp “không” cũng có cạn có sâu vậy. Chỉ những người lợi căn, lợi trí, mới vào được nơi thật tướng pháp; khi vào được rồi, thì mới minh liễu được hết thấy các pháp. Ví như đèn được thấp sáng, thì phá được bóng tối. Đèn sáng ít chỉ phá được một phần bóng tối, đèn càng sáng thêm nhiều, thì bóng tối càng bị phá nhiều hơn. Đèn trước phá được bóng tối, nhưng chưa tận phá; đèn sau cùng phá bóng tối đến chỗ cùng tận.

Bởi vậy nên, tuy đều được đạo, nhưng trí huệ của người

tu hành có độn, có lợi sai khác nhau; do vậy mà chỗ phá vô minh cũng phân biệt có chỗ chưa tận, có chỗ tận.

Chỉ có trí huệ Phật mới tận diệt được vô minh; còn trí huệ của hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chỉ mới trừ được một phần vô minh. Lại nữa, hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chưa có đầy đủ từ bi, chưa đầy đủ nguyện độ hết thảy chúng sanh, nên chẳng có được vô lượng Phật pháp; chưa đầy đủ nguyện thanh tịnh Phật độ, nên chẳng chuyển được pháp luân. Trái lại, do hạnh nguyện độ sanh, nên Bồ tát khi hành Phật đạo, chẳng những hành “không” có hạn lượng của hàng Nhị thừa, mà còn dùng hạnh “không” vô hạn lượng của Phật và chur đại Bồ tát.

Ví như người đang khát nước, tìm đến sông để giải khát, bất quá chỉ uống no bụng rồi thôi, chẳng thể uống nhiều hơn nữa được. Cũng như vậy, công hạnh của hàng Nhị thừa, tuy rất nhiều, nhưng chẳng sao sánh được với công hạnh của hàng đại Bồ tát; trong trăm phần, ngàn phần, vạn ức phần... chẳng sao có thể bằng được một.

Sau khi đã phân biệt về hạnh “không” của hàng Nhị thừa và của chur đại Bồ tát, Phật nói với vị Đế Thích rằng, “Bồ tát muốn độ hết thảy chúng sanh, muốn có công hạnh tối thượng trong hết thảy chúng sanh, thì phải hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Nơi đây, Phật mật ý nói rằng: “Bồ tát học và hành Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng chấp có học, có hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng chấp “không”, nên được vô sanh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, thù thắng hơn hàng Nhị thừa; khi Bồ tát được đầy đủ hết thảy Phật pháp, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, thì được gọi là Phật.

Cũng nên biết rằng: “Tận đoạn hết thảy phiền não và tập khí là căn bản của việc hành không”.

Hỏi: Niết bàn là vô lượng. Vì sao nói chỗ hành của hàng Nhị thừa là có hạn lượng?

Đáp: Đây là nói về trí huệ có phần hạn lượng, chẳng phải là nói tánh của các pháp có hạn lượng. Ví như bình chứa chỉ dung chứa số nước có hạn lượng, chẳng phải là nước trong biển lớn có hạn lượng vậy.

Lại nữa, “hữu lượng tướng” và “vô lượng tướng” chỉ là những tướng tương đãi giữa các pháp mà thôi. Ví như hàng phàm phu, do chẳng suy lường được về các pháp, nên nói có vô lượng pháp; còn đối với Phật, thì các pháp là hữu lượng. Lại ví như Thanh Văn pháp và Bích Chi Phật pháp là hữu lượng, còn Bồ tát trú nơi pháp tánh, nên nói Bồ tát pháp là vô lượng.

Hỏi: Chư thiên tán hoa cúng dường Phật và Tăng. Vì sao 800 vị Tỷ-kheo lại đem hoa cúng dường riêng Phật.

Đáp: Chư thiên đem thiên hoa cúng dường Phật và chư Tăng.

Các hoa với hương sắc vi diệu này rơi lên trên y của chư vị Tỷ-kheo. Số 800 vị Tỷ-kheo này phát tâm hành vô thượng hạnh, nên đã đem các thiên hoa rơi trên y của mình đến cúng dường Phật, và bạch với Phật rằng: “Chúng con nguyện hành vô thượng hạnh, là hạnh rốt ráo không, vô tướng và vô tác, bình đẳng độ hết thảy chúng sanh”.

Phật mỉm cười và dạy: 800 Tỷ-kheo này đều là thiện tri thức của nhau, cùng hành tâm bình đẳng, đời đời cùng tu tập các công đức, sẽ cùng đem thiên hoa 5 sắc đến cúng dường chư Phật, sẽ đồng thời được thành Phật, cùng một hiệu là Ngũ Sắc Thiên Hoa.

Nhân dịp này, Phật nói với ngài A Nan rằng: Bồ tát muốn có được công hạnh tối thượng, thì phải hành Bát nhã Ba-

la-mật. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy đời trước đã ở trong loài người hoặc đã ở cõi trời Đâu Suất, đã từng nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật, nên sau khi mạng chung mới sanh về đây, để tiếp tục nghe thâm Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì chúng sanh ở 3 đường ác chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được; chư thiên cõi Dục, do chấp đấm 5 diệu dục lạc, cũng chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được, chư thiên các cõi Sắc và Vô Sắc, do chấp thiên vị, cũng chẳng hành Bát nhã Ba-la-mật được. Loài người vừa thọ khổ, vừa thọ lạc, chẳng phải như chư thiên chỉ toàn thọ lạc. Bởi vậy nên trong loài người có nhiều thuận lợi để hành Bát nhã Ba-la-mật hơn.

Những người hành Bát nhã Ba-la-mật thường từ cõi trời Đâu Suất, sau khi mạng chung, thọ sanh về đây. Vì sao? Vì ở cõi trời Đâu Suất thường có các Bồ tát nhất sanh Bồ xứ đến thuyết pháp. Chư thiên ở cõi trời Đâu Suất, tuy cũng hưởng thọ 5 diệu dục lạc, nhưng vì pháp lực thù thắng, nên có được thiện duyên nghe pháp. Hàng Nhị thừa ở các cõi trời khác cũng thường đến cõi trời Đâu Suất nghe pháp.

Phật dạy ngài A Nan rằng: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, mà thường thọ trì, đọc tụng... dẫn đến chánh ức niệm Bát nhã Ba-la-mật, lại thường thưa hỏi về Bát nhã Ba-la-mật, thì phải biết người ấy thường được chư Phật hộ niệm; ở đời trước, người ấy đã từng theo chư Phật, gieo trồng thiện căn, trọn chẳng phát tâm Nhị thừa. Người có tín tâm bất hoại, có trí huệ thanh tịnh như vậy, thì phải biết người ấy đời trước đã cúng dường vô lượng Phật, và đã được vô lượng chư Phật và chư thiên tri thức hộ trì.

Hỏi: *Phật là phước điền vô lượng; người trồng thiện căn nơi phước điền Phật, dù hành thừa pháp nào trong 3 thừa*

pháp, cũng đều đến được Niết bàn cả. Ví như trong kinh Pháp Hoa nói, “Người cầm một cành hoa, một nén hương... cúng dường Phật, ... dẫn đến người chỉ biết niệm Nam mô Phật cũng đều được Phật độ cả”. Như vậy, người hành 5 Ba-la-mật kia chỉ cần quán “không” là có thể vào Phật đạo rồi, đâu cần phải thường hành Bát nhã Ba-la-mật, là pháp khó hành, khó đắc?

Đáp: Phật dạy ngài A Nan rằng: “Phước điền Phật chẳng phải hư dối. Chúng sanh trồng thiện căn nơi đây đều được 3 thừa Niết bàn.

Tuy nhiên, khi tu hành 6 pháp Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, thì hành giả phải dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật để quán chiếu các pháp, mới thấu triệt được tánh không của các pháp, vào được thật tướng pháp; như vậy mới mau được Vô Thượng Bồ Đề, mau thoát ra khỏi sanh tử, khổ đau. Bát nhã Ba-la-mật có công hạnh tối thượng như vậy, nên ta phó chúc cho các người phải hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Hỏi: *Phật là đáng vô ngại giải thoát, thanh tịnh, vi diệu, chẳng còn có lòng tham; chẳng có tham đắm Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy vì sao Phật lại đem Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ngài A Nan, tựa như có tham đắm Bát nhã Ba-la-mật vậy?*

Đáp: Chư Phật vì lợi ích chúng sanh mà xuất thế, lại cũng vì chúng sanh nói những điều lợi ích, nên chẳng có lỗi lầm gì cả. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật tận đoạn được các khổ; Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải do dùng lời nói mà có thể diễn đạt được thâm nghĩa, nên Phật mới đem kinh quyền Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ngài A Nan.

Lại nữa, những người có mặt trong chúng hội thấy Phật ân cần phó chúc cho ngài A Nan như vậy, đã tự niệm rằng,

“Phật đã làm xong đại sự, mà còn quý trọng Bát nhã Ba-la-mật, ắt pháp ấy phải là tôn quý, vi diệu”, nên càng thâm tín Bát nhã Ba-la-mật nhiều hơn nữa.

Ví như có ông trưởng giả giàu có, khi sắp chết, đem tất cả của cải cho các con, nhưng riêng viên ngọc như ý bảo châu, thì ông ân cần phó chúc. Viên bảo châu này trong suốt như hư không, nhưng khi đặt trước các vật lại hiện ra đủ màu sắc vi diệu. Giữ gìn các vật báu khác còn rất khó, huống nữa là gìn giữ như ý bảo châu này, nên ông trưởng giả phải ân cần phó chúc cho các con vậy.

Trong thí dụ này, ông trưởng giả dụ cho Phật; viên như ý bảo châu dụ cho Bát nhã Ba-la-mật.

Phật phó chúc các ngài A Nan rằng: “Ông nên giữ gìn Bát nhã Ba-la-mật, chớ nên để thất lạc. Nếu để mất 12 bộ kinh, thì lỗi ấy cũng nhỏ; còn để mất một câu trong kinh Bát nhã Ba-la-mật, thì phạm lỗi rất lớn”. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là mẹ của 3 đời 10 phương chư Phật, khiến người tu hành thâm pháp ấy mau được Vô Thượng Bồ Đề. Như trong kinh nói chư Phật ở cả 3 đời đều hành Bát nhã Ba-la-mật, mà thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác; cho nên dù thuyết pháp cho hàng Thanh Văn, khiến mọi người đều được A-la-hán cũng chẳng bằng được tự mình hành Bát nhã Ba-la-mật, và dạy người hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Vì sao nói thuyết pháp cho hàng Thanh Văn khắp cõi đại thiên thế giới cũng chẳng bằng được dạy cho hàng Bồ tát, hành Bát nhã Ba-la-mật, dù chỉ dạy một câu mà thôi?*

Đáp: Dạy pháp Thanh Văn trong khắp cõi đại thiên thế giới, thì cũng chỉ là dạy cho chúng sanh về pháp tự độ, nên chẳng sao có thể bằng được dạy cho Bồ tát một câu trong

kinh Bát nhã Ba-la-mật vậy. Vì sao? Vì dạy Bát nhã Ba-la-mật là dạy làm Phật, khiến chúng sanh được đại lợi ích, nên thù thắng hơn nhiều.

Ví như người trồng cây “như ý” sẽ có được quả “như ý”. Pháp Thanh Văn chẳng dạy phát tâm đại bi; còn Bát nhã Ba-la-mật dạy phát tâm đại bi, nên thù thắng hơn nhiều. Thanh Văn tu Tiểu Thừa nhằm tự độ, còn Bồ tát tu Đại thừa nhằm độ tha, nên được công đức vô lượng. Ví như hạt kim cương, tuy nhỏ bé, nhưng có giá trị rất lớn so với các vật báu khác.

Phật dạy: “Bồ tát muốn được Vô Thượng đạo, và cũng muốn độ người, khiến họ được Vô Thượng đạo, nên tự mình hành 6 pháp Ba-la-mật và cũng dạy người hành 6 pháp Ba-la-mật”. Như vậy, Bồ tát thành tựu cả 2 phần công đức, nên thù thắng hơn hàng Thanh Văn.

Phật cũng nêu đủ các điều dẫn chứng cho thấy Bồ tát hành “không” mà chẳng có chấp “không”, nên được vô lượng công đức.

Phật vì thương xót 4 chúng, nên đã hiện thần lực, khiến cả đại chúng đều thấy được thế giới của Phật A Súc; nơi đó Phật A Súc đang thuyết pháp cho 7 chúng Tỷ-kheo tăng. Chỉ có huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn mới thấy được như vậy. Vì sao? Vì chư thiên dùng thiên nhãn và nhục nhãn cũng chẳng sao thấy được pháp vô tướng, vô vi, chẳng biết rằng thế giới ấy hiện ra như huyền, như mộng. Bồ tát quán thế giới ấy là như vậy, và cũng quán các sắc pháp đều là như vậy cả.

Bởi vậy nên Phật phó chúc cho ngài Tu Bồ Đề rằng: “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà vô sở trước, nên là vô sở hành”. Phật tán thán, “Bồ tát vì lợi ích chúng sanh mà phát đại từ bi, hành Bát nhã Ba-la-mật, nhằm độ thoát chúng sanh”. Phật cũng tán thán: “Bát nhã Ba-la-mật là bất khả

tư nghi, là vô tận tướng”, nên đã phó chúc cho ngài A Nan, “Phải hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Kinh tán thán: “Bát nhã Ba-la-mật là trí huệ bất khả tận của chư Phật, nên công đức Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả tận. Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng tướng, nên Bát nhã Ba-la-mật nghĩa cũng là vô lượng.

-o0o-

Ngài A Na hỏi Phật: Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng?

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là tự tướng ly; mà ly là vô sanh, nên là vô tận, vô diệt.

Phật nói tiếp: Trong quá khứ đã có vô lượng chúng sanh được độ, và đã vào Vô Dư Niết bàn. Ở hiện tại và ở vị lai, chúng sanh cũng là vô lượng, nên muốn độ chúng sanh như vậy chẳng khác gì muốn độ hư không. Hư không là vô tận, nên Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng vô tận. Vì các pháp vốn vô sanh, nên chẳng tận vậy. Số kinh điển có hạn lượng; một khi kinh điển bị thất lạc, thì người đời sau chẳng rõ được Bát nhã Ba-la-mật nghĩa, nên Phật mới ân cần phó chúc cho ngài A Nan giữ gìn Bát nhã Ba-la-mật.

Phật lại đem tướng lưỡi rộng dài, để chứng minh cho lời nói chân thật, và phó chúc cho 4 chúng rằng: “Các người hãy vì chúng sanh thuyết giảng, khai thị, phân biệt, khiến chúng sanh dễ hiểu. Ta vì độ chúng sanh mà cúng dường Bát nhã Ba-la-mật, nên ta muốn các người tín thọ Bát nhã Ba-la-mật, và thuyết giảng Bát nhã Ba-la-mật cho chúng sanh nghe. Khi được Bát nhã Ba-la-mật rồi, các người sẽ được vô quái ngại, như chim bay giữ hư không, chẳng gì ngăn ngại vậy”.

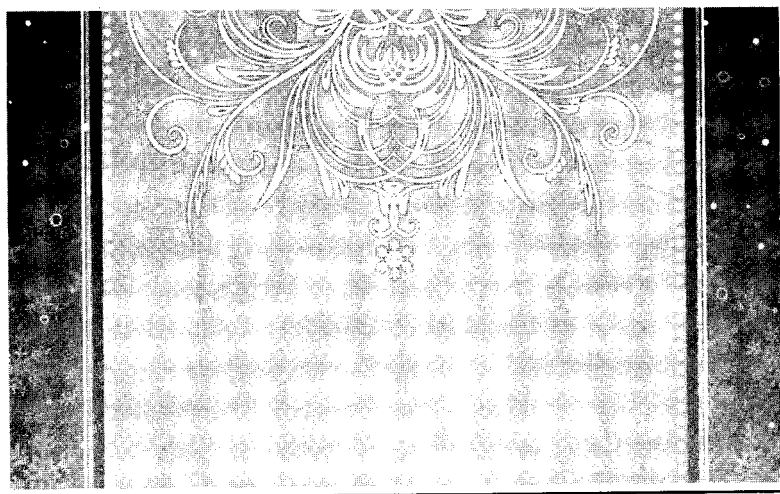
Phật lại dạy ngài A Nan rằng: Hành Bát nhã Ba-la-mật là vào được các “tự môn”, được các đà la ni môn; được các đà la ni rồi, là được biện tài vô ngại. Người thọ trì Bát nhã Ba-la-mật là thọ trì Vô Thượng Bồ Đề của 3 đời chư Phật. Bát nhã Ba-la-mật là đôi chân của người tu hành, vì vào được Bát nhã Ba-la-mật là minh liễu được hết thảy các pháp”.

Hỏi: *Nhờ nghe, mà có được Văn Trì đà la ni. Sao lại nói nhờ hành Bát nhã Ba-la-mật, mà có được các đà la ni?*

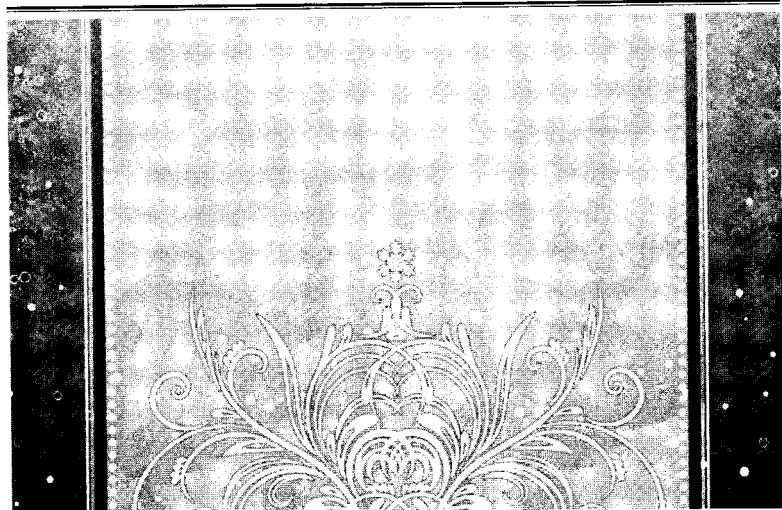
Đáp: Nghe và học các pháp thế gian cũng có được Văn Trì đà la ni, nhưng công năng chỉ có hạn lượng. Ví như hàng ngoại đạo cũng có được Văn Trì đà la ni, nhưng vẫn dễ bị quên sót. Nếu có lực Bát nhã Ba-la-mật, thì được Văn Trì đà la ni rồi, sẽ có thể nghe và ghi nhớ hết các kinh điển, chẳng có quên sót.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là Bát nhã Ba-la-mật. Sao cũng gọi là đà la ni?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật là thật tướng pháp, có đại lợi ích cho chúng sanh, nên được nhiều người ái niệm, và đặt cho nhiều tên, ví như Phật có nhiều danh hiệu vậy. Bát nhã Ba-la-mật là thật trí huệ. Nhờ lực Bát nhã Ba-la-mật mà nghe là liền ghi nhớ, nên được đà la ni v.v... Bát nhã Ba-la-mật hợp với tất cả các pháp, như viên như ý bảo châu đặt trước vật gì liền biến thành sắc của vật ấy vậy.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 80



Phẩm Thứ Sáu Mười Bảy



Bát Khả Tận (Chẳng Cùng Tận)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng: “Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá thậm thâm, ta nên thưa hỏi Phật”. Nghĩ như vậy rồi, ngài bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì hư không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật phải sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc... dẫn đến thức bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; ... dẫn đến vì Nhất thiết chủng trí bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh.

Này Tu Bồ Đề! Vì vô minh không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì hành không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì thức không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì danh sắc không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh, vì 6 nhập không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì xúc không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh, vì thọ không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải

sanh; vì ái không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì thủ không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì hữu không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì sanh không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh; vì lão tử ưu bi khổ não không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh.

Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật của Bồ tát Ma-ha-tát phải sanh. Pháp quán 12 nhân duyên như vậy là pháp riêng của Bồ tát, hay trừ được các biên tế chấp điên đảo. Khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải quán như vậy mới được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Nếu khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát nào dùng pháp hư không bất khả tận để quán 12 nhân duyên, mà chẳng lạc về Nhị thừa địa, thì phải biết Bồ tát ấy đã được an trú nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Bồ tát đạo mà thôi chuyển là người đã xa rời Bát nhã Ba-la-mật. Người ấy chẳng biết, khi hành Bát nhã Ba-la-mật, phải dùng pháp hư không bất khả tận như thế nào để quán 12 nhân duyên.

Này Tu Bồ Đề! Người cầu Bồ tát đạo mà chẳng có các lực phương tiện mới thôi chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát do có đầy đủ các lực phương tiện, nên ở nơi Vô Thượng Bồ Đề chẳng còn thôi chuyển.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải dùng pháp hư không bất khả tận để quán Bát nhã Ba-la-mật; phải dùng pháp hư không bất khả tận để sanh khởi Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát, khi quán 12 nhân duyên, chẳng thấy có pháp nào chẳng phải chẳng do 12 nhân duyên mà sanh; chẳng thấy có pháp nào thường

còn, chẳng có diệt; chẳng thấy có pháp nào có ngã, có nhân, có chúng sanh, có thọ giả... dẫn đến có tri giả, có kiến giả; chẳng thấy có pháp nào là vô thường, là khổ, là vô ngã, là tịch diệt, là chẳng tịch diệt.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải như vậy mà quán 12 nhân duyên.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng thấy sắc là thường hay vô thường, chẳng thấy sắc là khổ hay lạc, chẳng thấy sắc là ngã hay vô ngã, chẳng thấy sắc là tịch diệt hay chẳng tịch diệt. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng đều là như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có dùng pháp ấy khi hành Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thấy có dùng pháp ấy để được Vô Thượng Bồ Đề. Hết thấy pháp bất khả đắc như vậy, là đúng với hạnh Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát hành vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì các ác ma sẽ sầu khổ, như bị mũi tên đâm thủng tim, như có cha mẹ mới chết vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy các ác ma đều sầu khổ như vậy chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khấp cõi đại thiên thế giới, hết thấy các ác ma đều sầu khổ như bị mũi tên đâm thủng tim, chẳng được an ổn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên hết thấy thế gian, trời, người và a-tu-la chẳng thể phá hoại được. Bởi nhân duyên vậy nên Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nếu có được bao nhiêu công đức, Bồ tát cũng đều hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật.

LUẬN:

Phật lần lượt giải rộng về các tướng của Bát nhã Ba-la-mật. Trước hết, Phật nói tướng của Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không; kế đó, Phật đem Bát nhã Ba-la-mật phó chúc cho ngài A Nan, tựa như Bát nhã Ba-la-mật có tướng; sau hết, Phật lại rộng thuyết về nghĩa “không” là nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy thì Bát nhã Ba-la-mật có vô lượng nghĩa, mà văn tự ngữ ngôn thì có hạn lượng, nên các kinh điển chẳng sao có thể diễn bày hết được.

Ngài A Nan tựa nghĩ rằng: “Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật quá thâm thâm, phải nên thưa Phật để được rõ”. Nghĩ như vậy, nên ngài hỏi Phật: Bát nhã Ba-la-mật bất khả tận chăng?

Phật dạy với nội dung: Ta chỉ nói có một phần ít để phá chấp điên đảo của chúng sanh, mà chẳng nói đầy đủ nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì có rất ít người nghe mà thọ hết được. Đối với người còn chấp “như tướng”, thì ta nói với họ rằng “như” cũng là “không”, là chẳng có “sanh, trụ, di, diệt”. Nếu pháp chẳng có

“sanh, trụ, di, diệt”, thì tức là “vô pháp”, là pháp tánh thật tế. Đối với người chấp “rốt ráo không”, thì ta nói với họ rằng “rốt ráo không” là “chẳng có rốt ráo không”. Vì sao? Vì nếu là rốt ráo không, thì chẳng có định tướng, nên cũng chẳng có tướng “rốt ráo không” vậy. Cho nên nói Bát nhã Ba-la-mật là thậm thâm.

Ngài Tu Bồ Đề lại tự nghĩ rằng: “Chư Phật, trong ba đời và khắp 10 phương, do hành Bát nhã Ba-la-mật mà được đạo. Như vậy, Bát nhã Ba-la-mật phải là bất khả tận”. Nghĩ như vậy, nên ngài hỏi Phật về nghĩa bất khả tận.

Phật dạy: Như hư không bất khả tận, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng bất khả tận. Như hư không là chẳng phải pháp, chỉ có ở nơi danh tự, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy. Như hư không là vô sở hữu, nên là bất khả tận, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Vì sao Bát nhã Ba-la-mật phải sanh? Vì sao Bồ tát sanh tâm hành Bát nhã Ba-la-mật cùng 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Sắc bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh. Sắc sanh, sắc trú, sắc di, sắc diệt đều là bất khả đắc, thì sắc ở nơi sắc sanh cũng bất khả đắc, mà ly sắc sanh, thì sắc cũng bất khả đắc.

Sanh bất khả đắc, thì sắc sanh cũng bất khả đắc. Cho nên nơi sanh bất khả đắc, thì sắc bất khả đắc; sắc bất khả đắc, thì sanh bất khả đắc. Cả hai pháp đó đều bất khả đắc, nên sắc là như huyền, như mộng, chỉ làm cho người lầm chấp mà thôi. Sắc có sanh, mới có tận; nếu sắc là vô sanh, thì cũng là vô tận vậy. Thật tướng của sắc là thật tướng của Bát nhã Ba-la-mật, nên nói sắc bất khả tận, thì Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng đều là như vậy.

Lại nữa, vì vô minh của chúng sanh bất khả tận cũng như hư không bất khả tận, nên Bát nhã Ba-la-mật phải sanh. Vì sao? Vì chỉ quán rốt ráo không, thì rơi về chấp đoạn; nếu chỉ chấp thường, thì do thường kiến mà phải bị rơi về chấp thường. Phải xa lìa cả hai chấp đoạn và thường, thì mới chẳng có lỗi lầm. Cho nên nói phải dùng pháp hư không bất khả tận để quán 12 nhân duyên. Vì sao? Vì các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh là chẳng có định tướng; mà pháp chẳng có định tướng tức là pháp rốt ráo không, là tịch diệt tướng, là lìa cả hai bên, nên mới giả danh nói đến “trung đạo”. Nếu dùng pháp hư không bất khả tận, tức là dùng vô pháp, để quán 12 nhân duyên, thì cũng biết rõ “si tánh” cũng do nhân duyên sanh, nên cũng chẳng có tự tướng; mà đã chẳng có tự tướng, thì cũng là rốt ráo không, như hư không vậy.

Lại nữa, các pháp đều do nhân duyên hòa hợp sanh, nên là chẳng có thật. Như trong kinh nói: “Do mắt thấy trần mà khởi sanh niệm về xúc”. Thế nhưng “xúc niệm” ấy là do “si tâm” sanh ra, chẳng phải ở nơi sắc trần, chẳng phải ở nơi nội tâm, chẳng phải ở nơi ngoại cảnh, cũng chẳng phải ở chặng giữa, nên là bất khả đắc. Vì sao? Vì các pháp đều là “như tánh”. Người có trí huệ biết rõ phàm phu, do bị vô minh che tâm trí, mà chấp có “si tánh”; biết rõ thật tướng của si mê chính là thật tướng của trí huệ. Phàm phu, do chấp tướng, mà thành si mê, mà chẳng biết rằng “si mê” và “trí huệ”, ở nơi thật tướng, vốn là thanh tịnh, là như hư không. Bởi vậy, nên nói: “Người quán được như vậy mà hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, đó là người hành Bát nhã Ba-la-mật”.

Hỏi: *Nếu nói chẳng có vô minh, chẳng có hành... thì như vậy vì sao lại nói đến 12 nhân duyên?*

Đáp: Ở đây, phải xét “12 nhân duyên” theo 3 trường hợp khác nhau. Đó là:

1. Phàm phu dùng nhục nhãn chỉ thấy một cách điên đảo. Do tâm chấp ngã, chấp pháp, mà phải qua lại trong 6 đường sanh tử.

2. Chư Thánh Hiền dùng pháp nhãn phân biệt các pháp, nên nhàm chán sanh tử, muốn ra khỏi thế gian, vì biết rõ nhân duyên phiền não kết thành nghiệp mà có “sanh”; trái lại, nếu chẳng có phiền não thì cũng chẳng có “sanh. Lại nữa, do biết rõ nhân duyên sanh ra phiền não là vô minh, nên phải xả; biết rõ nhân duyên tu tri giới, thiền định, trí huệ là gốc của thiện căn dẫn đến Niết bàn, nên phải thủ. Lại nữa, do biết các pháp chẳng có định tướng, theo nhân duyên mà hư vọng tương tục sanh, nên xả các chấp về tri giả, kiến giả. Người tu hành biết rõ các pháp đều là hư giả, chẳng thật có, nên chẳng khởi sanh hý luận. Do vậy mà diệt được các khổ.

3. Chư vị đại Bồ tát là những bậc lợi căn, thượng trí, quán rõ căn bản của 12 nhân duyên, nên chẳng lo, chẳng sợ; biết rõ các pháp chẳng có định tướng, đều là rốt ráo không, chỉ giả danh có; biết rõ do khởi tâm phân biệt mới có các pháp tướng, mà các pháp tướng đều là bất khả đắc cả. Ví như nói đầu tóc bạc là tướng già, nhưng tướng đầu tóc bạc và tướng già đều là bất khả đắc cả, nên là chẳng có tướng già vậy. Người thế gian thường nói người già có đầu bạc, răng long, mặt nhăn, cơ thể suy nhược, các căn ám độn v.v..., nhưng thật ra tướng già chẳng phải là hoàn toàn như vậy. Vì sao? Vì đầu bạc chẳng phải chỉ người già mới có, mà rất nhiều người trẻ cũng có; lại có người già mà còn sáng suốt, lanh lợi, trong lúc đó có rất nhiều người trẻ ám độn, si mê; lại có người già vẫn còn mạnh mẽ, tráng kiện, trong lúc đó có rất nhiều người trẻ suy nhược, gầy yếu. Như vậy là “già” và “trẻ” đều chẳng

có định tướng, chỉ do các nhân duyên hòa hợp, mà giả danh có tướng già hay tướng trẻ đó thôi.

Lại có thuyết nói: “Tướng hoại của 5 âm là tướng già”. Cũng chẳng phải là như vậy. Vì sao? Vì hết thấy pháp hữu vi đều niệm niệm sanh diệt, chẳng có trú, nên là vô tướng; nếu các pháp chẳng có tướng, thì chẳng có tướng già vậy. Còn nếu nói các pháp hữu vi có trú, thì chẳng phải là vô thường, nếu chẳng phải là vô thường thì tức là thường; nếu là thường, thì chẳng có phân biệt già với trẻ; nếu các pháp chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, thì là rốt ráo không, mà trong rốt ráo không, thì chẳng có tướng sanh, huống nữa là tướng già, nên chẳng có già hay trẻ vậy.

Như vậy là Bồ tát biết rõ hết thấy các nhân duyên cầu pháp đều là bất khả đắc; vì là bất khả đắc, nên là vô tướng, là như hư không; vì là bất khả đắc, nên là bất khả tận. Tất cả 12 nhân duyên, từ vô minh... dẫn đến lão tử đều là như vậy cả.

Bởi vậy nên muốn phá vô minh, Bồ tát quán các pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, là bất khả đắc, mà cũng chẳng sanh tâm chấp các pháp là như vậy, nên ở nơi hết thấy chúng sanh thường trải rộng tâm đại bi, chẳng rời bỏ chúng sanh vậy.

Những lời giải bày trên đây cho thấy rõ phạm phu, Nhị thừa và Bồ tát có cách nhìn hoàn toàn khác nhau về 12 nhân duyên:

- Phạm phu, do ngu si, nên ở các pháp hư vọng mà khởi các chấp điên đảo, khiến phải thọ bao nhiêu khổ não, chẳng sao thoát ra khỏi chu trình khép kín của 12 nhân duyên được.

- Hàng Nhị thừa, do chưa vào được vô sanh pháp nhẫn, nên ở nơi 12 nhân duyên, chẳng rốt ráo cầu CÓ, hay cầu KHÔNG.

- Bồ tát, từ khi vào được vô sanh pháp nhẫn... dẫn đến khi tọa đạo tràng, thường dùng pháp hư không bất khả tận

để quán 12 nhân duyên, từ vô minh... dẫn đến lão tử, đều bất khả đắc, đều là như hư không bất khả tận. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thâm quán 12 nhân duyên như vậy, nên ly được cả hai biên điên đảo, ly CÓ và cũng ly KHÔNG, ly thường và cũng ly đoạn.

-o0o-

Ở nơi đây, cũng nên biết có hai loại phiền não:

- Hàng ngoại đạo, do tà kiến chấp, mà sanh phiền não.

- Chúng sanh, do si mê điên đảo, mà sanh phiền não. Khi Bồ tát, tọa đạo tràng, dùng pháp hư không bất khả tận, quán 12 nhân duyên như đã nói trên đây, thì cả hai loại phiền não đều diệt sạch. Bởi vậy nên nói pháp quán 12 nhân duyên như vậy là thâm pháp. Trong kinh *Thí Dụ*, Phật dạy rằng: “Khi chưa được đạo, ta tư duy về trường hợp đáng thương xót của chúng sanh cứ mãi qua lại trong các đường sanh tử, mà chẳng sao tìm được lối thoát”. Tức thời, ta tự nghĩ, “Vì nhân duyên gì mà có sanh, già, bệnh, chết? Từ đó, ta tầm cầu được thật trí huệ bằng 3 pháp quán, đó là quán không, quán giả và quán trung đạo. Đến khi tọa đạo tràng, ta mới đầy đủ 3 pháp đó”.

Phật quán các pháp nhân duyên như vậy, nên vượt qua hàng Nhị thừa, thẳng đến Nhất thiết chủng trí. Nếu người cầu Phật đạo, mà chẳng tu được pháp quán thâm này, thì sẽ bị thối tâm; trái lại, nếu tu được pháp quán này, thì sẽ chẳng bị thối tâm.

Vì sao? Vì khi đã thâm nhập vào nơi rốt ráo không, mà chẳng trú trong không, để quán các nhân duyên pháp sanh, thì chẳng thấy bất cứ pháp nào mà chẳng do nhân duyên hòa hợp sanh ra cả. Nhưng nếu biết rõ các pháp đều chẳng tự tại,

đều do nhân duyên sanh, mà tà chấp về nhân duyên, chẳng thấy được rằng nhân duyên sanh cũng là vô nhân duyên sanh, là như hư không bất khả tận, thì như vậy cũng chẳng thấy rõ được thật tướng các pháp vậy.

Bồ tát quán biết các pháp đều do nhân duyên sanh là chẳng tự tại, mà chẳng chấp về nhân duyên sanh pháp, nên biết rõ các pháp đều chẳng có ngã... dẫn đến chẳng có tri giả, kiến giả.

Bồ tát quán 12 nhân duyên như vậy, nên an trú trong rốt ráo không; ở trong 12 nhân duyên, Bồ tát chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có dụng hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy có hành Bát nhã Ba-la-mật mà được Vô Thượng Bồ Đề. Như vậy gọi là Bồ tát dụng vô sở đắc hành Bát nhã Ba-la-mật, được vô sở đắc Bát nhã Ba-la-mật, nên ở nơi hết thảy pháp đều được vô quái ngại.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy khiến các ác ma phải ưu sầu, khổ não. Vì sao? Vì do thâm nhập vào quán pháp 12 nhân duyên rốt ráo không như vậy, nên Bồ tát chẳng còn chấp CÓ, chẳng còn chấp KHÔNG, ở nơi các pháp được bình đẳng, chẳng lọt vào 62 tà kiến chấp của ngoại đạo, ra khỏi lưới ma.

Bồ tát quán hết thảy các pháp đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc, chẳng có pháp nào lọt vào trong lưới ma, khiến các ác ma phải ưu sầu, tuyệt vọng. Cũng như người đánh cá căng lưới, mà nếu cá đều hoặc lặn sâu xuống đáy biển, hoặc nhảy qua khỏi lưới, chẳng có con cá nào lọt vào lưới, thì người ấy sẽ rất ưu sầu, tuyệt vọng vậy. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được đầy đủ các Ba-la-mật khác, vì mọi tà chấp đều bị tiêu trừ.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Vì sao hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà được đầy đủ các Ba-la-mật khác?

Phật dạy: Khi hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nếu có được bao nhiêu công đức, Bồ tát đều hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật được đầy đủ các Ba-la-mật khác.

Ví như người lợi căn khi hành bố thí, dù nhiều hay ít, đều đem công đức bố thí hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, nhằm phá các hý luận điên đảo. Khi đã được đầy đủ các tín lực nơi pháp “không” rồi, thì chẳng còn niệm Nhất thiết chủng trí nữa, mà chỉ trực nhập vào thật tướng pháp.

Nên biết có 2 hạng người chẳng được đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Đó là:

- Người có tín lực nhiều mà huệ lực ít.
- Người có huệ lực nhiều mà tín lực ít.

Bởi vậy nên Phật dạy: Phải có tín lực và huệ lực bình đẳng, mới có thể hồi hướng Nhất thiết chủng trí được.

Niệm Nhất thiết chủng trí là phương tiện dẫn sanh tín lực. Y theo Nhất thiết chủng trí mà hồi hướng là phương tiện dẫn sanh huệ lực. Đối với Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Phẩm Thứ Sáu Mười Tám



Lục Độ Tương Nhiếp (Sáu Độ Nhiếp Lẫn Nhau)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thi Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ tát đem tất cả công đức bố thí hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, và dùng từ tâm để khởi các từ nghiệp ở “thân, khẩu và ý” đối với tất cả chúng sanh.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thi Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Săn Đề Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, dù bị người thọ thí mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát vẫn nhẫn chịu, chẳng hề sanh tâm sân hận.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Săn Đề Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, dù bị người thọ thí mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát tự nghĩ rằng: “Ta vẫn phải hành bố thí, chẳng nên hối tiếc, chẳng nên thối tâm”. Nghĩ như vậy rồi, tức thời Bồ tát khởi sanh thân tâm tinh tấn.

Như vậy gọi là Bồ tát trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thiên Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ tát đem tất cả công đức bố thí hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, mà chỉ nhất tâm niệm Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thiên Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành bố thí, Bồ tát biết rõ bố thí là không, là như huyễn, lại cũng chẳng thấy vì chúng sanh mà bố thí là có ích hay chẳng có ích.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi

Ba-la-mật, khởi sanh công đức bố thí ở nơi cả 3 nghiệp “thân, khẩu và ý”, rồi đem công đức bố thí hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng vọng ngữ, chẳng lưỡng thiệt, chẳng ác khẩu, chẳng ỷ ngữ, chẳng xan tham, chẳng sân nhuế, chẳng tà kiến, lại thường hành bố thí, như thấy người đói thì cho họ ăn, thấy người khát thì cho họ uống, thấy người cần áo quần thì cho họ áo quần, thấy người cần chăn mền thì cho họ chăn mền, thấy người cần đèn thắp thì cho họ đèn để thắp sáng, thấy người cần thuốc men thì cho họ thuốc men..., dẫn đến thấy người thiếu các vật dụng cần thiết gì thì cung cấp cho họ đầy đủ; rồi đem công đức bố thí hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật biết có kẻ ác đến mắng nhiếc hay hành hung, mà vẫn chẳng hề sanh một niệm sân hận, vì tự nghĩ rằng: “Người ấy đem lại đại lợi ích cho ta, giúp ta chẳng dấy một niệm sân hận”.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật, mà nhiếp Săn Đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật, thường giữ thân tâm tinh tấn, tự nghĩ rằng: “Chúng sanh đang chìm đắm trong sanh tử, ta phải cứu vớt họ, giúp họ được vị Cam Lộ”.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi Ba-la-mật, nhập vào sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên mà chẳng chứng quả Nhị thừa, mà lại tự nghĩ rằng: “Ta phải trú trong Thiên Ba-la-mật để độ hết thấy chúng sanh”.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Thiên Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thi Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp khả đắc, dù là pháp hữu vi, dù là pháp vô vi, thấy hết thấy pháp tợ có sanh diệt, mà đều là như tướng cả. Do có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thi La Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Ở phẩm trước, ngài Tu Bồ Đề đã nêu câu hỏi, “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào để được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật?”. Ở phẩm này, ngài Tu Bồ Đề lại nêu câu hỏi, “Thế nào gọi là hành một pháp Ba-la-mật mà nhiếp được cả 5 Ba-la-mật kia?”

Cả 6 pháp Ba-la-mật đều có tướng niệm riêng khác. Như vậy là sao có thể hành một pháp Ba-la-mật mà nhiếp được cả 5 pháp Ba-la-mật kia?

Đáp: Do Bồ tát có lực phương tiện, nên hành một pháp Ba-la-mật là có thể nhiếp được 5 pháp Ba-la-mật kia.

Lại nữa, các nhân duyên quả báo hữu vi tương tục nối tiếp; do vậy các pháp mới nương vào nhau mà tương sanh, tương khởi.

Bát nhã Ba-la-mật là thiện pháp, 5 pháp Ba-la-mật kia

cũng là thiện pháp, nên hành một thiện pháp, là nhiếp được cả 5 thiện pháp kia.

Khi có một Ba-la-mật làm chủ tác, thì 5 Ba-la-mật kia cũng giúp phần vào sự tác hành của Ba-la-mật đó.

-o0o-

Ví như khi Bồ tát an trú trong Đàn Ba-la-mật, thì đồng thời cũng nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia:

* Khi bố thí, Bồ tát dùng tâm từ, khởi các từ nghiệp ở “thân, khẩu và ý” đối với hết thảy chúng sanh.

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà nhiếp Thi La Ba-la-mật vậy. Vì sao? Vì “từ” là gốc của 3 thiện căn “vô tham, vô sân và vô si”, thường dẫn sanh các từ nghiệp “thân, khẩu và ý”. Các từ nghiệp này có thể lực đem lại sự an lạc, lợi ích cho chúng sanh.

* Khi bố thí, nếu gặp trường hợp người thọ thí mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát vẫn nhẫn chịu, chẳng khởi sân hận, vì tự nghĩ rằng: “Ta chẳng nên khởi sân nhuế với họ. Vì ta phước mỏng, chẳng có được đủ tài vật để hành bố thí, nên họ mới mắng nhiếc, hành hung ta. Nếu ta sân với họ, thì ta sẽ tự làm mất hết công đức bố thí của ta. Do vậy, ta phải nhẫn nhục đối với họ”.

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Săn Đê Ba-la-mật vậy.

* Khi hành Bồ thí, nếu gặp kẻ ác đến mắng nhiếc, hành hung. Bồ tát vẫn chẳng xả tâm bố thí, vẫn tinh tấn hành bố thí, vì tự nghĩ rằng: “Ở đời trước, khi hành bố thí ta có những ý niệm chẳng được tốt, nên nay ta chẳng làm cho người thọ

thí được vừa lòng. Mặc dù vậy, ta vẫn phải siêng năng, tinh tấn hành tịnh thí”.

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Tỳ Lê Gia Ba-la-mật vậy.

* Khi bố thí, Bồ tát chẳng cầu phước lạc ở đời này và cả đời sau, chẳng cầu thế gian thiên định lạc, chẳng nhiếp ý chúng sanh, chẳng để tâm tán loạn, mà chỉ nhiếp Bát nhã Ba-la-mật mà thôi.

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Thiên Ba-la-mật vậy.

* Khi hành bố thí, Bồ tát thường quán các pháp hữu vi là chẳng kiên cố, là như huyễn, như mộng. Bồ tát cũng chẳng cho việc bố thí là có ích hay chẳng có ích. Vì sao? Vì Bồ tát biết rằng việc bố thí chưa chắc đã đem lại sự an vui cho người thọ thí. Ví như: Cho họ quá nhiều thức ăn có thể làm họ bị bội thực mà chết, cho họ quá nhiều tiền của có thể khiến họ bị kẻ xấu cướp bóc hay làm hại đến thân mạng; cho họ quá nhiều tiền của có thể khiến họ trở thành xan tham, dẫn đến quả báo phải đọa ngạ quỷ v.v... Bồ tát cũng biết rõ tài vật là pháp hữu vi, niệm niệm sanh diệt, là vô thường, là tán hoại, là nhân sanh các khổ; lại cũng biết rõ, ở nơi thật tướng, thì tài vật là rốt ráo không. Do vậy mà Bồ tát chẳng sanh tâm phân biệt việc bố thí có lợi hay chẳng có lợi cho người thọ thí. Khi bố thí, Bồ tát chẳng cầu người thọ thí đền ơn đáp nghĩa, chẳng cầu quả phước báo, nên dù người thọ thí chẳng muốn trả ơn, cũng chẳng có sanh tâm sân hận, chấp trước, vì nghĩ rằng: “Các pháp đều là rốt ráo không, ta cần phải hành bố thí như tướng vậy”.

Như vậy là Bồ tát hành Đàn Ba-la-mật mà có nhiếp Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Hỏi: *Vì sao người tu thường đặt “giới” lên hàng đầu?*

Đáp: Người ở cõi Dục thường bị tâm tán loạn, nên cần phải trì giới. Khi đã được đầy đủ trì giới rồi mới phát khởi được các thiện nghiệp ở “thân, khẩu và ý”. Có trì giới thanh tịnh mới sanh thiên định, trí huệ, dẫn đến được Niết bàn, giải thoát.

Hàng Thanh Văn còn chấp có tịnh thiên định, có “học pháp”, có “vô học pháp”, còn Bồ tát trì giới bình đẳng, chẳng chứng Nhị thừa, mà chỉ an trú trong Thi La Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong Đàn Ba-la-mật và Thi La Ba-la-mật hồi hướng các công đức bố thí và trì giới về Phật đạo, nên chẳng lạc về Nhị thừa địa. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng làm hai việc phá giới là:

- Theo các nghiệp đạo bất thiện.
- Hồi hướng về Nhị thừa đạo.

Vì Bồ tát chẳng chấp tướng, nên ở hai việc đó, đều được thanh tịnh trì giới cả.

Lại nữa, vì có thêm các pháp Ba-la-mật khác trợ giúp, nên Bồ tát an trú nơi Thi La Ba-la-mật chẳng còn sanh một niệm sân, huông nữa là khởi các ác nghiệp.

Hỏi: *Bất cứ vật sở hữu nào của mình bị xâm phạm mà mình nhẫn được, cũng đều là hành nhẫn nhục cả. Vì sao chỉ nói riêng về thân thể mà thôi?*

Đáp: Nói về vật sở hữu, nên phân biệt có nội vật sở hữu và ngoại vật sở hữu. Nội vật sở hữu liên hệ đến thân thể của mình, như đầu, mắt, tay, chân, tủy, não v.v... Còn ngoại vật sở hữu là những vật sở hữu ở bên ngoài thân thể của mình, như nhà cửa, ruộng vườn, tiền của v.v....

Của cải dù nhiều đến đâu, cũng chỉ dùng để phục vụ

cho đời sống. Người đời thường rất tham đắm của cải. Thế nhưng, khi gặp cơn nguy biến bức bách, do tham sống sợ chết, nên lại sẵn sàng vứt bỏ hết của cải, để bảo toàn mạng sống của mình.

Bồ tát, vì lợi ích chúng sanh, sẵn sàng bố thí thân mạng của mình. Đó là việc mà người đời khó có ai làm được.

Hỏi: *Vì sao Bồ tát chịu nhẫn nhục, mà chẳng sanh một niệm sân hận? Nếu là thân biến hóa, thì bố thí thân ấy chẳng phải là việc khó làm. Nhưng nếu là thân do cha mẹ sanh ra, thì khi bố thí thân ấy làm sao mà chẳng sanh một niệm sân được?*

Đáp: Trong vô lượng kiếp, Bồ tát đã vì chúng sanh khởi từ tâm, thương chúng sanh như mẹ thương đàn con dại.

Dù con cái có làm những điều sai trái, cha mẹ vẫn chẳng sân hận. Cũng như vậy, dù chúng sanh có làm điều ác đối với mình, Bồ tát chẳng khởi niệm sân đối với họ, vì biết rằng do si mê mà họ có hành động như vậy.

Lại nữa, trải qua vô lượng kiếp tu tập pháp “không”, Bồ tát biết người thiện, kẻ ác đều là như huyền, như hóa; biết rõ sân nhuế là do ngu si, nên chẳng khởi sân nhuế đối với chúng sanh.

Bồ tát nghĩ rằng, “Chỗ đáng sân mà ta chẳng sân, thì như vậy mới có đại lợi ích”.

Bồ tát hành Tỳ Lê Gia Ba-la-mật, an trú trong Thi La Ba-la-mật. Với thâm tâm thương tinh tấn, Bồ tát giữ tất cả các giới của hàng xuất gia và hàng tại gia, thâm nhập vào thật tướng pháp, thắng hơn các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, nên được đầy đủ Thi La Ba-la-mật.

Bồ tát tự nghĩ rằng: “Ta nay đã xuất gia, hành Bồ tát đạo, chẳng nên nói trì giới suông, mà phải trú trong các công đức”.

Ví như người trèo lên núi để tìm ngọc quý, mà chỉ lượm nhặt toàn hạt thủy tinh, thì chẳng có lợi ích gì. Cũng như vậy, Bồ tát muốn được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật, phải giữ thân tâm tinh tấn, thường hành bố thí, dù phải bố thí thân mạng để làm lợi ích cho chúng sanh. Do tinh tấn hành bố thí như vậy, nên Bồ tát chẳng để cho xan tham, sân hận dấy khởi, dù chỉ là 1 niệm thôi.

Do thường giữ thân tâm tinh tấn, lại do biết rõ chúng sanh đang chìm đắm trong bể khổ sanh tử, nên Bồ tát tự nguyện, “Ta phải nhiếp độ chúng sanh, đưa chúng sanh đến đất Cam Lô”.

Hàng Thanh Văn tu tập vì tự độ, mà còn chẳng giải đãi, huống nữa là Bồ tát tu tập vừa phải tự độ và độ tha. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng bao giờ được giải đãi; dù thân mệt nhọc, vẫn phải giữ tâm tinh tấn. Vì nếu chẳng vận dụng được pháp Đại thừa, nếu chẳng có được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng được chư Phật hộ niệm, mà chỉ muốn thủ chấp thiên vị.

Bồ tát trú trong Thi La Ba-la-mật mà chưa có được vô sanh pháp nhẫn, thì cũng còn dễ bị cơn gió phiền não thổi trốc gốc nguyện Bồ Đề, khiến Thi La Ba-la-mật cũng bị hoại luôn. Trong trường hợp này, Bồ tát phải cầu thiên định lạc nhằm trừ 5 dục lạc; khi trừ được 5 dục lạc rồi, thì giới mới được thanh tịnh; dù chưa đoạn sạch phiền não mà đã có quyết tâm dẹp phiền não, nên chẳng còn sanh tâm tán loạn nữa.

Ví như rắn độc bị lực của chú thuật chế ngự, thì chẳng thể dùng nọc độc để gây tai họa được.

Cũng như vậy, người tu thiên định, khi đã có đầy đủ thiên định lực rồi, thì chẳng còn lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa, chẳng còn trú chấp Niết bàn Tiểu thừa mà chỉ trú Thiên Ba-la-mật, quyết tâm độ hết thầy chúng sanh, nên chỉ

hành thật tướng pháp; lại còn chẳng bị sân nhuế và tham dục làm ô trược, nên giữ được tâm thanh tịnh, nhu nhuyễn, thường sanh thật trí huệ.

Bồ tát trú Thi La Ba-la-mật, nhập vào thâm thiền định, được tâm thanh tịnh, nhu nhuyễn, mới như thật biết các pháp. Ví như biết rõ các pháp hữu vi đều do duyên hòa hợp sanh; nếu lấy huệ nhãn mà quán, thì thấy rõ các pháp hữu vi đều là hư vọng, chẳng có thật, chỉ giả danh có, chỉ là tướng pháp mà thôi. Bồ tát cũng biết rõ do đối đãi với hữu vi mà giả lập có vô vi; biết rõ hữu vi tướng là bất khả đắc, thì vô vi tướng cũng là như vậy.

Hỏi: *Hữu vi pháp có tướng, vô vi pháp chẳng có tướng. Vì sao nói hữu vi pháp cũng là vô tướng?*

Đáp: Phải hiểu “vô vi” theo hai nghĩa. Đó là:

- Vô tướng tịch diệt Niết bàn.
- Tương đãi với hữu vi, là chẳng do duyên sanh.

Pháp hữu vi đã là tự tướng không, thì cũng chẳng có pháp vô vi vậy.

Phàm phu do chấp tướng, mà thấy các pháp có “hữu vi”, có “vô vi”, mà chẳng biết rằng ở nơi thật tướng, thì các pháp, dù là hữu vi hay là vô vi, cũng đều là vô tướng, là như pháp tánh thật tế cả.

Hỏi: *Trước nói hữu vi pháp là chẳng thật có, nên cũng chẳng có vô vi pháp. Nay vì sao nói hữu vi pháp và vô vi pháp đều là như pháp tánh thật tế?*

Đáp: Có người nghe nói pháp hữu vi là vô tướng, mà chẳng còn chấp “vô thường, khô, vô ngã, bất tịnh”, nhưng nếu

còn chấp “thường, lạc, ngã, tịnh”, thì cũng là lầm lạc. Phải vì họ nói các pháp tướng ấy đều là hư vọng, chẳng thật có.

Lại có người nghe nói “không”, mà nghi rằng: “Nếu là không, thì sao các pháp có sanh”. Phải vì họ nói phải ly “hữu sanh pháp”, mà cũng chẳng chấp “vô sanh pháp”, vì đều chẳng có định tướng có thể chấp.

Bồ tát có trí huệ và lực phương tiện như vậy, lại thêm có bốn nguyện đại bi, nên chẳng tác chứng Nhị thừa đạo, mà thẳng đến Vô Thượng đạo. Như vậy gọi là Bồ tát trú Thi La Ba-la-mật, mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia.

(Hết quyển 80)

QUÝ PHẬT TỬ PHÁT TÂM ĐÁNH VI TÍNH
(Bộ Luận Đại Trí Độ)

- Đinh Ngọc Cát Kỳ
- Huỳnh Thị Mi Sinh và một số ý tá Bệnh viện Nguyễn Tri Phương, Q.5.
- Lê Thị Thanh Hòa
- Quách Thị Ngọc Chi
- Quách Thị Ngọc Trâm
- Tiêu Ngọc Duy
- Trần Hải Lê
- Nguyễn Văn Thuận
- Nguyễn Minh Tân
- Nguyễn Minh Thảo
- Giác Hạnh Thanh
- Giác Hạnh Đức.

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
(trọn bộ 5 tập)
Thích nữ Diệu Không dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Bùi Việt Bắc

Biên tập:
Ngô Liêm Khoan

Sửa bản in:
Quảng Tâm & Hạnh Đức

Trình bày: **Ngọc Ánh**

Thiết kế bìa: **Lệ Tâm**

In lần thứ nhất 1000 bộ, khổ 14 x 20 cm tại xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 333-2010/CXB/41-08/TĐ cấp ngày 23 tháng 02 năm 2011. In xong và nộp lưu chiểu tháng 05 năm 2011.

